Lời Thưa

Chư vị độc giả quý mến, ở tập 1 của *Con Trai Đức Phật* chúng tôi đã giới thiệu đến chư vị 5 vị tôn giả: Tôn Giả Sāriputta (Xá-lợi-phất) - Bậc Đệ Nhất Trí Tuệ, Tôn Giả Mahā Moggallāna (Đại Mục-kiền-liên) - Bậc Đệ Nhất Thần Thông, Tôn Giả Mahā Kassapa (Đại Ca-diếp) - Bậc Đệ Nhất Đầu-đà, Tôn Giả Ānanda (A-nan-đà) - Bậc Đệ Nhất Đa Văn, Tôn Giả Upāli (Ưu-bà-ly) - Bậc Đệ Nhất Thông Luật.

Khi chư vị tìm từ khóa "Thập Đại Đệ Tử của đức Phật" trên Internet, chúng ta có thể thấy một vài bất cập sau:

1- Về số thứ tự 1, 2 thì phải là hai tôn giả Sāriputta (Xá-lợi-phất) và tôn giả Mahā Moggallāna (Đại Mục-kiền-liên) vì hai vị đã được đức Phật tấn phong là Đại Đệ Tử với sự xác chứng: *"Sāriputta và Moggallāna được sinh ra từ cửa miệng của Như Lai, từ giáo pháp của Như Lai…"* Còn tôn giả Mahā Kassapa (Đại Ca-diếp) xuất gia sau 2 vị trên và đức Phật chỉ trả lại công hạnh đầu-đà cho ngài theo dòng tâm cũ, ước nguyện cũ. Một vài nơi đặt để tôn giả Mahā Kassapa đầu tiên là thiếu cẩn trọng.

2- Tôn giả Rāhula (La-hầu-la) nơi nào cũng đặt vào Thập Đại Đệ Tử là không đúng. Rāhula là con Phật, 20 tuổi thọ tỳ-khưu, 21 tuổi đắc quả A-la-hán, sau đó Niết-bàn tại cung trời Đao Lợi; và ngài hầu như không có công đức lớn lao nào đối với Giáo hội và tăng đoàn. Lại nữa, đôi nơi còn đặt Tôn giả Rāhula ở trên cả tôn giả Ananda… theo tôi như vậy là thiếu nghiêm túc.

3- Đức Phật và chư tăng thuở ấy chỉ mặc tấm y nội, choàng mảnh y ngoại và đắp vai tấm y 2 lớp – chứ không *"mặc áo có tay"* như trong đa phần các hình ảnh chúng ta thấy trên Internet (mặc áo có tay này là sản phẩm của Trung Quốc, người Ấn Độ xưa nay cũng chỉ choàng những mảnh vải). Việc tạc tượng 10 vị, ở đâu đó còn giữ đúng cách mặc y vàng, có vài nơi lại choàng kiểu y rất lạ lùng. Chúng ta phải biết tôn trọng sự thật lịch sử.

Ngoài ra, chúng ta nên biết thêm rằng, thống kê 10 vị Đại Đệ Tử là việc làm của người đời sau – vì thời Phật, theo Nam tạng lại có 80 vị Đại Đệ Tử, 40 vị cánh tay trái của đức Phật, 40 vị cánh tay phải của đức Phật. Còn như trong Tăng Chi Bộ kinh, phẩm *"Những Người Tối Thắng"* (Q1. chương 14), lại có đề cập Đại Đệ Tử của đức Phật, trong đó có 41 vị tỳ-khưu, 13 vị tỳ-khưu-ni, 11 vị nam cư sĩ và 10 vị nữ cư sĩ. Do vậy, soạn phẩm *Con Trai Đức Phật* này chỉ có tính ước lệ khi chúng tôi đưa ra 21 vị - vì họ có tư liệu tương đối đầy đủ, còn chư tôn giả còn lại, tư liệu không tìm ra, đôi vị chỉ có mấy dòng!

Trong tập 2 *Con Trai Đức Phật*, chúng tôi tiếp tục gửi

đến chư vị thông tin về 6 vị Thánh Tăng Đại Đệ Tử, 3 vị Thánh Tăng đặc biệt và 8 Cư Sĩ ưu việt của đức Phật.

Cuối cùng, chúng tôi thành thật xin lỗi chư độc giả về những chỗ bất cập, thiếu sót ở đâu đó không tránh được trong soạn phẩm này vì trình độ có hạn. Thế gian nói *"gương người tốt, việc tốt"*, còn ở đây là *"gương Thánh, hạnh Thánh"* để soi đường chỉ lối cho tất cả chúng ta giữa trần gian khổ hải, trong đêm đen sinh tử cùng tìm về cội nguồn Giải Thoát và Tự Do.

Mong vậy thay!

Trân trọng,

Rừng Thiền HKST, Ngọa Tùng Am
Cuối Mùa An Cư 2022
Tỳ-khưu Giới Đức
(Minh Đức Triều Tâm Ảnh)

Vị Thứ Sáu

Tôn Giả Anuruddha

(A-Na-Luật)

Bậc Đệ Nhất Thiên Nhãn

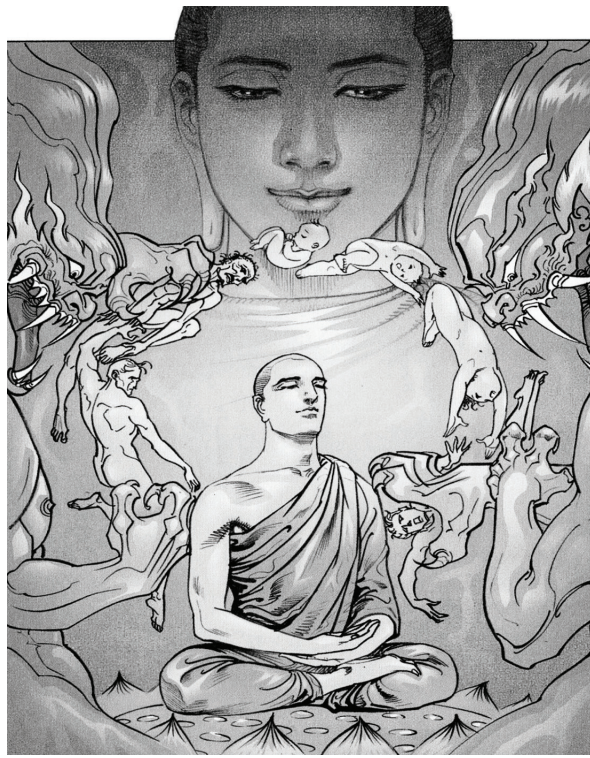

Tuổi Trẻ Hồn Nhiên

Cũng giống như tôn giả Ānanda, tôn giả Anuruddha xuất thân hoàng tộc, cũng là một vương tử cành vàng lá ngọc, dòng dõi Sākya, con trai của đức thân vương Amitodana, anh em họ với đức Phật. Anuruddha còn có một người anh là Mahānāma, vị này sau này kế vị ngôi vương Kapilavatthu.

Từ nhỏ lớn lên sống trong nhung lụa, được nuôi dưỡng trong môi trường quyền quý cao sang và xa xỉ hết mực, Anuruddha chỉ biết du hí, vui chơi chứ không biết gì cả. Không có một tư liệu nào nói về sở học, kiến thức... ít nhất là suốt thời niên thiếu. Có một tư liệu sử[1] ghi chép lại rằng: *"Anuruddha được chăm sóc hết sức chi li, cẩn thận, tinh tế... Vương tử có ba tòa lâu đài thích hợp cho ba mùa lạnh, nóng và mưa. Ở trong lâu đài suốt bốn tháng mưa, vương tử được hầu hạ, phục vụ bởi các nữ nhạc sĩ, nhạc công, vũ công nên chẳng hề bước ra khỏi tòa lâu đài ấy".*

Còn trong Dhammapada thì có ghi lại câu chuyện rất lý thú sau đây, không biết là thật hay là do chư vị kết tập sư

---

[1] *Xem Vinaya 2: 180*

hư cấu.

Chuyện kể rằng, Anuruddha sống hồn nhiên như trẻ thơ. Cậu bé được người hầu kẻ hạ phục vụ, phục dịch đầy đủ; trong tai cậu bé chưa bao giờ được nghe trả lời rằng là *"không có"* (natthi), bởi vì vốn quen muốn gì được nấy, muốn gì có nấy! Một hôm, cậu bé đang chơi với năm người bạn nhỏ, và họ cá với nhau bằng bánh ngọt. Ba lần đầu, cậu bé bị thua nên bảo người hầu về nhà lấy bánh, và người mẹ đưa bánh ngay cho. Lần thứ tư, thua cuộc, nhưng lần này vì đã hết bánh nên người mẹ trả lời là *"không có bánh"* (natthi pūvaṁ). Vì chưa bao giờ được nghe cụm từ *"không có"* nên cậu tưởng đấy là tên loại bánh mới nên bảo người hầu về thưa với mẹ rằng: Mẹ hãy gởi cho con loại bánh *"không có bánh*"! Vì muốn dạy con nên người mẹ bảo người hầu mang cái khay trống không đến cho cậu bé. Tuy nhiên, ngay cả trường hợp như vậy, cậu bé vẫn có phần phước riêng của mình. Một số chư thiên đã thọ ân quá nhiều của Anuruddha trong quá khứ, không nỡ lòng thấy ân nhân buồn vì không có bánh; họ đã dùng thần lực hóa bánh chất đầy khay với hương vị thơm ngon của cõi trời. Anuruddha nếm thử và cậu vô cùng ưa thích loại bánh này. Cứ hễ có dịp lại đòi mẹ cho ăn bánh *"natthi pūvaṁ"* này; và mỗi lần như thế, bánh cõi trời lại có đầy khay![1]

Tuổi thơ của Anuruddha trôi qua lặng lẽ trong hưởng

---

[1] Hãy xem thêm: Once when playing at ball with his friends he was beaten and had to pay with sweets... Dictionary of Pāḷi Proper Names – trang 87, Q1.

thụ và những thú vui phù du, vô vị như thế, chẳng có khi nào suy nghĩ về ý nghĩa và mục đích cuộc sống như thế nào cả. Nhưng khi gặp gỡ, chuyện trò, chơi thân với thái tử Siddhattha thì Anuruddha hoàn toàn được chuyển hóa, hoàn toàn thay đổi tư tưởng, nhận thức và cách sống của mình.

Như chúng ta đã biết, suốt tuổi trưởng thành, Siddhattha đã chăm lo cho quốc kế dân sinh như thế nào. Siddhattha đã có những chương trình cải cách về kinh tế, xã hội, nhân sinh rộng lớn và đồng bộ nên đã quy tụ bên mình những thanh niên hoàng tộc trí thức cả hai quốc độ Sākya và Koliya. Đấy là Devadatta, Bhaddhiya, Mahānāma, Ānanda, Anuruddha, Bhagu, Kāḷudayi, tất cả chư vị vương tôn, hoàng tử quý tộc này đã từ bỏ mọi xa hoa phù phiếm, đã biết nghĩ đến sự hạnh phúc và an vui cho người khác. Họ trưởng thành trong ý thức và hành động... cũng nhờ sự dìu dắt tận tình của Siddhattha.

Cuối cùng, sự cải cách nào cũng đụng chạm đến quyền lợi của hoàng gia, quý tộc và cung đình nên họ đã thất bại.

Thời Thanh Niên

Sự Trưởng Thành

Không những Sākya thất bại mà Koliya cũng thất bại. Nhiệt huyết của tuổi thanh xuân như rơi vào băng tuyết, tắt ngủm. Các ông hoàng bắt đầu sống bi quan, yếm thế, không muốn làm gì cả. Chỉ có Bhaddiya nhận trọng trách làm quan tổng trấn. Mahānāma là lấy vợ sinh con và chuẩn

bị kế vị ngôi vua Kapilavatthu. Họ chỉ còn một chút an ủi là gặp gỡ thái tử Siddhattha để đàm đạo, để học hỏi điều này điều kia nơi con người xuất chúng ấy. Nhưng sau đó, họ nghe tin thái tử Siddhattha đã từ bỏ cung vàng điện ngọc, lầu son gác tía, vợ đẹp con xinh để xuất gia tầm đạo, sống đời không cửa không nhà... lại là đòn đánh mạnh vào tâm thức của họ. Thái tử đã đi tìm kiếm cái gì, nhưng chắc chắn không phải vương vị, lợi quyền, ngũ dục trên thế gian! Họ bắt đầu đặt lại vấn đề về giá trị, ý nghĩa của cuộc sống như trước đây thái tử đã nhiều lần hoài nghi và đặt dấu hỏi!

Đã quá lâu họ không còn nghe tin gì về thái tử nữa. Trong thời gian dài, tất cả họ đều từ chối quan tước, từ chối lấy vợ, sinh con; từ chối xa hoa ngũ dục. Nói cách khác, họ không còn tha thiết với niềm vui trần tục nữa mặc dầu vẫn đang sống cảnh *"trần tục thần tiên"*.

Hôm kia, có một đoàn thương buôn từ các phương xa xôi ghé Kapilavatthu, họ đưa tin về một vị Phật đang giáo hóa chúng sanh từ phương này sang phương khác. Họ bảo là vương quốc Kapilavatthu thật hạnh phúc xiết bao khi là quê hương của vị ấy!

Tin đồn đến tai vua Suddhodana, ngài bồi hồi, kêu trưởng đoàn thương buôn ấy đến cung để hỏi cho rõ. *"Ôi! Con ta, thái tử Siddhattha đã thành Phật rồi và hiện đang thuyết giảng ở tịnh xá Trúc lâm, vương quốc Rājagaha"*. Đức vua Suddhodana nhớ con, vì đã bảy năm xa cách, đã cử chín phái đoàn, mỗi phái đoàn có một quan đại thần

và hằng chục chiến sĩ, nhưng rồi tất thảy đều biệt tăm, có đi không có về! Chỉ đến khi Kāḷudāyi nhận trọng trách đi thỉnh mời thì mới thành công. Thế là đức Phật về thăm quê hương.

Anuruddha Xuất Gia

Khi cả dòng tộc Sākya xôn xao do rất nhiều chiến sĩ xuất gia theo Phật thì Anuruddha cũng muốn muốn xuất gia, nhưng ông anh ruột là Mahānāma nói rằng:

- Em phải ở nhà vì cha mẹ thương yêu em nhất! Em lại còn trẻ trung, thanh xuân, chưa lập gia đình, tương lai tốt đẹp đang còn ở phía trước. Việc xuất gia hãy để cho anh, anh là người đã quá mệt mỏi chuyện gia đình và chuyện quan trường lắm rồi. Hãy để ưu tiên việc xuất gia ấy cho anh, em nhé!

Anuruddha cười nhẹ:

- Anh có nói nhầm không đấy! Chính anh là người đang đảm nhận trọng trách quốc gia đại sự! Chính anh là người đang bận bịu chuyện gia đình, vợ con! Anh ra đi thì những gánh nặng kia biết quăng bỏ cho ai hả?

Quan đại thần Mahānāma nín lặng.

Anuruddha đến xin mẹ nhiều lần nhưng bà một mực từ chối, sợ con trai mình vốn chỉ biết ăn chơi sẽ không kham nổi đời sống khổ hạnh của các sa-môn! Thấy Anuruddha dọa tuyệt thực, dọa tự tử, bà tìm cách chối từ rất khéo:

- Thôi được rồi! Nếu con đã cương quyết như thế, mẹ cũng cho đi, nhưng với một điều kiện...

- Mẹ cứ nói!

- Con hãy chịu khó đến gặp quan tổng trấn Bhaddiya! Nếu Bhaddiya đồng ý xuất gia, mẹ sẽ cho con xuất gia!

Thân mẫu Anuruddha nêu điều kiện ấy tưởng là sẽ ngăn được con trai vì bà đơn giản nghĩ rằng, quan tổng trấn Bhaddiya tiếng tăm lừng lẫy, danh vọng, địa vị, sự nghiệp trùm lấp một phương; và nghe đâu, vừa mới hứa hôn với một công nương tài sắc vẹn toàn thì lẽ nào lại bỏ tất cả để đi xuất gia được! Quả thật, họ tuy gặp nhau nhiều lần, thảo luận giáo pháp nhiều lần; và đồng ý với nhau hầu như toàn diện về giáo pháp diệt khổ của đức Phật, nhưng nếu Anuruddha muốn thuyết phục Bhaddiya đi xuất gia là chuyện không đơn giản một chút nào!

Sau nửa ngày đường dong ngựa, đến dinh liêu rộng lớn, nguy nga, lầu cao lầu thấp, tòa ngang, dãy dọc của quan tổng trấn; thấy tường rào mấy lớp, quân lính canh phòng nghiêm ngặt trong ngoài, người lui, kẻ tới tấp nập, rộn ràng đây đó, Anuruddha bần thần, dừng lại, chợt nghĩ đến điều kiện khó khăn của mẹ!

Được quân canh và quân hầu kính cẩn thông báo, Bhaddiya bỏ công việc, tiếp bạn ngay như tiếp một vị thượng khách! Sau khi đãi đằng cơm nước, thấy khuôn mặt của Anuruddha rầu rĩ, khó đăm đăm, trước sau không thốt một lời, Bhaddiya ân cần và ái ngại hỏi:

- Có chuyện gì vậy? Tại sao em có vẻ buồn quá vậy?

- Tại anh cả đấy! *Anuruddha bây giờ mới nói, giọng hờn trách* - Tôi muốn theo đức Phật xuất gia tu học như các chàng trai Sākya khác, nhưng tại vì anh, tại vì chức quan tổng trấn của anh nên tôi đã không đi được!

Bhaddiya cả cười:

- Tại sao lại có chuyện lạ lùng đến thế? Tôi cản trở em hồi nào? Nếu em muốn xuất gia thì tôi sẽ tìm đủ mọi cách cho em được thỏa nguyện nữa là khác!

- Thật thế nhé! *Anuruddha sáng mắt ra, cười vui, đưa ngón tay phải ra, móc ngoéo vào ngón tay của Bhaddiya như bắt bạn phải nhận một lời hứa khả!* Chắc chắn vậy nhé!

Bhaddiya biết có chuyện gì đây, nhưng vốn tính tình phóng khoáng, cởi mở, chàng cũng vui theo niềm vui của bạn! Anuruddha kể tóm tắt chuyện của mình và điều kiện của mẹ đưa ra, rồi kết luận:

- Như vậy, có phải vì anh mà tôi không được xuất gia không! Anh đã hứa giúp tôi bằng mọi cách thì cách duy nhất, tốt nhất, mau nhất là anh phải cùng đi xuất gia với tôi!

Lời đã hứa rồi, Bhaddiya thấy mình kẹt quá, kẹt cha mẹ, kẹt chức vị tổng trấn và kẹt nhất là người vợ vừa mới hứa hôn! Thật ra, chàng cũng có dự định xuất gia vì thấy đời sa-môn như cánh chim giữa không rộng trời cao chẳng dính mắc, bận rộn gì cả, nhưng không phải là bây giờ!

- Thôi, bảy năm nữa nhé, tôi sẽ đi xuất gia cùng em!

- Không được! *Anuruddha lắc đầu* - Bảy năm lâu quá!

- Thôi, vậy thì ba năm. Ba năm để anh thu xếp mọi công việc trong ngoài cho đâu ra đấy đã!

- Cũng không được! *Anuruddha lắc đầu nguầy nguậy* - Sự chết có chờ đợi ai được đâu!

- Thế thì nhất định bảy tháng, chúng ta sẽ cùng đi! Ít ra em cũng để cho anh có đủ thời gian trả lại quan tước, bàn giao chức vụ và thu xếp việc gia đình chứ!

Thấy Anuruddha cũng không chịu, Bhaddiya đành đưa cái hẹn bảy ngày!

Vui mừng, hớn hở, Anuruddha như bay trên lưng ngựa trở về kinh đô, sau đó, cùng với Ānanda, cả hai đi rủ thêm Kimbila, Bhagu và cả Devadatta tại kinh đô Devadaha, nước Koliya nữa! Và ai cũng khó khăn, vất vả lúc thuyết phục gia đình, nhất là Ānanda, nhưng do nhờ quyết tâm, họ được ra đi như ý nguyện!

Thế rồi, bảy ngày sau, họ gặp nhau tại đông cung của thái tử Devadatta. Sáng ngày, họ leo lên cỗ xe lớn bốn ngựa kéo do người thợ cạo thân tín của hoàng gia, là thanh niên Upāli cầm cương, theo đường lữ hành vượt biên giới Koliya!

Và sau đó, chuyện ai cũng biết là chàng thợ cạo Upāli được xuất gia trước còn sáu ông hoàng Anuruddha, Ānanda, Bhaddiya, Kimbila, Bhagu, Devadatta xuất gia sau.

Sự Chứng Đắc Của Chư Vị

Chương trình an cư kiết hạ năm thứ ba tại Trúc lâm được hai vị Đại đệ tử và các vị trưởng lão hoạch định rồi đệ trình lên đức Phật, ngài không bổ sung gì thêm, chỉ lưu ý dành nhiều thì giờ để giáo giới các vị tân tỳ-khưu! Riêng đức Phật, ngài đã dành nửa tháng, vào các buổi chiều để thuyết giáo những pháp căn bản cho nhóm quý tộc Sākya!

Các vị tỳ-khưu này, ban đầu thật là khó khăn khi thích ứng với đời sống mới; nhưng qua một tháng sau, ai cũng tìm được sự an lạc, thảnh thơi! Đức Phật biết được sự diễn tiến trong đời sống tu tập của họ nên bao giờ ngài cũng thuyết những bài pháp hỗ trợ đúng lúc, đúng thời!

Tỳ-khưu Bhaddiya, sau khi nắm đề mục từ đức Thế Tôn, ông tinh cần tu tập. Đêm kia, ngồi dưới gốc cây, đi sâu vào định, ông cảm nhận một niềm phúc lạc vô biên chưa hề có ở trong đời, hoan hỷ quá, ông thốt lên:

- *"Ôi! Hạnh phúc quá! Hạnh phúc quá!"*

Lúc ấy, trời khô ráo, dưới ánh trăng mờ, nhiều vị tỳ-khưu hành thiền gần đấy, nghe được, biết là lời *"cảm thán"* của vị cựu tổng trấn danh uy một thời! Họ tưởng rằng, vị tân tỳ-khưu Bhaddiya không kham nổi cuộc sống cơ cực của sa-môn, tưởng nhớ đến đời sống ngũ dục xa hoa vương giả cũ, nên trình lại với đức Phật, mong nhờ ngài quan tâm sách tấn!

Tiện dịp, đức Phật hỏi:

- Này Bhaddiya! Đêm hôm qua, trong lúc thiền tọa, ông

đã bất giác thốt lên rằng: *"Ôi! Hạnh phúc quá! Hạnh phúc quá!"*. Điều ấy là đúng sự thật hay không đúng sự thật?

- Quả đúng như thế, bạch đức Thế Tôn!

- Tại sao ông lại thốt lên cảm hứng ngữ như thế, hãy trình bày lý do ấy cho hội chúng cùng nghe!

- Bạch đức Thế Tôn! Hơn mười mấy năm làm tổng trấn, cai quản suốt cả vùng lãnh thổ phương bắc Sākya, đệ tử đã từng thao thức trăn trở ngày đêm. Bên ngoài thì giữ yên lãnh thổ, đánh dẹp các toán thổ phỉ hung bạo; bên trong thì làm thế nào cho dân chúng có được cuộc sống bình yên, cơm no, áo ấm! Tuy nhiên, giàu sang, phú quý và quyền lực có thể làm cho tâm địa con người dễ sinh ra hư hỏng; do vậy, thù trong, giặc ngoài làm cho đệ tử luôn luôn nơm nớp lo sợ mặc dầu quân túc vệ canh gác suốt ngày đêm! Kể cả các vị quan thân tín nhất cũng phải đề phòng! Phản trắc, láo lường, đục khoét của công, tham nhũng, hối lộ của giới chức thuộc quyền không những có thể nguy hại đến tính mạng của đệ tử mà còn nguy khốn cho cả vương quốc! Sợ hãi, bất an là tâm lý thường trực! Phiền não, lo lắng, nghi kỵ luôn chập chờn trước mắt như một ám ảnh, ngày cũng như đêm!

Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử đi xuất gia không phải do tự nguyện mà dường như bị ép buộc bởi lời hứa với vương tử Anuruddha! Tuy nhiên, vì uy đức của Thế Tôn, vì giáo pháp nhiệm mầu mà đệ tử được nghe, vì cảm mến tâm hồn thánh thiện của Anuruddha nên đệ tử đã khẳng khái phất tay từ bỏ tất cả! Đêm hôm qua, giữa nửa khuya thanh

vắng, đệ tử cảm nhận một sự thanh thản chưa từng có ở trong đời! Ngồi một mình, đệ tử thấy rõ, mình chẳng có gì để mất, chẳng có gì để sợ, chẳng có gì phải quan tâm, lo lắng, đề phòng! Hoàn toàn rỗng rang, thanh bình và tự tại! Với ý nghĩ như vậy, đệ tử đi vào thiền định một cách dễ dàng, đi vào các tầng thiền một cách ổn định, vững chắc! Thế rồi, các trạng thái hỷ, lạc, nhất tâm chúng tẩm mát, no đầy thân tâm của đệ tử làm cho đệ tử cảm nhận sâu sắc, tế vi, thậm mật hạnh phúc của thiền duyệt! Chính lúc ấy, không dừng được, đệ tử đã thốt lên cảm hứng ngữ kia, đã làm cho huynh đệ phiền lòng, làm cho đức Thế Tôn phải quan tâm, đệ tử cảm thấy mình có lỗi vậy. Kính xin đức Thế Tôn và đại chúng cho đệ tử được sám hối!

Sau lời tự sự gan ruột của tỳ-khưu Bhaddiya, hội trường chợt yên lặng như tờ! Ai cũng nhìn vị cựu tổng trấn bằng tia mắt kính trọng và đầy thiện cảm!

Đức Phật mở lời tán thán:

- Ông hoàn toàn không có lỗi, mà ngược lại, câu chuyện này cần phải được tán dương và kể lại cho nhiều người nghe! Để cho mọi người cùng thấy rằng: Quyền lực, danh vọng, địa vị chỉ đem đến lo lắng, sợ hãi, bất an và đau khổ! Và chỉ có đời sống khước từ, xả ly, vô sản, bần hàn, độc cư, thiền định mới đem đến an bình và hạnh phúc thật sự!

Thời gian sau, nhờ miên mật công phu, gia công thiền quán, chư vị tỳ-khưu bạn hữu ai cũng có chứng đắc... (như đã kể ở phần trước), riêng tỳ-khưu Anuruddha có được thiên

nhãn thông... Vậy là tất cả họ đã đặt được những bước chân an toàn và vững chắc trên mảnh đất của giáo pháp!

Thiên Nhãn Thông Của Anuruddha

Thiên nhãn thông của Anuruddha là khả năng nhìn thấy được mọi sự vật hơn tầm mắt thịt của con người. Tôn giả có thể thấy một khoảng xa hàng ngàn hệ thống thế giới. Tuy nhiên, khả năng ấy thì ngoại đạo cũng có được, chỉ là một năng lực của phàm nhân. Đấy chỉ là một phép thần thông, nó chưa thể hoặc không thể gắn liền với sự chứng đắc trí tuệ, thấy rõ giáo pháp một cách rốt ráo.

Gọi là thiên nhãn (dibbacakkhu) vì nó khả năng tiếp nhận hình sắc ở một khoảng cách rất xa, xuyên qua các vật ngăn cách và vượt qua nhiều cõi (không gian) và nhiều kiếp (thời gian) hiện hữu khác nhau. Thiên nhãn này có được do nhờ năng lực của định. Năng lực này sinh khởi từ tứ thiền Sắc giới, và phát triển đặc biệt nhờ một trong các đề mục kasiṇa như *"ánh sáng"* trong tâm của hành giả.

Sau khi đắc định tứ thiền với đề mục ánh sáng hành giả xuất khỏi định, xuống cận hành định (upacāra-sāmadhi) tâm vẫn tập trung vào đề mục và dùng tưởng tri mở rộng tướng của kasiṇa xa rộng đến vùng xung quanh. Và với ánh sáng đó, các sắc pháp và các hình thể trong khu vực không phải tiếp nhận bằng mắt thường mà chính là *"thiên nhãn"* thấy. Khi hành giả tinh thông với khả năng này, tầm lan rộng của ánh sáng được tăng trưởng đến *"siêu phàm"* thấy

rõ sắc pháp, vật thể ở những cõi rất xa và những hệ thống thế gian khác, khác với thế gian đang sống. Đấy là lúc đắc thiên nhãn thông.

Thiên nhãn thông không chỉ dừng lại ở khả năng trên, nó còn có chức năng khác là thấy hiểu được quá trình chết và tái sanh của chúng sanh, được gọi là sanh tử trí (cutūpapātañāṇa). Nó cho hành giả thấy được chúng sanh chết đi ở cõi này và tái sanh ở cõi khác, kiếp khác. Hành giả cũng có thể phân biệt được nghiệp quá khứ nào đã đưa một chúng sanh đến nơi thọ sanh hiện tại hay tương lai.Ở mức độ phát triển cao nhất, thiên nhãn tỏa sáng khắp cả tam giới chúng hữu tình, từ cõi trời cao nhất đến cõi Địa ngục sâu nhất – và còn soi rõ mọi nghiệp lực dẫn dắt tái sanh nữa. Và chỉ có đức Phật là thành tựu trọn vẹn tất thảy mọi chức năng cao tột của thiên nhãn này, được ngài chứng đắc trong đêm thành đạo, được gọi là "*thiên nhãn minh",* một trong tam minh (tevijjā).

Anuruddha ca ngợi thành quả *"thiên nhãn"* của mình bằng bài kệ sau:

"- Trú thiền định năm chi,[1]

An tịnh và nhất tâm;

Ta chứng đạt tịch tĩnh,

Và thiên nhãn thanh tịnh;

Trên ngũ thiền sắc giới,

[1] *5 thiền chi: Tầm, tứ, phỉ, lạc, nhất tâm.*

Ta thấy tử và sinh,
Của chúng sanh hữu tình;
Ta biết duyên nghiệp nào,
Dẫn họ đến và đi,
Đời này và đời khác!"[1]

Được Tôn Giả Sāriputta Giáo Giới

Tôn giả Sāriputta là người bạn tốt của tất cả mọi người, rất nhu thuận, hiền hòa, kham nhẫn; luôn luôn bi mẫn, biết chịu khó lắng nghe. Nhưng gặp trường hợp, ngài cũng tỏ ra rất cương trực, thẳng thắn, sẵn sàng vạch rõ những sai lầm của chư bạn đạo mà không khoan nhượng. Đấy là đối với trường hợp ngài Anuruddha.

Tôn giả Anuruddha rất kính mến tôn giả Sāriputta và ngài đối với bạn cũng vậy. Tuy nhiên, khi Anuruddha đắc thiên nhãn thông thì tôn giả Sāriputta thấy vị này còn những ngã mạn và những ô nhiễm vi tế ở nội tâm nhưng chưa có cơ hội nói thẳng với bạn.

Hôm kia, vào buổi sớm, tôn giả Anuruddha đến viếng thăm tôn giả Sāriputta. Sau khi chào hỏi rất lễ độ, tôn giả Anuruddha ngồi xuống một bên phải lẽ.

Tôn giả Sāriputta cất giọng hiền hòa nhưng rất có *"ý tứ"* khi mở đề, nên chậm rãi nói:

---

[1] *Xem Theragāthā 916-17*

- Hôm nay hiền giả sao không đi xem chơi *"một ngàn thế giới"*[1] mà lại chịu khó đến viếng thăm tôi như thế?

Tôn giả Anuruddha cười thoải mái:

- Không dám đâu, thưa hiền huynh! Đệ quá ít công việc mà hiền huynh lại quá nhiều công việc. Nghe nói hiền huynh không được khỏe nên đệ đến viếng thăm. Sao hiền huynh không buông bỏ mọi gánh nặng trên vai xuống, sống thảnh thơi, thanh tịnh, vô sự một đời như đệ không hơn sao?

Tôn giả Sāriputta hỏi lại:

- Theo hiền giả cái gì là *gánh nặng cần phải buông bỏ?*

- Công việc của giáo hội là gánh nặng, thuyết pháp là gánh nặng, bôn ba đây đó để giải quyết mối bất hòa giữa tăng chúng là gánh nặng; sắp xếp, cắt đặt công việc từ bên trong ra bên ngoài là gánh nặng; đi thăm viếng vị này, vị kia là gánh nặng; hướng tâm đâu đó để đi bát gieo duyên là gánh nặng, hóa độ người là gánh nặng... Ôi! hiền huynh quá nhiều gánh nặng phải làm trên đời này!

Tôn giả Sāriputta kiên nhẫn lắng nghe rồi hỏi tiếp:

- Vậy *cái gì là không gánh nặng?*

- Thưa hiền huynh! Điều ấy đức Đạo Sư đã dạy rồi! Vị tỳ-khưu vào buổi sáng, chánh niệm tỉnh giác đi vào làng để trì bình khất thực. Rồi kia là cội cây, là ngôi nhà trống; sau khi độ thực, vị ấy nhất tâm chú mục vào hơi thở, lìa trạo cử,

---

[1] *Là một ngàn thái dương hệ.*

phóng tâm, cắt đứt hôn trầm, giải đãi, đạt tâm phỉ, tâm an, nhập vào sơ thiền do ly dục sanh. Cứ thế không tầm, không tứ, vị ấy vào định nhị thiền rồi sau đó là tam thiền, tứ thiền. Với sự định tĩnh sâu xa, vững chắc không xao động, vị ấy hướng tâm đến một thế giới, hai thế giới, thấy rõ chúng sanh ở đấy y báo là vậy, chánh báo là vậy. Với tâm định tĩnh như Tu-di sơn, vị ấy nhìn qua phương đông, phương tây, phương nam, phương bắc, trên và dưới thấy rõ được một trăm thế giới, hai trăm thế giới, một ngàn thế giới rõ ràng như nhìn đường chỉ tay trong lòng bàn tay của mình. Như một vị vua sát-đế-lỵ giàu mạnh và oai hùng, buổi sớm leo lên lầu cao, nhìn xuống lâu đài, dinh thự, làng mạc, phố chợ, nhà cửa. Cũng vậy, khi nội tâm đã trong sạch, không còn nhơ bợn; khi trí tuệ đã được huấn luyện, đã được tập trung, đã được làm cho thuần thục; với nghị lực vững chắc và mắt nhìn sắc bén, tinh tường, vị ấy đứng trên đỉnh cao của sự tiến hóa, trên đỉnh cao của sự tu tập, thì dưới cõi trần xôn xao bất tịnh kia đều được biết rõ, thấy rõ, chẳng có gì có thể che giấu được vị ấy.

Thưa hiền huynh! Ấy được gọi là làm xong việc phải làm, ấy gọi là không còn gánh nặng trên cõi đời này!

Nghe sự thuyết minh tràng giang đại hải của Anuruddha, tôn giả Sāriputta cảm thấy thương xót cho bạn, bèn nói:

- Này Anuruddha! Tôi rất mừng cho hiền giả đã có con mắt nhìn thấy một ngàn thế giới, hiền giả đã có được *"thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân!"*

- Không dám!

- Nhưng mà này hiền giả thân mến! Mahā Moggallāna là người có thiên nhãn vĩ đại hơn nữa kìa! Vị ấy nhìn thấy một trăm ngàn thế giới, hai trăm ngàn thế giới trong lúc hiền giả chỉ mới nhìn thấy được một ngàn thế giới thôi!

Tôn giả Anuruddha biết sự thực là vậy nên ngài nín lặng.

- Lại nữa, Mahā Moggallāna không những chỉ có thiên nhãn thông, mà tôn giả ấy lại có cả thiên nhĩ, tha tâm, sinh tử thông, thần túc thông và cả biến hóa thần thông nữa đấy.

Anuruddha lại nín lặng.

- Với ngũ thông vĩ đại và siêu nhiên như vậy nhưng chưa bao giờ Mahā Moggallāna lại nói rằng mình có con mắt tinh tường, đứng trên đỉnh cao của sự tiến hóa; chưa bao giờ tự nhận mình trí tuệ đã được huấn luyện, đã làm cho thuần thục mà tôn giả ấy luôn cảm thấy mình còn thiếu sót, nông cạn, luôn tầm cầu và học hỏi.

Anuruddha ngồi im sững như hóa đá.

Tôn giả Sāriputta nghĩ là phải thời, nên đập mạnh, đánh mạnh không có nương tay:

- Hiền giả thân mến! Cho dù ngũ thông kia có đến chỗ thuần thục viên mãn thì đấy cũng chỉ là trò chơi, là cái vỏ cây, cái dác cây, chưa phải là lõi cây tinh tủy của giáo pháp. Ngoại đạo cũng có khả năng đắc ngũ thông ấy. Cứu cánh của sa-môn hạnh là phải tận diệt cho được những nhiễm ô, phiền não. Cứu cánh của sa-môn hạnh là giác ngộ giải thoát. Vậy tại sao hiền giả lại tự đắc, tự phụ với con mắt chỉ nhìn

thấy *"một ngàn thế giới"* của mình? Sao hiền giả không tự thấy rõ những vi tế nhiễm ô đang ngủ ngầm trong tâm hiền giả mà ôm cứng, dính chặt nơi cái sở đắc nhỏ nhoi của mình? Chính quan niệm gánh nặng và không gánh nặng của hiền giả là do tâm biếng nhác, ích kỷ của hiền giả. Chính nội dung thuyết minh dài dòng của hiền giả chứng tỏ hiền giả bị buộc chặt rất kiên cố bởi ba kiết sử: *Ngã mạn, phóng tâm và vô minh!*

Hiền giả phải biết rõ mình chứ? Phải biết trung thực chứ? Cho đến bao giờ mười kiết sử đều được thấy rõ, đều được cắt đứt như thân cây Sālā cụt ngọn không còn sanh khởi trong tương lai thì khi ấy mới dám nói là buông bỏ mọi gánh nặng trên vai xuống!

Này Anuruddha! Tôi nói thẳng thắn quá, xin hiền giả bỏ qua cho!

Mọi sự thật đã được vạch trần. Chưa bao giờ Anuruddha nghe được một thời pháp thấm thía, đau xót đến tận tim tủy mà tri ân cũng đến tận tim tủy như vậy. Ngài quỳ xuống sát đất, nằm dài ra đất và ôm bàn chân bụi của tôn giả Sāriputta mà bạch rằng:

- Bạch tôn huynh khả kính! Những đòn đánh mạnh của tôn huynh đã cho kẻ ngu si này một bài học ngàn đời. Đệ thấy rõ tất cả rồi, không còn hoài nghi gì nữa cả. Tháng ngày còn lại này, đệ sẽ độc cư, một mực tinh tấn để làm xong công việc cần phải làm. Đệ hứa chắc như vậy. Nếu không thành tựu được mục đích cuối cùng, đệ không bao giờ dám gặp mặt tôn huynh nữa!

Chứng Quả A-la-hán

Đúng như lời hứa, ngày hôm sau, Anuruddha xin phép đức Thế Tôn, rời tịnh xá ẩn dật trong rừng sâu và tinh tấn thiền quán, sống một đời sống ẩn dật tại xứ sở của dân Cetiya nằm ở phía đông tịnh xá Trúc lâm.

Thời gian đầu, Anuruddha soi xét lại tâm mình, chợt nhớ lại đức Thế Tôn có nói về bảy pháp của bậc đại trí:

- Pháp này dành cho người ít ham muốn, không dành cho người nhiều tham dục.

- Pháp này dành cho người biết đủ không dành cho người không bao giờ là biết đủ.

- Pháp này dành cho người thích ẩn dật, không dành cho người thích giao du với bạn bè huyên náo.

- Pháp này dành cho người tinh cần, tinh tấn, nỗ lực chứ không dành cho người dể duôi, biếng nhác.

- Pháp này dành cho người có tỉnh thức, chánh niệm chứ không dành cho người mê mờ, thất niệm.

- Pháp này dành cho người có định tâm chứ không dành cho người có tâm tán loạn.

- Pháp này dành cho người có trí tuệ, không phải dành cho kẻ si mê.

Rồi Anuruddha tự nhắc nhủ mình: Vậy muốn thành tựu pháp của bậc đại trí, điều kiện đầu tiên cần và đủ là phải trang bị cho mình bảy pháp như sau:

- Sống đời lìa xa tham dục, ít nhu cầu, ít tham muốn.

- Sống đời biết đủ, biết dừng nơi những nhu cầu cần thiết.

- Ở nơi xa vắng, viễn ly chỗ huyên náo, sống đời ẩn dật.

- Tu tập với nhiệt tâm, tinh cần, nỗ lực...

- Luôn có chánh niệm, tỉnh thức trong mỗi oai nghi, trong mỗi cử chỉ, hành động.

- Tâm trí luôn quân bình, ổn định, phải luôn tịnh định.

- Luôn sáng suốt, luôn có ngọn đèn soi tỏ chính mình; nghĩa là luôn luôn có trí tuệ.

Đức Phật thấy biết được điều gì xảy ra trong tâm trí của Anuruddha, ngài liền sử dụng *"thiên nhãn thuần tịnh"* cùng năng lực của ý để hiện thân[1] trước mặt Anuruddha và khen ngợi rằng:

- Lành thay, Anuruddha! Ông đã thấy biết tinh tường về bảy pháp chơn chính của bậc đại nhân. Bây giờ Như Lai sẽ chỉ thêm cho ông pháp thứ tám của vị ấy nữa, đó là: *"Pháp này dành cho người hướng tâm đến và an trú vào sự giải thoát khỏi các cấu uế, lầm mê của thế giới muôn hình vạn trạng (nippapañca) không dành cho người hướng tâm đến và an trú vào sự cấu uế, lầm mê của thế giới muôn hình vạn trạng!"*

Rồi đức Phật dạy tiếp:

- Này Anuruddha! Một hành giả sơ cơ, nếu suy niệm

[1] *Thân do ý tạo.*

tám pháp này cũng dễ dàng đắc chứng các tầng thiền định. Các thiền định này, dù chưa đến đâu nhưng cũng sẽ không còn ảnh hưởng bởi các điều kiện của thế gian. Họ sẽ hoan hỷ và tri túc với tứ vật dụng đơn giản của đời khất sĩ. Còn ông, đã đắc định rồi, có thiên nhãn thông rồi - thì cách sống đơn giản, tri túc này sẽ giúp ông luôn an vui, không lo âu, không vội vã. Ông hãy tu tập tứ niệm xứ, hãy minh sát thân thọ tâm và pháp đến thuần thục để đắc quả vị cuối cùng!

Sau khi khen ngợi, sách tấn và làm cho sáng tỏ thêm các pháp hành trì cho Anuruddha, đức Phật biến mất sau khi khuyên Anuruddha cứ ở lại nơi đây mà tu tập, một nơi chốn dành cho chư hành giả ẩn dật.

Và quả thật vậy, từ đây, Anuruddha nỗ lực, nhiệt tâm, tinh cần thực hành tu tập tứ niệm xứ, minh sát thân thọ tâm và pháp, thấy rõ sanh diệt, vô thường vô ngã, tận diệt mọi ô nhiễm, đắc quả vị A-la-hán.

Ngài đã hoan hỷ thốt lên bài kệ:

"- Thế gian Vô Thượng Sư,

Thấu rõ tư tưởng ta;

Bởi năng lực thần thông,

Với thân do ý tạo,

Ngài hiện đến với ta;

Khi niệm khởi ly tà,

Ngài giúp thêm sáng tỏ;

Thế Tôn đại thanh tịnh,

Dạy ta pháp giải thoát;

Khỏi cấu uế, lầm mê,

Thấm nhuần lời Phật dạy;

Ta an trú giáo pháp,

Tam minh đã chứng đạt,

Hoàn mãn pháp của Phật!"[1]

Tứ Niệm Xứ Của Anuruddha

Khi được đức Phật nhắc nhở tu tập tứ niệm xứ, Anuruddha nhớ lại, có lần ngài hỏi tôn giả Ānanda là có bài pháp nào được đức Phật thuyết giảng nhiều nhất thì được Ānanda trả lời:

- Là tứ niệm xứ, hiền hữu! Tứ niệm xứ là cỗ xe độc nhất đưa đến giác ngộ, giải thoát, Niết-bàn!

- Vâng, cảm ân tôn huynh! Có phải là bài pháp mà đức Tôn Sư thuyết lần đầu tại xứ Kuru?

- Đúng vậy! Hiện nay, tại Kuru, mấy cô gái nô lệ đội nước cũng đàm đạo với nhau về tứ niệm xứ.

Anuruddha tự nghĩ: Mình cứ chạy theo những năng lực phù phiếm mà bỏ quên cái rốt ráo. Tứ niệm xứ thì dường

---

[1] *Xem Aṅguttaranikāya 8: 30; Theragāthā 901-3*

như vị tỳ-khưu nào cũng biết; và chính Anuruddha còn như nghe văng vẳng bên tai: *"Nơi đây, vị tỳ-khưu sống quán thân trên thân... quán thọ trên thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên pháp... tinh cần, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời"*.

Thực hành tứ niệm xứ (satipaṭṭhāna) là con đường ngắn nhất nhanh nhất đưa đến giác ngộ, giải thoát. Có những hành giả không qua các tầng thiền định mà tu Tứ niệm xứ cũng đạt thánh quả nhưng họ sẽ không có các năng lực thần thông nên được gọi là *"khô tuệ"* hay *"can tuệ"* (sukkha-paññā). Trường hợp tôn giả Anuruddha thì đã thuần thục các định, có thiên nhãn thông rồi thì tứ niệm xứ là một phương tiện hữu hiệu để đạt thánh trí và quả vị giải thoát dễ dàng hơn. Ngoài ra, ngài còn tuyên bố, khi có thắng trí mà tu tập tứ niệm xứ, hành giả sẽ dễ dàng thành tựu khả năng kiểm soát các phản ứng tâm lý thuộc cảm xúc. Nói cách khác, hành giả sẽ phát hiện một đối tượng được xem *"đáng nhàm chán"* hay *"không đáng nhàm chán",* hoặc ngược lại; và có thể từ bỏ cả hai *"nhàm chán và không nhàm chán"* để đạt tâm quân bình tuyệt hảo được gọi *"buông xả"*.

Sau này tôn giả Anuruddha thường dạy chư đệ tử:

- Những ai chểnh mảng, thối thất, dễ duôi không tu tập tứ niệm xứ sẽ sớm rời xa thánh đạo, không thể chấm dứt khổ đau. Những ai tinh cần, nỗ lực, nhiệt tâm tu tập tứ niệm xứ thì chắc chắn đang bước trên thánh đạo tiến tới giác ngộ, giải thoát.

Ngài còn nhấn mạnh rằng:

"- Pháp hành tứ niệm xứ là cái dòng trôi chảy để đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si. Giống như dòng nước sông Gaṇgā xuôi về đại dương, sẽ không bị oai lực nào làm cho dòng chảy bị chệch hướng. Cũng vậy, một vị tỳ-khưu chuyên tâm hành trì tứ niệm xứ sẽ không bị lung lạc đi chệch khỏi cuộc sống xuất ly để trở lui đời sống thế tục."[1]

Lần nọ, khi Anuruddha lâm trọng bệnh, chư tăng rất ngạc nhiên khi thấy ngài vẫn điềm nhiên, tự tại dẫu bị cơn đau hành hạ. Nhiều vị hỏi ngài trú tâm như thế nào để được như vậy? Có vị lại hỏi, công phu tu tập thế nào mà thân đau nhưng tâm không khổ? Ngài trả lời tất cả đều do tu tập tứ niệm xứ mà thôi!

Còn nữa, khi cả hai vị Đại đệ tử đến thăm, thấy sắc mặt an nhiên, tự tại; chư tôn giả không hỏi nguyên do vì các ngài biết rất rõ ràng rồi. Cả hai vị đồng một câu hỏi:

- Này hiền hữu! Một vị thánh hữu học (sekha) đang còn tu tập trên lộ trình thánh đạo, và một vị thánh vô học (asekha) đã thành tựu quả vị cao nhất thì tứ niệm xứ giữa hai vị giống nhau, khác nhau như thế nào?

Anuruddha đáp:

- Thưa chư tôn huynh! Sự khác biệt là vị hữu học chỉ hoàn thành tứ niệm xứ một, hai phần; còn bậc vô học thì toàn mãn, viên mãn pháp hành tứ niệm xứ.

Hai vị Đại đệ tử khen ngợi.

---

[1] *Xem Suttanipāta 52: 8*

Sau đó tôn giả Mahā Moggallāna nhắn nhủ rằng:

- Trong các năng lực thắng trí thì thiên nhãn thông của hiền hữu là nổi trội nhất là nhờ nguyện lực ba-la-mật từ quá khứ bổ trợ, còn các năng lực khác thì chừng mực vừa phải... Nhưng rồi các thắng trí kia cũng tự thành tựu.

Tôn giả Sāriputta gật đầu rồi nói:

- Về Trí của Mười Như Lai Lực (dasatathāgatabala)[1] hiền hữu đã thành tựu như thế nào?

- Thưa tôn huynh! Chỉ được vài ba phần của Thế Tôn, chỉ có Thế Tôn mới toàn mãn.

Tôn giả Mahā Moggallāna mỉm cười:

- Lành thay! Ngay bậc Tướng-quân-giáo-pháp cũng không thể so sánh với đức Chánh Đẳng Giác được.

Quen Ẩn Dật

Khác với chư vị tôn giả Sāriputta, Mahā Moggallāna, Ānanda... luôn tham gia các hoạt động với tăng chúng, với hai hàng cư sĩ; nhưng tôn giả Anuruddha lại quen đời sống ẩn dật hơn – như có lần ẩn dật tại khu vườn xinh đẹp với hai vị thánh tăng Kimbila và Nandiya (có kể nơi chỗ chư tăng kinh và luật bất hòa).

Những bài kệ của ngài thể hiện khuynh hướng khổ hạnh đầu-đà, mặc y thô xấu, ẩn dật gần giống với tôn giả

[1] *Đã có nơi tiểu sử tôn giả Sāriputta.*

Mahā Kassapa.

Ví dụ một số kệ:

"- Trì bình khất thực về,
Ẩn sĩ sống đơn độc;
Tìm giẻ rách may y,
Ta đoạn tận lậu hoặc."
"- Anuruddha,
Ẩn sĩ, vị tư duy;
Đã đoạn trừ ô nhiễm,
Lựa giẻ từ đống rác;
Nhặt lấy, giặt, nhuộm màu,
Thành tấm y đắp thân."
"- Khi tham dục, bất mãn,
Ưa giao du, háo hức;
Thì tâm khởi ác niệm,
Vô hạnh và ô nhiễm."
"- Nhưng chánh niệm, thiểu dục,
Tri túc, tâm tự tại;
Thích ẩn dật, an vui,
Tinh tấn luôn phát khởi."

"- Rồi tâm sanh thiện pháp,

Đưa đến quả giác ngộ;

Vị ấy đoạn kiết sử,

Đức Tôn Sư dạy thế."

"- Suốt năm mươi lăm năm,

Chỉ hành trì thiền tọa;

Đã hai mươi lăm năm,

Diệt hôn trầm, dã dượi."

Nói tóm lại, nội dung các bài kệ, ngài thường nhắc đến ba phương pháp tiêu biểu là: *"Khất thực nuôi mạng, mặc y giẻ rách và tịch mặc tọa thiền"*. Còn một hạnh đặc biệt nữa của ngài là *"không bao giờ nằm",* tức ngăn oai nghi nằm đã năm mươi lăm năm. Bài kệ cuối *"Đã hai mươi lăm năm. Diệt hôn trầm, dã dượi"* - là ngụ ý đã suốt hai mươi lăm năm, ngài chỉ tọa thiền, không nằm ngủ. Khi về già, cơ thể suy kiệt, ngài có nằm nghỉ chút ít.

Phải cần xác định rằng, Anuruddha thích đời sống ẩn dật nhưng không hoàn toàn là sống độc cư. Trong một lần thuyết giảng, liên hệ đề tài ẩn dật, đức Phật có nhắc đến hai vị tôn giả là Mahā Kassapa và Anuruddha - cả hai vị đều thích sống ẩn dật nhưng không phải độc cư và họ đều có năm trăm đệ tử hằng phải giáo huấn.

Ngoài ra, kinh điển cũng có ghi lại một số lần Anuruddha luận pháp với chư huynh đệ đồng môn cũng như với các cư

sĩ thiện trí thức. Như có lần, đại đức đã giảng giải cho một người thợ mộc của hoàng cung Sāvatthi tên là Pañcakaṇga, một thiện nam thông hiểu và tinh cần hành trì giáo pháp - nhưng do vị này chưa biết sự khác nhau giữa *"tâm giải thoát vô lượng"* (appamāṇā cetovimuutti) và *"tâm giải thoát đại hành"* (mahaggatā cetovimuutti).

Đại đức đã giảng giải cặn kẽ như sau:

- Đầu tiên hãy để ý: Tâm vô lượng chính là tứ vô lượng tâm từ, bi, hỷ và xả. Một hành giả tu tập tứ vô lượng tâm tuần tự đắc đệ nhất thiền với tâm từ; đệ nhị thiền với tâm bi, đệ tam thiền với tâm hỷ, đệ tứ thiền với tâm xả. Sau khi lâm chung họ sẽ sanh làm phạm thiên trong 16 cõi trời sắc giới theo với bốn thiền họ đã đắc. Vậy thì tứ vô lượng tâm này còn ở trong sanh tử luân hồi. Tuy nhiên, một vị thánh A-la-hán đã giải thoát rồi, có bốn vô lượng tâm này thì được gọi là *"tâm giải thoát vô lượng",* họ đã ở ngoài sinh tử.

Tâm đại hành và tâm giải thoát đại hành cũng y như vậy. Tâm đại hành là tâm thiền sắc giới và tâm thiền vô sắc giới. Một hành giả đắc định sắc giới thì hóa sanh vào 16 cõi trời sắc giới. Một hành giả đắc định vô sắc sẽ hóa sanh vào 4 cõi trời vô sắc. Cả hai tâm đại hành này đều còn trong sinh tử. Tuy nhiên, một thánh giả A-la-hán, đã giải thoát rồi, nếu có thêm tâm đại hành hai cõi này thì được gọi là *"tâm giải thoát đại hành"* vì đã ở ngoài tam giới, ngoài sinh tử.

Đoạn trả lời này của Anuruddha sau được lan truyền trong các hội chúng tỳ-khưu và cư sĩ. Ai cũng tán thán trí tuệ giải minh rành mạch của tôn giả.

Một lần khác, Anuruddha còn giải thích cho một cư sĩ:

- Có một hạng thiên được gọi là các vị trời có quang sắc (ánh sáng và màu sắc) là do khi tu tập vị ấy có phát nguyện biến hóa ánh sáng và sắc màu. Và tuy cùng là chư thiên giống nhau nhưng quang sắc mỗi vị đều khác nhau do tu tập cũng như do phước báu riêng. Sự khác nhau này được ví như *"một ngọn đèn được thắp với dầu cặn, bấc, bình và bóng đều dơ thì ánh sáng yếu ớt nhưng một ngọn đèn được thắp với dầu trong và bấc, bình và bóng đều sạch sẽ thì ánh sáng sẽ quang rạng hơn. Ít tu, ít phước và tu nhiều, nhiều phước là ví dụ cho dơ và sạch, là ánh sáng yếu ớt và ánh sáng quang rạng vậy."*

Trong một lần thuyết pháp khác, đức Phật hỏi:

- Này Anuruddha! Ông thấy chư tăng, nhất là chư tăng trong số năm trăm đệ tử của ông, họ có vui thích đời sống phạm hạnh không?

- Bạch Tôn Sư! *Anuruddha khẳng định* - Họ rất vui thích và hoan hỷ trong đời sống phạm hạnh!

Tôn Sư khen ngợi:

- Lành thay, này Anuruddha! Chư đệ tử của ông đều còn trẻ, đều còn trong tuổi thanh xuân, có thể hưởng thụ mọi dục lạc thế gian lại xuất gia sống đời phạm hạnh hoàn toàn tự nguyện; không vì lệnh vua, không vì mất của, không vì nợ nần, không vì nghèo khổ mà chỉ vì tín tâm nơi giáo pháp và cứu cánh giải thoát tối hậu.

Rồi Thế Tôn còn khuyên răn:

- Này các Thích tử! Vị nào chưa có được bình an, hạnh phúc trong các tầng thiền hay cao hơn thì hãy nỗ lực, kiên trì, tinh tấn đoạn diệt năm chướng ngại tâm (năm triền cái), đoạn ly các bất thiện pháp còn tiềm tàng trong tâm để chứng đạt hạnh phúc thiền và các trạng thái an tịnh cao hơn nữa (tuệ giải thoát).

Một lần nọ, tôn giả Anuruddha trú tại Jetavana ở Sāvatthi; ngài thức dậy giữa đêm và đọc tụng các kệ Pháp cú cho đến hừng đông. Một nữ dạ-xoa đang đi tìm thức ăn chợt nghe được, đã dỗ con, tên là Piyankara đang khóc vì đói hãy im lặng để nghe lời tụng của ngài:

"- Này, Piyankara,

Con chớ gây tiếng động;

Vị tỳ-khưu đang tụng,

Những câu kệ Pháp cú;

Nếu chúng ta hiểu được,

Học được Pháp cú này;

Rồi theo pháp hành trì,

Chúng ta được lợi ích;

Không sát sanh hại vật,

Không nói lời dối gian;

Tự gìn giữ giới học,

Chúng ta sẽ thoát khỏi,

Tái sanh cõi ngạ quỷ!"

Bị Thiên Nữ Luyến Ái

Khá nhiều bài kinh đề cập đến mối liên quan giữa Anuruddha với phụ nữ. Mặc dù tâm ngài đã trong sạch và đã dứt bỏ hoàn toàn toàn tham ái nhục dục, nhưng có lẽ do thừa hưởng sắc vẻ mỹ nam tử lẫn phong độ uy nghi, đường bệ nên ở ngài có nét quyến rũ đối với phụ nữ không chỉ với loài người mà còn với chư thiên nữ.

Có vài trường hợp gặp gỡ chắc chắn bắt nguồn từ duyên nghiệp quá khứ nên kiếp này vẫn còn ảnh hưởng. Như trong thời gian Anuruddha đang tu độc cư trong rừng, có một vị thiên nữ tên là Jālinī từ cõi trời Đạo Lợi hiện đến trước mặt ngài. Do trong một kiếp trước, Anuruddha là vua trời Đế Thích và nàng là thiên hậu. Vì luyến ái sâu nặng, thiên nữ tha thiết muốn tái hợp với chồng nên đến để thúc giục Anuruddha hãy tái sanh vào Đạo Lợi hầu tái ngộ nhau:

"- Hãy hướng tâm vào cõi,

Chàng đã sống kiếp trước;

Ở Tam-thập-tam thiên,

Tận hưởng bao dục lạc;

Sẽ chói sáng vinh quang,

Giữa yêu kiều tiên nữ."

Anuruddha đáp lại:

"- Khốn khổ thay, thiên nữ,
Bám chặt vào thân kiến;
Cũng khổ thay những ai,
Dính mắc vào thiên nữ."

Jālinī vẫn cứ cố gắng quyến rũ:

"- Họ không biết hạnh phúc,
Bởi chưa thấy Nandana;[1]
Xứ của đại chư thiên,
Thuộc thiên cảnh tam thập!"

Anuruddha lại phải giảng dạy:

"- Khó thay, này thiên nữ,
Không biết được hay sao;
Câu nằm lòng bậc thánh:
' Hữu vi đều vô thường,
Chịu định luật sanh diệt;
Có sanh ắt có diệt,
Nhiếp được, chân hạnh phúc!'
Ta học pháp yểm ly,

---

[1] *Tên một khu vườn đẹp ở Đao Lợi.*

Ta chán nhàm tiên cảnh;

Ôi này Jālinī,

Ta đã lìa sanh tử,

Ta đã dứt tái sanh!"

Do đã tạo trữ quá nhiều phước lành trong quá khứ, nếu Anuruddha không theo chân đức Phật theo lộ trình thánh quả thì có lẽ ngài sẽ hóa sanh lên những cõi trời *"hào hoa và tráng lệ"* với biết bao thiên nữ yêu kiều và diễm lệ hầu quanh!

Người Nữ Tạo Nhân Tốt, Xấu

Thấy mình bị nữ giới làm phiền, tuy nhiên, Anuruddha cũng chưa rõ lắm về nhân và quả của chư vị thiên nữ diễm kiều nên có lần ngài đã hỏi Tôn Sư là, những nữ nhân làm vợ trên thế gian họ có những phẩm hạnh, đức tánh và phước nhân như thế nào để có thể hóa sanh thành những tiên nữ xinh đẹp, diễm kiều như thế?

Đức Phật lại phải giải thích:

- Này Anuruddha! Có tám nhân, có tám điều kiện mà những nữ nhân làm vợ trên thế gian sẽ trở thành những thiên nữ xinh đẹp, diễm kiều:

Một là, người vợ luôn phải thương yêu chồng và cảm thông, chia sẻ ngọt bùi ấm lạnh với chồng.

Hai là, người vợ phải biết dịu dàng, nhã nhặn, nồng hậu và vui vẻ đón tiếp người hoặc khách mà chồng mời đến. Lại

càng biết quý trọng, quý mến cha mẹ chồng hay các sa môn, đạo sĩ mà chồng hằng hộ độ, cung phụng...

Ba là, người vợ thường hằng siêng năng, cẩn trọng, chu đáo trong việc nội trợ, cai quản công việc được chồng tin tưởng.

Bốn là, người vợ phải biết cách chăm sóc, dạy dỗ kẻ hầu người hạ, tôi tớ, kẻ giúp việc chi ly, cẩn thận.

Năm là, người vợ không hoang phí tài sản nhà chồng mà ngược lại, phải biết giữ gìn, bảo vệ không những kỹ lưỡng còn biết cách làm cho tài sản được tăng thịnh nữa.

Sáu là, người vợ nên có nơi quy hướng chân chánh, ấy là ba nơi nương tựa Phật, Pháp, Tăng!

Bảy là, người vợ sống đời trong lành, trong sạch có năm giới làm nền tảng.

Tám là, người vợ có tâm hoan hỷ trong việc cúng dường Tam Bảo, có tâm quảng đại khi chia sẻ áo cơm với chúng sanh cùng khổ.

Ngoài ra, này Anuruddha! Những nữ nhân trên thế gian có quy giới, biết bố thí cúng dường đến chư tăng như xây chùa tháp, cốc liêu, sàng tọa, vật thực, y áo, thuốc men tùy theo tâm nguyện, họ có thể có được cả năm điều như ý là sắc đẹp, trường thọ, an vui, sức khỏe vả cả trí tuệ, này Con Trai!

Sau khi thưa hỏi và biết được những nữ nhân tạo nhân sanh cõi trời, Anuruddha muốn biết rõ thêm những nữ nhân tạo nhân sanh khổ cảnh thì Tôn Sư trả lời:

- Người nữ có bốn trọng nghiệp tạo tác sẽ dẫn đến những khổ cảnh đó, này Anuruddha!

Một là không có đức tin, sống theo tà kiến và hành động theo tà kiến. Hai là không biết hổ thẹn và ghê sợ tội ác. Ba là xem thường đạo đức, sống với tâm sân hận và si mê. Bốn là thù hằn, ganh tỵ, tham lam, vô luân và sống buông lung, phóng dật.

Cứu Giúp Em Gái

Tôn giả Anuruddha cũng đã giúp em gái ngài là Rohiṇī tìm đến với giáo pháp. Lần ấy, tôn giả cùng năm trăm tỳ-khưu đệ tử về thăm quê hương Kapilavatthu thì tất cả thân nhân của ngài đều đến thăm viếng, đảnh lễ, học hỏi giáo pháp; chỉ riêng em gái ngài là Rohiṇī là không thấy đến. Khi được hỏi thì biết rằng cô đang mang một chứng bệnh ngoài da lở lói rất đau khổ và không muốn xuất hiện trước đám đông vì xấu hổ. Tôn giả truyền tin là cô hãy đến ngay lập tức.

Rohiṇī dùng khăn che mặt đến đảnh lễ ngài. Tôn giả khuyên bảo:

- Hãy làm một việc đại thiện, này Rohiṇī! Với phước báu của đại thiện sự ấy, làm da nơi khuôn mặt em sẽ lành, sạch đẹp trở lại.

- Tâu vâng, này sư huynh! Có thể là làm đại thiện gì?

- Tại Kapilavatthu này cần có một đại giảng đường để

Tôn Sư và chư đại trưởng lão thuyết giảng giáo pháp cho con cháu và các chiến sĩ Sākya. Em hãy khởi tâm cúng dường để xây dựng giảng đường ấy.

Nghe theo lời, Rohiṇī bán hết tất cả châu báu, tư trang của mình để xây dựng. Và chính tôn giả Anuruddha coi sóc và giám sát công trình, còn cho hằng trăm tỳ-khưu trẻ phụ giúp công việc. Các thanh niên Sākya cũng hoan hỷ góp tay công sức.

Khi giảng đường xây dựng vừa xong thì tất cả mụn nhọt lở loét trên da mặt của Rohiṇī đã lành lặn hẳn. Cô cũng cung thỉnh đức Phật cùng chư tăng dự lễ khai mạc. Trong dịp này, đức Phật đã vén bức màn quá khứ cho Rohiṇī thấy nghiệp lực quá khứ đã gây bệnh lở loét của cô như thế nào.

- Này Rohiṇī! Trong một kiếp quá khứ, khi cô làm hoàng hậu chánh cung đức vua Bārāṇasī; vì lòng ganh tỵ, cô đã hành hạ một vũ nữ của nhà vua bằng cách rắc vảy ghẻ khô lên thân thể và giường nằm của cô vũ nữ ấy. Chứng bệnh về da kinh khiếp của cô hiện nay là dư nghiệp còn sót lại từ nhân quá khứ là như vậy.

Cuối pháp thoại, Rohiṇī đắc quả Nhập lưu. Sau khi mệnh chung, Rohiṇī tức khắc hóa sanh lên cõi trời Tam-thập-tam, làm vị thiên hậu được Đế Thích thiên chủ vô cùng sủng ái![1]

---

[1] *...was reborn as Sakka's consort (sách tiếng Anh đã có nêu dẫn).*

Bị Cô Chủ Quán Quyến Rũ

Còn có một câu chuyện khác liên quan đến nữ giới của Anuruddha nữa. Lần ấy, tôn giả độc hành vân du ngang qua vương quốc Kosala để đến Sāvatthi. Trời đã chiều tối, lại mưa lạnh mà Anuruddha không tìm ra một chỗ nghỉ nào ở bên đường dành cho chư tăng hoặc du sĩ ta bà; ngài đành đến một lữ quán xin chỗ nghỉ qua đêm. Quán trọ lúc ấy cũng rất đông người, tôn giả ngần ngại. Cô chủ quán thấy vậy bèn nói với tôn giả rằng, có thể tìm cho ngài một chỗ nghỉ riêng ở phía trong rất yên tĩnh. Anuruddha im lặng đồng ý.

Cô chủ quán dành đặc biệt ưu tiên như vậy là vì vừa thấy Anuruddha cô đã đem lòng yêu thương, luyến ái rồi. Đêm đến, cô xức nước hoa, đeo trang sức lẻn vào phòng tôn giả, gần bên giường rồi cất giọng dịu ngọt:

- Thưa tôn sư khả kính! Tôn Sư thật tuấn tú, khôi ngô, đẹp trai và vô cùng quyến rũ. Và tôi cũng vậy. Tôi cũng rất xinh đẹp và rất quyến rũ. Thật là đẹp đôi nếu tôn sư lấy tôi làm vợ.

Anuruddha ngồi dậy trên giường, im lặng.

Thế rồi, cô chủ quán hứa hẹn dâng hết tài sản cho tôn giả. Ngài vẫn lặng im. Cô chủ quán cởi áo trên ra và khiêu vũ trước mặt ngài, rồi ngồi xuống, rồi nằm xuống, lả lơi khêu gợi...

Anuruddha nhiếp phục hoàn toàn các căn và không để ý gì đến cô cả. Thấy chẳng quyến dụ nào lay động được cái tâm của vị *"tôn sư",* cô ngạc nhiên thốt lên:

- Thật quái lạ, thưa tôn sư! Thật phi thường, thưa tôn sư! Có biết bao nhiêu người đàn ông đã dâng tặng tôi tiền trăm, tiền ngàn để được cưới tôi trong khi tôn sư chẳng hề thích tôi và tài sản của tôi.

Cô chủ quán bèn mặc áo lại, quỳ dưới chân Anuruddha và xin sám hối vì đã xúc phạm đến tôn giả. Bây giờ Anuruddha mới lên tiếng, là đã tha thứ lỗi lầm của cô và khuyên cô nên giữ mình trong tương lai.

Cô rời phòng và sáng hôm sau cô mang thức ăn cho tôn giả như không có gì xảy ra. Và, tôn giả đã ban cho cô một thời pháp ngắn, nói về sự giữ mình sao cho được an lành, an toàn cho cuộc sống. Đấy chính mới là thật sự biết yêu mình. Bài pháp khiến cô xúc động sâu xa, và nguyện sẽ sống tốt; sau đó cô trở thành một tín nữ thuần thành.

Tiếp tục cuộc hành trình, về đến Sāvatthi, tôn giả kể tóm lược câu chuyện ấy với vài bạn đạo đồng môn. Rồi cả tu viện, ai cũng bàn tán nhưng chưa rõ đúng, sai. Chuyện xảy ra thấy rõ là nhờ sự chế ngự, nhiếp phục lục căn mà tôn giả đã thoát nạn cám dỗ dục lạc. Sức mạnh tinh thần của tôn giả đã cảm hóa được cô chủ quán và cô đã ăn năn hối cải, lắng nghe lời khuyên dạy và trở về với giáo pháp. Đây quả là điều lợi lạc cho tôn giả và cả cho cô chủ quán. Nhưng đức Phật lại quở trách:

- Này Anuruddha! Tại sao ông lại tìm chỗ ngủ đêm ở nơi có người nữ? Ông tuy có năng lực tự chế dũng mãnh đáng khen nhưng đối với những tỳ-khưu tâm còn yếu đuối thì sao? Và rồi họ sẽ dễ dàng sa ngã trước những cám dỗ

trong hoàn cảnh tương tợ.

Sau đó, đức Phật đã chế định thêm một số luật mới, nghiêm cấm việc ở chung một chỗ ngồi, chung một giường với nữ giới ở chỗ khuất mắt, khuất tai; kể cả chung một phòng, chung một cửa, chung một mái che cũng bị ngăn cấm để tỳ-khưu không bị lâm vào cảnh bị cám dỗ hiểm nguy như thế.

Tiền Kiếp Của Anuruddha

Cũng như các đệ tử xuất chúng khác của đức Phật, Anuruddha cũng đã phát lời đại nguyện trở thành Đại đệ tử Phật tương lai dưới chân dức Phật Padumuttara cách đây nhiều đại kiếp.

Thuở đó, tiền thân của Anuruddha là một gia chủ rất giàu có. Khi chứng kiến đức Phật Padumuttara ban cho một vị tỳ-khưu danh hiệu đệ nhất thiên nhãn, ông ước nguyện cũng được danh vị này vào thời một vị Phật tương lai nên đã tôn kính cúng dường đức Phật Padumuttara và chư tăng rất rộng rãi.

Khi đức Phật Diệt độ, vị trưởng giả tìm đến chư tỳ-khưu để xin học các phương pháp rèn luyện, tu tập cơ bản để có được thiên nhãn thông. Chư tỳ-khưu vì không nắm chắc cách tu tập này nên chỉ khuyên về tương quan nhân quả, nói rằng, trưởng giả nên cúng dường đèn vì nó thích hợp với ước nguyện của ông vì cúng dường đèn sáng sẽ cho mắt sáng, tuệ sáng và cả "mắt thần thông" nữa. Nghe lời vị

trưởng giả đã cúng dường hằng ngàn ngọn đèn nơi chánh điện có thờ xá-lợi Phật.

Đến thời Phật Kassapa tiếp theo, khi ngài Niết-bàn, ông cúng dường vô số đèn thắp sáng xung quanh bảo tháp; ông còn đội trên đầu một ngọn đèn thắp sáng rồi nhiễu quanh bảo tháp suốt đêm.

Kinh có kể một câu chuyện xảy ra vào thời Phật Sumedha. Khi thấy đức Phật nhập đại định dưới gốc cây, Anuruddha đã thắp đèn sáng trưng xung quanh ngài, và châm dầu vào đèn để giữ lửa suốt một tuần lễ như thế. Nhờ thiện nghiệp ấy, Anuruddha sanh làm vua cõi trời và cõi người trong nhiều kiếp; và ông đã có khả năng nhìn xa được một do-tuần.

Có một câu chuyện khác dài hơn kể về tiền kiếp của Anuruddha khi ngài tái sanh vào một gia đình nghèo khổ ở Bārāṇasī. Ngài tên là Annabhāra, làm công, phục vụ cho một thương gia giàu có tên là Sumana. Có một ngày nọ, đức Phật Độc Giác Upariṭṭha vừa xuất diệt thọ tưởng định, đi vào thành để khất thực. Người làm công Annabhāra trông thấy bèn thỉnh ngài về nhà; và cả hai vợ chồng bèn dâng cúng hết phần vật thực của mình trong ngày hôm đó cho Phật Độc Giác; nghĩa là cả nhà nhịn đói. Phú gia Sumana biết chuyện bèn xin mua phước đức từ người làm công nhưng Annabhāra từ chối và đến thỉnh thị sự dạy bảo của Phật Độc Giác. Ngài dạy rằng: hãy để cho Sumana dự phần phước đức. Phước như một ngọn đèn, nếu ngọn đèn này cho nhiều ngọn đèn, trăm ngàn ngọn đèn khác thắp lửa thì

ngọn đèn cũ đâu có mất lửa mà ánh sáng lửa, ánh sáng lửa càng sáng thêm mãi. Như vậy, phước đức, phước báu càng tăng thêm khi mình chia phần phước cho người khác. Hãy để cho họ được cùng san sẻ công đức. Sau đó, Sumana vô cùng cảm kích Annabhāra khi người làm công cho mình dự phần phước đức.

Để đền ơn, Sumana tiến cử Annabhāra lên đức vua và kể chuyện hai vợ chồng Annabhāra đã nhịn đói và dâng trọn vật thực trong ngày cho Phật Độc Giác như thế nào. Đức vua hoan hỷ theo và cấp ngay cho Annabhāra một mảnh đất và cho xây dựng một ngôi nhà khang trang cho vợ chồng nghèo. Lạ lùng, khi nhân công đào đất làm móng, đào chỗ nào cũng thấy những hũ đầy châu báu. Đấy chính là phước báu hiện tiền khi dâng cúng vật thực cho Phật Độc Giác sau bảy ngày Nhập diệt thọ tưởng định. Sau đó, Annabhāra dâng cúng hết châu báu có được cho đức vua. Thấy được sự trong sạch như gương, chẳng một tơ, một hào, một mảnh bạc tiền nào dính được vào tâm của Annabhāra, đức vua ban cho ông ta làm trưởng ngân khố của triều đình!

Nói tóm lại, phước của Anuruddha đã làm trong quá khứ quá nhiều, quá nhiều đếm không kể hết nên kiếp này, ông hoàng ấu nhi không bao giờ nghe đến cụm từ *"không có gì hết"* (natthi) cũng là dễ hiểu vậy!

Từ xưa liên hệ hiện tại. Khi Anuruddha đắc quả thánh, có thắng trí, nhất là thiên nhãn thông, hôm kia, ngài nghĩ: Người bạn xưa, Sumana của ta, giờ ở đâu? Và với thiên nhãn, tôn giả rà soát khắp các cõi và thấy Sumana nay là

một cậu bé bảy tuổi, tên là Culla Sumana sống ở một phố thị cách đó không xa. Tôn giả Anuruddha tìm đến, và gia đình cha mẹ của Culla Sumana cúng dường vật thực cho ngài suốt ba tháng an cư. Mãn hạ, tôn giả cho Culla Sumana thọ giới xuất gia. Khi vừa cạo đầu xong, cậu bé Culla Sumana đắc quả A-la-hán, thật là diệu kỳ!

Còn vô số kể về chuyện tiền thân của tôn giả. Đại lược, tôn giả có mười lăm kiếp là vua cõi trời, bảy lần cõi người và chỉ một lần làm thú. Còn làm quốc vương cũng khá nhiều. Dù là kiếp gì, làm gì chăng nữa, đức hạnh và trí tuệ luôn tiềm tàng và có một mẫu số chung về phẩm đức, là ý chí mạnh mẽ, kiên cường giữ gìn sự trong sạch, thiện lương, hiền đức, giới hạnh; luôn quan tâm, bi mẫn vì hạnh phúc an vui cho người khác.

Giờ Cuối Bên Tôn Giả Sāriputta

Anuruddha rất tôn quý tôn giả Sāriputta, ngài luôn xem vị Đại đệ tử này như bậc thầy thứ hai của mình sau đức Tôn Sư; vả chăng, tôn giả Sāriputta đã có ân đức rất lớn với Anuruddha - khi thì nghiêm uy, thẳng thắn không vị nể, lúc thì dịu hiền, ân cần đã trực tiếp và gián tiếp dẫn dắt tôn giả vào thánh đạo, quả. Khi hay tin tôn giả Sāriputta về quê để Niết-bàn, lúc bấy giờ chư đại trưởng lão trong giáo hội còn có nhiều vị thánh lậu tận lớn tuổi, cao hạ, có uy tín như chư vị tôn giả Mahā Moggallāna, Mahā Kassapa, Mahā Kaccayāna, Puṇṇa-Mantānīputta, Puṇṇa (Puṇṇaka),

Subhūti... nhưng đa phần họ ở ẩn, ở xa ít khi xuất hiện bên cạnh Tôn Sư hoặc đại chúng. Tôn giả Ānanda đồng tuổi với đức Phật, cũng cao hạ, cũng rất uy tín nhưng chỉ mới Nhập lưu; và vị ấy phải ở bên cạnh Tôn Sư không thể rời xa. Chỉ duy nhất một vị còn lại là tôn giả Anuruddha là có thể đại diện cho chư tôn trưởng lão, đi theo cùng với sáu vị thánh em trai và em gái của tôn giả Sāriputta để tiễn biệt người Anh Cả.

Về đến nơi, trưởng lão Anuruddha được trưởng lão Mahā Cunda dẫn vào nơi ở quý trọng nhất. Còn Upasena, Revata thì hướng dẫn chư tăng tìm các chỗ ở, phòng ngủ, nước uống, chỉ cầu tiêu, phòng tắm...

Đêm ấy, ở trong phòng riêng, tôn giả Anuruddha thấy biết tất cả việc gì đang xảy ra: Bệnh tình tả lỵ của Sāriputta, ba em trai, ba vị thánh chăm sóc... Đại phạm thiên Sāhampati xuống thăm, thiên chủ Đế Thích cùng Tứ đại thiên vương xuống cạnh bên hầu hạ. Tôn giả Sāriputta dẫn dắt mẹ vào thánh đạo, bà hân hoan sung sướng thế nào.

Khi tôn giả Sāriputta bảo các em mang ngài ra nhà Hội thì tôn giả Anuruddha đã ở bên cạnh, lắng nghe lời giáo giới vàng ngọc của tôn giả với năm trăm tỳ-khưu đệ tử của mình. Tôn giả cũng theo dõi tiến trình tâm của tôn giả Sāriputta đi vào Niết-bàn như thế nào. Và, tôn giả cũng âm thầm, lặng lẽ chưa nói lời nào, chưa làm gì cả vì ngài biết, ba vị thánh em trai và ba vị thánh em gái của tôn giả Sāriputta đủ sức lo tất cả các công việc...

Tôn giả Anuruddha cũng chăm chú lắng nghe tất cả sự

kể lể của bà Sārī rồi cất lời khuyên phải lẽ... nên sau đó, nhất nhất bà nghe theo sự hướng dẫn của tôn giả.

Tôn giả Anuruddha cũng cho bà Sārī biết là rất nhiều vị thiên, địa tiên, thọ thần, rồng, dạ-xoa... cũng trà trộn xen lẫn vào đấy để cùng tham dự; đại phạm thiên, phạm thiên cũng có mặt để cung tiễn vị Đại đệ tử.

Bên kim quan tôn giả Sāriputta, chư tăng đứng quanh mấy vòng quanh, tụng những biến kinh về vô thường, khổ não, vô ngã. Ba vị tỳ-khưu-ni A-la-hán, em của ngài, ngồi quỳ lặng lẽ bên linh cữu. Bốn vị A-la-hán, dẫn đầu là tôn giả Anuruddha, cầm những bó mồi bằng rễ cây Usīva thơm hương, châm lửa đốt. Lời kinh của năm trăm người đọc quả có uy lực kinh thiên động địa, dào dạt, ùn ùn như sóng lượn giữa không gian. Lửa bốc cháy, thơm ngào ngạt, lan xa cả mấy ngôi làng...

Trong đêm hỏa thiêu ấy, tôn giả Anuruddha và ba vị thánh tăng em trai ngài thay nhau thuyết pháp không nghỉ. Khi lửa tàn chỉ mới cuối canh hai, tôn giả Anuruddha và Mahā Cunda lấy những thùng nước hoa tưới tắt những cục than âm ỉ khói. Trưởng lão Mahā Cunda đến góp nhặt xá-lợi vào vuông vải lọc rồi đi ngay về Kỳ viên tịnh xá.

Tôn giả Anuruddha không những là vị cuối cùng ở bên tôn giả Sāriputta mà còn là người cuối cùng ngồi khuyên giải Mẹ Sāri rất nhiều lần nữa. Vả chăng, lúc bấy giờ, bên cạnh tôn giả Sāriputta, ngài là vị trưởng lão duy nhất có mặt nên hình bóng của ngài, được xem như là đại diện cho đức

Phật và chư tăng còn nói lên tình cảm thiêng liêng đạo tình huynh đệ nữa.

Xong việc, tôn giả Anuruddha lại lặng lẽ dùng thần thông lực về Kỳ viên tịnh xá còn nhanh hơn cả Mahā Cunda!

Từng Giờ Khắc Bên Bổn Sư

Tôn giả Sāriputta viên tịch, nửa tháng sau, tôn giả Mahā Moggallāna lại xin Tôn Sư để Niết-bàn. Thấy Ānanda khóc lóc sầu muộn, và vì trời quang, mây tạnh, đức Phật lại ôm bát lên đường, với đại chúng chừng năm trăm vị trong đó có chư tôn giả Upāli, Anuruddha, Upavāna, Ānanda là đi theo, còn tất cả ở lại tịnh xá...

(Cuộc hành trình này đã có kể đầy đủ trong tiểu sử tôn giả Ānanda; ở đây chỉ nhắc đến những giây phút Anuruddha bên cạnh Tôn Sư).

Khi Phật Niết-bàn, tôn giả Anuruddha đã thốt lên bài kệ:

"- Không còn thở vào ra,

Trong tâm ngài định tĩnh;

An tịnh, không dao động,

Đấng Toàn Giác Nhập diệt;

Tâm bình thản, tự tại,

Nhẫn chịu mọi khổ thọ;

Như ngọn đèn tắt lụn,

Tâm viên mãn giải thoát."

Còn tôn giả Ānanda khóc lóc bi thương. Cả rừng cây Sālā, người, gió, cành lá chợt trở nên lao xao không còn yên tĩnh nữa. Dù nhiều vị tỳ-khưu đã đắc Tu-đà-hoàn rồi nhưng vẫn tuôn trào cảm xúc, không làm chủ được mình. Có vị la to lên, hét to lên ai cũng nghe: *"Mặt trời mặt trăng tắt rồi. Con mắt thế gian tối đen rồi!"* Có vị lặng lẽ sụt sùi, lẩm bẩm: *"Hai vị thượng thủ ra đi, bây giờ lại thêm Tôn Sư ra đi nữa, có sự trống vắng thê lương nào hơn hoàn cảnh hiện nay chứ! Ôi! buồn quá!"*

Tôn giả Anuruddha thấy khu rừng như nhuốm màu tang tóc, ngài đứng lên, nói giọng lớn, khuyên nhủ mọi người:

- Thôi, chư hiền giả cùng cận sự hai hàng! Chư vị chớ có sầu não, chớ có khóc than nữa. Phải chăng chư vị không nghe lời dạy bảo của đức Thế Tôn? Và câu nói cuối cùng của đức Đạo Sư là gì? Là *"Các pháp hữu vi là vô thường, hãy tinh tấn, chớ có phóng dật"*. Chư hiền giả có còn nhớ không?

Đại chúng nghe lời, quang cảnh yên lặng và trang nghiêm trở lại. Tôn giả Anuruddha đã quen với công việc trong cuộc ra đi vĩ đại của tôn giả Sāriputta nên cắt đặt ngay phận sự cho các vị trưởng lão:

- Tôn giả Upāli và tôi sẽ thay nhau thuyết pháp cho đại chúng để giữ sự thanh tịnh và trang nghiêm bên kim thân của đức Đạo Sư. Chư tôn giả Ānanda, Upavāna, Mahā Cunda thì hãy đi vào thành Kusinārā, thông báo rộng rãi cho các tộc Mallā là đức Thế Tôn đã tịch diệt Niết-bàn.

Cứ thông báo vậy thôi là các Vāseṭṭhā họ tự biết phải làm những gì.

Rồi sự việc cứ thế diễn tiến. Trời đã sáng. Trong không gian tĩnh lắng và rừng cây Sālā trầm mặc chỉ còn nghe vọng pháp âm của nhị vị tôn giả như những hồi chuông tỉnh thức cho kẻ ở lại thấy rõ định luật như thực của lẽ sống chết, tụ tan, sinh diệt của hữu vi pháp. Ngàn xưa cũng vậy và ngàn sau cũng vậy. Và đấng Siêu Việt ra đi, đã khéo xuất ly, như làn khói ngang trời mất tích giữa không gian vô tận; như cánh gió qua rừng cây, tan vào non xanh không hề lưu dấu. Vô hành, vô trú, vô vi, vô tạo tác chính là chỗ về, là nơi an nghỉ tuyệt đối của các bậc xuất trần đã làm xong mọi bổn phận tại thế. Vô ngôn, vô đối, vô khả tỷ.

Các vị tộc trưởng Mallā do đã có cuộc hội kiến với chư tôn trưởng lão nên họ biết sẽ mang theo những gì từ thành phố. Thế là nhiều chiếc xe ngựa kéo chở đủ mọi thứ vật dụng, vật liệu, hòm chiên đàn, gỗ trầm hương, vải quý, lụa quý các loại, bông gòn, bột hương, dầu hương, dầu đốt, đuốc, hương, tràng hoa, nhạc khí, nhạc cụ... kể cả vũ công và nhạc công nữa. Tuy nhiên, các vị tộc trưởng còn cho người tức tốc đến gặp đức vua Mallā và triều đình, sợ rằng tài lực không đủ để làm lễ pháp táng kim thân đức Phật như là pháp táng một đức Chuyển luân vương. Thế là sự yêu cầu giúp đỡ trên được triều đình hoan hỷ đáp ứng.

Khi mặt trời vừa lên ngang ngọn cây thì các tộc dân Mallā, nam nữ, già trẻ đã từng đoàn, từng đoàn, trước sau quy tụ về rừng cây Sālā, người đông như hội. Chư tăng mấy

trăm vị được sự sắp xếp của tôn giả Anuruddha, tĩnh tọa thành năm bảy vòng lớn nhỏ bao quanh chỗ Niết-bàn của đức Đạo Sư. Chúng chư thiên, thiên thần cũng đã hội tụ đầy đặc cả không gian. Nhạc trời vẫn vọng xuống cúng dường. Bột chiên đàn như phấn vàng vẫn rải xuống cúng dường. Hoa Mandārava cũng còn rơi xuống cúng dường. Cả rừng cây đều đã được lót thảm hoa và hương.

Khoảng chiều tối, khi đã mang đến đầy đủ tất thảy những vật dụng cần thiết, họ quấn quanh kim thân đức Đạo Sư hằng chục loại vải quý tẩm hương, bông gòn tẩm hương và lụa quý tẩm hương, với tuần tự từng lớp, từng lớp như thế. Rồi bốn lực sĩ nâng toàn bộ giá thể ấy đặt vào hòm chiên đàn, loại hòm thường chỉ để dùng cho vua chúa. Khoảng hở, khoảng trống còn lại trong hòm đều được phủ đầy xác hương và bột hương. Xong đâu đấy, chiếc hòm trân quý này lại được đặt vào hòm chiên đàn khác, lớn hơn đã được dát vàng, dát bạc, dát châu báu; và các khoảng trống xung quanh, trên dưới đều được lót bằng, phủ đầy xác hương và bột hương như thế. Chưa thôi! Những dây cột kim quan đều bằng những sợi chỉ vàng, chỉ bạc được bện dày, đan xoắn lại. Xung quanh kim quan, mười sáu trụ đầy dầu lạc được thắp sáng suốt bảy ngày bảy đêm không cạn bấc.

Quan sát cách làm, cách chọn lựa và sử dụng vật liệu của họ, tôn giả Ānanda nói khẽ với tôn giả Anuruddha:

- Xem ra, cách bó tẩm và vật liệu bó tẩm kia thì nó còn quý trọng, trân trọng hơn cả đức vua Chuyển luân đấy.

Tôn giả Anuruddha khẽ mỉm cười:

- Đúng vậy! Nhưng nếu hiền giả biết thêm, là chư thiên cũng đang làm, họ hòa trộn vào các vật liệu kia không biết bao nhiêu là hương, là phấn hương và xác hương của cõi trời nữa đấy. Nó thơm đến tận cung trời Đao Lợi luôn đấy!

Mỗi ngày, từ sáng đến trưa là chương trình lễ bái, cung kính, cúng dường của các tộc trong kinh thành. Từng đoàn, từng toán... một gia đình, hai gia đình... nam nữ trẻ già... họ vận xiêm áo lễ hội, đẹp đẽ và lịch sự nhất, đi quanh kim quan ba vòng về phía hữu, vừa đi họ vừa tung hoa vừa tỏ cảm xúc của mình. Người thì khóc, người thì ca hát, người thì cung kính đọc tụng câu *"Đảnh lễ đức A-la-hán, Chánh Đẳng Giác"*. Bên cạnh kim quan cách xa chừng hai mươi đòn gánh, tộc Mallā cho dựng một khán đài lộ thiên và buổi chiều nào cũng có phụng diễn ca, vũ, nhạc. Những đoàn nhạc công, ca nhi, vũ công nam nữ với hằng chục nhạc khí, nhạc cụ... với những tiết mục đặc sắc nhất, nội dung tôn giáo tín ngưỡng thiêng liêng nhất để cúng dường Thế Tôn. Họ là những nghệ nhân, nghệ sĩ cung đình, dân gian, các đền tế được thỉnh mời trân trọng với lễ phẩm hậu hĩ nên họ đã biểu diễn hết lòng, hết tài nghệ của mình...

Tôn giả Anuruddha khẽ nói vào tai tôn giả Ānanda:

- Tráng lệ và huy hoàng lắm, nhưng xem ra, những nghệ sĩ này cùng với nhạc khí của họ, so với chúng nghệ sĩ càn-thát-bà ở cung trời Đao Lợi thì tương tự như hai nắp sắt gõ vào nhau và bên kia là cây đàn ngàn dây, hợp tấu muôn ngàn giọng chim trong rừng Himalaya vậy!

Tôn giả Ānanda chỉ biết *"há hốc"* lắng nghe từ cái thấy

biết của bậc Thiên nhãn.

Sáng ngày thứ bảy, theo chương trình, là khiêng gánh kim quan đến lễ đài hỏa táng. Theo dự định thì họ sẽ đi về phía nam, qua thành phố rồi quành về phía đông để đến đài hỏa táng. Để chuẩn bị, tám vị tộc trưởng đại diện tám tộc của Mallā gội đầu bằng nước thơm, tắm rửa sạch sẽ cũng bằng nước thơm, mặc áo mới có tẩm dầu thơm, có thêm tám lực sĩ triều đình phụ giúp để khiêng kim quan. Nhưng cả ba lần đặt tay nâng đòn kim quan thì họ nhấc không nổi, có cảm giác nó nặng như một ngọn núi.

Vị tộc trưởng hỏi tôn giả Ānanda:

- Không biết do nhân gì, duyên gì mà chúng tôi, có cả tám lực sĩ phụ giúp vẫn không nhấc nổi kim quan!

Thay Ānanda, tôn giả Anuruddha đáp:

- Này các Vāseṭṭhā! Vì ý muốn của chư vị khác mà ý muốn của chư thiên lại khác.

- Vậy ý chư thiên làm sao, thưa tôn giả!

- Này các Vāseṭṭhā! Chư thiên họ muốn rải hoa hương, ca nhạc vũ để cúng dường kim quan Phật suốt trên một lộ trình dài hơn.

- Cụ thể là lộ trình nào, thưa tôn giả?

- Này các Vāseṭṭhā! Theo chư vị sẽ đi về phía nam, qua thành phố rồi quành về phía đông để đến đài hỏa táng. Còn họ thì muốn bắt đầu đi thẳng về phía bắc. Đến cửa bắc thì đi vào trung tâm thành phố. Từ trung tâm thành phố mới đi

đến phía đông. Từ cửa đông thành phố mới đi tới ngọn đồi có điện thờ Makuṭabandhana của tộc người Mallā, sau đó mới tôn trí kim quan Tôn Sư lên giàn hỏa thiêu.

Chư lão trượng gật đầu:

- Ý chư thiên thế nào, ý chúng tôi là vậy, thưa tôn giả!

Quả nhiên, sau đó họ khiêng nhẹ hẫng như khiêng một khối bông gòn. Trên lộ trình, người người đầy đặc hai bên kim quan và phía sau kim quan kéo dài cả do-tuần. Và rồi thì hoa, hoa rơi đầy trước kim quan, trên kim quan và sau kim quan. Đặc biệt là hoa trời Mandārava rơi ngập các lối đi, ngập cả bàn chân người.

Do đường xa, đi chậm, gần trưa, kim quan mới đến nơi hỏa đài. Chư tăng bây giờ đã trên năm trăm vị cùng chư vị trưởng lão, họ tụng một thời kinh nói về vô thường, khổ không, vô ngã vang lên âm thanh trầm hùng, ùn ùn chao động cả không gian. Sau thời kinh, do oai lực của thời kinh mà cả một vùng xa rộng đều trở nên yên lặng, thanh tịnh.

Chư trưởng lão ra dấu hiệu có thể châm lửa được rồi. Và chư tôn giả muốn giao việc trân trọng và vinh dự ấy cho tám vị tộc trưởng Mallā.

Thế rồi, tám bó đuốc hương đều đồng loạt châm vào cả một lễ đài dầu hương, nhưng không bốc cháy. Lần thứ hai cũng vậy mà lần thứ ba cũng vậy. Lửa đều không bén được vào giàn hỏa.

Họ thưa với tôn giả Anuruddha:

- Do nhân gì, do duyên gì mà lửa châm vào dầu lại không cháy, thưa tôn giả!

- Này các Vāseṭṭhā! Vì có ý muốn khác của chư thiên nên lửa không bén được.

- Ý chư thiên thế nào, thưa tôn giả?

- Này các Vāseṭṭhā! Ý định của chư thiên như sau: Tôn giả Mahā Kassapa nay đang đi trên đường, khoảng giữa Pāvā và Kusinārā cùng với đại chúng tỳ-khưu năm trăm vị. Giàn hỏa chỉ được đốt cháy khi tôn giả Mahā Kassapa cúi đầu đảnh lễ bàn chân Thế Tôn.

- Chúng tôi xin nghe theo ý định của chư thiên.

Và quả đúng như vậy, lúc bấy giờ, tôn giả Mahā Kassapa cùng với đại chúng tỳ-khưu năm trăm vị đang đi trên đường, khoảng giữa thị trấn Pāvā và thành phố Kusinārā.

Chuyện là, hôm kia, tôn giả từ rừng về, ghé Vesāli, biết rằng đức Phật và chừng mấy trăm vị tỳ-khưu đi lên phương bắc, và Thế Tôn sẽ Nhập diệt sau ba tháng kể từ hôm hứa với ma vương ở điện thờ Cāpāla. Do dẫn theo một hội chúng đông đúc nên tôn giả bộ hành chậm, vả lại, ngài cũng đã quá già yếu, mỗi đi, mỗi nghỉ.[1] Rời thị trấn Pāvā, đang trên đường đến thành phố Kusinārā thì tôn giả thấy một tà mạng ngoại đạo trên đường ngược chiều đang cầm đóa hoa

---

[1] Ngài có thần thông, nhưng khi không hướng tâm thì không biết. Lại nữa, thần thông của ngài chưa đủ năng lực dẫn theo cả 500 tỳ-khưu bay qua hư không được.

Mandārava lạ lùng trên tay.

Tôn giả nghĩ: *"Đây là hoa trời, và hoa trời thù thắng, kỳ diệu này thế gian không có, thường chư thiên chỉ cúng dường đức Đạo Sư, vậy sao ông đạo sĩ tầm thường này lại có được?"*

Thế rồi, hướng tâm một lát, tôn giả biết đức Phật đã Niết-bàn một tuần và mọi người đang chờ đợi ngài tại điện thờ Makuṭābandhana mà chư thiên chưa cho phép họ châm lửa hỏa đài. Đến nơi thì mặt trời đã ngã xế. Không để mất thì giờ, tôn giả Mahā Kassapa trật y vai phải, chúng tỳ-khưu cũng vậy rồi họ nhiễu quanh kim quan đức Phật ba vòng. Dừng lại phía bàn chân Phật, tôn giả nhắm mắt, định thần một lát, đột nhiên, từ trong hàng chục lớp vải bó, hai bàn chân đức Phật thò ra.

Sau khi tôn giả Mahā Kassapa cúi xuống ba lần hôn bàn chân Thế Tôn xong, hai bàn chân thụt vào thì hỏa đài tự động bốc cháy. Người phàm thì không hiểu tại sao, nhưng tôn giả Anuruddha và những bậc có thiên nhãn thì biết đấy là do viên hỏa ngọc của Đế Thích thiên chủ.

Lửa cháy rần rần, bốc ngọn lên cao, tỏa hương thơm ngào ngạt giữa không gian. Cả rừng người yên lặng như tờ. Đôi nơi là những bài kinh Pháp Cú hoặc những kệ ngôn vọng lại nói về vô thường, khổ không, vô ngã. Nơi khác thì một nhóm người ngước mắt về hỏa đài tỏ vẻ trang nghiêm, thành kính hết mực.

Tôn giả Anuruddha đứng nhập định, vào tứ thiền, xuống

cận hành, sử dụng nhãn lực quan sát ngọn lửa và kim quan từ khi lửa cháy đến lúc lửa tàn; sau đó, ngài cho biết rằng: *"Nó cháy từng lớp, từng lớp vải bó, bông gòn bó, lụa bó... tạo ra sức nóng kinh khiếp. Hai hòm chiên đàn lớn nhỏ, bốc cháy với thời gian nhanh hơn, sau đó mới đến những lớp y và nhục thân của Thế Tôn, và nó cũng cháy nhanh da, thịt rồi xương. Như sanh tô hay dầu bị cháy, tất cả đều bị cháy sạch không có tro than. Cũng vậy, cái gì nơi thân Thế Tôn, tất cả bị cháy tiêu hết, không còn bụi tro, bụi than nào. Cái còn lại là xương xá-lợi lấp lánh như kim cương, như bảo châu."*

Sự thấy biết trên của tôn giả Anuruddha, ngài cũng tường tận kể lại bên tai cho tôn giả Ānanda nghe để vị này khỏi tủi thân khi mình không có các thắng trí.

Lúc lửa tàn, một dòng nước thơm hương từ hư không tuôn đổ xuống tưới tắt giàn hỏa...

Cuộc phân chia xá lợi, ban đầu khó khăn, sau do nhờ bà-la-môn Doṇa hoan hỷ đảm nhận công việc chia phần một cách phân minh, không ai than phiền được cả.

Chư vị trưởng lão, chúng tỳ-khưu cũng giải tán, bộ hành đi các nơi. Tôn giả Anuruddha, Ānanda ôm y tăng-già-lê và bát của đức Phật cùng chừng vài trăm vị tỳ-khưu trở lại Trúc lâm tịnh xá.

Tôn Giả Niết-bàn

Ba tháng sau khi Phật Diệt độ, đại trưởng lão Mahā Kassapa, tổ chức kết tập Pháp và Luật. Tôn giả Anuruddha ở trong số 499 vị thánh A-la-hán, ngài có quyết tâm sách tấn nghiêm khắc để khích lệ tôn giả Ānanda đạt thánh quả để đủ túc số năm trăm vị.

Có một chú giải nói rằng, trưởng lão Anuruddha được hội nghị giao cho trọng trách duy trì Tăng Chi Bộ kinh![1]

Cuộc kết tập bảy tháng thì hoàn mãn. Sau đó không ai biết tôn giả Anuruddha đi đâu, không có sử liệu nào nói tới.

Trong Trưởng Lão Tăng kệ, chúng ta tìm thấy hai mươi tám bài kệ của tôn giả Anuruddha, và do bài cuối, ta mới biết ngài Nhập diệt tại làng Veḷura thuộc đất nước Vajjī:

"- Tại làng Veḷura,

Giữa dân tộc Vajjī;

Ta đi đến đoạn diệt,

Chấm dứt dòng sanh tử;

Dưới bóng của khóm trúc,

Dập tắt thảy lậu hoặc;

Ta an tịnh Niết-bàn."

---

[1] Điều này có vẻ không đúng, vì thời này chỉ có Pháp và Luật còn Kinh thì nằm trong Pháp, kỳ kết tập thứ ba mới phân ra ba tạng? (Minh Đức Triều Tâm Ảnh)

Đức Phật thành đạo về thăm quê hương năm ngài 37 tuổi. Lúc ấy, Anuruddha 35 tuổi, xuất gia, sau đó cộng với 55 năm ngủ ngồi là 90 tuổi. Vậy ta có thể *"tạm kết luận"*, tôn giả Niết-bàn lúc 90 tuổi tại làng Veḷura thuộc đất nước Vajjī.

Tôn giả Anuruddha được xem như là một vị Đại đệ tử trong hàng Đại đệ tử của đức Thế Tôn.

Vị Thứ Bảy

Tôn giả Mahā Kaccāyana

(Đại Ca Chiên Diên)

Bậc Đệ Nhất Biện Giải Phật Ngôn

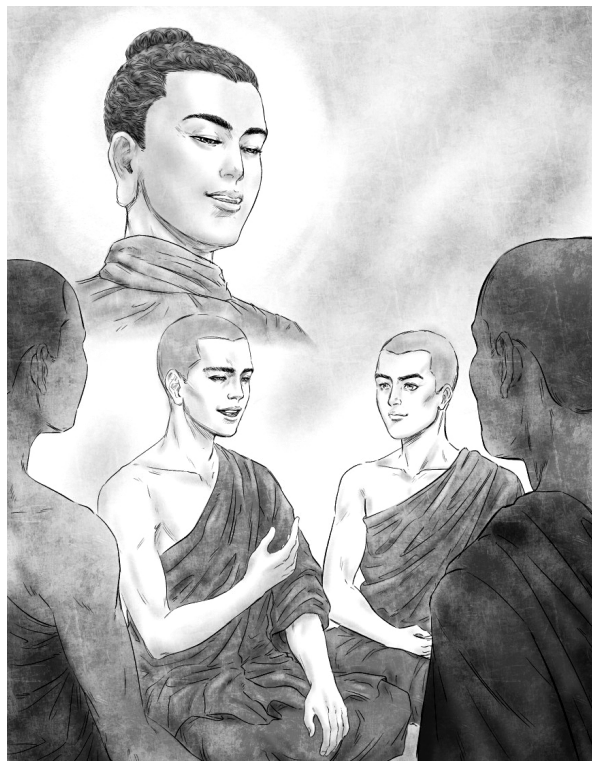

Dòng Dõi, Trưởng Thành

Tôn giả Mahā Kaccāyana là một trong số những đệ tử lỗi lạc của đức Phật, thuộc hàng Đại đệ tử, có khả năng luận giải những câu Phật ngôn ngắn gọn trở thành một bài pháp nên được đức Phật khen ngợi là đệ nhất Biện Giải Phật Ngôn[1].

Ở miền tây nam của Trung Ấn có một vương quốc nhỏ bé tên là Avantī (A-bàn-đề), kinh thành Ujjenī của đức vua Caṇḍappajjota là nơi sanh của tôn giả Mahā Kaccayāna. Vị quốc sư của nước này có bà vợ chính là em gái của đạo sĩ Asita (A-tư-đà), người đoán tướng cho thái tử Siddhattha thuở đản sanh là ba mươi lăm năm sau, ngài sẽ đắc quả vị Chánh Đẳng Giác. Vậy nên, trước khi hóa sanh vào cõi trời phi tưởng, đạo sĩ Asita ân cần căn dặn vợ chồng quốc sư rằng:

"- Sau này, nếu có con trai thì phải cho xuất gia làm đạo sĩ. Lúc nào nghe tin trên thế gian có một vị Phật ra đời thì đấy chính là thái tử Siddhattha Gotama, con của đức vua Sudhodana vương quốc Sākya! Hãy cho nó tìm đến mà quy

---

[1] *Saṇkhittena bhāsitassa ritthāreṇa atthaṁ vibhajantānaṁ.*

giáo với Người! Chính ta cũng rất tiếc là không được quỳ bên chân đức Toàn Giác để nghe về giáo pháp bất tử ấy!"

Cha mẹ tôn giả tức là vợ chồng vị quốc sư thuộc thị tộc Kaccāyana (hoặc Kaccāna), một trong những dòng dõi lâu đời nhất, khả kính nhất của hàng bà-la-môn.

Thời gian sau, họ hạ sanh một bé trai tuấn mỹ, có màu da vàng óng, mịn màng và tinh sạch như cánh sen nên ai cũng trầm trồ chiêm ngưỡng nên được đặt tên là Kañcana (màu vàng kim). Sở dĩ Kaccayāna có sắc da màu vàng kim vì thời đức Phật Kassapa, ông là gia chủ ở Bārāṇasī đã cúng một viên gạch bằng vàng trị giá một trăm nghìn đồng tiền vàng để xây dựng bảo tháp thờ xá-lợi của đức Phật.[1]

Lớn lên, cha mẹ chàng vẫn còn nhớ đinh ninh lời dạy bảo của ông anh đạo sĩ Asita hiền thiện, nhưng ông bà thấy tương lai sáng sủa của con, mai sau có khả năng nối nghiệp *"quốc sư"* để vẻ vang cho dòng dõi cao quý nhiều đời nên mãi chần chờ, lần lữa!

Lúc Kaccāyana vừa chẵn tuổi hai mươi thì chàng đã nắm vững, nắm chắc mọi sở học cần thiết của một thanh niên bà-la-môn chơn chính. Đặc biệt, Kaccāyana đam mê và nghiên cứu sâu về triết đạo học nên chàng xin cha mẹ cho được xuất gia làm một đạo sĩ du phương! Đến lúc này thì ông bà quốc sư đành phải kể lại sự thật về ước nguyện, di huấn xưa của đạo sĩ Asita cho Kaccāyana nghe. Kaccāyana khắc ghi lời cha mẹ ở trong lòng, nhưng rồi lại như cánh chim trời,

---

[1] *Xem Dictionary of Pāḷi Proper Names, trang 468, quyển 2.*

lang thang từ nước này sang nước khác để kinh lịch đạo học của thế gian. Kaccāyana luôn tra vấn, thao thức; và chàng cũng không dễ dàng chấp nhận một đời đạo sĩ dung tục, tầm thường với những tri thức, luận giải từ chân lý có sẵn ngàn đời. Chính vì lý do này mà chàng cứ đi mãi, học hỏi mãi mà không chịu lưu trú ở đạo tràng nào lâu. Ngọn lửa tri thức nung đốt, đẩy chàng ta-bà khắp các tiểu quốc miền nam rồi miền bắc, tây bắc, đến tận Himalaya. Mười năm sau, chàng đã nổi tiếng khắp nơi về khả năng nghị luận, phân tích, biện giả. Ai cũng kính phục, kính trọng chàng; nhưng tự thân, cõi lòng Kaccāyana vẫn bất an. Trở lại quê nhà thì cha mẹ đã già yếu, sau đó thì qua đời nên Kaccāyana được vua phong làm quốc sư nối nghiệp cha với địa vị vững chắc và danh vọng lẫy lừng.

Cảm Hóa Ông Vua Độc Ác

Lúc đức Phật chuyển pháp ở vườn Nai, Isipatana thì Kaccāyana đã hay tin nhưng chàng làm sao đi được khi đang bận rộn quốc sự? Thật ra, quốc sự thì không làm tân quốc sư của chúng ta bận tâm lắm, nhưng vấn đề là ở ông vua này. Ông có tên là Caṇḍappajjota, với tiếp đầu ngữ là "caṇḍa" có nghĩa là độc ác, bạo tàn và hung dữ như "*định mệnh độc ác*" đã gắn liền với tên tuổi của ông vậy (như Caṇḍa-Asoka không khác); nên Kaccāyana phải tìm cách cảm hóa trước đã.

Đức vua Caṇḍappajjota rất tín cẩn các đạo sĩ bà-la-môn nên thường nghe theo họ tổ chức các lễ tế thần giết hằng

ngàn súc vật như cừu, dê để lấy đầu và máu cúng tế thần linh. Caṇḍappajjota còn xử phạt xử hình rất tàn nhẫn đối với con dân của mình. Ông còn rất độc đoán, ông nói gì, làm gì là triều đình y theo như thế, không ai can gián, góp ý được. Cựu quốc sư là thân sinh của Kaccāyana đã bất lực, bó tay, không cảm hóa được thì đất nước, muôn dân làm sao an vui, hạnh phúc và hưng thịnh. Ác pháp, ác hạnh của ông vua chỉ dẫn muôn dân đi vào hang thẳm của ác thần Rāgu mà thôi.

Hôm kia, lựa tìm một không gian thanh bình, mát mẻ ở vườn ngự, Kaccāyana khôn khéo lựa tìm câu mở đề:

- Phải chăng bệ hạ đang có mối khổ tâm nào đó, một cái gì gì đó bất an mà sức người không có thể giải quyết được nên bệ hạ cho làm lễ cúng tế thần linh?

Đức vua Caṇḍappajjota tự nhiên đáp:

- Chẳng phải là khổ tâm, bất an gì cả, chỉ là trẫm muốn cúng tế thần linh, mong thần linh giúp cho dân giàu nước mạnh đó thôi!

- Tâu bệ hạ! Rồi hằng năm, năm này sang năm khác, hằng muôn, hằng triệu cừu dê bị chặt đầu, bị lấy máu cúng tế, hiến thần linh mà sao hạ thần không thấy dân giàu, nước mạnh mà ngược lại, muôn nơi vẫn lầm than, đói khổ?

Đức vua Caṇḍappajjota nín lặng vì ông từng đi kinh lý nhiều địa phương xa nên biết đấy là sự thực.

Sau đó, Kaccāyana đã phác thảo và thuyết giảng cho vua nghe một chính sách đồng bộ làm sao cho dân giàu

nước mạnh. Từ cứ lý sự thực là *"có làm mới có ăn", "tay làm hàm nhai",* phải khuyến khích và hỗ trợ nông nghiệp, các ngành nghề tay chân nặng nhọc hay thủ công trong xã hội mới mong tăng bội của cải tài sản, cơm no áo ấm cho muôn dân; các quan lại tại các địa phương giảm bớt thuế má cũng như tiết kiệm chi tiêu; những nạn hà lạm, hà khắc đâu đó phải được thanh tra, xử lý nghiêm khắc... vân vân và vân vân.

Đức vua Caṇḍappajjota mê man lắng nghe. Vốn không phải là thiểu trí, ngu muội nên Caṇḍappajjota như thức tỉnh, như có một ngọn đèn sáng rọi vào tâm trí ông mà bao năm qua các đạo sĩ bà-la-môn đã làm cho ông lú lẫn, tin tưởng theo mà không suy xét!

Caṇḍappajjota cảm động, nắm tay Kaccāyana, thốt lời chân thật tận đáy lòng.

- Quốc sư mới chính là thần linh mang đến cho ta!

"Tốt rồi", Kaccāyana tự nghĩ: Nhưng hãy từ từ ta sẽ tìm cơ hội chuyển hóa cách hành xử tàn bạo của đức vua.

Hôm kia, chứng kiến một tội nhân bị hành hình một cách tàn độc, Kaccāyana kính cẩn mở đề:

- Tên tội nhân kia làm việc độc ác gì mà bị hình phạt cày sắt cày nát người như thế hả đại vương?

- Nghe nói y hay trộm cắp gà vịt heo cừu...

- Thưa, vậy là quan hình sự tâu báo với bệ hạ?

- Đúng vậy!

- Vậy thì trước khi cho phạt hình sự như vậy, quan chánh án đã phán tội trạng của y chưa? Và phán tội xong thì đi vào khung xử phạt nào?

Đức vua ngơ ngác, không hiểu.

Thế rồi, Kaccāyana nói cho đức vua nghe, là phải có ba bước mới xử phạt hình sự tội nhân được: Thứ nhất, bắt tận tay, hay có chứng cứ phạm tội; thứ hai, quan chánh án phải xem xét tội trạng, quyết định khung hình phạt nặng hay nhẹ; thứ ba mới là quan hình sự chấp hình y như tội trạng... Vậy là phải có ba cấp như trên mới làm cho luật pháp nghiêm minh và có tính giáo dục răn đe cho mọi giai cấp trong xã hội.

Đức vua Caṇḍappajjota lại bị thuyết phục nữa! Quả là luật pháp phải nghiêm minh như thế. Phải bố cáo rộng rãi trong xã hội như thế. Và *"vô hình trung",* Kaccāyana khôn khéo không đụng chạm đến cá tính ác độc của ông vua mà phải làm cho ông vua không được thò tay vào các tội đại hình; việc ấy dành cho các ban bệ luật pháp. Quả thật, sau đó, đức vua cho bổ nhiệm các vị quan tương thích vào các chức vụ như lược dẫn.

Còn thứ ba là cá tính độc đoán tự dưng bị vô hiệu hóa. Vì từ khi biết nghe lời Kaccāyana và cũng vì Kaccāyana hay góp lời cải tổ chỉnh sửa điều này điều kia tại triều đình; nhờ đó, triều thần góp ý theo một cách thuận lợi. Rõ ràng là đức vua Caṇḍappajjota *"bị cắt"* cái tính độc đoán là do nhờ sự khôn ngoan và cách xử sự tinh tế của vị tân quốc sư.

Đưa Vua Vào Chánh Đạo

Mấy tháng sau, một hôm, Kaccāyana chợt hỏi đức vua:

- Nhờ đại vương anh minh, sáng suốt, cải cách toàn bộ kinh tế, luật pháp, xã hội trong những chính sách hợp lý; chưa nói đến dân giàu nước mạnh ngay tức khắc nhưng chắc chắn dần dà muôn dân sẽ có cơm no áo ấm rồi ăn ngon mặc đẹp cũng là kết quả đương nhiên, nhân quả đương nhiên, phải vậy không Đại vương?

Caṇḍappajjota vui vẻ gật đầu:

- Đúng vậy đó, quốc sư!

Kaccāyana bèn dẫn vua đi lên một bước nữa:

- Nhưng tâu đại vương, cho hạ thần được hỏi: Khi dân giàu nước mạnh rồi, muôn dân ăn ngon, mặc đẹp rồi thì họ đã có được đời sống an lạc và hạnh phúc chưa?

Đức vua lại ngơ ngác:

- Chuyện gì nữa vậy, quốc sư?

- Dạ thưa! Khi có ăn ngon mặc đẹp, dân giàu nước mạnh thì những tệ nạn trong xã hội bắt đầu phát sanh: Đấy là giết người cướp của, vợ chồng con cái dâm loàn, cờ bạc, rượu chè; những nơi du hí phù phiếm, sa đọa sẽ mọc nơi này nơi kia như nấm mọc sau một trận mưa, tâu đại vương!

Trầm ngâm một lát, đức vua phát biểu:

- Có lẽ đúng vậy! Đôi khi cơm áo thừa mứa quá thì cơ thể có thể phát tiết ra bên ngoài những trò chơi, những cuộc

vui dâm loàn, dâm dục và điên loạn như quốc sư vừa nói.

Kaccāyana hoan hỷ thốt lên:

- Tri ân đại vương đã thông hiểu.

Đức vua Caṇḍappajjota suy nghĩ một chút rồi nói tiếp:

- Áo cơm, vật chất chưa đủ mà phải có một đời sống tinh thần thế nào đó mới thật sự mang đến an lạc và hạnh phúc cho muôn dân được, quốc sư ạ!

Duyên sự, duyên pháp như vậy nên sau đó, Kaccāyana đưa ra thông tin một đức Chánh Đẳng Giác đã ra đời: Chính giáo pháp của ngài mới thật sự đem đến an lạc và hạnh phúc cho chúng sanh.

Nghe vậy, đức vua Caṇḍappajjota rất háo hức, rất nóng lòng gặp đức Phật để nghe được giáo pháp của ngài, liền cho họp quần thần rồi truyền cử người đi thỉnh mời đức Phật về vương quốc Avantī, thủ đô Ujjenī để giảng pháp. Triều thần nhìn nhau và ai cũng đều đồng ý rằng, người duy nhất có thể đảm nhận trọng trách đó, không ai ngoài vị tân quốc sư Kaccāyana.

Lời đạo sĩ Asita dặn dò cha mẹ chàng hiện ra mồn một trong tâm trí; và vì không lúc nào hơn là lúc này để đi xuất gia tu học theo của đức Phật Gotama nên Kaccāyana phát biểu:

- Tôi đồng ý đảm nhận nhiệm vụ lớn lao, khó khăn của triều thần tin tưởng giao phó, nhưng tôi có một điều kiện, xin đức vua xem xét?

Đức vua Caṇḍappajjota gật đầu:

- Được, quốc sư cứ nói.

- Tâu vâng! Khi tôi thỉnh mời đức Phật Gotama được rồi thì cho tôi được xuất gia tu học luôn thể như ý nguyện.

Khi cả đức vua và triều thần đang *"phân vân, khó nghĩ"* trước sự yêu cầu của vị quốc sư lỗi lạc, tài hoa và đức độ - Kaccāyana đành phải kể vắn tắt lời đạo sĩ Asita dặn dò cha mẹ chàng cho họ cùng nghe, rồi kết luận với giọng đanh thép:

- Đấy là *dấu triện ấn bất tử đã đóng trên sinh mệnh cuộc đời tôi,* không một uy lực nào trên thế gian có thể xóa đi được!

Do duyên lành nhiều đời kiếp và cũng biết không thể cản ngăn được chí nguyện của Kaccāyana nên đức vua sẵn sàng nhận chịu bất cứ điều kiện nào, ông đồng ý.

Xuất Gia Và Đắc Quả

Lúc ấy, nghe tin đức Phật và đại chúng tỳ-khưu đang ở Kỳ viên tịnh xá nên Kaccāyana cùng với bảy vị quan hầu cận lên đường nhắm hướng quốc độ Kosala, kinh thành Sāvatthi mưa nắng lâm hành.

Đến Kỳ viên, họ được đức Phật cho mời vào giảng đường. Vì thật ra Tôn Sư đang chờ đợi vị Đại đệ tử này, ngài thuyết một thời pháp đúng căn cơ nên cuối pháp thoại, cả tám vị đều đắc thánh quả A-la-hán luôn cả bốn tuệ phân tích (paṭisambhida-ñāṇa). Sau đó, đức Phật nói:

- *"Hãy lại đây! Này tỳ-khưu!"*[1] Hôm nay, Như Lai đã chứng nhận cho các ông là những vị tỳ-khưu trong giáo hội và tăng đoàn rồi đấy!

Thế là Kaccāyana, bây giờ chúng ta gọi là tỳ-khưu Mahā Kaccāyana; và cùng với bảy vị kia đều đầy đủ y bát và trông họ có tướng mạo trang nghiêm như những vị tỳ-khưu cao hạ. Ở lại đây mấy hôm để thọ hưởng năng lượng bình yên của giáo đoàn thanh tịnh, Kaccāyana còn được dịp làm quen với những vị thân cận bên đức Phật như hai tôn giả Đại đệ tử, như chư vị tôn giả Ānanda, như Upāli, như Anuruddha...và trông vị nào như cũng đang vững chắc trên lộ trình tu tập.

Hôm sau, đức Phật giới thiệu tám vị tân tỳ-khưu, nhất là Mahā Kaccāyana với một số đệ tử đang có mặt bên cạnh, là họ đã có căn cơ sâu dày từ quá khứ; và đức Phật cũng giới thiệu ngược lại. Bây giờ, Mahā Kaccāyana mới biết đến vị tỳ-khưu đức tướng trang nghiêm, vầng trán cao sáng kia chính là tôn giả Sāriputta, vị Đại đệ tử, bậc trí tuệ đệ nhất, thượng thủ của giáo hội! Vị thứ hai là tôn giả Mahā Moggallāna, bậc thần thông đệ nhất, là Đại đệ tử, người có dáng vẻ uy nghi, đường bệ có cái gì đó ở rất cao, rất xa với những thần lực siêu phàm. Vị thứ ba là tôn giả Ānanda, hoàng đệ của đức Phật, có nhiều mỹ tướng đặc thù, tỏa rạng một nhân cách cao sang, lại còn là bậc đa văn đệ nhất

---

[1] *"Ehi! Bhikhave!" Kinh điển truyền thống nói rằng, khi đức Phật nói như thế thì vị tân tỳ-khưu tóc râu rụng sạch, có đầy đủ y bát và tám món vật dụng, trông tăng tướng trang nghiêm như một vị tỳ-khưu cao hạ! Thường thì các vị này đều đã đầy đủ ba-la-mật từ quá khứ.*

nữa. Chỉ thoáng nhìn, thoáng thấy, thoáng nghe vài câu giới thiệu của đức Phật về chư vị, Mahā Kaccāyana sớm hiểu rằng, mọi kiến thức uyên bác và khả năng biện giải của chàng sẽ không lý nghĩa gì ở trong giáo hội minh triết của những con người minh triết như thế này!

Lúc từ giã, tỳ-khưu Mahā Kaccāyana nói lên duyên sự, là đức vua Caṇḍappajjota, quốc độ Avantī, thủ đô Ujjenī sau khi nghe tin đức Chánh Đẳng Giác đã ra đời nên tha thiết và nóng lòng được nghe chánh pháp; do vậy, triều thần đã cử phái đoàn đi thỉnh mời đức Phật và tăng đoàn như thế nào. Rồi tỳ-khưu Mahā Kaccāyana dầu không có *"ngôn ngữ lưu loát"* hoặc *"văn từ bóng bẩy"* nhưng ông cũng đã ca tụng đất nước Ujjenī tươi đẹp, tráng lệ với không biết bao nhiêu là mỹ từ *"có cánh"* với trăm vạn sắc màu. Và đất nước tươi đẹp, tráng lệ ấy mai sau sẽ là quốc độ của chánh pháp nếu Tôn Sư và tăng đoàn du hành đến thuyết giảng. Đức vua Caṇḍappajjota, triều thần cũng như mọi giai cấp trong xã hội ngóng chờ chánh pháp như hạn hán trông mưa...

Nghe Mahā Kaccāyana nói đến đây, vì thấy biết xa rộng, cả nhân và duyên nên đức Phật chợt ngăn lại:

- Thôi vừa rồi, thôi đủ rồi, Mahā Kaccāyana! Như Lai cũng biết miền trung châu Diêm-phù-đề xa xôi ấy, có đất nước Avantī tươi đẹp, tráng lệ, có ông vua khao khát giáo pháp! Nhưng không cần thiết ở đấy phải có mặt Như Lai và tăng đoàn của Như Lai! Chính ông đã có giáo pháp, và chính ông cũng đã có tăng đoàn thì hãy cùng nhau trở lại Avantī để hoằng dương giáo pháp, này Con Trai!

Đấy là sự thấy biết của bậc Toàn Tri Diệu Giác nên tỳ-khưu Mahā Kaccāyana không dám có ý kiến gì nữa, đành phải vâng lời thôi!

Cô Gái Nghèo Bán Mái Tóc Xanh Để Cúng Dường Vật Thực Cho Tăng Đoàn

Trở lại quê nhà, tăng đoàn tám vị của Mahā Kaccāyana đi ngang qua thành phố Telappaṇāli nên họ dừng lại nghỉ rồi đi trì bình khất thực. Vì là lần đầu tiên ôm bát xin ăn nên họ cẩn trọng, trang nghiêm, thu thúc, gìn giữ nết hạnh. Tuy nhiên, đây là xứ sở ngoại giáo, chưa có hình bóng đệ tử của đức Tôn Sư nên đi mãi đi hoài mà chẳng ai cúng dường chút vật thực nào.

Tại thành phố này có câu chuyện về hai cô gái. Một cô xinh đẹp với mái tóc dài xanh đen kiều diễm, nhưng cha mẹ mất sớm nên phải sống trong cảnh nghèo khổ. Cô kia cũng xinh đẹp không khác gì, sanh trưởng trong gia đình giàu có nhưng mắc phải chứng bệnh lạ nên khiến tóc bị rụng sạch. Đã bao lần, cô gái giàu năn nỉ cô gái nghèo bán mái tóc cho mình để làm mái tóc giả nhưng lần nào cô gái nghèo cũng từ chối.

Hôm đó, tình cờ cô gái nghèo khổ trông thấy đoàn tỳ-khưu ôm bát trì bình dáng vẻ mỏi mệt, cô đoán là họ đã đói lả vì không nhận được vật thực cúng dường. Vị sa-môn đi đầu, vị trưởng đoàn *"có nước da như mẹ vàng ròng óng ả",* dẫu đã mấy ngày trôi qua không có vật thực nhưng hình

dong, tướng mạo vẫn như một bức tượng kim sắc. Chợt một ước muốn mãnh liệt khởi lên trong tâm cô, là muốn được cúng dường vật thực đến cho tăng đoàn của vị sa-môn ấy. Thế nhưng, cô nghèo quá chẳng có xu cắc nào để mua vật thực, chỉ có cách là bán nhanh, bán gấp mái tóc quý giá này thôi. Thế là cô đến cô gái nhà giàu để bán tóc. Lần này, khi mái tóc xanh đẹp của cô gái nghèo đã vào tay, cô gái giàu lại ép giá, chỉ trả cho tám đồng xu. Không còn nghĩ ngợi gì nữa cả, cô cầm tám đồng xu đi mua thực phẩm rồi chạy theo đoàn sa-môn, cúng dường mỗi vị với gói thực phẩm với giá một xu. Cũng không đầy đủ vào đâu cả nhưng chư sa-môn cũng chữa trị tạm thời cơn đói.

Chuyện lạ lùng xẩy ra, khi cô gái nghèo vừa rời khỏi tay đặt bát cho vị thứ tám thì mái tóc cô xanh dài trở lại như cũ.

Khi trở lai kinh đô Ujjenī, tôn giả Mahā Kaccāyana kể lại chuyện huyền diệu về cô gái nghèo bán mái tóc xanh đẹp cho đức vua Caṇḍappajjota nghe. Đức vua xúc động, cảm động và vô cùng quý trọng tấm lòng của cô gái, bèn cho sứ giả đến thành phố Telapanāḷi thỉnh mời cô gái đến hoàng cung. Do duyên từ quá khứ, vừa thấy mặt cô gái mái tóc xinh đẹp vua sủng ái ngay, tức khắc tấn phong làm hoàng hậu.[1]

Và cũng từ đó, đức vua vô cùng quý trọng tăng đoàn nhất là trọng vọng sa-môn Mahā Kaccāyana. Đức vua tạo

---

[1] *... a very poor girl of Telappaṇāli who later becames Caṇḍappajjota's a queen - Dictionary of Pāḷi Proper Names, trang 468, Q2.*

duyên cho đại đức Mahā-Kaccāyana thuyết giảng tại vương cung cũng như những nơi khác trong thành phố. Người nghe giảng không những chỉ có triều thần mà cả dân chúng nữa, ngày càng đông. Đức vua nghe pháp rất hoan hỷ nên tăng trưởng đức tin, và bây giờ đức tin ấy đối với Mahā-Kaccāyana càng vững chắc hơn; ông sẵn sàng hộ độ bốn món vật dụng cho tăng đoàn không thiếu thứ gì. Còn hoàng hậu thì vô cùng tri ân vị tỳ-khưu trưởng đoàn *"có nước da như mẹ vàng ròng óng ả"* nên bà đã xây dựng cho đại đức Mahā Kaccāyana một nơi tu hành yên tĩnh trong công viên Động Vàng.

Cũng tại công viên hoàng gia này, tôn giả Mahā Kaccāyana thuyết giảng liên tục, thường xuyên, không mệt mỏi nên đã có rất nhiều người xin xuất gia tu học theo tăng đoàn, ngày càng đông. Như vậy là Pháp và Luật đã được thiết lập căn bản, vững chắc tại đất nước xa xôi này. Có một sử liệu nói rất ấn tượng về thành quả trên, rằng là: *"Thành phố là một ngọn lửa của những chiếc áo choàng màu da cam!"*[(1)]. Quả là sự thấy biết bất khả tư nghị của đức Chánh Đẳng Giác!

Biện Giải Phật Ngôn

Những chi tiết về đời sống trong những sinh hoạt thường nhật của tôn giả Mahā Kaccāyana trong tăng chúng rất hiếm

---

[(1)] *... so that, the whole city was one blaze of orange robes. Xem Dictionary of Pāḷi Proper Names, trang 468, quyển 2.*

khi được tìm thấy trong kinh điển cũng như trong các chú giải.

Vai trò quan trọng và chính yếu của tôn giả trong giáo hội là từ *những lời dạy ngắn gọn* của đức Bổn Sư, ngài có thể triển khai phân tích và luận giải thành một bài pháp để thuyết giảng cho tỳ-khưu đệ tử hay cho hai hàng cư sĩ. Cũng nhờ từ những bài thuyết giảng này, chúng ta mới biết được, là từ sau khi được thọ giới tỳ-khưu, đắc quả A-la-hán, tôn giả Mahā Kaccāyana thường sống ẩn dật ở những nơi vắng lặng, chỉ khi nào cần hướng dẫn môn đệ pháp học hay pháp hành, ngài mới xuất hiện. Đặc biệt là sau khi biến kinh đô Ujjenī *"thành một ngọn lửa của những chiếc áo choàng màu da cam"* thì ngài không còn yên thân được nữa, hết tăng chúng làm phiền rồi hai hàng cư sĩ làm phiền, nên ngài mới ẩn dật sâu hơn, kín hơn. Tuy nhiên, thỉnh thoảng, dù nghìn dặm xa xôi, tôn giả vẫn lặn lội tìm đến trú xứ của đức Bổn Sư để đảnh lễ, nghe pháp. Đôi khi, tôn giả cũng tháp tùng cùng du hành với Thế Tôn đi hoằng pháp nơi này, nơi khác. Có ba bài kinh ở Trung Bộ kể về vai trò phân tích và luận giải giáo pháp của Mahā-Kaccāyana xảy ra ba nơi khác nhau, ấy là Kapilavatthu, Rājagaha và Sāvatthi cho ta biết điều đó.

Kinh điển hoặc chú giải cũng không ghi lại sự liên hệ huynh đệ mật thiết giữa tỳ-khưu Mahā Kaccāyana với các vị đệ tử huynh trưởng như Sāriputta, Mahā Moggallāna, Mahā Kassapa hay Ānanda... Và, mặc dầu không hành trì đầu-đà ẩn cư nghiêm mật như tôn giả Mahā Kassapa, nhưng Mahā Kaccāyana cũng sống tương đối tách rời tăng chúng.

Đây có lẽ một phần do điều kiện địa lý quá xa xôi cách trở giữa Avantī và Kỳ viên, Trúc lâm hay các tu viện khác. Tuy nhiên, tôn giả sẵn sàng chia sẻ, giảng dạy giáo pháp khi đầy đủ nhân duyên và tên ngài luôn xuất hiện trong những bài kinh với vai trò, chức năng là vị phân tích, giảng giải làm sáng tỏ ý nghĩa lời dạy quá vắn tắt của đức Bổn Sư.

Đức Phật xưng tặng tôn giả Mahā Kaccāyana danh hiệu là: *"Vị đệ nhất đệ tử về khả năng phân tích và giảng giải chi tiết các lời dạy ngắn gọn của Như Lai"* được tìm thấy từ tám bài pháp trong đại tạng Nikāya: Ba bài trong Trung Bộ, ba bài trong Tương Ưng và hai bài trong Tăng Chi.

Ngoài ra, trong các Nikāya còn có những bài pháp do tôn giả Mahā Kaccāyana tự thuyết không dựa trên lời dạy vắn tắt của đức Bổn Sư. Nhìn chung, các bài pháp này đều có một *"pháp vị"* đặc biệt, thể hiện được phẩm chất cao cả của trí tuệ, đấy là: Sự thông suốt, sáng suốt, cân đối, kỹ lưỡng, cẩn thận, nội dung thiết thực, diễn đạt tinh tế, chính xác, tường tận lẫn cả phong phú... So với các bài giảng của chư tôn giả khác, ví như chư tôn giả Sāriputta, Ānanda thì những bài giảng của Mahā Kaccāyana không thể có văn từ bóng bẩy, thi tứ văn chương gì hết, mà nó khô khan, không gây được xúc cảm vì thiếu tỉ dụ, ẩn dụ, vắng mặt chuyện kể với những tình tiết hấp dẫn. Sở dĩ nó có giá trị thiết thực là nhờ vào nội dung chuyển tải, ở đấy không thừa dư ngôn từ, không bay lượn cảm xúc, mà nó đi thẳng trực tiếp vào cốt lõi của giáo pháp.

Riêng lãnh vực phân tích thì Mahā Kaccāyana có lối trình

bày khá tương tự, rất gần với tôn giả Sāriputta. Vị Đệ Nhất Trí Tuệ thường bắt đầu bài pháp với một đề tài đặc biệt được khai triển và phân tích rất hệ thống, vô cùng sắc bén và chính xác. Tôn giả Mahā Kaccāyana cũng theo phương pháp này nhưng bắt đầu lại là từ lời dạy vắn tắt của đức Đạo Sư.

Theo dữ liệu truyền thống của Theravāda, tôn giả Mahā Kaccāyana được xem là tác giả của hệ thống luận giải lồng trong hai tập kinh thuộc thể loại phân tích là Nettippakaraṇa và Peṭakopadesa. Hai công trình này có một tầm ảnh hưởng quan trọng cho các nhà chú giải Tam Tạng Pāḷi sau này. Có tư liệu khác cũng kết luận tương tự: Hai bộ luận giả Nettippakaraṇa và Peṭakopadesa được tổng hợp là lấy từ tư liệu của tôn giả Mahā-Kaccāyana thuyết giảng.

Luận Giải
Ba Bài Kinh Trong Trung Bộ
1- Giảng Giải Kinh Mật Hoàn
(Madhupiṇḍikasuttam)

Sau mùa an cư năm ấy tại Nigrodhārāma, có ba vị tôn giả đến hầu thăm đức Phật, đấy là chư vị trưởng lão: Tỳ-khưu Mahā Kaccāyana (Ma-ha Ca-chiên-diên), tỳ-khưu Mahā Kappina (Ma-ha Kiếp-tân-na) và tỳ-khưu Subhūti (Tu-bồ-đề)! Chỉ riêng tôn giả Mahā Kappina là đến với hội chúng rất đông, riêng hai vị tôn giả kia thì độc cư, độc bộ. Cả ba vị tôn giả đáng kính này thường được đức Phật khen

ngợi về thắng tuệ và thắng hạnh của họ.

Sau cuộc hội kiến ấy thì có hai vị lại âm thầm ra đi; tôn giả Mahā Kappina cùng với hội chúng trở lại quê nhà, thành phố Kukkuta để hóa độ bà con quyến thuộc; tôn giả Subhūti thì cất bước du phương; chỉ riêng tôn giả Mahā Kaccāyana thì trở về một ngôi rừng vắng gần đấy để tĩnh cư.

Hôm nọ, đi trì bình vài con đường trong thành phố, khi thấy vật thực vừa đủ dùng, đức Phật ghé vào ngôi rừng nhỏ tại Beluvalatthika để thọ thực rồi nghỉ trưa thì có một du sĩ thuộc dòng tộc Sākya đến thăm. Vị này thường ngao du thiên hạ, lấy khẩu tranh, luận tranh làm thú tiêu khiển, luôn với chiếc gậy cầm tay (dandapani) nên mọi người thường gọi y là Sākya Gậy-cầm-tay!

Gặp đức Phật, du sĩ Sākya Gậy-cầm-tay có vẻ nghênh ngang không coi ai ra gì, chỉ nói vài lời thăm hỏi xã giao rồi cất tiếng hỏi:

- Sa-môn Gotama có quan điểm, có chủ trương như thế nào và thường hay giảng thuyết, tuyên thuyết những gì cho thế gian?

Thấy thái độ của vị du sĩ có vẻ ngạo mạn, trịch thượng, đức Phật cũng không chấp gì, ngài nói:

- Như Lai không có quan điểm, không có chủ trương gì hết, này du sĩ!

- Tại sao?

- Vì nếu có quan điểm, có chủ trương thì thế gian này

cũng có đến hàng ngàn, hàng vạn quan điểm và chủ trương như thế!

- Dĩ nhiên là vậy rồi! Và như thế thì sao nào, thưa sa-môn Gotama?

- Thì chúng sẽ đưa đến khẩu tranh, luận tranh một cách vô ích và phù phiếm; là chuyện mà Như Lai không để dính chân dù chỉ là một hạt bụi, này Sākya Gậy-cầm-tay!

Khi thấy du sĩ có vẻ không nắm bắt được vấn đề, đức Phật nói tiếp:

- Này du sĩ! Đối với thế gian, với ma vương, phạm thiên, sa-môn, bà-la-môn, chư thiên và nhân loại - vì Như Lai không có quan điểm, không có chủ trương nên sẽ không luận tranh với họ. Vì không luận tranh với họ nên Như Lai không bị các tưởng chi phối, không bị các tưởng ám ảnh. Và nếu không bị các tưởng chi phối, không bị các tưởng ám ảnh thì tâm Như Lai không bị các dục bao vây, não hại. Khi tâm không bị các dục bao vây, não hại thì mọi nghi ngờ, do dự, mọi ăn năn, hối quá đều bị đoạn diệt. Như vậy cũng có nghĩa là mọi tham ái đối với các hữu và phi hữu đều chấm dứt! Và này du sĩ! Đó chính là sự thấy biết như thực của Như Lai, và Như Lai cũng đã từng giảng dạy, giảng thuyết hoặc tuyên thuyết như vậy!

Du sĩ Sākya Gậy-cầm-tay nghe đức Thế Tôn thuyết như thế, không biết có hiểu không, hay là vì ngạo mạn mà y đã lắc đầu, liếm lưỡi, trán nổi ba đường nhăn rồi quay mặt, chống gậy bỏ đi...

Vào xế chiều trở về đại viên Nigrodhārāma, trong giờ giảng pháp, đức Phật kể lại đoạn đối thoại với du sĩ Sākya Gậy-cầm-tay rồi kết luận như sau:

- Này các thầy tỳ-khưu! Do vậy mà bất cứ nhân duyên gì từ đó phát sanh hý luận, vọng tưởng thì một hành giả lên đường phải thấy cho thật rõ, nếu không sẽ bị chúng chi phối, ám ảnh. Và giả dụ như khi đã bị chúng chi phối, ám ảnh rồi, thì đệ tử của Như Lai đừng đón mừng, chớ hoan hỷ, chẳng nên chấp thủ hý luận, vọng tưởng ấy. Làm như vậy, đệ tử của Như Lai sẽ đoạn tận được các tham tùy miên, sân tùy miên, kiến tùy miên, nghi tùy miên, mạn tùy miên, hữu tham tùy miên, vô minh tùy miên; cũng có nghĩa là mọi kiến chấp, nghi ngờ, ngã mạn, ái hữu, vô minh, chấp trượng, chấp kiếm, đấu tranh, luận tranh, kháng tranh, vọng ngữ, ly gián ngữ không có cơ hội tồn tại. Chính ở đây mà các ác, bất thiện pháp đều được tiêu diệt, tận diệt không còn dư tàn...

Đức Thế Tôn chỉ nói vắn tắt như vậy rồi đi vào bên trong, khép cửa hương phòng lại.

Chư tỳ-khưu đa phần hoang mang, không hiểu. Phải cần có người giải thích rộng rãi đoạn đức Phật thuyết quá tóm tắt vừa rồi. Vì pháp ngữ, pháp nghĩa nó đang còn giấu ẩn bên sau! Có vị trưởng lão chợt mách miệng: Tôn giả Mahā Kaccāyana có đầy đủ thắng trí, thắng tuệ thường được đức Phật tán dương, ngợi khen, được các vị đồng phạm hạnh kính trọng, tôn trọng. Sao các vị không đi tìm vị ấy? Hình như tôn giả ấy đang ngụ cư nơi một khu rừng nào đó, gần đây thôi. Tôn giả Mahā Moggallāna vừa đi vắng. Tôn giả

Sāriputta đang ở Kỳ viên. Và nếu không có hai vị Đại đệ tử ở đây thì ai là người có thể giảng nói rộng rãi, tường minh đoạn thuyết giảng quá cô đọng vừa rồi của đức Tôn Sư?

Thế rồi, khi tìm được tôn giả Mahā Kaccāyana sâu trong một ngôi rừng, họ tha thiết, khẩn cầu ngài chỉ giáo! Họ lặp lại đoạn thuyết giảng quá cô đọng của đức Phật rồi mong nhờ ngài giải thích rộng rãi và chi tiết hơn.

Khi nghe xong câu hỏi, tôn giả Mahā Kaccāyana mỉm nụ cười đôn hậu, dịu dàng, khiêm tốn nói:

- Này chư hiền! Cũng như một người ưa thích lõi cây, ra sức tìm tòi lõi cây, đã đi khắp mọi nơi tìm kiếm lõi cây; khi đến một khu rừng, thấy một thân cây to lớn, già cỗi, đứng thẳng nên biết là có lõi cây. Người này tuy biết cây có lõi cứng, tốt, chắc, bền nhưng không biết nó nằm ở đâu, nên y đã bỏ qua rễ cây, bỏ qua thân cây rồi nghĩ rằng phải tìm lõi cây ở nơi cành hoặc lá! Than ôi! Cũng tương tự như vậy là việc làm hiện nay của chư hiền giả! Đứng trước mặt đức Thế Tôn, một cái lõi giáo pháp, tinh túy của giáo pháp, một hiện thân siêu việt, sừng sững, nghiêm uy, tối thượng bất khả tỷ, thù thắng bất khả lượng của giáo pháp; thế vậy mà chư hiền lại quay lưng với đức Thế Tôn, bỏ qua đức Thế Tôn, nghĩ rằng phải hỏi tôi về ý nghĩa rộng rãi và thâm sâu của giáo pháp!

Này chư hiền! Đức Thế Tôn biết những gì cần phải biết, thấy những gì cần phải thấy; ngài là bậc có con mắt sáng, là vị có trí và tuệ ở trên ba cõi; ngài chính là chánh pháp, chính là đại phạm thiên tối tôn, là vị thuyết giả, diễn giả

chơn chánh và duy nhất ở thế giới loài người; là vị chỉ lối mục tiêu phạm hạnh và lộ trình giải thoát; là vị trao cho mọi hành giả giọt nước cam lồ bất tử; và đúng ngài vị pháp chủ, chính thị ngài là Như Lai Thế Tôn!

Vậy thì chư hiền phải tùy nghi, tùy thời để thưa hỏi đức Thế Tôn về ý nghĩa này. Những gì đức Thế Tôn giải thích cho chư hiền, chư hiền hãy như vậy thọ trì, phụng hành với sự tin tưởng tuyệt đối.

Sau ba lần từ chối, thoái thác, nhưng thấy chư vị tỳ-khưu có vẻ cầu khẩn nhất mực thành tâm nên tôn giả Mahā Kaccāyana đành phải trả lời:

- Thôi được rồi, này chư hiền! Hãy khéo hướng tâm, hãy khéo lắng tâm, ta sẽ giảng nói đây! Khi mắt thấy một sắc pháp, một đối tượng thì cái thấy biết của con mắt ấy phát sanh, được gọi là nhãn thức. Sự gặp gỡ của căn, trần, thức ấy là xúc. Theo lý tùy thuộc phát sanh thì do duyên xúc liền có cảm thọ, có cảm thọ thì có tưởng, có tưởng thời có suy tầm, có suy tầm thì có hý luận. Do hý luận ấy làm nhân nên những vọng tưởng, ám ảnh, chi phối một người, không chỉ ở hiện tại mà cả quá khứ lẫn vị lai. Chỉ mới con mắt nhận thức sắc pháp thôi mà nó đã tương duyên phát sanh như vậy đó.

Này chư hiền! Tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý biết pháp thì chúng cũng đều diễn tiến, phát sanh tương tự như mắt thấy sắc vậy. Nghĩa là sự duyên khởi ấy đi từ xúc, thọ, tưởng, suy tầm, hý luận, vọng tưởng chi phối ta trong ba thời khi sáu căn, sáu trần và sáu thức xúc đối, gặp gỡ nhau.

Này chư hiền! Vậy muốn chấm dứt hý luận, vọng tưởng, có nghĩa là chấm dứt tham tùy miên, sân tùy miên, kiến tùy miên, nghi tùy miên, mạn tùy miên, hữu tham tùy miên, vô minh tùy miên; cũng có nghĩa là mọi kiến chấp, nghi ngờ, ngã mạn, ái hữu, vô minh, chấp trượng, chấp kiếm, đấu tranh, luận tranh, kháng tranh, vọng ngữ, ly gián ngữ... thì chỉ có một cách duy nhất là chấm dứt sự tồn tục, tương tục, sự diễn tiến của mắt, sắc, nhãn thức, xúc, thọ, tưởng, suy tầm, hý luận, vọng tưởng cả hiện tại, quá khứ và vị lai. Đấy là sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, này chư vị!

Sự giải thích có vẻ rất tường minh của tôn giả Mahā Kaccāyana cũng có một số vị tỳ-khưu hiểu, có một số vị vẫn chưa hiểu nên họ lại đi gặp đức Đạo Sư, kể lại toàn bộ nội dung rồi xin sự chỉ giáo của ngài. Đức Phật nói:

- Này chư vị! Tỳ-khưu Mahā Kaccāyana là bậc hiền trí, là bậc lợi tuệ, là bậc đại tuệ. Nếu chư vị hỏi Như Lai ý nghĩa rộng rãi của thời pháp, nếu Như Lai có trả lời thì Như Lai cũng trả lời y như vậy, không hơn, không kém! Vậy cứ như vậy mà thọ trì, phụng hành!

Tôn giả Ānanda đứng hầu một bên, ngài nắm vững thời pháp, thông tỏ thời pháp, hoan hỷ với thời pháp nên nói lên sự thấy biết của mình:

- Hay lắm! Do không có quan điểm, không có chủ trương nên đức Đạo Sư đã không tranh luận với thế gian để đưa đến hý luận, vọng tưởng, khẩu tranh, luận tranh, kháng tranh, đối tranh, binh khí miệng lưỡi, binh khí đao trượng! Bạch đức Thế Tôn, đệ tử đã thấy biết sự duyên khởi ấy. Do

mắt thấy sắc như thực, tai nghe âm thanh như thực... nên xúc, thọ, tưởng, ý chí, nhận thức đều như thực... thì toàn bộ tham, sân, kiến, nghi, mạn, hữu ái, phi hữu ái, vô minh ba thời thảy đều tận diệt. Nói như tôn giả Mahā Kaccāyana, đấy là sanh đã tận, phạm hạnh đã thành - có phải vậy không, bạch đức Tôn Sư!

Đức Phật gật đầu:

- Khá lắm! Này Ānanda!

Tôn giả Ānanda hăng say nói tiếp:

- Như một người quá mệt mỏi, quá suy kiệt vì bị đói lả nhiều ngày; may mắn thay y tìm được một chiếc bánh tẩm mật. Cứ mỗi miếng vị ấy nếm là vị ấy được thưởng thức cái ngọt thù thắng của mật, từ ngoài vào trong, y như nhau, thuần nhất như nhau. Cũng vậy, bạch đức Thế Tôn! Một vị tỳ-khưu có trí, có tuệ, hướng tâm chơn chánh, suy tư chơn chánh những phần, những đoạn của thời pháp, nắm bắt được ý nghĩa của thời pháp, thưởng thức vị ngọt thù thắng của pháp, từ ngoài vào trong, từ cạn vào sâu cũng như nhất, cũng thuần nhất y như bánh mật kia vậy.

- Đúng vậy! Này Ānanda! Thế thì ở đây, ông và một số chư vị trưởng lão hãy tuyên thuyết, giảng nói bài pháp này đến cho tăng, ni trong kinh thành Kapilavatthu và nhiều nơi khác nữa để mọi người thấy rõ như thực rằng: Như Lai không tranh luận với thế gian và đệ tử của Như Lai cũng y như thế!

- Chúng đệ tử sẽ làm như vậy. Nhưng bài kinh này được

gọi tên là gì, bạch đức Đạo Sư?

- Ừ! Cứ gọi là kinh *"Bánh Mật"!*[1]

Cả hội chúng, ai cũng mỉm cười, ai cũng hoan hỷ; vì dù ít, dù nhiều, ai cũng nếm được hương vị ngọt ngào của chiếc bánh mật hôm ấy.

2- Kinh Đại Ca Chiên Diên Nhứt Dạ Hiền Giả.

(Mahā-Kaccāyana-bhaddekaratta-sutta)

Một thời, Thế Tôn trú ở Rajagaha tại tịnh xá Tapoda.

Lúc bấy giờ, khi đêm vừa mãn, một thiên thần chói sáng với dung sắc thù thắng cả vùng Tapoda, đi đến tôn giả Samiddhi rồi thưa hỏi:

- Thưa sa-môn! Ngài có thọ trì tổng thuyết và biệt thuyết về Nhứt dạ hiền giả không?

- Này hiền giả, tôi không có thọ trì tổng thuyết và biệt thuyết về Nhứt dạ hiền giả. Nhưng này hiền giả, còn ngài có thọ trì tổng thuyết và biệt thuyết về Nhứt dạ hiền giả không?

- Thưa sa-môn! Tôi cũng không có thọ trì tổng thuyết và biệt thuyết về Nhứt dạ hiền giả. Nhưng sa-môn hãy học cho thuần thục tổng thuyết và biệt thuyết về Nhứt dạ hiền giả. Vì rằng, tổng thuyết và biệt thuyết về Nhứt dạ hiền giả là liên hệ đến mục đích và căn bản của phạm hạnh.

---

[1] *Kinh Mật Hoàn (Madhupindika sutta), kinh số 18 - Majjhima Nikāya.*

Thiên thần ấy nói như vậy xong rồi biến mất ở đấy.

Sau đó, tôn giả Samiddhi đến thưa bạch Thế Tôn rồi kể lại câu hỏi của vị thiên thần. Rồi đức Phật đọc bài kệ như sau:

"- Quá khứ không truy tìm,
Tương lai không ước vọng;
Quá khứ đã đoạn tận,
Tương lai lại chưa đến;
Chỉ có pháp hiện tại,
Tuệ quán chính ở đây;
Không động, không rung chuyển,
Biết vậy nên tu tập;
Hôm nay nhiệt tâm làm,
Ai biết chết ngày mai?
Không ai điều đình được,
Với đại quân thần chết;
Trú như vậy nhiệt tâm,
Đêm ngày không mệt mỏi;
Xứng gọi Nhứt dạ hiền,
Bậc an tịnh, trầm lặng."

Đức Phật chỉ đọc kệ tóm tắt như vậy rồi rời chỗ ngồi đi vào tịnh xá. Tôn giả Samiddhi không nắm bắt được ý nghĩa

trọn vẹn bài kệ, đi hỏi các vị đồng phạm hạnh, họ cũng không giải được. Rồi cũng như lần trước, họ lại nghĩ đến đại đức Mahā Kaccāyana, là bậc có khả năng kiến giải, giảng giải rộng rãi bài kệ vắn tắt này.

Cũng sau ba lần chư tăng thưa thỉnh, tôn giả Mahā Kaccāyana giảng giải rằng:

"- Về phần tổng thuyết này chỉ được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không có phần giải thích. Và bây giờ, này chư hiền! Phần biệt thuyết một cách rộng rãi của tôi là như sau:

Một người truy tầm quá khứ khi lục lọi ký ức để hồi tưởng về sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp khả ái khả hỷ khả lạc rồi bám trụ, thủ chấp, đắm say vào chúng thì tham ái và dục vọng nẩy sanh!

Một người ước vọng, tưởng vọng về tương lai khi tham ái và dục vọng muốn hưởng thụ các đối tượng lục trần mà lục căn chưa tiếp xúc.

Một người sẽ không truy tầm quá khứ khi biết rằng những thủ chấp, đắm say, trói buộc mình bằng tham ái và dục vọng bởi những đối tượng lục trần đã qua, đã chết rồi – thì đấy là si mê, là vô trí!

Một người sẽ không ước vọng về tương lai khi biết rằng những thủ chấp, đắm say, trói buộc mình bởi tham ái và dục vọng từ những đối tượng lục trần chưa có, chưa tiếp xúc là si mê, là vô trí!

Và cũng giống như vậy là trong hiện tại. Nếu một người

khi tâm bị cột chặt, bị cùm xích bởi tham ái và dục vọng vào các đối tượng lục trần trong hiện tại thì được gọi là người bị thua cuộc, bị đánh bại trước các pháp đang sanh khởi, tại đây và bây giờ. Ngược lại, nếu một người sống trong hiện tại với lục trần trong hiện tại nhưng tâm y không bị cột chặt, bị cùm xích bởi tham ái và dục vọng thì được gọi là người chiến thắng trước các pháp đang sanh khởi tại đây và bây giờ.

Vậy chư hiền giả muốn là người thua cuộc, bị đánh bại hay là muốn người được cuộc, người chiến thắng tự chư hiền giả thấy biết lấy!"

Chuyện xẩy ra sau đó, chư tỳ-khưu thuật lại và cũng được đức Phật khen ngợi, tán thán.

3- Kinh Tổng Thuyết Và Biệt Thuyết (Uddesa-vibhaṇga-sutta)

(Giữ nguyên bài viết giải thích về tổng thuyết và biệt thuyết của cố Đại trưởng lão Minh Châu.)

Kinh này đáng chú ý vì đề cập đến một lời dạy của đức Phật, trong ấy tóm thâu gọn ghẽ tiến trình tu tập của một người xuất gia đưa đến thánh quả. Kinh này cũng giới thiệu một phương pháp mà đức Phật hay thường dùng để thuyết pháp. Phần đầu gọi là tổng thuyết (Uddesa) tóm thâu tất cả một vài câu súc tích, rồi phân tích giải thích rộng ra (Vibhanga) gọi là biệt thuyết. Có khi đức Phật chỉ nói lên

phần tổng thuyết, rồi để một Đại đệ tử của mình phân tích phần biệt thuyết. Như trong kinh này, chính tôn giả Mahā-Kaccāyana giải thích phần biệt thuyết rồi được đức Phật xác chứng là đúng với chánh pháp. Có khi đức Phật giải thích cả phần tổng thuyết và biệt thuyết, nhờ vậy bài kinh được trình bày rõ ràng và súc tích hơn. Một điều đáng chú ý nữa là kinh này diễn tả tiến trình giải thoát và dùng một số danh từ chuyên môn có thể ghi chép sai lạc, cả tiếng Pāḷi và chữ Hán, bắt buộc chúng ta phải suy nghĩ và lựa chọn. Chính nhờ phải suy nghĩ và lựa chọn, chúng ta có khả năng tiến gần đến chính xác hơn.

Lời tổng thuyết của đức Phật dạy trong kinh này như sau:

"Này các tỳ-khưu, vị tỳ-khưu cần phải quán sát một cách như thế nào để thức của vị ấy đối với ngoại trần không tán loạn, không tản rộng, tâm không trú trước nội trần, không bị chấp thủ quấy rối (khủng bố: anupàdàya na parttas-seyya). Này các tỳ-khưu, nếu thức đối với ngoại trần không tán loạn, không tản rộng, tâm không trú trước nội trần không tán loạn, không tản rộng, tâm không trú trước nội trần, không bị chấp thủ quấy rối (khủng bố), thời sẽ không có tập khởi, sanh khởi của khổ về sanh già bệnh chết trong tương lai".

Lời biệt thuyết của tôn giả Mahā Kaccāyana được phân tích và giảng giải như sau:

"Sao gọi là thức đối với ngoại trần bị tán loạn, bị tản rộng? Ở đây, khi vị tỳ-khưu thấy sắc với con mắt, thức truy

cầu sắc tướng, bị trói buộc bởi vị của sắc tướng, bị cột chặt bởi vị của sắc tướng, bị triền phược bởi kiết sử vị của sắc tướng, như vậy gọi là thức đối với ngoại trần bị tán loạn, bị tản rộng. Cũng vậy đối với tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân cảm xúc, ý nhận thức pháp.

Sao gọi là thức đối với ngoại trần không bị tán loạn, bị tản rộng? Ở đây khi vị tỳ-khưu thấy sắc với con mắt, thức không truy cầu sắc tướng, không bị trói buộc bởi vị của sắc tướng, không bị cột chặt bởi vị của sắc tướng, không bị triền phược bởi kiết sử vị của sắc tướng. Như vậy gọi là thức đối với ngoại trần, không bị tán loạn, không bị tản rộng. Cũng vậy đối với tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi hương, lưỡi nếm vị, thân cảm xúc, ý nhận thức pháp.

Thế nào là tâm trú trước nội trần? Ở đây vị tỳ-khưu ly dục ly bất thiện pháp, chứng và an trú sơ thiền, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Thức vị ấy truy tìm hỷ lạc do ly dục sanh, bị trói buộc bởi vị hỷ lạc do ly dục sanh, bị cột chặt bởi vị hỷ lạc do ly dục sanh, bị triền phược bởi kiết sử hỷ lạc do ly dục sanh, như vậy gọi là tâm trú trước nội trần. Lại nữa vị tỳ-khưu đình chỉ tầm và tứ, chứng và trú thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Thức của vị ấy truy tầm hỷ lạc do định sanh, bị trói buộc bởi vị hỷ lạc do định sanh, bị cột chặt bởi vị hỷ lạc do định sanh, bị triền phược bởi kiết sử hỷ lạc do định sanh, như vậy gọi là tâm trú trước nội trần. Lại nữa, vị tỳ-khưu ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc thánh gọi là

xả niệm lạc trú, chứng và trú thiền thứ ba. Thức của vị ấy truy tầm xả và lạc, bị trói buộc bởi vị xả và lạc, bị cột chặt bởi vị xả lạc, bị triền phược bởi kiết sử xả và lạc, như vậy gọi là tâm trú trước nội trần. Lại nữa, vị tỳ-khưu, xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Thức của vị ấy truy tìm không khổ không lạc, bị trói buộc bởi vị không khổ không lạc, bị triền phược bởi kiết sử không khổ không lạc. Như vậy gọi là tâm trú trước nội trần.

Thế nào là tâm không trú trước nội trần? Ở đây vị tỳ-khưu ly dục, ly pháp bất thiện, chứng và trú sơ thiền, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Thức của vị ấy không truy tìm hỷ lạc do ly dục sanh, không bị trói buộc bởi vị hỷ lạc do ly dục sanh, không bị cột chặt bởi vị hỷ lạc do ly dục sanh, không bị triền phược bởi kiết sử hỷ lạc do ly dục sanh, như vậy gọi là tâm không trú trước nội trần. Lại nữa, vị tỳ-khưu, đình chỉ tầm và tứ, chứng và trú thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Thức của vị ấy không truy tìm hỷ lạc do định sanh, không bị trói buộc bởi vị hỷ lạc do định sanh, không bị cột chặt bởi vị hỷ lạc do định sanh, không bị triền phược bởi kiết sử hỷ lạc do định sanh, như vậy gọi là tâm không trú trước nội trần. Lại nữa, vị tỳ-khưu ly hỷ, trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú thiền thứ ba. Thức của vị ấy không truy tìm xả và lạc, không bị trói buộc bởi vị xả và lạc, không bị cột chặt bởi vị xả và lạc, không bị triền phược bởi kiết sử xả và lạc, như vậy gọi là tâm không trú

trước nội trần. Lại nữa, vị tỳ-khưu xả lạc và khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Thức của vị ấy không truy tầm không khổ không lạc, không bị trói buộc bởi vị không khổ không lạc, không bị cột chặt bởi vị không khổ không lạc, không bị triền phược bởi kiết sử không khổ không lạc. Như vậy gọi là tâm không trú trước nội trần.

Thế nào là bị chấp thủ quấy rối (khủng bố)? Ở đây kẻ vô văn phàm phu, không yết kiến các bậc thánh, các bậc chân nhân, không thuần thục pháp các bậc thánh, các bậc chân nhân, không tu học pháp các bậc thánh, các bậc chân nhân, thấy sắc như là tự ngã, hay là tự ngã như là có sắc, thấy sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã như là trong sắc. Sắc pháp của vị ấy biến hoại đổi khác. Với sự biến hoại đổi khác trong sắc pháp ấy, thức của vị ấy bị tùy chuyển bởi sự biến hoại đổi khác trong sắc pháp của vị ấy. Do thức bị tùy chuyển, nên các pháp quấy rối khởi lên, xâm nhập tâm và an trú. Vì tâm bị xâm nhập nên vị tỳ-khưu sợ hãi, bực phiền và đầy những khao khát, và vị tỳ-khưu bị chấp thủ quấy rối (khủng bố: anupàdà paritassanà). Cũng vậy đối với bốn thủ uẩn thọ, tưởng, hành, thức.

Và thế nào là không bị chấp thủ quấy rối (khủng bố)? Ở đây, vị đa văn thánh đệ tử yết kiến các bậc thánh, các bậc chân nhân, thuần thục pháp các bậc thánh, các bậc chân nhân, không thấy sắc như là tự ngã, không thấy tự ngã như là có sắc, không thấy sắc ở trong tự ngã, không thấy tự ngã ở trong sắc. Sắc pháp của vị ấy bị biến hoại đổi khác. Với sự

biến hoại đổi khác trong sắc pháp, thức của vị ấy không tùy chuyển bởi sự biến hoại đổi khác trong sắc pháp của vị ấy. Do thức không bị tùy chuyển bởi sự biến hoại đổi khác trong sắc pháp, nên các pháp quấy rối (khủng bố) không khởi lên, không xâm nhập tâm và an trú. Vì tâm không bị thâm nhập, nên vị tỳ-khưu không sợ hãi, không bực phiền, không đầy những khao khát. Và vị ấy không bị chấp thủ quấy rối (khủng bố). Như vậy là không bị chấp thủ quấy rối (khủng bố). Cũng vậy đối với bốn thủ uẩn thọ, tưởng, hành, thức."

Như đã được đề cập, kinh này trình bày một phương pháp tu tập cho vị tỳ-khưu đạt đến tiến trình giải thoát và giác ngộ. Vị tỳ-khưu trước hết đối với ngoại trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, không truy cầu sắc tướng, thanh tướng v.v... không bị luyến ái, triền phược bởi vị của sắc tướng, thanh tướng v.v..., được tự tại, thoát ly sự chi phối của ngoại trần. Đối với nội trần, ở đây chỉ cho các thiền chi của bốn cảnh thiền, tức là hỷ lạc do ly dục sanh, hỷ lạc do định sanh, xả và lạc xả, không khổ không lạc, vị tỳ-khưu không bị đam mê bởi các thiền chi này, mà vượt lên trên chúng để đạt các thiền chứng cao hơn, và nhờ vậy vị tỳ-khưu không có trú trước nội trần. Vị tỳ-khưu tuệ quán năm uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức là vô ngã, và nhờ vậy khi năm uẩn này bị biến hoại đổi khác, thức của vị tỳ-khưu không bị tùy chuyển theo sự biến hoại đổi khác này. Nhờ vậy, các pháp quấy rối không khởi lên, không thâm nhập tâm và an trú.

Do tâm không bị xâm nhập, nên vị tỳ-khưu không có sợ hãi, bực phiền, lòng đầy khao khát. Nhờ vậy vị tỳ-khưu

không bị chấp thủ quấy rối và như vậy được giác ngộ, được giải thoát. Ở đây chúng ta nhận thấy lý thuyết vô ngã quan trọng bực nào trong tiến trình giác ngộ, được giải thoát. Vị tỳ-khưu còn *chấp ngã, xem năm thủ uẩn là của Ta, là Ta, là tự ngã của Ta,* thời khi năm uẩn chịu sự biến hoại và đổi khác, thức của vị tỳ-khưu tùy chuyển theo sự biến hoại đổi khác này. Do vậy các pháp quấy rối, khủng bố khởi lên, xâm nhập tâm và an trú. Do tâm bị xâm nhập, vị tỳ-khưu sợ hãi, bực phiền, lòng đầy khao khát... Do vậy vị tỳ-khưu bị chấp thủ quấy rối, bị khủng bố, không được giác ngộ.

Ghi chú:

Có một số danh từ cần phải giải thích, như: *anupādāya paritassati* - vị ấy bị chấp thủ quấy rối hay khủng bố. Chữ *paritassati* dịch là *khủng bố* có hơi nặng nên dùng chữ *quấy rối* cho nhẹ hơn, dẫu rằng chữ *khủng bố* thường được kinh chữ Hán dùng. Ở đây, kinh chữ Hán tương đương giải thích đoạn này có dùng một số danh từ sai khác nhưng nói chung cũng tương đương với lời giải thích từ chữ Pāḷi. Kinh Hán tạng tương đương là *"Kinh phân biệt quán pháp",* Trung A Hàm số 164, Đại I, 694b.

Kinh Hán tạng chép: *"Chư hiền, thế nào là tỳ-khưu không thọ mà khủng bố? Chư hiền, tỳ-khưu không ly sắc nhiễm, không ly sắc dục, không ly sắc ái, không ly sắc khát. Chư hiền, nếu có tỳ-khưu không ly sắc nhiễm, không ly sắc dục, không ly sắc ái, không ly sắc khát, vị ấy muốn được sắc, cầu sắc, trước sắc, trụ sắc, sắc tức là ngã, sắc là sở hữu của*

ngã. Khi muốn được sắc, cầu sắc, trú sắc, sắc tức là ngã, sắc là sở hữu của ngã, thời thức ôm ấp sắc. Khi thức ôm ấp sắc, thời khi sắc ấy biến dị, thức chuyển theo sắc, thời nó sanh khủng bố pháp và tâm trú trong ấy. Nhân vì tâm không biết, nên sanh sợ hãi phiền lao, không thọ mà khủng bố". Ở đây, kinh Hán dịch *"annupàdà aparitassanti"* là *"không thọ mà khủng bố"*.

Thỉnh thoảng, chúng ta gặp một bài kinh, tóm tắt một cách tuyệt diệu tiến trình giải thoát giác ngộ như bài kinh này. Ở đây, chúng ta chứng kiến cách dùng văn khéo léo của đức Phật, đã tóm thâu cả phương pháp tu hành đạt đến thánh quả, chỉ trong một số câu ngắn gọn súc tích, được phân tích rạch ròi, không có kéo dài lê thê, không có rườm rà với những điển tích khó hiểu. Lời dạy của đức Bổn Sư bao giờ cũng trong sáng gọn nhẹ, nhưng thiết thực và hướng thượng.

Luận Giải
Tương Ưng Bộ Kinh
(Saṁyutta-Nikāya)

Bối cảnh và nhân duyên của ba bài kinh trong Trung Bộ ở trên là khi tôn giả Mahā Kaccāyana ở cùng trú xứ với đức Phật. Bối cảnh và nhân duyên của ba bài kinh trong Tương ung là khi tôn giả ở rất xa đức Phật, tận nước Avantī, trong một hang núi hẻo lánh.

Trong ba bài kinh Tương Ưng này đều có phần tổng thuyết là của đức Phật, phần biệt thuyết là của tôn giả Mahā Kaccāyana. Tôi chọn một bài đặc biệt nhất, vì ở đây, không chỉ dựa trên mấy câu ngắn gọn, súc tích của đức Phật để biệt thuyết giảng giải như thường lệ mà biệt thuyết này còn toát lên bề sâu của ẩn ngữ, bỏ nghĩa đen, nói nghĩa bóng, bỏ thường ngữ, nói pháp ngữ nữa.

Nội dung nhân duyên như sau:

Có một nam cư sĩ thiện trí thức tên là Hālīddikāni đến viếng tôn giả Mahā Kaccāyana và xin ngài giảng rộng cặn kẽ ý nghĩa một bài kệ mà đức Phật đã thuyết quá vắn tắt:

"- Bậc thánh bỏ mái nhà,

Du hành không trú xứ;

Đối với dân trong làng,

Không thân mật một ai;

Đoạn tận mọi dục lạc,

Không ước vọng, sở thích;

Không tham gia tranh luận,

Bất cứ với một ai!"

Nghe xong, tôn giả Mahā Kaccāyana tự nghĩ: *"Người thiện nam này là một cư sĩ trí thức, uyên thâm giáo pháp, lẽ nào y không hiểu bài kệ giản dị như vậy, nội dung rất rõ ràng nói về hành trạng của một tỳ-khưu chơn chánh, lìa gia đình, xuất gia, sống đơn độc, ẩn cư, không ước vọng, sở*

thích, không tham gia tranh luận; chỉ mong đoạn tận mọi dục lạc hay sao? Tuy nhiên, ta sẽ cho y thấy cái bề sâu, cái ẩn mật đằng sau từ thường ngữ rạch ròi ấy của đức Tôn Sư. Vậy ta sẽ nói giảng về pháp ngữ."

- Này Hālīddikāni! Hãy nghe cho kỹ đây! Ta chỉ phân tích hai câu thôi, ông là bậc trí, nghe xong tức hiểu.

- Câu một: *"Bậc thánh bỏ mái nhà"*. Câu này nghe rất lạ! Một cư sĩ bỏ mái nhà, một thanh niên bỏ mái nhà thì ai nghe cũng xuôi tai. Còn *"bậc thánh"* thì họ đã đắc quả A-la-hán rồi, thì họ có nhà thế gian đâu mà bỏ; nhà của họ là giáo pháp, là tăng đoàn, là giáo hội, là một chỗ cư trú ẩn mật nào đó của tâm giải thoát, tuệ giải thoát! Tuy nhiên, giải thích như trên cũng chỉ là thường ngữ, đức Thế Tôn muốn dạy thâm sâu hơn. Do vậy, phân tích cho thấu đáo thì nhà trong cụm từ *"bỏ mái nhà"* (okaṁ pahāya) không phải là một nơi cư ngụ cụ thể mà ở đây chính là *"nhà của thức"* (viññaṇasa-oko). Ông có biết *"nhà của thức"* là ở đâu không? Nhà của thức chính là sắc, thọ, tưởng và hành. Nếu thức bị tham sắc chi phối thì hành giả chỉ du hành quanh quẩn trong căn nhà ngũ uẩn. Nhưng nếu đã đoạn tận tham dục, hỷ lạc, khát ái, chấp thủ thì hành giả sẽ du hành rất tự do, ấy là *"không nhà",* không ta và của ta nữa.

Câu hai: *"Du hành không trú xứ"*. Du hành có trú xứ là bị trói buộc vào sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Nhưng khi đã đoạn tận tất cả tham dục, hỷ lạc, khát ái, chấp thủ - thì hành giả du hành không trú xứ (anikatasārī) là trú không, rỗng không (suññata).

Nghe xong phần giảng giải biệt thuyết của tôn giả Mahā-Kaccāyana, nam cư sĩ Hālīddikāni quỳ lạy, tri ân - vì biết tôn giả nhắc nhở mình đừng quanh quẩn trong căn nhà ngũ uẩn nữa, đúng như sau khi thành đạo, đức Phật đã thốt lên câu kệ:

"- Này hỡi anh thợ làm nhà,[1]
Tuổi tên, mặt mũi yêu ma thấy rồi;
Đòn dông, kèo cột gãy đôi,[2]
Rui mè, tre ván, kíp thời phá tan;[3]
Ta vô tạo tác lên đàng,
Ái tham tận diệt, Niết-bàn thong dong!"[4]

Luận Giải
Tăng Chi Bộ Kinh
(Aṇguttara-Nikāya)

Trong kinh Tăng Chi, tôn giả Mahā Kaccayāna có luận giải hai bài, ở đây chỉ lấy một bài tượng trưng.

Đức Phật thuyết giảng vắn tắt:

---

[1] *Ái (Taṅhā).*
[2] *Thân (Kāya).*
[3] *Phiền não (Kilesa).*
[4] *Gahakāraka diṭṭho'si puna gehaṃ na kāhasi,sabbā te phāsukā bhaggā gahakūṭaṃ visaṅkhataṃ,visaṅkhāragataṃ cittaṃ taṇhānaṃ khayamajjhagā".*

- Này chư tỳ-khưu! Phi pháp và pháp, cần phải hiểu biết. Nguy hại và lợi ích, cần phải hiểu biết. Sau khi hiểu biết phi pháp và pháp, nguy hại và lợi ích, cần phải thực hành chánh pháp theo với lợi ích chơn chánh!

Chỉ một câu ngắn gọn như vậy, nhưng tôn giả Mahā Kaccayāna đã triển khai, dựa trên nền tảng ấy để nói về pháp và phi pháp, nguy hại và lợi ích trong thập thiện nghiệp và thập ác nghiệp, như sau :

- Sát sanh là phi pháp, từ bỏ sát sanh là pháp; những ác pháp bất thiện do duyên sát sanh khởi lên chính là nguy hại; những thiện pháp do duyên từ bỏ sát sanh khởi lên là lợi ích.

Cũng như vậy là các bất thiện nghiệp khác là trộm cắp, tà hạnh, nói dối, nói lời chia rẽ, nói lời thô ác, nói lời vô ích, tục tĩu, phù phiếm, tham lam, sân hận, tà kiến. Đây chính là phi pháp, là nguy hại. Từ bỏ chúng, tức là thực hiện những thiện nghiệp khác là từ bỏ trộm cắp, từ bỏ tà hạnh, từ bỏ nói dối, từ bỏ nói lời chia rẽ, từ bỏ nói lời thô ác, từ bỏ nói lời vô ích, tục tỉu, phù phiếm, từ bỏ tham lam, sân hận, tà kiến. Đây chính là pháp, là lợi ích.

Sau khi hiểu được thế nào là phi pháp và pháp, nguy hại và lợi ích; vị tỳ-kheo thực hành theo chánh pháp mang lại lợi ích chơn chánh.

Được Thiên Chủ Đế Thích Tôn Quý

Một lần nọ, đức Thế Tôn lưu trú tại Đông Viên ở

Sāvatthi. Lúc ấy, trong giảng đường của Mẹ Migāra, đức Tôn Sư đang ngồi giữa các vị chư đệ tử của ngài, chuẩn bị lễ Tự tứ (pavāraṇā) được cử hành sau ba tháng an cư mùa mưa. Mục đích của lễ này ai cũng biết là chư tăng sám hối những lỗi lầm của nhau và nguyện sửa đổi không tái phạm. Đây là dịp như là định kỳ hằng năm mà Mahā-Kaccāyana thường đến đảnh lễ Bổn Sư và tham dự lễ Tự tứ. Chư trưởng lão có thắng trí đều thấy biết rõ như vậy nên thường dành sẵn một chỗ ngồi cho Mahā Kaccāyana theo đúng hạ lạp.

Thiên chủ Đế Thích trong ngày lễ trọng đại này cũng thường hạ phàm để đảnh lễ đức Phật cùng chư tăng.

Quét thiên nhãn một vòng không thấy Mahā Kaccāyana, trời Đế Thích chợt thoáng khởi lên ý nghĩ: *"Thật là một phước lành quý hiếm nếu trưởng lão ở tận Avantī xa xôi có mặt ở đây!"* Ngay lúc đó, Mahā Kaccāyana xuất hiện và từ từ bước vào; trời Đế Thích hân hoan vui mừng tức khắc quỳ xuống ôm lấy đôi cổ chân ngài; và tôn vinh cung kính cúng dường hương hoa của cõi trời thơm ngát cả giảng đường.

Một vị phàm tăng còn non tuổi hạ, thấy vậy tỏ vẻ bất bình và than phiền rằng là Đế Thích thiên chủ thiên vị trong sự tôn kính quá mức ấy, nghiêng lệch hẳng một bên cho tôn giả Mahā Kaccāyana!

Nghe vậy, đức Tôn Sư đã khiển trách:

- Này các tỳ-khưu! Những sa-môn như Mahā Kaccāyana, Con Trai của Như Lai luôn luôn thu thúc nhiếp phục các căn nên thường được chư thiên và loài người yêu kính!

Rồi đức Phật thuyết một kệ ngôn:

"- Ví như tuấn mã luyện thành
Lục căn chế ngự, xứng danh trượng tòng!
Nhiễm ô, ngã mạn tiêu vong
Chư thiên kỉnh mộ giống dòng sa-môn!"[1]

Đẹp Quá Mà Sinh Chuyện: Nam Hóa Nữ, Nữ Hóa Nam

Hôm ấy, tôn giả Mahā Kaccayāna y áo lấm đầy bụi đường từ phương bắc xa xôi về Jetavanārāma đảnh lễ đức Phật, dẫn theo một vị tỳ-khưu tên là Soreyya. Vị tỳ-khưu này trước đây là một cậu công tử, do có ý nghĩ tà vạy xúc phạm tôn giả Mahā Kaccayāna nên bị hóa nữ. Cậu đã có gia đình cùng hai đứa con trai; nhưng sau khi hóa nữ, lấy chồng mới, lại sinh thêm được hai đứa con trai nữa. Cuối cùng, nhờ sám hối bên chân tôn giả Mahā Kaccayāna, cô gái được hoàn thân nam trở lại. Cảm nghiệm thấm thía cuộc đời éo le, khổ đau, vô minh, điên đảo, ông từ bỏ tất cả rồi xin xuất gia đi theo bên chân tôn giả Mahā Kaccayāna.

Câu chuyện thật là hy hữu, thật là ly kỳ, chỉ riêng đức Phật và chư trưởng lão có thắng trí thì biết rõ nhân, duyên

---

[1] *Pháp cú 94 - Pāḷi: "Yass'indriyāni samathaṃ gatāni assā yathā sārathinā sudantā, pahīnamānassa anāsavassa devāpi tassa pihayanti tādino." - Trích Kinh Lời Vàng cùng soạn giả.*

và quả của nó; còn chư phàm tăng và cận sự nam nữ thì bàn tán xôn xao. Đức Phật biết rõ hôm nay có nhân vật chính là tỳ-khưu Soreyya và người làm chứng uy tín trong cuộc là tôn giả Mahā Kaccayāna nên ngài kể lại tuần tự câu chuyện.

Và sau đó đã được kinh sách thuật lại.

Tại thị trấn Soreyya, nằm về phía bắc kinh thành Sāvatthi, là nơi mà tôn giả Mahā Kaccayāna thường chọn làm trú xứ vì ở đây có những khu rừng cây cao bóng cả, yên tĩnh, trong lành, khả ái, rất thích hợp cho đời sống độc cư. Thuở ấy, tôn giả tuy tuổi đã trung niên nhưng trông vẫn còn *"phong độ trẻ trung"* vì nước da vàng sáng và tướng mạo, dung sắc đẹp đẽ hơn người.

Vào mỗi buổi sáng, tôn giả Mahā Kaccayāna khoác đại y, mang bát từ ngoại ô vào thị trấn Soreyya để khất thực. Dung sắc tuấn tú như tỏa hào quang của ngài làm cho ai cũng phải trầm trồ, quay đầu nhìn ngắm. Trong đó, đặc biệt có một người, đấy là cậu công tử con nhà triệu phú trong thị trấn, mà mọi người ai cũng gọi là *"con trai của triệu phú Soreyya"*[(1)], đã lập gia đình, hiện có một bà vợ xinh đẹp và hai cậu con trai xinh xắn. Do duyên buổi sớm hôm ấy, công tử Soreyya cùng một người bạn thân, ngồi chung một cỗ xe nhỏ, theo sau có rất đông thuộc hạ, gia nhân, dự định ra tắm ở một con sông ở ngoại thành. Trên đường, bất chợt công tử Soreyya trông thấy tôn giả Mahā Kaccayāna, cậu ta nhìn sững! Ôi! Người đâu mà đẹp lạ kỳ! Rồi một ý nghĩ

[(1)] *Seṭṭhiputta of Soreyya.*

tức khắc khởi sanh: *"Chà, phải chi vị sa-môn này là vợ của mình nhỉ? Nếu không như thế thì ước chi bà vợ ở nhà của mình có được mỹ tướng và nước da vàng sáng như vị sa-môn này nhỉ?"* Đi liền sau ý nghĩ ấy, công tử Soreyya cảm nghe có sự thay đổi khác lạ, một sự chuyển hóa rần rần bên trong cơ thể, rất tế nhị không dám nói với ai! Nói rõ là công tử Soreyya đã biến thành *"tiểu thư"* Soreyya chỉ sau một niệm phạm thượng, bất kính với vị thánh tăng. Hổ thẹn quá không biết giấu mặt vào đâu, lợi dụng khi mọi người đang nhìn ngắm đó đây, cũng vừa khi cỗ xe đang ngừng lại vì một chướng ngại trên đường, *"tiểu thư"* Soreyya nghiêng người che vùng ngực rồi nhanh chân lẻn trốn vào đám đông, không cho ai hay biết. Và rồi, không dám trở về với gia đình, tiểu thư Soreyya đi mãi lên phương bắc theo con đường bộ hành của khách thương. Khi biết là mình đã đi một quãng khá xa, biết không còn người quen nào trông thấy mình nữa, *"tiểu thư"* Soreyya mới cảm thấy yên tâm. Dừng chân nơi một bóng cây ven đường, tiểu thư tự nghĩ: "*Thế là hết rồi! Hết thật rồi! Ôi! Cả một cuộc đời giàu sang nhung lụa đành phải quẳng lại sau lưng. Ai ngờ, mình chỉ mới khởi một niệm nghiêng lệch, tà vạy, bất chánh mà đã bị trừng phạt bằng cái thân nữ nhi liễu yếu đào tơ như thế này! Tương lai mờ mịt, đường đời dặm thẳm, rồi không biết sẽ trôi dạt về đâu? Thôi, cũng đành! Không bao giờ mình có đủ can đảm để trở lại mái nhà của cha của mẹ nữa! Không bao giờ mình có đủ can đảm để trở về gặp lại người vợ yêu dấu cùng hai đứa con trai thương yêu trông như hai tiểu thiên thần nữa! Không bao giờ mình có đủ can đảm để nhìn lại bạn bè,*

người quen, bà con quyến thuộc nữa! Thôi, đành xin vĩnh biệt tất thảy mọi người, kẻ thân, người sơ trong kiếp này!"

Trong lúc cô tiểu thư ruột rối như tơ vò, vừa lau nước mắt nước mũi dầm dề, đoạn tuyệt đời sống cũ, vừa cặm cụi đi mãi lên phương bắc, chấp nhận số phận mới - thì ở tại thị trấn Soreyya, mọi người náo loạn, hớt hãi đi tìm chàng.

Nhắc lại chuyện trước. Sau khi cỗ xe vừa thoát ra khỏi chướng ngại, nhìn lại, không ai còn thấy công tử Soreyya đâu nữa! Người này nhìn người kia, người kia nhìn người nọ. Người con trai bạn thân, ngồi bên cạnh, bị mọi người vây quanh cật vấn, cũng ấp úng không nói nên lời. Vì rõ ràng, công tử đang ngồi đây, bên cạnh đây, nhưng chỉ trong một cái chớp mắt, không biết biến mất đi đâu?

Thất thểu về nhà, mọi người ấp a ấp úng trình bày sự việc lạ lùng lên ông triệu phú. Nhìn vẻ mặt ỉu xìu và thảm não của mọi người, ông triệu phú không nỡ la rầy, cấp tốc sai từng toán gia nhân, phân chia đi tìm các nơi. Nhiều ngày cũng không tìm thấy, gia đình ông triệu phú đành đi đến kết luận đau lòng: *"Có lẽ nó đã tự ý xuống tắm ở một quãng sông nào đó, và đã bị chết chìm, chết trôi mất xác rồi!"* Họ buồn rầu than khóc. Sau đó, gia đình sắm một mâm lễ vật trọng hậu, ra tại bờ sông ở ngoại ô, mời các thầy bà-la-môn tư tế tổ chức một cuộc lễ để tế cho vong linh người đã mất!

Trong thời gian ấy thì vị tiểu thư của chúng ta, trên đường lên phương bắc lại gặp một đoàn khách thương từ một hướng nào đó xuất hiện trên lộ trình, vui mừng, cô bước theo sau.

Vị trưởng đoàn đi chiếc xe sau cùng, trông thấy một cô gái trẻ đẹp, quý phái, dáng tội nghiệp, bèn dừng lại, quan tâm hỏi han:

- Cô muốn đi về đâu, sao chỉ đi một mình vậy?

- Cảm ơn! Ông cứ đi đi! Không sao đâu!

- Thế cô muốn đi về đâu?

- Thưa ! Cô lắp bắp... dạ cũng chưa biết! Có lẽ phải đến tận kinh thành Takkasilā!

- Trời đất ơi! *Ông ta la toáng lên* - Cô có biết là nó xa chừng nào chăng? Hơn một trăm do-tuần[1] cơ đấy! Cô tưởng đi dạo mát à? Thế thì ăn uống, nghỉ ngơi ra sao? Dường như cô chẳng có hành trang, hành lý gì cả?

Nghe câu hỏi, cô tiểu thư mới nhìn ra sự thật. Thò tay lột chiếc nhẫn quý, cô tiểu thư trao cho ông trưởng đoàn khách thương, nói rằng:

- Vậy thì, với chiếc nhẫn này, nhờ ông mở lòng cho tôi đi xe nhờ, cho ăn uống dọc đường, và đến Takkasilā giúp luôn cho tôi một chỗ trọ.

Đồng ý cho cô gái đi nhờ, nhưng trong tâm ông trưởng đoàn thương buôn lại nghĩ: *"Chủ của ta, công tử con nhà triệu phú Takkasilā từ lâu muốn kén chọn một mỹ nữ để lập gia thất. Hay đây chính là nhân duyên trời định khi có một cô gái sắc nước hương trời, không biết từ đâu xuất hiện kỳ lạ như thế này! Ồ, rồi ta sẽ tiến cử cho tiểu chủ, chắc sẽ*

---

[1] Do-tuần (yojana): Chừng 12-16km².

nhận được một món tiền thưởng hậu hĩ đây!"

Và quả như thế thật. Đến kinh thành Takkasilā, khi ông trưởng đoàn thương buôn dẫn cô gái đến ngôi biệt thự, ra mắt con trai triệu phú, giới thiệu rằng đây là một bảo nữ (itthīratana) khó kiếm ở trên đời thì cậu tiểu chủ như chết mê, chết mệt về vẻ đẹp, về sự trẻ trung và duyên dáng hiếm có của nàng.

Thế là sau đó họ làm đám cưới. Cô gái trở thành chánh thất của con trai triệu phú kinh thành Takkasilā danh giá hơn người! Năm sau, cô gái sinh cho tiểu chủ một cậu con trai bụ bẫm; năm sau, sinh thêm một cậu con trai kháu khỉnh nữa. Cuộc sống của họ thế là rất hạnh phúc, không có chi phải phàn nàn. Riêng cô tiểu thư thì thường hay ngẫm suy, chiêm nghiệm, tự vấn, tự đáp nhưng đều không có câu trả lời nào làm cho cô thỏa mãn. Chuyện là, trước đây, cô là con trai, sinh với bà vợ hai cậu con trai! Bây giờ, lại thân nữ, mang nặng đẻ đau sinh thêm hai cậu con trai nữa. Khi là thân nam, khi là thân nữ nhưng cảm xúc, khi nam vẫn rõ là nam, khi nữ vẫn rõ là nữ. Không có một chút lẫn lộn nào ở đấy cả. Như khi làm cây cam thì sinh trái ngọt, khi làm cây chanh thì sinh trái chua! Vậy thôi! Rồi, hai đứa con trước đây, hai đứa con sau này, trước là tình thương của người cha, sau lại là tình thương của người mẹ! Chúng cũng không hề lẫn lộn! Ồ, thật là phức tạp xiết bao! Ông thợ trời, ông thợ nghiệp, tạo ra chi cái hoàn cảnh oái ăm này?

Hôm kia, rảnh rỗi ngồi trên ban công của tòa lâu đài, đang vui chơi nô giỡn với đứa con trai thứ hai, bà chủ

Soreyya nhìn xuống đường, chợt thấy một người quen. Đấy là ông thanh niên bạn thân cùng ngồi trên cỗ xe đi tắm sông thuở nào. Ông ta đang trên một cỗ xe, theo sau hàng chục cỗ xe khác, có lẽ là một chuyến buôn bán làm ăn hay trao đổi hàng hóa giúp cho cha mẹ nàng tại kinh thành này. Ông ta có già hơn một tí nhưng có cái gì đó vẫn không thay đổi nên nhìn ra ngay. Bồi hồi, bồi hồi, bà chủ nghe trái tim mình rộn ràng, lao xao. Kỷ niệm xưa ào ạt trở về như choáng ngợp cả tâm tư. Sau khi trấn áp cảm xúc, bà chủ cho gia nhân theo dõi rồi mời cho bằng được người đàn ông, bạn cũ, đến lâu đài với lý do là bàn công chuyện làm ăn.

Sau khi dùng qua loa cơm nước mà bà chủ đãi đằng có vẻ trọng hậu, người đàn ông dè dặt nói:

- Tôi chưa hiểu lý do bữa ăn thịnh soạn này, xin bà chủ bàn tính chuyện làm ăn như thế nào?

Bà chủ mỉm cười, nói câu khó hiểu:

- Nếu đây là bữa ăn chào đón thân tình một người bạn cũ thì sao nào?

- Dạ, không dám! Tôi không dám có được sự hân hạnh đón tiếp như thế!

Bà chủ như hướng sang chuyện khác:

- Từ Soreyya đến đây, chắc ông biết gia đình triệu phú Soreyya chứ?

- Thưa, phải biết chứ! Vì tôi là người trong gia đình ấy! *Rồi ông kể chuyện với giọng buồn buồn* - Từ khi cậu chủ đi

tắm sông rồi mất, ông chủ xem tôi như người nhà và mọi việc làm ăn buôn bán đó đây đều giao cho tôi cả. Gọi tôi là gia nhân của ông triệu phú cũng được, mà gọi tôi là con trai nuôi của ông triệu phú cũng được, thưa bà chủ!

Bà Soreyya lặng người một chút, hỏi tiếp:

- Thế ông bà triệu phú có còn mạnh khỏe không? Người vợ và hai cậu con trai của công tử Soreyya giờ thế nào rồi?

Đưa mắt ngạc nhiên nhìn bà chủ trẻ, người khách trả lời:

- Thưa, họ vẫn còn khoẻ. Nhưng mà... nhưng mà... thế ra bà chủ quen biết với ông bà chủ của tôi à? Lại còn biết công tử Soreyya, phu nhân và hai vị tiểu chủ à?

Đến giờ phút này, bà chủ mới thổ lộ:

- Ôi, ông bạn thân thuở xưa ơi! Tôi chính là Soreyya, công tử Soreyya cùng bạn đi tắm sông ngày nào đây!

Người khách, bạn cũ, tưởng tai mình nghe lầm, tưởng mắt mình trông lầm, cứ há hốc, trân trân không nói được, không mở miệng được.

Cứ để cho bạn mình ở trong đám mù sương, từ từ, chậm rãi, bà chủ kể lại chuyện xưa, khi trông thấy vị sa-môn như thế nào, khởi lên ý niệm tà vạy như thế nào, hóa thành thân nữ như thế nào, rồi quãng đời lên đến kinh thành Takkasilā như thế nào, kể lại hết, không bỏ sót một chi tiết nào.

Nghe xong mà vẫn chưa tin là thực, người khách hỏi:

- Vậy có thật, hiện giờ, con trai ông triệu phú Takkasilā

này là chồng của tiểu thư Soreyya?

Bà chủ nhè nhẹ gật đầu.

-Và hai cậu bé này là hai công tử con sau của tiểu thư Soreyya thật đó chứ?

Bà chủ lại nhè nhẹ gật đầu một lượt nữa, không nói gì.

Người đàn ông sau khi tự véo vào đùi mình, thấy đau thì biết không phải là đang nằm mơ! Nhìn lại bà chủ, tuy trong vóc dáng nữ nhi nhưng cũng thấy phảng phất hình bóng của công tử Soreyya thuở nào mới tin chuyện này là thật. Bèn ra giọng quở trách:

- Bạn thật là tệ! Ai cũng tin cậu đã chết rồi. Bao nhiêu năm qua, lấy chồng, sống hạnh phúc trong lâu đài này, cậu quên cha, quên mẹ, quên vợ, quên con, quên hết cả bạn bè, thân bằng, quyến thuộc rồi!

- Hãy thông cảm cho tôi! Tôi làm sao mà dám về đã chứ!

Hồi lâu, người đàn ông mới gật đầu:

- Ờ, phải rồi! Thật là không ai dám về cả!

Lát sau, như nghĩ ra một điều quan trọng, ông tiếp:

- Bạn nên tìm vị sa-môn thuở xưa mà sám hối đi. Sau này, bỏ công điều tra, tìm hiểu, tôi biết vị ấy là tôn giả Mahā Kaccayāna, nghe trong tăng đoàn bảo vị ấy là một bậc thánh lậu tận, ai ai cũng kính ngưỡng, quý trọng, kể cả hàng vua chúa! Tôi cũng nghe rằng, nói một lời bất kính, xúc phạm với bậc thánh là tội lỗi nặng lắm đó!

- Phải rồi, ta nên làm thế! *Bà Soreyya gật đầu* - Vậy bạn có biết tôn giả ấy hiện giờ ở đâu không?

- Cũng may cho bạn đó! Sớm nay, trên đường đi, tôi thoáng thấy ngài dường như ở một khu rừng ngoại thành, cũng gần đây thôi! Ôi! Nhờ tướng mạo của vị ấy vẫn tuấn mỹ với nước da vàng sáng không lẫn lộn với ai được!

Thấy là việc hệ trọng nên bà Soreyya tình thật kể lại chuyện xưa cho chồng nghe, có người đàn ông bạn cũ này làm chứng. Người chồng ban đầu bán tín bán nghi, sau phải tin là thật.

Trong lúc gia nhân bàn tính chuẩn bị cơm nước, vật thực thượng vị đặt bát thì người đàn ông và người chồng đi đến khu rừng, tìm thấy tôn giả Mahā Kaccayāna, và thưa thỉnh việc cúng dường ngày mai tại tư gia, tức là tòa lâu đài của ông triệu phú. Tôn giả im lặng nhận lời.

Sáng hôm sau, sau khi đặt bát cúng dường với vật thực thượng vị cứng mềm đến cho tôn giả, người chồng dẫn vợ mình đến quỳ lạy sát đất bên chân ngài vô cùng cung kính. Người đàn ông, bạn cũ cũng quỳ lạy một bên, thưa rằng:

- Bạch ngài! Xin ngài mở lòng hải hà, từ bi tha tội cho người bạn của con, là cô tiểu chủ Soreyya đây !

Tôn giả Mahā Kaccayāna vì không hướng tâm nên không biết chuyện gì, ngạc nhiên nói:

- Là tội lỗi gì, ta có biết đâu?

Người đàn ông, bạn cũ, bèn kể lại chuyện xưa, nói đúng

nguyên văn như ý nghĩ thuở nọ mà công tử Soreyya khi trông thấy tướng hảo tuyệt mỹ, nước da vàng sáng của ngài đã thốt lên lời phạm thượng, sau đó bị biến thành nữ ngay tức khắc như thế nào!

Tôn giả đã nghe xong. Không những nghe xong mà ngài còn hướng tâm biết thêm những điều kỳ diệu sau này nữa nên khởi năng lượng uy lực tâm rồi nói rằng:

- Tốt rồi! Thế là tốt rồi! Ta không những tha thứ tất thảy lỗi lầm mà còn phúc chúc cho cô Soreyya đây được thắng duyên, thắng phúc nữa đó!

Nhiệm mầu thay, câu nói vừa dứt, cô Soreyya thấy cơ thể mình rần rần chuyển hóa, giống như thuở xưa, nhưng bây giờ lại biến thành thân nam, y như cũ.

Quỳ lạy với nước mắt dâng tràn, cô Soreyya, bây giờ là ông Soreyya, thốt lên:

- Tri ân tôn giả! Tri ân tôn giả!

Ông tiểu triệu phú Takkasilā đăm đăm nhìn người vợ yêu dấu của mình, bây giờ đã biến thành một người đàn ông, không biết nói sao, và cũng không biết trạng thái cảm xúc của mình như thế nào nữa.

Lát sau, như tỉnh trí lại, ông nói:

- Này... này... bạn! *Ông ấp úng tìm chữ xưng hô!* Hai đứa trẻ kháu khỉnh này do tôi và... bạn... sanh ra! Bạn sinh nhưng mà tôi dưỡng. Cả hai chúng ta đều có công ngang nhau. Chúng là con chung của chúng ta. Vậy, bạn cứ tự

nhiên sống ở đây, đừng ngại chi cả, để chúng ta cùng chăm lo cho hai trẻ nên người!

Ông Soreyya đứng lặng một hồi để cho cảm xúc lắng xuống, ngước nhìn tôn giả Mahā Kaccayāna - vẫn an nhiên, tự tại, bất động - nhìn người đàn ông, bạn cũ, liếc nhìn hai đứa con trai rồi nói với ông tiểu triệu phú rằng:

- Bạn à! Tôi đã sống một kiếp nam nhân, sau đó là nữ nhân, bây giờ lại hoàn lại nam nhân như cũ. Thế là hai lần thay đổi xác thân và lại là ba kiếp sống khác nhau. Kiếp sống đầu, tôi là cha của hai đứa con trai. Kiếp kế tiếp, là mẹ của hai cậu con trai khác nữa. Hiện tại đây, tôi đang sống kiếp thứ ba, tôi không muốn sống trở lại hai kiếp sống trước đó nữa. Tôi đã chán ngán cả hai kiếp sống. Tôi đã có sự lựa chọn rồi, hãy để cho tôi được tự do. Tôi sẽ đi theo tôn giả đây, và tôi sẽ sống đời xuất gia. Hai trẻ được sống trong một gia đình phú túc như thế này, tôi không có lý do gì để lo lắng cho chúng nữa. Bạn hãy làm trọn vẹn bổn phận mình. Tôi không có gì phải hối tiếc. Cảm ơn với tất cả.

Nói thế xong, ông Soreyya âu yếm nhìn hai đứa con trai, bồng từng đứa một lên tay, hôn lên má, lên đầu từng đứa rồi trao tận tay chúng cho chồng cũ, nói lời từ biệt mọi người rồi theo chân tôn giả Mahā Kaccayāna.

Trở lại khu rừng ngoại ô, tôn giả Mahā Kaccayāna tận tay cắt tóc và cho ông Soreyya xuất gia sa-di rồi cả hai sống đời ta bà vô trú. Thời gian sau, thấy sa-di Soreyya tiến bộ vượt bậc trong pháp học cũng như pháp hành, tôn giả lại cho ông thọ giới tỳ-khưu. Tuy nhiên, cả hai thầy trò đi đâu

cũng cảm thấy phiền hà, vì cái tin nam biến nữ, nữ biến nam đã nhanh chóng lan truyền đi các nơi, đang trở thành thông tin nóng hổi trên cửa miệng của bao người. Không những chư sư trong tăng đoàn, mà là cả cận sự hai hàng, cả ngoại giáo, cả dân chúng khắp nơi nữa; hễ gặp là cứ hỏi:

- Có phải đại đức đã từng nam biến nữ, sau đó, nữ lại biến thành nam?

- Thưa, quả đúng như vậy!

- Thế bốn đứa con trai, hai đứa đầu đại đức là cha, hai đứa sau, đại đức là mẹ. Vậy đại đức yêu thương hai đứa con nào hơn?

Đại đức cứ tình thật trả lời:

- Dĩ nhiên, hai đứa con do tôi mang nặng đẻ đau, tôi thương chúng hơn chứ!

Cứ phải trả lời mãi, cứ lặp đi lặp lại mãi cái chuyện thương đứa con này, thương đứa con kia đến phát ngán; lại phù phiếm, mất thì giờ vô ích, tỳ-khưu Soreyya tìm cách lánh xa nơi phố chợ ồn ào. Thấy học trò mình có căn duyên vững, tôn giả hướng dẫn cho Soreyya tập sống đời độc cư và tinh cần thiền quán. Hôm kia, vị đại đức này quán sự sanh diệt của danh sắc, thấy rõ sự rỗng không, vô thường của cái được gọi là tự ngã, ông đi vào lộ trình tâm thánh đạo, đắc A-la-hán quả cùng với tuệ phân tích.

Tôn giả Mahā Kaccayāna có mặt ngay bên cạnh.

- Ta mừng cho ông đã hoàn thành xong bổn phận của sa-môn hạnh rồi.

Tỳ-khưu Soreyya quỳ lạy dưới chân tôn giả:

- Đệ tử lại được sinh ra trong thánh thai, kiếp thứ tư của đời người! Tri ân thầy vô hạn vậy.

- Hãy tri ân cái tâm chánh hướng thiện của ông đấy!

- Đệ tử thấy rõ rồi!

Từ đó, thầy trò lại từ bỏ rừng cao, xuống rừng thấp đi mãi, đi mãi về phương nam. Trên đường, lại gặp người này, người kia với câu hỏi cũ. Lúc này, tỳ-khưu Soreyya đã là một bậc thánh Lậu tận, cứ như thực mà trả lời, nên đại đức đáp:

- Cả bốn đứa con trai, cùng với chúng sanh vạn loài, tình thương của tôi đối với họ đều bình đẳng, giống nhau, không hai, không khác!

Vì hai câu trả lời khác nhau trên đường nên lúc tôn giả Mahā Kaccayāna và tỳ-khưu Soreyya đến Jetavanārāma hầu Phật thì chư phàm tăng không chịu được, muốn vạch trần sự thật nên họ đến quỳ bên chân ngài, thưa rằng:

- Tôn giả Mahā Kaccayāna đã dẫn theo bên mình một tên nói dối! Ban đầu là vọng ngữ, sau lại trở thành đại vọng ngữ... bạch đức Thế Tôn!

- Các ông cứ nói đi!

- Trước thì ông bảo, con mình mang nặng đẻ đau thì thương hơn. Nhưng sau lại nói, không thương như vậy nữa, bây giờ tình thương ấy là đồng đẳng với tất cả chúng sanh. Như thế, không những vị tỳ-khưu kia mang tội vọng ngữ, đại

vọng ngữ, mà còn chứng tỏ mình khoe pháp bậc cao nhân, phạm tội bị trục xuất ra khỏi tăng đoàn, bạch đức Thế Tôn!

Đức Phật mỉm cười, giảng dạy rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Con Trai của Như Lai lúc nào cũng nói thật, nói lên sự thật. Khi trả lời thương đứa con do mình cưu mang, sinh nở là đúng sự thật. Sau lại bảo, tình thương kia đều đồng đẳng giống nhau so với tất thảy chúng sanh, cũng đúng là sự thật luôn!

Cho hay, khi tâm xiêng xẹo, xấu quấy thì sẽ dẫn ta đi theo con đường xiêng xẹo, xấu quấy, đảo điên, đau khổ; nhưng khi tâm đã hướng chân, hướng chánh rồi thì quả báo, theo đó, sẽ tốt đẹp, vẹn toàn. Việc ấy, chỉ tự ta, do ta làm, chứ cha mẹ, họ hàng, quyến thuộc chẳng thể làm được cho ta.

Giảng thế xong, Thế Tôn tóm tắt bằng kệ ngôn :

"- Điều mà quyến thuộc mẹ cha,
Chẳng thể làm được cho ta, cho người;
Nhưng khi tâm chánh hướng rồi,
Thành tựu tốt đẹp vẹn mười, vẹn trăm."[1]

Tôn Giả Thuyết Giảng

Hôm ấy, tôn giả Mahā Kaccayāna đang trú tại Madhurā,

---

[1] *Pháp cú 43: Na taṃ mātā pitā kayirā, aññe vāpi ca ñātakā, sammā paṇihitaṃ cittaṃ, seyyaso naṃ tato kare!*

rừng Gunda thì đức vua Madhurā Avantiputta do nghe danh tiếng đã lâu nên tìm đến thăm ngài để thưa hỏi một vấn đề. Và cuộc đối thoại diễn ra như sau:

- Thưa tôn giả Mahā Kaccayāna! Các vị bà-la-môn có quan điểm cho rằng*: "Chỉ có giai cấp bà-la-môn là chủng tánh tối thượng, là bạch chủng, là thanh tịnh, là con của phạm thiên, thừa tự phạm thiên; ba giai cấp còn lại đều là chủng tánh hạ liệt, thấp hèn, hắc chủng, bất tịnh"*. Vậy xin đại sa-môn cho nghe tôn ý?

Tôn giả Mahā Kaccayāna tuy thuộc dòng dõi bà-la-môn nhưng ngài cũng thấy câu nói trên chỉ là chủ trương giả định đầy ngạo mạn; nó chỉ là lời nói suông không có căn cứ, sau đó ngài đưa ra những ví dụ cụ thể, sinh động để giải thích :

- Tâu đại vương! Ngài nghĩ thế nào, nếu có một người sát-đế-lỵ sống sung túc với tài sản, ngũ cốc, vàng hay bạc, người ấy có thể thuê một người sát-đế-lỵ, một người phệ-xá, một người thủ-đà-la làm người hầu hạ, phục vụ mình thì có thể được hay không vậy?

- Được chứ, thưa tôn giả! Có tiền của, bạc vàng thì thuê ai cũng được cả.

- Tâu đại vương! Trường hợp thứ hai là một người bà-la-môn sống sung túc với tài sản, ngũ cốc, vàng hay bạc có thể thuê một bà-la-môn, một sát-đế-lỵ, một phệ-xá, một thủ-đà-la khác hầu hạ, phục vụ mình được chứ?

- Dĩ nhiên là được rồi, tôn giả!

- Cũng như vậy là các giai cấp khác. Người trong giai

cấp nào bất kể nhưng hễ sung túc với tài sản, ngũ cốc, vàng hay bạc thì họ đều có thể thuê mướn bất cứ ai trong các giai cấp khác để hầu hạ, phục vụ mình. Nói cho đúng sự thật luôn, là một người hầu cận coi như hạ liệt nhưng nếu giàu có thì hắn ta cũng có thể thuê mướn một người bà-la-môn hầu hạ, phục vụ mình, có phải không đại vương?

- Đúng là vậy, tôn giả!

- Vậy thì lời nói suông, lời nói giả định rỗng không của các bà-la-môn về *chủng tánh tối thượng, là bạch chủng, là thanh tịnh, là con của phạm thiên, thừa tự phạm thiên - ba giai cấp còn lại đều là chủng tánh hạ liệt, thấp hèn, hắc chủng, bất tịnh* – có đứng vững được trước sự thực mà chúng ta vừa nêu dẫn ở trên không, đại vương? Và, nếu sự tình là như vậy, sự thật là vậy thời bốn chủng tánh này là đồng đẳng, hay không đồng đẳng, tâu đại vương?

- Thưa tôn giả! Nếu là như vậy thời bốn chủng tánh này là đồng đẳng, chẳng có sự sai biệt gì.

- Cảm ơn đại vương đã xác định với tri kiến chơn chánh!

- Trẫm cũng tri ân tôn giả đã soi sáng vấn đề!

Nghỉ hơi một lát, tôn giả Mahā Kaccayāna đi sang chuyện khác, về hành động, về nghiệp cũng phải đồng đẳng như thế.

- Tâu đại vương! Ở đây, có một người sát-đế-lỵ sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong dâm dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham dục, sân hận, tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy có sanh vào

cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục không, thưa bậc nhân chủ?

- Hành quá nhiều ác nghiệp như thế thì người sát-đế-lỵ kia sẽ đọa sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục chắc chắn rồi!

- Tâu vâng! Nếu một người bà-la-môn cũng tạo mười ác nghiệp như thế thì có bị đọa như trên không?

- Dĩ nhiên rồi, tôn giả!

- Và, một phệ-xá, một thủ-đà-la; nếu làm như thế thì nghiệp trả quả cũng y như thế, đại vương!

- Dĩ nhiên rồi, nghiệp trả quả nghe ra cũng phải đồng đẳng trong bốn giai cấp, chẳng có ai là biệt lệ.

- Đúng vậy, tâu đại vương! Bây giờ, ở đây, nếu có người sát-đế-lỵ từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham dục, từ bỏ sân hận, có chánh kiến, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy có thể sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này không? Cho xin tôn ý của đại vương?

- Vâng! Nhân lành tốt, mười nghiệp thiện thì sanh lên thiện thú, thiên giới; đấy là điều mà trẫm từng nghe chư vị A-la-hán thuyết giảng.

- Sādhu, lành thay! Không những sát-đế-lỵ, mà bà-la-môn, phệ-xá, thủ-đà-la... nếu có mười nghiệp thiện, sau khi thân hoại mạng chung họ đều có thể sanh lên thiện thú, thiên giới cả, phải vậy không đại vương?

- Chư vị A-la-hán thuyết vậy và trẫm cũng tin như vậy.

- Và có thể kết luận: Nghiệp ác, nghiệp thiện đều bình đẳng nhân quả giữa bốn giai cấp, phải vậy không đại vương?

- Đúng vậy, bình đẳng!

Tôn giả Mahā Kaccayāna đã khôn khéo dẫn dắt đức vua đi từ bình đẳng giai cấp sang bình đẳng nhân quả nghiệp báo. Sau đó, tôn giả còn đi tiếp:

- Còn nữa, tâu đại vương, vì nó là phần trách nhiệm, bổn phận của đại vương: Một người, thuộc bất cứ giai cấp nào, là thần dân của đại vương, nếu vi phạm luật pháp thì đại vương có xử trị, có hình phạt đồng đẳng hay có biệt lệ?

- Dĩ nhiên, tất cả phải đồng đẳng; có đồng đẳng luật pháp mới nghiêm minh, thưa tôn giả.

- Còn một điều bình đẳng cuối cùng nữa, tâu đại vương! Là một người thuộc bất cứ giai cấp nào trong xã hội, nếu họ cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ nói láo, chỉ ăn một bữa, sống phạm hạnh, trì giới luật, trì thiện pháp; đại vương đối xử với vị ấy như thế nào?

- Thưa tôn giả Mahā Kaccayāna, tôi sẽ đảnh lễ, đứng dậy, mời chỗ ngồi, cúng dường vị ấy bốn loại đồ dùng như y phục, ẩm thực, sàng tọa, y dược trị bệnh, hay chúng tôi sắp đặt sự bảo vệ hộ trì, che chở vị ấy đúng pháp.

- Tri ân đại vương! Và khi ấy tất cả bốn giai cấp, tất cả mọi danh xưng trước kia đều biến mất, chỉ còn là sa-môn,

được gọi là sa-môn đồng đẳng mà thôi!

Khi nghe vậy, vua Madhurā Avantiputta thưa:

- Thật vi diệu thay, tôn giả Mahā Kaccayāna! Thật vi diệu thay, tôn giả Mahā Kaccayāna! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho những người đi lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, chánh pháp đã được tôn giả dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con xin quy y tôn giả Mahā Kaccayāna, quy y pháp, quy y tỳ-khưu tăng. Mong tôn giả nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

- Thưa đại vương, ngài chớ có quy y tôi! Đại vương hãy quy y Thế Tôn, chính tôi đã quy y Thế Tôn.

- Thưa tôn giả Mahā Kaccayāna! Nay bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy trú ở đâu?

- Bậc Thế Tôn ấy, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, nay đã nhập Niết-bàn rồi, thưa đại vương.

- Thưa tôn giả Mahā Kaccayāna, nếu chúng tôi được nghe Thế Tôn ở xa mười do-tuần, chúng tôi sẽ đi mười do-tuần để yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Nếu chúng tôi được nghe Thế Tôn ở xa hai mươi do-tuần, ba mươi do-tuần, bốn mươi do-tuần, năm mươi do-tuần, chúng tôi sẽ đi năm mươi do-tuần, để yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.

Thưa tôn giả Mahā Kaccayāna, vì rằng Thế Tôn đã nhập Niết-bàn rồi, chúng tôi xin quy y Thế Tôn đã nhập Niết-bàn ấy, quy y pháp, quy y tỳ-khưu tăng. Mong tôn giả nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, trọn đời quy ngưỡng.

(Cố Hòa thượng Minh Châu Việt dịch)

Thân Giáo

Không phải lúc nào, tôn giả Mahā Kaccayāna cũng chuyển tải giáo pháp bằng ngôn ngữ mà đôi khi còn bằng thân giáo, nghĩa là bằng vô ngôn thân giáo nữa.

Hôm ấy, đức Phật đang ngồi trong hương thất tại Kỳ viên ở Sāvatthi, nhìn ra cửa, thấy Mahā Kaccayāna đang kiết-già tọa thiền gần đó, lưng dựng thẳng, chánh niệm, quán thân và an trụ trong định. Hiểu rõ ý nghĩa của thiện cảnh này, đức Phật thốt lên lời kệ cảm hứng, tán thán vị Đại đệ tử này:

"- Với ai luôn chánh niệm,

Liên tục an trụ thân;

Nếu trước không hề có,

Thì nay không, với ta;

Sẽ không hề có được,

Thì sẽ không, với ta;

Tuần tự quán như vậy,

Đúng thời sẽ vượt thoát;

Mọi tham ái buộc ràng.”

Trong nỗ lực hành thiền để chứng đạt quả vị A-la-hán, thoạt tiên, Mahā Kaccayāna chú tâm đặt chánh niệm trên đối tượng thân. Từ đó, ngài phát triển các tầng thiền định; có định rồi, ngài chuyển qua minh sát. Khi các tuệ giác sanh khởi từ pháp quán này, ngài lần lượt chứng đắc các thánh đạo quả!

Quá trình chứng đắc A-la-hán này, chúng ta thấy mâu thuẫn với sự kiện giác ngộ tức thời khi tôn giả vừa mới quy y (như đã kể ở phần trước). Tuy nhiên, lộ trình trên là hợp lý, thực tế hơn.

Trở lại nội dung bài kệ, bốn câu của đức Phật: Đây chỉ là sự Rỗng Không của tự ngã. *Không có ta và của ta* trong quá khứ cũng như trong hiện tại (Nếu trước không hề có, thì nay không, với ta); và *không có ta và của ta* trong tương lai (Sẽ không hề có được, thì sẽ không, với ta.)

Thi Kệ Của Tôn Giả

Tôn giả có tám kệ trong Trưởng Lão Tăng kệ (494-501). Tất thảy chúng không có gì nổi bật hơn chư vị thánh tăng khác. Ở đây chỉ là những lời nhắc nhở chư tăng giữ gìn giới luật và cũng có những lời khuyên dành cho hai hàng cư sĩ. Cách diễn đạt, sử dụng ngôn từ của tôn giả Mahā Kaccayāna ở đây có vẻ hữu hiệu, lợi ích trên phương diện

giáo hóa; nếu so sánh mỹ từ, văn phong biểu cảm với chư tôn giả Sāriputta, Mahā Kassapa, Ānanda hoặc Vaṇgīsa thì sẽ không bằng. Lãnh vực lỗi lạc của tôn giả là phân tích và luận giải chứ không phải diễn đạt truyền cảm hay óc sáng tạo nghệ thuật.

Ta có thể trích dẫn một số ít biểu trưng.

Khi thấy có một số tỳ-khưu lơ là thiền tập, tìm thú vui trong lăng xăng công việc hay thích giao du với đám đông, hoặc ưa thích các món ăn ngon do thiện tín cúng dường, tôn giả khuyến giáo:

"- Chớ làm quá nhiều việc,
Chớ giao du số đông;
Chớ hối hả nhận vật,
Do tín thí cúng dường;
Ai tham muốn vị ngon,
Sẽ vuột mất an lạc."
"Được khen, được cung kính,
Từ gia đình tín thí ;
Chính là một bãi lầy,
Mũi tên nhỏ không thấy,
Chút vinh dự cũng khó;
Cho phàm nhân dứt bỏ."

Sau đấy là mấy bài kệ, tôn giả khuyên răn đức vua Caṇḍappajjota từ bỏ những bất thiện nghiệp nguy hại – vốn là một ông vua độc ác, hung dữ (caṇḍa) như chúng ta đã biết:

"- Ác nghiệp của một người,
Không do người khác tạo;
Tự mình đừng làm ác,
Cho gia đình, quyến thuộc;
Đều là nghiệp của mình."
"- Người không là kẻ trộm,
Do lời người khác nói;
Người không là bậc thánh,
Do lời người khác nói;
Nhưng mình tự biết mình,
Chư thiên biết người ấy."
"- Người khác không biết được,
Chuyện luận chiến hơn thua;
Nhưng bậc trí thì biết,
Nên tranh chấp lắng êm."
"- Bậc trí thật sự sống,
Dù không có tài sản;
Nếu không có trí tuệ,
Người giàu kia chết rồi!"

Khi nghe đức vua kể lại ác mộng quấy nhiễu mình đêm trước, tôn giả Mahā Kaccayāna đã khuyến cáo rất sâu xa:

"- Với tai nghe tất cả,
Với mắt thấy tất cả;
Bậc trí không chối bỏ,
Tất cả gì đã thấy;
Tất cả gì đã nghe!"
"- Có mắt nên như mù,
Có tai nên như điếc;
Có trí nên như câm,
Có sức nên như yếu;
Rồi, khi đã chứng ngộ,
Có thể nằm chờ chết!"

Hai bài kệ này, chú giải đã giải thích như sau:

- Một người có trí tuệ không nên bác bỏ tất cả những gì đã thấy, đã nghe. Trước tiên phải xem xét cả hai mặt đúng tốt và sai xấu của nó rồi mới loại bỏ những gì nên loại bỏ và chấp nhận những gì có thể chấp nhận được. Vì vậy đối với những pháp nên loại bỏ thì có mắt cũng xem như mù, có tai cũng xem như điếc, có trí cũng xem như ngu, có sức thì hành xử như người yếu ớt.

Chú giải cũng cho rằng, nghĩa tiếng Pāḷi hai câu cuối không được rõ ràng, có thể hiểu theo hai cách: Một, đối với

một số việc nên làm, sẽ không lơ là việc ấy dù đang nằm trên giường chờ chết. Hai, nếu một việc không nên làm đã khởi sanh thì thà chết còn hơn làm việc ấy.

Tuy nhiên, nghĩa cuối cùng sau đây mới đúng theo tinh thần của giáo pháp hơn:

"- Ta có thể sẵn sàng nằm chờ chết khi ta đã đạt được mục tiêu giải thoát tối hậu!"

Cuối cùng, không tìm thấy một tư liệu nào, tiếng cho biết chi tiết thời gian và hoàn cảnh tôn giả Mahā Kaccayāna thị tịch Niết-bàn ở đâu, bao nhiêu tuổi; chỉ biết là ngài tịch diệt sau đức Thế Tôn, vì cuối bài kinh tại Madhurā, khi thuyết giảng cho đức vua, tôn giả có tuyên bố là đức Thế Tôn đã Nhập diệt! Tôn giả Mahā Kaccayāna là một Đại đệ tử, uy nghiêm chói sáng trong giáo hội của đức Bổn Sư với danh xưng là bậc đệ nhất Biện Giải Phật ngôn.

Vị Thứ Tám

Tôn Giả Puṇṇa-Mantānīputta

(Phú Lâu Na - Mạn Đà Ni Tử)

Bậc Đệ Nhất Thuyết Pháp

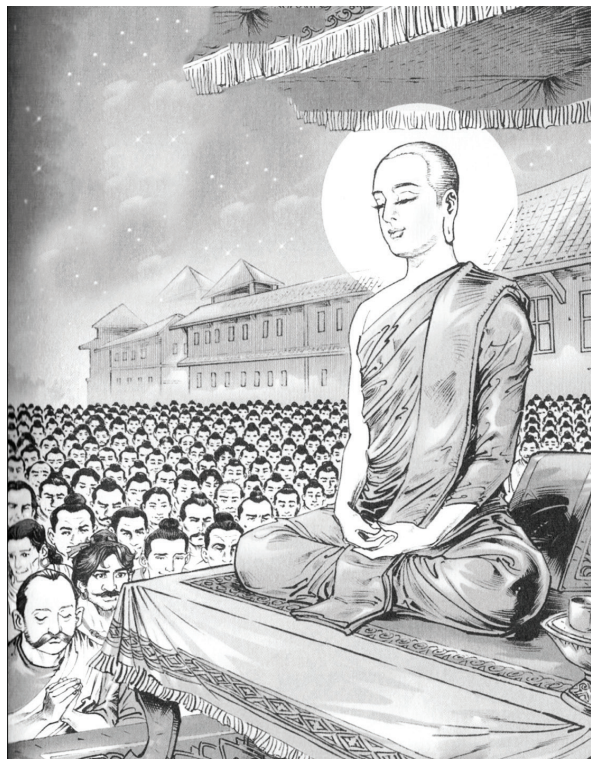

Tôn giả Aññā Koṇḍaññā sau khi đắc quả nhờ nghe kinh Chuyển Pháp Luân (Dhammacakkappavattanasutta), đi hoằng hóa các nơi, là một trong 60 vị, mỗi người mỗi phương, không đi chung nhau theo sự giáo giới của đức Phật. Sau mùa an cư thứ hai, đức Phật về thăm quê hương, tôn giả mới tìm về đảnh lễ Bổn Sư.

Tại thị trấn Doṇavatthu, tôn giả có một người chị tên là Mantānī sinh hạ một trai có hảo tướng, biết là *điềm lành, phúc lành* cho gia đình nên đặt tên là Puṇṇa. Vì lấy tên theo mẹ nên Puṇṇa còn được gọi là Mantānīputta (con trai của bà Mantānī); gộp chung lại là Puṇṇa-Mantānīputta. Kinh còn miêu tả thêm ngoại hình của ngài Puṇṇa là *"trắng trẻo, mũi cao như mỏ chim oanh vũ",* có khả năng ngài sở hữu phước tướng trang nghiêm do những thiện công đức đã tích góp trong nhiều kiếp tu tập.

Càng lớn lên, trưởng thành, Puṇṇa-Mantānīputta càng toát ra một nhân cách đặc biệt, thông minh, duệ trí và học hành nghiên cứu giỏi giang. Tôn giả Aññā Koṇḍaññā khuyên gia đình, sau này khi nào nghe tin có đức Phật, một đức Chánh Đẳng Giác xuất hiện thì hãy cho Puṇṇa-Mantānīputta xuất gia tu học theo giáo pháp của ngài. Lần này về, tôn giả Aññā Koṇḍaññā gặp lại chị và nhắc lại chuyện xưa. Có lẽ sự nhắc nhở này cũng thừa vì Puṇṇa-Mantānīputta đã nghe

tiếng đức Phật và ông ta không bỏ sót một thời giảng pháp nào của đức Tôn Sư tại Kapilavatthu.

Không biết ngài xuất gia lúc nào, mà kinh điển chỉ ghi: *"Sau khi làm tròn bổn phận của một sa-di, ngài đi với người cậu, tức tôn giả Aññā Koṇḍañña đến sống gần bậc Đạo Sư; Thời gian sau, tôn giả vào non sâu chuyên tâm thiền quán, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán"*.

Kinh điển cũng ghi rằng, Puṇṇa có đầy đủ mười pháp của một pháp sư lỗi lạc, đấy là: *"Biết đủ, sống giản dị, viễn ly, độc cư, tinh tấn, giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến"*.

Ngoài ra, vị giảng sư ưu việt này còn là một người hòa đồng, vui vẻ, luôn sát cánh đồng hành cùng tăng đoàn. Ngài luôn là một người dễ mến, với thái độ khiêm cung, biết tôn trọng đối những vị mới xuất gia và chư vị lớn tuổi, lớn hạ hơn; chính vì vậy mà ngài đã được các vị tỳ-khưu trong dòng tộc Sākya tại Kapilavatthu hết lòng ca ngợi trước mặt Đức Phật.

Tại Sāvathi, tôn giả Ānanda đã có tuyên bố với chư tỳ-khưu thân cận: *"Này chư hiền giả! Khi chúng ta mới tu học, tôn giả Puṇṇa Mantāṇiputta đã giúp đỡ chúng ta rất nhiều. Tôn giả ấy giảng cho chúng ta lời giáo giới đúng thời, đúng lúc, đúng căn cơ. Sau khi nghe tôn giả Puṇṇa Mantāṇiputta thuyết pháp, chúng ta đã chứng đắc được Dự lưu quả"*.

Vậy, chính tôn giả Puṇṇa là bậc thầy dẫn dắt tôn giả Ānanda đi vào dòng giải thoát.

Ngoài ra, trong kinh điển Pāli và Hán tạng đều có

những bài kinh với nội dung tương tự đề cập đến tôn giả Puṇṇa Mantāṇiputta, điều này chứng tỏ rằng ngài là một trong những vị thánh đệ tử lỗi lạc, bậc mô phạm vào hàng xuất chúng trong tăng đoàn. Khi nhắc đến tôn giả Puṇṇa Mantāṇiputta, người ta liên tưởng đến sự ngợi khen của đức Phật là bậc thuyết pháp tối thắng (Dhammakathika) trong hàng tỳ-khưu.

Kinh tăng chi có ghi lại câu chuyện rằng, một thời Thế Tôn trú ở thành Rājagaha tại Veḷuvana; sau ba tháng an cư, chư tỳ-khưu tới đảnh lễ, ngài hỏi rằng:

- Này các tỳ-khưu! Vị nào tại địa phương được các tỳ-khưu đồng phạm hạnh tán thán như sau: *"Tự mình sống thiểu dục và giảng về thiểu dục; tự mình tri túc và giảng về tri túc; tự mình độc cư rồi giảng về độc cư; tự mình không ô nhiễm và giảng về không ô nhiễm; tự mình tinh cần, tinh tấn, thành tựu giới hạnh, thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến và giảng nói về tinh cần, tinh tấn, thành tựu giới hạnh, thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến? Là vị giáo giới, vị khai thị, vị trình bày, vị khích lệ, vị làm cho phấn khởi, vị làm cho các vị đồng phạm hạnh hoan hỷ?"*.

Nghe đức Phật hỏi vậy, chư tỳ-khưu ở Veḷuvana và các vùng phụ cận đều đồng ngợi khen và vinh danh tôn giả Puṇṇa Mantāṇiputta, là vị mà có những đặc điểm đầy đủ như đức Thế Tôn vừa mới đề cập.

Lúc bấy giờ, tôn giả Sāriputta ngồi cách đức Thế Tôn không bao xa, ngài suy nghĩ như sau: *"Hạnh phúc thay tôn giả Puṇṇa Mantāṇiputta, chơn hạnh phúc thay tôn giả*

Puṇṇa Mantāṇiputta! Tôn giả đã được các vị đồng phạm hạnh có trí tán thán từng điểm một trước mặt bậc Đạo Sư, và được bậc Đạo Sư chấp nhận; có thể ta sẽ gặp tôn giả Puṇṇa Mantāṇiputta, tại một chỗ nào, trong một thời gian nào, có thể sẽ có một cuộc đàm luận giáo pháp với vị ấy."

Thế Tôn trú tại Rajagaha lâu cho đến khi vừa ý, rồi khởi hành đến Sāvatthi. Ở đây, Thế Tôn trú ở tịnh xá Jetavana, vườn ông Anathapindika.

Tôn giả Puṇṇa Mantāṇiputta được nghe: *"Thế Tôn đã đến Sāvatthi, đang trú tại Jetavana, vườn ông Anāthapiṇḍika"*. Rồi tôn giả Puṇṇa Mantāṇiputta thâu dọn lại sàng tọa, cầm y bát, khởi hành đi Sāvatthi. Tôn giả tuần tự đi đến Sāvatthi, Jetavana, vườn *ông* Anāthapiṇḍika, đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Thế Tôn thuyết pháp cho tôn giả Puṇṇa Mantāṇiputta đang ngồi một bên, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Tôn giả Puṇṇa Mantāṇiputta sau khi được Thế Tôn thuyết pháp, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về ngài, từ tạ đi Andhavana để nghỉ trưa.

Kinh Trạm Xe

(Rathavinīta Sutta)

Khi được biết Puṇṇa Mantāṇiputta đã đến Andhavana, tôn giả Sāriputta liền mang y bát lên đường thăm viếng.

Cả hai đều không biết mặt nhau. Họ tương kính chào

đón, hỏi thăm. Tôn giả Sāriputta mở lời:

- Thưa hiền giả, phải chăng chúng ta đang sống đời sống sa-môn hạnh trong giáo pháp của đức Tôn Sư?

Tôn giả Puṇṇa Mantānīputta nhìn vị tỳ-khưu đứng tuổi, dung sắc, tướng hảo quang minh hiếm thấy, ôn tồn đáp:

- Đúng như vậy, thưa hiền giả!

Tôn giả Sāriputta nhũn nhặn:

- Hiền giả sống đời độc cư, viễn ly đô thị, giới hạnh trong sạch; vậy chẳng hay có phải *giới thanh tịnh* là mục đích của hạnh sa-môn?

- Không phải vậy, hiền giả!

Rồi sau đó là những câu hỏi của tôn giả Sāriputta như nước chảy mây trôi:

- Chúng sanh, phàm phu thường bị đau khổ bởi tham sân phiền não, còn hiền giả sống đời an tịnh, vắng lặng như thế này; vậy phải chăng *tâm thanh tịnh* là cứu cánh rốt ráo?

- Chẳng phải thế đâu, hiền giả!

- Giữa mọi loại triết học, tư tưởng rối ren trên trần thế, chúng sanh bị quay cuồng, rối loạn bởi những kiến điên đảo, kiến hoang vu, kiến kiết phược, kiến rừng rậm bít bùng; vậy phải chăng *kiến thanh tịnh* là mục tiêu cần phải chứng đạt?

- Cũng không phải thế đâu, hiền giả!

- Hay là chấm dứt trọn vẹn tất cả mọi nghi hoặc, nghi ngờ, phân vân, lưỡng lự, do dự, bất quyết; và *đoạn nghi*

thanh tịnh là minh triết ở cuối con đường?

- Cũng không phải vậy, hiền giả!

- Đen trắng lẫn lộn, tà chánh khó phân; hay mục đích của phạm hạnh là trang bị cho mình sự thấy biết chánh tà, chân ngụy một cách rạch ròi, và *đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh* là ước nguyện chơn chánh của đời ngài?

Tôn giả Puṇṇa Mantānīputta chợt mỉm cười:

- Những câu hỏi của hiền giả hay lắm, lưu loát lắm, nhưng rất tiếc, cứu cánh của sa-môn hạnh cũng không phải là như thế!

Tôn giả Sāriputta cảm thấy rất thú vị vì được đàm đạo với một tỳ-khưu phạm hạnh có kiến thức uyên thâm, thực tu, thực chứng, nên ngài hỏi tiếp:

- Hay là thấy rõ con đường chơn chánh? Và *đạo tri kiến thanh tịnh* là mục đích của sa-môn hạnh?

- Cũng không phải vậy, thưa hiền giả!

- Hay là đã vượt qua, ở trên, không còn dính mắc ở cả con đường chơn chánh mà chỉ còn là *tri kiến thanh tịnh* thôi?

- Thưa hiền giả, các câu hỏi ấy đều rất cao siêu, kỳ diệu, tiếc thay, thế vẫn chưa đúng với mục đích tối hậu!

- Hiền giả hãy xem! *Tôn giả Sāriputta nói* - Tôi đã hỏi hiền giả về mục đích của sa-môn hạnh; và tôi đã lần lượt đi từ *giới thanh tịnh, tâm thanh tịnh, kiến thanh tịnh, đoạn nghi thanh tịnh, đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh, đạo tri kiến*

thanh tịnh, rồi tri kiến thanh tịnh. Cả bảy thanh tịnh ấy, cái gì hiền giả cũng bảo rằng không. Vậy cái gì là mục đích của hạnh sa-môn, thưa hiền giả?

- *Vô thủ trước Bát-niết-bàn*[1] mới là cứu cánh tối thượng của sa-môn hạnh, thưa hiền giả!

Đến đây, tôn giả Sāriputta thắt vấn đề lại:

- Vậy *giới thanh tịnh là vô thủ trước Bát-niết-bàn* chăng?

- Không phải!

Thế rồi, tôn giả Sāriputta hỏi đến cả bảy thanh tịnh, trưởng lão Phú-lâu-na đều trả lời là chúng đều không phải là vô thủ trước Bát-niết-bàn.

- Vậy *vô thủ trước Bát-niết-bàn* nó liên hệ hoặc không liên hệ với *bảy thanh tịnh* như thế nào hở hiền giả?

- Hiền giả! *Tôn giả Puṇṇa Mantānīputta đáp một cách trang nghiêm* - Nếu giới thanh tịnh là vô thủ trước Bát-niết-bàn thì vô thủ trước ấy cũng đồng đẳng với hữu thủ trước. Và chúng phàm phu sẽ chấp vào giới thanh tịnh ấy. Về sáu thanh tịnh kia cũng y như thế. Nhưng nếu vô thủ trước Bát-niết-bàn ở ngoài bảy thanh tịnh thì tất cả chúng phàm phu, chúng ngoại đạo đều vô thủ trước Bát-niết-bàn cả hay sao?

- Tôi hiểu, thưa hiền giả!

- Hiền giả, tôi sẽ cho thêm ví dụ. Vua Pāsenadi đi xe từ

---

[1] Bát-niết-bàn - âm của từ Parinibbāna, có nghĩa là giải thoát rốt ráo, không còn dư tàn - mà kinh điển hay nói là nhập Niết-bàn!

Sāvatthi đến Saketa qua bảy trạm xe. Đến nơi, triều thần ra đón và hỏi có phải nhờ chiếc xe này mà đức vua đến được Saketa hay không? Trong trường hợp ấy, thưa hiền giả, đức vua phải trả lời thế nào cho đúng?

- Dĩ nhiên, đức vua sẽ nói rằng, trẫm đi từ trạm một qua trạm hai bằng một cỗ xe, trạm hai qua trạm ba trẫm đổi một cỗ xe khác. Và lần lượt như thế, qua bảy trạm trẫm đổi bảy cỗ xe khác nhau.

- Đúng vậy, hiền giả quả là thông minh, đã nói rất đúng! Như vậy, giới thanh tịnh là mục đích cho tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là mục đích cho kiến thanh tịnh. Kiến thanh tịnh là mục đích cho đoạn nghi thanh tịnh. Và cuối cùng là tri kiến thanh tịnh. Tri kiến thanh tịnh là mục đích để đến vô thủ trước Bát-niết-bàn! *Vô thủ trước Bát-niết-bàn mới là cứu cánh của sa-môn hạnh,* thưa hiền giả!

Đến đây, tôn giả Sāriputta rất hân hoan, ngài chắp tay xá chào Puṇṇa Mantānīputta.

- Quả thật tôi đã được thông suốt, đã được sáng tỏ, đã được tắm mát tận suối nguồn của giáo pháp. Chẳng hay hiền giả tên gì? Và các vị đồng phạm hạnh thường gọi hiền giả như thế nào?

- Thưa, tôi tên là Puṇṇa, các bạn đồng đạo thường gọi tôi Mantānīputta.

Tôn giả Sāriputta đứng dậy, chắp tay:

- Thật là hy hữu thay, hiền giả! Thật là kỳ diệu thay,

hiền giả! Những câu hỏi sâu kín, tế vi, thâm mật đã được trả lời rõ ràng, minh xác từng điểm một bởi một đệ tử đa văn, quảng kiến, bác học... của đức Đạo Sư. Và vị ấy là tôn giả Puṇṇa Mantānīputta! Thật là hạnh phúc thay cho các vị đồng phạm hạnh. Thật là chơn hạnh phúc thay cho tứ chúng, cho chúng tôi được thăm viếng, thân cận tôn giả Puṇṇa Mantānīputta

Trưởng lão cũng đứng dậy, chắp tay:

- Hiền giả đã tán thán, ca ngợi quá nhiều làm tôi phải hổ thẹn. Vậy chẳng hay hiền giả cao danh quý tánh? Và các vị đồng phạm hạnh thường gọi tên hiền giả ra sao?

- Thưa, tên tôi là Upatissa, các vị đồng phạm hạnh thường gọi tôi là Sāriputta!

Trưởng lão Puṇṇa Mantānīputta mở mắt lớn, ngạc nhiên:

- Ồ! Thế ra tôi vừa nói chuyện với ai đây? Tôi đã dám phân tích, lý luận, khen ngợi, đàm đạo với một bậc trí tuệ vĩ đại được xem là ngang hàng với đức Đạo Sư? Ồ! Đúng là tôi đã cả gan múa lưỡi trước bậc Tướng-quân-giáo-pháp, đã đem khoe giọt nước trên tay mình với biển đông! Nếu biết ngài là vị đệ nhất Đại đệ tử, cánh tay phải của đức Thế Tôn thì tôi đã không dám đem khoe cái dốt của mình như thế đâu!

Tôn giả Sāriputta ân cần nắm tay trưởng lão Puṇṇa Mantānīputta nói rất thật lòng mình:

- Không phải vậy đâu, quả thật là tôi đã được nghe một

thời pháp thật tu, thật thấy của hiền giả! Một đời sa-môn hạnh sẽ vô ích, uổng công nếu không uống được giọt nước bất tử tận đầu nguồn!

Thế rồi cả hai vị sa-môn từ giã nhau, rỗng không, thanh thoát và đậm đà tình nghĩa như đã tương ngộ với nhau từ thuở kiếp nào!

Như vậy, tôn giả Puṇṇa Mantānīputta, không những am tường về pháp học mà cả pháp hành, là vị có thể giảng giải giáo pháp một cách vắn tắt cho đến rộng rãi, có khả năng khiến cho người nghe pháp sanh khởi niềm tin vào chánh pháp, lòng kính tín Tam Bảo và định hướng cho sự tu tập tăng thượng tâm, tăng thượng giới, tăng thượng tuệ. Và như thế tôn giả sẽ thuyết giảng về những giáo lý liên hệ đến duyên khởi, vô ngã, có mục đích duy nhất đó là khiến thính chúng hướng về viễn ly, đoạn diệt, an tịnh, Niết-bàn.

Tôn giả còn là người hòa đồng, biết lắng nghe và có khả năng khích lệ động viên người khác tu tập theo chánh pháp.

Tôn giả có đến năm trăm đồ chúng cùng ở trong gia tộc của ngài, và tất cả đều xuất gia. Vì tôn giả giỏi về mười căn bản của thuyết giảng và ngài dạy cho đệ tử cũng tu tập về mười căn bản này cho đến khi các vị này chứng quả A-la-hán[1].

---

[1] He gathered round him five hundred clansmen who all became monks, and he taught them the ten bases of discourse (dasa kathāvatthūmi), which he himself had learnt, and they became arahants (Xem Dictionary of Pāḷi Proper Names – trang 222, tập 2).

Các đệ tử của tôn giả yêu cầu ngài đưa họ đến yết kiến đức Đạo Sư, nhưng ngài nghĩ không nên đi với số đồ chúng như vậy, liền bảo họ đi trước còn ngài đi sau. Thế rồi, các vị ấy đã bộ hành sáu mươi do-tuần đến Rājagaha, tại tịnh xá Trúc lâm, đảnh lễ đức Đạo Sư. Sau đó, đức Phật hỏi, ai có thể giảng được về đời sống giản dị của sa-môn, các vị này đều ca ngợi và giới thiệu tôn giả Puṇṇa Mantānīputta.

Một hôm, suy tư trên sự chứng ngộ, giải thoát, tôn giả thấy rằng: *"Đối với ta và nhiều vị khác đã giải thoát tất thảy mọi đau khổ, phiền não thì sự thân cận với bạn lành là tốt nhất, quý báu nhất"*.

Với sự hoan hỷ phấn khởi, ngài nói lên bài kệ này:

"- Hãy thân cận người hiền,

Bậc hiền minh thấy nghĩa;

Nghĩa lớn và thâm sâu,

Khó thấy, tế, tế nhị;

Bậc trí chứng đạt được,

Không phóng dật, chủ tâm."

Không có tư liệu nào trong các kinh điển biết tôn giả Nhập diệt lúc nào, ở đâu, bao nhiêu tuổi!

Vị Thứ Chín

Tôn Giả Puṇṇa – Puṇṇaka
(Phú Lâu Na)

Bậc Đệ Nhất Nhẫn Nhục

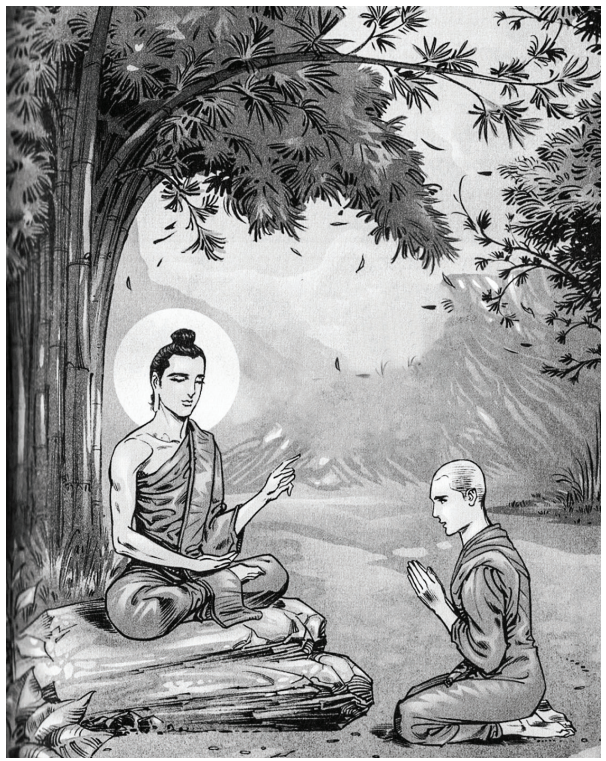

Do nhu cầu nghe pháp, tại Kỳ viên, đức Phật phải thuyết thêm hai thời pháp nữa, riêng cho hai hàng cận sự nam nữ. Nhân dịp này, đức Phật khuyến khích mọi người nên thọ trì bát quan trai giới mỗi tháng hai ngày, bốn ngày hay sáu ngày.

Cuối thời pháp, có một thanh niên tướng người cao lớn, phương phi, ăn mặc có vẻ là thương gia cự phú xin được sống đời xuất gia.

Đức Phật biết rõ nhân, biết rõ duyên, biết rõ người ấy là ai, nhưng ngài cũng hỏi:

- Dòng dõi, xuất thân, sở học, nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình của ông như thế nào? Và nguyên nhân bởi đâu mà ông lại lựa chọn đời sống xuất gia không cửa, không nhà?

Người thanh niên kể:

- Con sinh ra trong một gia đình phệ-xá (thương gia, các công nghệ) tổ tiên, dòng dõi làm ăn buôn bán nhiều đời. Do gia đình khá giả, con được học hành tương đối vững chắc từ thuở ấu thơ. Lớn lên, con kế nghiệp thân phụ đi buôn bán đường xa. Các quốc độ ven hai bờ sông Gaṅgā, sa mạc miền tây bắc cho chí các bờ biển phương đông, phương nam chẳng có đâu mà không có vết chân của con. Làm giàu là châm ngôn của tổ tiên, dòng họ; con trai phệ-xá là phải biết chịu thương, chịu khó, chấp nhận mọi gian khổ; không tạo

ra được sản nghiệp bằng mồ hôi, nước mắt, bằng bàn tay và khối óc của mình thì không xứng đáng là con trai dòng dõi thương nhân. Và suốt mười năm qua, con đã không hổ thẹn mang dòng máu của tổ tiên.

Bạch đức Thế Tôn! Biết bao nhiêu lần bị sự thúc hối của cha mẹ, nhưng con không muốn lập gia đình. Con biết rõ giới cấp của con. Họ là những người có nghị lực và ý chí. Bạc tiền đối với họ là mục đích tối thượng trên cuộc đời. Sau những chuyến hàng đường trường gian khổ, đôi khi thiếu củi, thiếu nước, thiếu lương thực! Đôi khi bị bọn cướp, thổ phỉ hoặc các sắc tộc săn đầu người trang bị vũ khí tấn công. Chết là chuyện thường, sạt nghiệp cũng chuyện thường mà bỏ mạng dọc đường cũng là chuyện thường! Phải nói là họ đánh đổi mạng sống để kiếm tiền. Hàng mua một họ bán mười, có món lời gấp trăm! Do vậy, họ ăn chơi, hưởng thụ đôi khi còn hơn cả con vua, cháu chúa! Gian khổ, kiếm tiền và hưởng thụ - nó là một vòng tròn loanh quanh luẩn quẩn không bao giờ thoát ra, không bao giờ có thể thoát ra. Con và họ có đời sống tương tợ nhau. Chỉ có điều con khác họ là con có suy tư, có đăm chiêu, có chiêm nghiệm; đôi khi còn tự vấn, tự đáp lặng lẽ trong lòng mình. Còn họ thì không. Họ thỏa mãn, sung sướng, tự hào và hãnh diện. Con khác họ điều thứ hai nữa là khi bán lấy lời quá nhiều là con cảm thấy áy náy, khó chịu vô cùng. Ôi! Cái tiền bạc này nó có cái gì như dơ bẩn, như ma quỷ chứ không trong sạch, tốt đẹp chút nào. Cuối cùng, là sau mỗi cuộc hưởng thụ, ăn chơi phù phiếm ấy, con đều cảm thấy chán nản, ghê tởm. Chán nản, ghê tởm cái bề trái của cuộc đời, và chán nản, ghê tởm cả

với con thú ở ẩn trong lòng mình nữa!

Bạch đức Thế Tôn! Cha mẹ con là đại phú gia, họ có hạnh phúc đâu? Cha con năm thê, bảy thiếp. Các bà vợ luôn luôn gấu ó, cắn xé nhau. Những người con trai con gái luôn luôn dòm ngó của cải, tài sản. Sự chân tình và sự thương yêu thật sự không có mặt! Các gia đình bạn hữu phú gia của con cũng tương tợ thế: Là tan hoang, trần trụi một đời sống vật chất, bản năng! Nếu ai có tín ngưỡng thì tin bậy, tin bạ vào trăm cái ông thần quỷ quái chỉ ưa hiến tế đồng nam, đồng nữ, đầu và máu súc vật vô tội! Không nơi đâu có được chút bình an và bình lặng tâm hồn. Cứ mỗi một năm, đôi khi hai năm, về nhà, thấy tình cảnh ấy, con lại ra đi! Và ra đi, lại gian khổ, lại kiếm tiền, lại hưởng thụ, rồi con lại bị rơi vào cái vòng xích bế tắc cũ, không có lối thoát!

Bạch đức Thế Tôn! Con nghe danh đức Thế Tôn đã lâu qua các dặm trình xuôi ngược. Con đã nghe thoảng giáo pháp giác ngộ giải thoát của ngài. Con đã từng thấy bóng dáng của những vị sa-môn áo vàng, chỗ này và chỗ kia trên nhiều quốc độ. Con chưa rõ họ tu tập ra sao, nhưng đập vào mắt con là ai tóc râu cũng sạch sẽ, ai y áo dù cũ rách hay nhiều tấm vá nhưng trông đều tươm tất. Không ai có vẻ lập dị hoặc đóng bộ ta đây là người tu hành! Cái ấn tượng nhất là rất nhiều vị trưởng lão, rất già, nhưng đi đứng khoan thai, tự tại, trong lòng dường như không vướng bận điều gì, không dính mắc điều gì! Nhìn họ, con cảm giác rất quen thuộc, dường như đời sống này con đã từng sống qua!

Bạch đức Thế Tôn! Mấy ngày hôm nay, mấy trăm xe

hàng của con và bạn hữu đang từ sa mạc tây bắc đi xuống, đang dừng chân tại kinh đô này. Thấy mỗi chiều chiều, rất đông đồng bào các giới mang hương hoa, dầu đèn, lễ phẩm tấp nập đổ về Kỳ viên. Con đã đoán là đức Thế Tôn có lẽ đang thuyết giáo ở đó. Trong lúc bạn hữu đang tìm nơi du hí thì con theo họ đến đây. Con đã nghe được ba thời pháp. Thời pháp nào cũng thấm thía. Thời pháp nào con cũng hoan hỷ. Thời pháp nào cũng dường như đưa con hướng đến một đời sống tinh thần cao đẹp. Và con biết chắc, tin chắc là con đã lựa chọn đúng đắn - khi con muốn sống đời xuất gia phạm hạnh, bạch đức Thế Tôn!

Trình bày tóm tắt nhưng khá đầy đủ, khúc chiết về nhân và quả, trí và tâm, về cuộc đời của mình, thanh niên thương gia phủ phục xuống với năm vóc sát đất rất mực cung kính.

Đức Phật nói:

- Này Puṇṇa![1] Trong quá khứ, ông đã có một nhân duyên rất tốt đấy! Nhờ nhân duyên ấy ông mới có được những nhận thức như thực về bản chất của đời sống, và rồi nó đưa ông đến đây!

Rồi đức Phật kể:

- Mới cách đây thôi, sau khi giáo pháp đức Phật Kassapa tiêu hoại, ông sinh ra trong một gia đình trưởng giả bà-la-

---

[1] Puṇṇa này quê ở tận Pagan - Myanmar bây giờ - khác với Puṇṇa cháu của tôn giả Koṇḍañña, con của bà Mantānī nên có tên là Puṇṇa-Mantānīputta ở tại Kapilavatthu - vị này (vị sau) đã đắc quả A-la-hán vào hạ thứ hai của đức Phật, nổi danh đệ nhất thuyết pháp.

môn, thụ hưởng một đời sống ngũ dục rất sung mãn. Thời gian sau, ông chán chê, ghê tởm ngũ dục nên đã từ bỏ tất cả, lên non cao, dựng một am thất sống đời xuất gia đạo sĩ. Tại sườn núi bên cạnh có một vị Độc Giác Phật đang tĩnh cư. Hôm ngài Nhập diệt, ánh sáng tỏa khắp một vùng do vị ấy trú quang định trước khi chấm dứt hơi thở. Thấy ánh sáng diệu kỳ, ông tìm đến, thấy một đạo sĩ già ngồi xếp bằng, an nhiên thị tịch. Khởi tâm kính mộ, ông đã chịu khó lặn lội khắp cả khu rừng, tìm lấy tất cả mọi loại gỗ thơm rồi hỏa táng nhục thân của Phật Độc Giác. Nhờ phước báu ấy, mà cũng nhờ nhân duyên ấy, ông tái sanh, hóa sanh nhiều kiếp trời và người. Kiếp này, ông lại được sinh ra trong một gia đình cự phú tại xứ Sunāparanta, nơi một bến cảng sầm uất, tên là Suppāraka, có phải vậy không, Puṇṇa?

Đức Phật vừa mới hé mở một chút quá khứ đã làm cho tâm tịnh tín của chàng thanh niên Puṇṇa càng thêm được củng cố, tăng trưởng. Sau khi cho chàng xuất gia xong, đức Phật dành thì giờ khá lâu giảng cho Puṇṇa nghe về giáo pháp căn bản, đời sống sa-môn, thiền định và thiền quán, rồi đức Phật nhấn mạnh:

- Này Puṇṇa! Khi một người thấy pháp, sống với pháp, thì vị ấy không còn những chấp thủ về ngã và ngã sở; vị ấy sống với tinh thần vô sở úy, đầy đủ tất cả những oai lực của bậc thánh đã không còn bị buộc ràng bởi những triền phược của thế gian.

Rồi đức Phật ngợi khen:

- Ông là người có căn trí, Như Lai trang bị cho ông như

vậy là vừa đủ. Vậy từ nay, ông có thể tự mình với tam y, nhất bát lên đường được không, Puṇṇa?

- Có thể được, bạch đức Tôn Sư!

- Nếu Như Lai để cho ông tự lựa chọn trú xứ thì ông có thể đi đâu, Puṇṇa?

- Đệ tử có thể trở lại quê nhà tại xứ Sunāparanta!

- Như Lai biết rõ rằng, dân chúng xứ Sunāparanta đa phần sống theo những giáo phái cuồng tín, bản chất họ còn rất hoang dã. Thô ác, hung bạo, dữ tợn là tâm tánh của họ. Vậy nếu họ nhục mạ, phỉ báng, mắng nhiếc ông thì ông phải làm sao? Có chịu đựng nổi không?

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu có trường hợp họ đối xử với đệ tử như thế, đệ tử vẫn tâm niệm họ là người tốt. Tại sao vậy? Thưa, vì họ mới chỉ nhục mạ, phỉ báng, mắng nhiếc đệ tử bằng lời nói chớ họ chưa đánh đập đệ tử bằng tay chân!

- Thế nếu họ đánh đá ông bằng tay chân thì ông làm sao?

- Thưa, đệ tử vẫn cảm ơn họ, vì họ vẫn chưa dùng đá, gạch, sỏi để quăng ném đệ tử!

- Vậy giả dụ họ sử dụng sỏi, đá, gạch để quăng ném thì sao hả?

- Thưa, đệ tử vẫn cảm ơn họ, vì họ chưa sử dụng cây, đùi gậy.

- Vậy nếu, không những họ dùng cây đùi gậy đánh đập, mà còn cả dao bén và kiếm sắc đâm chém ông nữa thì ông

phải làm sao?

Đến đây, chợt Puṇṇa mỉm cười, biểu lộ sự tự tin vô hạn của mình:

- Bạch đức Thế Tôn! Cho dẫu mà như thế chăng nữa thì đệ tử vẫn sẵn có đủ áo giáp của tâm nhẫn và tâm từ để chịu đựng và thương yêu họ, vì họ dù đâm dù chém nhưng chưa giết hại đệ tử!

- Vậy nếu họ giết ông thì sao?

- Thì đệ tử vẫn cảm ơn họ, vì họ đã xả bỏ giùm cái thân giả hợp, bất tịnh này!

Đức Phật tán thán:

- Lành thay, Puṇṇa! Với tâm niệm ấy, với hành trang tâm nhẫn và tâm từ ấy, ông có thể vô ngại đến sống ở miền giang cảng Sunāparanta. Và rồi ông sẽ nhiếp phục, cảm hóa được người dân bản chất thô ác và hung bạo ấy. Như Lai chúc lành cho ông!

- Tri ân đức Tôn Sư!

- Sớm mai, ông sẽ tự mình bộ hành, trở về quê quán mà hành đạo. Lúc nào gặp khó khăn quá, tưởng không vượt qua nổi thì Như Lai hoặc hai đệ tử ưu tú của Như Lai sẽ có mặt ngay ở bên cạnh.

Có một điều mà chúng ta cần phải biết về tinh thần vô úy trong Phật giáo, điều đặc biệt ở đây là đức tính không sợ hãi này lại được phát xuất từ sự tu tập các thiện pháp thông qua giới, định và tuệ: Nếu một tỳ-khưu không có lòng tin,

giữ ác giới, biếng nhác, nghe ít và ác tuệ. Có đầy đủ năm pháp ấy, sẽ rơi vào trong các sự sợ hãi. Nhưng ngược lại, nếu tỳ-khưu có lòng tin, có giới, nghe nhiều, tinh cần tinh tấn và có trí tuệ - thì sẽ không rơi vào các sự sợ hãi.

Do đó, chúng ta có thể nói rằng, tôn giả Puṇṇa đã thành tựu được năm pháp tốt đẹp này, và chúng chính là yếu tố giúp cho tôn giả đầy đủ tự tin, dõng mãnh, được sự bảo vệ của giới luật, trí tuệ và tinh tấn với thiện pháp. Và cũng từ những giáo giới của đức Phật, nếu như một tỳ-khưu không hoan hỷ, không chấp thủ với các đối tượng nhận thức của sáu giác quan thì sẽ không có dục hỷ sanh và dẫn đến sự diệt tận của mọi đau khổ.

Chính nhờ có những đức tính cao đẹp ấy, sự thấy biết rốt ráo ấy mà tôn giả Puṇṇa đã đi đến và sinh sống tại giang cảng Sunāparanta (hoặc Aparanta)[1] một cách vô ngại. "*Tuy nhiên, khi mới đến, Puṇṇa đến sống tại Ambahatthapabbata, nhưng sau đó, theo lời ông anh ruột, ngài lại đến sống tại Samuddagiri-vihāra, nơi có thể đi kinh hành rất thoải mái; đồng thời có sóng biển vỗ về giúp cho ngài dễ tập trung tư tưởng, dễ định tâm. Sau đó, tôn giả đến Mātalagiri, ở đây lại có những đàn chim đến quấy*

---

[1] Tên một giang cảng của nước Sunāparanta (hoặc Aparanta). Theo từ điển Pāḷi Proper Names thì ngày nay là nước Miến Điện, nằm bên phải con sông Irrawaddy, gần Pagan. Từ Suppāra (Suppāraka) đến Sāvatthi xa 120 leagues (1 leagues bằng 3 dặm Anh, tức 4,8 km; vậy 120 leagues là 570 km). Đây cũng là địa giới gần Suvaṇṇabhūmi (kim địa). Đức Phật đã có một lần du hành đến đây với 499 vị tỳ-khưu A-la-hán.

rầy, rồi ngài lại phải đến Makulakagāma.

Vừa ở chưa được bao lâu thì ông anh trai tên là Cūḷa-Puṇṇa lại đến thăm có việc nhờ cậy. Số là ông anh có rất nhiều chiếc thuyền lớn, có tổng cộng năm trăm thủy thủ và nhân viên, sẽ đi biển xa trong một thương vụ làm ăn – muốn tỳ-khưu Puṇṇa cùng lên thuyền nhằm bảo vệ an ninh an toàn cho mọi người. Họ sẽ tới một hòn đảo mọc đầy cây đàn hương đỏ rất quý hiếm và sẽ khai thác chúng chất đầy tàu. Nể tình ông anh, Puṇṇa đi theo và đã thành công như ý muốn. Tại hòn đảo này, từ lâu không ai dám đến vì sẽ bị các loại quỷ tấn công, có thể mất mạng – họ biết vậy nên họ chỉ mong nhờ uy lực của tỳ-khưu Puṇṇa nên tất cả đều yên ổn. Trên đường về, gặp cơn bão lớn, sóng và gió ngất trời, nhưng nhờ có tỳ-khưu Puṇṇa, sóng lại yên, biển lại lặng.

Về đất liền, ai cũng biết là tất cả đều nhờ oai lực của vị tỳ-khưu, nên họ dâng tặng gần một phần gỗ quý đàn hương đỏ. Tỳ-khưu Puṇṇa lấy toàn bộ gỗ này để kiến tạo một liêu thất sang trọng, quý báu, tuyệt mỹ để dành nơi lưu trú cho đức Bổn Sư khi ngài ngự đến đây."[(1)]

Và quả thật vậy, đức Phật và 499 vị tỳ-khưu có thần thông đã đến đây một lần, nhiều sử liệu có ghi chép lại.

Cũng nhờ oai lực sau chuyến đi trên, mọi người nam nữ tìm đến quy giáo, chỉ trong vài mùa an cư tôn giả đã nhiếp độ khoảng năm trăm nam cư sĩ, năm trăm nữ cư sĩ.

[(1)] *Tư liệu này lấy ở Dictionary of Pāḷi Proper Names, trang 220, tập 2.*

Và cũng trong thời gian ấy tôn giả Puṇṇa đã chứng được đạo quả giác ngộ, giải thoát A-la-hán.

Khi đức Phật biết tôn giả Puṇṇa đã thành tựu rực rỡ tại Sunāparanta và đã Niết-bàn, ngài xác nhận rằng:

"- Này các tỳ-khưu! Thiện nam tử Puṇṇa là bậc hiền trí. Vị ấy thực hành pháp và tùy pháp.

Này các tỳ-khưu! Thiện nam tử Puṇṇa sau khi đã làm xong mọi phận sự, ông đã nhập Niết-bàn."

Như vậy là chúng ta chỉ biết tôn giả Puṇṇa Nhập diệt sau đức Phật nhưng chẳng có tư liệu nào cho biết về các chi tiết.

Tuy nhiên, có điều chúng ta nên để tâm nghiên cứu sử, là công trình bốn chục ngàn[1] chùa tháp tôn nghiêm, vĩ đại, vượt thời gian tại Bagan (gần giang cảng Sunāparanta thuở xưa), tại Bắc Myanmar hiện nay – thì đã được đặt nền móng từ dấu chân của vị Đại đệ tử đệ nhất Nhẫn Nhục này.

---

[1] *Hiện nay chỉ còn chừng 2.500 bảo tháp.*

Vị Thứ Mười

Tôn Giả Subhūti

(Tu-Bồ-Đề)

Bậc Đệ Nhất Chư Thiên Ái Kính

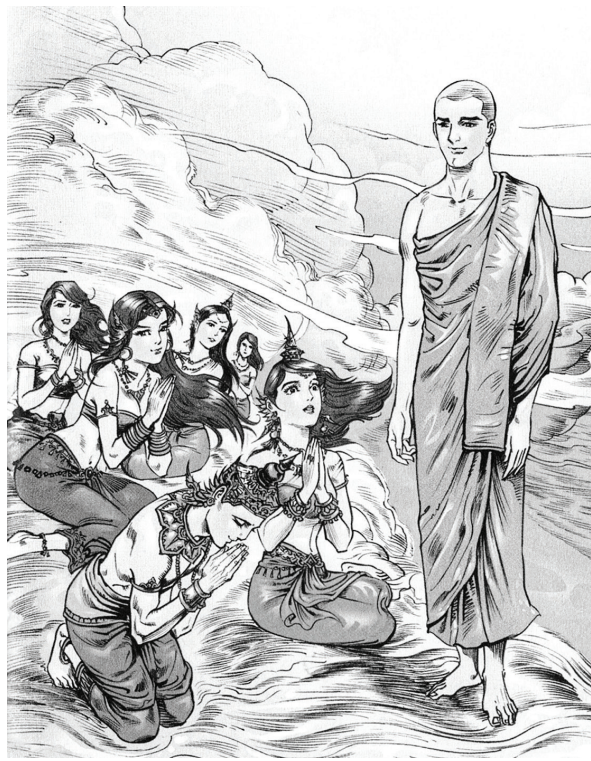

Hôm ấy, tại núi Linh Thứu, sau thời pháp cho chư tăng, đức Phật kết luận:

- Như vậy, một vị tỳ-khưu có giới hạnh, tinh cần tu tập ở thành phố, thị trấn, dù hành trì rất tốt nhưng Như Lai vẫn lo ngại. Một vị tỳ-khưu độc cư ở núi rừng, dẫu giải đãi, dẫu hay ngủ ngày nhưng Như Lai vẫn ít lo ngại hơn. Tại sao? Vì vị tỳ-khưu ở thành phố, thị trấn kia không biết sẽ sa ngã lúc nào do chốn phồn hoa có rất nhiều sự cám dỗ. Vị tỳ-khưu ở núi rừng dầu làm biếng, giải đãi, dầu ngủ ngày, nhưng nếu có tâm tu tập thì sự trong lành, an tĩnh của núi rừng cũng làm cho tâm y vắng lặng hơn; rồi một lúc nào đó, chán ngủ, chán làm biếng thì y sẽ hành thiền!

Sau buổi giảng, rất nhiều người nhắc đến những câu chuyện liên hệ đến tỳ-khưu Subhūti đang nổi danh về hạnh độc cư, ly dục, viễn ly phố thị - được rất nhiều chư thiên có oai lực ngưỡng mộ và quý kính. Subhūti[1] là ai?

---

[1] Theo các kinh điển Đại thừa, ngài Subhūti , tức Tu-bồ-đề được đặt vào một vị trí và chức năng đặc biệt; biểu tượng ngài là Tuệ Tánh Không, lúc thuyết pháp - thuyết vô ngôn - không nói gì cả mà chư thiên ái kính rải hoa. Theo Nikāya thì ngài thường trú định tâm từ, thỉnh thoảng cũng trú tuệ không và chư thiên cũng rất ái kính, ngưỡng mộ. Có điểm giống nhau: Ngài chỉ đi bát, nhận vật thực từ người giàu và trung lưu, không nhận vật thực của người nghèo - ngại sớt bớt cháo cơm đã quá ít ỏi của cháu con họ.

Subhūti là em trai của trưởng giả Sudatta (Cấp-cô-độc), đã được đức Phật cho thọ giới cụ túc sau chuyến thăm Kỳ viên đại tịnh xá lần thứ nhất. Rời Sāvatthi, đại đức được tháp tùng đức Phật trở lại Trúc lâm. Sau khi được đức Phật giáo giới tóm tắt con đường của sa-môn hạnh, tỳ-khưu Subhūti xin phép ngài và xin phép vài vị thượng thủ của Giáo hội đi vào núi rừng, tìm ẩn nơi các hang cốc để tu tập. Vốn là bậc thượng trí, thượng căn, tỳ-khưu Subhūti dễ dàng thu xếp nếp sinh hoạt tương xứng với phẩm hạnh của mình. Ngoài việc trì bình khất thực ở mấy xóm nhà ven chân núi cùng mấy ngôi làng thuộc ngoại thành của thành Rājagaha; tỳ-khưu Subhūti để dành hết thì giờ cho thiền định và thiền quán. Thân như tường vách, tâm như mặt hồ tĩnh lặng; tỳ-khưu Subhūti tuần tự đi vào các tầng thiền định, từ cạn vào sâu, từ thấp lên cao. Không nôn nóng, không vội vã; như con tằm thứ lớp dệt nên chiếc kén cho mình, tỳ-khưu Subhūti lần lượt thuần thục các định; đặc biệt, rất viên mãn là định tâm từ. Khi tâm đã vắng lặng, trong suốt, vững chắc; ngài quay sang quan sát danh sắc, thấy rõ vô thường, khổ , vô ngã của các pháp cấu tạo này, của danh sắc này; lần lượt đoạn trừ các kiết sử, chứng đắc các thánh quả. Kể thì nhanh, nhưng đấy lại là thành quả của nhiều năm tháng miệt mài, tinh cần, công phu, khổ hạnh... Nắng cũng như mưa, nóng hay lạnh, ngày hay đêm, sớm hay chiều; tỳ-khưu Subhūti không mấy lưu ý! Tâm và trí ngài luôn gắn chặt với đề mục trong từng bước đi, trong từng hơi thở. Thân xác tuy có khô gầy nhưng đôi mắt thì sáng lấp lánh như hai ngôi sao, biểu hiện sức mạnh tinh thần đã được phát tiết cao độ.

Vào một năm nọ, vì tâm bất động với đại định, tôn giả cứ thiền trú giữa trời, ngoài chút ít thức ăn... tôn giả đã ngồi hơn một tháng như thế. Vào mùa mưa, trời mưa; chư thiên vì quý kính ngài nên họ đã dùng thần lực của mình để che chắn cả một khoảng không gian lớn rộng. Việc này sinh ra tai họa, là hơn một tháng, trời không mưa nên mấy ngôi làng ở ngoại kinh thành Rājagaha sinh ra đại hạn mà tôn giả cũng không hề hay biết.

Suốt mấy năm ròng rã, tỳ-khưu Subhūti thỉnh thoảng có về Trúc lâm đảnh lễ các vị trưởng lão, ngoài ra, ngài không giao tiếp với ai. Khi vào thành khất thực, tỳ-khưu Subhūti thường bỏ qua các ngôi nhà, xóm nhà quá nghèo khổ; chỉ dừng chân và đứng bát nơi xóm nhà trung lưu hoặc giàu có. Và lúc nào ngài cũng trú định tâm từ. Những ai có cơ duyên đặt bát cho ngài đều cảm thấy mát mẻ và an lành suốt buổi.

Đức Vua Bimbisāra
Đi Thăm Tôn Giả Subhūti

Tin đồn về vị tỳ-khưu kỳ lạ này, tốt có, xấu có đến tai đức vua Seniya Bimbisāra. Tốt, là hạnh độc cư, ưa thích núi rừng, tu hành tinh tấn, có tâm từ vô lượng. Xấu, là không thèm giao tiếp với ai; chỉ đi bát hạng trung lưu và hạng giàu có, còn người nghèo khổ thì không! Cho người dò hỏi, tìm hiểu, chiều hôm kia, đức vua cùng vài quân hầu dong xe vào rừng. Tại nơi không còn đi được, bậc quân vương len lách qua những lùm bụi, mệt mề bước qua các dốc đá cheo leo rồi

cũng tìm được nơi cần đến. Vị tỳ-khưu kia đang an tĩnh tọa thiền trên một tảng đá chênh về hướng tây trong một hang động. Ngồi nghỉ cho ráo mồ hôi, không dám làm kinh động vị sa-môn, đức vua hiền thiện của chúng ta nhè nhẹ bước đến... *Hóa ra là chỉ có hai tảng đá nhỏ úp lại, nằm khuất dưới một lùm dứa dại có hai cây ổi rừng phủ bóng mát! Bên trong chỉ có một chiếc bát đất, một cây gậy, một ống tre đựng nước và vài vật dụng khác của thầy tỳ-khưu. Chẳng có giường chõng, vật nằm, vật đắp gì cả. Đức vua nghe cay cay lòng mắt. Nghèo khổ đến tận cùng. Vô sản, bần hàn cũng đã đến tận cùng. Đức vua còn biết được rằng, người thanh niên này, vốn là em ruột của trưởng giả Cấp-cô-độc, trước khi xuất gia đã là một vị phú thương, một doanh gia, có một tài sản kếch xù! Vậy đấy! Khi đã phất tay rũ bỏ là rũ bỏ đến tận cùng! Ôi! Đáng kính, đáng trọng thay!*

Tỳ-khưu Subhūti đã xả thiền. Đức vua bước đến tham vấn. Và họ có một đoạn đối thoại như sau:

- Trẫm là Seniya Bimbisāra...

- Tôi biết, tâu đại vương! Chẳng hay, hôm nay có việc gì mà bậc vương giả lại lặn lội đến chốn núi rừng xa xôi này!

- Trẫm nghe được cái hạnh tinh tấn của đại đức...

Tỳ-khưu Subhūti mỉm cười:

- Gọi là sa-môn, là tỳ-khưu thì ai cũng phải tu tập tinh tấn như vậy cả, tâu đại vương!

- Đại đức còn nổi danh về hạnh độc cư, ưa thích núi

rừng; đến đây, trẫm còn thấy rõ, đại đức còn sống đời thiểu dục, tri túc đến độ không có gì nữa cả!

- Cũng bình thường, chẳng có gì đáng để tự hào hay hãnh diện cả, tâu đại vương! Tôn giả Mahā Kassapa và đệ tử của ngài cũng sống như vậy với lạc thú thanh cao, không có ngũ dục nào trên thế gian có thể lôi cuốn, cám dỗ họ được.

Đức vua đọc được thái độ khiêm nhu, vắng lặng trong thái độ và ngôn ngữ của vị sa-môn ẩn sĩ nên tự nghĩ: *Không còn một chút xíu nào là ngã ái, ngã niệm huống gì là ngã mạn nơi vị tỳ-khưu hiền thiện này!*

- Nghe nói, đại đức chỉ đi bát nơi các hạng trung lưu hoặc gia đình khá giả mà không tạo cơ hội, duyên phước cho những người nghèo khổ?

- Cũng không hẳn là thế, tâu đại vương! Nó có một duyên sự, như sau: Hôm kia, tôi đứng bát nơi một gia đình nghèo khổ. Tôi đứng như vậy, yên lặng và rải định tâm từ. Một người đàn bà chiên-đà-la vừa chuẩn bị xong một bát cháo loãng định cho con ăn. Thấy tôi, bà nhìn quanh một lát, rồi đưa tay lục tìm chỗ này, chỗ nọ... Có lẽ thấy không còn vật thực nào khác nữa, bà bước ra, đổ hết bát cháo vào bát của tôi. Đứa bé khóc ngằn ngặt. Tôi bàng hoàng cả người, nói với người đàn bà: *"Thí chủ không còn gì! Cả cho mình và cho đứa trẻ. Thọ nhận thì tôi đã thọ nhận rồi. Vậy hãy lấy cháo này cho trẻ nó ăn"*. Nói ba lần như thế, người đàn bà cũng không chịu, nói rằng: *"Thân phận con thấp hèn. Thấy ngài, con cảm giác như cọng cỏ khô mà hớp được một chút sương; như giữa sa mạc, một mầm xanh nhỏ nhoi*

lại được nhú lên! Ngài đừng lấy đi chút hy vọng cuối cùng của con trên cuộc đời này!"

Nghỉ hơi một chút, *tỳ-khưu Subhūti nói tiếp* - Thuở ấy, tôi mới tu tập sơ cơ, chưa có được quả vị nào nên tôi đã chảy nước mắt và người đàn bà cũng chảy nước mắt. Quả thật, tôi đã không kham nhẫn được khi nhận vật thực nơi những người quá nghèo khổ; tôi có cảm giác như tước đoạt hoặc bớt xén vào cái phần vật thực đã quá ít ỏi của họ! Tôi không đành lòng, tâu đại vương!

Đức vua cúi đầu xuống, mắt ngài cũng hoen lệ:

- Đúng là vậy! Có lẽ trẫm cũng không đành lòng!

Nói thế xong, đức vua quay sang nói với hai quân hầu:

- Chút nữa, các ngươi hãy thưa hỏi đại đức, chỗ ngôi nhà của người nghèo khổ ấy. Trẫm sẽ ban thưởng xứng đáng, hậu hĩ; không chỉ là một giọt sương mà là cả một cơn mưa rào!

Tỳ-khưu Subhūti hoan hỷ mỉm cười, chỉ chỗ xóm chiên-đà-la, chòi lá lụp xụp, thứ ba, phía trái con đường đất đầu tiên, phía ngoại thành như vậy, như vậy... Rồi, ngài trú định tâm từ, một năng lượng mát mẻ chợt tuôn tràn ra xung quanh... cố ý ban rải phước lành cho đức vua hiền thiện.

Khi chấp tay vái chào từ giã, đức vua Bimbisāra nói:

- Trẫm sẽ sai người đến đây, dựng cho đại đức một liêu cốc tương đối, sắm sanh một vài vật dụng cần thiết cốt để giữ gìn sức khỏe thôi, xin đại đức cho trẫm được làm một chút phước sự nhé!

Nói vậy, nhưng vì việc nước nên vua đã thất hứa nên sinh ra thảm họa hạn hán (như đã kể ở trên). Sau đó lại nhớ nên vua đã cho làm xong liêu thất.

Khi tỳ-khưu Subhūti vừa vào an tọa bên trong mái che thì trời liền đổ mưa xối xả vì chư thiên không che mưa cho ngài nữa! Do không hướng tâm đến mọi việc xung quanh, vị tỳ-khưu này vẫn vô tư, thốt lên bài kệ rằng:

"- Am thất khéo lợp xiết bao,

Bên ngoài ngăn chặn mưa rào, gió lay;

Lạc an một cõi tâm này,

Mưa thì cứ mặc, dẫu ngày hay đêm;

Chừ ta tịnh định trú thiền,

Rỗng không, giải thoát, vô phiền, vô lo!"

Thế là chuyện của tỳ-khưu Subhūti được đồn đãi, thêu dệt tràn qua cửa tai của mọi người, khắp kinh thành, đến quốc độ này sang quốc độ khác. Khen có, chê có, nói giễu có. Người ta khen hạnh độc cư thanh tịnh, biến mãn tâm từ, bậc xứng đáng được cúng dường, được chư thiên ái mộ. Người ta chê, đã là thánh A-la-hán rồi, tại sao không biết chuyện, vì mình, vì an lạc định thiền của riêng mình, mà làm cho cả mấy thôn làng mang họa theo vì đại hạn?[1] Người ta nói rằng, ông Mahā Kassapa, vị đại đầu-đà khổ hạnh, chỉ đi bát hóa độ cho người nghèo, tuy có tâm thiên vị, đánh mất tính bình đẳng nhưng tấm lòng ấy rất đáng cảm động, ái mộ! Còn tỳ-

[1] *Chuyện này sẽ kể đầy đủ trong phần tiểu sử của đức vua Bimbisāra.*

khưu Subhūti, chỉ đi bát để hóa độ cho người giàu! Người ta đã giàu, do có tâm bố thí, cúng dường bậc thánh Vô lậu, biến mãn tâm từ, thì kiếp sau họ lại càng thêm cao sang, quyền quý hơn nữa, là tại làm sao hử? Người ta nói giễu, không phải đâu, đi bát người giàu là kiếm được thực phẩm thượng vị, loại ngon, loại ngọt, loại bổ, loại béo chứ bọn nhà nghèo có gì? Nước cháo chua hoặc cơm tấm siu nguội lẫn với tro trấu bẩn tạp hay sao? Họa là đồ ngu! Ai dại gì!

Nói gì thì nói, tỳ-khưu Subhūti bình tâm như vại; ngài đi bát vẫn cứ rải tâm từ, độc cư, an tĩnh ở núi rừng. Khi gặp duyên, thuyết pháp, ngài không nói nhiều, chỉ một câu duy nhất: *"Hãy làm lành, lánh ác, giữ tâm trong sạch!"* Rồi ngài trú định tâm từ, rải tâm từ như một năng lượng mát mẻ tràn ra xung quanh. Thỉnh thoảng, ngài trú tâm rỗng không, giải thoát. Và lúc nào, chư thiên cũng ái kính, ngưỡng mộ, rải hoa, tán thán, ca ngợi, âm vang xuyên thấu Tứ đại thiên vương, Đao Lợi, Đẩu Suất... và đến cả cõi Phạm thiên.

Đức Phật Quan Sát Subhūti Vá Y

Chiều ấy, tỳ-khưu Subhūti đang ngồi trên một tảng đá để vá y. Nghe tin đức Phật đã về Trúc lâm, ngài tự nghĩ: *"Chẳng lẽ nào ta lại mặc chiếc y rách nát này để đến thăm, đảnh lễ Tôn Sư, chắc sẽ bị quở trách."* Từng mũi kim cẩn trọng xuyên qua xuyên lại mấy mảng vải đã mục, vị tỳ-khưu mỉm cười: *"Cái thân của chúng sanh trong các kiếp sinh tử cũng tương tợ vậy, cứ vá tới, vá lui mãi. Kiếp nào có nhiều phước báu thì những tấm vá được lành lặn, đôi khi lại sang*

quý nữa. Kiếp nào ít phước báu, hoặc quá thiếu phước thì có khác gì chiếc y rách nát này đâu?"

Tỳ-khưu Subhūti chưa đi đảnh lễ đức Phật mà ngài đã đến nơi rồi. Có cả tôn giả Mahā Moggallāna và số đông tỳ-khưu nữa. Đứng trên một ngọn đồi, không xa hang núi của tỳ-khưu Subhūti, đức Phật đưa tay chỉ, mỉm cười:

- Các thầy có thấy không? Con Trai của Như Lai đang vá y đấy! Cái hình ảnh ấy trông đẹp làm sao!

- Thưa vâng, bạch đức Thế Tôn!

- Có cả nhàn hạ, thảnh thơi và vắng lặng nữa! *Tôn giả Mahā Moggallāna tiếp lời* - Đúng là bậc xứng đáng được chư thiên và nhân loại cúng dường!

Đức Phật đưa mắt ngắm nhìn chiếc lưng cong, cái đầu cúi của tỳ-khưu Subhūti trong trạng thái chăm chú trên đầu mũi kim, sợi chỉ, ngài nói:

- Một động thái nhỏ, Con Trai của Như Lai cũng chăm chú, định tâm. Vì quá chăm chú, quá định tâm nên ông ta không thấy, không biết chuyện gì xảy ra xung quanh. Như Lai và các thầy đang đứng ở gần đây mà ông ấy cũng không hay biết. Vậy, do định thiền mà vị ấy không cần biết trời mưa hay nắng là điều dễ hiểu hay khó hiểu, này các thầy tỳ-khưu?

- Bạch, rất dễ hiểu ạ!

- Con Trai của Như Lai cũng không biết chư thiên ái mộ, kính ngưỡng mình nên đã che mưa suốt một tháng trường, ảnh hưởng thời tiết, khí hậu cả một vùng, vậy ông ta có tội

hay không có tội?

- Vì không cố ý nên không có tội, bạch đức Tôn Sư!

- Ừ, chính xác! *Đức Phật nói* - Chính tư tác (cetanā), chính cố ý, cố tình mới tạo nên nhân, tạo nên nghiệp là trọng tâm giáo pháp của Như Lai. Tuy nhiên, trong trách nhiệm liên đới, nhân duyên trùng trùng, con trai của Như Lai có đóng góp vào đấy một duyên xấu, theo cái hiểu của thế gian là liên đới trách nhiệm đấy! Khi nhập định, vị tỳ-khưu cần phải khởi tâm quán xét!

Hội chúng không hiểu. Chỉ có tôn giả Mahā Moggallāna là hiểu nên ngài xin được trả lời:

- Đức Tôn Sư từng dạy rằng, một vị tỳ-khưu nhập định diệt thọ, tưởng bảy ngày, nếu không quán xét những sự việc xảy ra; ví dụ có chuyện trọng đại về tăng sự trong thời gian ấy, vị ấy sẽ bị đức Tôn Sư hoặc các bậc thượng thủ A-la-hán khiển trách! Do thế, thường xuyên định tâm không, chưa đủ, phải thường xuyên tuệ quán nữa!

Đức Phật giảng thêm:

- Một vị tỳ-khưu có định thâm sâu, có tuệ giải thoát không chưa đủ. Khi cần, trong tuệ có định, trong định có tuệ. Nếu tỳ-khưu Subhūti thuần thục cả hai, định và tuệ đều viên mãn thì khi vào định, nếu cần, có thể dùng tuệ để quan sát tất thảy những gì xảy ra xung quanh. Trường hợp như Sāriputta và Mahā Moggallāna, ngồi định ở đây nhưng hai vị còn có thể biết việc xảy ra cả nhiều ngàn thế giới, nếu vị ấy muốn!

Chư vị tỳ-khưu đi theo được mở sáng mắt, họ rùng

mình. Có những bàn tán nho nhỏ:

- Nghiêng quá về định cũng không được.

- Không quan sát xung quanh, trên dưới, gần xa; đôi khi lửa cháy rừng không biết thì nguy to!

- Tuy không trực tiếp tạo duyên xấu, nhưng chỉ cần thả chút tuệ rà soát xung quanh thì chắc chắn, hiện tượng trời không mưa cả tháng kia sẽ không xảy ra.

Tôn giả Mahā Moggallāna gật đầu:

- Khá khen chư hiền đã rất tiến bộ!

Lần bước theo lối đá sỏi và con đường mòn nhỏ ngoằn ngoèo dẫn xuống đồi, đức Phật và hội chúng đến gần nơi am thất của tỳ-khưu Subhūti.

Đức Phật chợt nói:

- Hãy dừng chân đây một lát, đợi thầy tỳ-khưu của chúng ta vá y xong cái đã!

Rồi câu chuyện còn được tiếp tục.

Đức Phật hỏi xung quanh:

- Đức vua Seniya Bimbisāra có hứa kiến tạo liêu thất, nhưng sau đó, do bận rộn quốc gia đại sự mà quên đi - vậy, vị đại vương của chúng ta có tội hay không có tội?

Chư tỳ-khưu lại bàn thảo. Kẻ bảo có chút ít, nhưng do bận việc lớn, đem lại sự yên ổn cho nhiều người nên có thể khoan giảm. Người nói, đây là vấn đề nhân, duyên và quả chứ đâu có như luật pháp thế gian mà luận bên này để châm

chước cho bên kia? Một vị khác, đức vua của chúng ta có khiếm khuyết, bất toàn thế nào đó về trí não nên bị cái tội hay quên; nếu có trí nhớ tốt thì chỉ cần ra một khẩu lệnh thì quân hầu lo liệu xây liêu thất được ngay; việc này không liên hệ đến chuyện ổn định biên giới! Vị khác nữa, hay đây là cái tội thiếu định tâm tu tập?

Đức Phật nói với tôn giả Mahā Moggallāna:

- Ông hãy nói rõ điều đó cho họ nghe đi, Con Trai!

- Dạ thưa vâng, thầy tỳ-khưu khi thuần thục định tứ thiền, nếu vị ấy muốn có túc mạng thông, tức là thắng trí nhớ lại các kiếp sống trong quá khứ; đầu tiên họ nhớ đến một ngày, hai ngày... nhớ lui cho đến giai đoạn vừa sinh ra, trong thai bào, đến kiếp sống trước đó. Cứ thế, cứ thế, và cứ thế, vị ấy nhớ một kiếp, hai kiếp, mười kiếp, trăm kiếp... Cứ vậy, cho đến trăm ngàn kiếp cũng còn nhớ, huống hồ gì là trong ngày! Trường hợp đức vua của chúng ta là thiếu chánh niệm. Người có chánh niệm tinh minh, thuần thục thì đi đứng, ăn nói, cử chỉ, thái độ, ý nghĩ bất cứ nơi đâu, lúc nào - nói chung, hoạt trạng của thân hành, khẩu hành và ý hành bất cứ nơi đâu, lúc nào đều được thấy rõ, biết rõ, nhớ rõ!

Đến ngang đây thì mọi người đều đã hiểu. Tỳ-khưu Subhūti cũng đã vá y xong và vị ấy đã thấy đức Phật, tôn giả Mahā Moggallāna cùng chư vị tỳ-khưu đến thăm. Ngài không ngờ có được sự vinh hạnh hiếm có này.

Duyên Sự Subhūti
Đức Phật Dạy Pháp Ở Rừng

Đức Phật rất giản dị, ngài lựa tìm một chỗ ngồi trên tảng đá có tấm tăng-già-lê gấp bốn, quay mặt về hướng cánh rừng xanh xanh trước mặt. Tỳ-khưu Subhūti đến đảnh lễ rồi ngồi xuống nơi phải lẽ. Đức Phật nói:

- Chắc ông đã học được bài học về chuyện chư thiên ngăn mưa một tháng rồi chứ?

- Dạ thưa vâng, đệ tử thật có lỗi.

- Bài học đó như thế nào, Con Trai?

- Thưa, đệ tử cũng vừa suy ngẫm, chiêm nghiệm từ rừng và học được bài học đó từ rừng!

- Hãy nói cho Như Lai nghe với nào?

- Ban đêm rừng ngủ, nhưng rừng vẫn luôn luôn sống động, luôn luôn tỉnh thức, bạch đức Thế Tôn! Thế nên, vị tỳ-khưu khi vào định, ngoại trừ định sâu, cũng phải luôn luôn tỉnh thức sống động như rừng vậy!

- Hay lắm! Vậy là trong định có tuệ, ông hãy tu tập cho thuần thục điều mà rừng đã gợi ý cho ông. Vậy, ông còn học được gì từ rừng nữa không, Subhūti?

- Thưa, đệ tử chỉ mới suy ngẫm điều ấy nhưng chưa thực tập về điều ấy!

Đức Phật bèn nói với hội chúng xung quanh:

- Rừng không những chỉ có một đặc tính như tỳ-khưu Subhūti vừa kể. Nó có cả thảy mười điều, hãy nghe và Như Lai sẽ giảng nói.

- Thưa vâng, bạch đức Thế Tôn!

Rồi sau đó, đức Phật quay qua nói với tôn giả Mahā Moggallāna đang đứng gần bên:

- Thời pháp này Như Lai nói về rừng nhưng không thuần túy chỉ nói về rừng thôi, mà còn những ý nghĩa khác quan trọng hơn nữa. Vậy ông hãy nhiếp tâm, sử dụng thần thông lực mời thỉnh tất cả các vị trưởng lão, các vị thượng thủ A-la-hán có thắng trí ở tại Rājagaha và xung quanh Rājagaha, qua không gian, hãy đến đây để cùng lắng nghe thời pháp đặc biệt hôm nay!

Vâng lời, tôn giả Mahā Moggallāna ngồi xuống, trú định, vào định tứ thiền, xuống cận định, sử dụng đồng lúc tha tâm thông, thiên nhãn thông để gởi tư tưởng theo lời dạy của đức Phật. Chỉ một lát sau đó thôi, chư vị trưởng lão, thượng thủ A-la-hán có thắng trí từ khắp các phương như những cánh chim ưng vàng từ trong những đám mây trắng, đồng vân tập, xuất hiện, đảnh lễ đức Phật một cách rất ngoạn mục. Chư tỳ-khưu phàm tăng trố mắt, sững sờ. Lại càng ngạc nhiên hơn nữa, trong một khoảng rừng, góc núi nhỏ thế mà chư vị thánh tăng vẫn thừa chỗ ngồi, lặng lẽ xung quanh đức Phật mà không gian dường như cũng không lớn rộng thêm ra mà các ngài cũng không nhỏ lại! Ôi! thật là phúc lành hy hữu thay cho chư phàm tăng trong buổi lắng nghe thắng pháp này!

Đức Phật bắt đầu giảng, như sau:

- Này các thầy tỳ-khưu! Rừng có mười đặc tính, mười đức tính; vậy mỗi vị tỳ khưu hãy học hỏi, chiêm nghiệm để đem đến lợi lạc cho mình, cho người và cho giáo pháp.

Thứ nhất, rừng luôn luôn tỉnh thức, vậy một vị tỳ-khưu phải luôn luôn tỉnh thức, bất luận ngày hay đêm.

Thứ hai, rừng ẩn trong lòng mình rất nhiều loại gỗ quý; cũng vậy, vị tỳ-khưu phải phát hiện những đức tính quý báu trong tâm của mình.

Thứ ba, rừng là nơi hằng trăm hằng ngàn chủng loại động vật, thực vật cộng cư, cũng vậy, trong tâm của chúng sanh cũng đang có hằng triệu, hằng triệu chủng tử tốt có, xấu có từ vô lượng kiếp đến nay đang sinh sống ở đấy.

Thứ tư, trong lòng đất của rừng có nhiều mỏ vàng, mỏ bạc, mỏ kim cương, cũng vậy, trong tâm một vị tỳ-khưu cũng có những kho báu, đó là những thắng trí, những khả năng phi thường nếu biết đào xới những vỉa quặng ấy.

Thứ năm, cây cối trong rừng dù to, dù nhỏ, dù cao, dù thấp thường nương nhau mà tồn tại, cũng vậy, trong Giáo hội của Như Lai: Tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, sa-di, sa-di-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, người lớn, người nhỏ, người tốt, người xấu phải nương nhau mà tu tập.

Thứ sáu, rừng là nơi giữ nước, là nơi tươm rỉ những dòng suối trong xanh, từ đó, tuôn chảy ra sông ngòi, ruộng vườn nuôi sống muôn sinh. Cũng vậy, giáo hội của Như Lai

là nơi lưu giữ chánh pháp, phát triển chánh pháp, những dòng giáo pháp trong xanh, tinh khiết, vô nhiễm đổ tràn ra thế gian để đem đến hạnh phúc, an vui cho trời và người.

Thứ bảy, rừng sợ nhất bị chặt phá, bị đốt cháy, cũng vậy, Giáo pháp của Như Lai kỵ nhất là sự phá hoại từ nội bộ, bị đốt cháy bởi tham lam, dục vọng của một số tỳ-khưu tầm cầu danh vọng và lợi dưỡng.

Thứ tám, rừng có thứ tự cây cao, cây lớn, cây thấp, cây nhỏ và có cả cây nương nhờ, cũng vậy, trong giáo hội của Như Lai, mọi người phải biết tôn trọng hạ lạp, tuổi tác lớn nhỏ, đồng thời phải đùm bọc, che chở những người đang nương nhờ mình.

Thứ chín, rừng là nơi điều hòa nhiệt độ cho trái đất, cũng vậy, Giáo hội của Như Lai phải là nơi điều hòa sự an vui và hạnh phúc cho nhân quần, xã hội.

Thứ mười, rừng hút bụi bặm, ô nhiễm trong không gian rồi nhả hơi nước, tạo không khí trong lành để phụng hiến vô vị lợi cho đất trời; cũng vậy, chư vị tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni sống giữa cuộc đời, phải gánh chịu, nhẫn chịu vào lòng tất cả mọi đắng cay, sự phỉ báng, sự gièm pha, mọi tiếng lời thị phi, tâm địa bất trắc, khó lường của chúng sanh rồi ban rải tứ vô lượng tâm đến cho họ, cho thế gian nhiều khổ, ít vui này!

Sau khi nghe đức Phật giảng xong Mười Pháp ở rừng, tôn giả Subhūti cảm thán:

- Thật mênh mông, vô lượng và vi diệu thay là những đức tính của rừng. Đệ tử nguyện từ nay sẽ tỉnh thức như núi

rừng tỉnh thức, khi định thế nào, khi tuệ thế nào, khi định tuệ thế nào... để tránh khỏi sự họa hại cho nhiều người, phải là lợi mình và lợi người, lợi cả hai, thưa đức Tôn Sư!

Tiếng sādhu, lành thay! đồng thanh cất lên như vang động cả núi rừng; có lẽ không chỉ của chư tăng mà xen lẫn cả thọ thần, sơn thần và chư thiên nữa.

Nắm Lá Trong Tay

Để cho không gian lắng lại một lúc, đức Phật giảng tiếp:

- Này chư tỳ-khưu ! Trước khi chưa thành đạo, Như Lai chưa có pháp nào cả. Thành đạo rồi, suốt bốn mươi chín ngày thọ hưởng hạnh phúc siêu thế; xuống lên, vào ra các tầng thiền cho thuần thục; quán ngược, quán xuôi những duyên khởi cho tinh minh; đến đi, xuất nhập các thắng trí cho tỏ suốt; ngẫm cạn, ngẫm sâu về Tứ đế cho tỏ tường; chẻ thô, chẻ tế các sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến chỗ chi li, tinh mật, từ đấy, Như Lai mới có pháp, mới có rất nhiều pháp, mới có Pháp Bảo!

Này chư tỳ-khưu! Các thầy không thể tưởng tượng được cái thấy biết của Như Lai về thế gian nội tâm, về thế giới vạn hữu, về tất cả các bộ môn học thuật trên cuộc đời này đâu. Nó rộng lớn lắm. Nó bao trùm cả hư không vô tận này. Tuy nhiên, nói hạt vi trần chia bảy mà làm gì khi kiến giải ấy không đem lại sự chấm dứt khổ, lắng dịu phiền não? Nói về các ngân hà, thiên hà mà làm gì khi tri kiến ấy chỉ để mà thỏa mãn kiến thức, một loại trí tham, trí dục, một

hình thức khác của bản ngã và si mê mà thôi! Ồ, các thầy hãy xem đây!

Rồi đức Phật nắm một nắm lá trong tay, đưa lên rồi hỏi:

- Các thầy thấy nắm lá trong tay của Như Lai nhiều, hay lá trong rừng nhiều?

- Lá trong rừng nhiều hơn, bạch đức Thế Tôn!

- Ừ, đúng vậy! Nắm lá trong tay Như Lai thật là ít ỏi so với lá ở trong rừng. Cũng vậy, nhiều như lá ở trong rừng là thấy biết của Như Lai, là sở học, sở tri, sở chứng, sở ngộ của Như Lai, nói chung là của chư Chánh Đẳng Giác đã tích lũy được qua hằng hà sa số kiếp, qua vô lượng vô biên ba-la-mật. Tuy nhiên, nắm lá trên tay ít, nhưng vừa đủ, vừa đủ để trao truyền cho các thầy những tinh yếu, những nguyên lý để các thầy lên đường, để mà tu tập, để mà diệt tận khổ đau. Giáo pháp của Như Lai là giáo pháp diệt khổ, thoát khổ chứ không phải để mà giải thích về vũ trụ, các ngân hà, thiên hà...

Này chư tỳ-khưu! Như Lai còn biết nữa rằng, vào thời mà giáo pháp suy đồi, chư tỳ-khưu không còn tu tập giải thoát, thiền định hay giới luật được nữa, chúng sẽ biến giáo pháp của Như Lai thành một mớ triết lý, triết luận nghe thì có vẻ hay ho, cao siêu nhưng mà rỗng không, phù phiếm. Là cái trò chơi văn, giỡn chữ ồn ào, huyên náo ở chợ búa, ở quán nước và ngay cả tại các giảng đường, tu viện, học viện! Một bọn khác, cũng không còn tu học chính đính, hành trì giới luật nghiêm túc được nữa bèn chứng tỏ kiến

văn, sở học của mình, muốn giải thích cả số lá vô lượng, vô khả lượng trong rừng cây kia. Chúng muốn vượt qua cả Như Lai! Những điều Như Lai im lặng, không nói vì thấy vô ích, vô bổ, phù phiếm thì chúng lại huyên thuyên giảng nói, không biết đâu trúng, đâu trật; chẳng biết đâu là sở tri hữu dụng và đâu là kiến tri chỉ để lòe đời, bịp đời! Chúng họp bè, kết phái, lập tông... để tự giương danh mình, giải thích giáo pháp của Như Lai bằng cái kiến văn đựng trong cái vỏ ốc, vỏ hến ngu si, tối tăm nhưng đầy kiêu căng và khoa đại của chúng! Có bọn thì thấy giác ngộ, giải thoát, giới luật khó quá nên trở lại với bà-la-môn giáo thời sa đọa là luyện chú, luyện bùa, đọc mật chú, thần chú để chữa bệnh kiếm tiền, để giúp việc mua may bán đắt, thăng quan tấn chức, lắm vợ nhiều con, được danh đoạt lợi. Chúng còn lấy cái bí bí, mật mật ấy... để dẫn dắt mọi người đến nơi giác ngộ, giải thoát! Cho đến, chúng còn có khả năng siêu nhiên là dẫn dắt thần thức người chết (phàm phu, chưa tu tập) đến các cảnh trời và cả Niết-bàn nữa![1] Có bọn chứng tỏ ứng hợp với thời đại, đã lấy kinh tế, chính trị, xã hội, khoa học, sinh học, lý học, vũ trụ học, thiên văn học, địa lý học, số học, toán học, cả triết, cả thơ và cả văn để giải thích giáo pháp của Như Lai! Bọn chúng nói chỉ để khoe mẽ ta đây là học giả, là bác học nhưng năm giới cũng không giữ được, thậm chí, một giới cũng không - nói gì đến định, đến tuệ, đến tuệ giải thoát!

---

[1] Lời tiên tri của đức Phật đã hiện thực: Quyển Tử Thư Tây Tạng có cách dẫn dắt thần thức chúng sanh đến giải thoát, Niết-bàn. Tác giả này sau này bị tù tội, bị trục xuất khỏi tăng đoàn!

Này các thầy tỳ-khưu! Hãy tịnh định nơi hơi thở, an trú nơi hơi thở, hãy nghe cảm giác nói gì, tri giác nói gì, tâm hành nói gì, thức tri nói gì? Khổ ở đó, lạc ở đó mà giác ngộ giải thoát cũng ở đó. Đừng tìm hiểu Niết-bàn qua ngôn ngữ, qua ý niệm, qua thức tri. Không tới đâu. Cũng đừng định nghĩa nó. Đừng định nghĩa Niết-bàn. Đừng định nghĩa siêu hình. Đừng xác lập nó ở trong hay ở ngoài trái đất. Chỉ khi nào tham sân si, phiền não hoàn toàn vắng lặng, không còn thiêu đốt nội tâm nữa, thì lúc ấy, tuệ tri, minh tri hiện ra; giác ngộ, giải thoát được thấy rõ, ngay tại đây, bây giờ; ngay tại cái thân dài một trượng này cùng với cảm giác và tri giác, là thấy rõ Niết-bàn chớ không ở một nơi nào khác, một chỗ nào khác! Niết-bàn ấy chẳng phải *"tại"* mà cũng chẳng phải *"siêu"!* Chẳng bờ bên này, chẳng bờ bên kia! Tất thảy chúng đều bất lập!

Hãy lắng nghe với tâm trí rỗng rang, vô ngã, vắng lặng và thanh bình! Hãy như vậy mà thọ trì này các thầy tỳ-khưu!

Bài pháp thuyết xong thì trời đã tối. Đức Phật vào nghỉ trong liêu thất của Subhūti. Đêm đó, rất đông tỳ-khưu thức ngủ, đàm đạo về giáo pháp cho đến gần sáng; có vị kinh hành, vị tọa thiền, vị nằm nghỉ nghiêng lưng...

Đêm ấy quả thật là một đêm đậm đà hương vị Pháp Bảo; và núi rừng, trăng sao như đồng tỉnh thức trong ánh huy hoàng của đạo giải thoát.

Không có tư liệu nào cho biết tôn giả Subhūti, vị Đại đệ tử đệ nhất Chư Thiên Ái Kính này Nhập diệt lúc nào, ở đâu và thọ bao nhiêu tuổi.

3

THÁNH TĂNG ĐẶC BIỆT

Vị Thứ Mười Một

Tôn Giả Aṅgulimāla

(Sát Thủ Hồi Đầu)

Ngôi Sao Kẻ Cướp Sát Nhân

Tôn giả Aṅgulimāla xuất thân từ dòng dõi bà-la-môn, trong một gia đình quý tộc nhiều đời. Mẹ ngài tên là Mantanī và thân phụ là Gagga, vốn là vị quân sư tài đức, khả kính của đức vua Pāsenadi xứ Kosala.

Trong đêm ngài sinh ra đời, một hiện tượng lạ thường chưa từng có xẩy ra, là tất cả vũ khí ở trong thành phát ra ánh sáng chói lòa; ngay cả thanh gươm báu của đức vua Pāsenadi xứ Kosala nằm trong bao, đặt ở phòng ngủ cũng sáng lên ánh thép lấp lóa, lạnh buốt, làm cho đức vua kinh hoàng.

Ông bà-la-môn Gagga, thân phụ của ngài Aṅgulimāla nhìn thấy hiện tượng như vậy liền bước ra hiên nhìn lên trời xem thiên văn. Giữa hư không vời vợi, một ngôi sao *"kẻ cướp sát nhân"* vừa xuất hiện. Lẩm nhẩm tính một hồi, mặt ông bà-la-môn thoáng đổi sắc, rùng mình, sợ hãi! Ngôi sao ấy chính là biểu hiện số mạng con trai vừa mới hạ sanh của ông, sau này nó sẽ trở thành tên cướp sát nhân khét tiếng!

Là quân sư của đức vua, người nắm cán cân công lý và sự an nguy cho xã tắc, ông bà-la-môn không cho phép mình vì tình riêng mà giấu kín mầm mống họa hại nên trời vừa sáng,

ông đã vào chầu đức vua Pāsenadi xứ Kosala, tâu rằng:

- Đêm qua bệ hạ ngủ có được yên giấc hay không?

Vua đáp:

- Thưa quân sư khả kính! Trẫm có ngủ yên được đâu! Không biết có điềm triệu gì mà thanh gươm báu của trẫm đặt ở trong bao lại phát ra ánh sáng chói lòa rất là khủng khiếp. Trẫm lo sợ có điều gì đó họa hại đến tính mạng của trẫm hoặc chuyện gì đó bất trắc xảy ra cho ngai vàng của trẫm chăng?

- Tâu bệ hạ! *Vị quân sư mau mắn đáp* – Đêm qua hạ thần có xem thiên văn, quả thật có một hung tinh vừa xuất hiện; nhưng điềm triệu ấy không liên hệ gì đến tính mạng cũng như ngai vàng của bệ hạ. Không những thanh gươm của bệ hạ mà tất cả các loại vũ khí ở trong thành đều phát sáng, đấy là do năng lực ác nghiệp của con trai hạ thần vừa mới ra đời!

Vua ngạc nhiên:

- Có chuyện gì vậy, quân sư nói rõ cho trẫm nghe nào?

- Tâu! Con trai hạ thần vừa mới hạ sanh đêm qua, ứng vào vị hung tinh ấy, sau này, nó sẽ trở thành một tên cướp sát nhân rất nguy hiểm!

- Có chuyện vậy sao? *Đức vua hỏi dồn dập* – nó sẽ trở thành tên cướp sát nhân, chỉ là một tên cướp thôi, hay là thủ lãnh một nhóm trộm cướp chuyên giết người, cướp của tàn bạo, phá xóm, phá làng và đe dọa cả ngai vàng của trẫm?

- Không phải vậy, tâu bệ hạ! Nó chỉ là một tên cướp,

một mình nó thôi. Tuy chẳng tổn thương gì đến bệ hạ và ngai vàng, nhưng để tránh những họa hại về sau, xin phép bệ hạ cho hạ thần được giết chết nó khi đang còn hài nhi!

Đức vua Pāsenadi, vốn là một vị vua hiền đức, nghe vậy mở lời can ngăn:

- Đừng nên như thế, thưa quân sư khả kính! Nếu chỉ là một mình nó thì không thể xảy ra tai hại lớn lao được. Trẫm biết rõ quân sư một đời nghiêm minh cẩn cẩn, chí công vô tư, không vì tình riêng mà che mờ phép nước. Nhưng đứa trẻ kia vừa mới mở mắt chào đời, chưa làm gì nên tội, quân sư hãy tha cho nó mạng sống. Nếu bảo là do năng lực của ác nghiệp thì quân sư nên tìm cách ngăn chặn có lẽ tốt hơn! Hãy chăm sóc nuôi nấng, dạy bảo nó nên người! Hãy rèn luyện nhân cách, phẩm chất trong môi trường giáo dục đúng đắn thì ác nghiệp xưa không có cơ hội nẩy sinh. Thanh gươm nằm trong bao, mũi tên nằm trong giỏ thì làm sao hại người được mà sợ! Vậy từ rày nên đặt tên cho trẻ là Ahimsaka (Vô Hại).

Bà-la-môn Gagga cúi đầu tuân phục, ông cảm kích và tri ân đức vua hiền minh không kể xiết.

Thông Minh, Học Cực Kỳ Giỏi

Cậu bé Ahimsaka lớn lên, tư chất thông minh đĩnh ngộ lại có sức mạnh phi thường. Ông bà-la-môn Gagga luôn luôn bị ám ảnh bởi hung tinh *"Kẻ cướp sát nhân"* nên ông giữ gìn, chăm sóc và giáo dưỡng trẻ rất cẩn thận, chu đáo.

Tất cả các loại vũ khí trong nhà đều được cất giấu, không cho trẻ nhìn thấy. Ngôn ngữ đàm thoại từ trên xuống dưới cấm không được nói đến gươm, đao, giáo, mác, cung, nỏ... Ngay chính những từ, những chữ liên hệ trộm cắp, giết người, cướp của, ác độc, hung dữ... cũng không được dùng đến. Một môi trường sống tốt đẹp, hiền thiện bao bọc xung quanh trẻ, tạo nhân, tạo duyên cho những phẩm chất cao cả nẩy lộc, đâm chồi; đồng thời, một hạt mầm nhỏ nhoi của ác nghiệp cũng không có cơ hội duyên cảnh mà ló đầu ra!

Khi trẻ vừa lớn, ông bà-la-môn Gagga cho trẻ du học ở xứ Takkasīla, là nơi có một ngôi trường đại học đào tạo nên những vị quốc vương hiền minh, những nhà lãnh đạo tài ba, những hiền triết uyên thâm và cả những nhà ngôn ngữ, bác học, văn chương, nghệ thuật trác tuyệt!

Là đứa trẻ có thiên tư tuyệt vời nên bất cứ môn học nào, Ahimsaka cũng đều xuất sắc, vượt trội hơn người. Ngoài ra, cậu là người học trò luôn làm tròn tất cả phận sự đối với thầy mà mọi lễ nghi, phép tắc không ai có thể chê cậu ở một điểm nhỏ nào. Tài năng và đức hạnh của Ahimsaka đều vẹn toàn. Người thầy già bà-la-môn rất hài lòng, luôn đem lòng thương yêu Ahimsaka và xem Ahimsaka như đứa con ruột của mình.

Bị Hãm Hại

Sự việc ấy làm cho bạn bè đồng học ganh tỵ. Họ bàn bạc với nhau rằng:

- Môn học nào thầy cũng khen nức khen nở Ahimsaka! Môn học nào Ahimsaka cũng đệ nhất, cũng ở trên chúng ta một cái đầu, hai cái đầu! Các bạn nghĩ có chán chăng?

- Vâng! *Người khác phụ họa* - Kể từ khi có Ahimsaka chúng ta không ngóc đầu lên nổi! Nếu tình trạng này kéo dài, chúng ta còn mặt mũi nào mà nhìn thiên hạ! Mặt mũi nào nhìn cha mẹ, bà con, họ hàng quyến thuộc nữa.

- Quả đúng như thế! Không có Ahimsaka, các môn học chúng ta phân chia đồng đều, lúc người nhất môn này, lúc người nhất môn khác. Có Ahimsaka tất cả chúng ta đều trở nên hạng bét, đành cúi gằm mặt xuống mà nghe thầy chửi!

- Còn nữa - *người khác lên tiếng* - người đâu mà đức hạnh, lễ nghi, phép tắc đều hoàn hảo như thế? Ahimsaka vốn là người đã đẹp, tuấn tú, phi phàm kèm thêm nết hạnh trong sáng kia nữa, thì trong lòng thầy có chúng ta đâu mà mong!

- Nói tóm lại - *một người học trò lớn tuổi trong bọn cất cao giọng như biểu quyết* - chúng ta phải tìm ra phương cách thế nào để đuổi Ahimsaka ra khỏi ngôi trường này. Mất Ahimsaka là chúng ta còn, còn Ahimsaka là chúng ta mất! Đấy là kết luận tối hậu!

Thế là từ buổi thảo luận hôm ấy, nhóm học trò đi đến quyết định là tìm cách để hãm hại Ahimsaka. Chúng biết rằng chẳng có cách gì nói xấu Ahimsaka được. Bảo Ahimsaka là dòng dõi thấp hèn ư? Chẳng thể nào, không những Ahimsaka là dòng dõi bà-la-môn, mà còn là dòng

dõi bà-la-môn cao quý, thượng đẳng nữa! Bảo Ahimsaka thiếu tư cách, vô lễ, hỗn xược với thầy ư? Chẳng thể nào, nói vậy chẳng khác gì nói hương chiên-đàn có mùi thối và chim cộng-mạng hót dở! Ai mà tin! Mà có lẽ kết quả sẽ ngược lại.

Cuối cùng họ tìm ra được một kế. Họ chia làm ba nhóm và nhóm nào cũng đều thưa với thầy một điều giống nhau. Ban đầu có lẽ thầy họ không tin nhưng sau sẽ sinh ra hoang mang, ngờ vực, và sau rốt thì sẽ tin thôi.

Thế là kế hoạch được thực hiện từ từ. Ngày hôm sau, vào dịp thuận tiện nhất, nhóm thứ nhất vào quỳ bạch với thầy rằng:

- Ai cũng biết rằng, bạn Ahimsaka là người học rất giỏi, có đức hạnh, lẽ phép từ lâu rất được thầy yêu bạn mến. Nhưng mà thầy hãy coi chừng, đề phòng vì bạn Ahimsaka đang có âm mưu hại thầy đấy!

Nghe nói vậy vị thầy rất bực tức, liền quở trách họ, và cho rằng họ có ác tâm muốn làm tổn thương tình cảm giữa ông và Ahimsaka, bèn xua đuổi nhóm ấy đi.

Thời gian sau, y theo kế hoạch, nhóm thứ hai với số người đông hơn, cũng vào quỳ hầu thầy và thưa chuyện với nội dung y như lần trước. Họ cũng bị thầy quở trách rồi đuổi đi. Nhóm thứ ba cũng như thế, nhưng sau đó còn nói thêm:

- Nếu thầy không tin chúng con, thầy cứ quan sát, xem xét Ahimsaka thì biết. Ahimsaka có tài trí khác thường, nếu hắn mưu hại ai thì khó mà đoán được. Ngoài ra, tại sao đối

với thầy, hắn lại cung kính, lễ độ, làm tròn tất cả mọi bổn phận một cách khả nghi như thế?

Sau nhiều lần quá, vị thầy bắt đầu suy nghĩ: *"Sao cả ba nhóm học trò này đều thưa cùng một sự việc giống nhau? Và đều có ý lo lắng cho sự an nguy của ta? Không có lửa thì làm sao có khói? Vậy thì từ rày ta phải để ý Ahimsaka xem sao?"*

Khi không ngờ vực thì không có vấn đề gì, nhưng khi đã ngờ vực rồi thì cái gì ở nơi Ahimsaka cũng đáng nghi cả. Sao y lại lễ phép quá như thế? Sao y bưng ly nước một cách trịnh trọng như thế? Sao y thưa hỏi bằng thứ ngôn ngữ nghiêm túc và phát âm một cách chuẩn xác như thế? Sao khuôn mặt y bao giờ cũng nghiêm trang, từ hòa đến vậy... Những sự ngờ vực này, tuy thời gian sau vẫn không tìm ra chứng cớ, nhưng vị thầy đã cảm thấy lo sợ, bất an. Sự lo sợ, bất an này ban đầu chỉ khởi lên nơi ý nghĩ, nhưng lâu ngày chầy tháng chúng chìm vào vô thức và tạo nên những cơn ác mộng. Đến lúc này thì Ahimsaka đã trở thành nỗi ám ảnh không rời, vị thầy suy nghĩ: *"Quả thật kẻ có tài trí khác thường như Ahimsaka mà ám hại ta thì ta không biết đâu mà đề phòng cho được. Cách tốt nhất để gìn giữ tính mạng là phải tìm cách hạ thủ y trước. Nếu tự tay đầu độc hoặc giết chết y, bọn học trò sẽ biết, và như vậy, vua chúa, bà-la-môn quý tộc cũng sẽ biết, rồi tiếng tăm xấu lan truyền ra nhiều quốc độ, rằng thầy mà giết học trò thì còn đâu là uy tín của ta nữa! Khi mà thiên hạ đã mất đức tin nơi ta, họ sẽ không còn gởi con cháu đến đây học nữa; theo đó, danh*

vọng ta sẽ mất mà lợi lộc cũng tiêu vong! Vậy ta hãy dùng mưu để giết Ahimsaka. Giết Ahimsaka mà không phải ta tự ra tay, ấy là thượng sách."

Thế rồi, giữa đêm khuya thanh vắng, vị thầy bí mật cho gọi riêng Ahimsaka, dạy rằng:

- Này con! Trong lớp học chỉ có con là người tài trí phi thường, nên ta muốn truyền cho con một môn học tối cao, tuyệt đỉnh. Môn học này từ xưa đến nay, thầy chưa tìm ra người xứng đáng. Tất cả học trò của thầy không ai đủ tư chất, bản lãnh để theo đuổi môn học bí truyền này. Nhưng có điều...

Ahimsaka cúi đầu:

- Xin thầy cứ nói!

- Muốn ứng dụng vào môn học bí truyền này con phải làm một việc *"phi nhân",* thầy còn ngại là con không đủ can đảm để thực hành.

- Con khá can đảm, thưa thầy!

- Vậy thì con phải cải trang thành một tên cướp hung dữ, đến những chỗ khuất vắng, lần lượt tìm giết cho đủ số 1.000 người, thiếu một cũng không được. Khi ấy ta sẽ truyền thụ bí kiếp cho con!

Ahimsaka sợ hãi.

- Con được sinh ra và lớn lên trong dòng dõi bà-la-môn cao quý, việc giết người là không thể - bạch thầy!

Vị thầy thở dài:

- Ta biết vậy mà! Ta biết con không đủ can đảm! Ta biết con còn bị ràng buộc ở trong nền giáo dục đạo đức truyền thống nên chẳng bao giờ có thể học được cái gì cho thật đến nơi đến chốn!

Nói thế xong, vị thầy xua tay:

- Thôi, con đi đi! Thầy cũng không ép. Vả chăng, con sau này cũng chỉ thành tựu được những cái gì rất tầm thường, còn việc hô phong hoán vũ, trên thông thiên văn, dưới thông địa lý, giữa thông nhân sự... để sau này làm một bậc thầy ưu việt, một nhà lãnh đạo tài ba, xuất chúng đem đến hạnh phúc và an vui cho toàn thể châu Diêm-phù-đề này thì hãy để dành cho người khác vậy!

Vị thầy bỏ đi. Ahimsaka rất là khó xử. Khi chàng ra đi, cha mẹ ân cần đưa tiễn, dặn bảo là phải học hành cho đến nơi đến chốn; phải biết hy sinh cái vị kỷ để nghĩ đến lợi ích cho nhiều người; phải trở thành một người học trò xuất chúng, lỗi lạc! Nếu chàng không học được môn học bí truyền này thì chàng là kẻ học trò tầm thường, phụ lòng kỳ vọng của cha mẹ hay sao? Nhưng nếu mà chàng giết 1.000 người thì đạo đức, lương tâm cùng giáo dục truyền thống của dòng dõi bà-la-môn đều không cho phép?

Lương Tri Bị Che Ám
Cắt Ngón Tay Người Xỏ Làm Tràng Hoa

Suốt mấy đêm trường trằn trọc, thao thức; lựa chọn nào

cũng khổ tâm cho chàng cả, biết làm sao đây? Cuối cùng, nghĩ đến sự kỳ vọng của cha mẹ, nghĩ đến sự tài cao, xuất chúng, nghĩ đến sự lợi ích cho nhiều người, chàng đành hy sinh cái lương tâm bé nhỏ vị kỷ của mình.

Hôm kia, chàng tìm thầy và thưa:

- Bạch thầy! Chí con đã quyết! Phải biết hy sinh cái nhỏ để thành tựu cái lớn mà thôi!

Vị thầy biết cái lưỡi câu treo lơ lững ấy tự con cá sẽ tìm đến để móc họng vào, bèn đáp:

- Thế là con đã suy nghĩ rất chín chắn. Vậy ngày mai, trước lớp học, con phải giả vờ xin phép về thăm cha mẹ bị bệnh để việc làm bí mật của con không ai biết, không ai hay! Xong xuôi, con hóa trang, mang theo mình năm loại vũ khí. Bao giờ con giết đủ 1.000 người; hãy về đây tìm ta, cũng vào lúc đêm khuya! Tuyệt đối môn học này không để người thứ ba nhìn thấy!

Ahimsaka tuân mệnh nhưng chàng lại đắn đo:

- Bạch thầy! Con chưa hề thấy vũ khí, lại chưa hề biết sử dụng vũ khí bao giờ!

Nghe vậy, lòng thầy bà-la-môn đau nhói, niềm bi mẫn khởi lên đối với chàng trai hiền thiện, nhưng vì nghĩ đến tính mạng của mình, ông ta thắng lướt được.

- Cũng bắt đầu khuya đêm mai, ở đây, thầy sẽ dạy sử dụng năm loại vũ khí cho con!

Thế rồi, đêm đêm, Ahimsaka khổ công luyện tập. Vị

thầy không ngờ, với võ học, Ahimsaka học một biết hai; chàng có thể thâu tóm toàn bộ sở học võ thuật của thầy trong một thời gian rất ngắn.

Không lâu sau đó, Ahimsaka đảnh lễ từ giã thầy, lặng lẽ trang bị năm loại vũ khí rồi đi vào rừng, tìm một hang động khuất tịch để ở, đồng thời bắt đầu một đời sống hoang dã, giết người để thành tựu *môn học tối thượng!*

Ahimsaka không còn nhớ rõ thời gian mình đã sống trong rừng là bao lâu, và cũng không nhớ rõ là mình đã giết được bao nhiêu người! Ban đầu quả thật chàng không dám giết, chàng sợ máu và sợ cả đôi mắt người đối diện. Thật là khổ sở khi phải giết người mà lòng không mảy may thù oán và tâm không ác độc! Lần đầu tiên khi kẻ bị giết run lẩy bẩy, thì mặt chàng xanh mét, cắt không có hột máu! Đêm về, chàng sợ hãi đến độ không dám ngủ vì hễ cứ chợp mắt là hình ảnh người bị giết hiện ra! Nhưng khi nghĩ đến niềm hy vọng của cha mẹ, sự lợi ích cho toàn thể châu Diêm-phù-đề, chàng lại lấy hết dũng khí để giết mạng người thứ hai. Ám ảnh lại tái diễn và chàng lại phải nhắc nhở mình. Thời gian sau, khi giết người đã thành thói quen, Ahimsaka thấy mình như một cỗ máy, giết người mà không khởi lên ý nghĩ gì cả. Nhát dao đưa lên thế là bóng người gục xuống. Chẳng kể đàn ông hay đàn bà, già hay trẻ, bình dân hay quý tộc. Những kẻ vào rừng kiếm củi, măng giang, mộc nhĩ, tìm trầm hoặc bộ hành lang thang là nạn nhân của chàng.

Tuy nhiên, hôm kia, Ahimsaka sực tỉnh là chàng không thể nhớ hết số người đã giết là bao nhiêu. Sau đó, hễ giết

được một người là chàng cắt lấy một đầu ngón tay để làm dấu. Những ngón tay để rải rác chỗ này chỗ kia trong động, cái bị thối, cái bị thú ăn, cái bị thất lạc, rốt lại, chàng lại mất công toi! Cuối cùng Ahimsaka nghĩ ra một cách, là xâu những ngón tay này phơi khô rồi mang ở cổ. Từ đó chàng có biệt danh là Aṅgulimāla, có nghĩa là kẻ cướp giết người, cắt đầu ngón tay xâu thành vòng đeo ở cổ.

Việc giết người này, thời gian sau kinh động từ làng này sang làng khác ven khu rừng. Không ai dám đi một mình vào rừng vì việc này hay việc nọ. Nhưng vì sinh kế, họ phải rủ nhau từng toán, từng đoàn từ ba, bốn người đến năm, bảy người; rồi cũng bị tên cướp sát hại. Đến nỗi, đôi khi có những đoàn đông từ ba mươi đến bốn mươi người, nhưng cũng không thoát khỏi lưỡi đao thiện xảo của Aṅgulimāla. Võ nghệ và cách giết người của Aṅgulimāla càng ngày càng tinh luyện. Người ta đồn đãi với nhau rằng:

- Lưỡi đao của Aṅgulimāla lạnh buốt, ánh thép chớp lên là năm, bảy cái đầu cùng rơi trong một lúc!

- Không phải đao mà là kiếm, lưỡi kiếm mỏng như lá mía. Một số đông người hồn lìa khỏi xác rồi mà cái thân vẫn còn đứng trơ ra đấy!

- Là lưỡi giáo chứ! Đang đi một đoàn người như thế, bỗng nhiên ba, bốn người đứng sững lại, không ai hiểu chuyện gì. Té ra không biết lưỡi giáo từ đâu, đã xâu ba, bốn người ấy thành một xâu, như xâu ếch!

Rồi nào là lưỡi mác, là cung tên, là mã tấu, là quả

chùy... tùy theo sự tưởng tượng phong phú của nhiều người. Nhưng có một sự thực chung: Chưa ai thoát khỏi bàn tay của Aṅgulimāla nếu gặp mặt hắn!

Khắp cả mấy cánh rừng và ven rừng, nơi Aṅgulimāla ở, một đồn mười, mười đồn trăm, thời gian sau chẳng còn ai dám lai vãng nữa.

Thế là bắt buộc Aṅgulimāla phải tảo thanh vào các xóm làng để tìm nhân mạng cho đủ túc số một ngàn. Không biết cái xâu tràng hoa ngón tay của Aṅgulimāla lúc ấy đã vòng được mấy vòng ở cổ mà dân chúng sợ hãi đã bỏ xóm làng lánh nạn, xa cách đấy hơn ba do-tuần.

Đức Vua Pāsenadi Đích Thân Mang Quân Đi Trừng Trị

Chuyện náo động đến kinh thành Sāvatthi khi một đoàn dân chúng lũ lượt tay xách nách mang, kẻ gồng người gánh tơi tả trốn về thành phố. Một nhóm các vị bô lão đại diện dân chúng xin được bệ kiến đức vua Pāsenadi, tâu rằng:

- Xin bệ hạ hãy cứu nhân dân vô tội! Tên cướp giết người Aṅgulimāla đã ra tay giết hằng trăm mạng người, không coi pháp luật nước Kosala của bệ hạ ra cái gì nữa!

- Chúng tôi phải rời bỏ bản quán, tha phương cầu thực rất là khổ sở. Mong đại vương cử quân vây bắt tên cướp giết người để cho chúng tôi được về quê hương yên ổn làm ăn.

- Quá nhiều người chết về tay giết người hung dữ kia

rồi, tâu bệ hạ! Đến lúc tất cả các xóm làng đều trống không thì đã muộn mất rồi, tâu bệ hạ!

Đức vua Pāsenadi nước Kosala nghe chuyện hệ trọng, tức tốc cho hội triều hỏi ý kiến của bá quan. Ai cũng đồng ý mang quân diệt cướp. Tuy nhiên không có viên đại tướng nào tình nguyện dẫn đầu đoàn quân! Cái uy danh và tin đồn về võ nghệ siêu quần bạt tụy của Aṅgulimāla làm cho những viên đại tướng của đức vua sợ xanh mặt.

Đức vua Pāsenadi nổi giận:

- Giết một tên cướp mà chẳng có đại tướng nào dám ra quân, quả là khiếp nhược!

Vị bà-la-môn quân sư, thân phụ của Aṅgulimāla đứng lên:

- Tâu đại vương! Xin ngài bớt giận. Người ta thêu dệt quá nhiều về tên cướp nên ai cũng sợ hãi là chuyện bình thường! Vậy giết tên cướp kia, hãy cho hạ thần được đảm nhận!

- Không được! *Đức vua xua tay* – Quân sư chớ nên làm thế! Quân sư là thầy của trẫm, lại theo đòi văn học chớ không phải võ nghệ. Trách nhiệm này thầy khỏi bận tâm. Tự tay trẫm sẽ dẫn quân truy bắt tên cướp.

Bà Mantanī Đi Cứu Con

Trong buổi hội triều ấy, sở dĩ bà-la-môn quân sư đứng ra nhận lãnh trách nhiệm là vì ông có trực giác mơ hồ: tên cướp Aṅgulimāla ấy chính là con trai ông, chính là Ahimsaka thân yêu của ông. Điều này quả thật là khó lý giải. Làm

sao đứa con trai hiền thiện của ông lại là kẻ giết người? Con trai của ông chưa hề biết tới một loại vũ khí nào và cũng chưa từng học qua một môn võ nào! Tuy nhiên, điều đó cũng không thuyết phục được ông thay đổi ý nghĩ. Ông đoán chắc một điều mà ông không thể lầm lẫn: Con trai của ông, Ahimsaka chính là Aṅgulimāla, chính là kẻ cướp giết người! Ngôi sao *"kẻ cướp sát nhân"* thuở con trai ông chào đời, và kiến thức về thiên văn của ông giúp ông khẳng định những điều dường như phi lý cũng biến thành sự thực!

Bãi triều, về nhà, ông âu sầu nói chuyện với vợ:

- Này phu nhân! Ngôi sao *"kẻ cướp sát nhân"* thuở xưa đã ứng điềm triệu nơi con trai của chúng ta rồi đấy!

Nghe vậy, bà Mantanī khóc lóc, thổn thức, cầu xin chồng tìm biện pháp cứu con trước khi bị đức vua vây bắt. Ông bà-la-môn quân sư đứng lặng, ruột đau như cắt nhưng lý trí ông vững mạnh, ông nói:

- Tôi cũng đau xót lắm nhưng việc cứu con, tôi không thể, xin phu nhân tha thứ cho tôi.

Bà Mantanī gào lên:

- Phu quân là thầy của vua, quyền lực nghiêng trời lệch đất, phu quân lựa lời khôn khéo nói một tiếng còn ai dám không nghe?

Bà-la-môn quân sư nghiêm sắc mặt:

- Phu nhân không nên nói vậy! Còn có luật vua, phép nước; con trai ta giết người thì con trai ta phải đền tội, đấy

là điều công bằng. Chúng ta đừng vì tình riêng mà che mờ lương năng xã hội!

Bà Mantanī im lặng.

Bà-la-môn quân sư nói tiếp:

- Vả lại, các bậc minh triết dạy rằng, có bốn hạng người không nên đặt niềm tin vào họ, bà có muốn nghe không?

- Phu quân cứ nói!

- Vâng, phu nhân hãy nghe đây, bốn hạng người ấy là: Một là tên cướp giết người, đừng nên đặt niềm tin vào kẻ ấy, dầu trước đây hắn là bạn cũ. Hai là bạn bè cũ, cũng không nên đặt niềm tin dù đã từng sống chung với nhau lâu năm. Ba là đức vua, đừng nên đặt niềm tin dẫu hiện được đức vua tin cẩn. Bốn là đàn bà, không nên tin tưởng, dẫu trước đây đã từng đối xử rất tốt với họ.

Suy gẫm bốn hạng người này thì con trai ta rơi vào điều cấm kỵ thứ nhất, nó là tên cướp giết người thì lẽ nào ta còn tin tưởng được! Vậy thì tôi từ chối chuyện đi tìm nó, khuyên giải nó, mong phu nhân tha thứ. Tôi chưa bao giờ dám nghĩ rằng tôi lại có thể khôn ngoan hơn các bậc minh triết tự ngàn xưa!

Giận dỗi, bà Mantanī quay lưng đi, tự nghĩ: Cái lý lẽ của ông là lý lẽ của đầu óc, sự khôn ngoan của đầu óc; còn tôi có lý lẽ của tôi là: Lý lẽ của con tim, sự khôn ngoan của con tim! Vậy dầu chết, tôi cũng đi tìm nó và cứu nó!

Quả vậy, Aṅgulimāla dù là kẻ cướp giết người, nhưng

trong trái tim người mẹ, nó chỉ là đứa bé nhỏ dại, đáng mến, đáng yêu, đáng tha thứ!

Thế là chẳng quản gian lao, vất vả, nguy hiểm, bà Mantanī trốn bà-la-môn quốc sư, bươn bả, lặn lội đi tìm con!

Đức Phật Tế Độ

Cuối canh chót đêm ấy, đức Thế Tôn nhập đại bi định, xuống cận hành định. Sau khi quán xét chúng sanh nào hữu duyên nên tế độ, đức Thế Tôn nhìn thấy Aṅgulimāla. Ngài biết rằng, duyên lành của Aṅgulimāla đã đến sau khi trải qua nhiều gian truân của nghiệp. Chỉ cần nghe xong bốn câu kệ là Aṅgulimāla sẽ phát sanh đức tin trong sạch, từ bỏ mọi hành động ác rồi xin xuất gia. Về sau, Aṅgulimāla sẽ chứng đắc thánh đạo quả A-la-hán cùng với tam minh.

Đức Thế Tôn còn thấy rõ rằng, nếu ngài đến chậm trễ một bước, Aṅgulimāla sẽ giết mẹ, phạm ngũ nghịch đại tội thì vô phương cứu thoát!

Thế rồi, sáng hôm sau, đức Thế Tôn đi vào thành Sāvatthi để khất thực như lệ thường. Sau khi độ ngọ, dọn dẹp cất đặt sạch sẽ xung quanh cội cây, đức Thế Tôn khoác y, ôm bát men theo con đường mòn nhỏ, nhắm hướng khu rừng, nơi Aṅgulimāla trú ngụ mà đi thẳng.

Chừng được mấy do-tuần, bắt đầu bước vào xóm làng với nhà cửa thưa thớt, dân chúng hai bên đường thấy *"một sa-môn đang dấn thân vào chỗ chết"*, bèn bước ra can ngăn:

- Xin ngài hãy dừng chân lại! Đây là con đường dẫn vào khu rừng chết người! Những thôn làng xung quanh đây, hễ ai còn sống sót đều dắt dìu nhau đi lánh nạn. Tên cướp sát nhân Aṅgulimāla này nó hung dữ lắm, nó sẽ giết hết không chừa một ai đâu! Kẻ tu hành nó cũng giết, nó giết cả hàng chục, hàng trăm sa-môn, bà-la-môn rồi đấy.

Nghe vậy, nhưng đức Thế Tôn vẫn chậm rãi bước đi. Kẻ khác ra ngăn nữa:

- Ông sa-môn! Không phải chuyện đùa đâu! Hãy nhìn trước mặt thử xem! Xóm làng ở đấy vắng vẻ, đìu hiu, không một bóng người, không một tiếng chó sủa, không một tiếng gà gáy! Kẻ cướp sát nhân tàn sát hết, không chừa một mống!

Thấy đức Phật vẫn bước đi, một bô lão chạy ra nói lớn:

- Chỉ chúng tôi già cả, đói nghèo, không thể đi được nên ở lại đây; còn tất cả bà con đều trốn hết rồi. Ông sa-môn không nghe lời can ngăn thì cứ đi chừng vài do-tuần nữa để nạp mạng cho tên cướp. Trước đây có những toán người đông đến hai mươi người, ba mươi người, bốn mươi người, không biết nghe lời tôi, vẫn đi thẳng theo con đường này thì đều bị Aṅgulimāla sát hại cả, chẳng còn ai sống sót.

Đã ba lần thấy dân chúng có lòng tốt cản ngăn, đức Thế Tôn nghĩ là nên cảm ơn họ và trấn an họ:

- Chư vị hãy an tâm! Như Lai không phải một sa-môn tầm thường mà Như Lai là một vị Phật, một vị A-la-hán, một bậc Chánh Đẳng Giác. Hôm nay, Như Lai đi vào khu rừng chết người này nhưng Như Lai sẽ không chết, Như Lai

sẽ tế độ cho Aṅgulimāla, giúp cho kẻ giết người hung dữ kia trở lại với cuộc sống hiền thiện. Như Lai cảm ơn chư vị đã có lòng tốt!

Thấy tướng hảo quang minh rạng ngời của đức Phật, thấy khuôn mặt và nụ cười an tĩnh, tự tin của ngài dân chúng biết đây đúng là đức Phật mà trí tuệ, từ bi và uy lực của ngài đã được loan truyền khắp nơi nơi, không ai là không hay biết. Chợt nhiên, họ đồng phủ phục xuống:

- Vậy xin ngài tế độ cho kẻ cướp để cho chúng con được sống trở lại cuộc đời an cư lạc nghiệp!

Đức Thế Tôn mỉm nụ hoa sen, đáp lại:

- Chư vị sẽ được như nguyện!

Thế rồi, từ giã đám dân chúng, đức Thế Tôn đi đường tắt. Ngài biết rõ rằng, nếu không đi đường tắt, mẹ của Aṅgulimāla sẽ đến trước và như vậy, nếu muốn tế độ cho Aṅgulimāla, sẽ không còn kịp nữa!

"Dừng Lại Đi Con"

Hôm ấy, Aṅgulimāla ngủ dậy muộn. Đã thức cùng với mặt trời lên cao, chàng còn nhẩn nha vào rừng kiếm trái cây ngon, ăn một bụng no! Ăn xong, chàng xuống suối tắm mát. Tắm xong, khi nhìn chiếc bóng lồ lộ, rõ nét của mình trong dòng nước trong, Aṅgulimāla bần thần suy nghĩ:

- Thế là không biết thời gian trải qua mấy xuân hạ rồi, từ một vóc dáng thư sinh trắng trẻo, đẹp đẽ nay đã biến thành

một loại người rừng hoang dã, tóc tai râu ria xồm xoàm! Ta cũng không còn nhớ y áo ta đã rách mấy lớp; và cũng không biết bao lần ta lấy y áo của nạn nhân để mặc vào người? Còn nữa, và đây mới là điều hệ trọng: Vòng tràng hoa xâu ngón tay người ở nơi cổ ta đến nay đã được chín trăm chín mươi chín ngón rồi. Vậy chỉ còn một người nữa là đủ số. Ta vẫn nôn nóng làm việc này cho xong để học được môn học bí truyền. Cha mẹ ta đã già, thường ước mong cho ta trở thành người hữu dụng, mang tài học xuất chúng giúp ích cho xã hội. Bao nhiêu tháng ngày qua bàn tay ta nhuốm quá nhiều máu người vô tội! Ôi! Đấy là sự hy sinh quá lớn! Nhưng nếu không có sự hy sinh này thì làm sao ta có thể học được môn học tối cao?

Aṅgulimāla thở dài, đứng dậy. Núi rừng hoang vu, trùng điệp, các thôn làng vắng vẻ đìu hiu. Đã ba ngày qua, Aṅgulimāla không tìm thấy một bóng người, mọi người đã sợ hãi chàng mà trốn đi đâu mất hết. Cũng không sao mà, sau buổi trưa, chàng sẽ đi đến một ngôi làng xa, tìm thêm một người là đủ số! Khi đem trình cho thầy xong một ngàn ngón tay, là bằng cớ của ngàn mạng người, chàng sẽ cắt tóc cạo râu, thay đổi y phục đàng hoàng để về thăm cha mẹ trước đã.

Ăn xong một số trái cây cuối cùng, Aṅgulimāla đi vào hang động nơi mà chàng cư ngụ bấy lâu, nhìn quanh một vòng rồi trang bị năm loại vũ khí vào người...

- Hắn lại đến! *Aṅgulimāla thầm nghĩ* – hễ cứ mỗi lần trang bị năm loại vũ khí vào người rồi là như có một luồng

khí rất mạnh chạy rần rật trong cơ thể, như được tiếp thêm sinh lực của năm, bảy con ngựa nòi! Rồi, sức mạnh ấy đẩy chàng đi, bắt đầu sử dụng các loại vũ khí và giết người!

Khi bước ra khỏi bìa rừng là mắt chàng đỏ ngầu, lý trí mất hết, chàng vọt chạy theo sự điều khiển của bản năng. Cũng như mấy ngày trước, từ rừng trên đến rừng dưới, không thấy một ai, chạy sang các làng kế cận, cũng không thấy một bóng người; rảo thêm mấy vùng phụ cận nữa, vô ích! Khi men theo con đường nhỏ thì mặt trời đã ngả sau đọt cây, chợt Aṅgulimāla thấy một bóng người. Người ấy đang đi về phía chàng. Ngạc nhiên, chàng tò mò nhìn ngắm. Kẻ ấy không sợ chết sao?

Người ấy là bà Mantanī, đã bất chấp mọi hiểm nguy để đi tìm con. Thấy hình bóng của một người rừng hoang dã, bà linh tính đấy là con trai của mình, bà vô cùng mừng rỡ. Còn khi Aṅgulimāla thấy người đó đúng là mẹ mình, tự nghĩ:

- Mẹ ta thương ta lắm! Mẹ ta sẵn sàng hy sinh mạng sống để cho ta thành tựu ước nguyện. Vậy ta chỉ cần giết mẹ là đủ số một ngàn ngón tay rồi!

Nghĩ thế xong, Aṅgulimāla rút đao ra, chạy nhanh tới. Bất chợt lúc ấy một bóng người khác sau hẻm núi bước ra, xen vào khoảng giữa Aṅgulimāla và mẹ của chàng! Aṅgulimāla liền thay đổi ý định, cầm đao rượt theo người kia, một sa-môn, là con mồi vô phước từ đâu đến nạp mạng!

Vị *sa-môn vô phước* ấy là đức Phật, Ngài đã xuất hiện kịp thời để cứu Aṅgulimāla khỏi tội giết mẹ. Hơn ai hết,

ngài hiểu rằng, khi cầm đao để rượt giết người, cậu con trai Ahimsaka này không còn là con người *"vô hại"* nữa, mà nó chính là kẻ cướp sát nhân hiện thân! Chính sức mạnh của ác nghiệp đã chi phối toàn bộ sinh hoạt thân và tâm của y! Nếu có lý lẽ , hiểu biết thì lý lẽ, hiểu biết ấy cũng chỉ biện minh cho hành động giết người mà thôi!

Khi Aṅgulimāla bỏ bà Mantanī để đuổi theo đức Phật, ngài liền rẽ sang một con đường khác, rồi sử dụng thần thông. Đấy là một loại thần thông rất lạ lùng: Vẫn những bước chân chậm rãi, khoan thai, nhàn nhã như một người bình thường nhưng đằng sau, Aṅgulimāla đã cố chạy đuổi theo hết sức lực vẫn không bắt kịp. Hắn thoáng nghĩ:

- Thật lạ thay, chưa từng có bao giờ, trước đây dầu voi, ngựa, nai hay xe ngựa chạy ta cũng đuổi theo bắt được! Nhưng bây giờ, dầu ta đã hết sức vẫn không đuổi kịp vị sa-môn với những bước chân chậm rãi kia!

Thế rồi, một do-tuần, hai do-tuần, ba do-tuần... Aṅgulimāla đã huy động toàn bộ sức lực, toàn bộ sức mạnh phi thường, nên bước chân của hắn dường như bay trên đầu cỏ mà bóng vị sa-môn vẫn luôn trước mặt hắn một khoảng cách cố định.

Mồ hôi mồ kê nhễ nhại, đầu váng mắt hoa, hơi thở dồn dập, tim đập như trống trận, Aṅgulimāla đã đuối sức, dừng chân lại, cất tiếng gọi lớn rằng:

- Này ông sa-môn kia, dừng lại! Hãy dừng lại!

Đức Phật biết cơ duyên điểm hóa đã đến, nên chân ngài

vẫn chậm rãi bước đi, cất giọng Phạm âm, nói vọng lại:

- Này Aṅgulimāla! Như Lai đã dừng lại lâu rồi! Chính con! Chính con mới là người chưa chịu dừng lại!

Nghe vậy, Aṅgulimāla rất ngạc nhiên, suy nghĩ:

- Nơi nơi thiên hạ đồn rằng, những sa-môn Sākya này thường hay nói thật, lời nói không bao giờ trái ngược với việc làm. Nhưng tại sao, ở đây, rõ là ông sa-môn này *đang đi* mà nói là mình đã *dừng lại?* Còn ta là kẻ đã *dừng chân lại,* ông sa-môn lại nói là kẻ *chưa chịu dừng?* Là nghĩa làm sao nhỉ?

Bèn nói:

- Này ông sa-môn! Tại sao rõ ràng ông đang đi mà ông lại nói *"Như Lai đã dừng lại rồi"*; còn tôi thì đang dừng lại, nhưng ông lại nói *"chưa chịu dừng"?*

Đức Phật hiện ra thân sắc rực rỡ quang minh, hào quang sáu màu chập chờn di động, rải từ bi tâm bao phủ trọn con người của Aṅgulimāla, cất giọng nói với tám tuyệt hảo:

- *Này Aṅgulimāla! Quả vậy, Như Lai là người đã dừng lại lâu rồi. Như Lai đã dừng lại đao, dừng lại trượng, dừng lại và từ bỏ tất cả mọi sự giết hại đối với chúng sanh; dừng lại con đường tội ác! Còn con, chính con mới là người chưa chịu dừng đao, trượng, chưa chịu dừng lại sự sát hại chúng sanh, chưa chịu dừng lại con đường tội ác!*

Lời nói dịu ngọt với âm điệu trong vắt như giọt sương mai trên đầu núi; và ý nghĩa của lời nói ấy của đức Thế Tôn

như xoáy sâu vào tâm trí Aṅgulimāla, làm lay động, thức tỉnh giấc ngủ mê man của vô minh và vọng nghiệp, trả lại cho Aṅgulimāla khoảng trời bình minh tươi sáng đầu đời. Chàng chợt mở lớn đôi mắt ra, đứng sững lại, bàng hoàng...

- Này Aṅgulimāla! *Hãy dừng lại đi con!*

Bây giờ thì Aṅgulimāla đã hoàn toàn thức tỉnh; chàng biết rõ rằng, vị sa-môn này chính là đức Phật, bậc đại bi đang gióng lên tiếng trống chân phúc và bất tử vang dội khắp đó đây chứ không thể là ai khác nữa, liền quỳ mọp xuống:

- Kính lạy đức Thế Tôn! Con biết tội rồi! Ngài đã đích thân ngự đến khu rừng này là vì hạnh phúc an vui lâu dài cho chính con. Ngài đã từ bi giúp con bước ra khỏi chỗ tối tăm, mê lầm của ngu si và ác nghiệp. Từ đây, con xin nguyện từ bỏ vĩnh viễn đao, trượng; từ bỏ vĩnh viễn bàn tay vấy máu tàn hại chúng sanh! Mong ngài minh chứng cho sự sám hối thành khẩn và thiết tha này!

Bạch thế xong, Aṅgulimāla đứng dậy, bẻ cung tên, giáo, ném đao, kiếm xuống vực sâu, quăng vòng hoa ngón tay người qua bên sườn núi; đảnh lễ dưới bàn chân bụi của Đức Phật rồi xin xuất gia.

Với tâm từ bi quảng đại vô song, đức Thế Tôn đưa bàn tay vẫy, nói rằng:

- Này tỳ-khưu! Hãy đến đây!

Tự dưng, tóc râu Aṅgulimāla được cạo sạch nhẵn, y áo lấm lem bụi đất, thời gian và máu người biến mất thay vào

đó là y áo sa-môn tề chỉnh, nghiêm trang với đầy đủ tám món vật dụng của một thầy tỳ-khưu thuộc giáo hội tăng đoàn. Tiếng nói bằng phạm âm của đức Thế Tôn mồn một bên tai Aṅgulimāla:

- Bây giờ con đã là một thầy tỳ-khưu phạm hạnh. Điều mà con xin, Như Lai đã cho con. Sau này, con hãy y chỉ, thực hành theo giáo pháp toàn hảo ở chặng đầu, toàn hảo ở chặng giữa, toàn hảo ở chặng cuối của Như Lai thì đấy mới đích thực là *lộ trình dừng lại*, chấm dứt mọi khổ ách, khổ nạn nơi trần thế!

Tỳ-khưu Aṅgulimāla

Truyền dạy cho Aṅgulimāla xong, đức Thế Tôn dẫn vị tân tỳ-khưu theo con đường khác, không qua kinh thành Sāvatthi mà trở về Kỳ viên tịnh xá. Nhìn vị tân tỳ-khưu với dáng dấp trang nghiêm, đạo mạo, với lục căn thu thúc, với oai nghi đĩnh đạc, đức Thế Tôn nghĩ: *Đúng là tư cách của một đại đức cao hạ, không ai có thể nghĩ đấy là một tên giết người khét tiếng.*

Cũng trong khoảng thời gian ấy, đức vua Pāsenadi nước Kosala thân chinh dẫn một đoàn quân gồm năm trăm binh mã ra khỏi thành, tìm diệt Aṅgulimāla. Khi đi đến gần Jetavana, đức vua nghĩ là nên vào hầu thăm đức Phật cho phải phép, trước khi sang ranh giới bên kia để vào rừng, ngài bèn hạ lệnh dừng quân.

Thấy đức vua Pāsenadi cùng với đoàn quân trang bị vũ

khí sáng ngời với ngựa thiện chiến, đức Thế Tôn bước ra khỏi hương phòng, ân cần hỏi.

- Đại vương gian lao vất vả cầm quân xuất chinh ắt là có vị vua láng giềng nào khiêu chiến đấy chăng?

Đức vua xứ Kosala bỏ ngựa từ xa, đến bên đức Thế Tôn, khấu đầu đảnh lễ rồi nói:

- Chẳng phải vậy, thưa đức Thế Tôn! Không phải đức vua Seniya Bimbisāra trị vì xứ Māgadha làm con bực tức. Cũng chẳng phải đức vua Licchavi trị vì xứ Vesāli chọc giận con! Vua các nước lớn, các nước nhỏ khác cũng không ai làm cho con phải khó chịu cả. Mà chỉ vì... mà chỉ vì...

Đức Thế Tôn mỉm cười tiếp lời:

- Mà chỉ vì... trong nước có nội loạn chăng?

Đức vua Pāsenadi lắc đầu:

- Cũng không phải thế, bạch đức Thế Tôn! Nói nội loạn cũng không đúng hẳn, vì chỉ có một người thôi, đó là tên cướp Aṅgulimāla. Nó là tên sát nhân rất hung ác, rất khủng khiếp. Đã có hằng trăm, hằng ngàn người bị chết về tay hắn. Kinh hãi nhất là nó giết người không phải để ăn thịt, để uống máu! Nó giết người để mà *"chơi"* thôi! Nó giết người cắt ngón tay, lấy ngón tay xâu thành vòng hoa mà đeo ở cổ cho đẹp! Đức Thế Tôn thấy có kinh hãi không? Xung quanh khu rừng ấy, dân chúng cả chục ngôi làng đã sợ hãi nó mà trốn đi nơi khác hết rồi. Đồng không, nhà trống, vườn hoang! Thế nên, hôm nay con mới đích thân dẫn hùng binh

đi diệt tên giết người dã man như thế có đúng chăng?

Đức Phật gật đầu:

- Đúng lắm! Tàn bạo, dã man như thế là phải giết!

Đức vua Pāsenadi ngạc nhiên:

- Thế ra đức Thế Tôn cũng khuyến khích sự giết hại, đồng ý sự giết hại ư?

- Đồng ý chứ! Khuyến khích chứ! Như Lai cũng đồng quan điểm với đại vương rằng: *Tất cả những gì là tàn hại, xấu xa, ác độc, hung dữ... trên thế gian này thì cần phải tận diệt, phải làm cho nó không được sinh khởi trong tương lai!*

- Đúng là như thế - *Đức vua gật gù*.

- Trái lại, những gì là tốt đẹp, là hiền lương, là vô hại thì cần phải nâng đỡ, phải thế không đại vương?

- Nhất định vậy rồi, phải nâng đỡ!

Yên lặng một lát như để cho đức vua thẩm thấu ý nghĩa ấy, đức Thế Tôn đi vào gần đề hơn:

- Này đại vương! Kẻ tàn hại, xấu xa, ác độc, hung dữ thì đại vương giết, điều ấy Như Lai không cấm được. Nhưng nếu bây giờ kẻ ấy đã trở nên hiền thiện, tốt đẹp vô hại thì đại vương nhất định nâng đỡ, có phải thế chăng?

Đức vua Pāsenadi mơ hồ cảm thấy bị bậc thượng trí đưa vào một cái bẫy vô hình nào đó, trong một lúc không đoán được, nhưng cũng mạnh mẽ gật đầu:

- Đúng vậy!

- Này đại vương! Bây giờ Như Lai đi vào chính đề đây! Nếu đại vương nhìn thấy Aṅgulimāla cạo bỏ râu tóc, mặc y cà-sa, xuất gia làm thầy tỳ-khưu, từ bỏ ác độc, hung dữ, sống đời phạm hạnh thiêng liêng, giới đức trong sạch thì đại vương đối xử với vị tỳ-khưu ấy như thế nào?

Đức vua Pāsenadi đáp:

- Bạch đức Thế Tôn! Đối với tỳ-khưu ấy, con sẽ cung kính đón tiếp, đảnh lễ, thỉnh mời vào chỗ ngồi cao quý và xin hộ độ bốn món vật dụng thường xuyên cho vị ấy bất cứ lúc nào! Nhưng bạch đức Thế Tôn! Chuyện ấy không thể nào xảy ra cho trường hợp của Aṅgulimāla. Vì sao vậy? Vì Aṅgulimāla là kẻ cướp sát nhân, không còn nhân tính; ác tâm, ác tánh đã thành nề; hung dữ, tàn bạo đã thành thói quen thì làm sao có thể trở thành vị tỳ-khưu sống theo phạm hạnh, giới đức trong sạch cho được!

Lúc ấy, tỳ-khưu Aṅgulimāla đang ngồi không xa chỗ Đức Phật và đức vua Pāsenadi; đức Thế Tôn đưa tay chỉ, rồi nói:

- Sự thật là như vậy, thưa đại vương! Tỳ-khưu Aṅgulimāla đang ngồi kia, đang sống đời hướng thiện và hướng thượng vô cùng cao đẹp!

Đức vua Pāsenadi nghe đến tên Aṅgulimāla, chợt đứng phắt dậy, tóc trên đầu dựng ngược, vẻ mặt vô cùng hoảng sợ...! Đức Phật lên giọng trấn an:

- Đại vương hãy bình tĩnh! Sẽ không có, sẽ không còn một tai họa nào từ Aṅgulimāla xảy đến cho đại vương đâu!

Đức vua Pāsenadi liếc mắt nhìn về chỗ đức Phật chỉ thấy một tỳ-khưu tướng mạo trang nghiêm, đẹp đẽ, choàng chiếc y vàng sáng như có hào quang, đang tĩnh tại ngồi thiền trên một tảng đá, tự nghĩ: *Đâu có nét nào là ác độc, hung dữ nơi vị tỳ-khưu này?*

Đã hết sợ hãi, đức vua Pāsenadi bước gần lại. Lúc ấy, tỳ-khưu Aṅgulimāla cũng vừa xả thiền.

- Thưa sa-môn! *Đức vua nói* – ngài chính là Aṅgulimāla phải chăng?

- Phải, tâu đại vương!

Vua vẫn chưa hết ngờ vực, hỏi tiếp:

- Thế thân phụ, thân mẫu ngài tên gì?

- Tâu đại vương! Thân phụ của bần tăng tên là Gagga, hiện là quốc sư của đại vương, còn mẫu thân là Mantanī!

Đến đây, đức vua Pāsenadi thở ra một hơi dài như trút hết gánh nặng; một niềm hoan hỷ dâng lên ngập tràn cả tâm hồn; bèn cung kính đảnh lễ tỳ-khưu Aṅgulimāla, rồi nói:

- Mừng cho người con thân yêu của quân sư Gagga và bà Mantanī được an vui!

Đức vua đảnh lễ một lượt nữa, chấp tay bạch:

- Xin đại đức cho phép con được hộ độ bốn món tứ vật dụng: y áo, vật thực, chỗ ở, thuốc men cho đến trọn đời!

Tỳ-khưu Aṅgulimāla sau khi xuất gia với đức Phật đã nguyện thực hành theo pháp đầu-đà, tri túc trong vật dụng;

nên cất giọng điềm đạm nói:

- Tâu đại vương! Xin đại vương đừng bận tâm! Người sa-môn khất sĩ sống hạnh đầu-đà bao giờ tứ sự cũng vừa đủ dùng, không thừa mà cũng không thiếu vậy!

Đức vua Pāsenadi thấy đức Phật hóa độ một tên sát nhân nguy hiểm, trở thành một vị tỳ-khưu hiền hòa, thanh tịnh thì xiết bao cảm phục. Rõ ràng là đức Thế Tôn không cần đến bất cứ một thứ vũ khí nào, bất cứ loại quyền lực gì, ngoài trí tuệ vô thượng và lòng đại bi vô biên của ngài! Một niềm kính ngưỡng bao la khởi lên, đức vua Pāsenadi quỳ năm vóc sát đất, rồi mở lời tán dương:

- Thật là một điều phi thường chưa từng có, bạch đức Thế Tôn! Chính ngài, chỉ có ngài mới có thể tế độ được người mà thế gian này không ai có thể tế độ được! Chỉ có đức Thế Tôn, chính đức Thế Tôn mới có thể làm vắng lặng phiền não ở nơi người mà không ai có thể làm cho vắng lặng phiền não được! Với tâm đại bi, đức Thế Tôn đã đưa những người từ nơi tối tăm tìm về với ánh sáng một cách kỳ diệu chưa từng có trên thế gian. Việc làm phi thường của đức Thế Tôn khiến cho tự con phải suy nghĩ: *Với quyền lực, với vũ khí, có thể nào ta bắt buộc người khác cải tà quy chánh được chăng?* Câu hỏi ấy trước đây đã kết dính trong đầu con, treo lơ lửng trong giấc ngủ nay thì đã được đức Thế Tôn tháo gỡ; và tự nơi con đã tìm được câu trả lời. Xin tri ân vô thượng đức Thế Tôn!

Đức vua Pāsenadi lạy bái biệt đức Phật và Aṅgulimāla rồi dẫn quân trở lại kinh thành!

Cứu Người Đàn Bà Mang Thai

Buổi sáng hôm kia, đại đức Aṅgulimāla mặc y mang bát đi khất thực, khi ngang qua con đường dẫn vào thành Sāvattthi, ngài thấy một người đàn bà đang đau đớn quằn quại mà không sanh con được, Ngài khởi niệm từ bi: *Ôi! Chúng sanh quá đau khổ, thật đáng thương thay!*

Thế là hình ảnh người đàn bà đau đớn ấy cứ ám ảnh suốt trên khoảng đường đi khất thực của ngài. Độ ngọ xong, trở về chùa Kỳ viên, đại đức Aṅgulimāla liền vào hầu Phật, bạch lại sự việc đã tận mắt chứng kiến rồi tỏ lòng thương xót đến nỗi khổ của chúng sanh.

Đức Phật nói:

- Vậy này Aṅgulimāla! Con hãy đi đến chỗ người đàn bà ấy, phát nguyện bằng lời chân thật rằng: *Nầy cô! Từ khi tôi sinh ra, biết mình không có tự ý sát hại chúng sanh; do lời chân thật nầy, xin cho cô sinh đứa con dễ dàng và thai nhi của cô cũng được an toàn!*

Nghe vậy, đại đức Aṅgulimāla lộ vẻ ngạc nhiên, bối rối:

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu thế là con đã tự nói dối, vì trước đây con đã giết hại rất nhiều người!

Đức Thế Tôn dạy tiếp rằng:

- Nếu thế thì con phát nguyện bằng lời chân thật như thế này: *Này cô! Từ khi tôi xuất gia trong dòng dõi giáo pháp thánh tông, biết mình không tự ý sát hại chúng sanh; do lời chân thật này, xin cho cô sinh con được dễ dàng, và*

thai nhi của cô cũng được an toàn!

Nghe lời chỉ giáo của đức Phật, đại đức Aṅgulimāla đi trở lại chỗ người đàn bà, ngồi trước bức màn che, khởi phát tâm bi mẫn, mở lời chú nguyện! Lạ lùng thay! Lời chân thật vừa dứt, người đàn bà sinh đứa con một cách dễ dàng như đổ nước ra khỏi bình và thai nhi được an toàn như ý nguyện!

Aṅgulimāla Đắc Quả
Nhẹ Nhàng Nhận Chịu Quả Báo

Đại đức Aṅgulimāla sống riêng một mình nơi thanh vắng, nỗ lực, tinh cần tu tập tứ niệm xứ. Ngày kia, ngài chứng ngộ tứ thánh đế, đắc quả A-la-hán bằng trí tuệ siêu thế. Vậy là ngài đã hoàn thành xong phận sự của một thiện gia nam tử, từ bỏ đời sống tội lỗi, xuất gia tầm cầu giải thoát mọi ách phược. Ngài biết rõ kiếp chót, không còn tái sanh nữa.

Mặc dầu đã giác ngộ hoàn toàn, đứng trong hàng ngũ cao thượng của bậc thánh, nhưng do năng lực ác nghiệp, những khi đi khất thực, những cục đá, những khúc cây, những mảnh sành người ta ném đi đâu đó lại rơi trúng nơi đầu, nơi mặt hoặc thân hình của ngài. Lại còn những người mất thân nhân, quyến thuộc thuở trước, được kẻ mách bảo, nhận diện được ngài; họ đã ra tay nhiếc mắng, đánh đập bằng đủ vũ khí gì có sẵn nơi tay! Có đôi khi trở về hầu thăm đức Phật, đại đức Aṅgulimāla ở trong tình trạng đầu bị chảy máu, y rách, bát bể... trông rất đáng thương tâm!

Đức Thế Tôn khuyên dạy rằng:

- Này Aṅgulimāla! Hãy cố nhẫn nại! Thay vì chịu quả khổ ở Địa ngục thì nay con chỉ chịu quả sơ sơ ở hiện tại này thôi!

- Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử hoan hỷ tín thọ lời dạy bảo này, ở tất cả mọi trường hợp, lúc bị đánh đập bằng tay hay bằng đá gậy, tâm con đều an tịnh!

Đảnh lễ Thế Tôn, đại đức Aṅgulimāla thanh thản ôm bát trở lại trú xứ của mình, nhập thánh quả định, thọ hưởng hạnh phúc giải thoát. Xả định, ngài cảm ứng thuyết bài kệ này:

"- Ai trước sống buông lung,

Sau sống không phóng dật;

Chói sáng rực đời này,

Như trăng thoát mây che."

"- Ai dùng các hạnh lành,

Ngăn chặn các ác nghiệp;

Chói sáng rực đời này,

Như trăng thoát mây che."

"- Tỳ-khưu tuổi đạo nhỏ,

Siêng tu giáo pháp Phật;

Soi sáng thế gian này,

Như trăng thoát mây che."

Tiếp theo, đại đức lại rải tâm từ đến cho những người

mà ngài đã lỡ gây oan trái:

"- Mong kẻ thù nghịch ta,
Được nghe lời Chánh pháp;
Mong kẻ thủ nghịch ta,
Thực hành lời Phật dạy;
Mong kẻ thủ nghịch ta,
Thân cận bậc thiện trí,
Dẫn người đến đạo pháp;
Mong kẻ thủ nghịch ta,
Có lúc được thính pháp;
Bậc thiện trí thuyết giảng,
Về các hạnh nhẫn nhục;
Cùng các hạnh từ bi,
Và hành theo chánh pháp;
Rồi chắc chắn vị ấy,
Sẽ không muốn hại tôi;
Cùng các chúng sanh khác,
Sẽ bảo vệ hộ trì;
Chúng sanh mạnh hay yếu,
Nguyện vị ấy chứng đạt,
Quả cao thượng an lành."

Ngoài ra, tùy lúc tùy khi, đại đức nói kệ chỉ dẫn cách tu hành cho người khác; và pháp mà ngài hằng tán dương, ca tụng chính là pháp *chánh niệm* – tức là pháp *không để duôi, không thất niệm, không quên mình!*

Đời sống của đại đức từ lúc ấy cho đến cuối đời quả là thanh cao, trong sáng đúng y như lời kệ mà ngài thường hay nhắc tới: *Người ấy làm cho thân tâm trở nên xán lạn như vầng trăng thoát khỏi đám mây che!* Và những kệ thơ khác:

"- Giờ ngủ, thức bình yên,

Và sống trong an lạc;

Đã thoát lưới ma vương,

Nhờ Bổn Sư bi mẫn;

Trước sanh bà-la-môn,

Nội ngoại dòng quý tộc;

Nay ta con đức Phật,

Bổn Sư, đấng pháp vương;

Đoạn ái, lý chấp thủ,

Luôn thu thúc lục căn;

Nhổ tận gốc phiền não,

Tận diệt mọi cấu uế;

Ta phụng sự Bổn Sư,

Lời Phật dạy, làm xong;

Gánh nặng đã đặt xuống,

Gốc sanh hữu nhổ sạch!”

Cũng như một số chư tôn giả khác, bối cảnh không thời gian, tuổi thọ và Niết-bàn của tôn giả không tìm thấy tư liệu.

Vị Thứ Mười Hai

Tôn Giả Pukkusāti

(Món Quà Trân Bảo)

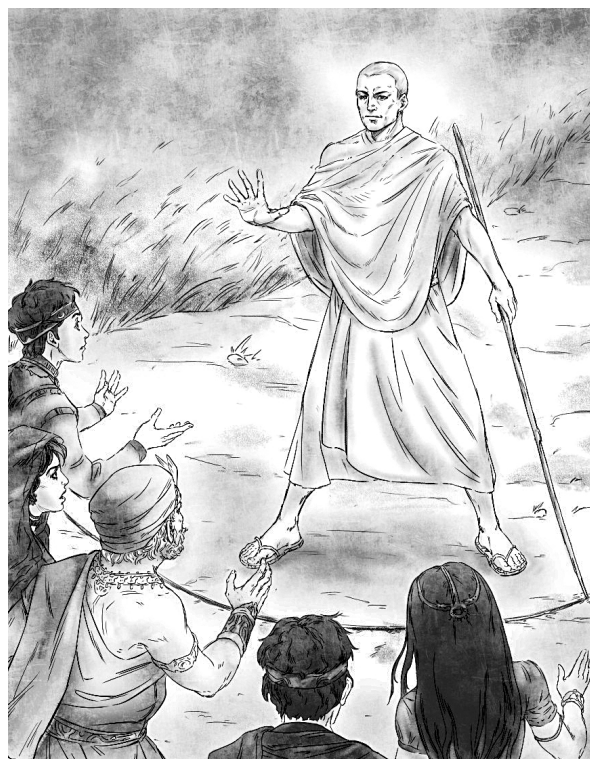

Đức Phật trở lại Jetavanārāma sau nhiều tháng du hành cùng với đại chúng tỳ-khưu. Ở đây chỉ mới mấy hôm, ngài phải sử dụng thần thông quay trở lại lộ trình cũ để *"xử lý"* một việc quan trọng.

Chuyện thâm giao, thâm tình giữa hai đức vua rất là ly kỳ, hy hữu, nó như sau:

Đức vua Pukkusāti trị vì quốc độ Gandhāra, thành phố Takkasilā và đức vua Seniya Bimbisāra là đôi bạn đồng niên, rất thân thiết với nhau. Tuy hai quốc độ ở cách xa nhau vời vợi - một ở cực bắc, một ở trung nam - nhưng tình thân của họ không vì vậy mà trở nên xa cách. Trước đây, khi có cơ hội, cả hai thường gởi cho nhau, theo các đoàn thương buôn, lời thăm hỏi sức khỏe cũng như những món quà đặc sản ở địa phương mình.

Vừa mới đây, đức vua Pukkusāti sai một sứ giả vượt ngựa gần hai trăm năm mươi dặm đường trường từ Takkasilā đến Rājagaha, đích thân dâng lên tận tay đức vua Seniya Bimbisāra một món quà quý giá gồm tám xấp gấm Kambala và tám thỏi trầm đỏ rất hiếm thấy trên thế gian. Loại gấm Kambala này được xem là vô giá, nhưng trầm đỏ thì lại càng quý hiếm hơn, chính đức vua cũng chỉ mới nghe nói chứ chưa hề thấy bao giờ. Loại trầm đỏ này chỉ được tìm thấy ở rừng sâu Himalaya, cây chiên đàn đỏ ngàn tuổi, được

ví như hương của cõi trời, lại xua tan khí độc, thanh lọc không gian xung quanh. Cảm động trước tấm chân tình của bạn, đức vua Seniya Bimbisāra tay nâng niu món quà mà óc thì cứ suy nghĩ miên man, lý do là ông không nghĩ ra được món quà nào có giá trị tương đương để trao tặng lại.

Trong lúc đoàn sứ giả đang còn chờ đợi sự hồi đáp của đức vua thì ông bàn với các lão thần thân tín uyên bác, góp ý giúp ông lựa chọn một món quà nào là tương xứng. Các vị lão thần biết sự vô giá của hai món quà phương bắc nên họ cũng sinh ra băn khoăn và nghĩ ngợi nhiều. Vàng, bạc, châu, báu thì ông vua nào cũng không thiếu, không nên bàn nữa. Đặc sản phương nam thì dồi dào thức ăn vật uống, dù quý báu chi cũng không để lâu để dài được. Những sản vật rừng, thì có nơi nào quý hiếm bằng dãy núi Himalaya của ông vua bạn?

Đức vua Seniya Bimbisāra chợt nói:

- Phải là *"trân bảo",* chư vị ạ! Nhưng nó không phải là vật chất, phải có giá trị văn hóa, tâm linh. Tuy nhiên, giá trị văn hóa, tâm linh ấy cũng phải được cân nhắc chín chắn, để khỏi bõ làm trò cười cho thiên hạ. Tại sao vậy? Vì thành phố Takkasilā là kinh đô đại học của châu Diêm-phù-đề; hằng trăm, hằng ngàn trí thức và lãnh đạo thiên hạ đều xuất thân ở kinh đô của bạn ta cả. Trí thức, kiến thức và văn hóa họ đều cao hơn chúng ta. Vậy hãy mở một cuộc hội nghị, ngoài các vị trọng thần học rộng, biết nhiều, chúng ta phải mời thêm một số trí thức, học giả trong kinh thành để thảo luận, hội ý cùng nhau xem trong cổ thư, cổ kinh - cái gì

được gọi là *"trân bảo"* cùng giá trị cao thấp khác nhau của chúng! Rồi chúng ta sẽ lựa chọn cái *"trân bảo đệ nhất"* để biếu tặng đức vua Pukkusāti, bạn quý của ta.

Cuộc *"hội nghị bàn tròn",* thế là nhanh chóng diễn ra; và sau đó, vị quan đại học sĩ học rộng, biết nhiều đã đúc kết cho đức vua nghe về các loại trân bảo:

- Từ xưa đến nay, trong cổ thư, cổ kinh có phân loại, đưa ra hai loại trân bảo (ratana): Một là trân bảo không có thức tánh (aviññāṇaratana) và một là trân bảo có thức tánh (viññāṇaratana). Trân bảo không có thức tánh ví như là như vàng, bạc, kim cương, ngọc đỏ, ngọc lục, ngọc lam, ngọc tím, ngọc xanh, ngọc maṇi... Trân bảo có thức tánh ví như là ngựa quý, voi quý... Giữa hai loại ấy thì trân bảo có thức tánh được đánh giá cao hơn trân bảo không có thức tánh, tâu bệ hạ quý kính!

- Chính xác! *Đức vua gật đầu khen ngợi* - Ngựa quý, voi quý đôi khi còn là linh hồn của quốc độ, đúng lắm! Hội đồng trí thức, học giả có khác, đã trình bày rõ ràng, đâu ra đấy! Ta đã được mở rộng kiến văn. Bây giờ nói tiếp đi, ta đang nôn nóng lắng nghe đây.

- Vâng! Trân bảo có thức tánh quý hơn, nhưng trân bảo có thức tánh này cũng được phân thành hai loại. Đấy là trân bảo thuộc về động vật (tiracchānaratana) và trân bảo thuộc về người (manussaratana). So sánh hai loại này thì trân bảo thuộc về người quý hơn, tâu bệ hạ!

- Hay lắm! Kể tiếp đi!

- Vâng! Về người cũng có hai loại, tâu bệ hạ! Ấy là đàn bà trân bảo (itthīratana) và đàn ông trân bảo (purisaratana). Trong hai trân bảo này thì đàn ông quý hơn, tâu bệ hạ!

Đến đây, đức vua gật gật đầu, mỉm cười góp chuyện:

- Bây giờ ta mới hiểu một chuyện xưa, chuyện xảy ra vào thời Chuyển luân vương. Khi một đức Chuyển luân vương xuất hiện thì đồng thời xuất hiện bảy báu[1]. Trong bảy báu này có hai báu là ngọc nữ báu và tướng quân báu. Ngọc nữ báu chỉ tạo thêm thiên hương, thiên xúc cho đức vua mà thôi; còn tướng quân báu còn giúp thái bình cho cả thiên hạ! Đúng vậy, cổ nhân, cổ đức xếp loại như thế thì đã nêu bật giá trị minh nhiên rồi, không ai có thể tranh bàn hơn được.

- Đúng vậy, bệ hạ thật anh minh!

- Thôi, được rồi, hãy tiếp tục đi!

- Vâng, về người, về đàn ông cũng có hai loại. Đấy là đàn ông thế gian và đàn ông xuất thế gian; nói cách khác, là đàn ông thế tục trân bảo (āgāriyaratana) và đàn ông xuất gia trân bảo (anāgāriyaratana). Trong hai loại này thì đàn ông xuất gia trân bảo là quý hơn, tâu bệ hạ!

Đức vua Bimbisāra gật đầu:

- Không sai! Hãy tiếp nữa đi!

Vị quan đại học sĩ chợt lắc đầu:

---

[1] Ngọc luân báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, ngọc nữ báu, tài thần báu và tướng quân báu.

- Cuộc hội nghị bàn tròn hôm ấy, mọi người thảo luận đến ngang chỗ này là bế tắc; tuy cũng có ý kiến này, ý kiến kia nhưng họ đã tỏ ra mù mờ như đi đêm mà không có đèn soi. Thảng hoặc, họ rơi vào suy luận, luận đoán một biên, một phía nào đấy thôi. Đây là nhận xét khá chính xác của hạ thần, kẻ bề tôi không dám đa sự, lắm lời trước mặt bệ hạ đâu!

- Ừ, ta biết!

Trong lúc đức vua đang đăm chiêu, vị quan đại thần đang suy nghĩ thì duyên may làm sao, Thần y Jīvaka đi ngang, thoáng nắm bắt câu chuyện đang dang dở, lại góp ý:

- Tại sao đại vương không thử thưa hỏi điểm này với đức Đạo Sư? Ngài đang ở Rājagaha này mà!

Đức vua như chợt sáng ý, vỗ trán mình một cái:

- Sao ta lú lẫn vậy kìa! Chỗ này thì trên thế gian có ai sáng trí hơn đức Thế Tôn đã chứ?

Thần y Jīvaka thưa tiếp:

- Đức Thế Tôn thì nói làm gì! Hai vị thượng thủ, chư đại trưởng lão, một bậc thánh Vô lậu hoặc một vị tỳ-khưu đa văn cũng có thể có kiến giải rõ ràng được đấy, tâu bệ hạ!

- Ồ, ra là thế!

Đức Phật hôm ấy đang ở Veḷuvanārāma tịnh xá, theo dõi câu chuyện, đến ngang đây thì ngài chuyển thông tin cho Mahā Moggallāna, ngay tức khắc, tôn giả có mặt tại vương cung. Và sau đó, tôn giả đã giải thích tiếp cho đức vua nghe.

"- Một vị Chuyển luân vương dù trân quý thế nào cũng không bằng một vị tỳ-khưu phạm hạnh, huống hồ là trưởng lão, huống hồ là bậc thánh Vô lậu! Tuy nhiên, xuất gia trân bảo cũng có hai loại. Thứ nhất là bậc Hữu học trân bảo (sekharatana), gồm chư phàm tăng và thánh Hữu học từ Tu-đà-hoàn đến A-na-hàm. Thứ hai là bậc Vô học trân bảo (asekharatana), tức là chư thánh lậu tận A-la-hán. Bậc thánh Vô học trân bảo cũng có hai hạng: Thinh văn A-la-hán trân bảo (Sāvakaratana) và đức Phật trân bảo (Buddharatana); dĩ nhiên là đức Phật trân bảo cao quý hơn.

Còn nữa, đức Phật trân bảo cũng có hai thứ bậc: Đức Phật Độc Giác trân bảo (Paccekabuddharatana) và đức Phật Chánh Đẳng Giác trân bảo (Sammāsambuddharatana); và dĩ nhiên đức Phật Chánh Đẳng Giác trân bảo cao quý hơn".

Giảng đến ngang đây, tôn giả Mahā Moggallāna cất cao giọng, kết luận:

- Tâu đại vương! Như vậy, tất cả trân bảo trên thế gian, Chánh Đẳng Giác là trân bảo tối thượng!

- Tri ân tôn giả! *Đức vua cúi đầu cảm tạ* - Bậc Chánh Đẳng Giác là trân bảo tối thượng, không còn bàn cãi gì nữa; nhưng không biết sẽ nên gởi tặng kinh đô Takkasilā cái gì là biểu tượng của trân bảo ấy, thưa tôn giả?

Tôn giả Mahā Moggallāna mỉm cười:

- Có đấy, tâu đại vương! Có đức Phật nghĩa là có đức Pháp, nghĩa là có đức Tăng. Đức Phật có chín hồng danh là đại biểu cho Phật, đức Pháp có sáu ân đức là đại biểu cho

Pháp, đức Tăng có bốn ân đức là đại biểu cho Tăng. Vậy đại vương hãy tìm cách thế nào để biểu tặng đức vua Pukkusāti những trân bảo ấy thì được xem là trân quý tối thượng ở trên đời này!

Sau đó, tôn giả còn phải một hồi giảng giải tỉ mỉ, rõ ràng về chín hồng danh của Phật[1], về sáu đức tính của Pháp[2], về bốn đức tính của Tăng[3]. Tôn giả còn tóm tắt cả Ba Bảo ấy, là lộ trình giác ngộ, giải thoát nó nằm nơi Tứ niệm xứ, nơi Bát thánh đạo, nơi Ba mươi bảy phẩm trợ đạo như thế nào - rồi biến mất tại chỗ - vì ngài biết ông vua sáng trí kia sẽ lãnh hội được và có khả năng biết mình phải làm gì!

Và đúng như vậy, sau một hồi suy nghĩ, đức vua sai nội quan chuẩn bị sai thợ dát một tấm vàng mỏng, bề ngang một gang tay, bề dài chừng bốn cùi tay cùng một cây bút bằng thép cứng. Đâu đó xong xuôi, đức vua tắm rửa, vương bào

---

[1] 9 hồng danh: A-la-hán - Ứng Cúng - Vô Sanh (Arahaṃ), Chánh Biến Tri (Sammā Sambuddho), Minh Hạnh Túc (Vijjā-carana-sampanno), Thiện Thệ (Sugato), Thế Gian Giải (Lokavidū), Vô Thượng Sĩ - Điều Ngự Trượng Phu (Anuttaro Purisadammasārathi), Thiên Nhơn Sư (Satthādevamanussānaṃ), Phật (Buddho), Thế Tôn (Bhagavā).

[2] 6 đức tính của Pháp: Pháp được khéo thuyết bởi đức Thế Tôn (Svakkhāto bhagavatā dhammo), Thiết thực hiện tại (Sandiṭṭhiko), vượt thời gian (Akāliko), Đến đây mà thấy (Ehipassiko), Có khả năng hướng thượng (Opanāyiko), Bậc trí tự mình giác hiểu (Paccattaṃ veditabbo viññūhi).

[3] 4 đức tính của Tăng bao gồm: Thiện hạnh (Suppatipanno), Trực hạnh (Ujupatipanno), Ưng lý hạnh (Ñāyapatipanno), Pháp hạnh (Sāmīcipatipanno).

chỉnh tề, lên lầu cao, đốt trầm cùng một viên học sĩ viết chữ tốt. Rồi theo chỉ dẫn của đức vua, viên học sĩ nắn nót khắc lên bảng vàng 9 hồng danh của đức Phật, tức là 9 ân đức cao cả[1]; 6 đặc tính của Pháp, tức là 6 ân đức cao cả[2]; 4 đức tính của Tăng, tức là 4 ân đức cao cả[3]. Sau đó, đức vua giải thích rõ ràng từng ân đức một, xưng tán, ca ngợi tất cả đấy là những trân bảo quý nhất trên đời.

Cao quý thay! Phật Bảo đã xuất hiện rồi!

Cao quý thay! Pháp Bảo đã xuất hiện rồi!

Cao quý thay! Tăng Bảo đã xuất hiện rồi!

Đức vua cũng tóm tắt lộ trình giác ngộ, giải thoát nằm nơi Tứ niệm xứ, nằm nơi Bát thánh đạo, nằm nơi Ba mươi bảy phẩm trợ đạo như thế nào, như tôn giả Mahā Moggallāna đã giảng dạy.

Cuối thư, đức vua Seniya Bimbisāra còn khuyên bạn mình là nên xuất gia tỳ-khưu, ở trong Tăng Bảo, để sống trong những ân đức ấy, giáo pháp ấy, là hạnh phúc tối thượng trên cuộc đời nầy!

Đâu đó xong xuôi, đức vua tận tay cuốn tròn tấm vàng, lấy nhiều lớp gấm Kambala bó lại. Đức vua còn sai thợ kim hoàn thiết kế bảy chiếc hộp bằng đồng, bạc, vàng, hổ phách, xa cừ, pha lê, ngọc thứ tự lớn nhỏ khác nhau, có thể đặt vào

---

[1] *Arahaṃ guṇa, sammāsambuddha guṇa...*

[2] *Sandiṭṭhika guṇa, Akālika guṇa...*

[3] *Suppatipanna guṇa, Ujupatipanna guṇa...*

trong nhau; rồi đặt vật tặng trân quý ấy trong hộp ngọc, hộp ngọc đặt trong hộp pha lê, hộp pha lê đặt trong hộp xa cừ, hộp xa cừ bỏ trong hộp hổ phách, hộp hổ phách đặt trong hộp vàng, hộp vàng bỏ trong hộp bạc, hộp bạc bỏ trong hộp đồng. Xong xuôi, vật trân quý được gói bằng nhiều lớp gấm rồi được đặt trong một chiếc hộp bằng gỗ chiên đàn với nhiều hoa văn khắc chạm công phu, tinh xảo. Chiếc hộp chiên đàn này sau khi niêm triện đỏ, còn được đặt trên một pháp tòa, có lọng trắng che, có hoa thơm, có hương liệu ngát ngào trên lưng voi Hạnh Phúc được trang điểm châu báu long lanh, chói ngời.

Ngày tiễn đoàn sứ giả lên đường, đức vua và bá quan đi chân đất, chấp tay cung kính trong âm thanh ca nhạc rộn rã, với không gian sực nức hương thơm. Để tăng thêm sự trân trọng và thiêng liêng, đức vua Seniya Bimbisāra cùng bá quan còn hô lớn lên ba lần khi ra khỏi thành: *"Đức Phật xuất hiện rồi! Đức Pháp xuất hiện rồi! Đức Tăng xuất hiện rồi!"* - rùng rùng chấn động cả không gian!

Chuyện kể rằng, tin báo phi mã đến tai đức vua Pukkusāti kinh thành Takkasilā về vật tặng trân quý được đức vua Seniya Bimbisāra và bá quan tổ chức nghi lễ thiêng liêng như thế làm cho ông rúng động cả châu thân. Thế là đức vua Pukkusāti cũng chuẩn bị một cuộc đón tiếp trân trọng không khác gì, khỏi kể thêm ở đây.

Khi một mình đối diện với vật trân quý trên lầu cao, đức vua từ từ, trân trọng gỡ niêm triện đỏ, lần lượt gỡ từng lớp gấm thì bảy chiếc hộp đồng, bạc, vàng, hổ phách, xa

cừ, pha lê, ngọc hiện ra. Nhìn chiếc hộp ngọc xinh xắn với nghệ thuật điêu khắc tinh xảo tuyệt vời, đức vua run run mở nắp hộp, bên trong lại hiện ra một lớp gấm nữa. Lần gỡ lớp gấm cuối cùng, một tấm vàng dát mỏng có điêu khắc chữ đập vào mắt đức vua. Trân trọng đặt *"điêu bảng"* trên bàn hương, đức vua chậm rãi đọc từng chữ, từng câu...

Không biết thời gian trải qua bao lâu, đức vua đã đọc xong; và câu còn lại để đức vua thốt lên mà cảm nghe hỷ lạc dâng trào, tẩm ướt sung mãn cả thân lẫn tâm, đó là: *"Đức Phật xuất hiện rồi! Đức Pháp xuất hiện rồi! Đức Tăng xuất hiện rồi!"* Và đức vua cũng ngồi yên như thế, một niềm vui thanh cao, nhẹ nhàng, siêu thoát ở đâu thuộc thượng tầng thanh khí choáng ngợp tâm tư ngài. Và rồi đức vua ngồi bất động suốt mấy hôm, không ăn, không uống, sống trong trạng thái hỷ lạc của thiền Sắc giới.

Như đã quyết định dứt khoát, sau khi xuất định, đức vua lặng lẽ tự mình cạo đầu, choàng đơn sơ giản dị một tấm vải vàng, chấp tay niệm: *"Đệ tử xin thành kính đảnh lễ bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác"* rồi âm thầm rời cung, đầu trần, chân đất, không cho ai hay biết. Sau khi vượt qua một trăm chín mươi hai dặm đường[1] đến Sāvatthi thì nghe tin đức Phật đang ở Rājagaha, đức vua lại nhắm hướng xuôi nam. Khốn khổ thay cho đức vua mà cũng tuyệt vời, kiên định thay cho ý chí xuất trần tối thượng của đức vua - vì

---

[1] Có thể xem Dictionary of Pāḷi Proper Names: "He travelled the one hundred and nine-two leagues to Sāvatthi". Kinh điển thì ghi 192 do-tuần (Dặm và do-tuần khác nhau).

sau khi vượt thêm bốn mươi lăm dặm đường[1] nữa, gần đến Rājagaha thì đức Thế Tôn lúc ấy đã ở tại Jetavanārāma tịnh xá - do cả hai đi hai lộ trình khác nhau.

Có lẽ chỉ có đức Thế Tôn mới biết đến lúc ấy thì nhân duyên mới chín muồi nên ngài xuất hiện đúng lúc khi đức vua gần đến Rājagaha, trời vừa tối, đang muốn tìm chỗ trọ qua đêm. Khi biết đức vua đang tá túc trong nhà của thợ làm đồ gốm thì đức Phật trong tướng mạo, y bát của một tỳ-khưu bình thường bước đến bên cửa.

- Này hiền giả! *Đức Phật nói* - Nếu không làm phiền thì có thể cho tôi tạm tá túc qua đêm được chăng?

- Không sao, thưa hiền giả! *Đức vua mỉm cười đáp* - Tôi cũng chỉ là khách lỡ đường xin ngủ nhờ qua đêm. Chẳng ai làm phiền ai cả. Nơi này yên tĩnh, sạch sẽ, không rộng quá, không hẹp quá, có thể nó đủ chỗ cho cả hai chúng ta. Xin mời hiền giả.

Đức Phật cảm ơn, bước vào. Ngọn đèn dầu lạc nơi góc tường đất dập dờn nhưng tạm đủ sáng, đức Phật lựa một chỗ khiêm tốn nhất, cất đặt y bát, lấy rơm có sẵn trải dưới, gấp làm bốn tấm y trải lên rồi ngồi xuống, nhắm mắt nghỉ ngơi; lát sau, một năng lượng an lành, thanh tĩnh tỏa ra xung quanh.

Đức vua quan sát vị sa-môn trung niên, thoáng thấy một cái gì đó rất an nhiên, tự tại, thanh bình... tỏa ra nơi hình dong, ngôn ngữ, cử chỉ, thái độ - nhưng do đức vua mệt quá,

---

[1] *Cũng theo sách vừa dẫn là 45 dặm, kinh điển thì ghi 45 do-tuần.*

nên ông chỉ muốn nghỉ ngơi. Đức vua như thiếp đi rất lâu, như đã quá khuya, lúc tỉnh lại, thức dậy, nhìn sang bên kia, thấy vị sa-môn trung niên vẫn ngồi bất động như một bức tượng thần, như ở cõi trời siêu thoát nào!

Biết đức vua đã thức giấc, đang ngồi quan sát mình, đức Phật mở mắt ra, khẽ cất tiếng:

- Hiền giả có nghỉ ngơi được không?

- Thưa, được! Cảm ơn hiền giả!

- Tôi cũng xin cảm ơn lời cảm ơn ấy! *Đức Phật cười nhẹ* - Thấy hiền giả với tướng mạo, phẩm hạnh của bậc xuất gia, tôi muốn hỏi vài điều, không biết có phiền lòng hiền giả chăng?

- Không làm phiền lòng gì đâu. Tôi đã khỏe rồi. Xin hiền giả cứ hỏi.

- Hiền giả xuất gia, vậy ai là thầy của hiền giả? Thảng hoặc, hiền giả vừa lòng, hoan hỷ với giáo pháp của vị tôn sư, bậc chân sư nào?

- Có đấy, này hiền giả thân mến! Là đức Phật Gotama, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác; tôi vừa lòng, hoan hỷ với giáo pháp của đức Phật ấy!

- Này hiền giả, thế thì đức Phật Gotama, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy hiện đang ở đâu vậy?

- Tôi nghe nói, đức Phật ấy hiện đang ở Veḷuvanārāma tịnh xá, kinh thành Rājagaha này!

- Vậy thì hiền giả đã gặp đức Phật ấy, đã từng được nghe giáo pháp của đức Phật ấy, nên hiền giả xuất gia?

Đức vua chợt mỉm cười:

- Không, không phải vậy! Có điều kỳ lạ, là tôi vừa lòng, hoan hỷ với giáo pháp của đức Phật ấy nhưng tôi lại chưa được gặp vị ấy, đấng ấy một lần nào!

- Và nếu có gặp vị ấy, đức Phật ấy, hiền giả cũng không biết hay sao?

- Vâng, không biết! Khi xuất gia, tôi chỉ chấp tay, hướng tâm đến vị ấy, tuyên bố vị ấy là Đạo Sư của tôi mà thôi!

Yên lặng một lát rồi đức Phật nói:

- Bây giờ, hãy bỏ chuyện ấy sang một bên, hiền giả có thể nhiếp tâm lắng nghe tôi thuyết pháp được chăng?

- Vâng, rất sẵn sàng! Tôi sẽ nhiếp tâm lắng nghe đây!

Câu chuyện quá khứ: Vào thời đức Phật Kassapa, sau khi ngài Nhập diệt, Pukkusāti cùng sáu vị tỳ-khưu khác, đồng leo lên một ngọn núi cao phát lời nguyện, nếu không đắc quả lậu tận thì thà chết chứ không ăn, không uống, không xuống núi. Sau bảy ngày, chỉ có hai vị đắc quả, có thần thông, năm vị còn lại bị đói mà chết, sanh lên cõi trời Tusita, hiện tại, họ sanh xuống đây. Ngoài Pukkusāti ra, còn các vị khác là Kumāra-Kassapa, Dārucīriya, Dabba-Mallaputta, Sabhiya[1] trước hay sau họ đều sẽ tao ngộ

---

[1] Xem sách đã dẫn. Tuy nhiên, có nhiều sử liệu khác nhau, tên các vị này có sai khác chút ít, như thay vì tên Dārucīriya lại là Bāhiya.

chánh pháp. Do đức Phật biết về nhân duyên quá khứ như vậy nên ngài thuyết một thời pháp như lặn vào dòng tâm, dòng trí đã bị chìm mất quá lâu trong các cuộc tử sinh của vị tỳ-khưu với lời nguyện bất thối thuở nào. Ngài giảng về sáu giới hay sáu đại (dhātu), đó là đất, nước, lửa, gió, hư không và thức. Ngài giảng về sáu xúc mắt tai mũi lưỡi thân và ý. Từ sáu xúc này, liên hệ, tương duyên với khổ, lạc, xả liền có mười tám cảm thọ phát sanh như thế nào[1]. Là một vị tỳ-khưu thì phải tinh tấn, miên mật quán sát những cảm thọ ấy để có được trí tuệ như thực. Như thực gì? Như thực vô thường, khổ, vô ngã...

Nghe xong thời pháp, đức vua Pukkusāti đắc quả A-na-hàm, pháp lạc dâng tràn, ông biết đây chính là đức Phật Gotama, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chứ không phải ai khác! Ông vội đứng dậy, trật y vai phải, quỳ năm vóc sát đất, ôm chân bụi đức Đạo Sư:

- Kính đức Thế Tôn! Đệ tử là người ngu muội, tăm tối, không minh mẫn nên đã dám xưng gọi đức Thế Tôn là hiền giả (āvuso), như bạn trang lứa với nhau, hoặc như người cao hạ gọi người thấp hạ. Điều ấy là phạm thượng, xin đức Tôn Sư hỷ xả tha thứ lỗi lầm ấy cho đệ tử.

Đức Phật mỉm nụ hoa sen:

- Thôi được rồi! Ông không có lỗi lầm chi cả.

Lúc ấy trời vừa hửng sáng, đức Phật hiển hiện lại thân

---

[1] *Dhātuvibhaṇga-Sutta có kể chuyện này và cả thời pháp này.*

tướng trang nghiêm, đầy đủ ba mươi hai quý tướng và tám mươi vẻ đẹp; đồng thời, hào quang sáu màu dập dờn, tỏa rạng cả không gian làm cho vầng dương cũng chợt trở nên lu mờ. Đức vua Pukkusāti quỳ xuống đảnh lễ một lượt nữa:

- Xin đức Tôn Sư cho đệ tử được xuất gia.

- Ừ, Như Lai chấp thuận, nhưng ông đã có đủ ba y và một bát chưa, này Pukkusāti!

- Vâng, đệ tử thiếu bát[1], bạch đức Tôn Sư.

Trong lúc đức vua Pukkusāti vừa rời đi tìm bát thì một số cận sự nam nữ ở ven kinh thành miệng truyền miệng, tai truyền tai: *"Đức Thế Tôn hiện đang ở đâu gần xóm nhà của người thợ gốm!" "Tại sao biết?" "Hào quang của đức Thế Tôn thì không lầm lẫn được, nó sáng hơn cả vầng dương buổi sáng"*. Không những dân chúng biết mà đức vua Seniya Bimbisāra lúc ấy đang đứng trên lầu cao thấy ánh sáng kỳ lạ kia, ông cũng đoán ra. Thế là với chiếc xe bốn ngựa cùng với một số khá đông quan quân tùy tùng, đức vua nhắm hướng, trực chỉ xóm nhà sáng rực hào quang kia.

Gặp được đức Phật, đức vua Seniya Bimbisāra vui mừng khôn xiết, tuy nhiên, ông không hiểu lý do sự xuất hiện đột ngột của ngài ở nơi cái lò gốm tối tăm, chật chội này! Thế rồi, đức Phật bèn chậm rãi, ôn tồn kể lại việc hóa độ một người bạn rất thân của đức vua như thế nào. Đức Phật còn kể thêm, sau khi đức vua Pukkusāti nhận được

---

[1] Kinh sách ghi như thế - nên không giải thích được, là suốt nhiều tháng bộ hành, mặc y, đi chân đất, đức vua kiếm vật thực đâu để ăn qua ngày?

vật trân quý, đọc xong, ý nghĩ xuất trần tối thượng như một mũi tên vừa bật ra khỏi dây cung, không thể dừng lại, và nó tự động tìm đến đích nhắm. Rồi nào là một trăm chín mươi hai do-tuần, bốn mươi lăm do-tuần; không biết cái bàn chân trần đế vương kia đã dẫm qua không biết bao nhiêu vất vả, rướm máu, đói khát, nắng mưa để tìm đến đây? Hiện tại, vị ấy muốn xuất gia, nhưng còn thiếu bát, giờ ông ta đang đi tìm kiếm rồi!

- Và này, đại vương! *Đức Phật nói tiếp* - Từ thời đức Phật Kassapa, đức vua Pukkusāti đã là một vị tỳ-khưu với lời nguyện bất thối; do duyên ấy nên Như Lai đã đặt đúng vị trí lại cho ông ta, đã an trí cho ông ta quả vị Bất lai. Tuy nhiên, mỗi người đều có một dòng nghiệp. Giả dụ có chuyện gì xảy đến cho Pukkusāti trong hiện kiếp này, phải nhận chịu cái gì đó thì không phải phận việc của Như Lai!

Nghe xong, đức vua Seniya Bimbisāra ruột như lửa đốt, tức khắc cho quan quân, chia thành nhiều toán đi tìm đức vua Pukkusāti, người bạn rất thân thiết của ngài. Đức vua không ngờ bạn mình đã nghe theo lời khuyên của mình, quăng bỏ đế bào, vương vị như tấm giẻ rách, chỉ với một tấm y, không có bát, không biết ăn uống ra sao, nắng mưa ra sao mà đã vượt mấy trăm do-tuần để tìm được đến đây?

Toán quan quân tìm kiếm đức vua Pukkusāti và họ đã tìm ra, nhưng ông ta đã chết rất thê thảm. Một con bò cái, tiền kiếp là một nữ dạ-xoa (yakkhinī) oan trái với đức vua, đã húc ngài chết. Tin báo hung dữ truyền đến nơi, đức vua Seniya Bimbisāra tưởng như trời nghiêng, đất sụp, ông vô

cùng sầu khổ, khóc than, thương tiếc, nước mắt tuôn chảy dầm dề, không làm chủ cảm xúc được. Đức Phật xuất hiện ngay bên cạnh, nói vào tai đức vua rằng:

- Đừng sầu buồn nữa, đại vương! Chuyện này Như Lai dò theo dòng nghiệp, đã biết trước, biết rõ nhất, cả tương lai và hiện tại, nên đã tìm cách giúp cho đức vua kia an trú quả vị Bất lai rồi! Cái thân xác của đức vua Pukkusāti đang còn nằm đó làm cho đại vương xót thương, nhưng thật sự bây giờ, ông ta đã là một vị phạm thiên, tại cõi Ngũ tịnh cư, nơi của các vị thánh Bất lai, hết tuổi thọ rồi sẽ Niết-bàn luôn ở đấy!

Nghe lời đức Phật, đức vua Seniya Bimbisāra bình tĩnh trở lại, dặn bảo quan quân mang xác Pukkusāti về triều, phán truyền làm lễ quốc tang trọng thể...

Khi quay lại thì ông không còn thấy đức Phật ở đấy nữa, ngài đã trở lại Jetavanārāma tịnh xá.

Vị Thứ Mười Ba

Tôn Giả Mahā Kappina

(Kiếp-Tân-Na)

Bậc Đệ Nhất Giáo Giới Tỳ-Khưu

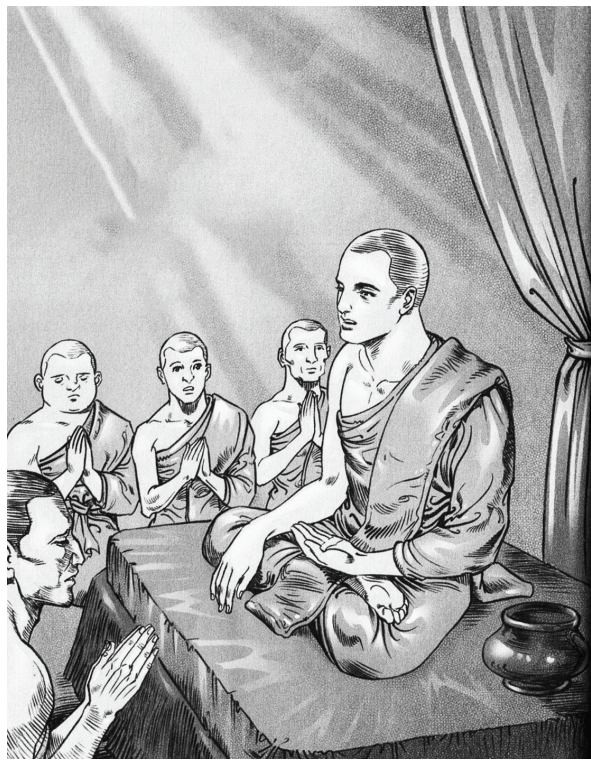

Gần Himalaya có một tiểu quốc với kinh thành có tên là Kukkuṭavatī rộng lớn đến ba trăm dặm[1] là quê hương của một vị vua trẻ tên là Mahā Kappina, hoàng hậu là Anojā đến từ nước Madda, kinh thành Sāgala[2]. Họ đều là những người có căn trí tu tập từ nhiều đời.

Đức vua Mahā Kappina có năm con ngựa nòi giống tuyệt hảo, đó là Vāla, Puppha, Vālavāhana, Pupphavāhana và Supatta. Cứ mỗi buổi sáng, ông trao bốn con ngựa cho bốn sứ giả thân tín, ra khỏi bốn cổng thành, sẽ có phần thưởng trọng hậu nếu ai tìm được cho vua những bậc vĩ nhân, những vị hiền triết để đức vua có dịp tham cứu, học hỏi. Riêng đức vua cỡi con ngựa Supatta với sự trang sức tối thượng, luôn với đám trọng thần rường cột rong ruổi, kiếm tìm[3].

Thời gian trôi qua, sự khao khát chân lý vẫn nóng bỏng trong trái tim của đức vua hiền thiện.

Lúc ấy, đấng Giác Ngộ đã ra đời, đã chuyển pháp mười năm nhưng chưa có vị tỳ-khưu nào đến giáo hóa xứ sở xa

---

[1] 1 dặm này bằng 3 dặm Anh, tức là 4,8km. Vậy 300 dặm là 1440 km(?).

[2] Cũng là sinh quán của thứ hậu Khemā và Bhaddā-Kāpilānī (bạn đời của Mahā Kassapa).

[3] Xem đoạn văn trên: Dictionary of Pāḷi Proper Names trang 473, Q2.

xôi ấy. Hôm kia, có đoàn thương buôn đi từ Sāvatthi đến kinh thành Kukkuṭavatī để trao đổi hàng hóa. Vị trưởng đoàn vốn là một nam cư sĩ đã thấy pháp, nghe tràn tai về chuyện đức vua Mahā Kappina tầm cầu minh triết nên ông ta cảm thấy rất thích thú. Đến địa giới Kukkuṭavatī chưa được bao xa thì họ thấy một đoàn kỵ mã rần rộ tung bụi trên đường, người dẫn đầu với diện mạo quang hảo, sắc phục như một vị tướng nhà trời, sợ hãi quá, họ nép một bên.

Chợt đoàn quân binh kỵ mã dừng lại. Người trên ngựa chính là đức vua Mahā Kappina, số còn lại là một ngàn vị gồm các quan trọng thần, cận thần, tùy tùng trẻ trung và oai vệ.

- Đừng sợ hãi! Ta là đức vua trị vì ở quốc độ này. Các người từ đâu đến mà trông phong sương và bụi cát lắm vậy?

Cả đoàn đều quỳ xuống, khấu đầu, sau đó, vị trưởng đoàn thưa bạch:

- Chúng tôi đến từ kinh thành Sāvatthi, nước Kosala, cách đây rất xa, tâu đại vương!

- Ồ! Vậy ở đấy có tin lành nào vừa xuất hiện không?

- Tâu đại vương! Chúng tôi chẳng biết một tin lành nào khác, chỉ biết là đã có một đấng minh triết đang có mặt ở đời.

- Là ai? Ở đâu? *Đức vua với đôi mắt sáng rỡ, dồn dập hỏi* - Vị ấy như thế nào?

Vị trưởng đoàn mỉm cười:

- Tâu bệ hạ! Chúng tôi không dám nói đến *"vị ấy, đấng*

ấy" với cái miệng bẩn.

- Ồ, ta hiểu, ta hiểu! *Nói thế xong, đức vua sai hầu cận lấy một cái bình vàng đựng nước thơm, trao cho người thương buôn* - Vậy thì ngươi hãy súc miệng đi, rửa miệng đi, và ta cũng phải rửa sạch cái lỗ tai trước khi nghe ngươi đề cập đến Đấng ấy.

Lúc tẩy uế đã xong, vị trưởng đoàn nói:

- Tin lành là đức Phật (Buddha) đã xuất hiện ở thế gian!

Nói thế xong, ông ta chấp tay hướng về phương nam, thành kính nói - là nhân vật độc nhất, vô nhị không ai trong tam giới có thể sánh bằng.

Vừa nghe đến danh từ *"Buddha"* thì toàn thân đức vua đã nổi ốc rần rần, tẩm mát luôn năm loại phỉ lạc chưa từng có[1].

- Thế còn tin lành nào nữa không?

- Thưa, có! Đức Phật ấy đã công bố một giáo pháp (Dhamma), một chánh pháp bất tử, đem đến sự an lạc tối thượng cho chư thiên và loài người.

Vừa nghe đến *"Dhamma",* đức vua cũng rần rần phỉ lạc tương tợ như thế.

- Thế còn tin lành nào nữa không?

---

[1] Do nhân duyên quá khứ đã từng nghe giáo pháp từ thời đức Chánh Đẳng Giác Padumuttra và cũng đã từng hộ độ cho 500 vị Độc Giác Phật.

- Thưa, có! Chư đệ tử của ngài, chư tăng thánh hạnh (Saṇghā) là những bậc vô cùng chơn chánh, khéo được giải thoát tất thảy mọi khổ ách, không còn lậu hoặc phiền não.

Cũng tương tợ thế khi đức vua nghe đến *"Saṇghā",* ngài đã hoan hỷ và sau đó tặng cho vị thương buôn một trăm ngàn đồng tiền vàng[1].

Để cho sự phỉ lạc dần dần lắng dịu xuống, đức vua trang nghiêm nói:

- Khi Tam Bảo đã xuất hiện ở trên đời thì không có lý do gì mà ta còn nấn ná mãi trên cái quyền uy và hư vị này nữa. Này các bạn! Các bạn hãy về đi! Ta sẽ đi tìm đức Chánh Đẳng Giác để xin xuất gia thôi!

- Bệ hạ nói gì vậy? *Họ như cất giọng đồng thanh* - Về đi, về đi là sao? Bệ hạ xả bỏ hết thì chúng hạ thần cũng xả bỏ hết! Bệ hạ lên đường xuất gia thì chúng hạ thần cũng lên đường xuất gia theo, chần chờ gì nữa!

Đức vua nhíu mày:

- Đức vua đi! Tất thảy quan lại trọng thần cũng ra đi hết thì quốc độ bỏ cho ai?

Lát sau, vua mỉm cười, trao cho vị trưởng đoàn thương buôn một tín vật rồi nói:

- Ngươi hãy đến vương cung, xin gặp hoàng hậu Anojā, trao tín vật này, kể lại câu chuyện này, nói là ta và một ngàn

---

[1] *Có tư liệu nói, ba lần tặng ba trăm ngàn đồng tiền vàng.*

quan lại trọng thần đã đi xuất gia cả rồi. Quốc độ từ nay ta giao phó cho hoàng hậu đó!

Với một ngàn hầu cận, tùy tùng thân tín, kể luôn các quan văn võ, quý tộc triều đình cùng đức vua Mahā Kappina lại lên ngựa xuôi nam, hướng về Kosala. Từ Kukkuṭavatī xuống Sāvatthi xa đến một trăm hai mươi dặm[1], bị cách trở bởi ba con sông là Aravacchā, Nīlavāhana và Candabhāgā. Hai con sông trước thì có thuyền bè qua lại, nhưng khi đến con sông Candabhāgā thì họ đành chịu vì nước mênh mông, tràn bờ...

Đức vua ra dấu hiệu cho cả đoàn cùng ngồi bên bờ sông, cùng ông chấp tay lên đỉnh đầu, đặt tuyệt đối đức tin vào Tam Bảo rồi phát nguyện chân thật rằng:

"- Nếu đức Phật là bậc đã vượt qua dòng sông sinh tử, là bậc đã đi đến chỗ tận cùng của thế giới, là bậc có đại trí tuệ vô song thì do lời nguyện chân thật nầy, xin cho chúng đệ tử bước qua được con sông này như đi trên đất bằng!

Nếu đức Pháp là con đường dẫn đến sự thanh tịnh, giải thoát và an lạc tuyệt đối thì do lời nguyện chân thật nầy, xin cho chúng đệ tử qua được con sông này như đi trên đất bằng!

Nếu đức Tăng là những bậc đã ra khỏi khu rừng rậm của phiền não, là phước điền vô thượng của chư thiên và loài người thì do lời nguyện chân thật nầy, xin cho chúng đệ tử đi trên con sông này như đi trên đất bằng!"

Lạ lùng thay, lời nguyện chân thật vừa dứt thì con sông

---

[1] Tức 576 km (1 dặm được ghi chú là bằng 3 dặm Anh: 120x4,8km).

chợt đứng yên rồi cứng lại như đóng băng nên vua tôi phi ngựa sang bờ như đi trên đất bằng một cách dễ dàng.

Đức Chánh Đẳng Giác, hôm ấy, với đôi mắt thuần tịnh siêu nhân thấy rõ toàn bộ câu chuyện xảy ra của đức vua Mahā Kappina và quần thần nên ngài đã cùng với hội chúng gồm chư vị trưởng lão A-la-hán có thần thông đã ngồi chờ đợi sẵn bên kia sông trong một khoảng rừng im mát.

Vậy nên, khi vua tôi họ một ngàn người vừa đến bìa rừng, ngước mắt lên thì thấy một không gian vàng sáng mà họ diễn tả là: Đức Phật ngồi đấy trước chư vị Thinh văn như mặt trời đang mọc lên, tợ như ngọn núi vàng đang chói sáng, tợ như cây đèn được thắp rực rỡ trong đêm đen, tợ như mặt trăng được tháp tùng bởi các vì sao...[1]

Khi họ xuống ngựa, đồng đến đảnh lễ, đức Phật biết được tâm tư, thiên hướng của họ nên ngài đã thuyết giảng một thời pháp tợ như trời cao đang đổ xuống một cơn mưa lành mát mẻ.

Đức vua Mahā Kappina và tùy tùng mắt được mở sáng, thấy pháp, vào dòng, họ đồng xin được xuất gia. Về đến Jetavana, tỳ-khưu Mahā Kappina nghe được một thời pháp nữa, ông đắc quả A-la-hán, bốn tuệ phân tích cùng với thắng trí. Mahā Kappina sống trong hạnh phúc giải thoát tột cùng, miệng lúc nào cũng cảm thán thốt lên: *"Hạnh phúc quá, hạnh phúc quá!"* giống như vị quan tổng trấn Bhaddiya

---

[1] *Xem thêm Thánh Nhân Ký Sự - tập 2 - bản song ngữ của tỳ-khưu Indacanda; Nxb Buddhist Cultral Center - Nedimala, Dehivala, Sri Lanka.*

thuở nào. Sau đó, ông được đức Phật giao phó dẫn dắt một ngàn tỳ-khưu, được ngài tuyên bố, khen ngợi trước đại chúng là *"Một trong những vị đứng đầu công hạnh giáo giới tỳ-khưu"*.

Chuyện hy hữu tiếp theo nữa, kể về chuyện hoàng hậu Anojā. Là khi người trưởng đoàn thương buôn trao tín vật, kể lại ba tin lành Buddha, Dhamma, Saṇghā vừa xuất hiện trên thế gian rồi vua tôi đã đi xuất gia như thế nào, bà cũng rần rần năm loại phỉ lạc, tặng cho vị thương buôn ba trăm ngàn đồng tiền vàng. Sau đó, bà triệu tập tất cả quý phu nhân, mệnh phụ, bạn đời của các quan để kể lại chuyện trên rồi nói:

- Đức vua đã coi giang sơn, vương vị này như đống nước bọt, đã nhổ bỏ đi rồi. Ổng muốn ta làm vua và chị em ta điều hành đất nước này! Thế chị em ta là ai hử? Họ đã coi thường chị em ta quá lắm! Chị em ta là ai, mà lại cúi xuống đất để liếm cái đống nước bọt mà vua tôi họ đã nhổ ra? Quý công nương nghĩ thế nào? Chúng ta có nên cúi xuống để liếm cái đống dơ uế ấy không?

- Không nên! *Cả ngàn cái miệng hoa đồng thốt lên* - Chúng ta cũng nên quẳng bỏ cái đống dơ uế tài sản, phú quý, tuổi thanh xuân để đi xuất gia như chư vị phu quân khi Tam Bảo đã xuất hiện ở đời!

- Các em thật là tuyệt vời! *Hoàng hậu Anojā hoan hỷ thốt lên* - Chính ta cũng muốn nói với quý phu nhân như vậy đó!

Thế rồi như một cơn bão lịch sử thổi ngang qua kinh thành Kukkuṭavatī, hoàng hậu mỹ nhân Anojā có sắc đẹp

yêu kiều như đóa hoa màu vàng cam (anojā) cùng một ngàn mệnh phụ phu nhân thắng ngựa xe, bỏ kinh thành mến yêu, hướng phương nam, rầm rộ trực chỉ.

Chuyện kể rằng, đến con sông Candabhāgā, họ cũng bị trở ngại; sau nhờ lời nguyện chân thật, đặt đức tin tuyệt đối nơi Tam Bảo họ sang bờ bình yên. Duyên tế độ cho tất thảy những nữ nhân này lại là tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā. Sau thời pháp của bà, toàn thể họ đều đắc quả Tu-đà-hoàn rồi nương tựa tu tập với trưởng lão ni Gotamī.

Đồng một lúc Giáo hội có thêm 1001 tỳ-khưu, 1001 tỳ-khưu-ni quả thật là lạ lùng, hy hữu, ai cũng xôn xao, bàn tán, không những trong giáo hội mà lan sang cả giới cư sĩ, quần chúng và cả ngoại đạo nữa.

Hôm kia, tại đại giảng đường chùa Kỳ viên, đức Phật lại phải vén mở bức màn khói sương quá khứ:

- Vào thời đức Chánh Đẳng Giác Padumuttara, Mahā Kappina là một vị quan trọng thần của triều đình, ông ta đã đặt bát cúng dường đến đức Phật cùng hai muôn Thinh văn rồi quỳ dưới chân ngài vô cùng thành kính. Lúc ấy, đức Chánh Biến Tri đang tán thán khen ngợi một vị Lậu tận có kinh nghiệm giáo giới chư tỳ-khưu. Mahā Kappina rất thỏa thích, phát nguyện thành lời cũng với ước mong sau này được thành tựu được như vậy. Đức Vô Thượng Sư mỉm nụ hoa sen rồi cất giọng dịu dàng như chúa thiên nga, đã thọ ký cho ông, nói rằng: *"Người đang quỳ bên cạnh bàn chân của Như Lai đây, có tóc râu đen mịn, có nước da vàng sáng, có dung mạo rạng rỡ, có ánh mắt và khuôn mặt ngời ngời tịnh*

tín. Ông ta hiện là bậc có danh vọng lớn của triều đình, có thiên hướng hoan hỷ đang phát nguyện vị thế của một bậc thinh văn có kinh nghiệm giáo giới tỳ-khưu tăng. Do phước báu cúng dường vật thực ngày hôm nay, với nguyện lực và tác ý cao đẹp ấy, ông ta sẽ thoát ly được tất thảy khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp. Phước báu ấy cũng nâng đỡ ông ta với hình dong, sắc tướng, thiên bào lộng lẫy trong các cõi trời, phú quý và danh vọng trong các cõi người. Cuối cùng, vào thời đức Phật Gotama, ông ta sẽ trở thành bậc thinh văn thừa tự giáo pháp, là đứa con chánh thống được hóa sanh bởi pháp, có tên là Kappina!"

Thế rồi, sau đó, ông ta đi tới, đi lui các cõi người và cõi trời. Vào thời không có đức Phật, ông ta làm thôn trưởng một thôn thợ dệt nổi tiếng trong kinh thành. Ông ta và phu nhân đã cùng nhau vận động một ngàn gia đình thợ dệt hộ độ, cúng dường cho một ngàn vị Độc Giác Phật. Họ lại còn chung tay làm một ngàn thảo am (paṇṇasālā)[1] rồi thỉnh các ngài an cư mùa mưa. Suốt ba tháng hộ độ tứ sự đầy đủ, mãn hạ, họ cũng cúng dường mỗi vị một xấp vải để may y, trị giá mỗi xấp là một ngàn đồng tiền vàng. Hết kiếp ấy, ông bà trưởng thôn và một ngàn vợ chồng gia chủ thợ dệt đều hóa sanh lên cõi trời Đao Lợi. Đến thời đức Chánh Đẳng Giác Kassapa, ông thôn trưởng xưa sanh xuống một gia đình đại trưởng giả trong kinh thành Bāraṇasī; bà sanh xuống làm một tiểu thư khuê các trong gia đình đại trưởng giả khác. Duyên xưa tơ kết, họ lại tái hợp vợ chồng. Một

[1] *Paṇṇa: Một loại lá như lá bối để chép kinh.*

ngàn gia chủ thợ dệt thuở xưa cũng sanh xuống ở đây trong những gia đình phú túc, sang cả và họ lại gặp nhau nữa, tái duyên vợ chồng nữa. Thế là một ngàn lẻ một gia đình lại trở thành bà con huyết thống hoặc bè bạn thâm tình, thâm giao cả. Khi đã trở thành những gia chủ giàu sang, uy tín họ thường rủ nhau đi nghe pháp rồi trở thành những người cư sĩ thuần thành hộ độ cho đức Phật Kassapa và tăng chúng. Họ đã cùng nhau hùn góp xây dựng một đại giảng đường (Mahāpariveṇa)[1]. Ông đại trưởng giả bỏ ra một trăm ngàn đồng tiền vàng. Một ngàn ông gia chủ bỏ ra mỗi vị năm chục ngàn đồng tiền vàng, một ngàn phu nhân mỗi vị hai chục ngàn đồng tiền vàng. Thế nhưng do công trình vĩ đại quá, kiến trúc cả ngàn nóc mái nên họ phải góp thêm lần hai rồi lần ba mới đủ. Riêng phu nhân ông đại trưởng giả, bà đợi dịp khánh thành, cũng là ngày mãn hạ, bà cúng dường đức Phật một đóa hoa màu vàng cam (anojā) bằng vàng rất đẹp, gói trong một chiếc y choàng trị giá một trăm ngàn đồng tiền vàng, cũng màu vàng cam và có ước nguyện sanh vào cảnh giới nào, thân thể và màu da cũng tỏa sáng dịu dàng, đẹp đẽ như sắc hoa màu vàng cam...

Do nhân duyên quá khứ như vậy, kiếp này vị đại trưởng giả sinh làm vua kinh thành Kukkuṭavatī với phước báu vi diệu. Bà phu nhân thuở trước lại gặp nhau, đúng như lời nguyện xưa, sinh ra, da thịt bà tỏa hương thơm cùng sắc da màu vàng cam nên được gọi tên là Anojā, một loại hoa lan màu vàng cam! Một ngàn gia đình thuở xưa đều sanh làm

[1] *Pariveṇa: Nơi học hành - vậy thì có thể là đại học đường(?).*

quan lại nắm quyền triều đình mà phước báu chỉ thua kém đức vua một ít thôi.

Kể đến ngang đây, đức Phật kết luận:

- Nghiệp ác cũng có cộng nghiệp, nghiệp thiện cũng có cộng nghiệp. Hai ngàn lẻ hai gia đình cùng chung tâm (thiện), chung ý (tư tác), chung tín, chung giới, chung thí nên bây giờ trở thành hai ngàn lẻ hai tăng, ni cũng là hiển nhiên, cũng là chuyện đương nhiên của nhân quả nghiệp báo vậy.

8

CƯ SĨ ƯU VIỆT

Vị Thứ Mười Bốn

Thánh Cư Sĩ Cấp-Cô-Độc

(Đại Thí Chủ Đệ Nhất)

Buddha! Buddha!
Duyên Xưa Gặp Phật
Đắc Quả Nhập lưu

Vị đại thí chủ quan trọng bậc nhất vào thời đức Phật là ông Cấp-cô-độc (Anāthapiṇḍika), một trưởng giả triệu phú.

Tên tộc của ông là Sudatta (Từ-đạt). Về sau, do danh thơm bố thí và hay giúp đỡ những người nghèo khổ với lòng quảng đại vô song, nên người đời ban tặng cho danh hiệu Cấp-cô-độc; có nghĩa là: *"nuôi ăn những người nghèo khổ, trợ cấp những kẻ cô độc"*. Sāvatthi là quê hương sinh quán của ông.

Duyên ông được gặp đức Phật thật kỳ lạ. Như cái hạt nằm sẵn trong lòng đất chỉ chờ cơ hội là nẩy mầm. Như cái hoa đang ươm nụ ở trong chồi, chỉ cần chút thời gian, ánh sáng là nó mãn khai. Hẳng phải là sự tiếp tục nhân và duyên từ quá khứ để viên mãn phước báu trong hiện tại.

Một ngày kia, Sudatta có việc phải đi từ Sāvatthi đến Rājagaha để gặp ông anh rể. Đến đây, ông ngạc nhiên là mọi người đang bận rộn chưng dọn, nấu nướng, trang hoàng,

trần thiết như chuẩn bị để đón một vị thượng khách nào. Không ai chào hỏi ông từ ngoài cửa. Chủ nhân cũng đang lúi húi công việc từ nhà sau!

Ông anh rể trả lời, sau khi được hỏi:

- Hơn cả thượng khách nữa. Đấy là đức Phật và tăng chúng. Ông em rể quý trọng ạ!

Thoáng nghe danh từ Phật (Buddha), trong lòng Sudatta chớm nở một hứng thú lạ thường, một xao động êm ái, như cánh hoa bưởi sớm mai gặp ánh nắng mặt trời.

- Kỳ diệu thay, này ông anh! *"Buddha à!", "Buddha à!" - Sudatta lắp bắp, rung động cả tâm hồn* - Tôi mong muốn được gặp vị Buddha ấy xiết bao?

- Rồi em sẽ được gặp mà.

- Ở đâu? Vị ấy ở đâu? Sudatta dồn dập hỏi, đôi mắt ngời sáng và trái tim bồi hồi bồi hồi.

- Cũng gần đây thôi, nơi cụm rừng Sītavana, qua khỏi một nghĩa địa, phía tây thành phố. Ngài đang ngự ở đó cùng với tăng chúng đoanh vây.

Thế là, Sudatta bắt đầu nóng ruột. Ông muốn đi gặp đức Phật ngay, nhưng tiếc thay, trời đã tối.

"- Qua hôm sau sẽ gặp. Qua hôm sau sẽ gặp. Và ta sẽ có cơ hội yết kiến ngài".

Sudatta nhủ thầm như vậy, rất lấy làm hoan hỷ rồi yên tâm mà đi ngủ. Vừa chợp mắt ông đã giật mình tỉnh dậy,

mong cho trời sáng. Và cứ vậy, đến đầu canh ba, ông không còn nằm được nữa. Trong bóng tối, ông làm vệ sinh cá nhân, áo quần nghiêm chỉnh; rồi chẳng đợi ông anh chỉ lối, Sudatta nhắm hướng tây bươn bả đi. Trời tối, ông lại nôn nao nên vấp ngã luôn; dầu vậy, ông cũng lần mò đến được nghĩa địa. Bóng cây vật vờ chỗ này, ánh lân tinh từ những đốt xương người lấp lóa chỗ kia. Sự yên lặng của nghĩa địa làm cho người can đảm nhất tóc cũng phải dựng ngược. Nhờ nghĩ đến đức Phật, nên Sudatta thản nhiên bước, đức tin càng lúc càng vững mạnh, càng trong sạch trong ông. Do đó, những tia sáng phát ra từ nơi thân mình, còn sáng gấp trăm lần ánh lân tinh, ông hoảng hốt, sợ hãi thối lui. Khi sợ hãi, ánh sáng lại mất! Ông ngơ ngác không biết chuyện gì, không hiểu nguyên nhân ra sao. Ông đứng sững và bần thần nghĩ ngợi.

Chợt nhiên, ngay lúc đó, trong gió nhẹ lao xao, từ hư không rớt xuống tiếng lời nào đó ngọt ngào bên tai, dịu hiền và ấm cúng như lời mẹ ru con, như lời khuyến khích của một đấng nghiêm phụ đối với đứa con trai duy nhất của mình:

"- Này Sudatta, con đó sao? Ta đang ở bên con đây, không có gì phải sợ hãi! Này Sudatta, hãy theo cái tâm của con mà bước tới, theo tiếng gọi thâm sâu từ vô thức mà bước tới. An lạc và chân phúc ở phía trước chứ không phải ở phía sau. Có ta và có cả sự sống ở bên con. Hãy bước tới đi!"

Sudatta đưa mắt nhìn quanh. Cảm nhận lời tiếng kia đầy thiện ý, nên lại mạnh dạn bước tới. Quả thật là an ổn. Ông lại nghĩ đến đức Phật, sự vững vàng và đức tin trong sạch

lại đến với ông, thế là ánh sáng nơi thân lại phát sanh rực rỡ. Ông lại sợ hãi một lần nữa. Ánh sáng lại mất.

Tiếng lời quen thuộc đâu đó lại rót xuống tai ông:

"- Này Sudatta, con hãy bước tới nữa. Dừng lại làm chi? An lạc và chân phúc sẽ là sự bước tới. Hãy nghe đây, này con! Một bước đi tới là một bước vi diệu! Một bước đi tới là một bước chân phúc! Hãy nghe ta và bước tới đi con! Dẫu hằng trăm ngựa giỏi, dẫu hằng ngàn thớt tượng hay; và cho dù trăm ngàn cung nga thể nữ với vòng vàng nơi cổ và nơi tay đeo; tất cả các giá trị và các lạc thú của trần gian kia sẽ không bằng một phần mười sáu lạc thú của một bước chân đi tới. Vậy hãy tiến bước, này Sudatta! Hãy mạnh dạn đi tới, này Sudatta! An lạc và chân phúc đang chờ con ở phía trước!"

Tiếng và lời kia là của trời Đế Thích[1]; ngài thấy được nhân duyên to lớn của ông với đức Phật nên đã dùng lời khuyến khích, hỗ trợ. Cho đến lần thứ ba như vậy, Sudatta mới đến được khu rừng Sītavana.

Khi đó đức Phật đang đi kinh hành ở ngoài trời. Ngài biết và ngài đã có ý đợi ông. Khi thấy Sudatta xuất hiện ở đầu bìa rừng, đức Phật cất tiếng khẽ gọi:

- Hãy lại gần đây, này Sudatta!

---

[1] Cả đoạn văn này ta có thể tìm thấy trong Dictionary of Pāḷi Proper Names, Q1, trang 67; nhưng thay vì Đế Thích thì là một dạ-xoa (yakkha) bạn thân thiện tên là Sīvaka.

Tiếng gọi sao mà quá thân thuộc. Chợt nhiên, Sudatta biết chắc đấy là vị ấy, là đức Phật chí tôn chứ không ai khác.

- Con đây, hỡi ngài, hỡi đức Phật kính yêu!

Sudatta bước nhanh lại và quỳ xuống. Ông cảm xúc quá. Ông hoan hỷ quá. Ồi! Đức Phật là vị này đây. Một con người ăn mặc giản dị bình thường. Chẳng có gì là ghê gớm cả. Chẳng có chói sáng ở đâu cả! Ồ không! Ngài đứng kia! Không cười mà như sao toát ra cả trời an lạc. Dung sắc ngài cũng bình thường thôi nhưng càng nhìn càng thấy sáng. Nó không sáng như ngọn đèn, như ngôi sao, như mặt trời mặt trăng. Mà nó sáng thanh thanh dịu dịu, lại vừa uy nghiêm vừa hiền hòa nữa. Ồi, sao lạ! Có cái gì đấy nữa, sự định tĩnh của Hymalaya chăng? Sự xả ly, buông thả trọn vẹn và niềm an tĩnh mênh mông cũng có ở đấy nữa.

Sudatta chiêm ngưỡng mãi, ngây lặng, hỷ hoan và không biết phải nói gì.

Lâu lắm.

- Ngài... ngài có được yên vui không?

Sudatta nghe mình cất tiếng hỏi vô duyên như vậy đó.

"- Này Sudatta con! Đức Phật trả lời - Chắc chắn lúc nào Như Lai cũng an vui. Vì bên trong một vị A-la-hán, mọi thứ lửa nung đốt đều đã được dập tắt, đều đã được làm cho an tịnh. Tất cả dục vọng đeo níu đều không còn. Tất cả mọi mầm giống ác uế đều đã bị hoại diệt. Tất cả mọi trói buộc đều đã được gỡ thoát ra. Tất cả mọi đau khổ và phiền não

đều đã được chấm dứt. Do đó, một vị A-la-hán luôn luôn thanh tĩnh và mát mẻ. Tâm vị ấy như vậy, được gọi là đã thành tựu một vương quốc hòa bình vĩnh cửu".

Nghe xong, ngay sát-na ấy, trưởng giả Cấp-cô-độc đắc quả Tu-đà-huờn[1] đi vào dòng thánh. Ông vẫn là con người cũ thôi, nhưng cái thấy, cái biết, cái tâm của ông đã đổi khác, đã ổn định. Ông quỳ xuống, lặng lẽ quỳ xuống, tri ân đức Phật xiết bao. Cái mầm giống trong đất thế là đã lên cây. Cái hoa trong chồi thế là đã nở.

Mua Đất Đổi Vàng

Bắt đầu từ giây phút đó, trưởng giả Cấp-cô-độc có mặt trong giáo pháp của đức Bổn Sư, trở thành một nhân vật quan trọng, góp tay vào việc đẩy bánh xe Pháp, hộ trì đức Phật và tăng chúng; cúng dường không mệt mỏi, không có thối thất, trở thành người thiện nam thâm tín Tam Bảo vào bậc đệ nhất.

Kinh sách còn ghi lại rất nhiều việc hy hữu về vị trưởng giả đại phú này. Vài câu chuyện kể sau đây sẽ minh chứng hùng hồn về hạnh bố thí cúng dường và đức tin trong sạch bất động của ông đối với giáo pháp của đức Bổn Sư.

Lần gặp đức Phật đầu tiên sau khi chứng quả Dự lưu, trưởng giả thỉnh đức Phật về nhập hạ ở Sāvatthi, quê hương

---

[1] *...Anāthapiṇḍika was immediately converted and becames a Sotāpaṇṇa (sách đã dẫn, cùng trang).*

của ông. Ông hy vọng rằng, với giáo lý siêu việt, đức Phật có thể nhiếp phục lục sư ngoại đạo và dẫn độ cho nhiều người về với chánh giáo. Đức Phật chấp thuận lời thỉnh cầu của ông và trình bày thêm rằng, đời sống xuất gia thường thích hợp những nơi vắng vẻ, an tĩnh, không gần mà cũng không xa làng xóm. Trưởng giả Cấp-cô-độc hớn hở trở về quê rồi đi khắp nơi lựa cảnh thích hợp. Ông đã chọn được vườn xoài của hoàng tử Kỳ-đà (Jeta), vì nơi đây bằng phẳng, rộng rãi, mát mẻ, cây cối tươi tốt có thể tạo lập một tịnh xá to lớn. Nhưng vị hoàng tử này không phải là kẻ thiếu tiền thiếu bạc. Với giá nào trưởng giả Cấp-cô-độc cũng có thể mua khu vườn, nhưng hoàng tử Kỳ-đà thì nhất định không chịu bán.

Trước sự quyết tâm của trưởng giả, cứ đòi mua cho bằng được, hoàng tử Kỳ-đà bèn nêu giá cho ông thối chí.

- Đất này cũng có có thể bán được lắm chứ, thưa trưởng giả. Nhưng ông hãy mang vàng đến đây. Vàng phải được lát khắp mặt đất, không hở một chỗ nào trong ngôi vườn, tôi sẽ bán cho!

Nói xong, hoàng tử Kỳ-đà mỉm cười kín đáo, định phất tay bỏ đi. Nhưng lạ kìa! Trên mặt vị trưởng giả kỳ khôi kia lại thoáng hiện nụ cười vui sướng. Ông ta cúi đầu trân trọng cảm ơn, chẳng chê đắt khen rẻ, bước thẳng đến khu vườn, lấy cây vạch đất tính toán.

Hoàng tử Kỳ-đà nói:

- Sao? Đắt quá phải không? Vàng chứ có phải là đất đâu

mà lấy vàng đổi đất. Trừ phi trưởng giả có cái ngân khố của vua Chuyển luân vương!

Trưởng giả Cấp-cô-độc vội đáp:

- Dạ không! Dạ tôi không dám chê đắt, thưa hoàng tử. Hoàng tử thỏa thuận bán cho là tôi đội ơn lắm rồi. Sở dĩ tôi tính là tính luôn cả gốc cây choán trên đất. Lát vàng ở đó thì phải lát như thế nào để hoàng tử khỏi bị thiệt thòi. Và tôi cũng đang tính nên chuyển vàng từ kho nào đến đây là gần nhất.

Đấy không phải là lời nói giỡn. Hoàng tử Kỳ-đà tò mò, ngạc nhiên:

- Thế ông mua thiệt ư? Mua bằng số vàng đó thật à?

Trưởng giả Cấp-cô-độc nói:

- Dạ, tôi xin trả đủ, thưa hoàng tử.

Nói xong, về nhà, ông lập tức sai gia nhân đưa voi chở vàng đến, chỉ trong ba bốn hôm là đã lát vàng khắp mặt đất, chỉ riêng đám gốc cây chưa lát xong.

Hoàng tử Kỳ-đà thấy việc mua vườn với số vàng trên đất đã thành sự thực, kinh ngạc hỏi:

- Vậy thì ông mua khu vườn này để làm gì?

Sau khi trưởng giả Cấp-cô-độc cho hoàng tử Kỳ-đà biết rõ ý định của mình, là sẽ kiến tạo ở đấy những ngôi tịnh xá để thỉnh đức Phật và tăng chúng từ kinh thành Rājagaha về đây an cư, để mong rằng ngài sẽ đem lại ánh đạo vàng ban

rải cho tất thảy chúng sanh trong quốc độ! Hoàng tử Kỳ-đà thầm nghĩ:

"- Chắc đức Phật này là bậc Hiền Thánh ở đời nên ông trưởng giả đã coi vàng như đất cục. Ông ta đã khẳng khái coi ngọc ngà châu báu chỉ để lót đường cho một giá trị tinh thần tôn quý hơn. Sao ta không lấy đó làm gương cho đời mình?"

Nghĩ thế xong, bèn ướm hỏi:

- Tất cả gốc cây trong vườn này cũng tốn nhiều vàng đấy chứ hở ông trưởng giả?

- Thưa hoàng tử, cũng nhiều đấy. Nhưng cũng thật là xứng đáng để gieo lên đấy những hạt giống Bồ-đề!

Rồi lại sai gia nhân đem voi cho chuyển vàng tiếp.

Hoàng tử phát tâm kính trọng, lấy tay ngăn lại:

- Thôi, này ông trưởng giả! Ta suy nghĩ rồi. Ông đã chẳng tiếc gì vàng thì ta cũng chẳng tiếc gì những gốc cây. Vậy ông hãy hoan hỷ cho ta hùn một chút công đức. *Vườn* thuộc phần ông và *cây* thuộc phần ta, được chăng?

Trưởng giả Cấp-cô-độc chấp tay, xiết bao hoan hỷ. Hoàng tử Kỳ-đà xin hùn một chút phước là được đặt tên tịnh xá có tên của mình trong đó. Trưởng giả Cấp-cô-độc với tâm địa của bậc thánh, dễ dàng bằng lòng về điều đó *(Nên ngày nay những người hiểu sự tích này, nếu gọi cho đầy đủ thì tên tịnh xá phải gọi là "Kỳ thọ Cấp-cô-độc viên"; nghĩa là cây của Kỳ-đà, vườn của Cấp-cô-độc - cũng gọi là Kỳ viên tịnh xá hay Bố Kim tự (chùa trải vàng).*

Bố Thí, Cúng Dường Đến Khánh Kiệt Gia Sản

Trưởng giả Cấp-cô-độc, sau đó làm riêng một tịnh xá, lầu gác bằng gỗ chiên-đàn để dâng Phật. Hai mươi khu biệt cư với cả hằng trăm tịnh xá để dâng cúng chư tăng, nơi đây có thể an cư cả hàng ngàn vị mà vẫn còn rộng rãi.

Tại nơi ngôi tịnh xá lịch sử này, đức Phật đã nhập hạ mười chín lần, và phần lớn một số kinh, ngài cũng thuyết ở đây. Trưởng giả Cấp-cô-độc thì hết lòng hộ trì đức Phật và tăng chúng. Sự bố thí cúng dường của ông là vô giới hạn.

Sau đây là một vài mẫu trong cuộc đời của vị đại thí chủ.

Trưởng giả Cấp-cô-độc mỗi ngày đến Kỳ viên tịnh xá với ba lần cúng dường lớn: Một vào buổi sáng, một sau buổi sáng và một vào buổi chiều. Còn những lần bố thí vào các cuộc hội lớn hoặc những trường hợp bất thường thì không kể. Chưa bao giờ trưởng giả đến Kỳ viên bằng tay không. Buổi sáng đem theo cháo; sau buổi ăn sáng đem theo thục tô, sanh tô, mật, đường mật; buổi chiều mang theo hương, vòng hoa, vải... Còn ở nhà, bao giờ cũng có phần thức ăn sẵn cho năm trăm vị tỳ-khưu để đặt bát cúng dường. Quả thật, tất cả gia tài, ông đều chi dùng cho giáo pháp. Ngôi nhà hữu phước đó, kinh gọi là *"giống như cái hồ đào lên ở ngã tư đường cho chúng tỳ-kheo, giống như là nhà cha mẹ của tất cả tỳ-kheo."*

Ngoài bậc Chánh Đẳng Giác, tám mươi đại trưởng lão đều đi đến. Còn chư tăng thập phương thì không xiết kể.

Do bố thí không dừng nghỉ, do để nguội lạnh việc kinh doanh làm ăn, cả gia tài *năm trăm bốn mươi triệu đồng tiền*

vàng của ông đều đã chi dùng cho việc kiến tạo tịnh xá và hộ trì tăng chúng. Dần dần ông rơi vào khánh tận và nghèo thiếu. Mặc dầu vậy, ông vẫn không ngừng bố thí. Và đức tin đối với Tam Bảo vẫn không hề suy giảm, mà trái lại, càng được củng cố vững bền thêm.

Chuyện kể này sẽ xác minh điều đó.

Một hôm, Cấp-cô-độc đến hầu thăm Đức Phật. Bậc Đạo Sư biết rõ ông đã khánh kiệt, bèn hỏi:

- Này gia chủ! Hôm nay, tại nhà ông còn có vật gì để bố thí nữa không?

- Bạch Thế Tôn! Con còn có vật bố thí.

Bậc Đạo Sư hỏi tiếp:

- Ông còn, này gia chủ, vậy là những vật gì?

- Bạch Thế Tôn! Ở nhà, con còn *"cháo tấm với bột chua để lại từ ngày hôm trước"*.

Nghe vậy, bậc Đạo Sư dạy như sau:

"- Này gia chủ! Đừng bao giờ nghĩ rằng, cháo tấm và bột chua sẽ ít công đức, ít phần phước báu. Vật bố thí dẫu thô xấu thế nào, nhưng tâm bố thí tốt đẹp thì quả sẽ trở nên tốt đẹp. Ai có thể làm cho tâm tốt đẹp thì bố thí bất kỳ loại thô xấu nào cũng được quả tốt đẹp, được quả dị thục to lớn".

Thiên Nữ Ngăn Cản Cúng Dường

Nhà đại triệu phú có bảy tầng lầu, bảy cửa gác. Tại cửa

gác thứ tư có vị thiên nữ ngụ ở đấy. Từ trước đến nay vị thiên nữ ấy không được an lạc. Vì khi đức Phật vào nhà, vị thiên nữa phải di chuyển chỗ ở xuống tầng trệt cuối cùng. Không những chỉ đức Phật, mà tám mươi vị đại trưởng lão, chư tỳ-kheo có uy đức - khi các ngài đến - nếu thiên nữ vẫn ngự ở trên sẽ bị lửa nung đốt.

Hôm kia, thấy tình cảnh gia đình ông Cấp-cô-độc đã sa sút, nghĩ rằng đây là cơ hội tốt để làm cho đức Phật và tăng chúng không còn đến nơi này nữa; vị thiên nữ chói sáng hào quang đến gặp viên quản lý, đứng giữa hư không.

- Ai đó? Ngươi là ai?

Viên quản lý ngạc nhiên hỏi.

- Ta là thiên nữ ở nơi cửa gác căn lầu thứ tư. Ta đến đây vì lợi ích của ngươi, của gia chủ ngươi.

- Vậy thì cứ nói đi, tôi nghe! *Viên quản lý nói.*

Thiên nữ tiếp:

- Ngươi làm quản lý mà ngươi không biết quản lý tài sản. Ngươi không biết việc nào lợi ích và việc nào không lợi ích. Ngươi lại càng không thấy được mối nguy cơ phát xuất từ việc làm của ông triệu phú. Ông quản lý có rõ không? *Năm trăm bốn mươi triệu đồng tiền vàng* đã được chi dùng vào việc vô ích. Các kho đụn, tài sản, châu báu và lương thực, thực phẩm của ngôi nhà này, bây giờ chỉ còn là cháo tấm và bột chua. Vậy thì ngươi hãy khuyên gia chủ của ngươi lo làm ăn, kinh doanh buôn bán để gia tài được phát sanh chứ đừng để sa-môn Gotama cùng đệ tử của ông đến

ăn hại tại ngôi nhà này nữa. Hãy đuổi cổ chúng đi!

Viên quản lý nghe những lời phỉ báng kia, đùng đùng nổi giận, hét toáng lên:

- Này, này! Bà thiên nữ ngu si kia! Ông triệu phú, chủ của ta, là người hiền thiện, là bậc có lòng từ quảng đại, vô song. Trọn vẹn cả gia tài này ông ta đã chi dùng đầy công đức và trí tuệ cho giáo pháp của đức Thế Tôn. Một sự chi dùng đúng đắn đem đến lợi lạc tối thượng cho nhân, thiên các cõi. Đừng nói đến chuyện khánh tận gia sản, chỉ còn cháo tấm và bột chua; nếu ông triệu phú, chủ của ta, nắm búi tóc của ta lôi đi, đem ra giữa chợ bán như một tên nô lệ, để lấy tiền bố thí cúng dường, thì ta cũng sẵn lòng hoan hỷ! Đã nghe rõ chưa, vị thiên nữ đầy tà kiến, tối tăm và ngu ngốc! Hãy bước đi!

Thấy không lay động được viên quản lý, thiên nữ hiện thân gặp con trai cả, cũng nói như trên, nhưng cũng bị người con trưởng nam mắng cho xối xả. Tuy thế, vẫn không thối chí, vì thiên nữ nửa đêm hiện ra trong phòng ông Cấp-cô-độc với hào quang chiếu sáng.

- Này, đại triệu phú! Ta là thiên nữ ở cửa tầng lầu thứ tư, ta đến đây vì lợi ích của ông và gia đình ông.

- Hãy nói đi, ta nghe ngươi đây.

- Từ lâu, *thiên nữ nói* - ngươi đã không nghĩ đến tương lai, không nghĩ đến con cái, bỏ bê công nghiệp, phung phí tài sản cho sa-môn Gotama và tăng chúng của ông ta. Cho đến hôm nay, gia sản ngươi đã khánh tận mà các sa-môn ấy

vẫn đi vào nhà. Những gì chúng lấy đi từ ngươi thì không bao giờ có thể đem về lại được. Hãy biết chắc là như vậy. Bắt đầu từ nay trở đi, ngươi chớ tự mình đi đến sa-môn Gotama! Chớ cho phép những đệ tử của ông ta vào ngôi nhà này nữa. Hãy xoay lưng, không có nhìn sa-môn Gotama. Hãy lo kinh doanh buôn bán và xây dựng lại sản nghiệp.

Triệu phú Cấp-cô-độc nghe những lời không hợp với lỗ tai chánh giáo của mình, nhưng vẫn trầm tĩnh, hỏi:

- Vậy ra đấy là những lời khuyến giáo đầy thiện ý của ngươi đối với ta?

- Phải như vậy!

Ông đại triệu phú cất giọng cứng rắn, đanh thép:

- Bậc Mười Lực đã làm cho ta không bị dao động bởi trăm, bởi ngàn, bởi trăm ngàn lời nói của thiên nữ như ngươi. Lòng tin của ta đối với đức Phật và tăng chúng như núi Tu-di không dao động. Đức tin ấy ta đã khéo an trú lâu rồi. Thật uổng thay cho công sức và miệng lưỡi của ngươi. Tài sản được ta tiêu dùng cho chánh pháp, đem đến lợi lạc cho nhân thiên và đưa đến trí tuệ giải thoát cho người hữu trí. Như vậy, *những lời ngươi nói là không thích hợp, là phi pháp, là phản động, là đòn đánh mạnh vào giáo pháp của đức Tôn Sư.*

Nói đến đây, ông triệu phú chợt xúc động chánh pháp, nói như lưỡi búa phủ xuống đầu thiên nữ:

- Hãy bước đi, này con quỷ đen (kāla-kaṇṇī)! Kẻ thiếu lễ độ và đầy ác giới kia! Không có vấn đề ngươi sống chung ở

đây nữa. Hãy ra khỏi nhà này mau. Hãy cút đi! Hãy xéo đi!

Lời nói của vị thánh đệ tử đã chứng quả Dự lưu, không phải là không có oai lực nên thiên nữ không thể ở chỗ cũ được nữa, phải ra đi. Nhưng thiên nữ nghĩ rằng: *"Nếu không tìm được chỗ ở khác, ta trở về xin lỗi ông là xong. Có lẽ nào một kẻ tu hành lại thiếu lòng từ, để tâm hờn giận dài lâu!"*

Thiên Nữ Hối Lỗi

Trước tiên, thiên nữ đến vị thiên tử hộ trì thành phố, đảnh lễ vị này, đứng một bên rồi trình bày tự sự trước sau. Lại còn nói rằng đấy chỉ là lời vô ý (anupadhāretvā), không có chủ tâm, xin ngài, với oai đức của mình, dẫn tôi về nhà đại triệu phú, xin lỗi ông ta cho tôi được ở lại.

Vị thiên tử hộ trì thành phố phất tay, quát như sấm nổ:

- Ngươi hãy bước đi khỏi đây, bước ra khỏi đây cùng với những lời nói nhơ tai và ngu si ấy! Những lời ấy là gì? Là lời không thích đáng, phi pháp, phản động; là đòn đánh mạnh vào giáo pháp của đức Tôn Sư. Ở đây không có chỗ cho ngươi!

Không nản chí, vị thiên nữ tìm đến các vị thiên có oai lực hơn, là Tứ đại thiên vương. Các vị này sau khi nghe xong, không quát mắng, xua đuổi, chỉ trình bày lý tình câu chuyện:

- Ta cũng thương ngươi ngược xuôi vất vả mà không có chỗ an cư. Nhưng biết làm thế nào được. Khi mà oai lực của ta không bằng oai lực của ông đại triệu phú. Bằng sao

được khi đấy là lời nói của một thánh thiện nam, kẻ thành tựu khá hoàn hảo về tín, giới, văn, thí, tuệ? Vậy ta khuyên ngươi lên tìm gặp đức Đế Thích thiên chủ, may ra ngài ấy có biện pháp giúp đỡ ngươi.

Chẳng biết sao hơn, vì thiên nữ lại phải thất tha thất thểu đến cõi trời Đao Lợi, quỳ lạy Đế Thích thiên chủ và khẩn thiết yêu cầu sự giúp đỡ.

Sau khi nghe xong, ái ngại và xót thương nhìn người thiên nữ dại dột, thiên chủ Đế Thích phán:

- Đáng lý ra ta cũng phất tay mà đuổi ngươi đi như bốn vị đại thiên vương kia. Và nếu vậy, ngươi sẽ lang thang suốt đời mà không có chỗ an cư. Ta do nhờ nghe pháp của đức Đạo Sư mà thấy rõ đâu tội, đâu phước, đâu nhân, đâu quả. Ta tri ân ngài quá lớn. Thế mà ngươi - *một hạt bụi, một mảy lông* - mà dám đánh đổ núi Tu-di? Ân đức của bậc Tôn Sư, của giáo pháp, của chư tăng thật vô lượng cho chúng sanh ba cõi vậy. Ngươi vì vô minh, vì si mê nên không thấy, không biết ân đức ấy, mới dại dột đụng chạm đến giáo pháp của bậc đại chiến thắng. Tội của ngươi quá lớn. Nhưng cũng vì sự hỷ xả, vì lòng từ mẫn, ta sẽ chỉ cho ngươi một phương pháp, trước là để ngươi có cơ hội chuộc tội với ông đại triệu phú, sau nữa là sám hối với đức Đại Giác.

- Lành thay, thưa thiên chủ! *Thiên nữ mừng rỡ nói* - xin ngài từ bi chỉ dạy. Ôi! Con mong được tha thứ xiết bao!

Rồi thiên vương Đế Thích thong thả trình bày như sau:

- Ông đại triệu phú có một gia tài bị thất thoát. Thất thoát

do người ta vay nợ, do nước trôi và do chôn của để dành bị mất dấu. Hiện giờ, ở khắp nơi trong thành Sāvatthi, các gia chủ lớn, các thương gia, do nhờ vay tiền của ông đại triệu phú mà trở thành giàu có cả. Những giấy nợ, những biên nhận kia hiện nằm trong tủ phía đầu giường của ông. Từ khi gặp Phật và thấy được đạo, ông không hề để tâm đến những món nợ ấy nữa. Bây giờ ông đại triệu phú đang lúc nghèo túng. Ngươi hãy lấy tất cả giấy nợ và biên nhân kia, với oai lực của ngươi cùng với oai lực của một số dạ-xoa trẻ tháp tùng; đến các con nợ mà hăm doạ, nạt nộ thế nào đó để người ta phải trả lại. Số tiền này có thể lên đến *một trăm tám mươi triệu đồng tiền vàng;* ngươi đem đến đổ vào kho bạc trống không của ông. Đấy là món tiền thứ nhất. Ngươi có nghe rõ không?

- Dạ, con nghe rõ!

- Còn món tiền thứ hai, trị giá cũng chừng khoảng *một trăm tám mươi triệu đồng tiền vàng,* bỏ trong những cái ghè bằng đất nung, chôn giấu ở bờ sông Aciravati. Khi lũ lụt đến, đất lở, nước đã cuốn trôi tất thảy về đại dương. Với oai lực của ngươi, và của một số dạ-xoa tháp tùng, ngươi có thể tìm thấy tài sản ấy và mang về một cách dễ dàng. Ngươi có làm được thế không?

- Dạ, con làm được!

- Còn tài sản khác, chính ông đại triệu phú cũng không nhớ là đã chôn giấu ở đâu. Ngươi có thể nhờ bằng hữu, các vị thiên quản nhiệm các ngôi rừng, làng mạc, nghĩa địa, vườn tược, thung lũng, khe suối, gò đống, ao hồ... tìm hộ giúp. Số tiền này cũng không ít hơn hai loại tài sản kia đâu.

Và như vậy, với chừng *năm trăm bốn mươi triệu đồng tiền vàng,* ngươi làm đầy lại kho bạc của ông triệu phú để đền tội, để chuộc tội, để sám hối. Ông triệu phú thấy ngươi có lòng thành, biết ăn năn hối lỗi, sẽ tha thứ cho ngươi. Và ngươi lại có chỗ tịnh cư an lạc, khỏi phải lang thang nữa!

Với phương pháp chỉ bày của thiên chủ Đế Thích, trong thời gian ngắn, thiên nữ đã tìm ra đủ ba loại tài sản. Nửa đêm, rực rỡ với hào quang, đứng giữa hư không, thiên nữ nói:

- Thưa ông trưởng giả! Tôi vì ngu si, lầm lạc, mù quáng, không biết đến công đức của Phật, của giáo pháp, của tăng chúng đã có những lời nói lỗi lầm ngày trước. Ông hãy vì lòng từ ái mà tha thứ cho tôi. Theo lời chỉ giáo của thiên chủ Đế Thích, tôi đã đòi lại số nợ *một trăm tám mươi triệu đồng tiền vàng* ở rải rác trong thành phố cho ngài; đã lấy lại số tài sản *một trăm tám mươi triệu đồng tiền vàng* bị nước trôi ra biển; và tôi cũng đã tìm ra tài sản *một trăm tám mươi triệu đồng tiền vàng* chôn giấu giữa những bãi đất vô chủ. Với *năm trăm bốn mươi triệu đồng tiền vàng,* tôi đã đổ đầy kho bạc trống không của trưởng giả để chuộc tội. Như vậy, số tiền ngài tiêu dùng cho việc kiến tạo tịnh xá cùng hộ trì đức Phật và tăng chúng bấy lâu nay, tất cả đã thâu lại đủ. Từ khi mất chỗ trú xứ, tôi phải lang thang, buồn phiền và mệt mỏi. Tôi rất hối hận. Xin ngài miễn chấp cho việc làm vô trí của tôi. Hãy tha thứ cho tôi vì lòng bi mẫn, thưa trưởng giả!

Trưởng giả Cấp-cô-độc nghe vậy, suy nghĩ như sau:

"- Thiên nữ này bảo là đã lấy công chuộc tội, nghĩa là đã thấy tội của mình. Muốn cho nó thấy rõ công đức của ta

cùng việc làm trước sau của nó, ta nên dẫn nó đến gặp bậc Đạo Sư. Chỉ có đức Thế Tôn mới biết rõ là nên giáo giới vì thiên nữ này như thế nào".

Rồi nói:

- Này thiên nữ! Sự hối lỗi của ngươi là rất tốt. Nếu muốn xin lỗi ta thì hãy xin lỗi trước mặt bậc Đạo Sư!

Sáng ngày, khi đêm đã tàn, trưởng giả Cấp-cô-độc không cần phải xem lại số tài sản đem về hư thực thế nào, dẫn thiên nữ đến hầu đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn sau khi nghe xong, nói mấy câu kệ:

"- Người ác thấy là thiện,

Khi ác chưa chín muồi;

Khi ác nghiệp chín muồi,

Người ác thấy là ác;

Người thiện thấy là ác,

Khi thiện chưa chín muồi;

Khi thiện được chín muồi,

Người thiện thấy là thiện".

Cuối bài kệ, thiên nữ chứng Dự lưu quả. Nàng sung sướng đảnh lễ chân có tô điểm bánh xe ngàn căm của đức Tôn Sư, rồi nói:

- Bạch đức Thế Tôn! Vì bị tham ái nhiễm, bị sân kích động, bị si mờ ám, bị vô minh che phủ, con không biết những

công đức của Thế Tôn, đã nói những lời ác ngữ ngu si, hãy tha thứ cho con.

Vì thiên nữ lại qua hối lỗi với trưởng giả Cấp-cô-độc. Trước mặt đức Đạo Sư, ông hoan hỷ công đức của mình:

- Mặc dầu bị thiên nữ này ngăn chặn, bạch đức Thế Tôn! Ngăn chặn chớ có phục vụ đức Phật, ngăn chặn chớ có bố thí, cúng dường. Nhưng giống như những ngọn gió đông, gió tây không lay chuyển đỉnh núi Tu-di như thế nào, tâm của con cũng kiên trì, bất động, vững chắc vào đức Thế Tôn, giáo pháp cùng tăng chúng cũng y như thế! Con đã an trú ở đấy với đức tin bất thối chuyển.

Mỉm nụ cười hoa sen bằng vàng ròng và hào quang sáu vòng từng đôi một, đức Đạo Sư tán thán công đức của trưởng giả và nói rằng, đấy là do nhờ tri kiến thanh tịnh của một thánh đệ tử, trạng thái tâm đã ổn định, đã nhập vào dòng đưa đến cõi bất tử.

Sau đó, đức Phật kể cho trưởng giả Cấp-cô-độc và thiên nữ nghe một tiền thân của ngài, trong quá khứ, vào cái thời chưa có vị Phật Chánh Đẳng Giác, vì muốn ngăn chặn sự bố thí của ngài đến một vị Độc Giác Phật, nên ác ma đã hoá hiện một hố sâu than hồng hừng hực lửa; tuy nhiên, ngài vẫn bước qua và chiến thắng. Rồi ngài tóm tắt như sau:

"- Ta bước vào địa ngục an toàn như bước vào ngôi nhà của chư thiên. Ta bước trên hố than hừng, đoá sen bừng nở, nhuỵ vàng và phấn hương trải gót chân ta... Ôi! Hy hữu thay là sự bố thí bất động tâm! Ôi bất diệt thay là đức tin

bất động tâm với thiện pháp”.

Quả thật, trưởng giả Cấp-cô-độc cũng xứng đáng được tán thán như vậy trong suốt cuộc đời làm công đức không mệt mỏi của ông. Như ngôi sao bắc đẩu rực rỡ chiếu sáng hằng đêm với một phương nhất định, cũng vậy, ông nêu gương cho hàng cư sĩ tại gia trên con đường phước sự và tiến đạo vậy.

Tôn Giả Sāriputta Thuyết Pháp Trợ Duyên Cấp-cô-độc Hóa Sanh Cung Trời Đẩu Suất

Gần hai chục năm ròng rã, đức Phật đã ưu ái an cư tại ngôi chùa Kỳ viên tâm huyết của ông. Và rất nhiều bài pháp thuộc lãnh vực cư sĩ, đức Thế Tôn cũng đã thuyết cho ông tại đây. Cả gia đình của ông là bà vợ, người em út, con trai, ba con gái và con dâu đều thâm tín Tam Bảo. Chuyện kể về lời nói của vị thiên nữ không lay động được tâm của người con trai và viên quản lý chứng tỏ điều đó. Có rất nhiều bài pháp đã được đức Phật đặc biệt thuyết riêng cho từng người một trong gia đình hiền thiện này.

Ngoài ra, ông còn có công dẫn rất nhiều bà con quyến thuộc, kẻ quen biết thân sơ đến quy y với đức Phật rồi sống an lạc trong giáo pháp này. Một lần, ông đã dẫn đến năm trăm người bạn, đặt họ trên tam quy và hướng dẫn họ sống đúng với chánh pháp. Khi đức Phật rời Sāvatthi, năm trăm người này lại phá vỡ tam quy, quy y theo ngoại đạo. Lâu sau, đức Thế Tôn trở lại Kỳ viên, ông mời năm trăm người

bạn trở lại nghe pháp. Cuối bài giảng, cả năm trăm nam cư sĩ đều chứng quả Dự lưu.

Hạt Bồ-đề chín đang rụng xuống được tôn giả Mahā Moggallāna dùng thần thông hứng lấy tại cội cây giác ngộ bên sông Ni-liên, được gieo ươm tại Kỳ viên tịnh xá, chính là do công của ông bạch với đại đức Ānanda xin Phật cho phép để cho cận sự nam nữ có nơi để đảnh lễ, cúng dường, tỏ lòng ngưỡng mộ những khi đức Phật đi hoằng hóa phương xa.

Trưởng giả Cấp-cô-độc thường được đức Phật và hàng cư sĩ tin cậy, nên ông thường tỏ ra làm đại diện cư sĩ một cách xứng đáng, góp ý xây dựng giáo hội và giải quyết những phật sự thuộc lãnh vực cư sĩ. Ông và đại nữ thí chủ Visākhā là hai cánh tay đắc lực, thiết yếu trong việc làm cho toàn hảo căn nhà giáo pháp vậy.

Lúc cảm thấy không còn sống được nữa, ông gởi người đến bạch đức Phật hay rằng, bệnh tình đã đến hồi trầm trọng, ông kính cẩn đảnh lễ đức Phật và thỉnh cầu đại đức Sāriputta mở lượng bi mẫn, đến thăm ông trước khi ông nhắm mắt. Đại đức Sāriputta và đại đức Ānanda cùng đến han hỏi bệnh tình. Ông thưa rằng, ông đang đau đớn vô cùng và không thấy dấu hiệu thuyên giảm.

Đại đức Sāriputta liền thuyết cho ông nghe một bài pháp cao siêu, nói về lục căn, lục trần và những cảm thọ vô thường, trống không của nó như thế nào; rồi khuyên ông nên an trú tâm vào *"chân lý như thực"* sau đây:

"- Này trưởng giả kính mến! Hãy ghi nhận theo lời ta

mà niệm như thế này: Này hỡi người thợ sinh diệt! Ta không còn dính mắc với đôi mắt, với lỗ tai, với cái lưỡi, lỗ mũi và làn da xúc cảm nữa! Ngươi cứ không ngưng nghỉ tạo ra những cảm thọ trống không vô vị. Ngươi không làm gì được ta đâu! Này hỡi người thợ sinh diệt! Những ảo ảnh do ngươi tạo ra, ta đã nhìn thấy rồi. Những cái gọi là vừa lòng, êm ái, khoái lạc, ngon ngọt, thỏa thích, khả hỷ, khả ý từ lâu đã quyến dụ ta, mê hoặc ta thật nguy hiểm. Tất cả đều phân ly, tan rã dẫu thân này hay thân khác, dẫu thế giới này hay thế giới khác, không bao giờ có việc thường còn và bất hoại đâu. Tất cả đều là đau khổ và phiền não.

Này hỡi người thợ sinh diệt! Ta đã từng tu tập như vậy, ta hiện đang tu tập như vậy, ta đã an trú như vậy, thì ngươi làm gì nổi ta?"

Nghe xong thời pháp, trưởng giả Cấp-cô-độc ràn rụa nước mắt. Đại đức Ānanda thấy vậy, hỏi có phải ông lo sợ tử thần nên tinh thần trở nên suy nhược không?

- Kính bạch đại đức*! Ông trả lời* - Thật không phải vậy, tinh thần con không chút giảm suy; mà hiện giờ là đang phấn chấn, đang an trú, đang hoan hỷ là khác. Ấy chỉ vì mặc dầu đã nghe rất nhiều bài pháp do đức Tôn Sư giảng, con chưa hề được nghe một thời pháp cao siêu như thế này!

Đại đức Sāriputta giải thích:

- Trưởng giả quả thật là đặc biệt, ta mới thuyết cho nghe bài pháp cao siêu như thế. Ngay chính trong tăng chúng, đức Thế Tôn cũng chỉ thuyết đến cho những tỳ-kheo tiến

bộ mà thôi. Thuyết cho hàng cư sĩ, họ sẽ không thấu hiểu.

Trưởng giả Cấp-cô-độc cảm xúc rơi nước mắt, tri ân xiết bao về sự đối xử đặc biệt đó. Nhưng nhân cơ hội ấy, ông cũng thỉnh cầu xin đại đức Sāriputta cứ truyền bá giáo pháp cao siêu kia cho hàng tại gia. Vì cũng có những cư sĩ ít bụi cát, có trí tuệ sẽ lãnh hội được.

Khi hai vị đệ tử của đức Phật vừa ra về thì ông Cấp-cô-độc thở hơi thở cuối cùng. Và tức khắc, tái sanh vào cung trời Đẩu Suất

Đêm ấy, vị trời Cấp-cô-độc từ cung trời Đẩu Suất trở về tịnh xá Kỳ viên, hào quang của ngài chiếu ngời, sáng cả khu vườn. Ngài đảnh lễ đức Phật, tán dương phẩm hạnh và tài đức của đại đức Sāriputta. Sau đó, ngài cũng bày tỏ niềm hân hoan được gặp lại đức Phật và chư tăng trong tịnh xá do ngài kiến tạo với bài kệ ngôn:

"- Đây là rừng Kỳ-đà,

Trú xứ của tăng-già;

Đấng Pháp Vương lưu ngự,

Ban hoan hỷ cho ra;

Hiểu và hành chơn chính,

Sống giới đức viên mãn;

Nên chúng sanh thanh tịnh,

Không phải do giai cấp,

Không phải vì tài sản;

Do vậy, bậc thiện trí,

Vì lợi ích chính mình;

Nên thẩm sát giáo pháp,

Để tâm được thanh tịnh;

Ngài Sāriputta,

Với tuệ sâu, giới tịnh;

Với thánh tâm tịch tĩnh,

Ngay cả vị tỳ-khưu;

Đã giải thoát tối thắng,

Cũng không thể hơn ngài!"

Tuyên kệ xong, vị trời trẻ thân phải hướng về đức Thế Tôn để tỏ lòng tôn kính rồi biến mất giữa không trung.

Ngày hôm sau, đức Phật thuật lại chuyện này cho đại chúng, ngay lập tức, tôn giả Ānanda phát biểu:

- Bạch Thế Tôn! Vị trời trẻ ấy chắc chắn là trưởng giả Cấp-cô-độc rồi, bởi vì vị cư sĩ này có lòng tịnh tín trọn vẹn vào tôn huynh Sāriputta.

Và đức Tôn Sư đã xác nhận:

- Lành thay, Ānanda! Đúng là vậy. Ông đã suy luận rất chính xác. Vị trời trẻ ấy chính là Anāthapiṇḍika chứ không phải là ai khác[1].

---

[1] *Xem Suttanipāta 2: 20, Majjhima Nikaya 143.*

Vị Thứ Mười Lăm

Đức Vua Seniya Bimbisāra

Vị Thánh Cư Sĩ Trí Hiền

Địa Lý Rājagaha

Māgadha là một đế quốc rộng lớn, hùng cường và giàu mạnh. Kinh thành Rājagaha nằm giữa một thung lũng mênh mông được bao quanh bởi nhiều dãy núi. Kéo chênh từ hướng tây nam lên hướng đông bắc là hai dãy núi Vaibhāra và Virgāla như một bức tường thành. Phía cuối của núi Virgāla lại mọc ra dãy núi Rāma đâm thẳng góc xuống hướng nam. Sau đó, dãy núi Chattha lại đâm thẳng góc với Rāma rồi đổ về hướng đông. Xa về phía nam là dãy núi Udāya, đổ xuôi về tây nam lại bắt gặp núi Sona hùng vĩ. Cả hai dãy núi này như song song với hai dãy núi Vaibhāra và Virgāla - nghĩa là kéo dài từ đông bắc xuống tây nam.

Vậy là kinh thành Rājagaha nằm trong một thung lũng hình chữ Z, được bao bọc bởi hai bức tường thành. Bức tường ngoại thành là vành đai khổng lồ, đá dựng lô nhô cùng với rừng xanh bát ngát. Với sức người, sức của, thời gian, công phu xây dựng bức tường đá vĩ đại như thế quả thật chỉ có ý chí của một đế quốc mới làm nổi. Nó bạo liệt cắt ngang núi Sona, chạy dài qua sông suối, bình nguyên, vượt lên núi Vaibhāra, chạy theo đường *"dông"* của núi

này, đến hết núi Virgāla. Từ đây, đổ về nam, nó xuôi mãi, trượt lên núi Udāya, rồi theo đường *"dông"* của núi này xuôi về tây nam. Chu vi bức tường ngoại thành nghe đâu không lớn lắm, chỉ độ chừng ba bốn do-tuần nhưng có lẽ là công trình vĩ đại thời bấy giờ.

Bức tường nội thành bao quanh cổ thành Giribbāya, là nơi biệt lập của hoàng cung, kế đó là dinh cơ của hoàng gia, quý tộc, các đại thần, quan lại, võ tướng... Từ đó, các con đường lát đá, xa rộng ra là phố phường sầm uất của giai cấp phệ-xá, quý tộc làm thương mãi, thị dân giàu có với hàng trăm, hàng ngàn tiệm tạp hóa. Rồi còn xưởng rèn đúc vũ khí, dinh xưởng quân trang, quân dụng của hoàng gia, chiến sĩ. Cung vua được xây dựng bằng nền đá, tường đá; nhưng kết cấu các tòa nhà, dinh thự, lâu đài lại bằng gỗ quý.

Vùng thung lũng trải rộng giữa nội ngoại thành là làng xóm, nhà cửa của giới trung lưu, gồm tất cả mọi ngành nghề khác. Đây là vựa lúa, vựa trái cây, rau cải... cũng là nơi chăn thả gia súc như dê, bò, cừu... Có cả những trại nuôi ngựa, voi cho hoàng gia và chiến sĩ. Điểm xuyết giữa thung lũng này là trang trại lớn của một số đại thần, quý tộc, kỹ nữ, võ tướng... Nhiều nhất là những vườn xoài, vườn cây thuốc, vườn đinh hương, hồi hương, chà là, các loại đậu, củ... Riêng cây thốt nốt làm đường, mật thì ở đâu cũng có, hàng hàng lớp lớp bao quanh xóm nhà, quanh công viên, dọc theo xa lộ thương mại...

Giữa khoảng hở của các ngọn núi là những cổng thành cao lớn, kiên cố. Cổng đi lên phía bắc được gọi là cổng bắc.

Tương tợ thế, cổng đông, cổng nam...

Như vậy, địa thế của Rājagaha được phòng thủ một cách kiên cố và vững mạnh, không có quân đội nước nào xâm nhập nổi nên tạo được thế hùng cường và giàu mạnh dài lâu[1].

Tình Hình Tôn Giáo, Tín Ngưỡng

Nhờ giàu sang và thịnh vượng như vậy nên đất nước này là nơi hội tụ nhiều sắc màu của các giáo phái khác nhau. Quả thật là nơi này quyền uy của thánh kinh Veda và Áo-nghĩa-thư đã bị lung lay. Có những phong trào muốn đi tìm những giá trị tâm linh mới, con đường mới. Một số đã đi quá đà, rơi vào duy vật luận thô thiển, ngụy biện, hý luận, đoạn diệt kiến trở thành tà đạo nhưng vẫn tồn tại, vẫn được rao giảng đó đây. Ai nghe thì nghe. Ai tin thì tin. Ai không nghe, không tin thì thôi, chẳng đụng chạm đến ai cả. Đúng là trăm hoa đua nở, nên kinh thành này, thời này được xem là đỉnh cao của triết đạo học.

Các đạo sĩ truyền thống rao giảng kinh Veda nhưng theo kiến giải của Vedantā cho phù hợp với thời đại mới. Một số trong các vị này muốn giữ lại một ít *"mật truyền"* có lợi cho các tế sư để họ độc quyền liên hệ với thần linh. Nói chung, họ cũng tìm về nhất thể nhưng lý luận dài dòng, úp mở, nhiều mâu thuẫn. Vả lại, kể cả Veda, kể cả những quyển kinh cổ xưa của dòng dõi Aryan, kiến thức của bọn họ cũng chắp vá, đứt

---

[1] Chừng 168 - 180 năm sau Phật Nhập diệt, quân đội A-lịch-sơn đại đế ba lần tấn công ba lần bị đẩy lui, thất bại, phải rút về.

nối... Brāhman, Ātman... những cái ngã thường tại, bất tử... đồng với hư không, đồng một với hạt cải, hạt sung, hạt mè... Có giáo phái nói về nghiệp, tham dục, vô minh... là công của các nhà luận giải đi sau Veda. Rất nhiều giáo thuyết về duy vật luận, đoạn kiến, hư vô chủ nghĩa... Họ phủ nhận sự hiện hữu của thượng đế, linh hồn, chủ trương không có thiện ác, khi thân xác thiêu rồi thì chẳng còn gì nữa. Vậy hãy hưởng thụ dục lạc cho sung sướng. Họ chỉ trích các đạo sĩ khổ hạnh diệt dục: *"Này bạn! Bạn muốn quăng bỏ cả hạt thóc vì bên ngoài bao bọc vỏ trấu chăng? Hành hạ thân xác quả là đồ khùng, đồ điên!"* Lạ lùng làm sao, là với chủ trương như vậy họ vẫn không được mọi người xem là đối kháng xã hội, hoặc *"phi đạo đức",* có hại cho nhân sinh. Một số khác tuyên bố xanh rờn về học thuyết *"hoài nghi chủ nghĩa"*. Họ hoài nghi linh hồn, thượng đế, thánh thần, thiện ác, các giá trị đức lý, định mạng... Họ hoài nghi tất tần tật. Chúng nhung nhúc, nhan nhản, mọc lên tươi tốt như nấm sau vài trận mưa cuối mùa hè. Họ đi từng đoàn, từng lũ, đả phá giáo phái truyền thống, đền miếu, tập cấp bà-la-môn và các tế sư. Nhưng quả lạ lùng làm sao, dân chúng lại thích nghe họ nói, khoái chí cúng dường, cung cấp tứ sự đầy đủ. Có lẽ đây là phản ứng nghịch để tạo sự quân bình cho xã hội. Các ông bà-la-môn trịnh trọng, đạo mạo, nghiêm trang từ lâu đã bóc lột họ quá nhiều trong các cuộc tế lễ, ma chay; chủ ruộng đất, chủ các trang trại của các bà-la-môn lại sử dụng sức lao động của nông nô với giá chết đói, cũng tương tự thế.

Còn ta-bà khổ hạnh sư thì quá nhiều, từ khổ hạnh thô tháo đến khổ hạnh cực đoan nhất. Và nói chung, mọi hình

thức khổ hạnh đều được dân chúng trọng vọng, sùng mộ. Dấu hiệu chung của các đạo sĩ khổ hạnh là từ bỏ gia đình, vợ con, tài sản, tự do để râu tóc, tự do mặc nhiều kiểu y áo khác nhau, hoặc tự do chỉ che chút ít cho có lệ! Tùy. Riêng có nhóm cứ để trần truồng, lõa thể, thì họ thường ẩn dật trong rừng rậm hoặc nơi xa xóm làng để khỏi quấy rầy mọi người, nhất là đàn bà, con gái. Vị nào khổ hạnh kỳ quái nhất, dị hợm nhất thì được mọi người nể trọng nhất. Làng xóm sẽ tự hào về họ, xem họ như bậc thánh.

Có vị tu khổ hạnh với mục đích chẳng tốt đẹp gì: Chỉ để cho oai, cho ghê gớm một cách hiếu danh, một cách phô trương bản ngã.

Có vị tu khổ hạnh với mục đích mong cầu đánh đổi phúc lạc ở đời sau, sung sướng gấp trăm ngàn lần bây giờ.

Có vị tu khổ hạnh thiền định để sau này bay được như chim, qua sông không cần đò, thuyền. Hoặc đi xuyên tường, độn thổ, biết rõ chuyện quá khứ, vị lai.

Có những vị cao thượng hơn, là khổ hạnh để diệt dục, để giải thoát kiếp người, mong sau này cộng trú với chư thiên, phạm thiên hay thể nhập với thượng đế.

Tất cả họ có nhiều cách hành hạ thân xác thật khủng khiếp. Khổ hạnh như bò thì làm hai cái sừng bò trên đầu, cột đuôi bò phía sau, sống giữa bầy bò, ăn như bò, đi như bò, ngủ như bò. Khổ hạnh như chó thì sống như chó, đi như chó, ăn dưới đất, sủa gâu gâu và nằm ngủ cũng cuộn mình như chó. Khổ hạnh kiểu nhịn ăn thì nhịn ăn cho tới chết.

Có vị nửa tuần trăng mới ăn một lần. Có vị chỉ ăn một lần vào cuối mùa trăng. Có vị ngâm dưới nước suốt ngày. Có vị tự treo chân, treo tay lên trên cây cho đến khi teo chân, teo tay luôn! Có người cột mình lên cây bằng một sợi dây, mỗi ngày vài khắc như thế. Có vị luôn luôn ngồi chồm hổm và chỉ ăn cái gì rơi vãi xung quanh. Có kẻ đứng một chân, đứng mãi đứng hoài mặc cho cây leo mọc xung quanh, chim làm tổ trên đầu. Có kẻ suốt đời không ngủ. Có người nằm trên giường đinh hoặc nằm trên đống gai tua tủa. Có vị tự cắt bớt một tay, cắt bớt một chân. Có kẻ bẻ gãy nó rồi lấy dây cột lại mặc cho nó thối rữa với dòi bọ đục khoét... Tuy nhiên, đa phần các khổ hạnh sư này có tu tập thiền định, họ có tự chủ - nên sự đau đớn về thể xác họ chịu đựng được. Người ta nể sợ họ về khả năng đó.

Khắp xứ Māgadha, các đạo sĩ lang thang với cái bát xin ăn đã trở thành hình ảnh quen thuộc. Thỉnh thoảng, vì tranh danh, đoạt lợi lại có vài ba cuộc đụng độ. Hãy lắng nghe họ nói, họ ngụy biện, họ bài bác, xách mé người khác mà chẳng đưa ra một ý tưởng khả dĩ là có kiến thức. Có kẻ say sưa nói về định mệnh thuyết. Theo đó, cái ăn, cái mặc, ngủ nghỉ, tư duy, vui khổ... không thể cải biến, không thể thay đổi được. Tuy nhiên, chẳng ai trung thành với ai cả. Họ tùy nghi gia nhập nhóm này, một thời gian lại chạy sang nhóm khác. Họ thay đổi "*guru*" (thầy) như thay đổi món ăn. Tại kinh thành Rājagaha và các thị trấn thường có những căn nhà hội, là tụ điểm để cho muôn phương du sĩ, khất sĩ lang thang trú mưa nắng. Và thường là nơi xảy ra các cuộc tranh luận. Ai nói hay, thắng cuộc thì được vua chúa, các triệu

phú gia, chủ ngân hàng, đại thương gia tặng nhiều vàng bạc, gia súc...

Khái quát, hình dung toàn bộ sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng, sự thực hành, chí hướng, mục đích, con đường của giới du sĩ, đạo sĩ tại đất nước Māgadha, kinh thành Rājagaha là như vậy.

Duyên Đức Vua Hội Ngộ Siddhattha

Hôm ấy, du sĩ Siddhattha từ bỏ vị thầy thứ nhất đang đến quốc độ Māgadha tìm đến đạo tràng của vị thầy thứ hai; chàng ôm bát, thong thả đi theo con đường mòn ruột dê xuống chân núi. Vừa đi chàng vừa trú niệm hơi thở để tìm lại sự thanh thản tâm hồn. Đây là con đường dẫn đến cổ thành Giribbāja có hoàng thành, cung điện của đức vua Sineya Bimbisāra nổi danh. Ở đây, dinh thự tiếp dinh thự, lâu đài tiếp lâu đài. Hình ảnh mấy tòa Cung Vui lại hiện ra nhưng Siddhattha an trú niệm được ngay.

Dáng dấp Siddhattha cao to, sang trọng, nước da như mạ vàng ròng, lại với bước đi trầm tĩnh, uy nghi... làm cho ai cũng phải chú ý, ngước đầu lên nhìn. Ở kinh thành này chưa có bóng dáng vị đạo sĩ nào khả dĩ thu hút mọi người đến thế! Là một vị xuất gia với giống dòng thượng đẳng, với bước đi khoan thai, ổn định, kiêu hùng như chúa sơn lâm... thế kia thì mọi người mới thấy lần đầu.

Siddhattha dừng lại, tầm mắt nhìn xuống, nghiêng người, đứng trước một ngôi nhà, không phân biệt họ giàu

nghèo ra sao. Chàng trú niệm, không gian xung quanh bỗng yên lặng. Dường như những giọng nói, tiếng cười từ đâu đó cũng ngưng dứt. Một người, hai người, ba người rồi bốn người lặng lẽ ra đặt bát. Có lẽ là những món thượng vị đầy trân trọng. Thấy đã vừa đủ, Siddhattha lấy tay ngăn lại, thầm đọc vài ba lời quán tưởng và chú nguyện rồi quay lưng, bước đi, trở về bằng lối khác.

Lúc ấy, có một cỗ xe bốn ngựa trắng đang chậm rãi đi ngang, đức vua Sineya Bimbisāra vén rèm, chăm chú nhìn tướng mạo, phong thái, bước đi của Siddhattha, ông tưởng là *vị thiên thần* nào. Ông ngẩn ngơ. Sao trên đời lại có vị đạo sĩ với sắc tướng, dung mạo, cử chỉ, bước đi... lại cao sang quý phái đến như thế. Đẹp đến lạ lùng! Như sực tỉnh, đức vua Sineya Bimbisāra sai một tên quân hầu bí mật theo dõi Siddhattha xem chàng về đâu, nghỉ ở đền miếu, quán xá nào... rồi về tâu lại cho đức vua hay.

Xế chiều hôm đó, đức vua Sineya Bimbisāra thắng cỗ xe bốn ngựa trắng, dừng lại dưới chân đồi Paṇḍavā. Đức vua chậm rãi leo lên núi cùng với một tên thị vệ.

Siddhattha đang ngồi thiền trong bóng râm, hào quang như tỏa sáng từ khuôn mặt. Có một cái gì tôn nghiêm, tĩnh lặng tỏa ra xung quanh làm cho đức vua không dám cất tiếng. Ông đứng vòng tay tỏ vẻ kính cẩn. Lát sau, như có con mắt thứ ba, Siddhattha biết có khách nên chàng xả thiền. Nhìn vóc dáng bệ vệ, oai nghiêm, trang phục sáng ngời châu báu như... mình thuở nào, Siddhattha biết đấy là đức vua Sineya Bimbisāra nổi tiếng châu Diêm-phù-đề.

Rất tự nhiên, Siddhattha gật đầu chào, mỉm cười, chỉ đức vua chỗ ngồi trên phiến đá phẳng, còn chàng thì tìm chỗ ngồi đối diện.

Siddhattha điềm đạm nói:

- Phải chăng điện hạ là quốc vương Māgadha nổi danh đương đại? Xin ngài bỏ lỗi, là sa-môn nên tôi không thể làm lễ ra mắt như kiểu quần thần.

Đức vua gật đầu:

- Phải vậy. Trẫm là Sineya Bimbisāra, hôm nay đến đây rất lấy làm vinh hạnh được thăm viếng ngài sa-môn. Chẳng hay, ngài là ai? Là thọ thần? Là chư thiên? Là phạm thiên? Tướng mạo của ngài rất phi phàm, rất khác tục vậy.

Siddhattha cười nhẹ:

- Tôi là người phàm tục, tâu đại vương. Lại nữa, lộ trình tầm đạo còn nhiêu khê, tối tăm, đâu xứng đáng để đức vua oai hùng coi trọng đến thế!

Thấy lời lẽ thanh cao, ngôn ngữ lưu loát, lịch thiệp, đức vua đoán đây không phải là kẻ tầm thường, bèn tâm sự:

- Ôi! Trẫm lên ngôi từ tấm bé, lúc phụ hoàng của trẫm mất. Mới mười bốn tuổi mà phải làm người lớn, phải chính đính, trang nghiêm, mẫu mực để cầm quyền trị nước. Năm nay trẫm hai mươi bốn tuổi. Vậy là đã suốt mười năm, trẫm không có tuổi thơ, không có sự hồn nhiên; lúc nào cũng phải lo nghĩ, tính toan trăm việc, không có niềm vui, không có nụ cười! Bao nhiêu năm qua, trẫm không hề có một người

bạn để hàn huyên tâm sự. Xung quanh hàng trăm người, lúc nào cũng khúm núm, chào thưa, tuân phục, bách tuế, vạn tuế... Cũng chẳng trách họ được vì đó là luật lệ của triều đình, vì quyền uy của trẫm là tuyệt đối. Nhưng mà kỳ lạ làm sao, sáng nay, vừa thoáng thấy sa-môn, trẫm liền có cảm giác như là một người bạn thân lưu lạc từ kiếp nào. Trẫm ước ao rằng, sa-môn hãy cùng về với trẫm, làm bạn với trẫm. Với vừng trán, đôi mắt, ngôn ngữ, nụ cười... ở nơi sa-môn, trẫm biết chắc sa-môn là người ưu việt, thông tuệ, trí tài, đức hạnh đều vượt bậc, vượt xa con người. Nếu có sa-môn bên cạnh tham mưu, cố vấn, trẫm biết chắc nước nhà sẽ hùng cường, giàu mạnh và muôn dân sẽ ấm no, hạnh phúc hơn nữa.

Siddhattha quan sát đức vua, thấy ông ta có vẻ chí tình, lại có phong độ của bậc minh quân, chàng dịu dàng nói:

- Cảm ơn những lời vàng ngọc của đại vương! Nhưng tôi đã quen đời sống độc cư, thích chỗ hoang vu, u tĩnh của núi rừng mất rồi. Chốn hoàng thành hoa lệ không còn thích hợp với tôi nữa đâu.

- Đời sống sa-môn không cửa, không nhà cực khổ quá. Vật thực xin ăn tùy thí chủ, đâu có đủ dưỡng chất cần thiết cho cơ thể. Mặc thì chỉ có một manh áo mỏng. Nằm ngủ thì chẳng có giường chiếu, chăn màn. Thôi, hãy về thành với trẫm đi, trẫm sẽ tặng một cung điện cao sang và tiện nghi nhất. Trẫm lại còn lựa chọn cho vài chục mỹ nữ xinh đẹp nhất thành Rājagaha làm kẻ hầu người hạ xung quanh. Họ sẽ nâng khăn, sửa túi, xếp gối, giăng màn...

Siddhattha cúi đầu, nhũn nhặn:

- Xin trân trọng tấm lòng và thiện ý của đại vương. Quả thật đấy là đặc ân tối thượng của đại vương. Nhưng tôi không quen với đời sống ấy. *Tôi đang đi tìm ý nghĩa và giá trị vĩnh hằng của đời sống con người. Tôi sẽ tìm cho ra đạo lộ bất tử để cứu khổ cho muôn sinh.* Đấy mới là mục đích của tôi, tâu đại vương!

Đức vua Sineya Bimbisāra vẫn chưa chịu thua, muốn thuyết phục nữa, nhưng chậm rãi hỏi:

- Sa-môn năm nay bao nhiêu tuổi rồi?

- Thưa, hai mươi chín tuổi.

- Ồ, vậy là còn trẻ quá. Chỉ lớn hơn trẫm có năm tuổi. Thôi, thế này vậy. Cùng về với trẫm đi, trẫm sẽ chia cho sa-môn một nửa giang sơn, cả hai ta sẽ cùng nhau cai trị và hưởng phúc. Ít chục năm sau, khi tuổi già, sức yếu, mọi lạc thú trên đời đều đã nhàm chán thì cứ giao lại hết cho trẫm, rồi đi xuất gia cũng chưa muộn gì.

Siddhattha mỉm cười nụ, *phê bình* nhẹ nhàng:

- Đại vương nói không được đúng rồi! Con đường tu tập không đơn giản. Là lộ trình của chông gai, khổ luyện. Cần phải có sức vóc, ý chí, nghị lực... mới đi được tới nơi, tới chốn. Vậy đi xuất gia phải cần có nhiệt huyết và sức thanh xuân của tuổi trẻ. Nếu để già mới đi xuất gia, sẽ không thành tựu được gì, chỉ tìm được chút nhàn cư và bình an, tĩnh tại bên ngoài mà thôi. Còn khó khăn hơn nữa là hiện nay, sự tìm kiếm của tôi: Mục đích, con đường chưa hề có

trên thế gian này, nên hành trang, tư lương lên đường cần có ý chí và nghị lực bất thối. Còn khó khăn vạn trùng. Và chỉ có tuổi trẻ mới làm được. Xin bệ hạ hãy tha thứ cho tôi, hãy cho tôi đi theo con đường mà mình đã chọn.

Đức vua Sineya Bimbisāra gật gù:

- Quả là hùng biện! Quả là hay! Thật là ngôn lời kiên định như đá tảng! Trẫm mới nghe lần thứ nhất trong đời. Và cũng là thứ nhất trong đời, có người được chia cho nửa giang sơn, cung điện, mỹ nữ, quyền uy mà không hề động tâm.

Nghĩ ngợi một lát, đức vua tiếp:

- Với con người như sa-môn, lập luận đanh thép, ý chí đanh thép, vừng trán cao phẳng, đôi mắt xanh trong thế kia thì chẳng có khó khăn nào mà sa-môn không thành tựu được kể cả là làm Chuyển luân vương toàn cõi châu Diêm-phù-đề này. Trẫm không bắt lỗi đâu, trẫm kính trọng và sự ngưỡng mộ được nhân lên nhiều lần nữa là khác.

Nhìn thần sắc an nhiên, trầm tĩnh của Siddhattha, đức vua chợt hỏi:

- Trẫm hơi tò mò, vậy chẳng hay sa-môn là người xứ nào, xuất thân, dòng dõi thế nào, có thể cho trẫm biết với chăng?

- Dạ được, không sao! *Siddhattha nói* - Xa về hướng tây bắc, dưới chân Himalaya hùng vĩ, có một gia tộc Sākya cổ kính, dòng dõi thái dương anh hùng, kinh thành Kapilavatthu nhỏ bé, hiền hòa, là quê hương của tôi đấy!

- Ồ!

- Tên tôi là Siddhattha, họ Gotama, thái tử con vua Suddhodana còn tại tiền, mẹ là hoàng hậu MahāMāyā đã mất. Tôi lập gia đình lúc mười sáu tuổi, có được một con trai nhỏ...

- Cứ kể tiếp đi, sa-môn, trẫm muốn nghe!

- Từ lâu, tôi đã chán nản xa hoa ngũ dục ở ba tòa Cung Vui; lại còn sợ buộc ràng lúc phụ hoàng chọn ngày đăng quang vương vị nên đã trốn mọi người, rời khỏi kinh thành, xuất gia tầm đạo lúc nửa đêm, cách đây non vài tháng, tâu đại vương!

Vua ngạc nhiên quá, thốt lên:

- Hóa ra sa-môn là một vị vua! Một vị vua đã khẳng khái phất tay từ bỏ vương vị, vợ đẹp, con xinh! Vậy là trẫm đã thất lễ. Trẫm đã lấy lợi danh, quyền uy, ngũ dục để quyến rũ người đã từ bỏ ngũ dục, danh lợi và quyền uy.

Đức vua lại xuống giọng, thân thiện:

- Vương quốc Sākya hiền hòa với Māgadha của trẫm là chỗ thân quen từ nhiều đời. Từ đây đến đó chừng sáu bảy mươi do-tuần, không xa lắm. Vị đại vương Kosala oai hùng kế cạnh, đức vua Pāsenadi, cũng là chỗ thâm giao. Không giấu gì sa-môn, hoàng hậu của trẫm là em ruột của đức vua Pāsenadi. Lại nữa, trẫm sẽ có một chính sách ngoại giao với Kosala để cho Kapilavatthu được yên bình. Sa-môn đừng ngại gì cả. Hãy đi theo con đường của mình. Nhưng trẫm mong rằng, sa-môn hãy xem trẫm là bạn. Sau này, lúc nào tìm ra đạo lớn, sa-môn hãy ghé thăm quốc độ của trẫm để

cho trẫm được cúng dường tứ sự. Trẫm cất lời hứa thiêng liêng, là sẽ ở bên cạnh, làm cánh tay phải, hộ trì *"cái đạo bất tử"* của sa-môn, được phát triển mạnh mẽ trong quốc độ này.

Siddhattha thấy vị vua trẻ tuổi, đầy quyền uy hiển hách mà hạ mình như vậy, bèn vô cùng trân trọng hứa khả, sau này đắc đạo sẽ trở lại xứ sở phồn vinh này.

Đức vua Seniya Bimbisāra cúi chào, từ giã, xuống núi. Siddhattha cũng chuẩn bị rời chỗ, chàng không muốn nhận thêm một ân sủng nào nữa của đức vua cũng như hoàng gia xứ sở này. Biết chỗ, họ sẽ thăm viếng, tới lui. Rồi phải nói chuyện, chào hỏi, lắng nghe... làm mất của chàng biết bao thì giờ quý báu.

Chàng bước đi, lại theo đường mòn ruột dê, đến cổng thành phía đông nam, từ giã Rājagaha, đến núi khác: Có một đạo sư ở không xa đây lắm, chàng phải tìm đến.

Đức Vua Bimbisāra Gặp Phật

Sau khi đắc đạo quả vô thượng, đức Phật chuyển pháp ở vườn Nai, độ cho nhóm đạo sĩ Koṇḍañña năm vị, nhóm Yasa và năm mươi bốn bạn hữu thì ngài đã khuyên sáu mươi vị A-la-hán lên đường hoằng pháp, mỗi người mỗi phương, đừng đi chung nhau. Kế đó, đức Phật độ cho nhóm ba mươi vương tử xứ Kosala; sau đó nhiếp hóa ba anh em đạo sĩ Kassapa và một ngàn đồ chúng của họ, đức Phật chợt nghĩ đến lời hẹn với đức vua Sineya Bimbisāra nhiều năm về trước.

Dừng chân tại một ngôi rừng, thấy sinh hoạt của một ngàn đồ chúng có ba anh em đạo sĩ Kassapa hướng dẫn đã tạm thời đi vào quy củ, nền nếp; đức Phật thấy thời tiết có nắng nhẹ, trời không lạnh lắm, thuận lợi cho việc du hành nên quyết định rời Gayāsīsa, đến kinh đô Rājagaha, đường xa chừng sáu do-tuần.

Thấy đoàn sa-môn quá đông, khó khăn cho việc khất thực, đức Phật gợi ý với ba anh em Kassapa cho chúng đệ tử phân thành từng nhóm, mỗi nhóm chừng vài ba mươi người để đi độ thực rải rác các thôn làng. Vì đều là các bậc thánh nhân, ai cũng tỉnh giác, chánh niệm nên việc đến, việc đi, tá túc qua đêm chỗ này, chỗ kia đều sạch sẽ, tươm tất, không làm phiền đến ai, không làm tổn hại đến cả gốc cây ngọn cỏ. Tuy nhiên, đến ngày thứ năm, lúc gặp nhau tại một thung lũng, cách kinh thành chừng một do-tuần, đức Phật còn giáo giới thêm rằng:

- Nầy các thầy tỳ-khưu! Chúng ta sắp đi vào kinh đô của một vương quốc giàu mạnh. Giáo pháp mà Như Lai đã chứng ngộ và tuyên thuyết các thầy đã thấu hiểu, đã chứng nghiệm; và bây giờ, giáo pháp ấy đang và sẽ bắt đầu đi vào cuộc đời, đi vào lòng người. Nhân dân kinh thành Rājagaha và đức vua Sineya Bimbisāra cảm nhận về giáo pháp ấy như thế nào là tùy thuộc vào các thầy, tùy thuộc vào ngôn ngữ, khẩu giáo, tùy thuộc vào uy nghi, cốt cách, phong thái của các thầy! Như Lai nói ít nhưng các thầy sẽ hiểu nhiều! Hãy trân trọng!

Thế rồi, các nhóm tuần tự lên đường. Họ thâm hiểu lời

dạy của đức Thế Tôn. Tôn giả Uruvelā-Kassapa có kiến thức khá thấu đáo về tình hình địa lý cũng như tình hình xã hội kinh thành Rājagaha, đã bàn với hai em và các đệ tử trưởng là nên tụ họp ở khu Rừng Kè có đền thờ Suppatittha cho đức Phật nghỉ ngơi tại phía tây nam kinh thành; là nơi rộng rãi, mát mẻ, không gần mà cũng không xa thành phố, ban đêm và ban ngày đều không bị sự ồn ào quấy nhiễu.

Hôm sau, cả kinh thành như bừng sáng lên, và xôn xao bàn tán về một ngàn vị khất sĩ áo vàng trang nghiêm, thanh tịnh đi qua cửa mọi nhà không phân biệt giai cấp, quý tiện, giàu nghèo. Khi nhận được chút ít vật thực, họ chỉ mỉm cười rất kín đáo rồi đọc nhỏ một lời kinh phúc chúc, không gật đầu và cũng chẳng cảm ơn ai cả! Họ cũng không nhận vàng, bạc, chỉ thọ nhận vật thực đã nấu chín... Thế rồi, đức vua Sineya Bimbisāra được các quan trình tấu rằng:*" Sa-môn Gotama, nam tử dòng Sākya, sau sáu năm khổ hạnh, bây giờ tự xưng mình là Phật, là bậc Chánh Đẳng Giác hiện lãnh đạo một giáo đoàn có cả ngàn khất sĩ áo vàng đang tràn ngập kinh đô Rājagaha!"* Nghe tin, đức vua Sineya Bimbisāra chợt nghe một niềm vui lạ lùng bừng bừng trong huyết quản; và ông biết ngay đấy là ai! *" Đúng rồi!* Đức vua nghĩ - *Chỉ có người ấy, vị ấy, chàng trai anh tuấn, đẹp đẽ, quý phái ấy, sau nhiều năm lang thang tầm đạo, bây giờ đã chứng đạt được cái gì đó rất tối thượng, hiện đang đến kinh thành của ta đúng như lời hứa thuở trước!"* Tức tốc, đức vua tụ họp ngay một số quan đại thần kỳ lão thân tín, hằng trăm bà-la-môn và nhân sĩ trí thức uyên bác, các gia chủ danh gia vọng tộc cùng với đông đảo tùy tùng, vệ binh... rầm rộ lên xe ngựa đến khu Rừng Kè

để thăm viếng *cố nhân!*

Tại chỗ phải lễ, đức vua cho xe ngựa dừng lại rồi cùng với tùy tùng đi bộ vào, là thái độ kính trọng cần thiết, đã trở thành mỹ tục của quốc độ khi đức vua đi đến tham yết một vị Đạo Sư, một bậc giáo chủ uy danh! Biết tin đức vua đến, một người được xem là bạn cũ, một nhân vật quan trọng cho sự phát triển của giáo pháp sau này, đức Phật đã chuẩn bị sự đón tiếp. Một ngàn lẻ hai vị tỳ-khưu tự động ngồi trang nghiêm, lặng lẽ thành nhiều vòng bán nguyệt trên một khu đất rộng, còn đích thân ngài cùng với tôn giả Uruvelā-Kassapa đi bộ ra bìa rừng.

Khi thấy đức Phật và tôn giả Uruvelā-Kassapa đi gần đến nơi, đức vua đã nhận ra ngay ngài cùng một vị sa-môn già lão, đạo mạo khả kính; nhưng lại chợt đâm ra hồ nghi, chẳng rõ ai là người lãnh đạo giáo đoàn? Các quan đại thần và rất đông nhân sĩ trí thức đã nhận ra vị giáo chủ thờ thần lửa nổi tiếng bấy lâu nay bây giờ đã đổi phục sức, tướng mạo; chắc vị trưởng lão này là thầy của vị sa-môn trẻ trung kia!

Nhờ tha tâm thông, đức Phật đọc được sự suy nghĩ của đức vua và tùy tùng nên ngài quay sang hỏi tôn giả Uruvelā-Kassapa:

- Nầy hiền giả Uruvelā-Kassapa! Trước đây ông là giáo chủ bím tóc, thờ thần lửa, nay vì lý do gì mà ông lại từ bỏ sự thờ cúng ấy?

Biết được dụng ý câu hỏi của đức Phật và cũng muốn giải tan sự nghi ngờ của mọi người, tôn giả Uruvelā-Kassapa

chấp tay cung kính trả lời:

- Bạch đức Thế Tôn! Tất cả mọi loại tế đàn đều vô ích và phù phiếm! Tất cả mọi loại tế đàn đều đưa đến dục lạc và phiền não chứ không thể đưa đến an vui và thanh tịnh! Vì biết rõ, thấy rõ như vậy nên đệ tử đã từ bỏ việc tế thần lửa!

- Vậy sau khi từ bỏ các loại tế đàn, ông tìm kiếm an vui và thanh tịnh ở đâu?

- Chính là nhờ vào giáo pháp của Thế Tôn! Chính nhờ giáo pháp ấy mà đệ tử đã thoát ly tất cả mọi chấp thủ bên trong, bên ngoài, ở nhân giới cũng như thiên giới. Hiện giờ, tâm trí đệ tử đã đạt được sự an vui, thanh tịnh của Niết-bàn!

Nói như thế xong, tôn giả Uruvelā-Kassapa quỳ xuống và đảnh lễ ba lần sát chân đức Phật rồi tuyên bố ba lần: *"Đức Thế Tôn là đạo sư của con! Con là đệ tử của ngài!"* Dường như thấy vậy cũng chưa đủ để tuyên dương về đức Phật và đức pháp; tôn giả còn hiển lộng thần thông, bay lên hư không cao một tầm cây thốt nốt rồi trở xuống quỳ lạy y chỗ cũ; lần thứ hai bay lên hư không cao hai tầm cây thốt nốt... đến lần thứ bảy cao bảy tầm cây thốt nốt đều được lặp lại như vậy...

Cách đảnh lễ ngoạn mục và sự quy ngưỡng vô cùng tôn kính của tôn giả Uruvelā-Kassapa đối với đức Phật, không những xóa tan mọi nghi ngờ, không những xác định vị trí lãnh đạo tinh thần tối thắng của đức Phật mà còn tạo một ấn tượng sâu đậm trong tâm trí của đức vua và tùy tùng. Cái vị được gọi là Phật ấy phải là người có trí tuệ và uy đức như

thế nào; cái giáo pháp mà vị ấy chứng ngộ nó ra sao mà làm cho vị tôn túc trưởng lão kia, là giáo chủ có địa vị lớn, có danh vọng lớn phải thần phục, quy phục và quỳ lạy như thế?

Bây giờ mọi cặp mắt đều đổ dồn về phía đức Phật. Họ thầm lặng chiêm ngưỡng. Họ giữ gìn sự yên lặng trong mỗi bước chân đi. Khi vào đến nơi, giữa Rừng Kè, nhìn cả ngàn vị sa-môn như một rừng đại định, họ cảm nhận một uy lực vô hình bắt họ phải thu thúc, giữ gìn thân khẩu ý!

Đức Phật mời đức vua và tùy tùng ngồi vào những nơi phải lẽ, rồi ngài chậm rãi, đoan nghi ngồi xuống trên chỗ ngồi đã được soạn sẵn. Ba tôn giả Kassapa hầu sau lưng như ba trưởng lão hộ pháp!

Đức Phật nói vài lời thăm hỏi sức khỏe của đức vua, cảm kích sự viếng thăm của đức vua và quần thần, sau đó giới thiệu ba anh em tôn giả Kassapa cùng một ngàn đồ chúng của họ, bây giờ đều là bậc thánh nhân Vô lậu đang ở trong giáo pháp của ngài!

Đức vua Sineya Bimbisāra như chìm ngợp trong không gian tịnh định, bây giờ mới tỉnh lại, nói lời tri ân đức Phật đã nhớ lời hứa xưa đến thăm quốc độ của ông; và cả kinh thành này sẽ cung nghinh đức Phật và giáo đoàn như đón tiếp những bậc quốc khách! Đức vua cũng không quên giới thiệu các vị lão thần, các quan đại thần, các nhân sĩ trí thức đều là thành phần chủ chốt, cốt cán, quan trọng đang phụ tá, tham mưu triều chính về mọi lãnh vực tương thuộc cho ông. Và cuối cùng, đức vua có ước nguyện rằng, giáo pháp mà đức Phật đã chứng ngộ sẽ đem đến sự hạnh phúc và an

vui cho chúng sanh, cho nhiều người trong quốc độ xinh đẹp nầy...

Nghe Pháp Đắc Dự Lưu
Cùng Triều Thần Xin Quy Y

Biết là thời khắc phải lẽ, đức Phật thuyết một thời pháp, ngài nói về những pháp tuần tự (thuận thứ). Đầu tiên, ngài nói về những tạo tác sai lầm từ thân khẩu ý sẽ đưa đến những quả báo đau khổ như thế nào. Ngài hướng dẫn một đời sống trong sáng và lành mạnh bằng cách giữ gìn thân khẩu ý qua những giới điều cần phải thọ trì, những phương pháp định tâm cần phải tu tập. Hạnh phúc và an vui ở cõi người được quyết định bởi sự chu toàn các bổn phận tại thế. Ai cũng phải có những nghĩa vụ cần phải hoàn thành, những trách nhiệm liên đới cần phải gánh vác. Về vua tôi, cha con, chồng vợ, thân bằng quyến thuộc, bạn hữu, làng xóm, quốc độ... đều có những khu xử phải lẽ, nhất định của đạo làm người. Phải biết tin tưởng vào các giá trị tinh thần thiêng liêng, vào Như Lai, giáo pháp của Như Lai cùng tăng đoàn thánh hạnh của Như Lai (tín); phải sống đời có giới hạnh (giới); phải biết nghe những điều hay, lẽ phải, nhất là biết học hỏi giáo pháp của đạo giác ngộ nơi các bậc sa-môn chân chính (văn); phải biết cung kính, cúng dường Tam Bảo; tế độ, giúp đỡ những kẻ đói nghèo, hoạn nạn, tai ương, hoàn cảnh bất hạnh (thí); phải có trí tuệ biết lánh xa điều ác, làm các việc lành; phải thường trực sáng suốt và tỉnh thức trên lộ trình hướng thiện và hướng thượng (tuệ)... Đức Phật còn

nói khá nhiều về bản chất của cuộc đời như những sự thật phổ quát cần phải được thấy đúng, hiểu đúng. Khổ chính là sự thật phổ quát ấy! Đừng vì dục lạc, sân si và tham vọng mù quáng mà đánh mất những tỉnh niệm, giác niệm hằng ngày! Đấy là sự sai lầm. Và chính sự sai lầm này làm cho khổ chồng chất lên khổ mà tạo nên khổ đau vô cùng tận. Đạo của Như Lai là đạo tỉnh thức, đạo giác ngộ nên đạo ấy cần phải được thức tri, liễu tri, giác tri, minh tri tất thảy nguyên nhân của khổ để tìm cách làm cho yên lặng chúng, chấm dứt chúng, đoạn diệt chúng! Tất cả nỗi khổ của trần gian, đời này và đời kia đều do con người tạo tác, tạo tác bởi sai lầm thì chính con người phải tìm cách xử lý, giải quyết lấy bằng sự đúng đắn của thân khẩu ý để điều chỉnh nó, hoàn thiện nó; không có vị thần linh, thượng đế nào xen dự vào đấy cả. Thấy đúng đưa đến suy nghĩ đúng, hành động đúng! Và đạo lộ ấy, bát chánh đạo, Như Lai đã tìm ra, đã chứng ngộ; và giáo đoàn của Như Lai cũng đang trên con đường ấy mà tìm thấy niềm hạnh phúc siêu thế... Tuy nhiên, hạnh phúc siêu thế ấy không ở đâu xa, không ở ngoài trái đất, không ở trên hư vô! Đừng đi ra ngoài thế gian, mà cũng đừng tìm kiếm lông rùa, sừng thỏ! Nó ở đây và bây giờ, nơi Như Lai và ở nơi hội chúng của Như Lai, đang ở đây, trước mặt chư vị! Nó như mặt trời lên thì bóng đêm tự lui! Nó như ánh nắng rọi đến thì mù sương tan! Nó như mây vẹt thì trăng tỏ! Nó như mắt lành thì hoa đốm hết! Minh nhiên! Tự nhiên! Rỗng lặng! Chẳng có cái gì bớt mà cũng chẳng có cái gì thêm! Chỉ cần chúng ta thấy đúng như chân lý và sống đúng như chân lý trong từng bước đi, trong từng hơi

thở, trong từng khởi niệm thì chúng ta đã tự giải quyết được bài toán sinh tử trần ai, luân hồi khổ đau muôn vạn kiếp...

Từng lời, từng chữ của đức Thế Tôn như thấm vào tâm trí và tim gan của hội chúng. Đức vua Sineya Bimbisāra càng nghe thì trí càng bừng sáng, tâm càng rộng mở. Sự điều chỉnh bản thân đã có câu trả lời. Sự hạnh phúc và an vui cho mọi người đã có lời giải. Lộ trình hướng thiện và hướng thượng đã chợt trở nên thênh thang trước tầm mắt. Sung sướng quá, đức vua quỳ xuống, năm vóc sát đất, đảnh lễ đôi chân trần ngàn căm bánh xe của đức Thế Tôn:

- Bạch đức Thế Tôn! Thuở trước, hồi còn là một tiểu vương tử, đệ tử có năm điều nguyện ước. Ước nguyện thứ nhất là được kế vị ngôi vua! Ước nguyện thứ hai là được một vị Phật, một đức Chánh Đẳng Giác đến viếng thăm quốc độ của mình! Ước nguyện thứ ba là được có duyên lành diện kiến, kính ngưỡng, đón tiếp đức Chánh Đẳng Giác ấy! Ước nguyện thứ tư là được đức Giác Ngộ ấy giảng dạy chánh pháp! Ước nguyện thứ năm là có thể thông hiểu được giáo pháp mà vị ấy đã tuyên thuyết! Kính bạch đức Thế Tôn, mầu nhiệm làm sao, hiện nay cả năm điều nguyện ước xưa kia đều đã được thành tựu viên mãn. Ôi! Giáo pháp bất tử đã được đức Thế Tôn khéo giảng nói bằng nhiều cách khác nhau, rất là sáng tỏ, rất là thiêng liêng! Ví như Người đã dựng lên cái gì đã bị quăng ngã xuống! Ví như Người đã ân cần chỉ đường cho kẻ lạc lối! Ví như Người đã đem một ngọn đèn vào nơi tối tăm để ai có mắt có thể trông thấy hình sắc mọi vật! Cũng vậy, đức Thế Tôn đã thuyết giảng

chánh pháp với nhiều phương tiện thiện xảo, với nhiều ví dụ, hình ảnh sống động, cụ thể, với nhiều ẩn dụ sâu nhiệm dành cho kẻ trí nghe, tức khắc được chuyển hóa! Bạch đức Thế Tôn! Nay đệ tử xin nương tựa nơi đức Thế Tôn, nương tựa nơi giáo pháp, nương tựa nơi tăng đoàn thánh hạnh này! Xin đức Thế Tôn nhận cho đệ tử được làm một cận sự nam từ nay cho đến trọn đời!

Đức vua Sineya Bimbisāra vừa tác bạch xong tâm nguyện thì cả phái đoàn tùy tùng đồng quỳ xuống và đều xin được quy y, xin được làm đệ tử. Đức Phật mỉm cười, ngài biết là đức vua Bimbisāra và hoàng hậu Videhi đã có bất động tâm, đã bước chân vào đạo lộ An Vui nên bảo tôn giả Uruvelā-Kassapa hướng dẫn cho nhà vua, hoàng hậu, quần thần và tùy tùng đọc ba lần tam quy. Lời phát nguyện đồng tâm, đồng trí của mấy trăm người như rúng động cả rừng cây, vang vang giữa hư không! Sau đó, nhà vua thỉnh cầu đức Phật và tăng chúng quang lâm đến thọ trai ở hoàng cung ngày hôm sau. Đức Phật nhận lời bằng cách im lặng.

Đức Vua Bimbisāra Đón Phật Và Tăng Đoàn Tại Hoàng Cung

Sáng ngày, lúc bình minh rạng, với y bát trang nghiêm, đức Phật dẫn đầu, sau lưng là ba anh em tôn giả Kassapa cùng một ngàn vị tỳ-khưu lậu hoặc đã tận - từ từ, chậm rãi bộ hành hướng đến hoàng cung của đức vua Sineya Bimbisāra. Vì là đi hàng một nên đoàn sa-môn như một con rồng vàng

khổng lồ uốn lượn dài cả một phần mười do-tuần. Các thôn làng ngoại ô vừa khuất sau lưng, qua khỏi cổng thành nam thì đường phố đã hiện ra. Có lẽ sự nghinh đón đức Phật và giáo đoàn sa-môn của đức vua tối cao đã được thông báo từ chiều qua nên cả kinh thành như vào ngày hội lớn. Đường sá đã được dọn dẹp sạch sẽ, quang đãng. Đèn treo hoa kết khắp mọi nơi. Hương trầm, hương chiên-đàn thơm thoảng giữa không gian. Người người chầu chực trước cửa mọi nhà. Rồi chỉ trong chốc lát, hàng ngàn, hàng ngàn người lũ lượt từ đâu đó đổ về đông nghẹt các lối đi! Có lẽ thông tin về đức Phật có tướng hảo quang minh và cả ngàn vị sa-môn trang nghiêm thánh hạnh đã tràn qua tai nhân dân thủ đô nên ai ai cũng tò mò, ai ai cũng muốn chiêm ngưỡng! Đến một ngã tư đường, lối rẽ phải đi vào hoàng cung thì đức Phật phải dừng lại vì đoàn người đã chặn bít...

Đúng lúc ấy thì chợt có một thanh niên xuất hiện. Với phục sức y mão cao sang vương giả. Với dung nhan cực kỳ tuấn tú, mỹ lệ. Như một vị thiên thần. Như vua của các vị vua. Thanh niên cúi đầu nghiêm cung đảnh lễ đức Phật, cầm trên tay cây đàn Balūva nhiều dây rồi bắt đầu cất tiếng hát. Ôi! tiếng hát của chàng! Ôi! những ngón tay kỳ diệu của chàng! Âm nhạc và lời ca đâu tự cung trời thánh thót rơi xuống, đổ tràn khắp cả hư không! Cả rừng người bỗng yên lặng! Cả rừng người như chìm ngập trong thanh điệu, cung bậc lạ lùng! Tất cả như mê man. Tất cả chỉ còn tiếng hát và ca từ phiếu diễu, mênh mang, vô tận...

"- Hôm nay giữa đất trời thanh hương tú lệ,

Tại kinh thành của đức vua hiền thiện, anh minh;

Chuẩn bị hoa hương và lễ phẩm cung nghinh,

Đức Giác Ngộ và một ngàn sa-môn thánh chúng;

Đức Phật ấy có hào quang xán lạn,

Có ba mươi hai quý tướng và tám mươi vẻ đẹp;

Hãy hát lên, hãy tụng ca đạo lộ vô thượng của Người,

Hãy hát lên, hãy tụng ca công đức sáng ngời;

Trong tam giới không có ai bì được,

Người đã giải thoát luân hồi sinh tử;

Người đã lên đường với chân trần, gót bụi độ sinh,

Người với bi mẫn, từ tâm giáo hóa chúng hữu tình...”

Chàng thanh niên bước đi, chậm rãi, thong dong, vô sự. Vừa đi vừa gảy đàn vừa hát. Cả rừng người chợt chuyển động. Thanh niên bước sang một lối khác. Cả rừng người như bị hấp lực tự phát bị cuốn hút theo! Chàng thanh niên ấy, chính là thiên chủ Đế Thích hóa thân[1]... đang còn hát nữa:

“- Thật là duyên lành hy hữu,

Chúng ta mới làm được đệ tử của Người!

Thật là hạnh phúc làm sao,

Khi chúng ta bước theo dấu chân của đức Tự Tại;

---

[1] ...Sakka, in the guise of a young man, preceded them to the palace, singing songs of glory of the Buddha (xem Sđd, Q 2, trang 285).

Bước theo con đường xuân thắm hoa hương,

Bước theo con đường trí tuệ và tình thương,

Vô cùng vinh quang và vô cùng chiếu diệu...”

Khi đã tách được rừng người đi ra xa, khi đức Phật và tăng chúng đã bước vào cổng hoàng cung, thiên chủ Đế Thích mới ngưng hát, ôm cây đàn Balūva biến mất, tức khắc xuất hiện ngay trước mặt đức Phật, cung kính đảnh lễ ngài rồi trở về thiên giới.

Đức vua Bimbisāra, hoàng hậu Videhi (Kosaladevi, em vua Kosala), quý phi Khemā, hoàng tử Ajātasattu và cả hằng ngàn quần thần, nhân sĩ... đồng đi chân đất một cách trân trọng ra tận ngọ môn để cung nghinh đức Phật và giáo đoàn.

Cuộc đón tiếp cực kỳ trân trọng được thiết trí tại điện chầu rộng thênh thang. Toàn bộ mặt bằng sân đá đều được lót thảm nhung đỏ viền kim tuyến. Chỗ ngồi đều được sắp đặt dưới những căn lều vải, gấm vóc, lụa là màu sắc rực rỡ. Đèn, cờ, phướn đủ loại mắc võng, giăng hàng đầy khắp hoa viên, các lối đi. Những thảm hoa, những chậu hoa, những cây hoa chỉ trong một đêm mà được quy tụ về, trần thiết để đón tiếp bậc Vô Thượng.

Bảo tọa của đức Tôn Sư được tôn trí ở điểm trung ương, ba bảo tọa của ba tôn giả Kassapa cạnh sau lưng đức Phật, sau nữa là cả ngàn bảo tọa thấp hơn, mấy chục hàng kế tục dành cho một ngàn sa-môn tăng đoàn. Trước mặt là sân lộ thiên dành cho những nhân vật, quan khách của hoàng cung...

Đức Phật dừng lại cho người hầu dâng nước rửa chân,

rửa tay trong cái thau bằng vàng rồi lau sạch bằng khăn thơm. Cả một ngàn lẻ ba vị tỳ-khưu đều được đón tiếp quý trọng như thế. Khi đức Phật và tăng chúng an tọa, nhà vua quỳ lạy rồi tác bạch lý do cuộc đặt bát cúng dường, là hạnh phúc của đức vua và hoàng gia, hạnh phúc cho quần thần và nhân dân cả nước. Quốc độ Māgadha giàu mạnh, tài sản lúa gạo sung túc, đời sống nhân dân no đủ... nhưng muốn có được hạnh phúc an vui thì phải biết sống theo chánh pháp, nương tựa vào chánh pháp. Vậy xin đức Thế Tôn và tăng chúng hoan hỷ chứng minh cho lòng thành của chúng đệ tử...

Sau lời thưa trình xong, tự thân đức vua bưng mâm vật thực trong cái khay bằng ngọc, sớt thức ăn loại cứng loại mềm thượng vị vào bát cho đức Tôn Sư. Hoàng hậu, quý phi, các vị công nương, hoàng thân quốc thích, cung nga thể nữ, tỳ nữ, người hầu... lần lượt bưng những mâm vàng, mâm bạc vật thực dâng cúng đến chư vị tỳ-khưu tăng.

Đức Phật và tăng chúng đọc lời kinh ngắn có ý nghĩa quán tưởng và phúc chúc sau đó thọ thực trong lặng lẽ. Đức vua, hoàng gia, bá quan triều thần... ai cũng có phần của mình, họ cũng đều thọ thực trong lặng lẽ. Đây là lần thứ nhất trong đời, ai cũng cảm nhận được một cái gì rất an tịnh, siêu thoát và rất thiêng liêng toát ra nơi uy lực của đức Phật và thánh chúng.

Thọ thực xong, nước và tăm xỉa răng đã dùng rồi, bát đã được người hầu mang đi rửa sạch, lau chùi khô ráo, dâng trả lại. Biết thời khắc phải lẽ, đức Phật thuyết một

thời pháp để cho triều thần đặt chân vào sự tu học căn bản buổi đầu.

Nghe Thêm Tam Quy, Ngũ Giới
Dâng Cúng Trúc Lâm

Thế rồi, đức Phật bắt đầu cất giọng phạm âm như tiếng chuông đồng vang xa nhiếp phục cả hội chúng mấy ngàn người. Ngài chỉ nói về tam quy và ngũ giới là điều kiện căn bản, tất yếu, cần yếu để ngăn việc ác, hoàn thiện bản thân và đem thanh bình, an vui cho mọi người, mọi nhà và cho cả quốc độ.

- Nầy chư vị thức giả! Như Lai đã từ trong truyền thống và kinh điển Vedā mà bước ra, đã tự mày mò con đường, đã tự lực tu tập và chứng ngộ. Hiện nay, chư thiên, phạm thiên trong các cõi đã tôn xưng *Như lai là vị A-la-hán, là Chánh Biến Tri, là Minh Hạnh Túc, là Thiện Thệ, là Thế Gian Giải, là Vô thượng Điều Ngự Trượng Phu, là Thiên Nhân Sư, là Phật, là Thế Tôn...* Những tôn xưng, những danh xưng ấy nhằm nói đến công hạnh và trí tuệ của chư Phật ba đời, là những bậc đáng cho chúng ta nương tựa, quy kỉnh để hướng đến những giá trị tinh thần cao đẹp và thiêng liêng nhất trên đời này. Tất cả các đức Chánh Đẳng Giác đều không còn những sanh niệm trôi lăn trong vô minh, ái dục nữa (Vô Sanh). Các ngài đã phá tan tất cả mọi thứ giặc phiền não ở nội tâm cũng như ngoại giới (Sát Tặc). Những bậc như vậy thật xứng đáng cho chư thiên và nhân loại xưng tán, tôn

trọng, cung kính, lễ bái, cúng dường (Ứng Cúng). Các vị Phật đều có cái thấy biết chơn chánh và toàn diện, giác ngộ chân lý và suốt thông tất cả (Chánh Biến Tri). Các ngài đều có trí vô thượng và có đức vô thượng nên luôn luôn minh mẫn, sáng suốt, luôn luôn có đức hạnh trong lành hoàn toàn (Minh Hạnh Túc). Lại nữa, các ngài không còn trở lại chỗ sinh tử khổ đau, đã khéo xuất ly luân hồi, các ngài ra đi mãi đến chỗ chí chân, chí mỹ, chí thiện mà không dính mắc; ra đi một cách an toàn, không chấp trước, vọng cầu (Thiện Thệ). Các ngài thấy rõ con đường đi đến ba cõi và đồng thời, thông suốt con đường xuất ly ba cõi (Thế Gian Giải). Những đức Chánh Biến Tri đều có thân khẩu ý trọn lành, tự mình điều phục và biết cách điều phục chúng sanh. Các ngài thông suốt nhân đạo là phải tu ngũ giới, thập thiện; thông suốt thiên đạo là phải tu bố thí, trì giới, tham thiền; thông suốt giải thoát đạo là phải tu giới, định, tuệ (Thiên Nhân Sư). Được tôn xưng là Phật vì các ngài hằng sáng suốt, tỉnh thức bất luận ngày hay đêm; các ngài giác ngộ tứ diệu đế rồi giảng nói cho chúng sanh (Phật).Và cuối cùng, được xem là xứng đáng được tôn vinh nhất trên thế gian (Thế Tôn).

Nầy chư vị thức giả! Vậy một người được gọi cận sự nam nữ, khi họ quy y Phật thì đâu phải quy y một vị thần nào, một vị thượng đế mù sương bóng khói nào mà chính họ đã tự trở về nương tựa nơi những giá trị cao đẹp có sẵn trong lòng mình, trong tâm trí mình. Nó xem nhẹ các hình thức tôn giáo tín ngưỡng mà xem trọng sự tu tập, sự tỉnh thức, sự giác niệm trong mỗi lời nói, mỗi cử chỉ, mỗi hành động của chúng ta!

Nầy chư vị thức giả! Quy y pháp là gì? Trở về nương tựa pháp là gì? Pháp là chân lý, là sự thật! Chẳng lẽ nào một người cư sĩ lại không nương tựa nơi chân lý, nơi sự thật? Và đấy cũng là chân lý, là sự thật mà Như Lai đã chứng ngộ và đang tuyên thuyết đến cho chư vị đây! Pháp ấy ai cũng có thể thành tựu được cả nếu được lắng nghe một cách nghiêm túc, thọ trì một cách nghiêm túc và tu tập một cách nghiêm túc. Pháp ấy cụ thể, thiết thực, hiện tiền, chư vị có thể thấy ngay lập tức, ngay chính nơi sự sống đang diễn ra hằng ngày. Pháp ấy không bị quy định bởi thời gian và nhân quả. Pháp ấy để dành cho trực thị, nội quán, nó ở ngay chính nơi thân tâm này mà bậc trí có thể tự mình chiêm nghiệm, nóng lạnh khắc biết... Vậy ai là người muốn tiến hóa, muốn được thăng hoa các giá trị tinh thần cao đẹp đều phải trở về quy y nơi pháp ấy cả...

Nầy chư vị thức giả! Còn quy y tăng là trở về nương tựa nơi tập thể saṅghā (tăng-già)! Tập thể ấy không chỉ giới hạn ở số lượng một ngàn lẻ ba vị tỳ-khưu sống đời phạm hạnh, lậu hoặc đã tận ở đây, sau lưng của Như Lai! Tập thể ấy rộng lớn hơn nhiều; nó bao gồm chư thánh phàm tăng quá khứ, hiện tại và vị lai. Tập thể ấy gồm những người đã đắc đạo, đắc quả, đang đắc đạo, đắc quả, sẽ đắc đạo, đắc quả. Và ai trong họ cũng đã, đang và sẽ hoàn thiện thân khẩu ý, sống lợi mình, lợi người; họ ngay thẳng, chính trực, sống hợp lễ nghi, khuôn phép, quy củ xứng đáng mô phạm cho đời. Và cuối cùng, họ sống đời phạm hạnh thiêng liêng, trong sạch, thánh thiện vì hạnh phúc cho chư thiên và loài người!

Nầy chư vị thức giả! Nếu giá trị Tam Bảo là như vậy thì có xứng đáng cho chư vị trở về quy kỉnh và nương tựa hay chăng?

Câu hỏi của đức Phật vừa cất lên thì hằng ngàn người như một đều đồng thanh, đồng tâm, đồng trí thốt lên *"Sādhu, sādhu, thật xứng đáng để quy y!"*

Đức vua Sineya Bimbisāra khuôn mặt rạng rỡ khi thấy hoàng hậu Videhi, quý phi Khemā, hai người hai bên nắm hai tay hoàng tử Ajātasattu, bảy tuổi, đi đến chỗ đức Phật, dạy cách thức cho trẻ chấp tay búp sen quỳ lạy ngài rồi hai bà cùng nghiêm cẩn quỳ lạy theo. Và khi hai bà xin được làm lễ quy y Tam Bảo thì gần bốn ngàn người ở hiện trường đồng xin được quy y theo.

Cả không gian hoàng triều như nứt vỡ khi họ đồng quỳ lạy rồi đọc ba lần tam quy theo sự khởi xướng của tôn giả Uruvelā-Kassapa...

- Nầy chư vị thức giả! *Đức Phật tiếp tục khóa giảng sau khi đã đặt để hội chúng nơi tam quy* - Muốn làm một thiện nam tử, một thiện nữ nhân thì tam quy không, chưa đủ, chư vị còn cần phải thọ trì ngũ giới nữa, tức là những giới điều để ngăn điều ác, phát triển những hạnh lành.

Giới là gì, chư vị có biết không? Giới là cái hàng rào để bảo vệ thân và khẩu; nó ngăn ngừa những nói năng và hành động xấu ác để cho mình có được một đời sống tốt lành hơn, hiền thiện hơn. Giới của Như Lai và của đệ tử của Như Lai không phải là tín điều mặc khải, bắt buộc; chẳng phải áp đặt

người khác phải tin, phải thực hành theo. Giới của Như Lai được tự do trong nhận thức và tự do để phát nguyện, thọ trì khi thấy nó đúng, nó hợp với lẽ phải, đúng với đạo đức, mỹ tục ở trên đời, trong tương giao xã hội. Giới của Như Lai là những bài học để chiêm nghiệm, để tu trì và cuối cùng là để mà giác ngộ chứ không phải chỉ đọc tụng, thọ trì suông hoặc có tính cách nghi lễ, máy móc!

Nầy chư vị thức giả! Giới thứ nhất, phải thọ trì điều học, là kiêng cữ, tránh xa hành động giết hại các loài hữu tình! Loài hữu tình là những chúng sanh có hơi thở, có thức tánh, có sự sống, chúng ta không nên xâm phạm, không nên giết hại! Tất cả chúng sanh bò, bay, máy, cựa dù nhỏ như muỗi mòng, kiến ruồi, lớn như chim muông, cầm thú đều ham sống, sợ chết, đều biết khổ, biết đau như tất cả chúng ta. Không lý gì mình biết quý trọng mạng sống của mình, mà mình lại đang tâm tiêu diệt, tước đoạt mạng sống của chúng sanh khác. Chẳng công bằng chút nào, có phải thế không? Là đệ tử của Như Lai, là người con của đạo giác ngộ, chư vị phải biết tôn trọng, quý trọng sự sống của muôn loài. Không những chỉ biết sống hòa bình với muôn người mà còn phải biết sống hòa bình với muôn vật. Phải thương yêu chúng, bảo vệ chúng! Và ngay cả quả đất vô tri, sông núi vô tình, không gian mây trời, thiên nhiên cỏ cây hoang dã cũng phải được đối xử phải lẽ, đừng quá thô bạo, tàn ác! Khi làm được như vậy là chư vị đã nuôi dưỡng được từ tâm, đem đến sự an vui cho chúng sanh muôn loại! Và chỉ cần giữ được một giới này thôi thì quốc độ này sẽ tốt đẹp biết bao nhiêu? Nó sẽ không có chiến tranh, hận thù!

Nó làm cho mọi người biết yêu thương, đoàn kết, đùm bọc nhau. Các quốc gia khác giữ được giới này thì đâu còn xâm lăng, can qua, chém giết? Quân đội sẽ được giải thể để trở về làm ruộng, làm các ngành nghề khác để phát triển dựng xây đất nước! Các xưởng rèn đúc vũ khí giáo mác cung tên, các xưởng sản xuất quân nhu, quân dụng, các nhà tù sẽ biến thành trường học, bệnh xá, hoa viên để phục vụ cho an sinh xã hội! Quốc độ sẽ thanh bình an lạc như thời của các đức Chuyển luân vương vậy!

Nầy chư vị! Giới thứ hai là phải biết kiêng cữ, tránh xa hành động trộm cắp, lấy cắp của người! Vật gì dù lớn, dù nhỏ, dù có giá trị hay không có giá trị, khi người ta chưa cho, chưa bằng lòng cho thì không nên lấy cắp mang về sử dụng. Bất cứ thời đại nào, xã hội nào cũng tôn trọng quyền sở hữu và quyền có tài sản của mọi người được làm ra, được tạo nên một cách chơn chánh. Tài sản nào cũng do mồ hôi, nước mắt. Tài sản nào cũng nhờ thức hôm dậy sớm chăm lo công việc, nghề nghiệp. Tài sản nào cũng phải hao tâm tổn trí mới có được. Vậy thì lẽ nào, chúng ta lại bẻ khóa, nạy tủ, khoét tường để lấy cắp tài sản của người khác? Người có chút liêm khiết, có chút đạo đức, hiểu một ít công bằng đều không thể làm cái việc thất đức, bất nhân ấy được. Nếu vì nghèo đói, quá túng thiếu, vợ con đau ốm, thiếu cơm cháo, thuốc thang mà trộm cắp thì người có tấm lòng đại lượng có thể châm chước, thông cảm, khả dung; nhưng luật pháp vẫn không tha, định luật nhân quả nghiệp báo vẫn làm việc như thường! Trái lại, có những người giàu có, ăn sung mặc sướng, có của dư của để mà vẫn lường gạt của người, mưu

mô thủ đoạn để ăn chặn, cướp giật của người; sống trên mồ hôi nước mắt của kẻ đói nghèo thì tội ấy thật không thể dung tha, quả báo trả quả bất nhân ấy quả thật sẽ rất nặng nề vậy. Giới thứ hai này là một nguyên tắc đạo lý, là quyền sở hữu bình đẳng mà một bậc được gọi là thức giả phải biết tôn trọng, một người được gọi là thiện trí, hiền lương phải biết thọ trì nghiêm nghiêm, cẩn cẩn. Nó nuôi dưỡng lòng trắc ẩn, tâm bi mẫn đối với sự đau khổ mất của cải, tài sản của người khác... Nếu ai cũng giữ được giới này thì xã hội sẽ công bằng, tạo sự tin yêu và vui sống; nhà nhà không cần phải kín cổng cao tường, xích khóa lớp trong, lớp ngoài; của rơi ngoài đường không ai thèm lượm, nếu nhặt được cũng tìm cách trả về cho khổ chủ! Nầy chư vị, trên quả đất này đã từng có những quốc độ được thanh bình và an lạc như vậy, không phải chỉ một, hai, mà là hằng trăm, hằng ngàn... như thế! Chỉ sợ chư vị thiếu nhiệt tình hộ pháp, an dân mà thôi!

Giới thứ ba là phải biết kiêng cữ, tránh xa hành động tà dâm, tà hạnh, xâm phạm tiết hạnh vợ con người khác. Hôn nhân một vợ một chồng sẽ tạo được sự bình ổn, an vui và hạnh phúc gia đình! Thủy chung và đức hạnh là nét đẹp truyền thống mà chúng ta nên giữ gìn và tôn trọng. Vợ chồng được cưới hỏi đủ lễ thì được gọi là chơn chánh. Sự lang chạ phi lễ được gọi là bất chánh. Được gọi là người trí thức trong giáo pháp của Như Lai thì chư vị phải biết điều tiết, chừng mực trong các mối quan hệ tình ái, vì chúng dễ đưa đến sa đọa và phá hoại hạnh phúc của gia đình người khác. Ngay cả lời nói sàm sỡ, tục tĩu, chọc ghẹo thiếu đứng

đắn cũng nên tránh. Ngay cả ăn nói hoa tình, mắt liếc mày đưa, ưỡn ẹo vô duyên cũng đã đánh mất sự đoan chính rồi!

Giới thứ tư là phải biết kiêng cữ, tránh xa nói dối, nói sai với sự thật, nói không đúng với sự thật hoặc có lại nói không, không lại nói có! Ngay chính những cách đặt điều, thêm thắt, dựng đứng câu chuyện mà nói lại càng tệ hại hơn. Có trường hợp nói độc ác, hung dữ hoặc vu oan vu cáo đưa đến bất hòa, chia rẽ hoặc có thể đưa người khác vào tội tù, tán gia bại sản thì thật là bất nhân, nghiệp báo sẽ rất nghiêm trọng. Cũng có những lời nói gây ra ngộ nhận, bất mãn, oan trái, oán thù thì cũng nên dè chừng, cẩn trọng. Là những thiện nam tử, thiện nữ nhân trong giáo pháp của Như Lai thì tất thảy những cách nói trơn như mỡ, ngọt như đường, rỗng không, khách sáo, phù phiếm, cay chua, nhạt nhẽo, tục tĩu, vô duyên... đều phải được tránh xa... Giáo pháp của Như Lai là giáo pháp như thật, tôn trọng sự thật nên phải lấy như thật, sự thật làm đầu. Được như vậy chúng ta bảo vệ được sự trung tín, tạo sự tin tưởng giữa nhau trong cộng đồng, xã hội. Giữa cuộc đời có quá nhiều sự lừa phỉnh, dối trá, vọng ngôn, vọng ngữ, ác khẩu, gạ gẫm, láo lường, bất tín thì giới thứ tư này sẽ như một đóa hoa tươi thắm, hương thơm tỏa ngát giữa thế gian và trong lòng người...

Giới thứ năm là nên kiêng cữ, tránh xa các loại rượu men, rượu nấu, các chất kích thích, say nghiện từ chất liệu này hay chất liệu khác. Chúng làm rối loạn thần kinh, lú lẫn tâm trí; sẽ không còn làm chủ được mình, đánh mất tư cách, nhân phẩm, hủy diệt tác phong đạo đức. Và khi mà

đã nghiện say, sa đọa rồi thì không một hành động hung dữ, bạo tàn, xấu xa, hèn hạ, bỉ ổi nào mà không dám làm. Là nguyên nhân của nhà tan, cửa nát, vợ chồng bất hòa, đổ vỡ, phân ly; con cái bơ vơ không có nơi nương tựa. Là nguyên nhân để từ đó, coi thường, phạm luôn mọi giới điều khác, phá hoại nền nếp, kỷ cương an sinh xã hội. Những chất say còn nguy hại hơn độc dược. Độc dược chỉ giết chết một người, một đời nhưng chất say với những hậu quả của nó sẽ giết chết nhiều người, nhiều đời; và nghiệp báo đau khổ sẽ trả quả liên tục, kế tục mãi hoài nơi những cảnh giới tối tăm, thống khổ. Chúng giết chết các mầm giống lành tốt. Chúng giết chết đức tin, thiền định, trí tuệ. Chúng tạo thêm vô minh, bóng tối, địa ngục, phiền não và đau khổ cho mình, cho người, cho cuộc đời vốn đã quá nhiều bất an và bất hạnh nầy!

Hỡi chư vị thức giả! Như vậy, ngũ giới không những để kiện toàn nhân cách, hoàn thiện bản thân, nuôi dưỡng và phát triển những thiện pháp mà chúng còn là nền tảng an vui và hạnh phúc cho gia đình, làng xóm và quốc độ. Chúng cũng là điều kiện tất yếu để tạo nếp sống trong lành, cao đẹp cho đời sống văn hóa, văn minh trong xã hội loài người. Cuối cùng, chúng còn là nấc thang tiến bộ tinh thần trên lộ trình hướng đến giác ngộ, giải thoát là mục tiêu rốt ráo trong giáo pháp của Như Lai!

Đức Phật thuyết xong thời pháp thì cả rừng người rùng rùng chuyển động. Họ đồng quỳ lạy, tán thán và xin được nghiêm túc thọ trì vì lợi ích tối thượng của tam quy, ngũ

giới. Đức vua Sineya Bimbisāra với khuôn mặt tươi sáng như trăng rằm, dường như đã chuẩn bị đâu đó sẵn sàng, cùng với hai quan hầu đi hai bên bưng khay ngọc, bình ngọc đến bên chân Phật, quỳ lạy:

- Bạch đức Thế Tôn! Những lời giáo giới của đức Thế Tôn làm cho đệ tử rất an lành và hạnh phúc. Pháp Bảo từ kim khẩu của đức Thế Tôn càng nghe càng minh mẫn, càng thấy rõ, biết rõ; một vị vua tốt thì nên làm cái gì và cái gì không nên làm! Từ nay, đức Thế Tôn và hình ảnh của thánh chúng, đệ tử phải được thấy hằng ngày để tự sách tấn mình; và khi nào đệ tử muốn nghe pháp để phát triển trí tuệ thì có thể đến hầu đức Thế Tôn một cách dễ dàng!

Bạch đức Thế Tôn! *Nhà vua lại quỳ lạy* - Phía bắc thủ đô, cách đây chỉ nửa do-tuần có một khu Rừng Trúc (Veḷuvana) rất tươi đẹp; ở đấy rộng rãi, cây xanh mát mẻ, có suối, có hồ, nhiều thỏ, nhiều sóc, nhiều hoa thơm cỏ lạ, lại có nhiều hang động... Nơi này thuận lợi cho việc lui tới của đệ tử và triều đình, thuận lợi cho khách hành hương, thương mãi từ phương bắc đến, phương tây sang; nó lại còn yên tĩnh cả đêm lẫn ngày, khá gần kinh thành mà lại không quá xa xóm làng. Đức Phật và tăng chúng còn thuận lợi cho việc tĩnh cư, lại còn thuận lợi cho việc trì bình khất thực trong kinh thành hoặc quanh các ấp tụ lạc; riêng đệ tử lúc nào nhớ pháp, nhớ đức Thế Tôn thì có thể đến lúc chiều tối hoặc đêm khuya lúc việc triều chính rảnh rỗi. Còn ở Rừng Kè thì xa quá.

Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử có tín tâm và lòng thành, xin dâng cúng đức Thế Tôn và tăng chúng khu rừng Veḷuvana

ấy, xin Người hoan hỷ dụng nạp vì hạnh phúc cho đệ tử, cho triều đình và cho cả vương quốc Māgadha nữa!

Đức Phật thọ nhận bằng cách chỉ mỉm cười. Đức vua Sineya Bimbisāra quỳ thẳng dậy thực hành nghi thức dâng cúng bất động sản theo phong tục. Một vị quan hầu bưng khay ngọc hứng ở dưới, một quan hầu trao cho vua một bình ngọc - trong đựng nước thiêng Soma - để đức vua đổ nước ấy lên tay đức Phật. Ngài ôm vốc nước, giữ lại một chút trên tay rồi lâm râm chú nguyện quả phước hy hữu đến cho nhà vua: Các con đường nước này sẽ chảy tràn khắp mọi nơi mọi chỗ, chảy qua nhiều quốc độ và chảy vào lòng người, ai ai cũng được tẩm mát, no đầy, sung mãn những giọt nước trong lành vi diệu của Pháp Bảo! Một cái gì rất là trang trọng, thiêng liêng đang diễn ra. Hằng ngàn đôi mắt chú mục vào một lễ nghi có từ ngàn xưa, tuy đơn giản mà trang trọng đã được đức Phật và một đức minh quân thể hiện rất là trân trọng và rất sống động. Ngay giây khắc ấy, chư thiên, phạm thiên khắp mấy tầng trời không ngớt hoan hỷ, tán thán; quả địa cầu rung chuyển mấy lượt, dường như cả chúng hữu tình, vô tình ấy đều cảm nhận và chứng kiến một biến cố, một sự kiện trọng đại: Giáo pháp bất tử đã đặt được nền móng đầu tiên tại một vương quốc giàu mạnh, do một vị vua có niềm tin bất động, là một vị thánh cư sĩ sẵn sàng hộ pháp đắc lực cho sự phát triển, hoằng hóa sau này!

Hôm ấy là vào một ngày đầu tháng năm, năm 586 trước Tây lịch, chừng vài tháng nữa là đến mùa mưa, đức Phật và một ngàn lẻ ba vị tỳ-khưu sa-môn đã có một cơ sở, một căn

cứ địa lý tưởng tại Veḷuvana để tuyên dương giáo pháp.

Dụ Dỗ Quý Phi Đi Nghe Pháp

Đức vua Seniya Bimbisāra và hoàng hậu Videhi - sau khi nghe pháp, đắc quả Nhập lưu - thì họ có được đức tin vững chắc, có được đời sống thanh bình và an lạc. Mọi câu hỏi, mọi tư duy về đời người đã lần lượt được gỡ rối; mọi khổ ưu, mọi phiền não trong tâm hồn càng ngày càng nhẹ nhàng, yên lặng bớt. Đức vua có một bà quý phi xinh đẹp; tên là Khemā, luôn luôn hãnh diện và tự hào về sắc đẹp của mình - được ông vô cùng yêu mến. Nhưng sau khi học hiểu được giáo pháp, đức vua biết rằng, sắc đẹp của mỹ nhân giống như đóa hoa, một lúc nào đó sẽ nhạt phai, sẽ ố sắc và rữa hương. Chính vẻ đẹp tâm hồn, vẻ đẹp tinh thần được thấm nhuần hương vị của Chánh pháp mới không bị hư mục theo thời gian, mà ngược lại, ngày càng được khởi sắc và thăng hoa. Hoàng hậu Videhi bản chất thuần hậu, đoan trang, có vẻ đẹp nội tâm thầm lặng; như một mảnh vải trắng tinh rất dễ nhuộm màu nên sau khi nghe pháp, bà nhẹ nhàng xuôi chảy vào dòng. Chỉ riêng bà quý phi Khemā là không chịu đi nghe pháp. Đức vua đã ân cần dỗ ngon, dỗ ngọt nhiều lần nhưng bà vẫn lắc đầu từ chối. Khi được gặng hỏi lý do thì bà đáp:

- Đức Thế Tôn ấy có ba hai quý tướng và tám mươi vẻ đẹp, thiếp biết. Đức Thế Tôn ấy toàn hảo mọi đức hạnh, quyền năng, trí tuệ thiếp cũng biết. Thế gian xưng tán ngài là bậc thầy của chư thiên và loài người - thì không ai còn

dám hồ nghi. Tuy nhiên, thiếp sẽ không đi!

Khi được hỏi lý do, bà đáp:

- Nghe nói rằng, đức Thế Tôn thường có lời khiếm nhã đối với nữ giới. Ngài coi thường, đôi khi cười chê sắc đẹp của phụ nữ; ngài nói rằng, đẹp gì, quý gì, mỹ miều gì cái bao da đựng thịt, đựng xương mà trang điểm, mà xông hương, ướp phấn, thoa son... Quả là ngài chẳng lịch sự chút nào!

Đức vua thánh đệ tử cười thầm trong lòng, nhưng ngoài mặt lại nói:

- Ừ, ngài nói vậy dù đúng với sự thực, nhưng mà cũng hơi quá đáng. Có được sắc đẹp như ái phi trên thế gian này phỏng có mấy người? Phải tu tập, phải tích lũy vô lượng phước báu mới có được như thế chứ đâu có dễ gì!

Bà Khemā thấy vua đồng quan điểm với mình, cảm thấy rất vừa lòng nên nhướng mày, đắc ý:

- Chứ sao? Vậy sao đại vương cứ nhắc ngày, nhắc đêm bảo thiếp phải đi hầu thăm đức Thế Tôn ấy?

- Có hai lý do, *đức vua Seniya Bimbisāra chậm rãi, dịu dàng nói* - Nàng biết không, Veḷuvanārāma đẹp lắm! Trúc lâm đại tịnh xá là một nơi khả ái, khả hỷ, khả lạc, phong cảnh nên thơ, hữu tình làm sao! Nó nên thơ, hữu tình nhưng mà lại làm cho tâm hồn ta mát mẻ, trong lành, vô cùng dễ chịu. Người nào đến Trúc lâm, thấy được Trúc lâm rồi thì xem như người ấy đã thấy được Hỷ lâm (Nandavana), thắng cảnh đệ nhất tại Đao Lợi - là nơi mà Đế Thích thiên chủ thường hay đến ngoạn du, vui chơi với cả hằng ngàn tiên

nữ. Đấy là lý do thứ nhất.

- Gì mà đẹp ghê gớm vậy? *Bà Khemā cau đôi mày lá liễu* - Thôi được rồi, vậy còn lý do thứ hai?

- Là vì đức Phật cũng thường hay khen ngợi phụ nữ - nhưng nàng không biết đấy thôi!

- Quả có thế sao?

- Đúng vậy! Ngài từng nói rằng: Bản chất người nữ tuy hơi mềm yếu, nhưng họ cũng có khả năng thành tựu tri kiến cao thượng, có nền tảng khá vững chắc để phát triển tứ vô lượng tâm. Ngoài ra, giác ngộ, giải thoát, tứ quả, thắng trí, biện tài, phân tích, giới hạnh, thiền định, tuệ giác... họ hoàn toàn không hề thua nam giới. Đấy cũng là lý do mà đức Tôn Sư cho thành lập giáo hội tỳ-khưu-ni vừa nói lên tiếng nói của một tập thể bình đẳng, dân chủ mà còn là cơ hội tuyên dương nữ giới, xem trọng nữ giới trong lúc luật Mānu trong truyền thống bà-la-môn tự ngàn xưa đã không coi nữ giới ra gì, suốt đời phải lệ thuộc nam giới, lại còn xem rẻ, coi khinh họ nữa!

- Thế là khách quan, là đúng đắn! Hóa ra từ lâu thiếp chỉ nghe một bên, một chiều... đấy là lỗi lầm, là thiếu sót đáng chê trách của thiếp vậy.

Quý Phi Đi Sau Nhưng Về Trước

Được đức vua Seniya Bimbisāra khôn ngoan thuyết phục nhiều lần như thế, chiều hôm ấy, bà quý phi xinh đẹp

của chúng ta không cần quân lính hộ giá, chỉ với mấy cung nga lên một cỗ xe 4 ngựa trắng đến viếng thăm Trúc lâm. Đến cổng tịnh xá, bà cho dừng ngựa, chậm rãi đi bộ vào. Quả là một khung cảnh tươi xanh, trong lành, mát mẻ. Đây đó thấp thoáng hình bóng các sa-môn áo vàng đang kinh hành hoặc tĩnh tọa dưới các gốc cây, bờ suối. Đâu cũng vắng lặng, yên ả, thanh bình. Tâm hồn bà dường như lặng dịu xuống. Đến một ngã rẽ, bà chợt dừng chân lại. Dưới bụi trúc có hai vị tỳ-khưu còn rất trẻ, tuổi vừa chừng đôi mươi đang an nhiên tọa thiền. Bà lặng lẽ quan sát *"hai pho tượng tuyệt tác của hóa công"*. Họ đẹp quá! Năng lượng của tuổi thanh xuân như phát sáng nơi vừng trán, khuôn mặt và dường như trôi chảy cuồn cuộn nơi từng cơ bắp, trong từng thớ thịt trắng hồng! Một ý nghĩ chợt thoáng hiện trong đầu bà: *"Ôi! Tại sao? Tại sao? Cái giáo pháp này như thế nào mà có thể lôi cuốn cả những chàng thanh niên trẻ đẹp, phải hy sinh cả sự sống cuồn cuộn của tuổi thanh xuân đang hứa hẹn một tương lai tươi sáng bên vợ đẹp, con xinh - để đến đây sống đời viễn ly thế tục? Thật đáng khâm phục thay! Nhìn sự sáng rỡ của sắc mặt, nhìn sự an nhiên tĩnh tại này thì rõ họ đâu có bi quan yếm thế, mà ngược lại, họ đang an trú một phúc lạc nội tâm nào đó?"*. Bà quý phi xinh đẹp chợt thở dài, một hơi thở dài rất nhẹ - chỉ như là sự lay động của một cánh hoa trong làn sương sớm. Một tí hổ thẹn thoáng gợn trong tâm tư bà: *"Còn mình thì cứ cố mà hưởng thụ, mà thỏa mãn cái tuổi thanh xuân!"*

Bà Khemā lần bước theo âm thanh với tám tuyệt hảo của đức Phật từ nhà giảng rộng lớn vọng ra. Xung quanh

lặng ngắt như tờ. Bà cảm thấy ở đây rõ ràng là có một thế giới khác mà dường như không hề lây nhiễm một hạt bụi tục lụy nào. Nội tâm bà chợt như bắt gặp được một cái gì từ một không gian tâm linh xưa cũ? Một không khí linh thiêng dập dờn trong ký ức mù sương?

Trong nhà giảng, chư tăng đang nghe pháp. Đức Phật với dung nghi sáng rỡ; với ngôn ngữ trầm, ấm, vang, ngân, sắc, gọn, mạch lạc, sáng sủa... cứ như từng đợt hải triều âm dịu dàng vọng giữa không gian. Người, vật, cỏ cây, mây nước... dường như bị chìm ngập, bị thu nhiếp, bị tan hòa trong biển âm thanh vi diệu ấy. Bà cũng bị cuốn hút bởi một năng lực siêu nhiên nào đó. Bà lặng lẽ quỳ xuống trước ngưỡng cửa nhà giảng. Phía hai bên đức Phật chợt ửng sáng, rồi từ trong đám mây ngũ sắc, hai cô tiên nữ bước ra, dung sắc mỹ lệ, phi phàm. Bà Khemā mở lớn đôi mắt bồ câu, sửng sốt. Đẹp quá. Cả hai vừa tuổi độ trăng tròn, trang sức xiêm y quá sức lộng lẫy, quá sức quý phái, quá sức kiêu sa, quá sức gợi cảm, quá sức mỹ miều... không thể có được trên thế gian này! Bà thật tủi hổ khi từ lâu đã tự hào, kiêu hãnh bởi sắc đẹp của mình. Ôi! Năm vẻ đẹp của giai nhân trần thế có nghĩa gì với hai cô tiên nữ này. Đây phải là sự kết tụ tinh anh của ngàn hoa! Đây phải là linh hồn của nữ vương sắc đẹp đang hiện thân trong vóc dáng ngọc ngà kia ở ngoài cả mọi ý tưởng, mọi ngôn ngữ diễn đạt! Bà Khemā lặng lẽ chiêm ngưỡng không chán mắt. Chợt, một làn gió nhẹ lay động, một màn sương mờ thoáng qua, có sự thay đổi nào đó trên sắc diện cùng vóc ngọc, dáng ngà của hai cô tiên nữ. Ồ! Nó thay đổi rất nhanh! Mới đó mà đã trở thành thanh nữ

rồi. Đôi mắt hoa sen ẩn trong màu nước trong xanh vời vợi kia đã có gì đổi khác! Hai bờ môi chín mọng đỏ hồng như quả chà là đã có pha ở đấy một chút gió, chút sương! Làn da trắng mịn như chồi măng non đã mơ hồ có một làn mây nhạt phớt qua. Cặp nhũ đầy đặn, căng tròn như búp sen đã bắt đầu tiêu hao nhựa sống! Cái eo thon thả rồi nở ra cái lưng ong, cái mông ong đã có dấu hiệu chững lại! Và rồi, kìa, có sự thay đổi rất nhanh nữa, đã trở thành thiếu phụ, lão phụ trong một thoáng mắt! Bà Khemā bàng hoàng! Ôi! Còn đâu sắc đẹp thanh tân, trinh bạch, diễm kiều? Còn đâu vóc dáng tơ nõn căng tròn nhựa sống? Hai cô tiên nữ kia, bây giờ chỉ còn là hai cái xác nhăn nheo, nước da sạm đen mốc thếch và sần sùi như làn da cóc. Răng rụng, móm mém, phều phào nước nhớt, nước dãi rỉ ra từ hai bên mép; tóc bạc lốm đốm bụi bẩn, tay chân run rẩy, cái lưng cong gập xuống như cái giàn xay... Còn nữa, cả hai chợt ôm bụng, nhăn nhó, đau khổ, quằn quại, khuôn mặt méo mó, mắt như lồi ra, rên rỉ thảm não... Rồi cả hai bỗng co quắp, đổ ụp xuống, trợn mắt, ngoẹo đầu, tắt thở trong cảnh kinh hoàng, kinh khiếp... Nhìn cảnh tượng ấy, bà Khemā tràn đầy kinh cảm, rợn cả tóc gáy, tự nói với chính mình: *"Ôi! Có gì nữa mà tự hào, hãnh diện? Ngươi đã thấy chưa, đã sáng mắt ra chưa hỡi con Khemā si mê, ngu ngốc! Tuổi trẻ, sắc đẹp, vóc dáng thanh xuân rồi sẽ một thoáng qua mau! Bệnh hoạn, già yếu, tử vong... một lúc nào đó như cơn lũ lớn, nó sẽ cuốn trôi tất cả, phá sản tất cả, diệt mất tất cả. Hãy thức tỉnh đi thôi!"*

Đức Phật đã biến hóa ra hai cô tiên nữ, chỉ có ngài, các bậc có thắng trí và bà Khemā thấy để giáo hóa người đàn bà

quý phái. Đúng lúc, bà như vừa tỉnh lại sau cơn mộng dài, đức Phật rót vào tai bà một bài kệ ngôn:

"- Này con! Này Khemā!
Hãy thấy thực cái thân;
Cái thân là như vậy đấy!
Rồi nó sẽ già yếu,
Rồi nó sẽ nhăn nheo,
Rồi nó sẽ xấu xí,
Nhớm gớm bởi tạp uế;
Dầu có nâng niu, tô vẽ,
Dầu có ướp hoa, xông hương,
Nó cũng sẽ tàn úa và tử vong;
Chỉ có kẻ thiểu trí, mê si,
Mới đam luyến, ấp iu cái thân;
Hãy tỉnh lại, này con!
Hãy bước vào giáo pháp,
Hãy bắt đầu tu tập,
Hãy nhàm chán các sắc,
Hãy trú thân hành niệm,
Hãy quán thân bất tịnh;
Từ bỏ mọi say đắm,

Cả bên trong, bên ngoài;

Hãy thấy dòng bộc ái,

Cuốn trôi bao chúng sanh;

Con nhện tự dệt lưới,

Tự mình sa vào tròng;

Hãy cắt đứt buộc ràng,

Hãy thoát ly ái niệm,

Với đời sống xuất gia,

Tầm cầu chân hạnh phúc!"

Bài kệ vừa kết thúc, bà Khemā đi vào giảng đường bằng đầu gối rồi quỳ sụp xuống, gục khóc lặng lẽ, không thốt nên lời. Do căn cơ sâu dày, bà đã chứng quả Nhập lưu. Sau đó, để cho cảm xúc lắng xuống, bà Khemā tri ân thời pháp chân phúc và bất tử, tri ân phương tiện thiện xảo; với tâm đại bi, đức Phật đã cho bà uống một liều thần dược để tỉnh giấc mộng đam mê, luyến ái cái thân bất tịnh... Cuối cùng, bà xin được sám hối với đức Phật, với giáo pháp, với chư tăng thánh hạnh...

- Thôi được rồi, đủ rồi, Khemā! Như Lai xác chứng cho bà, từ nay đã rửa sạch cát bụi trong mắt.

Trở về hoàng cung với một con người hoàn toàn tươi mới, bà quý phi xinh đẹp tìm gặp đức vua, hoan hỷ thốt lên:

- Thật là tuyệt vời, hiền huynh ơi!

Nhìn vào đôi mắt rạng rỡ như có hào quang của người thiếp yêu, đức vua nói:

- Kỳ lạ quá sức! Hôm nay nàng lại gọi ta là hiền huynh?

- Đúng vậy!

- Thế là đã có một cuộc chuyển hóa vĩ đại sau khi hiền muội ghé thăm Trúc lâm đại tịnh xá đẹp như công viên Hỷ lâm của cõi trời Đao Lợi chăng?

- Hơn cả thế nữa, này hiền huynh yêu quý!

Thế rồi, huynh muội họ tâm sự với nhau. Bà quý phi xinh đẹp xin phép được xuất gia. Đức vua hiền thiện chấp tay lên đỉnh đầu, tán thán:

- Hiền muội ngỡ là đi sau ta mà hóa ra đã đi trước một bước trong giáo pháp thanh tịnh rồi! Ôi! Quý hóa thay!

Sau này, khi bà xuất gia, đắc quả A-la-hán được đức Phật khen ngợi, tán thán:

- Trước hội chúng tăng, ni và cư sĩ hai hàng, hôm nay, Như Lai tuyên bố, tỳ-khưu-ni Khemā là bậc đệ nhất, tối thắng về trí tuệ trong hàng ni chúng!

Không có vinh hạnh nào hơn, vinh quang nào hơn khi lời tuyên bố ấy được nói ra từ đức Chánh Đẳng Giác!

Đức vua Sineya Bimbisāra chợt thực hiện một hành động rất đẹp, là sau lời tuyên bố của đức Phật, ông đã bước ra từ chỗ ngồi danh dự, đến đảnh lễ đức Phật với năm vóc sát đất. Rồi ông cũng làm như thế trước tỳ-khưu-ni Khemā

với thái độ vô cùng tôn kính, chậm rãi nói rằng:

- Trước đây, nàng là bà hoàng, là bậc quý phi vô cùng trân quý của trẫm, nhưng nay thì khác rồi! Nay thì nàng đã là bậc xuất gia phạm hạnh, còn là bậc đệ nhất về trí tuệ qua xác chứng của đức Tôn Sư! Vậy, từ rày về sau, trẫm với tâm phục, khẩu phục xin làm bổn phận của một đệ tử, một thiện nam ngoan ngoãn và thuần thành nhất!

Cả giảng đường lớn rộng rộ lên lời tán thán, ca ngợi không ngớt, lâu sau mới yên lặng được.

Bận Rộn Quốc Sự,
Vua Quên Lời Hứa

Câu chuyện liên hệ khi đức vua đi tìm thăm vị sư ẩn dật là tỳ-khưu Subhūti sau đó có hứa làm cho tôn giả một liêu thất để trú mưa. Vì vua đã quên lời hứa nên đã làm cho mấy thôn làng quanh kinh thành Rājagaha bị hạn hán. Hạn hán do chư thiên vì ái kính tôn giả Subhūti mà che mưa khi vị này hành thiền ở ngoài trời (như đã kể trong tích truyện tôn giả Subhūti). Lời hứa này sau đó đã thực hiện.

Tuy nhiên, ông vua có tâm tịnh tín đẹp đẽ này còn hứa một chuyện với bốn vị tỳ-khưu khác nữa. Mà cũng quên.

Năm kia, tại khu vườn rừng cây bàng tại Kapilavatthu, bốn ông hoàng thuộc vương tộc Malla được xuất gia tỳ-khưu, sau đó nghe lời đức Phật, về Trúc lâm để hành đạo. Đó là bốn vị tỳ-khưu Godhika, Subāhu, Valliya và Uttiya.

Sau khi lắng nghe vị trưởng lão giáo thọ ở Trúc lâm giảng giải cặn kẽ lộ trình thiền định, thiền quán, cả bốn vị đều xin được vào ẩn cư trong rừng. Từ đấy, họ có một đời sống mẫu mực, phạm hạnh, rất được đông đảo cư sĩ kính trọng, tín mộ, nhiều nhất là giới hoàng gia. Vốn dòng dõi hoàng tộc Malla, trước đây, bốn vị đã có quen biết khá nhiều một số hoàng thân quốc thích triều đình Rājagaha nên thỉnh thoảng họ tới lui thăm hỏi, vấn an bốn vị. Chuyện dễ hiểu thôi, là đức vua Seniya Bimbisāra sau đó hay tin, tò mò tìm đến thăm viếng. Đến khu rừng, bên cạnh khu rừng của tỳ-khưu Subhūti, đức vua rất cảm động vì họ sống dưới những cội cây, những hốc đá, nắng mưa không có chỗ che thân. Đức vua tức tốc cho người làm bốn liêu thất để dâng cúng chư vị. Chuyện đang tiến hành, chưa xong, lại sắp đến mùa mưa, bốn vị tỳ-khưu, lúc này đã là bốn bậc A-la-hán, họ cũng không lấy thế làm điều. Họ không để tâm.

Thế là có hai lời hứa, một đã xong, một thực hiện chưa hoàn thành.

Về triều, đức vua nhận liên tiếp nhiều tin báo về sự bất ổn, bất an ninh từ các xứ ngoại biên. Việc thứ nhất, ranh giới giáp nước chư hầu Vaṃsā của tiểu vương Udena, quan tổng trấn ở đấy đã không quản chế được nhóm binh lính của mình ở biên trấn, chúng đã tràn qua biên giới để cướp bóc, nhũng nhiễu dân lành. Việc thứ hai, một bọn tướng cướp mấy trăm tên, bị càn quét, truy đuổi các nơi, bây giờ về núp trốn trong mấy cánh rừng giáp biên địa Campā, lâu lâu lẻn sang các thị trấn thuộc Māgadha để cướp bóc của cải, lương

thực, săn lùng gái về làm tỳ thiếp, hầu hạ chúng! Đức vua đã cử hai vị tướng tài, có uy, có đức với hai đội quân thiện chiến, tinh nhuệ đi thảo phạt một tháng trường mới dẹp yên. Một vị sứ giả của triều đình Māgadha sang Vaṃsā, nghiêm khắc răn đe vị tiểu vương (vốn hiếu chiến và đam mê tửu sắc) này, đã không quán xuyến được đất nước mình; phải biết cách xử lý, nghiêm trị thuộc hạ, cách chức viên tổng trấn. Vua Udena nhất nhất nghe theo, ra vẻ sợ hãi; sau đó, cử một đoàn sứ giả mang phẩm vật, lễ phẩm sang Rājagaha triều cống, tạ tội. Về phía Campā, đức vua Seniya Bimbisāra thương các thôn làng này ở quá xa xôi, nghèo khổ, sau khi dẹp yên bọn cướp, đã cử một đại đội quân tình nguyện đến trợ cấp lương thực, thực phẩm, thuốc men, vải vóc, hạt giống cùng dụng cụ sản xuất. Rồi đại đội thiện chí này cùng ở với dân, vừa giữ gìn an ninh, vừa xây dựng nhà cửa và phụ giúp mọi người cày cấy, trồng trọt. Họ lại còn đắp những con đê, đào những con mương để dẫn nước vào ruộng, vào vườn... Nhân dân vui mừng không xiết kể, họ lạy trời, lạy đất, tạ ơn đức sáng của vua Bimbisāra.

Việc thứ ba, liên hệ đến các nước cộng hòa Licchavī. Số là trong đợt cứu trợ nạn đói tại Vesāli, không kể hai ngàn tấn lương thực tặng không, còn có một ngàn tấn lương thực cho vay không lấy lãi, lúc nào đủ sức hãy trả! Thế nhưng, nhiều năm qua, các nước cộng hòa này luôn được mùa, lương thực dồi dào, nhưng cứ hẹn rày, hẹn mai, cứ khất nợ hoài. Năm nay, tại kinh thành, thời tiết chuyển đổi thất thường; có vùng, đang mùa mưa mà cả tháng nay lại không mưa; biết đâu đây là triệu chứng sẽ mất mùa, đói kém trong tương

lai? Biết phòng xa, mặc dầu kho lẫm còn đầy, đức vua cho sứ giả sang Vesāli đòi nợ. Họ cũng lần khân không chịu trả! Cương quyết ra oai tạo áp lực, đức vua cho đổ những đội quân lớn, rầm rộ ngày đêm, vận chuyển quân nhu, khí giới đến trấn thành Pāṭaligāma, sát bờ bên này sông Gaṇgā. Tiếp theo, vua ra lệnh cho quan tổng trấn ở đây, rục rịch đóng thuyền bè, diễu binh, bắn tin hành lang là: *"Đang chuẩn bị lực lượng quân bị chỉ để bảo vệ danh dự và uy tín của quốc gia, không để cho bất cứ nước nào coi khinh, xem thường!"*

Māgadha và Kosala vốn là hai cường quốc, thay nhau trấn thủ hai phương, bá chủ chư hầu, đặt nền thống trị và ban ân tứ cho cả hằng chục tiểu quốc. Nên khi Vesāli trông thấy con rồng thần kia đã nổi giận, không dám chậm trễ, ba vua nước cộng hòa và hội đồng tướng lãnh Licchavī tức tốc hội họp, cử đoàn sứ giả đến Rājagaha khấu đầu tạ tội, đồng thời trả một ngàn tấn lương thực mà họ nợ đã lâu.

Khi mọi việc quốc gia đã yên ổn trở lại, đức vua Seniya Bimbisāra đặt tay lên trán, suy nghĩ: *"Cái đức của ta suy giảm rồi sao? Triều thần của ta chẳng lẽ đạo đức đã bắt đầu suy đồi rồi sao? Đức Thế Tôn có dạy rằng, hạn hán mất mùa, lũ lụt, đói kém, dịch bệnh, sâu rầy... xảy ra ở nước nào - thì cần phải xét đến đức hạnh của vị vua đương triều tại đấy! Ở kinh thành, tuy chỉ có một vùng, suốt một tháng không mưa, tuy chưa nguy hại gì - nhưng chắc chắn đã có dấu hiệu gì bất ổn! Vậy thì ta đã có làm gì bất kính với chư thiên, thiện thần? Ta đã có làm gì đụng chạm đến đức Thế Tôn cùng các vị thánh tăng A-la-hán?"* Nghĩ đến đây, đức

vua Seniya Bimbisāra chợt giật thót mình: *"Chết rồi! Phụ cấp vật liệu làm nhà, lương thực và một số tiền bạc cho người đàn bà nghèo khổ tội nghiệp thì hôm đó, quân hầu đã làm ngay. Nhưng việc ta có hứa làm 4 cái thất cho 4 vị tỳ-khưu không rõ đã xong chưa? Rồi còn cái thất cho vị tỳ-khưu trong hang núi, vậy mà do công việc triều đình quá bận rộn, ta đã quên khuấy đi mất? Ta phải làm sao để chuộc lại lỗi lầm này!"*

Đang suy nghĩ như thế thì đột nhiên, trước mắt đức vua chợt sáng rực lên, tôn giả Mahā Moggallāna xuất hiện, mỉm cười nói:

- Có đúng một phần đấy, tâu đại vương! Sám hối là đúng! Chuộc lỗi là đúng! Một tháng trời không mưa, một vùng ở xung quanh hang núi, nơi có năm bậc A-la-hán ngụ cư, là do tình cảm bất minh, thiên vị của một số vị trời có oai lực. Tôi sẽ kể hầu cho đại vương nghe đầu đuôi sự việc: Bốn cái thất cho bốn vị tỳ-khưu dòng dõi hoàng tộc Malla, tường vách thì xong nhưng chưa lợp mái, bạn bè thân hữu của bốn vị cho người lợp rồi, việc ấy không bàn nữa. Đặc biệt là tỳ-khưu Subhūti, một bậc thánh A-la-hán, người mà đại vương có hứa làm một cái thất để vị ấy an cư mùa mưa, có rất nhiều phẩm tính làm cho rất nhiều vị trời ái kính. Ngoài cái đức khả ái ly dục, khả ái độc cư, khả ái viễn ly đô thị, vị ấy luôn đầy tràn ra không gian xung quanh tâm từ, tâm bi... và cả tâm rỗng không giải thoát nữa! Chư thiên, sơn thần, thọ thần ở đấy luôn được hạnh phúc, an lạc. Vị ấy còn có cái hạnh lạ lùng là khi đã vào định rồi thì không ngại chuyện nắng mưa. Ngày

này sang ngày khác, ngoài trời cũng như trong hang cốc, vị ấy vẫn điềm nhiên trú định, đi sâu vào định, hoặc để biến mãn từ vô lượng tâm hoặc phát triển các thắng trí! Có những ngày trời mưa tầm tã, chư thiên rất nóng ruột, sợ vị tỳ-khưu mà mình kính mộ bị cảm hàn - họ bàn cùng nhau tìm cách ngăn mưa lại. Thế là từ đó, họ luôn làm việc ấy để che chở vị thánh tăng suốt một tháng trời ròng rã. Đức Thế Tôn lúc ấy đang ở Kỳ viên, tận Sāvatthi nhưng ngài biết chuyện này. Dùng thần thông, đức Phật dạy tôi - *Tôn giả Mahā Moggallāna kể tiếp* - lúc ấy đang ở tận ngoài nam đảo nước Avantī, hãy lên thông báo chuyện này cho trời Đế Thích rõ! Thiên chủ Đế Thích hoảng kinh, cho triệu tập Tứ đại thiên vương, bảo phải đích thân điều tra sự việc, tại sao có vị trời nào dưới quyền, do thiên vị, do tình cảm thiếu trong sáng, đã ngăn một tháng không mưa, làm cho cả một vùng núi thuộc kinh thành Rājagaha suýt rơi vào thảm họa? Bây giờ, mấy vị trời phạm tội đã bị Tứ đại thiên vương tìm biện pháp xử lý thích đáng! Vậy, đại vương hãy làm những gì theo với lời hứa của mình để chuộc lỗi, để cho vùng núi kia được yên ổn!

Nghe lời nhắc nhở của tôn giả Mahā Moggallāna, đức vua thấy mình có lỗi, dù bận việc triều đình, nhưng thất hứa do quên, do thiếu chánh niệm cũng là một *"trọng tội"* đối với chư vị thánh nhân.

Chăm Bón Cái Gốc Là Muôn Dân

Vào cuối mùa đông năm ấy, đức Phật chỉ định một vài vị trưởng lão và đại chúng ở lại Āḷavī, còn ngài cùng một số

trưởng lão khác lại ra đi, lần này thì thẳng xuống phía nam, qua sông Gaṅgā, thăm viếng thành phố Bārāṇasī. Rời quê hương của tôn giả Yasa thuở nào, đức Phật và chư trưởng lão lại sang sông, đi dọc bờ bắc, ghé vườn Nai rồi trú ở đây một thời gian. Cứ mỗi nơi như vậy, đức Phật lại sách tấn chư tăng, ni, hai hàng cư sĩ trong đời sống tu tập.

Ra xuân, đức Phật lại lên đường nữa, ngài ghé Uruveḷā, thăm cội cây Bồ-đề, thăm ngôi làng Seṇāni của gia đình bà Sujātā dâng mâm cơm sữa. Thế là mãi đến đầu mùa hạ, đức Phật và đại chư vị trưởng lão mới về đến Trúc lâm tịnh xá. Mấy ngày đầu tiên, sau khi tiếp chư tăng, ni tại Rājagaha và vùng phụ cận, đức Phật tuyên bố là ngài cần nghỉ ngơi trong hương phòng một thời gian, chư vị trưởng lão tùy nghi trong mọi sinh hoạt.

Trong lúc đức Phật nhập thất, tôn giả Sāriputta nhờ tôn giả Moggalāna chăm sóc hội chúng, còn ngài cũng muốn tĩnh cư, an nghỉ để di dưỡng sức khỏe.

Đức vua Seniya Bimbisāra nghe tin đức Phật đã trở về Rājagaha, vui mừng quá, ông tự nghĩ: *"Ước chừng đã năm năm qua rồi, đức Thế Tôn mới trở lại Trúc lâm! Ôi! Thời gian đi qua nhanh quá! Nay ta cũng đã bốn mươi bảy tuổi rồi, sinh lực không được như xưa nữa. Còn đức Thế Tôn năm nay đã năm mươi hai, không biết bây giờ sức khỏe của ngài ra sao? Đợi sau khi đức Phật nhập thất xong, ta phải đi thăm mới được! Năm nay, ta sẽ thỉnh đức Tôn Sư an cư mùa mưa ở đây để đem đến sự an lành cho quốc độ"*.

Thế rồi, đợi chờ bảy ngày qua đi, đức vua Seniya

Bimbisāra, hoàng hậu Videhi, thái tử Ajātasattu - năm ấy đã hai mươi hai tuổi - cùng một số quan đại thần lên xe ngựa đến Trúc lâm tịnh xá.

Đức Phật tiếp chuyện đức vua, hỏi thăm tình hình quốc độ cùng đời sống của muôn dân, sau đó sách tấn đức vua và triều đình tu tập theo giáo pháp. Đức Phật đặc biệt nhắc nhở đức vua, nước phải lấy dân làm gốc, hãy chăm bón gốc thì cây cành mới xanh tốt, hoa trái mới thắm tươi. Ngoài ra, muôn dân phải được nương tựa nơi những vị quan thanh liêm của triều đình; triều đình phải được nương tựa nơi một đức vua tốt, một đấng minh quân. Tất cả đấy là điều kiện cần và đủ cho an vui và hạnh phúc của một quốc độ.

Để kết luận, đức Phật nói rằng, giáo pháp của Như Lai cũng tương tự thân cây vậy. Một cái cây thì có thân cây, cành nhánh, lá hoa và trái; thân cây thì có gốc, có ngọn, có vỏ ngoài, vỏ trong, phần thịt, phần xương và phần lõi. Công danh, lợi lộc trên đời này là cành và lá; vỏ ngoài, vỏ trong là giới; phần thịt, phần xương là định; hoa và trái là năm phép thần thông; và cái lõi cây, phần tinh túy là đạo quả thánh nhân A-la-hán vậy!

Nghe xong thời pháp, đức vua và hoàng hậu cung thỉnh để được đặt bát cúng dường bảy ngày đến đức Phật và tăng chúng. Và cũng để biểu tỏ sự hoan hỷ ở trong lòng, muốn chia sẻ với mọi người, vị vua thánh đệ tử hiền thiện này, tức khắc họp triều đình, ban lệnh khoan giảm tất thảy mọi án tù; đồng thời, trích của công, tổ chức hội hè cho dân chúng ăn uống, vui chơi trong suốt bảy ngày như thế. Đức vua muốn

"chăm bón cái gốc là muôn dân" như ý nghĩa bài thuyết pháp của đức Phật vậy.

Tin được loan ra, dân chúng tưng bừng mừng vui tán thán ca ngợi đức vua nhân đức, biết lo cho dân không hết lời.

Cái Trí Của Bậc Minh Quân

Tại kinh thành Rājagaha có một nhà trồng hoa nổi tiếng, tên là Sumana; buổi sáng nào ông cũng có bổn phận kết tám vòng hoa mang vào cung điện cho đức vua Seniya Bimbisāra, sau đó nhận được cả công và thưởng là tám đồng tiền vàng Kahāpaṇa, một khoản tiền khá lớn. Công việc này ông thực hành đều đặn, ngày này sang ngày khác, không dám bỏ quên một buổi nào. Gặp lúc ốm đau, cảm mạo thất thường thì ông nhờ người thân tín mang vào rồi thưa trình lý do cặn kẽ với các quan nội thị rất đàng hoàng.

Hôm nọ, như lệ thường, ông Sumana mang hoa vào thành phố rồi quành qua hướng vào cung điện thì gặp đức Phật và tăng chúng tỳ-khưu đang đi trì bình khất thực. Vì vào sáng sớm, đức Phật đã rà soát võng lưới, thấy có nhân duyên với người bán hoa nên ngài vừa bước đi thong dong, tự tại vừa phóng hào quang sáu màu vòng quanh kim thân, biểu lộ oai lực tối thượng của một bậc Chánh Đẳng Giác.

Khi thấy tướng hảo quang minh rực rỡ, hào quang sáu màu sáng dịu, lung linh lạ thường nơi kim thân đức Phật, ông Sumana nhìn sững, vừa hân hoan vừa sợ hãi. Sau đó, ông còn nhìn thấy những tướng quý, tướng tốt hiện ra nơi

thân tướng trang nghiêm của đức Phật nữa. Ông lẩm bẩm:

- Làm sao đây? Ôi! Mình có cái gì để cúng dường đức Phật đây? Ôi ! Dễ gì có một lần may mắn trong đời gặp một bậc sa-môn đại nhân xuất hiện ở trên đời?

Nhìn tám vòng hoa đang quành qua cổ, quành qua cánh tay, ông nghĩ tiếp:

- Ta sẽ cúng dường tám vòng hoa này tức khắc? Tại sao vậy? Nếu mang tám vòng hoa này vào cung thì ta chỉ kiếm được tám đồng tiền vàng Kahāpaṇa mà thôi. Nếu đem cúng dường tám vòng hoa này lên đức Phật thì ta sẽ được hạnh phúc, lợi lạc nhiều đời; và đồng thời, dĩ nhiên, ta sẽ bị xử phạt, bị tội tù! Vậy nên lấy cái lợi ích nhiều đời hay chọn bị xử phạt, tội tù một kiếp? Ôi! Cái kiếp sống chốc thoáng phù du, vui ít, khổ nhiều; ta sẽ chọn cái lợi ích lâu dài vậy!

Nghĩ thế xong, hân hoan, phỉ lạc phát sanh, nhanh như một sát-na tốc hành tâm, ông Sumana tung một lượt hai vòng hoa lên đầu đức Phật; bỗng nhiên, cả hai, chợt bung xòe ra như tán lọng, lơ lửng giữa hư không che đầu cho ngài. Hoan hỷ quá, ông Sumana tung thêm hai vòng hoa nữa ở bên phải của đức Đạo Sư thì tự nhiên chúng lại kết thành một bức màn hoa, che phía bên vai phải của ngài. Và rồi, cứ thế, hai vòng hoa nữa, thành màn hoa che bên trái; hai vòng hoa nữa, lại thành màn hoa che chắn phía sau lưng. Như thế là tám vòng hoa đã làm xong nhiệm vụ của mình, trang điểm quanh kim thân của đức Phật, chỉ chừa phía trước như một cánh cửa hoa để ngài bước tới, đi tới...

Hiện tượng lạ lùng vừa rồi chỉ là một chút phép mọn của đức Đạo Sư nhằm tăng trưởng đức tin và phước báu cho người trồng hoa; và đồng thời, gởi thông điệp hình tượng ấy cho cả muôn dân kinh thành Rājagaha. Quả thật vậy, dân chúng thấy chuyện lạ, ùn ùn kéo nhau đến đặt bát, ùn ùn đi sau chiêm ngưỡng một hình ảnh lạ lùng chưa từng thấy từ cổ chí kim.

Sumana xoa hai tay vào nhau, hân hoan, thoả mãn; hỷ lạc rần rần, nổi gai ốc cả người, ông từ từ, lặng lẽ đi ở phía sau, tâm trí như chìm sâu, lặn xuống một hồ nước thơm tho và mát mẻ dị thường. Ông đang hưởng hạnh phúc của riêng mình. Ông cười mỉm: Ừ! Bị xử phạt, bị tội tù, cho dẫu cái đầu này bị rơi đi thì cũng có sao đâu nào? Ôi! Ta sung sướng quá!

Đã về đến nhà. Bà vợ thấy sắc mặt quái lạ, nụ cười bí ẩn trong ánh mắt của chồng nên cất tiếng hỏi:

- Có chuyện gì vậy? Ông đang cười trong mê à? Vậy tám đồng tiền vàng đâu?

Ông Sumana có mê đâu, ông rất tỉnh, ông tỉnh một cách lạ lùng, ông nói:

- Bà nó à! Tôi cúng rồi! Tôi đã cúng dường hết tám vòng hoa kia cho đức Phật Gotama rồi!

- Hả? Ông nói cái gì vậy hả? Ông đã đem cúng hết cả tám vòng hoa à?

- Đúng vậy bà nó ơi! Ôi sung sướng quá!

- Sung sướng à? Sung sướng cái đầu ông! Sung sướng cái đầu sắp rơi khỏi cổ kìa! Ai đời, ông dám cả gan lấy tám vòng hoa của đức vua mà đem dâng cúng cho ông Gotama! Nguy to rồi! Không thoát tội đâu!

Ông Sumana bình tĩnh nói:

- Tôi biết rồi mà! Hẵng để một mình tôi chịu. Không liên hệ gì đến bà đâu!

- Tôi dại gì mà liên can! Từ rày về sau, tôi không còn dính líu gì với ông nữa.

Nói thế xong, bà vợ nhanh chóng thu xếp một vài vật dụng cần thiết, một ít tiền bạc phòng thân, bỏ trong cái đãy rồi quày quả bỏ đi, không thèm chào hỏi ông một tiếng. Bà đi thẳng vào hoàng cung, năn nỉ quân canh, xin gặp đức vua cho bằng được.

Khi được bệ kiến, đức vua hỏi:

- Nàng muốn tâu trình việc gì?

Bà kể:

- Chồng con là người trồng hoa, tên là Sumana, là người kết tám vòng hoa mỗi ngày, mang vào triều rồi nhận thưởng được tám đồng tiền vàng Kahāpaṇa. Ông làm việc ấy rất siêng năng, rất cần mẫn. Đột nhiên, sáng nay, ông ấy nổi điên, nổi khùng, lấy tám vòng hoa ấy dâng cúng cho ông Gotama. Hành động ngông cuồng của ông ấy, rõ là không coi luật vua, phép nước ra gì; và chắc chắn là bị xử phạt, bị tội tù, bị chặt đầu! Làm việc nghịch tặc động trời ấy mà mặt

mày ông ta tỉnh bơ, tỉnh queo! Lại còn nói là rất hạnh phúc, là rất sung sướng nữa chớ! Con sợ hãi quá nên mạo muội vào đây, tâu trình cho bệ hạ rõ. Việc dâng cúng tám vòng hoa cho ông Gotama, có phước báu gì đó thì ông ấy hưởng. Việc coi thường luật vua, phép nước, có tội gì đó với bệ hạ thì ông ta gánh chịu, không liên hệ gì với con cả. Sáng nay, con đã đoạn tuyệt, đã cắt đứt tình nghĩa vợ chồng với ông ta rồi. Xin đức vua anh minh, sáng suốt, chứng giám cho con sự thực nầy, lời khai thành khẩn nầy!

Đức vua Seniya Bimbisāra là một bậc thánh cư sĩ, lắng nghe hết lời thưa trình kể trên, ông nghe xót xa trong lòng, cảm thương cho đầu óc tối tăm, ngu muội của người đàn bà và của cả thế gian, nói chung, luôn sống theo bản ngã, dục vọng, tham sân si mà chúng không tự thấy, tự biết! Chúng luôn sống trong bóng tối của ích kỷ, tư kỷ, suốt đời tích luỹ hoài, tích lũy mãi chứ không chịu cho ai một xu, một cắc; chẳng bao giờ cúng dường cho sa-môn, đạo sĩ một muỗng canh, một vá cơm! Tuy nhiên, cái mặt phía bên kia của tối tăm, hôn ám ấy lại có một thế giới khác, thế giới của thí xả, thế giới của cho đi, thế giới của sáng láng, của trong sạch, của hỷ lạc thanh cao, êm đềm và yên tĩnh. Bất giác đức vua cảm thấy tôn trọng, kính trọng người bán hoa Sumana vô cùng, đã không cần tám đồng tiền vàng, coi thường cả mạng sống của mình khi làm một phước sự hy hữu. Có thể coi đây là sự bố thí, cúng dường sanh mạng được chăng? Có thể lắm chứ? Ồ, điều này ta sẽ tìm gặp đức Tôn Sư để hỏi cho cặn kẽ.

Nghĩ thế xong, đức vua Bimbisāra nhè nhẹ gật đầu:

- Thôi được rồi! Ta nghe xong chuyện rồi. Bà đã nói đúng, phước thì ông ấy nhận, tội thì ông ấy chịu, không liên hệ gì đến bà. Là đức vua tối cao của quốc độ nầy, ta xác chứng chuyện ấy, sự thực ấy!

Khi người đàn bà đi rồi, đức vua hối hả ban lệnh cho nội cung, nội thị chuẩn bị vật thực để dâng cúng cho đức Phật và tăng chúng. Do ở nhà trù vương cung, thượng vị loại cứng, loại mềm lúc nào cũng có sẵn nên lát sau, đức vua, tùy tùng, một số gia đình hoàng gia, với vật thực tươm tất, đầy đủ, họ đứng chờ đợi ở cổng cung điện.

Đức Phật khi ấy đang đến gần hoàng thành, ngài biết chuyện người đàn bà và cả tâm tư của đức vua nữa. Việc cúng dường tám vòng hoa coi thường sinh mạng mình của ông Sumana đã xúc động chánh pháp, xúc động tâm trí đức vua nên nó sẽ mang đến kết quả hiện tiền, là cái gương soi cho chúng sanh ba cõi.

Đức Phật đi đầu, tám vòng hoa uyển chuyển di động, uyển chuyển che chắn trên đầu, sau lưng, bên phải, bên trái như bức màn màu sắc; và phía trước, một cánh cửa hoa di động, trông đức Phật như đang bước ra từ rừng hoa... Thấy cảnh tượng huy hoàng ấy, đức vua tràn đầy hoan hỷ, bước ra đảnh lễ và dâng cúng vật thực. Những gia đình hoàng gia, quý tộc, tùy tùng theo sau đức vua, từng đoàn, từng đoàn cùng nhau ra đặt bát, không những cho đức Phật mà cho cả đoàn chư tăng như con rồng vàng kéo dài ra tận phố. Dân chúng thì càng lúc càng đông, vòng trong, vòng ngoài,

trong nhà, trên mái nhà, trên cây, trên tường thành; họ chiêm ngưỡng tám vòng hoa di động như có mắt thấy, như có chân đi, như có cánh bay chập chờn... rồi họ tán thán, rồi họ reo vui lành thay... xao động cả vùng trời...

Đức vua và tùy tùng cùng đứng lặng, không nói gì, chỉ chấp tay chiêm ngưỡng; ai cũng phát sanh niềm hỷ hoan dịu nhẹ, êm đềm và thanh khiết. Con rồng vàng dài dằng dặc, đức Phật và tám vòng hoa dẫn đầu, lại từ từ quay lưng trở lại Veḷuvanārāma tịnh xá.

Buổi chiều, đức vua Seniya Bimbisāra cho gọi người trồng hoa Sumana đến, cất tiếng hỏi, ra vẻ nghiêm khắc:

- Sao ngươi lại cả gan dám lấy tám vòng hoa của ta mà dâng cúng cho đức Phật? Ngươi không sợ bị xử phạt, bị tội tù, bị tử hình hay sao?

Ông Sumana khép nép, cúi đầu:

- Tâu bệ hạ! Bị xử phạt, bị tội tù, bị tử hình có ai mà không sợ! Nhưng vì lúc ấy cái tâm cúng dường nó lớn mạnh quá, nó ùn ùn dâng lên tràn đầy, choáng ngợp cả tâm trí của con... nên có chút sợ hãi nào thấp thoáng ở đó được đâu!

- Kể cả chém đầu, ngươi cũng không sợ sao?

- Dạ, cũng không sợ!

Đức vua lại gặng hỏi:

- Đấy là giả dụ, còn bây giờ là sự thật. Ta cho quân chặt đầu ngươi ngay tức khắc, ngươi có sợ không?

Ông Sumana chợt nở nụ cười tươi như hoa, từ tốn và điềm đạm nói:

- Tâu bệ hạ! Điều này thì con đã suy nghĩ chín chắn rồi, đã cân phân tính toán, lựa chọn rồi. Một bên là tám đồng tiền vàng, ổn định được đời sống phù du, trăm năm thoáng trôi. Một bên là sự nương tựa cho nhiều đời, an vui cho nhiều kiếp. Dĩ nhiên là con chọn lựa cái lợi lạc lâu dài vậy. Khi đã lựa chọn cái lợi lạc lâu dài thì kiếp này, con chấp nhận bị xử phạt, bị tội tù, hay bị chém đầu... cũng là lẽ đương nhiên vậy!

Thấy người trồng hoa ung dung, bình tĩnh, ăn nói đâu ra đó, rõ ràng, mạch lạc; lại còn dám xả bỏ thân mạng khi dâng cúng tám vòng hoa, đức vua không còn hồ nghi gì nữa. Đây là bố thí ba-la-mật, không bậc thượng thì cũng là bậc trung, cao thượng vô cùng, thế gian ít người làm được.

Đến bây giờ đức vua mới nở nụ cười:

- Những câu hỏi có vẻ nghiêm khắc của ta vừa rồi là chỉ muốn thăm dò cái tâm bố thí của ngươi đấy thôi. Ta là đệ tử của đức Thế Tôn, và ta tu tập theo giáo pháp thoát khổ của ngài cũng đã khá lâu, đã gần hai mươi năm về trước. Ta cũng đã từng trân trọng bố thí cúng dường, tài vật cũng lớn lắm, nhiều lắm. Nhưng bố thí cúng dường mà không sợ chết, dám coi thường sinh mạng như ngươi thì ta không bằng được. Vậy, ta vô cùng ngưỡng mộ! Ta vô cùng ngưỡng mộ cái tâm cúng dường kiên định ấy! Ngươi đúng là một bậc đại nhân, một bậc đại trượng phu (mahāpurisa) hiếm có

ở trên đời. Ngươi sẽ không bị bất cứ một tội danh gì hết, dù lớn dù nhỏ; ngược lại, ngươi sẽ được ban thưởng một cách xứng đáng, hậu hỹ!

Sau đó, đức vua lệnh cho quan nội cung, thủ khố tức khắc ban thưởng cho ông Sumana tám ngàn đồng tiền vàng, tám voi, tám ngựa, tám tôi trai, tám tớ gái, tám bộ y phục cực kỳ sang quý, tám cung nữ xiêm áo lộng lẫy được phóng thích khỏi hoàng cung để hầu hạ Sumana. Đức vua còn cung cấp thêm lợi tức tám ngôi làng ở ngoại ô để ông ta sinh sống được nhàn tản, thảnh thơi trọn đời...

Ông Sumana quỳ lạy và nói lời tri ân.

Đức vua trang nghiêm nói:

- Không cần phải tri ân ta. Người đáng được xưng tán, tri ân chính là đức Đạo Sư, chính là giáo pháp, chính là tăng-già. Cũng chính nhờ Tam Bảo mà ta có được cái thấy biết sáng suốt, cái tâm thanh bình, an lạc ngày hôm nay. Ta trọng thưởng cho ngươi, không chỉ là phước quả hiện tiền của ngươi, mà còn là cái mặt trời, mặt trăng cho quốc độ này nữa. Ngươi chưa biết đấy thôi. Người có tâm bố thí cúng dường thì thường dễ có thêm giới đức, thường dễ có thêm đức tin, thường dễ có thêm cái trí xa lìa ác độc, tham sân. Nếu những điều tốt đẹp ấy được nhân rộng ra toàn xã hội thì đâu cũng biết nhường cơm sẻ áo, đâu cũng có tấm lòng, đâu cũng không có trộm cắp, tà vạy, ác hạnh; và đây chính là thiên đàng tại thế rồi còn gì?

Sumana như được mở rộng tâm, mở rộng trí do lời dạy

bảo của đức vua hiền thiện, ông vui sướng nói:

- Bệ hạ lại còn cho con uống thêm một liều thần dược của giáo pháp nữa! Con vô cùng cảm kích!

Chợt đức vua cười ha hả, đứng dậy:

- Nói vậy thì nghe được! Thôi, ông về đi! Nhớ sống theo giáo pháp! Nghĩa là sống cho tốt, lợi ích cho mình, lợi ích cho người! Nghe! Đại nhân!

Chuyện người trồng hoa Sumana cả gan lấy tám tràng hoa của đức vua đem dâng cúng đức Phật, thay vì bị xử phạt, bị tội tù, lại được đức vua trọng thưởng hậu hĩ, không mấy chốc, như hương thơm bay nhanh hơn làn gió thổi khắp kinh thành Rājagaha. Ở đâu cũng bàn tán chuyện hy hữu, lạ đời ấy. Chư phàm tăng ở tịnh xá Trúc lâm cũng vậy, không những xôn xao bàn tán mà họ còn đặt những câu hỏi liên hệ đến phước quả hiện tiền, liên hệ đến quả dị thục trong tương lai là như thế nào nữa.

Đức Phật biết rõ chuyện ấy, nên chiều kia, tại chánh pháp đường, ngài đã giải minh những thắc mắc ấy:

- Này đại chúng tỳ-khưu! *Đức Phật giảng giải* - Sở dĩ người trồng hoa Sumana cúng dường tám vòng hoa lại được trả quả báo trong hiện tại, là do ông ta đã hội đủ bốn điều kiện sau đây.

Thứ nhất, là khi cúng dường, ông không hề nghĩ đến sự hiểm hoạ, không nghĩ đến sanh mạng của mình; sự cúng dường ấy được gọi là cúng dường cao thượng, cúng dường

ba-la-mật đó vậy!

Thứ hai là, lúc cúng dường, tâm ông nhanh nhạy, làm tức khắc, ở sát-na tâm thứ nhất[1], không phân vân, không lưỡng lự, không do dự.

Thứ ba, trước khi cúng dường, tâm ông hỷ hoan, trong khi cúng dường, tâm ông hỷ hoan, sau khi cúng dường, tâm ông hỷ hoan; nghĩa là hỷ hoan cả ba thời, trước khi, trong khi và sau khi.

Thứ tư, điều kiện cuối cùng, đối tượng cúng dường ấy là bậc Vô Lậu, không còn tham sân, phiền não như Như Lai, một đức Chánh Đẳng Giác.

Vậy bất cứ ai, lúc bố thí cúng dường mà hội đủ bốn điều kiện nêu trên, đều được trả quả vi diệu tức khắc ngay trong hiện tại này. Cũng có trường hợp đặc biệt, thù thắng nữa là ai đặt bát cúng dường cho chư vị Phật Độc Giác, hai vị Đại đệ tử, chư đại trưởng lão A-la-hán hay A-na-hàm sau bảy ngày xuất định diệt thọ, tưởng định thì cũng có khả năng thâu hái phước quả hiện tiền như thế.

---

[1] Theo Abhidhamma, trong 7 sát-na tác hành tâm (javana), ai có tư tác ngay trong sát-na thứ nhất thì trả quả ngay trong hiện tại; 4 sát-na tiếp theo thì trả quả trong nhiều đời sau, chưa biết kiếp nào; 2 sát-na cuối cùng sẽ trả quả đời sau, tức đời kế tiếp (Nếu làm với sát-na tâm thứ nhất, không kể thiện hay ác. Thiện thì như tích truyện này và chuyện hai vợ chồng chỉ có một tấm áo choàng dâng cúng cho đức Phật; ác thì như tích truyện người thợ săn ác độc xua bầy chó cắn vị tỳ-khưu, ông ta bị trả quả bị chó cắn xé thân xác ngay tại chỗ).

Đại chúng thở phào, nhẹ nhõm; họ đã thấy rõ được sự kỳ diệu, vi tế của tâm và cả lý do của nhân, của quả.

Về sự thắc mắc còn lại, là quả dị thục trong mai hậu, nhiều kiếp về sau nó sẽ như thế nào, thì đức Phật lại đọc một bài kệ:

"- Những người bố thí cúng dường,

Với tâm cao thượng, pháp hương nhiệm mầu;

Lâu xa trăm kiếp địa cầu,

Khỏi rơi ác đạo, khổ đau bốn miền,[1]

Hằng luôn hưởng phước nhân thiên

Rồi đắc Độc Giác, thắng duyên Niết-bàn![2]"

Âm Mưu Của Devadatta

Sau mùa an cư thứ ba mươi bảy tại Đông-phương-lộc-mẫu, đức Phật đột ngột ôm bát cùng với Ānanda, hai vị Đại đệ tử và một số vị trưởng lão khác, chừng mươi vị, lên đường, xuôi hướng đông nam. Lần này, đức Phật và phái đoàn lại lên núi Linh Thứu.

Mặc dù bao năm nay, đường lên Linh Thứu đã được đức

---

[1] Tứ ác đạo: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la.

[2] Dịch từ câu Pāḷi: Kappānaṃ satahahassaṃ, duggatiṃ na gamissati, ṭhatvā devamanussesu, phalaṃ etassa kammuno, pacchāpaccekasambuddho, sumano nāma bhavissati (Chú giải kinh Pháp Cú của trưởng lão Pháp Minh).

vua Seniya Bimbisāra cho sửa sang nhưng hễ sau mùa mưa lũ lại bị xói mòn thành khe thành rãnh trở lại. Tuy leo núi khó khăn nhưng đức Phật cứ từ từ, chậm rãi, hơi thở điều hòa, tay bát tay gậy vẫn có vẻ thung dung. Chư vị trưởng lão cũng vậy, dốc núi thì cao mà ai cũng có vẻ thảnh thơi như đi dạo mát!

Tại đỉnh núi Linh Thứu, đức vua có xây cất cho đức Phật một hương thất, nhỏ nhắn thôi nhưng trông rất xinh xắn, hài hòa, bao năm rồi mà vẫn còn vững chãi giữa mưa nắng tuyết sương. Chư đại trưởng lão thì ai cũng có những hang đá cho riêng mình. Họ nghỉ ngơi ít hôm.

Tại đây, đức Phật giáo giới chư vị trưởng lão một số cốt lõi về Pháp và Luật cũng như trong việc hoằng pháp rồi phái đoàn lại xuống núi, về Trúc lâm tịnh xá.

Hôm kia, có lẽ đã chuẩn bị đâu đó sẵn sàng, tôn giả Devadatta dẫn một hội chúng chừng ba bốn trăm vị tỳ-khưu từ tu viện Gayāsīsa về Trúc lâm tìm gặp đức Phật, ông ta nói Thế Tôn niên trưởng đã cao, sức đã yếu[1], đệ tử thấy đức Thế Tôn nên nghỉ ngơi, tịnh dưỡng là phải lẽ. Còn công việc của giáo hội, hãy để cho ông ta làm chưởng quản, chăm sóc và lãnh đạo chư tăng.

Đức Phật biết rõ tâm địa cùng mưu đồ bất chánh của

---

[1] Ở tư liệu nào cũng nói như vậy, nhưng, chúng ta lưu ý: Đức Phật và Yasodharā cùng tuổi; Devadatta là anh ruột của Yasodhrā, vậy thì ông ta tối thiểu cũng lớn hơn đức Phật một hoặc hai tuổi? Thế thì câu nói, đức Thế Tôn đã già yếu - thì Devadatta lại càng già yếu hơn?!!!

ông nên ngài từ chối và cất giọng khuyến cáo coi ông là một kẻ cuồng vọng!

Do đức Phật không chấp thuận yêu cầu của Devadatta, nên ông ta cảm thấy bất mãn, căm thù ngài. Và cũng bắt đầu từ đây, Devadatta vạch ra một chiến lược, rồi từng bước, từng bước đi theo chiến thuật, kế sách đã tính toán sẵn, hầu giết hại đức Tôn Sư.

Bị Thái Tử Ajātasattu Hành Thích

Khi nghe tin đức Phật cho hai vị thượng thủ giáo hội cùng chư đệ tử đi công bố trong thành Rājagaha về hành động chia rẽ tăng của mình, dù không chính thức dùng thuật ngữ trục xuất, cũng nổi bật sự việc là Devadatta bị đuổi khỏi giáo hội tăng đoàn; hay được tin này, ông ta tức giận như điên, như cuồng...

Trước đây đã hơn một năm rồi, Devadatta đến bệ kiến thái tử Ajātasattu để tìm người có quyền lực hậu thuẫn ý đồ mờ ám của mình. Ông đã lòe bịp vị thái tử nhiều dã tâm, nhiều tham vọng nhưng ngây thơ này, bằng cách trổ một vài món pháp lực nho nhỏ.

Nghe hoàng hậu Videhi kể lại với thần y Jīvaka khi ông sang chữa bệnh cho bà. Bà nói: Một cận sự của thái tử cho biết rằng, hôm đó, tôn giả Devadatta hóa phép một con rắn độc to lớn, dữ tợn quành quanh cổ ông ta với cái lưỡi độc thò ra, làm cho thái tử vô cùng kinh sợ. Quả nhiên, thái tử Ajātasattu hoàn toàn khiếp phục bởi pháp thuật của

Devadatta nên thái tử đã tình nguyện hỗ trợ đắc lực trong khả năng quyền hạn có sẵn.

Người cận sự còn nghe rõ ràng Devadatta mở lời thuyết phục thái tử như sau:

- Người có chí lớn không câu nệ tiểu tiết cùng những đạo đức nhân nghĩa tầm thường trên thế gian. Trong tương lai, quyền lãnh đạo châu Diêm-phù-đề nầy ở trong tay thái tử và bần đạo. Chỉ có hai chúng ta thôi! Vậy thì thái tử hãy mau mau giết vua cha mà lên ngôi, sau đó, tranh đoạt thiên hạ. Tuy nước Kosala hiện giờ là bá chủ chư hầu nhưng về thực lực kho lẫm và binh bị, Sāvatthi kia không thể bì với Rājagaha của chúng ta được. Vả lại, thái tử có lợi thế, mẹ của thái tử vốn là em gái của đức vua Pāsenadi nước Kosala; chị gái của vua cha vốn là hoàng phi của đức vua Kosala. Vậy ta sẽ có mưu kế nội công, ngoại kích mà kẻ thù sẽ không ngờ tới. Như vậy, phần của thái tử sẽ rất dễ dàng chu toàn đại sự. Còn bần đạo, đầu tiên, bần đạo sẽ giết ông sa-môn Gotama để nắm trong tay quyền lãnh đạo tăng-già. Như thái tử biết đấy, bần đạo có chút phép mọn thần thông biến hóa, biết việc quá khứ, vị lai; vậy chuyện thành công và vinh quang sau này của chúng ta là sự thật đương nhiên không cần bàn tới nữa.

Thế rồi, do danh vọng tối ám che mờ lương tri, do quá tin tưởng kẻ hoa ngôn, xảo ngữ, thái tử đã có một hành động vô cùng xấu xa, tội lỗi... Tuy việc được giữ kín, đức vua không muốn cho ai hay biết, nhưng hoàng hậu Videhi biết, và rồi thần y Jīvaka cũng biết. Nên mấy hôm sau, thần

y Jīvaka lại ghé Trúc lâm, dáng vẻ hối hả tìm gặp đức Phật, và thưa bạch rằng:

- Thái tử Ajātasattu đã hành động soán nghịch thật rồi. Hôm kia, đội quân cấm vệ của đức vua phát giác thái tử lén lút vào cung trong đêm khuya, họ chận lại để lục soát thì tìm thấy một thanh gươm giấu trong áo bào. Quân cấm vệ dẫn thái tử đến gặp vua cùng với thanh gươm và kể lại tự sự.

Đức vua nghiêm khắc hỏi:

- Con có biết mang gươm vào cung, trong đêm khuya là bị tội chém đầu không?

- Tâu phụ vương, con biết.

- Hóa ra con muốn giết phụ vương sao?

- Đúng vậy! Con muốn hành thích phụ vương, vì con muốn làm vua. Con đã lớn tuổi rồi.

Đức vua Seniya Bimbisāra lặng người giây lát:

- Muốn làm vua thì ta sẽ để cho con làm vua, cớ sao lại phải giết ta? Chỉ cần con nói ngay một tiếng thì ta sẽ thoái vị, nhường ngôi cho con liền ngay mà!

Thái tử Ajātasattu cúi đầu:

- Con không biết như vậy. Con đã ngu si, dại khờ làm việc bất hiếu, xin phụ vương tha tội cho con!

Quan sát nét mặt của thái tử, vua biết việc này có cái gì khuất tất ở đằng sau nên hỏi tiếp:

- Ai xúi giục con làm việc đại nghịch bất đạo này?

Thái tử nín lặng.

Đức vua bảo quân cấm vệ ra ngoài rồi tra xét thái tử Ajātasattu một cách gắt gao, cuối cùng, thái tử mới tiết lộ đấy là Devadatta.

Đức vua cho thái tử hồi cung.

Sau đó, thấy việc hệ trọng nên ngay trong đêm, đức vua cho triệu tập các vị quan lão thần thân tín rồi kể lại cho họ nghe việc soán nghịch của thái tử.

Một vị tâu:

- Phép nước thì phải nghiêm, phải minh, là phải chém đầu thôi, tâu bệ hạ!

Một vị khác:

- Đồng ý là vậy! Nhưng xét về gốc tội thì phải luận đến kẻ chủ mưu! Thái tử chỉ là kẻ tòng phạm thôi, tâu bệ hạ!

Một vị khác nữa:

- Vậy thì phải giết hết tất cả chúng để răn đe. Cả thái tử, cả Devadatta, và cả những ai liên hệ trong âm mưu này nữa, tâu bệ hạ!

Đức vua trầm ngâm, lát sau, ông nói:

- Trẫm không thể xuống tay hay ra lệnh giết con mình dù nó phạm tội không thể dung tha. Còn về Devadatta thì đức Đạo Sư và nhị vị thượng thủ giáo hội đã công bố khắp kinh thành là không còn chịu trách nhiệm gì trước những hành động của ông ta nữa. Dù Devadatta ác độc, đã xúi giục

thái tử làm điều vô luân, vô đạo nhưng ông ta cũng đang quàng chiếc y vàng, biểu tượng cho ngọn cờ của bậc thánh hạnh, trẫm không dám đụng đến đâu. Lại nữa, Devadatta còn là anh ruột của thánh ni Yasodharā, là anh rể của thái tử Siddhattha trước đây nữa!

Một lão thần biết sự khó xử của đức vua hiền thiện nên góp ý:

- Chỉ có đức Thế Tôn là sáng suốt nhất, sao bệ hạ không đến Trúc lâm thỉnh thị ý kiến của ngài? Biết đâu sẽ có một giải pháp lưỡng toàn, vừa nghiêm được phép nước vừa không đụng chạm đến Devadatta một cách quá đáng?

Đức vua yên lặng một lát:

- Chuyện này mà được đồn đãi ra ngoài cũng không hay ho gì. Thôi, trẫm và các khanh giấu kín chuyện này đi, coi như không có gì xảy ra. Ngay ngày mai, trẫm sẽ xuống chiếu cho trăm họ hay biết rằng, trẫm sẽ thoái vị và truyền ngôi cho thái tử, thế là yên! Các khanh về đi!

Chư vị lão thần muốn góp ý do không vừa lòng việc truyền ngôi cho thái tử nhưng đức vua đã xua tay, như đã quyết định rồi; họ thở dài, cúi đầu, lòng ai cũng nặng trĩu.

Khi việc công bố đức vua Seniya Bimbisāra thoái vị, sẽ truyền ngôi cho thái tử Ajātasattu và sau đó là lễ đăng quang vương vị vừa được thông tin truyền đi khắp nơi.

Đức Phật triệu tập chư vị đại trưởng lão, nói rằng:

- Các ông hãy cho thông tri khắp tất cả mười tám đại tu

viện, tịnh xá trong và ngoài kinh đô Rājagaha, rằng là, trong ngày lễ đăng quang của thái tử, không một vị tăng vị ni nào trong giáo hội của Như Lai được phép vào hoàng cung dự lễ. Chúng ta là người xuất gia phạm hạnh, không nên tham dự những công việc triều chính phức tạp với nhiều ý đồ, nhiều tham vọng bất chánh...

Và quả đúng như câu nói khá rõ ràng của đức Phật, ngày mai đăng quang thì tối hôm ấy, thái tử Ajātasattu cô lập vua cha ở trong một biệt điện với mấy lớp khóa; và bắt bỏ ngục một số quan lão thần khác.

Hoàng hậu Videhi và thần y Jīvaka biết rõ việc đức vua bị giam lỏng và các lão thần bị nhốt ngục; họ rất đau lòng nhưng chỉ tâm sự với nhau rất kín đáo, nếu không, Devadatta mà biết thì ông ta cũng xúi thái tử nhốt họ luôn. Khi đã bị mê mờ về danh vọng và quyền lực thì bọn chúng đâu còn nghĩ gì về lẽ hiếu đạo và nhân nghĩa ở đời?

Hoàng hậu nói với vị thần y:

- Tôi bị cung nữ tay chân của thái tử theo dõi nên không rời đi đâu được. Hay là ngài vì tôi đến gặp đức Thế Tôn, kể lại chuyện đức vua bị cô lập, các lão thần bị nhốt ngục, xem thử đức Tôn Sư có dạy bảo gì không?

Jīvaka nói:

- Lệnh bà hãy yên tâm, chúng ta không cần đi đến Trúc lâm trong lúc này, nguy hiểm lắm! Hãy ẩn nhẫn cái đã. Đức Tôn Sư đã biết tất cả cái gì xảy ra ở đây, khi ngài từ chối không tham dự.

- Ừ, quả đúng vậy thật!

- Lệnh bà hãy cho người âm thầm lắng nghe những cuộc họp bàn giữa thái tử và Devadatta. Tôi còn sợ bọn người vô lương tri kia nhốt ngục đức vua vĩnh viễn và họ thủ tiêu luôn các vị lão thần đó!

Hoàng hậu Videhi rùng mình ớn lạnh, than dài:

- Ôi! Trời ôi! Chúng đã mất hết nhân tính rồi!

Trong lúc ấy, khi cuộc lễ diễn ra, cả trăm vị quan đương triều, hằng ngàn gia chủ hữu danh, phú hộ, triệu phú; và đại diện cả hằng trăm nhân sĩ, trí thức, đạo sĩ, giáo chủ và các tôn giáo họ không thấy đức vua cùng các vị lão thần uy tín thì bóng tối hoài nghi chợt phủ mờ trong mắt họ. Lại nữa, tại sao cuộc lễ quan trọng, lớn lao như thế này mà lại vắng mặt đại sa-môn Gotama và chư đệ tử của ngài? Họ đặt câu hỏi và quần chúng cũng đặt câu hỏi? Ngoại trừ một số người muốn ủng hộ tân quốc vương để tìm kiếm danh lợi thì ở lại tham dự, còn đa phần họ tuần tự, lặng lẽ rút lui. Họ bất phục và họ âm thầm chống đối. Và sau khi biết rõ, đức Phật và giáo hội của ngài đã tỏ thái độ bất hợp tác, tẩy chay triều đình mới thì quần chúng, cả trí thức và bình dân đều tỏ ra hả dạ. Từ đây, họ lại còn phân biệt được đâu là giáo đoàn của Devadatta sống trong tà mạng bất chính và đâu là giáo đoàn của đức Phật cùng tăng, ni thánh hạnh của ngài.

Sau lễ đăng quang, đức vua Ajātasattu được tay chân báo cáo về sự âm thầm chống đối của dân chúng, họ *"hùa theo"* ông Gotama thì ông ta rất giận dữ. Tuy nhiên, ông ta

còn bình tĩnh để suy nghĩ rằng, tuyệt đối cái ông Phật kia không thể đụng đến được! Đụng đến đức Phật và giáo hội của ngài là đụng đến đức vua Kosala hùng mạnh và cả trăm tiểu quốc châu Diêm-phù-đề này nữa. Chưa nói đến binh lực tất cả các nước hợp quần và sự trừng phạt của họ, mà chỉ cần một lệnh cô lập ngoại giao, cô lập giao thương, kinh tế... là Māgadha đã sống dở, chết dở rồi!

Cho đến lúc này thì quân sư Devadatta cũng bó tay, không còn mưu kế. Ông nghĩ, tất cả đều do ông Gotama mà ra cả. Chỉ có kế thượng sách là giết ông ta mà thôi!

Sau đó, Devadatta giết Phật bằng cung nỏ và lăn đá, nhưng đều thất bại. Đức Phật chỉ bị một mảnh đá nhỏ, bầm tím và rỉ máu.

An Tịnh Trong Ngục Tối

Trong thời gian đức Phật nghỉ dưỡng thương, thần y Jīvaka dâng cúng vật thực hằng ngày. Ông còn cho đức Phật biết tin là đức vua Seniya Bimbisāra đã bị ông vua con giam vào ngục tối; và các vị lão thần thân tín của đức vua đều bị thủ tiêu một cách bí mật. Thế là tội ác của Devadatta và Ajātasattu đã không còn thuốc chữa, càng ngày càng lún sâu vào địa ngục!

Do nhờ sự chỉ dẫn và mưu kế của thần y Jīvaka, thái hậu Videhi đã hóa trang, ngồi trong chiếc xe bít bùng đến vườn xoài hội kiến đức Phật. Đôi mắt bà sưng húp do khóc nhiều và khuôn mặt xanh xao vàng võ chứng tỏ thiếu ăn, thiếu

ngủ. Vừa thấy mặt đức Phật, thái hậu quỳ sụp xuống đất và khóc ròng rã.

Đức Phật để yên cho thái hậu khóc, một hồi, ngài nói:

- Thái hậu đã quá thương cảm, điều ấy cũng đúng thôi! Nhưng hãy tỉnh táo, kể lại cho Như Lai nghe về tình trạng của đức vua ở trong ngục hiện giờ như thế nào?

Thái hậu lau ráo lệ.

- Bạch Thế Tôn! Tình trạng ngày càng tệ. Hắn đã nghe lời xúi giục của tên ác tăng Devadatta bắt vua cha giam vào ngục tối, lại còn cho quân ngục canh gác rất cẩn thận. Ba bốn hôm đầu, đệ tử còn được phép vào thăm và mang theo vật thực cho đức vua dùng, nhưng sau đó, hắn đã táng tận lương tâm, chỉ cho đệ tử vào thăm nhưng không được mang theo thức ăn nữa. Đệ tử bèn nghĩ cách là giấu thức ăn trong búi tóc[1] rồi cột khăn quàng đầu lại trông rất tự nhiên nên chúng chẳng nghi ngờ gì. Được sáu bảy ngày, chúng thấy sao đức vua bị bỏ đói lâu ngày mà thần sắc vẫn tươi tỉnh nên chúng nghi ngờ, lục soát rất kỹ, bắt xõa tóc thì vắt cơm rơi ra. Và chúng còn bảo, đó là lệnh trên, chúng không dám không tuân, xin lệnh bà thứ tội!

- Vậy thì bệ hạ bị bỏ đói mấy hôm rồi?

- Thưa, đã ba hôm!

- Sau đó như thế nào nữa, thái hậu?

---

[1] *...she took food in her head-dress (molī)... Xem Sđd – Q2, trang 287.*

- Sau đó, đệ tử nghĩ kế khác. Đệ tử đã nấu cơm, tẩm thêm sữa, đề hồ, mật ong rồi nghiền chúng thật nhuyễn. Sau khi tắm rửa, kỳ cọ thân thể sạch sẽ, đệ tử phết chất nhuyễn hỗn hợp thức ăn ấy lên người rồi mặc xiêm bào mới vào rồi tự nhiên đi đến ngục. Bọn quân ngục lại lục soát rất kỹ cũng không tìm thấy. Thế là với phương cách ấy, đệ tử cạo lột chất nhuyễn ấy cho đức vua dùng, và cũng chỉ mới được ba hôm thôi, bạch Thế Tôn!

- Cách này cũng không được lâu, khi chúng thấy đức vua nhịn đói hoài mà vẫn mạnh khoẻ, chúng sẽ không cho thái hậu vào thăm nữa!

Rồi đức Phật dịu dàng cất tiếng hỏi:

- Quan trọng nhất là tinh thần! Tình trạng tinh thần của bệ hạ ra sao, thưa thái hậu?

- Tinh thần của đức vua thì rất tốt. Khi đệ tử khóc vì không còn mang được thức ăn vào nữa thì đức vua mỉm cười, nói với đệ tử rằng: Không sao đâu bà, không ăn cũng có cái tốt của không ăn. Bây giờ, nhờ không ăn, thân tâm rỗng rang, ta đã hành thiền rất tốt đấy! Đức vua trấn an đệ tử như thế đó, bạch Thế Tôn!

- Điều đó là đáng mừng nhất, thưa thái hậu. Mỗi người ai cũng có nghiệp của mình, phải bị trả quả. Nhưng cái quả dữ bị giam vào ngục tối, bị bỏ đói mà tâm trí đức vua vẫn sáng suốt và an tịnh. Cái quả dữ kia đã được đức vua vô hiệu hóa rồi đó, thái hậu đừng quá sầu não nữa.

Thái hậu như đã bình tĩnh trở lại:

- Có điều kỳ lạ là đức vua không tỏ vẻ một chút nào là thù hận Devadatta cũng như đứa con bất hiếu, ông còn thương cảm sự vô minh và si mê của chúng nữa, bạch đức Thế Tôn!

- Vâng, đấy là tâm của bậc thánh giả!

- Đức vua còn nói rằng, ta có thể nhịn đói, an tịnh như thế này mà ra đi cũng được, bà đừng lo lắng và thương cảm cho ta. Nhờ ngục tối, nhờ cô đơn, ta chiêm nghiệm sâu xa về giáo pháp của đức Tôn Sư; và bây giờ ta mới thực sự hiểu thế nào là vô thường, vô ngã và rỗng không của thế gian pháp! Ông ta đã nói như thế đó, bạch Thế Tôn!

- Đức vua nói đúng sự thực đấy, thưa thái hậu! Và dường như đức vua chỉ lo lắng một điều...

- Vâng, phải, quả vậy, bạch Thế Tôn! Đức vua nói, ta chỉ lo lắng một điều, là đứa con ngu si lại gây ra nạn chiến tranh can qua với nước này, nước nọ sinh ra cảnh đầu rơi, máu chảy của muôn dân vô tội mà thôi!

- Đúng vậy, đấy là sự lo lắng chính đáng! Nhưng xin thái hậu hãy nói với đức vua là ngài hãy yên tâm trong lúc này, tất cả hãy để cho nhân duyên và quả nó làm việc.

Chợt thái hậu có vẻ hốt hoảng:

- Nguy rồi, bạch Thế Tôn! Đệ tử đã mật truyền cho một vị quan trẻ thân tín về Sāvatthi, tâu trình sự việc lên đức vua Kosala, là nhờ ông vua cậu trừng phạt thằng cháu bất hiếu! Ôi! Nguy rồi! Lệnh đi rồi làm sao rút lại được?

Đức Phật mỉm cười:

- Thái hậu an tâm! Vị quan trẻ ấy không thể có thần lực đi đến Sāvatthi nhanh hơn ông đệ nhị Đại đệ tử của Như Lai đâu! Như Lai đã bảo Mahā Moggallāna nói với đức vua Kosala hãy cố gắng kềm chế cơn tức giận trong trường hợp như dầu sôi, lửa bỏng nầy! Thái hậu hãy tường trình lại với đức vua như vậy để cho ngài khỏi phải lo lắng nữa.

Thái hậu Videhi quỳ sụp xuống:

- Vô vàn tri ân đức Thế Tôn!

Sau hôm đó, đức Phật và chư vị trưởng lão trở lại Trúc lâm được mấy hôm thì thần y Jīvaka đến cho biết tin là đức vua Seniya Bimbisāra đã qua đời, trong tình trạng rất thanh thản và an bình.

Đức Phật hướng tâm một lát rồi tuyên bố với đại chúng:

- Đức vua Seniya Bimbisāra đã ra đi! Thế là ông hưởng thọ được sáu mươi bảy năm, trị vì quốc độ thanh bình và thịnh vượng năm mươi hai năm, là một vị minh quân hiếm có trên cuộc đời, là ân nhân của bá tánh và cũng là bậc hộ pháp cho giáo hội. Hiện giờ, ông đã hóa sanh lên cõi trời Tứ đại thiên vương, là một vị thiện Yakkha[1] nhiều thần lực, có tên là Janavasabbha, làm người tùy tùng thân cận đức Vessavaṇa (Tỳ-sa-môn thiên vương)[2].

Chuyện đức vua hiền thiện Sineya Bimbisāra qua đời

---

[1] Yakkha: Dạ-xoa, nhưng là dạ-xoa thiên, thiện, có thần lực.

[2] Theo Dictionary of Pāḷi Proper Names - Q2, trang 287.

trong ngục tối, khi chư tăng biết thì toàn thể kinh đô đều biết. Muôn dân phẫn nộ và âm thầm nguyền rủa đứa con bất hiếu. Lại nữa, chuyện ác tăng Devadatta cho cung nỏ giết Phật, lăn đá hại Phật cũng đã được loan truyền đi khắp nơi. Như vậy, sự bất mãn, sự chống đối, sự căm ghét Ajātasattu và Devadatta như những cơn sóng ngầm lan tỏa trong lòng mọi người, nếu không có ai kiềm chế thì có thể biến thành trận lửa cháy nội loạn chăng?

Chuyện không dừng lại ở đó, Devadatta còn cho giết Phật bằng cách cho con voi dữ Nālagiri uống mười sáu hũ rượu gạo. Rồi cũng thất bại vì đức Phật đã dùng năng lượng tâm từ nhiếp phục voi say.

Ngày hoàng cung làm lễ hỏa táng nhục thân đức vua Seniya Bimbisāra, không ai mời mà đức Phật vẫn tìm đến quảng trường hoàng cung để chú nguyện cùng cả một lực lượng tăng đoàn hùng hậu ba bốn nghìn vị tỳ-khưu, vô cùng trang nghiêm và thanh tịnh. Và dân chúng cũng vòng trong, vòng ngoài nhiều lớp, ken chân không lọt; họ quý kính, tiếc thương và ngưỡng mộ vị vua hiền đức, nhân ái bị kẻ gian ác hãm hại. Vị vua trẻ Ajātasattu vừa thấy cái bóng của đức Phật liền cảm thấy bất an, sợ hãi nên ông trốn trong cung. Devadatta cũng cùng tâm trạng như đức vua nên ông và chúng đệ tử tìm cách tránh né khi thấy uy lực của đức Phật như phủ trùm thiên hạ, che mờ luôn cái *"uy tín hư giả và ti tiểu"* của ông.

Trước khi trở lại tu viện Trúc lâm, đức Thế Tôn nói với đại chúng rằng:

Ai ánh sáng thì sẽ đi theo với ánh sáng, hòa với ánh sáng; ai là bóng tối thì sẽ đi theo với bóng tối, chìm trong bóng tối. Đức vua Seniya Bimbisāra của chúng ta, suốt một đời anh minh và hiền đức nên đã hóa sanh làm một vị thiên, kề cận Tỳ-sa-môn thiên vương để hộ trì giáo pháp. Đức vua của chúng ta đã có một đời sống mới, hạnh phúc, an vui và có nhiều oai lực hơn kiếp sống cũ. Đấy là điều mà chúng ta nên mừng vui mới phải! Chư vị hãy về đi! Chẳng có gì phải bận bịu và tiếc thương nữa!

Phụ chú:

Riêng về Devadattta. Sự việc mấy lần hãm hại đức Phật của ông đã được lan truyền khắp hang cùng ngõ hẻm dường như không còn ai là không biết. Những hành động tệ hại ấy làm cho Devadatta biến thành cái bóng của quỷ dữ; và dư luận quần chúng cũng như hai hàng cận sự đều lên án ông một cách nghiêm khắc và xa lánh ông như xa lánh cùi hủi. Chính vua Ajātasattu cũng chán nản ông, bỏ rơi ông, không nâng đỡ ông nữa. Mọi ân huệ của vua thế là mất hết. Khi lòng sân độc muốn hại Phật và lòng tham vọng đẩy ông đến chỗ xấu xa như thế thì mọi khả năng thần thông phép lạ của ông cũng tiêu tan luôn!

Thế nhưng ông chưa chịu ngừng lại. Với trí thông minh sẵn có, ông quay qua chiêu bài khác. Ông giả vờ đến sám hối đức Phật và xin đức Phật ban hành thêm năm điều vào trong quy chế cho hàng xuất gia:

- Thầy tỳ-khưu phải sống trọn đời trong rừng, vườn hoang, động vắng, núi sâu; không được ở trong thành phố, làng mạc, tu viện hay tịnh xá...

- Thầy tỳ-khưu phải trọn đời ôm bát xin ăn, không được dự lễ trai tăng hay nhận lời mời đến tư gia đặt bát hay thọ thực của hai hàng cận sự.

- Thầy tỳ-khưu phải lượm vải rách, vải người ta quăng bỏ bên đường, vải bó xác tử thi để cắt may làm y mặc; không được phép thọ nhận vải đẹp, vải tốt, vải lành nguyên của thí chủ dâng cúng.

- Thầy tỳ-khưu trọn đời phải ngủ nghỉ chỗ không có mái che, nơi khoảng trống, dưới cội cây, giữa nghĩa địa, không được ngủ nghỉ trong phòng ốc, liêu cốc.

- Thầy tỳ-khưu trọn đời phải ăn ngũ cốc, rau trái, không được dùng các loại thịt, dù là thịt động vật đã chết!

Đức Phật thấy rõ dã tâm của ông, nhưng ngài chỉ nói lên điều đáng nói:

- Hôm nay mà ông còn đến đây để giả vờ xin những điều có vẻ rất đúng đắn như vậy nữa hay sao? Ông biết Như Lai sẽ từ chối, và rồi ông sẽ đi rêu rao đây đó rằng, những điều ông đệ đạt, yêu cầu là chân chính hơn cho giáo pháp, là tốt đẹp hơn cho hàng xuất gia. Thế là một số tỳ-khưu nông nổi và quần chúng nhẹ dạ lại bị ông mê hoặc bởi chiêu bài cao thượng ấy!

Còn đệ tử của Như Lai thì năm điều kia có người thực

hành là tốt hay chỉ thực hành trung đạo năm điều ấy cũng tốt không khác gì; cứ để họ tùy nghi lựa chọn theo sở thích, khả năng sức khoẻ và sở hành của mình. Ông nên nhớ rằng với ăn, mặc, ngủ... bao giờ Như Lai cũng hằng khuyên là nên thiểu dục và tri túc! Ăn, mặc, ngủ... chừng mực, vừa đủ, dị giản là điều cần yếu; và quan trọng nhất là phải có một tri kiến chơn chánh như thế nào, phải tu tập một giáo pháp như thế nào con người mới trở nên hiền thiện được!

Giáo pháp của Như Lai là giáo pháp của tự do và tự nguyện, không bắt buộc, cưỡng ép ai, bao giờ cũng tùy thuộc căn cơ và tâm tánh của mỗi người. Ví như vị này chỉ muốn sống trong rừng, trong nghĩa địa, chỗ xa nơi huyên náo để hành thiền; nhưng vị khác lại muốn ở trong tu viện hay tịnh xá để theo học pháp nơi các vị trưởng lão - thì tại sao lại không được nào? Vị này thì đi trì bình khất thực chỉ dùng trong bát, chỉ thọ trong bát, chỉ đứng một nhà hoặc hai nhà theo với pháp hạnh của họ; nhưng có vị khác thì duyên với thí chủ này, thí chủ kia, cần phải thuyết pháp, nói đạo cho nhà này, nhà nọ - thì ai có thể cấm họ không thọ bát hoặc thọ thực tại tư gia? Chuyện y áo cũng tương tự vậy, có vị thọ đầu-đà, nguyện chỉ lượm vải rách, vải người ta quăng bỏ để may y mặc; nhưng có vị khác không theo pháp hạnh ấy, nhưng họ nhận vải lành nguyên do thí chủ dâng cúng thì vẫn đúng Pháp và Luật như thường. Việc ngủ nghỉ dưới cội cây, chỗ không có mái che hay ngủ nghỉ trong cốc liêu, tịnh xá cũng tùy thuộc hạnh, nguyện, tùy thuộc nhân duyên và hoàn cảnh nữa, bao giờ cũng theo lý trung đạo, không rơi vào cực này, không rơi vào cực kia! Cuối cùng là việc ăn mà

ông muốn đề xuất là chỉ nên ăn ngũ cốc, hoa quả, rau củ chứ không nên dùng tam tịnh nhục[1], nghe ra thì có vẻ hay, có vẻ cao thượng nhưng sẽ không áp dụng được. Tại sao? Một vị tỳ-khưu ôm bát đi khất thực không được lựa chọn nhà sang nhà hèn, người giàu, người nghèo mà tâm vị ấy phải bình đẳng. Một người bà-la-môn hay gia chủ bà-la-môn chính thống, họ thường ăn ngũ cốc, rau quả nên họ sẽ đặt bát ngũ cốc và rau quả. Một gia đình sát-đế-lỵ, một hoàng gia, một quý tộc, một tướng quân, một chiến sĩ sát-đế lỵ, họ thường dùng các loại thịt nên họ sẽ đặt bát cúng dường các loại thịt khác nhau. Một gia đình thương gia thì thịt thà hay rau quả cũng tùy thuộc ngày hôm ấy họ dùng gì. Một gia đình thủ-đà-la với nghề nghiệp tay chân nặng nhọc thì vật thực của họ chỉ nhằm để no bụng, không biết rõ đấy là vật thực dở hay ngon. Một người chiên-đà-la đặt bát thì vật thực của họ, may ra chỉ để mà tồn tại. Như vậy đó, cái bát của vị tỳ-khưu đầy đủ bên trong vật thực của bốn giai cấp và cả nô lệ. Chẳng lẽ nào một vị tỳ-khưu ôm bát xin ăn mà bảo là tôi chỉ dùng món này mà không dùng món kia? Có quá đáng lắm không? Có kỳ thị không? Có bình đẳng không?

Này Devadatta! Chiêu bài của ông chỉ có thể lừa dối

---

[1] Là loại thịt không thấy, không nghe, không nghi - tức là thịt từ vật đã chết rồi, không có sự sống, không còn thức tánh. Khi vị tỳ-khưu thọ dụng thịt ấy, không thấy trước mắt con vật bị giết, không nghe tiếng kêu của con vật đang bị giết, không nghi ngờ là con vật ấy chết là do người ta giết để dâng cúng cho mình. Ngoài ra, trong tạng Luật, đức Phật còn chế định thêm 10 loại thịt không được dùng: Người, voi, ngựa, chó, rắn, sư tử, cọp, báo, gấu, linh cẩu.

được kẻ ngu, cả tin, nhẹ dạ; không bao giờ qua mặt được người có trí, mắt sáng, có đức tin vững chắc đâu!

Thôi, ông hãy đi đi, đừng bao giờ trở lại nơi này, trở lại tăng đoàn của Như Lai nữa. Hôm nay Như Lai đã nói quá nhiều. Quả địa ngục đang chờ đón ông đấy. Hãy ghi nhớ lời ấy, và chỉ cần ghi nhớ một lời ấy mà thôi!

Đức Phật đã ân cần giải thích, đã tận tình nhắc nhở, đã từ bi cảnh tỉnh Devadatta và hội chúng như vậy rồi, nhưng cũng có chừng năm trăm tỳ-khưu bị Devadatta dụ dỗ bởi chiêu bài cao thượng đã theo chân ông ta đến tu viện ở dãy núi Gayāsīsa, chính thức hình thành một giáo đoàn riêng. Sự chia rẽ tăng-già (Saṅgha) đã đến hồi trầm trọng.

Tuy nhiên, đức Thế Tôn lại bảo hai vị Đại đệ tử:

- Bây giờ, Như Lai lại làm phiền đến Sāriputta và Mahā Moggallāna một lần nữa. Cả hai ông hãy đi mau, theo chân Devadatta đến Gayāsīsa, thuyết pháp cho năm trăm tỳ-khưu nhẹ dạ. Như Lai biết rằng, khi trở về, năm trăm tỳ-khưu kia sẽ tháp tùng theo hai ông. Và từ đây cho đến cuối đời, Devadatta sẽ không còn làm gì được nữa đâu.

Và đúng như vậy thật, tôn giả Sāriputta và Mahā Moggallāna đến tu viện trên dãy núi Gayāsīsa khi Devadatta đang nghỉ ngơi, hai vị đã thuyết pháp đến cho năm trăm thầy tỳ-khưu. Sau thời pháp, cả năm trăm thầy tỳ-khưu đều đắc quả Tu-đà-hoàn! Và họ đồng theo chân hai vị trưởng lão về Trúc Lâm yết kiến đức Thế Tôn và xin sám hối cái tội dại khờ và nông nổi của mình.

Devadatta biết ra thì đã muộn, nhìn khung cảnh quạnh quẽ xung quanh, ông ta gục xuống, thổ ra một bụm máu tươi! Không ai làm hại ông cả mà bởi chính tâm cuồng vọng của ông đã đẩy ông đến tuyệt lộ!

Thái Hậu Videhi Yên Ổn

Sau khi đức vua Seniya Bimbisāra bị đứa con nghịch tặc giết hại, bà Videhi vô cùng sầu não, không thiết đến việc ăn uống, hình dong ngày càng tiều tụy. Đêm nằm vắt tay lên trán, trăn trở, nghĩ suy: *"Tại sao cái thế gian này lại phát sanh những con người tàn độc đến như vậy? Vì danh vọng, địa vị và quyền lực, người ta đã không từ nan những hành động xấu ác, sái quấy nhất. Devadatta mù quáng vì muốn lãnh đạo Giáo hội, đã ba lần tìm cách giết hại đức Đạo Sư. Ajātasattu, con ta, với tham vọng đế vương đã đành tâm bắt bỏ ngục cha mình, rồi còn năm lần bảy lượt ngăn cấm ta mang vật thực nữa. Cuối cùng, vua cha bị chết đói trong ngục tối! Ôi! Con người thật là xấu xa! Không biết có một cảnh giới nào mát mẻ an lành, người và người đối xử với nhau nhu thuận, từ hòa, hướng thiện và hướng thượng chăng? Ta đã chán ngán cái cõi trần thế này rồi!"*

Trong lúc bà Videhi than thở như vậy xong - thì đâu giữa hư không, tiếng nói của đức Phật vọng mồn một vào tai bà:

"- Có đấy! Còn có rất nhiều cảnh giới an lành, mát mẻ, không đao, không trượng, không chém giết hận thù; họ sống với nhau với tâm an, tâm phỉ, tâm lạc - thọ hưởng

phước báu rất thanh lương và rất yên bình, này thái hậu!"

Bà Videhi phủ phục xuống thảm, lạy ba lạy, nói trong tâm rằng: Xin đức Thế Tôn hãy cho đệ tử được thấy rõ những cảnh giới ấy!

Đức Phật sử dụng thần thông cho thái hậu thấy rõ cảnh trời Đao Lợi với Ba-mươi-ba tòa bảo tháp bằng bảy báu, thấy đời sống của Đế Thích thiên chủ, của chư thiên nam và nữ. Cho thái hậu thấy rõ cõi trời Đẩu Suất. Cảnh giới này thanh tịnh hơn cõi trời Đao Lợi vì chư thiên ở đây ai cũng tu tập, cho đến nỗi tiếng gió thổi, nhạc reo, chim ca... cũng vọng lên âm thanh nói về ngũ căn, ngũ lực, tứ chánh cần, tứ như ý túc, tứ niệm xứ, thất giác chi, bát chánh đạo... Thời vị lai, khi Bồ-tát Metteyya tròn đủ công hạnh ba-la-mật cũng ngự ở cảnh trời này, đợi chờ nhân duyên xuống nhân gian để thành tựu quả vị Chánh Đẳng Giác đấy, thưa thái hậu!

Cảm thấy thế là đã an trú cho bà Videhi một nơi chốn khả dĩ tốt đẹp rồi, đức Phật thâu lại thần thông, trả không gian trở về với yên lặng. Bà Videhi quỳ xuống lạy như tế sao, nỗi sầu khổ vì cái chết thảm của đức vua và đứa con bất hiếu đã lắng xuống...

Tình Phụ Tử Thiêng Liêng

Sau khi Ajātasattu với cuộc chiến thiệt hại thê thảm tại kinh đô Sāvatthi, đức vua Pāsenadi không những không hạ nhục *"đứa cháu ngỗ nghịch"* - mà còn tỏ thái độ cao đẹp *"như là quốc vương với quốc vương"* đối với kẻ chiến bại làm cho

Ajātasattu rất cảm kích. Tất cả voi ngựa, giáp bào, đao kiếm, quân nhu, quân dụng... không những được ông vua *"cậu"* cho trả lại mà còn phụ cấp thêm lương thực, thực phẩm, bạc vàng, châu báu hầu mong trở về tái thiết lại xứ sở sau cuộc can qua đã cạn kiệt tất cả tiềm lực. Đất Kāsi cũng được đức vua Kosala trả lại để cho Rājagaha thu thuế, phụ thêm thu nhập hằng năm. Cô công chúa Vajirī cưng yêu, đức vua cũng gả cho Ajātasattu làm sự kết nối thân tộc lâu dài! Đức vua còn khuyên cháu tránh xa, loại bỏ dần bọn quan tham, cúi luồn, dua nịnh, biết gần gũi người trí tài và hiền đức. Ông vua cậu còn nói cái tội giết cha là đại bất hiếu, là đại nghịch bất đạo - thế gian nguyền rủa; nhưng chuyện đã rồi, hãy thành tâm cải sửa, lo chăm sóc mẹ cho chu đáo, hiếu thuận với mẹ để chuộc lại một phần nào lỗi lầm trong quá khứ.

Trở về lại cung điện, suốt mấy ngày đức vua Ajātasattu không tiếp ai, không lâm triều, đóng cửa cung, chỉ muốn cô độc với riêng mình. Sau đó mấy hôm thì tâm tánh của Ajātasattu hoàn toàn thay đổi. Việc đầu tiên, đức vua đi tìm thái hậu, ôm chầm bà rồi khóc ròng rã, lắp bắp, lắp bắp nhiều lần: *"Xin mẹ tha thứ cái tội bất hiếu của con!"* Thái hậu Videhi cảm nhận những giọt nước mắt chân thật của con, nhưng bà cũng nghẹn ngào không nói được...

Từ hôm đó, Ajātasattu luôn để ý chăm lo cái ăn, cái ngủ và hằng sai thần y Jīvaka thang thuốc cho thái hậu. Nhờ được đức Phật giáo giới, nhờ đứa con ngỗ nghịch đã thay tâm đổi tánh, nhờ sầu buồn đã nguôi khuây, và cũng nhờ những thang thuốc đúng căn đúng bệnh của thần y nên

không bao lâu sau, thái hậu hoàn toàn bình phục, sức khỏe trở nên khang kiện. Thế là nơi này sóng gió không còn nữa, một làn khí thanh bình và mát mẻ như tràn ngập cả cung điện, cảnh và người.

Thỉnh thoảng, đức vua Ajātasattu bỏ hậu, bỏ phi, bỏ cung nga thể nữ để dùng cơm với mẹ cùng tiểu thái tử Udāyibhadda (Udāyibhaddaka)[1] như là với những người thân duy nhất còn lại trong gia đình. Trẻ Udāyibhadda rất cứng đầu, hoang nghịch, nhưng do được Ajātasattu nuông chiều nên nó lại càng trở tính, trở nết, đôi khi lì lợm, khó dạy bảo, không biết nghe lời bất cứ ai!

Hôm nọ, thái hậu nói:

- Con đừng nên cưng chiều tiểu thái tử quá đáng như vậy! Nó sẽ hư đấy!

- Vì con thương yêu nó quá, thưa mẹ!

- Thương thì có nhiều kiểu thương kia mà!

- Con không hiểu!

Đôi mắt thái hậu chợt xa xăm:

- Tiên đế thương yêu con kiểu khác, con có biết không! Mẹ nghĩ, trên đời này, khó có ai thương yêu con bằng phụ hoàng của con!

Đức vua Ajātasattu chợt động lòng, trái tim như bị chùng xuống, một vết thương đâu đó chợt thốn đau, nhức buốt...

---

[1] *Xem Dictionary of Pāḷi Proper Names - quyển 1, trang 374.*

- Mẹ hãy kể cho con nghe đi!

Thái hậu liền nói:

- Khi mẹ đang mang thai con, bỗng dưng có một thèm muốn rất lạ lùng, là muốn uống máu phụ hoàng con! Sự thèm muốn này càng ngày càng mãnh liệt mà không được đáp ứng, thỏa mãn nên mẹ càng ngày càng xanh xao, vàng võ. Phụ hoàng con ân cần săn sóc, han hỏi, cố tìm hiểu nguồn cơn, nhưng mẹ nào có dám nói! Hôm ấy, phụ hoàng con cầm dao gọt trái cây cho mẹ ăn, vô tình, lưỡi dao cắt xâm phạm vào ngón tay nên máu chảy dầm dề. Thấy vậy, mẹ cầm ngón tay máu của phụ hoàng con mà nuốt lấy nuốt để rất là say mê! Từ đó, mẹ bắt đầu ăn được, ngủ được, thần sắc trở lại như xưa. Sau đó, phụ hoàng con thắc mắc, mẹ mới kể thật - kể thật cái chuyện thèm máu ấy! Một số quan đại thần chiêm tinh nghe được chuyện ấy, khuyên phụ hoàng con nên phá bỏ (thai nhi là con) khi đang còn trong thai bào, nếu không, sau này, nó sẽ *"uống máu"* của đức vua cách này hay cách khác, là đại họa cho vương triều đó! Phụ hoàng con khăng khăng không chịu, nói rằng: *"Dầu sao thì nó đã hình thành một sự sống. Ta là đệ tử của đức Thế Tôn, ta không thể nào tước đoạt mạng sống của chúng sanh!"* Ngay chính mẹ, mẹ cũng thấy đây là hiểm họa mai này cho phụ vương con, mong phụ vương con quyết định, nhưng phụ vương con nói rằng: *"Nếu ta đã gây nhân nào đó trong quá khứ thì ta phải chịu trả quả, chứ trẻ trong thai bào kia, nó đã có tội tình gì!"*

Nghe chuyện xưa, đức vua Ajātasattu gục khóc nức nở!

- Còn nữa, con có biết không! *Bà Videhi kể tiếp* - Khi con mới chừng ba, bốn tuổi, trên ngón tay trỏ của con có một mụt nhọt, mưng mủ, sưng tấy lên, rất đau, nên con khóc hoài, khóc hủy, khóc ngày, khóc đêm. Phụ hoàng con thương con quá nên bế lên đùi, hôn hít, nựng nịu, lấy miệng thổi nhè nhẹ lên vết thương... Thấy con nín khóc, phụ hoàng con bèn dùng miệng ngậm ngón tay của con, vừa ngậm vừa hít hà nhè nhẹ - thì quả nhiên, nhìn sắc mặt của con thì biết sự đau nhức đã đỡ đi nhiều. Thế rồi, phụ hoàng con không dám bỏ miệng ra khi con đang thiu thiu ngủ. Do hơi ấm ngậm mụt nhọt lâu, cái nhọt vỡ, máu và mủ chảy ra. Phụ hoàng con sợ con tỉnh giấc, ông nuốt luôn cả máu và mủ độc ấy vào bụng mà không nhờm gớm chút nào!

Thái hậu Videhi kể đến ngang đây thì đức vua Ajātasattu quăng chén bát, hối hả đứng bật dậy, chạy lao ra khỏi phòng, tiếng nói vọng lại: *"Mẹ đừng kể nữa, mẹ đừng kể nữa, con chịu hết nổi rồi!"*

Thần y Jīvaka chứng kiến câu chuyện của hai mẹ con từ đầu chí đuôi, ông thở dài: *"Nếu Ajātasattu nghe được chuyện này sớm hơn, thì cái 'quả nghiệp' của tiên hoàng chắc sẽ xảy ra một cách khác chăng? Ôi! Người ta nói rằng tình mẫu tử thiêng liêng, mà ở đây, tình phụ tử cũng thiêng liêng nào có khác gì!"*

Cuộc đời của đức vua Seniya Bimbisāra đầy đủ trí tuệ, nhân đức, nhân hậu và cả tứ vô lượng tâm; thật xứng đáng là một thánh cư sĩ ưu việt thù thắng, bất khả tỷ... lưu truyền đến ngàn sau.

Vị Thứ Mười Sáu

Thánh Cư Sĩ
Jīvaka Komārabhacca

Đệ Nhất Thần Y

Vườn Xoài Của Thần Y Jīvaka

Năm ấy, yên tâm vì đại chúng bây giờ đã có hai vị Đại đệ tử và các trưởng lão chăm sóc, hướng dẫn, đức Phật thường ôm bát ngoạn du đây đó. Nơi Tôn Sư thường đến ở trọn ngày là núi Linh Thứu hoặc các hang động sườn núi phía nam thành phố! Thường thì đức Phật hay đi một mình, tối, ngài dùng thần thông trở lại Trúc lâm. Đôi khi mưa gió suốt mấy ngày, ngài cứ ở mãi trong các hang động, nhất là động Lợn Rừng, an hưởng định diệt thọ tưởng. Có những ngày mát mẻ, chư tỳ-khưu các nơi tìm đến để nghe những pháp thoại ngắn gọn, đôi khi là cả một thời pháp dài!

Trên đường đi và về, lên hoặc xuống núi Linh Thứu, đức Phật thường nghỉ chân tại vườn xoài mát mẻ và xanh tươi ở bên vệ đường. Đấy là vườn xoài của vị lương y Jīvaka Komārabhacca nổi tiếng của kinh thành Rājagaha.

Đức Phật cố ý đợi chờ nhân duyên chín muồi để gặp gỡ một người, một nhân vật đặc biệt quan trọng. Đấy là đại danh y, là thần y Jīvaka. Vả chăng, tăng chúng càng ngày càng đông, nhiều bệnh tật sẽ phát sanh, nếu không có một lương y giỏi thì sẽ trở ngại vô cùng cho sự tu học của họ.

Hài Nhi Đỏ Hỏn Jīvati
Nên Được Đặt Tên Jīvaka

Cách đây hơn hai mươi năm về trước, tại kinh đô Rājagaha này có một cô kỹ nữ tài sắc vẹn toàn. Không biết bao nhiêu là vương tôn, công tử quý tộc say đắm tìm đến cận kề hoa nguyệt cùng hân thưởng tài nghệ cầm ca của nàng. Giá một đêm phong lưu với cô là một ngàn đồng tiền vàng Kahāpaṇa, người ta cũng không tiếc. Nàng tên là Sālavatī.

Rồi chuyện gì xẩy ra thì nó tự nhiên xẩy ra. Thời gian kia, cô kỹ nữ có thai. Sợ là sẽ bị ế khách, nàng tìm cớ cáo bệnh, trốn mọi người để dưỡng thai nhi. Đủ tháng đủ ngày, một đứa bé trai ra đời. Để cho rảnh tay rảnh chân, cô kỹ nữ đã sai đặt đứa hài nhi trong cái giỏ tre rồi quăng bỏ tại một đống rác bên vệ đường.

Hôm ấy, hoàng thân Abhaya đi chầu vua từ sáng sớm, nhìn thấy một bầy quạ bu quanh chiếc giỏ thành một vòng tròn rất là lạ lùng, bèn cho quân hầu đến xem.

- Cái gì ở đó vậy?

- Là một đứa trẻ, thưa hoàng thân!

- Thế nó còn sống không? *Hoàng thân hỏi.*

- Dạ, còn sống (Jīvati)! *Quân hầu trả lời.*

Sau khi biết là một hài nhi còn đỏ hỏn bị ai bỏ rơi, hoàng thân Abhaya tự nghĩ: *"Đứa trẻ này được bầy quạ bảo vệ xung quanh thì quả là không đơn giản chút nào! Kiếp trước chắc nó đã từng bảo vệ sự sống cho nhiều người nên kiếp này, dù*

bị bỏ rơi bên đường, vẫn được đàn quạ bảo vệ sự sống? Biết đâu, nó là hiện thân của một nhân cách phi phàm?"

Thế rồi hoàng thân cho đem về cung, sai vú nuôi chăm sóc tử tế, nhân thể, do quân hầu bảo là còn sống (Jīvati) nên ngài đặt tên cho trẻ là Jīvaka. Cũng do được hoàng thân Abhaya quan tâm nuôi dưỡng nên mọi người gọi là Jīvaka Komārabhacca.

Lớn lên, Jīvaka đặc biệt thông minh, khôn ngoan nhưng ưu tư quá sớm. Nó đọc được từ trong đôi mắt của mọi người nửa như thương cảm, nửa như kỳ thị; dường như nó không phải là dòng dõi vương giả, quý tộc! Nó nghi ngờ sự xuất thân của chính mình.

Hôm kia, nó đánh bạo hỏi hoàng thân Abhaya:

- Ai cũng có mẹ, tại sao con lại không có mẹ? Mẹ con là ai, thưa cha?

- Ta cũng không biết! *Hoàng thân Abhaya thành thật đáp* - Nhưng ta rất thương con, ta xem con như con ruột vậy.

"Thế mình rõ là đứa con hoang!" Jīvaka buồn rầu, tự nghĩ - *Vậy mình không thể sống mãi trong cung phủ giàu sang, quý phái này với sự thương hại của mọi người. Phải tự lập! Phải kiếm một nghề để tự mưu sinh!"*

Bôn Ba Tự Tìm Thầy Học Nghệ
Một Lương Y Cực Kỳ Xuất Chúng

Vài năm sau, mặc dầu đang theo học lớp học của hoàng

gia, Jīvaka không ngớt suy nghĩ để lựa chọn cho mình một nghề nghiệp mưu sinh thích hợp. Duyên đã đến, Jīvaka quen biết với một ông thầy thuốc thường hay đến chữa bệnh cho vương phủ. Vị ấy còn khiêm tốn nói là mình học nghệ chưa tinh. Rồi mách cho Jīvaka biết rằng, ở phương bắc, cách đây mấy trăm do-tuần, tại quốc độ Gandhāra, thủ đô Takkasilā có trường đại học y khoa nổi tiếng. Hãy chịu khó bộ hành đến đấy cầu học trong mười năm mới hy vọng trở thành thầy thuốc giỏi dang được!

Chí đã quyết, Jīvaka dành dụm tiền bạc, trốn nhà ra đi. Dãi nắng dầm sương, lang thang lếch thếch, Jīvaka cũng tìm được nơi cần đến.

Vị giáo sư già sau khi nghe chuyện người học trò không có tiền đóng học phí, không có tiền ăn tiền ở, chẳng được ai giới thiệu, nhưng thấy y đôi mắt rực sáng, ý chí nghị lực ngời ngời bèn chấp nhận cho theo học với điều kiện là phải chăm lo việc củi nước, vệ sinh cỏ rác sân vườn!

Sụp lạy tri ân vị giáo sư già, Jīvaka hứa hoàn tất mọi công việc được giao phó, đồng thời sẽ chăm chuyên học tập. Và quả đúng như vậy, Jīvaka sớm trở thành một vì sao sáng, một người học trò kiệt xuất về trí tài cũng như về đức hạnh. Vị giáo sư nào cũng ngạc nhiên về sự tiếp thu nhanh nhạy kiến thức chuyên môn của người học trò ưu tú; đồng thời, họ còn sững sờ, bàng hoàng vì những suy luận, những trực cảm bẩm sinh chính xác từng bệnh lý như ở trong gan ruột của người ta vậy. Phải nói là Jīvaka học một mà biết hai, biết ba. Thế là sau bảy năm học xong, học giỏi chương

trình nội, ngoại khoa; sở đắc ưu việt nhất của chàng là chẩn bệnh, giải phẫu và bào chế dược thảo. Điều ai cũng kinh sợ và khâm phục người học trò này là trí nhớ; cả hằng ngàn cây thuốc, vị thuốc, tên gọi, dược tính... chàng thuộc nằm lòng, rồi còn nhận diện cây cỏ, rễ củ ngoài thiên nhiên chưa bao giờ sai trật.

Ngày mãn khóa, Jīvaka khiêm tốn hỏi thầy:

- Mới bảy năm, con ngại nghề thuốc chưa tinh...

Vị giáo sư già mỉm cười:

- Vậy con hãy cầm cái thuổng, từ đây đi ra phía ngoại ô Takkasilā, vuông vức chừng một do-tuần, nếu con thấy loại cây cỏ rễ củ nào không phải là thuốc thì con hãy đem nó về đây cho ta xem. Nhớ mang theo lương thực nhiều ngày!

Một tuần lễ sau, Jīvaka thất thểu trở về:

- Bạch thầy, con đã rất công phu tìm kiếm, nhưng chẳng thấy một cây cỏ nào không được gọi là dược phẩm; cái gì cũng là thuốc cả, thưa thầy!

- Đúng vậy, này con yêu! Nghệ của con đã tinh rồi đấy!

Trìu mến nhìn người học trò trí tài nhưng khiêm nhu, hiền thiện, vị giáo sư già lần lưng lấy mấy đồng tiền vàng tặng làm lộ phí, với lời khuyến hóa sau cùng:

- Làm thầy thuốc giỏi phải có lương tâm nghề nghiệp; phải yêu bệnh, yêu người, yêu chúng sanh như bà mẹ hiền với đứa con một vậy, hãy ghi nhớ điều ấy!

Chữa Bệnh Đau Đầu Bảy Năm
Được Trả Công Cả Đống Vàng

Đường trở lại quê nhà xa xăm diệu vợi. Mới đi được gần hai phần đường thì lộ phí đã hết sạch sành sanh; nhưng Jīvaka không lo, chàng sẽ tìm cách chữa bệnh cho ai đó để kiếm chút lương thực đi đường.

Tại thị trấn Sāketa, có phu nhân của một vị triệu phú mang bệnh đau đầu đã bảy năm, không thầy thuốc nào chữa trị được; bao nhiêu vàng bạc châu báu lần lượt đội nón đi theo những ông thầy từ phương này sang phương khác. Jīvaka đứng giữa phố đông, cất giọng lớn:

- Tôi là thầy thuốc đây! Có ai trong thị trấn này cần chữa trị những căn bệnh hiểm nghèo không?

Người ta mách chỗ ông triệu phú, Jīvaka tìm đến. Thấy chàng trẻ quá, không ai tin. Sau rốt, Jīvaka thuyết phục là hãy chữa bệnh cho lành trước đã, còn tiền bạc chi đó, tính sau.

Sau khi quan sát sắc diện, bệnh tình (cũng vọng, văn, vấn, thiết như Trung y vậy); Jīvaka chỉ xin chừng năm bảy muỗng bơ lỏng hòa với một số dược thảo mang sẵn rồi tìm cách cho đổ vào đường mũi, thông qua miệng phu nhân; chàng tự tin, nói:

- Chứng đau đầu sẽ dịu ngay tức khắc thôi mà!

Phu nhân triệu phú thấy bơ tràn miệng, bèn nhổ bơ ấy vào vật đựng, căn dặn người tớ gái:

- Con hãy thu hồi bơ lỏng nầy bằng cách lọc qua một lớp bông gòn. Nó có thể dùng để thoa chân hoặc đốt đèn

còn được đấy!

Jīvaka nghe vậy, rầu rầu nghĩ bụng: *"Ôi thôi, chẳng nước non gì! Cho chí chút bơ bỏ đi ấy mà bà này còn tìm cách sử dụng, thiệt là kiết cóp vắt chày ra nước; mình còn hy vọng gì một chút công lao còm cõi nhỉ?"*

Bà triệu phú vừa được chữa trị xong, cảm giác cái đầu nhẹ hẫng, sự đau đớn bảy năm trường ròng rã, thoáng chốc đã tiêu tan, cứ ngỡ như giấc mộng. Sung sướng quá, bà ngồi dậy, nụ cười rạng rỡ:

- Hết đau đầu rồi! Đúng là phước quả bảy đời mới gặp được vị thần y trẻ tuổi nầy. Quản gia đâu, hãy đền trả công ơn một cách hậu hĩnh, không dám nói là thù lao, cho vị ân nhân của chúng ta.

- Bao nhiêu thưa nữ chủ?

- Bốn ngàn đồng tiền vàng Kahāpaṇa!

Jīvaka giật thót mình, tự nghĩ: *"Hóa ra không phải là bà ta hà tiện, quả mình đã hiểu lầm đáng chê trách. Các bậc triệu phú họ thường tiết kiệm, nhưng khi cần, họ rất hào phóng, rộng rãi nữa là khác".*

Sau đó, cả nhà vui mừng đổ xô lại. Con trai, con dâu cảm kích, vét hết tiền tích cóp để dành, biếu thêm tám ngàn, mừng cho mẹ mình đã lành. Ông triệu phú hể hả thưởng thêm bốn ngàn, tặng thêm một chiếc xe ngựa, một tớ trai, một tớ gái nữa để trả công lao trời biển.

Về đến vương phủ, việc đầu tiên, chàng tìm gặp hoàng

thân Abhaya, xin ông tha thứ cho lỗi lầm là bỏ nhà ra đi không xin phép, lý do là muốn tự lập nghiệp mưu sinh. Rồi chàng kể lại sự chăm chuyên học tập trong bảy năm qua, những gian lao, khổ nhọc như thế nào...

- Và đây là thành quả của con, thưa cha! *Jīvaka vập đầu nói* - Con đã chữa trị được một căn bệnh hiểm nghèo chỉ với một chút bơ và một ít thuốc bột con đã tự pha chế. Phần thưởng của gia chủ: Mười sáu ngàn đồng tiền vàng Kahāpaṇa, chiếc xe ngựa, tớ trai, tớ gái, con xin dâng hết cho cha như là lòng thành sám hối vậy!

Hoàng thân Abhaya không những không chấp mà còn thành thật mừng vui cho chàng, ông nói:

- Con đã thật sự khôn lớn, trưởng thành, này Jīvaka! Ta đã tha thứ cho con rồi! Con hãy sử dụng số vàng ấy để mua một khu vườn, làm một căn nhà, sau đó, dùng nghề nghiệp chơn chánh của mình để giúp đời, cứu người!

Chữa Bệnh Cho Đức Vua Bimbisāra Được Đề Cử Chức Đệ Nhất Ngự Y

Lúc bấy giờ, đức vua Sineya Bimbisāra mắc bệnh âm sang, tức một loại mụn nhọt cứ rò rỉ hoài mủ và máu (bhagandalābādha) rất khó chịu. Các lớp vải choàng vừa mới thay liền bị lấm lem máu mủ. Các vương phi được vua sủng ái được dịp chọc ghẹo vui: *"Lúc này, chúa công đã đến kỳ kinh nguyệt, rồi cũng sẽ sinh con như chúng thiếp vậy!"* Các quan ngự y dẫu đã dùng phương này và thuốc

khác nhưng thảy đều vô năng! Đức vua rất hổ thẹn, tâm sự điều ấy với hoàng thân Abhaya. Sau đó, Jīvaka được gọi vào cung; rồi chỉ với một ít thuốc bột giấu ở đầu móng tay, chàng đã làm cho những mụt nhọt bất trị ấy đều khô mủ và máu, ít hôm là lành hẳn.

Xiết bao cảm kích, đức vua cho mở kho châu báu, gọi năm trăm cung nga thể nữ trang điểm đầy đủ lên đầu tóc, cổ và tay của mỗi người. Tổng cộng số nữ trang ấy chính là phần thưởng mà đức vua hiến tặng cho vị thần y.

Jīvaka nhìn đống châu báu, tâm không động, chàng nói:

- Hạ thần không dám nhận số châu báu vượt ngoài khả năng tài nghệ có được. Chỉ xin đại vương ban cho một chức tước xứng hợp với nghề nghiệp nuôi mạng của mình là tốt rồi!

Nghe nói vậy, đức vua càng sinh tâm quý trọng, bổ nhiệm cho chàng được làm quan, đứng đầu các quan ngự y, nhận bổng lộc của triều đình. Từ đây về sau, Jīvaka chỉ có nhiệm vụ săn sóc sức khỏe cho đức vua, hoàng hậu, vương phi, thái tử, công chúa; và sau này còn có thêm đức Phật và tăng chúng ở Trúc lâm tịnh xá mà đức vua rất tôn phục và kính trọng. Tuy nhiên, cũng có khá nhiều trường hợp đặc biệt, Jīvaka phải chữa bệnh cho một số đối tượng khác.

Mổ Sọ Não Lấy Hai Con Sâu Trùng Lành Bệnh, Không Lấy Tiền Công

Viên thị trưởng kinh thành Rājagaha có người bạn thân

là một gia chủ đại triệu phú, đau đầu đã mấy năm, tất cả mọi thuốc thang đều bất lực. Gần đây nhất, sau khi thăm bệnh, một vị lương y nổi danh từ chối vàng bạc, không dám chữa trị, vì thấy rõ, trong năm ngày nữa, gia chủ sẽ chết. Vị lương y nổi danh khác, cũng từ chối, bảo rằng, bảy ngày nữa gia chủ sẽ chầu trời! Tin đồn vị tân quan ngự y trẻ tuổi chữa bệnh cho vua như thần đến tai viên thị trưởng. Thương bạn, vả lại còn nước còn tát, viên thị trưởng vào khẩn cầu đức vua, nhắc đến công đức của vị gia chủ đại triệu phú đối với kinh thành bấy nay, nhất là đối với người nghèo, mong vua thương tình cho phép quan ngự y chữa trị cho.

Jīvaka được lệnh vua, cụ bị y dụng cùng một số thuốc gói, bột, hoàn... bỏ vào tay nải đến nhà người bệnh. Sau khi xem xét, hỏi han bệnh tình, lắng nghe diễn biến bệnh cùng cách chữa trị của các thầy thuốc trước đây, Jīvaka nói:

- Không phải là vô phương cứu chữa, bệnh có thể lành, thưa gia chủ, nhưng với một số điều kiện hơi khó khăn...

Vị đại triệu phú đôi mắt sáng rỡ:

- Nếu lành được, điều kiện gì tôi cũng xin khứng chịu.

Vì muốn thử lòng, Jīvaka hỏi với nụ cười nhẹ:

- Ví dụ thù lao?

Ông đại triệu phú khẳng khái nói:

- Tất cả tài sản, ruộng vườn, vợ con, tôi tớ... gì cũng được hết, nếu bệnh lành.

- Thôi, chuyện tiền bạc để đấy đã. Việc này mới quan

trọng: Gia chủ có đủ sức chịu đựng không? Ví dụ như gia chủ có thể nằm một bên hông trong suốt bảy tháng chăng?

- Nếu lành bệnh được, tôi sẽ cố gắng!

- Chưa hết đâu. Còn hông bên kia nữa, cũng phải nằm yên bảy tháng như thế.

- Tôi cũng có thể.

- Còn nữa! *Chàng tiếp lời* - Gia chủ còn phải chịu khó nằm ngửa bảy tháng nữa, được không?

- Được!

Jīvaka đưa lên một ngón tay:

- Giữ lời hứa đấy nhé!

- Xin vâng!

Giao kèo, cam kết như vậy xong, Jīvaka mời tất cả mọi người ra ngoài, chỉ giữ lại người con trai của gia chủ, nhờ lấy dây cột chặt chân tay của người bệnh xuống giường. Sau khi cho bệnh nhân uống một loại thuốc chống giảm đau, Jīvaka lấy y cụ gồm dao, kéo, kim chỉ, sát trùng chúng cũng bằng một loại thuốc nước. Nhờ người con trai giữ chặt đầu, Jīvaka lấy con dao giải phẫu, rạch làn da đầu, đưa con dao tách một góc sọ não. Do máu chảy, chàng gảy một đầu móng tay, một loại phấn vàng bay ra, cầm máu tức khắc. Lách cây kìm, nâng vỏ não, nhìn sâu vào phía bên trong, chàng lấy một cây kìm khác, nhọn và dài, lần lượt gắp ra hai con sâu lăn tăn, một to một nhỏ. Rất thiện xảo, rất nhanh nhạy, Jīvaka cho khép hai mảnh sọ lại, bôi vào đấy một loại thuốc

mỡ; lật làn da đầu trở lại y cũ rồi lấy kim chỉ khâu lại vết thương, bôi thêm một lần thuốc mỡ nữa. Tay rửa máu me xong xuôi, chàng lấy cây kim nhỏ chỉ vào con trùng lớn, nói:

- Bậc danh y thứ nhất nói, gia chủ năm ngày nữa sẽ chết, vị ấy đã nói đúng, vì con trùng lớn này, năm ngày nữa là nó sẽ đục khoét vào tận trung khu não bộ. Rồi chàng chỉ vào con trùng nhỏ hơn, nói tiếp - Bậc danh y thứ hai nói bảy ngày nữa gia chủ sẽ quy tiên, cũng đúng luôn; vì con trùng nhỏ này, bảy ngày nữa mới ăn tới tâm não...

Mọi người đã được phép vào thăm. Sau khi thấy, nghe mọi sự, ai cũng kinh dị.

Có người hỏi:

- Thầy có biết tại sao có hai con trùng lại nằm trong não?

Jīvaka nói:

- Cách đây chừng bốn năm, có lần ông đại triệu phú cỡi ngựa, bị té, đầu va đập vào chân ngựa, có hai con trùng từ nơi lông ngựa đã bám vào chân tóc, rồi chúng đi lần vào bên trong, xuyên vỏ não rồi ăn dần vào não. Đây là trường hợp hy hữu.

- Đúng thế! *Con trai triệu phú xác nhận* - Sau lần té ấy, non một tháng sau là cha tôi mắc chứng bệnh đau đầu.

Jīvaka giải thích:

- Bệnh gia tăng chậm, nhưng càng theo thời gian, càng đau nhức dữ dội vì hai con trùng đi sâu vào não!

- Đúng thế! *Con trai triệu phú lại gật đầu* - Đến năm thứ tư nầy thì dường như không còn chịu nổi!

Jīvaka đều đều tiếp:

- Mỗi tháng chỉ có tám lần đau. Vì nửa tuần trăng, mỗi con trùng chỉ ăn hai lần no, sau đó chúng nằm ngủ. Khi chúng ngủ thì bệnh nhân yên hàn vô sự!

Mọi người kính phục quá, tán thán:

- Ôi! Đúng là có thần y xuất hiện trên đời rồi!

Bệnh nhân đang nằm ngủ yên, người quay về phía hông mặt. Jīvaka bảo với mọi người trong gia đình:

- Phải làm sao giữ yên tư thế nằm như vậy trong bảy tháng mới lành bệnh được. Chỉ nên cho ăn cháo gạo lứt loãng và muối trộn mè đen cùng với số thuốc tôi đã bào chế sẵn.

Jīvaka chào mọi người, ra về. Bảy ngày sau, chàng trở lại thăm bệnh nhân. Vị gia chủ than phiền:

- Tôi chết mất, thầy thuốc ơi! Tôi chẳng thể nào nằm như thế này trong bảy tháng được!

- Vậy tại sao gia chủ lại hứa? Ngài nuốt lời sao?

- Thật không dám thế. Nhưng tôi đã không thể chịu đựng được nữa rồi!

Trầm ngâm một chút, Jīvaka gật đầu, có vẻ thông cảm:

- Thôi được! Vậy gia chủ có thể nằm nghiêng phía hông trái bảy tháng vậy.

Người con trai thay đổi thế nằm cho cha, Jīvaka đưa thêm một số thuốc đã bào chế rồi ra về.

Bảy ngày sau, đến thăm, bệnh nhân lại than phiền là cũng đã hết sức chịu đựng, Jīvaka giả vờ cau mày một lát, sau đó, đồng ý cho nằm ngửa nhưng cũng phải bảy tháng.

Bảy ngày nữa, Jīvaka lại ghé thăm, gia chủ đại triệu phú lại than phiền như cũ, chàng cáu gắt:

- Chẳng lẽ nào cả ba lần ngài đều thất hứa cả ba mà không hổ thẹn?

Vị đại triệu phú quay mặt ngoảnh đi, trông bộ dạng rất tội nghiệp. Chợt nhiên, Jīvaka cười ha hả, nói lớn:

- Thôi, ngồi dậy đi, ngài hoàn toàn lành bệnh, khỏe mạnh rồi đấy!

Nghe thế, nửa tin nửa ngờ, vị đại triệu phú từ từ ngồi dậy, nhè nhẹ đưa tay sờ đầu thì thấy mọi vết cắt trên não đã liền lạc như cũ, chẳng còn đau đớn gì nữa; ông cảm giác sung sướng, nhẹ bưng, thần hồn như bay tít lên tận thiên đường. Nhưng ông còn bàng hoàng, ngạc nhiên:

- Thầy bảo bảy tháng, bảy tháng, bảy tháng... nhưng rõ ràng là mới có hai mươi mốt ngày?!

- Phải, tôi phải nói như vậy. Tôi biết chỉ cần hai mươi mốt ngày là vết thương sẽ liền da, nhưng phải cam kết khó khăn nhiều tháng như thế, ngài đại triệu phú mới chịu nằm yên được đúng với thời gian yêu cầu chứ!

Xiết bao cảm kích, cả gia đình sụp xuống lạy tạ, tri ân.

Jīvaka lấy tay ngăn lại, chàng nói:

- Đừng làm tôi tổn thọ. Bây giờ, ngài đại triệu phú trả thù lao cho tôi như thế nào đây?

- Tất cả tài sản đều là của thầy; và tôi, vợ con tôi sẽ làm tôi làm tớ cho thầy!

Ân cần nắm tay vị đại triệu phú, chàng nói:

- Tôi biết ngài sẽ giữ chữ tín, nhưng không cần thiết phải như vậy. Nghe nói, ngài có công đức rất lớn đối với dân chúng nghèo khổ trong kinh thành này; với nhân quả ấy, lý ra tôi không dám đặt vấn đề thù lao. Tuy nhiên, tôi bây giờ là người của đức vua, đang phụng sự cho đức vua; vậy ngài hãy dâng biếu đức vua cái gì đó và tặng tôi cái gì đó như vật kỷ niệm là đủ rồi. Sống với nhau còn có cái tình, cái nghĩa nữa chứ!

Cả nhà cảm động đến nghẹn ngào, rưng lệ. Sau đó, để biểu tỏ tấm lòng với vị vua nhân đức cũng như với chàng trai tốt bụng, vị đại triệu phú bắt chàng phải nhận trăm ngàn đồng tiền Kahāpaṇa và đức vua cũng bằng chừng ấy ngân lượng.

Mổ Bụng Sắp Xếp Lại Chùm Ruột

Thế là danh tiếng của vị thần y tràn qua các vương quốc, tiểu quốc. Một vị triệu phú ở Bārāṇasī có người con trai thường hay chơi trò nhào lộn nên bị xoắn ruột. Suốt một thời gian dài không thể nuốt vào một chút cháo, một chút nước, lại còn bí cả đường đại tiểu tiện. Nhìn đứa con trai

xanh xao, gầy ốm, chỉ còn trơ xương, chết dần chết mòn; và rồi thầy thuốc nào cũng bỏ chạy, vị triệu phú thở vắn, than dài. Hôm kia, danh tiếng của Jīvaka tràn đến thành phố này; vị triệu phú hối hả thắng ngựa, tìm đến kinh đô Rājagaha, nước Māgadha, vào tận vương cung, khẩn thiết vập đầu xin đức vua cứu cho con trai thân yêu của mình. Thấy cũng thương tình, đức vua Sineya Bimbisāra cho gọi Jīvaka đến.

- Thế nào, trưởng ngự y? Bệnh như thế cứu được không?

Jīvaka cẩn trọng hỏi han bệnh tình, rồi đáp:

- Có lẽ dễ thôi, tâu đại vương! Nhưng phải quan sát, xem xét tận mắt mới quyết chắc, mấy ngày, vị công tử kia mới ăn uống bình thường trở lại.

Vị triệu phú thở dài, nhẹ nhõm.

Thế rồi, Jīvaka lại theo xe về Bārāṇasī. Quan sát người bệnh một hồi, Jīvaka mời mọi người ra ngoài, kéo màn cửa che kín, chỉ giữ lại người vợ để nhờ phụ giúp một tay. Cũng tương tợ lần trước, Jīvaka bảo người vợ cởi áo cho thanh niên, rồi lấy dây buộc chặt chân, tay, đùi, ngực... vào cột nhà, chỉ chừa cái bụng trắng hếu. Soạn y cụ, lấy thuốc bôi làn da bụng, cho bệnh nhân uống một loại thuốc rồi xắn tay cầm con dao giải phẫu sắc lẻm, sáng lấp lánh. Người thanh niên và bà vợ tái mặt, run, sợ hãi...

Jīvaka mỉm cười trấn an:

- Tôi cho uống thuốc giảm đau rồi, chỉ như kiến cắn, đừng sợ! Còn nhanh hơn mổ gà, mổ vịt nữa đấy!

Rồi với bàn tay thiện xảo, Jīvaka nhẹ nhàng đưa lưỡi dao xuyên làn da bụng, rạch sâu một đường, vừa đủ cho bàn tay lọt vào. Tự nhiên như nhiên, vừa cười vừa nói, chàng thò tay vào bên trong lôi nắm ruột ra; rồi vừa đưa tay chỉ vừa giải thích cho người vợ trẻ:

- Hãy xem chùm ruột của tướng công bà! Đây này, nó xoắn lại như sợi dây thừng như thế này thì làm sao chảy trôi, thông thuận được nước hồ, nước cháo! Nó xoắn nhiều vòng như thế này thì làm sao mà đại tiểu tiện? Chưa chết là may lắm rồi đó!

Vừa nói, vừa chỉ trỏ, vừa đưa những ngón tay khéo léo như ảo thuật sắp xếp lại từng khúc ruột trên dưới cho đúng vị trí rồi đặt trở lại vào bên trong. Rồi, những ngón tay như có con mắt, không phí một sát-na nào, chàng lấy kim chỉ khâu vết thương, bôi một lớp thuốc mỡ bên ngoài, lau máu, lau tay sạch sẽ.

- Xong rồi đấy! *Chàng nói* - Nhờ bà chị làm phiền cởi dây trói, mặc áo lại cho công tử.

Khi mọi người được phép vào thăm thì Jīvaka đã đặt cho thanh niên nằm yên trên giường, chàng nói:

- Phải được giữ yên như thế, quan trọng nhất là vị trí cái bụng, đừng cho xê dịch! Chỉ nên cho ăn cháo loãng ba ngày, cháo đặc ba ngày; ngày thứ bảy ăn cơm được; và như thế có nghĩa là có thể trở lại sinh hoạt bình thường. Còn cái trò chơi lộn nhào kia thì khuyên công tử phải bỏ hẳn đi, tái phạm, tôi không cứu nữa đâu!

Rồi chẳng khách sáo gì, Jīvaka nhận lãnh mười sáu ngàn tiền thưởng, về lại kinh đô với công việc cũ của mình...

Dùng Mưu Chữa Bệnh Cho Ông Vua Độc Ác

Và còn nữa, còn nữa, không biết bao nhiêu huyền thoại, giai thoại, truyền thuyết về ông quan ngự y Jīvaka! Đôi khi biết là tánh mạng của mình bị đe dọa mà chàng vẫn cứ cứu người, như trường hợp sau đây.

Đức vua Pajjota nước Ujjenī nổi tiếng độc ác, bạo tàn nên được gọi là Caṇḍappajjota[1] bị bệnh vàng da, nhưng các quan ngự y của vua bó tay bất lực. Phần thưởng nghìn vàng vẫn còn treo lơ lửng ở đấy, nhưng chẳng có danh y nào dám thò tay nắm lấy. Danh tiếng thần y Jīvaka Komārabhacca hôm kia bay đến tai vua. Với lễ vật trọng hậu, một đoàn sứ giả thắng xa mã lên đường, bệ kiến đức vua Sineya Bimbisāra, quỳ lạy khẩn thiết, xin cho quan ngự y cứu đức vua của họ.

Đức vua Sineya Bimbisāra lẳng lặng không hứa khả điều gì, sau đó, hẹn ba ngày sẽ trả lời.

Gọi Jīvaka đến, vua hỏi:

- Học thuốc, khanh tâm đắc y thuật hay y đạo?

Nghe câu hỏi nặng tợ ngàn cân, Jīvaka giật thót mình,

---

[1] *Caṇḍa là dữ tợn, bạo tàn, hung dữ...*

tuy nhiên, chàng trấn tĩnh rất nhanh.

- Tâu đại vương! Thuật hay đạo cũng đều là y cả. Sở dĩ gọi thuật là vì phải dùng phương, dùng thuốc để đối trị, bổ tả hay công thủ tùy nguyên nhân bệnh lý, cơ địa, mùa tiết... Nói cách khác, thuật nó biến hóa vô cùng, vô biên giới nhưng đều gặp nhau một điểm là sử dụng ngoại công để trị liệu.

- Thế còn đạo?

- Đạo là tự mình cứu mình, tự mình chữa trị cho mình, không dùng ngoại công, chỉ sử dụng nội công, nội thủ...

- Trầm hiểu! Nhưng cao nhất, tối thượng nhất của nội công, nội thủ là gì?

- Dạ thưa, là *không làm gì cả,* chỉ chú trọng hít thở để điều khí, điều tâm...

Đức vua chợt cười ha hả:

- Cái ông thầy thuốc con nít nói cứ y như đức Phật nói vậy.

Jīvaka ngạc nhiên:

- Hạ thần đã nghe danh tràn tai về sự sâu nhiệm của tư tưởng cũng như giáo pháp của đức Phật ấy, tiếc là chưa có dịp diện kiến. Rồi hạ thần sẽ tìm gặp. Tại sao có sự trùng hợp ngẫu nhiên giữa y đạo và giáo lý thoát khổ, kỳ lạ đến vậy.

Trầm ngâm một lát, đức vua hỏi tiếp:

- Cứu người, có phân biệt người ấy là tốt, là xấu, là thiện, là ác không, hở Jīvaka?

- Dạ thưa không! *Chỉ có bệnh, nguyên nhân bệnh, phải chẩn trị cho hết bệnh với phương dược*[1] tùy nghi thế nào đó, tâu đại vương! Trong con mắt và trong cái tâm của người thầy thuốc, là *không có người mà chỉ có bệnh!*

- Nữa! *Đức vua lại cười* – ông lại nói rất giống ông Phật con nữa rồi!

Cứ để cho Jīvaka thắc mắc, đức vua không giải thích, ngài kể lại cho chàng nghe về việc thỉnh cầu chữa bệnh của đức vua Pajjota, nước Ujjenī, vốn là một kẻ độc ác, bạo tàn. Đến chữa bệnh cho ông ta thì sống chết khó lường. Tuy nhiên, cái sự việc ấy, nhận hay không nhận, đức vua để cho Jīvaka tự do quyết định.

Rất tri ân đức vua đã có sự tôn trọng phải lẽ, Jīvaka muốn thử tài nghệ của mình, sau khi hứa với đức vua là sẽ rất cẩn trọng, sẽ rất thận trọng!

Nhìn thần sắc, tướng mạo của đức vua Pajjota, thần y Jīvaka, biết rõ bệnh và biết rõ cả tâm địa, chàng nói:

- Đơn giản thôi, tâu bệ hạ! Nhưng chữa lành rồi, bệ hạ sẽ tái phát trở lại!

Vua Pajjota trợn mắt:

- Tại sao?

Jīvaka bạo gan, ướm thử:

- Bệnh của bệ hạ là do gan nóng, khô; gan nóng, khô lại

---

[1] *Giống Khổ đế, Tập đế và Đạo đế...*

là do bệ hạ uống nhiều rượu, hay nóng nảy, hay giận dữ... Hạ thần còn ngại rằng, không chỉ có vàng da mà khí nóng cứ mãi bốc lên làm cho đôi mắt càng ngày càng yếu, càng mờ đi; biến chứng có thể dẫn đến mù mắt!

Vua Pajjota thấy ông thầy thuốc nói đúng từ bên trong ra bên ngoài, việc mắt mờ cũng đã lờ mờ xuất hiện nên cứ hầm hừ, ầm è trong cổ họng; lát sau, ông mới nói:

- Cứ chữa lành bệnh cho ta đi, tái phát thì ta chịu, ngươi là thầy thuốc mà sao lắm lời đến thế, còn dạy khôn, dạy ngoan người ta nữa!

- Nhưng thưa bệ hạ, thần nói đúng chứ?

- Đúng!

Jīvaka không dừng lại, chàng tiếp:

- Vậy thì nhất định là hạ thần sẽ chữa lành! Thuốc quý hiếm cả hằng trăm loại, hạ thần đi kiếm được, nhưng khó nhất là nước dẫn...

- Nước dẫn gì?

- Dạ thưa! *Chàng chọc tức* - Nước uống để dẫn thuốc đi, ví dụ như nước tiểu bò, nước tiểu khỉ...

- Ta sẽ chém đầu ngươi!

- Vậy thì nước ao hồ, nước cống rãnh?

- Ngươi không muốn sống nữa à?

Chợt Jīvaka cười ha hả:

- Sau khi lành bệnh, một năm sau bệ hạ mới tái phát. Càng giận dữ chừng nào thì thời gian tái phát càng nhanh. Hạ thần muốn chọc giận bệ hạ, xem thử bệ hạ giận dữ đến cái cỡ nào, hóa ra còn có thể chữa trị được!

Nói thế xong, Jīvaka chậm rãi tiếp lời:

- Hạ thần sẽ dùng nước bơ lỏng để làm thuốc dẫn vậy!

Đức vua chợt giận dữ, vùng đứng dậy, quắc mắc:

- Đấy là thứ mà ta rất cấm kỵ. Ta rất ghét. Ngươi mà sử dụng bơ lỏng, ta sẽ cho chặt ngươi làm ba khúc.

Jīvaka nghe ớn lạnh cả xương sống. Lát sau đã tìm ra giải pháp, chàng nói:

- Vậy bệ hạ có thể dùng nước cam, vị cam và hương cam chăng?

- Ừ, cái thứ đó thì được!

Ngẫm nghĩ, đã có kế, chàng bèn đưa ra điều kiện:

- Trong thời gian chữa trị, hạ thần cần đi tìm kiếm gấp rất nhiều loại thuốc quý hiếm xung quanh núi rừng ngoại ô kinh thành; vậy đức vua hãy cho phép hạ thần được tự do ra vào các cổng thành bất cứ lúc nào; sử dụng bất cứ phương tiện nào được xem là thuận lợi nhất, nhanh nhất, cũng vì lợi ích tối thượng cho bệ hạ!

Đức vua gật đầu:

- Điều kiện ấy thì ta chấp thuận, ta sẽ thông báo tức khắc. Nếu cần, ta còn cho phép ngươi sử dụng cả con Voi Thần

Bhaddavatikā có thể đi năm mươi do-tuần trong một ngày.

Sau ba ngày công phu chế biến các loại dược thảo, trộn lẫn hương cam, vị cam trong một bát thuốc, Jīvaka dâng lên đức vua:

- Ngài uống bát thuốc này xong thì sẽ đổ mồ hôi, ấy là triệu chứng giải độc đấy, sau đó nên nằm ngủ một lát. Bây giờ hạ thần xin cáo lui!

Chữa Xong, "Dọt Lẹ"

Ra khỏi cung điện, Jīvaka thăm hỏi đường đến trại nuôi voi, vừa đi vừa nghĩ: *"Phương thuốc này duy nhất có hiệu quả, là lấy bơ lỏng làm nước dẫn; vì đức vua có ác cảm với bơ nên ta đã dùng vị cam, hương cam đánh bạt mùi vị bơ đi. Nhưng khi thuốc tiêu hóa vào bao tử, vào đường ruột, bơ bị đốt cháy sẽ sinh ra ợ hơi. Do ợ hơi, vua sẽ biết đấy là bơ chứ không phải cam. Độc ác, bạo tàn, độc đoán là bản tính cố hữu của ông ta; nghịch ý ông ta thì mình sẽ bị chém đầu, không chỉ là lời hăm dọa suông đâu. Vậy, bây giờ, tốt nhất, muốn bảo vệ cho cái tính mạng sâu kiến nhỏ nhoi của mình, ta sẽ chuồn nhanh qua bên kia biên giới!"*

Viên quản tượng đã có lệnh của đức vua khi biết đây là viên ngự y lừng danh, nên sẵn sàng trao Voi Thần, còn tìm cách chỉ bày cặn kẽ cách khiển voi, trị voi nữa!

Ngủ đẫy một giấc, thức dậy, đức vua ợ hơi và cảm nhận mùi bơ nồng nặc, rất khó chịu; ông hét toáng lên:

- Quân bây đâu! Tên thầy thuốc xảo trá đâu rồi? Nó dám cho ta uống bơ lỏng! Hãy gọi y đến đây gấp cho ta trị cái tội hỗn láo!

- Tâu bệ hạ! *Quan cận vệ hớt hãi* - Ông thầy thuốc ấy đã phi vun vút ra khỏi cửa cung bằng con Voi Thần Bhaddavatikā của bệ hạ mất rồi!

Đức vua mắt trợn ngược, vỗ long sàng, quát lớn:

- Phải chém, phải chặt thành bảy khúc cái tên thầy thuốc nghịch tặc ấy! Hãy gọi nam nô lệ Kāka của ta đến đây!

Thanh niên Kāka nô lệ của vua vốn là dòng dõi phi nhân, có thể chạy nhanh như gió, mỗi ngày chạy được sáu mươi do-tuần, hơn cả Voi Thần, nghe vua gọi liền đến trình diện.

- Ngươi hãy ra sức thần võ! *Vua phán* - Đuổi bắt tên thần y quỷ quyệt ấy về đây cho ta, sẽ được trọng thưởng ngàn vàng. Nhưng hãy ghi nhớ điều này, ngươi đừng nhận bất kỳ thứ gì mà hắn giả vờ thân thiện trao cho; ở nơi móng tay, móng chân của hắn, xem chừng, chỗ nào cũng phục kích sẵn thuốc độc cả đấy!

Kāka cúi đầu vâng dạ, lời vừa dứt thì cái bóng đã loang loáng ngoài xa, rồi sau đó, đôi chân thoăn thoắt của hắn dường như lướt trên đầu cỏ. Giữa đường, gần thành phố Kosambī, thanh niên nô lệ Kāka gặp Jīvaka Komārabhacca đang nghỉ chân ăn uống nơi chiếc quán bên vệ đường.

Kāka lễ phép nói:

- Thưa thầy, đức vua sai bảo kẻ nô lệ nầy phải bắt dẫn

thầy trở về!

Jīvaka đã nghe danh tên nô lệ nầy, biết sự việc gay cấn rồi, nhưng chàng giả vờ phớt lờ như không có chuyện chi:

- Ta biết. Nhưng này chú em, hãy chờ cho ta ăn chút gì đã chứ! Chú em cũng ăn đi!

Kāka thật thà:

- Kẻ nô lệ nầy không được phép thọ nhận bất kỳ thứ gì từ nơi ông thầy thuốc cả!

Lúc ấy, Jīvaka đã ăn xong, rồi rất nhanh, rất thiện xảo, chàng gảy nhẹ móng tay, thế là một ít bột thuốc nâu vàng đã bay sang trái cây Amalaka. Chàng nói:

- Chú em cũng nên ăn trái cây, uống nước rồi lên đường!

Thanh niên nô lệ Kāka chất phác suy nghĩ: *"Thầy thuốc không trao gì, ta không nhận gì. Chỉ ăn trái cây trên bàn và uống nước. Việc này chẳng có gì là sai trái cả."* Bèn vô tư thò tay cầm một trái...

Vừa cắn một miếng, vừa nhai tí chút, nô lệ Kāka đã xây xẩm mặt mày, tay chân bủn rủn mất hết khí lực, y ngây dại đưa mắt nhìn Jīvaka, nói thều thào:

- Kẻ nô lệ tội nghiệp nầy có còn được mạng sống không, thưa thầy?

Jīvaka vỗ vỗ vai hắn, thân mật, mỉm cười:

- Chú em là người tốt, ta không hại mạng sống của chú em đâu! Thuốc này chỉ để chú em thong thả ngồi đây chơi

chỉ mấy khắc thời gian thôi, đủ để cho ta qua khỏi bên kia biên giới. Sau khi cử động chân tay được rồi, chú em hãy ăn một bụng no, khỏi phải trả tiền cho chủ quán, tiền ta trả rồi. Con voi Bhaddavatikā ta cũng đã cho ăn no phành bụng, hãy mang nó về trả lại cho đức vua. Ta cũng nhờ chú em nói lại với ông vua rằng, tên thầy thuốc xảo quyệt Jīvaka luôn luôn đầy sẵn một bụng mưu ma, chước quỷ để đối phó với quỷ ma hung dữ; nhưng hắn chưa hại ai, hắn chữa bệnh như thần!

Thế rồi, khi an toàn về lại Rājagaha, Jīvaka kể lại mọi chuyện cho đức vua Sineya Bimbisāra nghe, ngài cười ha hả:

- Tuyệt lắm! Này Jīvaka! Mưu kế ấy tuyệt lắm! Đáng ghét thay cái loại người độc ác! *Vua chợt ngẫm ngợi rồi tò mò hỏi* - Nhưng bát thuốc đánh tráo hương, đánh tráo vị ấy, cái tên vua xấu xa, đê tiện kia có lành bệnh chăng?

- Chắc chắn chứ, lành hẳn chứ, tâu bệ hạ hiền đức! Thần đã nói là *chỉ thấy bệnh, không thấy người* kia mà!

Mấy ngày sau, bệnh vàng da của đức vua đã đổi sắc, ngày một hồng hào, ăn ngon, ngủ khỏe, đức vua vô cùng tri ân ông thầy thuốc giảo hoạt, cứng đầu, nhiều mưu kế, nhiều thủ đoạn khó lường. Nói chung là giỏi, rất giỏi... đáng khâm phục, đáng ngưỡng mộ! Càng nghĩ đến mưu chước quỷ quyệt của Jīvaka, đức vua càng khoái, ông tức tốc sai sứ giả đến gặp Jīvaka, nhắn rằng:

- Hãy đến Ujjenī để được trọng thưởng!

- Thôi đi! *Jīvaka đáp* - Ta nguyền rủa đức vua vô ơn của các ông! Nếu mà còn hung dữ, độc ác, bạo tàn... là ông ta đã

tự giết mình đấy, ta không cứu chữa nữa đâu!

Thế đấy, đại lược con người Jīvaka là như vậy đấy! Thật xứng đáng để bước vào giáo pháp của đức Tôn Sư.

Mong Gặp Đức Phật

Jīvaka Komārabhacca thì nghe danh đức Phật đã lâu, qua cửa miệng của đức vua, triều thần cũng như các bậc thức giả, quần chúng... nên chàng rất kính trọng, rất ngưỡng mộ nhưng chưa có dịp hội diện ngài. Chàng rất tâm đắc ở chỗ, đức Phật đã thuyết một loại giáo pháp, nghe nói là do ngài độc sáng, chưa hề có trong tư tưởng của các giáo phái truyền thống, gần gần đúng như nghề nghiệp của chàng: *Nêu ra thực trạng của bệnh khổ, nguyên nhân của bệnh khổ, sự chấm dứt bệnh khổ và phương thuốc chữa trị bệnh khổ ấy!* Như vậy, chính đức Phật là một vị đại lương y, chữa trị bệnh tâm thâm căn cố đế của chúng sanh!

Jīvaka Komārabhacca Hỏi Phật, Đắc Pháp Nhãn, Quy Y, Cúng Dường Vườn Xoài

Mới đây, sau khi chữa lành bệnh âm sang cho đức vua, Jīvaka được ngài chỉ định chăm sóc sức khỏe cho đức Phật và tăng chúng. Vậy, Jīvaka Komārabhacca cần yết kiến ngài để vấn nghi một vài điều còn thắc mắc trước khi nhận thêm nhiệm vụ mới.

Hôm đó, đủ nhân duyên, Jīvaka được gặp đức Phật ngay

nơi vườn xoài của mình, đảnh lễ Tôn Sư xong, chàng hỏi:

- Bạch đức Thế Tôn! Nội dung giáo pháp thoát khổ của ngài, tôi chưa có thì giờ, chưa dám hỏi đến. Tôi chỉ hỏi cái ngoài rìa! Nó như sau. Tôi nghe khá nhiều tin đồn đãi, loan truyền, không được hay cho giáo pháp, rằng là nhiều súc vật đã bị giết vì ngài; và sa-môn Gotama tuy biết thế, vẫn dùng các loại thịt được giết vì mình và được làm cho mình! Chẳng hay điều ấy có đúng chăng?

- Này Jīvaka Komārabhacca! Ai nói vậy là không như chơn, không như thực, họ đã xuyên tạc lời nói của Như Lai. Chính Như Lai đã nói như sau*: "Có ba loại thịt được thọ dụng, đấy là không thấy con vật bị giết, không nghe tiếng con vật kêu rống đau đớn khi bị giết, không nghi ngờ con vật bị giết ấy là vì mình, bởi mình, cho mình! Không thấy, không nghe, không nghi, là ba loại thịt thanh tịnh được thọ dụng, này Jīvaka Komārabhacca!"*

- Vậy là chính xác, là chơn chánh, bạch đức Thế Tôn! *Jīvaka Komārabhacca có vẻ trầm ngâm giây lát rồi nói tiếp* - Tôi là một lương y, thường phải sử dụng cây cỏ rễ củ để chữa bệnh. Thảo mộc, chúng cũng có sự sống, nhưng tôi từng tâm nguyện rằng, khi làm như vậy là tôi không hại mình, không hại người, không hại cả hai!

- Đúng vậy, này Jīvaka Komārabhacca! Như Lai và đệ tử của Như Lai cũng bảo vệ nguồn nước, cây lá và cỏ xanh. Một vị tỳ-khưu sống đúng Pháp và Luật thì phải biết tôn trọng sự sống của muôn loài; do vậy, họ không được đào, cuốc, bẻ cây, chặt cành; dù mầm sống nhỏ nhoi của một hạt

cỏ, một vi sinh cũng không được xâm hại. Ngoài ra, ông cũng còn thấy rõ sự quan trọng của sự khởi tâm lúc hành động; và tốt hay xấu, lỗi lầm hoặc không lỗi lầm, nó nằm nơi chỗ tư tác, chủ ý, cố ý (cetanā) ấy?

- Thế Tôn đã rất hiểu ý của tôi! *Jīvaka nói* - Tôi chỉ nghĩ đến việc cứu người!

Đức Phật nhìn vị lương y trẻ tuổi ra chiều thân thiện:

- Là vị thầy chữa bệnh thân, ông chú trọng nơi chỗ khởi tâm trong khi hành động. Như Lai là vị thầy chữa bệnh tâm cho chúng sanh nên Như Lai phải khởi tâm cả ba thời: Trước khi, trong khi và sau khi đó nữa, này Jīvaka Komārabhacca!

Chàng lương y có vẻ ngạc nhiên:

- Xin đức Thế Tôn cho tôi được nghe cao kiến?

- Này Jīvaka Komārabhacca! Như Lai và đệ tử của Như Lai khi sống dựa vào một ngôi làng, một ngôi rừng, một thị trấn hay thành phố nào thì luôn biến mãn một phương, nhiều phương với tâm từ, tâm bi, tâm hỷ, tâm xả quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Thế rồi, khi đêm đã qua, mặt trời lên, Như Lai và đệ tử của Như Lai với trạng thái tâm vô lượng ấy đi trì bình khất thực bình đẳng, tuần tự trước cửa mọi nhà, rỗng rang, tự tại, không hận, không sân, không hại mình, không hại người, không hại cả hai! Đấy được gọi là khởi tâm trước khi, ông có hiểu không, này Jīvaka!

- Tôi hiểu, thật là tuyệt vời! Vậy còn trong khi thì thế nào, thưa đức Thế Tôn!

- Như Lai và đệ tử của Như Lai trong khi thọ thực, không hề nghĩ đến vật thực ngon bổ hoặc không ngon bổ, không cầu mong vật thực như thế này, như thế khác, không tham đắm, không đam mê, không chấp trước; còn thấy rõ vị ngọt, sự nguy hại và ý thức rõ rệt sự xuất ly chúng nữa! Trong khi thọ thực với tâm như thế, vị tỳ-khưu không hại mình, không hại người, không hại cả hai, có phải vậy không, này Jīvaka!

- Quả thật là minh nhiên, bạch đức Thế Tôn!

- Còn sau khi nữa, này Jīvaka Komārabhacca! Như Lai và đệ tử của Như Lai thấy rằng, với tứ vô lượng tâm cũng chưa đủ, với không hận, không sân cũng chưa đủ! Sau khi thọ thực xong, vị ấy tìm một góc rừng vắng, một gốc cây, một ngôi nhà trống, an trú chánh niệm trước mặt, vị ấy đi vào, đi ra các định, các thiền; sau đó dùng tuệ tri, tuệ giác, tuệ minh; ông ta bứng nhổ vô lượng tham sân, phiền não tùy miên, làm cho chúng không còn sanh khởi trong tương lai! Và như vậy thì, vị ấy trước khi thọ thực không có lầm lỗi, trong khi thọ thực không có lầm lỗi; và, sau khi thọ thực cũng không có lầm lỗi! Đấy là hành trình làm ông thầy thuốc chữa bệnh tâm của Như Lai và đệ tử của Như Lai, nó không những không hại mình, không hại người, không hại cả hai mà còn lợi mình, lợi người, lợi cả hai nữa, này Jīvaka Komārabhacca!

Jīvaka Komārabhacca thốt lên:

- Thật là tuyệt vời, bạch đức Thế Tôn! *Rồi chàng nói tiếp* - Sự thọ thực như vậy là chơn chánh, phạm hạnh, không có ở đâu từ xưa đến nay ngoại trừ giáo pháp của đức Thế

Tôn! Sự xuyên tạc của một số người do ganh tỵ danh vọng, do đố kỵ lợi dưỡng sẽ không có chỗ đứng trong tâm kẻ trí khi họ nghe được buổi pháp thoại tốt đẹp, viên mãn cả ba thời này!

Đức Phật nói:

- Dường như họ còn nói rằng, Như Lai đồng ý với sự hủy diệt, hoan hỷ với sự hủy diệt, đồng phạm với sự hủy diệt, ông có nghe người ta nói như thế không?

- Thưa có, tôi có nghe! *Jīvaka Komārabhacca gật đầu* -Tôi thì hủy diệt chúng vô tình hoặc được ghép vào tội danh hoan hỷ, đồng ý và đồng phạm! Đức Thế Tôn thì hủy diệt chúng hữu tình, cũng bị ghép vào tội danh hoan hỷ, đồng ý và đồng phạm như thế!

- Thế ông có thấy mình có tội không, này Jīvaka?

- Dạ thưa không, bạch đức Thế Tôn! Chỉ những ai khởi tâm cố ý hủy diệt, người ấy mới có tội!

- Cũng vậy, này Jīvaka Komārabhacca! Có năm phi công đức, năm nguyên nhân tạo tội mà người cư sĩ tại gia, những người cúng dường vật thực đến cho Như Lai và đệ tử của Như Lai phải nên thấy rõ, biết rõ. Hãy dắt con thú này đi! Đấy là khởi tâm có tội, là phi công đức thứ nhất! Khi con thú bị dẫn đi đến nơi lò mổ, nó bị kéo lôi, bị trầy cổ, nó sợ hãi, nhưng lòng người ta vẫn lạnh lùng, sắt đá, đấy là nguyên nhân, là phi công đức thứ hai! Hãy giết mổ con thú này! Đấy là khởi tâm có tội, là nguyên nhân, là phi công đức thứ ba! Khi con thú bị giết, nó quằn quại, nó kêu rống,

nó cảm thọ đau đớn với lệ máu, nhưng người ta vẫn nhẫn tâm thọc huyết, xẻ thịt, đấy là nguyên nhân, là phi công đức thứ tư! Sau khi tích lũy bốn nguyên nhân có tội ấy, bốn phi công đức ấy, người tại gia cư sĩ cúng dường món ăn ấy đến cho Như Lai và đệ tử của Như Lai, chính là nguyên nhân, là phi công đức thứ năm!

Này Jīvaka Komārabhacca! Như Lai không có hoan hỷ, không có tán đồng, không có chủ trương, không có khuyến khích những vật thực cúng dường nằm trong năm loại phi công đức ấy! Cúng dường như vậy là phi pháp, không đúng với chánh pháp!

Còn như thế này nữa, Jīvaka! Trong thế gian tương đối, với bốn giai cấp có lợi dưỡng khác nhau, quan niệm khác nhau, có thói quen khác nhau về vật thực. Ví như giai cấp bà-la-môn chủ trương dùng ngũ cốc, rau trái, hoa quả; giai cấp sát-đế-lỵ chỉ thích dùng các loại thịt tươi sống, ngon bổ, rau trái quả thượng phẩm; giai cấp phệ-xá, có khá đông người giàu có, họ thọ dụng các loại thịt hoặc rau trái cũng không thua gì quý tộc đâu. Riêng giai cấp thủ-đà-la thì không có khả năng chọn lựa, cái gì rẻ, dễ kiếm thì dùng. Còn chiên-đà-la thì thức ăn vật uống của họ thì chỉ để mà tồn tại! Như Lai và đệ tử của Như Lai khi đi trì bình khất thực, phải giữ tâm bình đẳng trước mọi giai cấp, trước mọi nhà, không kể giàu nghèo, sang hèn. Và chính vật thực kiếm được trong chiếc bát, thường đủ đại biểu cho mọi giai cấp trong xã hội! Ông nghĩ thế nào, này Jīvaka! Giáo pháp của Như Lai, vì muốn giữ tâm bình đẳng, thực hiện giáo pháp trung đạo, lấy

giới luật làm thành trì, lấy tâm ô nhiễm hoặc không ô nhiễm làm thước đo, lấy mục đích giác ngộ, giải thoát làm cứu cánh thì có nên đặt vấn đề chọn lựa hay không chọn lựa? Hỏi tức là đã trả lời! Do vậy, Như Lai chỉ cho phép chư tỳ-khưu tùy nghi thọ dụng rau trái, hoa quả, ngũ cốc, tùy nghi thọ dụng ba loại thịt thanh tịnh: Không thấy con vật bị giết, không nghe tiếng con vật bị giết, không nghi con vật bị giết ấy là do mình! Như vậy, Như Lai không rơi vào cực đoan này, không rơi vào cực đoan kia, này Jīvaka!

Cảm phục xiết bao lời dạy sáng tỏ đầu đuôi, thấy rõ gốc ngọn vấn đề của đức Phật, lương y Jīvaka Komārabhacca đắc Pháp nhãn, quỳ năm vóc sát đất xin được quy y, làm đệ tử, bắt đầu học tập bổn phận của người cư sĩ tại gia. Và việc đầu tiên là chàng hoan hỷ cúng dường vườn xoài của mình để đức Phật và tăng chúng tùy nghi sử dụng!

Quan Tâm Sức Khỏe Chư Tăng

Vài ba lần về sau, mặc dầu công việc ở hoàng cung khá bận rộn, lương y Jīvaka Komārabhacca vẫn thu xếp được thời gian viếng thăm Trúc lâm, nghe pháp và quan sát sinh hoạt của tăng chúng. Trong vài lần đàm đạo với đức Phật về sức khỏe chung của chư tăng, Jīvaka nói rằng, đời sống hành thiền nhiều dễ phát sanh một số bệnh liên hệ do khí huyết thiếu lưu thông. Chàng mang đến một số dầu xoa bóp, thuốc nhuận tràng và hướng dẫn chư tăng cách bấm một số huyệt trên cơ thể để ai cũng có thể tự chữa cho mình khi nhức đầu, sổ mũi, mỏi vai, đau lưng... Ngoài ra, nước

cốt trái cây và dùng nhiều rau quả tươi xanh sẽ rất tốt cho cơ thể. Chàng còn đề nghị đức Phật cho chư tăng tập thể dục, một số động tác Hattha-yoga, như Sāriputta đã từng chủ trương, làm việc nhẹ về tay chân, tắm suối nước nóng (Ở xung quanh Trúc lâm và rải rác ngoại ô Rājagaha có khá nhiều suối nước nóng). Về mùa lạnh, không nên tắm ở ngoài trời, phải tắm ở trong lều có sưởi ấm. Thấy ý tưởng một bệnh xá tại mỗi nơi tu viện, Jīvaka Komārabhacca rất hoan nghênh, ông hứa cung cấp thuốc men và cho thêm một số lương y đến phụ trách!

Khu Vườn Thuốc
Của Jīvaka Komārabhacca

Lâu quá, đức Phật chưa ghé thăm khu vườn xoài của Jīvaka và núi Linh Thứu. Hôm ấy, sau khi đi trì bình khất thực ở Rājagaha, đức Phật chậm rãi bộ hành nhắm theo hướng nam, đi mãi ra ngoại ô, đến vườn xoài của thần y Jīvaka. Rải rác đây đó có một số cốc liêu mà trước đây thần y Jīvaka đã dâng cúng. Chư tăng nơi này thấy đức Phật đột ngột xuất hiện, họ đến tiếp bát, dâng nước rửa tay và chân, dọn dẹp và sắp xếp một chỗ tươm tất và sạch sẽ nhất để ngài an tọa.

Độ thực xong, đức Phật lựa tìm một gốc cây để tĩnh chỉ vào buổi trưa. Đến giờ phải lẽ, đức Phật bước ra ngoài vườn thuốc, đứng nhìn ngắm hằng trăm loại cây loại lá mà thần y Jīvaka đã thuê người chăm sóc, tưới tắm, vun vén công phu. Đức Phật ngồi xuống nơi một bụi cây, thò tay nắm và nâng

lên một cành, hỏi vu vơ:

- Ai biết cây thuốc này chữa bệnh gì?

Có vị tỳ-khưu đáp:

- Đốt lên và xông khói, nó trị bệnh viêm xoang mũi, bạch đức Thế Tôn!

Đức Phật đưa tay chỉ cây khác, nằm trong luống khác:

- Cây kia dường như trị cảm, phải chăng?

- Tâu vâng!

Rồi tuần tự, đức Phật bước đi quanh một vòng vườn thuốc, tay sờ lá này, tay đụng nhành kia... để hỏi chữa bệnh gì, chữa bệnh gì... Trong số chư vị tỳ-khưu đi theo, có người biết về thuốc nên họ lần lượt trả lời, nào là trị ho, tiêu đờm, ngăn tả lỵ, chữa chứng đầy hơi, sáng mắt, trị đau bụng quặn...

Trở về chỗ ngồi đã được soạn sẵn, đức Phật nói:

- Này các thầy tỳ-khưu! Giáo pháp Như Lai cũng là một vườn thuốc như vườn thuốc của Jīvaka vậy. Các thầy hãy nghe để Như Lai giảng nói.

Thế rồi, đức Phật đã thuyết với đại ý như sau:

- Này các thầy tỳ-khưu! Khu vườn này thật là đẹp. Cây lá tươi xanh, các lối đi, quanh các gốc cây đều được dọn dẹp sạch cỏ và rác; những cành khô, nhánh yếu, nhánh gầy đều được cắt tỉa thông thoáng, công phu. Hoa nở rộ, lác đác những chùm trái bắt đầu xuất hiện; hứa hẹn một mùa trái

bội thu! Các thầy có biết tại sao được như thế không?

Một số vị đã trả lời:

- Nhờ đất tốt.

- Nhờ giống tốt do đã được chọn lựa kỹ càng.

- Nhờ phân nước và công chăm sóc.

- Nhờ thời tiết nắng mưa thuận lợi

- Nhờ biết cách cắt tỉa nhánh cành, sạch cỏ, sạch rác...

Một vị tỳ-khưu trước đây là người làm vườn, từng chăm sóc khu vườn này cho thần y Jīvaka, mỉm cười nói:

- Cộng lại tất cả những điều kiện ấy là chúng ta đã có một khu vườn xoài tươi tốt. Tuy nhiên, có một yếu tố quyết định làm cho ngôi vườn này sây quả, vượt trội các nơi khác, ấy là yếu tố tâm, là tấm lòng, là có cái tâm thương yêu, cảm ứng vào đấy nữa, bạch đức Thế Tôn!

- Hay thay là yếu tố tâm! *Đức Phật khen ngợi, đưa mắt một vòng, ngài nói tiếp* - Vậy, ai có ý kiến gì về khu vườn của mình nữa không?

- Dạ thưa có, bạch đức Thế Tôn! Mảnh đất tốt chính là đức tin, có đức tin vững vàng rồi ta sẽ trồng cây giống tốt lên trên ấy. Cây giống tốt chính là tất cả mọi thiện pháp. Phân và nước chính là những công phu hành trì để tưới tắm thêm cho những thiện pháp ấy. Công chăm sóc chính là nỗ lực, tinh cần, cố gắng, chăm chuyên tu tập đừng có lười biếng, dễ duôi, giải đãi. Thời tiết nắng mưa thuận lợi

chính là tạo thêm những duyên lành; duyên lành ấy có thể là nghe pháp, có thể là lựa chọn bạn lành, tìm trú xứ thích hợp như núi rừng, hang động, xa chốn thị thành huyên náo; gần gũi thiện hữu trí thức, tu tập tứ vô lượng tâm... Biết cắt tỉa những cành nhánh vô dụng, khô cỗi chính là trí tuệ; bởi trí tuệ có khả năng cắt bỏ, đốn bỏ, đoạn lìa những gai chướng, những trở ngại; biết dọn sạch cỏ rác ở trong tâm. Đấy chính là khu vườn của những tỳ-khưu biết tu tập, bạch đức Thế Tôn!

- Khá lắm! *Đức Phật khen ngợi* - Ai có thể nghe được khu vườn này nói với chúng ta điều gì nữa không?

Mọi người im lặng. Đức Phật dạy tiếp:

- Một vị tỳ-khưu tu tập trong giáo pháp của Như Lai cũng phải biết cách săn sóc một khu vườn xoài tương tợ như thế mới đạt được thành tựu cuối cùng: Cứu cánh của sa-môn hạnh. Nếu khu vườn cho ta thâu hái một mùa bội thu thì thầy tỳ-khưu cũng thâu hái được tứ quả và tứ thánh! Vậy thì các thầy hãy chú tâm lắng nghe, Như Lai sẽ thuyết giảng thêm chút nữa, cũng về ngôi vườn ấy nhưng được nói theo hình tượng khác, ngữ nghĩa khác.

Này các thầy tỳ-khưu! *Đức Phật nói tiếp* - Giáo pháp của Như Lai có mặt giữa cuộc đời là giáo pháp của trí tuệ và từ bi; nói cách khác là một giáo pháp y cứ trên sự thật, sự thấy biết sáng suốt minh nhiên mà nói ra, mà giảng thuyết. Giảng thuyết cho ai? Cho bất cứ ai có tai để nghe, có trí để tìm hiểu. Giáo pháp ấy được quảng bá nơi này và nơi kia là bởi tấm lòng đối với cuộc đời, bởi tình thương quảng đại, vô

vị lợi, là bởi những tâm từ vô lượng mong cho tất thảy chúng sanh đều được nghe pháp, biết tu tập để lắng dịu khổ đau, phiền não, đem hạnh phúc, an vui đến cho mình. Và quả thật đấy là mảnh đất rất tốt. Tuy nhiên, mảnh đất tốt thì phải có hạt giống tốt được chọn lựa kỹ càng. Cái giống tốt ấy chính là những người hữu duyên với giáo pháp, có căn cơ sâu dày sẵn ví như những Con Trai của Như Lai! Còn nữa, ở đây có những vị tỳ-khưu có mầm giống tốt, tức là có căn duyên từ nhiều đời kiếp, gặp được mảnh đất tốt, được xuất gia trong giáo pháp này. Nhưng người mới được xuất gia ấy, phải làm như thế nào để cho lộ trình phạm hạnh của mình được thông suốt, sự tu tập mau tiến bộ, phát triển và thăng hoa? Đấy có phải là phân và nước cho cái cây kia không?

Duyên khởi từ vườn xoài của thần y Jivāka, đức Phật đã giảng nói mục đích tu tập:

- Mảnh đất tốt, cây giống tốt cũng có nghĩa là những cây cỏ, những lùm bụi cũng theo đó mà mọc lên, những cành nhánh ăn theo cũng theo đó mà phát triển. Vậy, người có trí phải biết đốn bỏ những cây si, cây sân, cành tham, lùm bụi gai độc chúng cũng cộng cư, hỗn cư ở đấy! Tất cả mọi duyên lành hỗ trợ từ bạn lành, trú xứ, tri túc trong vật thực, y áo, sàng tọa, thuốc men sẽ làm cho các bất thiện pháp khó phát sanh.

Đưa mắt nhìn một vòng, đức Phật cất giọng từ hòa:

- Các thầy lựa chọn trú xứ nơi này, với những hiểu biết, liên tưởng về khu vườn như vậy là đúng đắn, chánh đáng. Hãy học những đức tính của khu vườn! Hãy nỗ lực, tinh cần

để khu vườn tâm xanh tươi cây lá, sum suê hoa quả tứ thánh!

Lại Chăm Lo Cho Chư Tăng

Sau lễ tôn trí xá-lợi tôn giả Koṇḍañña vào tháp bạc, được mấy hôm, đức vua Seniya Bimbisāra, hoàng hậu Videhi và một số quan đại thần đến thăm viếng đức Thế Tôn. Cũng như đồng thời, một số đại gia chủ, trưởng giả trong kinh thành cũng tìm đến Trúc lâm để nghe pháp, cúng dường...

Thần y Jīvaka Komārabhacca vừa công cán từ Vesāli về, người đang còn đầy bụi đường cũng hối hả đến đảnh lễ bảo tháp, sau đó đến vấn an sức khỏe của đức Thế Tôn.

Đức Phật thuyết một vài pháp thoại khác với thường lệ, ngài nhấn mạnh về lẽ vô thường của chư pháp, cái sinh tử tất định của các loài hữu tình. Sau đó, đức Thế Tôn tán thán công đức của hai hàng cận sự về việc xây dựng bảo tháp để phụng thờ xá-lợi của chư vị A-la-hán tịch diệt.

Trong hội chúng hôm đó có người hỏi, trên thế gian này, ai là người xứng đáng được xây dựng bảo tháp? Câu hỏi này Đức Phật đã từng trả lời cho tôn giả Ananda cặn kẽ là nêu dẫn truyền thống chư Phật quá khứ cũng như lịch sử lâu đời của châu Diêm-phù-đề thì chỉ có đức Chánh Đẳng Giác, Độc Giác, chư vị A-la-hán, vua Chuyển luân vương mới hội đủ công đức phước báu để thế gian xây dựng bảo tháp phụng thờ, lễ bái.

Cuối buổi pháp thoại, chợt thần y Jīvaka trình bày một

việc hơi lạc đề nhưng đáng quan tâm:

- Tôn giả Aññā-Koṇḍañña hơn mười năm ẩn cư tại Himalaya, đến lúc tuổi già, thọ phần đã mãn mà trông sức khỏe, vóc dáng vẫn khang kiện, không ốm đau, bệnh tật gì, đấy là do nước ngọt trong lành, không khí trong lành, cây trái trong lành. Tại Vesāli cũng như các thành phố lớn của Vajjī, Mithilā đều không có được môi trường tốt lành như vậy! Lại nữa, lúc này đời sống vật chất tăng thịnh, do đó, chư tăng được thí chủ dâng cúng vật thực thượng vị hằng ngày. Điều này lại phát sanh vấn đề là chư tăng quá nhiều vị bị bệnh, nhiều chứng bệnh khác nhau nhưng phổ biến nhất là tháo dạ[1] và một số bệnh thuộc về khí huyết. Ngoài một số thuốc mà đệ tử sẽ chế biến để sử dụng cho chư tăng, xin đức Thế Tôn y chuẩn cho mấy điều, nhờ vậy, ngăn ngừa phần nào một số chứng bệnh tương quan phát sanh.

- Ừ, ông cứ nói!

- Quanh cốc liêu của chư tăng phải cho làm đường đi kinh hành, sạch sẽ, cao ráo, bề ngang chỉ cần một hắc tay[2] hoặc rộng hơn một tí, bề dài chừng năm bảy đòn gánh cũng được; và nó được xem như là một thiết kế đồng bộ với cốc liêu. Có đường kinh hành này, chư vị đi lui đi tới thư giãn, hít thở, niệm tưởng hoặc an trú đề mục gì cũng được... thì loại trừ rất nhiều thứ bệnh.

---

[1] Tiêu chảy.

[2] Hắc tay (hattha): Đơn vị đo lường, tính từ khủy cánh tay ra tới đầu ngón tay giữa.

- Đúng vậy! Cốc liêu của Như Lai và chư vị trưởng lão có đường kinh hành này nhưng nó chưa phổ cập đi các nơi. Rồi Như Lai sẽ nhắc nhở. Thêm một chút nữa, là nếu mùa mưa thì cho phép làm đường kinh hành có mái che!

- Tâu vâng! Cái thứ hai, đệ tử thiết nghĩ là rất cần thiết nhưng không biết có thực hiện được không!

- Ông cứ nói!

- Những thành phố cổ xưa của những nền văn minh cổ, thành phố nào cũng có những nhà tắm hơi công cộng. Hiện nay chỉ còn duy trì trong các cung đình, giới quý tộc, đại phú gia, đại phú thương. Nếu được tắm hơi, không kể mùa mưa hay mùa nắng, nó sẽ loại trừ một số căn bệnh khác nữa. Đức Thế Tôn, chư vị trưởng lão tôn túc nên sử dụng phòng tắm hơi để duy trì sức khỏe vì hạnh phúc cho chư thiên và loài người.

Đức Phật nói:

- Yêu cầu này hoàn toàn đúng đắn nhưng không thể đem ra thực hiện khắp các tăng xá, trú xá được. Tại sao vậy? Tại vì nó có phù hợp với đời sống một bát, ba y, tri túc và dị giản của chư tỳ-khưu không, hở Jīvaka? Rồi ngay những nhóm đệ tử của Mahā Kassapa, của ba anh em ông Kassapa thọ trì đầu-đà bậc thượng, bậc trung, bậc hạ, họ sẽ nghĩ như thế nào về đời sống chư tăng tại các đại tịnh xá lại có nhà tắm hơi, này Jīvaka, ông hãy nói đi!

Jīvaka cúi đầu:

- Tâu, quả thật vậy!

Chợt, đức Phật lại mỉm cười:

- Tuy nhiên, này Jīvaka! Một vài nơi ở đâu đó, có thể thiết kế phòng tắm hơi bên cạnh bệnh xá để dành cho bệnh nhân thì có thể được.

Việc trở nên dễ dàng hơn theo lời đề nghị của thần y Jīvaka - là hội chúng thính pháp hôm đó ai cũng sẵn lòng cúng dường tài vật nên tại Rājagaha, tất thảy mọi cốc liêu của tăng, ni đều có đường kinh hành và nơi nào có bệnh xá thì nơi ấy có phòng tắm hơi.

Câu Chuyện Liên Hệ

Sirimā, Em Gái Của Jīvaka

Vợ chồng Puṇṇaka được tôn giả Sāriputta cho phước trở thành triệu phú, được ở trong một biệt phủ sang trọng do đức vua Bimbisāra biếu tặng. Họ biết tri ân Tam Bảo nên đến tịnh xá Trúc lâm, thỉnh đức Phật, hai vị Đại đệ tử cùng chư tăng để đặt bát cúng dường trong bảy ngày tại tư gia.

Cứ mỗi ngày, mỗi buổi như vậy, đức Phật và hai vị Đại đệ tử lại thay nhau thuyết pháp đến cho gia đình và quan khách. Đức vua Seniya Bimbisāra, hoàng hậu Videhi cùng triều đình cũng đến tham dự buổi đầu tiên, là một vinh hạnh lớn cho gia chủ.

Trong bảy ngày ấy, có một thời pháp của đức Phật đã

giúp cho hai vợ chồng Puṇṇaka, cô con gái Uttarā đều được chứng quả Dự lưu!

Trưởng giả Sumana thấy gia đình nô lệ Puṇṇaka, bây giờ với tài sản lớn, danh vọng lớn hơn cả mình nên cho người đến dạm hỏi cô con gái cho con trai của mình nhưng bị khước từ. Không hiểu lý do, trưởng giả Sumana đích thân tìm đến hỏi. Đại phú gia Puṇṇaka tiếp đón *"chủ cũ"* của mình thật đàng hoàng, lịch sự nhưng khi nói đến chuyện cầu hôn thì ông bảo:

- Xin lỗi! Con gái tôi theo đức Phật, có đức tin với Tam Bảo; con trai ông theo ngoại đạo, chẳng có đức tin chơn chánh, tôi không thể gả được!

Trưởng giả Sumana năn nỉ:

- Chúng ta dù sao cũng đã từng quen biết nhau mà! Đừng cạn tàu, ráo máng như thế! Được con gái ông làm vợ, con trai tôi biết đâu nó sẽ khá hơn, tốt hơn!

Đại phú gia Puṇṇaka khăng khăng không chịu. Sau, do lời khuyên của nhiều nhà quyền chức, vọng tộc, phú hào đã khuyên Puṇṇaka đừng làm mất tình thân của trưởng giả kia. Cuối cùng, Puṇṇaka nhận lời, vào ngày trăng tròn tháng Asalhi, gả Uttarā cho con trai trưởng giả Sumana là chủ cũ của mình.

Từ khi về nhà chồng, Uttarā không có dịp gặp gỡ chư vị tỳ-khưu tăng, ni, hoặc cúng dường hoặc nghe pháp tại tịnh xá Trúc lâm nữa. Hôm kia, nàng Uttarā hỏi người hầu:

- Mùa an cư còn bao lâu?

- Thưa phu nhân, nửa tháng nữa.

Uttarā nhắn tin về cha nàng: *"Tại sao cha mẹ lại để cho họ nhốt con trong cái nhà 'vô phước' này vậy? Thà là cha mẹ đánh con, chửi con còn hơn là gả con cho một gia đình ngoại đạo như thế này. Từ ngày về đây, con không được gặp đức Phật, hai vị thượng thủ giáo hội, chư vị trưởng lão, cho chí một vị tỳ-khưu tăng, ni gì đó cũng không thấy mặt! Ôi! Một chút công đức nhỏ cũng không làm được thì cuộc sống làm người có ý nghĩa, giá trị gì nữa?"*

Cha mẹ nàng được tin, buồn bã nói với nhau rằng:

- Ôi! Con gái ta bất hạnh quá!

Rồi cả hai tính kế. Sau đó, ông bà Puṇṇaka gởi cho con gái mười lăm ngàn đồng tiền vàng, kèm theo lời dặn dò: *"Trong kinh đô Rājagaha này có cô kỹ nữ tên là Sirimā, nổi tiếng là một mỹ nhân trong thiên hạ; ai ở với cô ta một đêm phải bỏ ra một trăm ngàn đồng tiền vàng, không thừa không thiếu. Thế mà các vương tôn công tử phú gia tranh giành nhau đấy! Vậy, với số tiền này, con mời cô ấy về cho chồng con để thay thế con. Và con sẽ có được thời gian mười lăm hôm để đi làm phước, cúng dường, nghe pháp tùy thích!"*

Vui mừng khôn xiết, nàng Uttarā cho mời kỹ nữ Sirimā đến, với lời dịu dàng, đề nghị làm bạn với chồng mình mười lăm hôm, với số tiền mười lăm ngàn đồng tiền vàng đưa trao ngay tận tay.

Sirimā tức thì ưng thuận, mà chồng của nàng Uttarā cũng vì say mê nhan sắc của cô kỹ nữ nên mau mắn đồng ý, hài lòng để Uttarā tự do như ý.

Như chim được sổ lồng, nàng Uttarā đi thỉnh ngay đức Phật cùng chư vị trưởng lão để đặt bát tại tư gia nửa tháng cuối cùng trong mùa an cư.

Được đức Phật nhận lời, nàng vô cùng vui sướng nghĩ thầm: *"Từ ngày mai trở đi cho đến ngày mãn hạ, ta không còn bị ràng buộc gì với ông chồng và công việc gia đình chồng nữa. Hãy để tâm vào việc sắp đặt bánh trái cơm nước cho được chu đáo!"* Thế rồi nàng đích thân tính toán các loại thực phẩm, món ngọt, món mặn thượng vị cứng mềm đâu đó rồi cùng với các nữ tỳ đi chợ, vào bếp, chăm lo từ việc nhỏ đến việc lớn. Muốn cho việc đặt bát cúng dường được thành tựu tốt đẹp, nàng luôn nở nụ cười, thái độ dịu dàng, mềm mỏng khi chỉ bày công việc; và nàng lại còn vui vẻ ban thưởng tiền bạc cho những người phụ việc, kẻ làm công, tôi trai tớ gái nên ai cũng hoan hỷ, ai cũng thương kính cô chủ tốt bụng.

Đức Phật chỉ tham dự một hôm, sau đó là tôn giả Sāriputta, tôn giả Moggallāna hay tôn giả Ānanda dẫn đầu hội chúng. Và các thời pháp cũng thay đổi như thế.

Vậy là ngày nào Uttarā cũng được như ý, ngày nào nàng cũng mãn nguyện. Và thời pháp nào Uttarā cũng chăm chú lắng nghe, do vậy, kiến thức về kinh giáo của nàng có thêm được bề rộng và bề sâu. Điều đặc biệt, Uttarā thích bài giảng của tôn giả Ānanda về tâm từ, nên nàng tu tập ngày đêm,

do vậy, khuôn mặt nàng lúc nào cũng tươi rạng và mát mẻ.

Một hôm, tình cờ chồng Uttarā đứng ở cửa sổ lầu cao, nhìn xuyên qua cửa bếp, chợt nẩy sinh ý nghĩ: *"À, ta xem thử cô vợ của ta làm gì ở trong đó mà suốt cả nhiều ngày không hề thấy mặt?"* Rồi ông thấy Uttarā đi tới đi lui, mình mẩy đẫm mồ hôi, mặt mày dính đầy tro bụi, mồ hóng... với dáng dấp như đang tất tả với công việc. Ông rủa thầm: *"Họa là cái con điên! Không điên cũng khùng! Sống trong một gia đình giàu sang, danh giá như thế này, lại không thích thọ hưởng ngũ dục, những tiện nghi xa hoa, những thú vui quý phái mà lại đầu tắt mặt tối trong bếp núc như kẻ tôi đòi, hạ tiện, nấu nướng thức ăn, cung cung kính kính phục vụ cho những ông thầy tu trọc đầu!"* Nghĩ thế xong, ông cười cười rồi bỏ đi!

Cô kỹ nữ Sirimā đứng gần đó thấy vậy, tự hỏi: *"Ông ấy thấy ai mà cười vậy ha?"* Nhìn thẳng qua cửa sổ nhà bếp, trông thấy Uttarā đang vuốt mồ hôi trên má, Sirimā nghe ghen tức trong lòng: *"Chỉ vì bà ta thôi! Ồ! Hóa ra giữa họ vẫn còn tình tứ với nhau lắm"*. Sở dĩ có chuyện như vậy là vì, dù Sirimā sống chưa đầy nửa tháng trong nhà triệu phú như một nàng hầu; nhưng chóa mắt vì sự giàu sang, hào nhoáng, lộng lẫy của gia chủ, nàng quên mất thân phận *"chỉ là kẻ thế thân vui chơi cho người ta",* lại cứ tưởng mình là *"nữ chủ"!*

Vì vậy, Sirimā cảm thấy căm ghét Uttarā, khởi ác tâm muốn hại nàng, muốn làm gì đó cho nàng phải khổ sở, phải đau đớn mới cam lòng! Cô ta bèn chạy xuống lầu, đi vào

nhà bếp, đến bên chảo bánh, múc một vá bơ đang sôi sùng sục tiến về phía Uttarā.

Cô Uttarā vô tư, thấy Sirimā đi tới không biết có việc chi, nhưng cũng mở lời:

- Cô bạn đã giúp tôi rất nhiều. Trái đất này có thể to rộng, cõi trời phạm thiên kia có thể cao lớn, nhưng lòng tốt của cô còn vĩ đại hơn nhiều. Nhờ cô, tôi được rảnh thời gian để cúng dường và nghe pháp. Cảm ơn cô nhiều lắm!

Vừa nói đến ngang đó, thoáng thấy đôi mắt cô kỹ nữ hằn lên tia lửa và cái cách cầm cái vá bơ sôi, đoán biết ngay chuyện gì. Cô Uttarā nhắm mắt lại, niệm tâm từ rồi bình tĩnh, chậm rãi nói:

- Cô bạn làm gì thì làm, tuyệt đối tôi không nổi giận với cô đâu. Nếu điều tôi nói là chân thật thì vá bơ sôi kia chẳng thể làm gì tôi được, bằng lời kia là gian dối thì tôi sẽ bị hại!

Nói thế xong, một năng lượng tâm từ như bao phủ con người cô, sắc mặt cô nên khi vá bơ sôi từ trên đầu hắt xuống, nó chợt như nhúm nước lạnh tưới nhẹ lên đầu lên mặt mà thôi. Tức giận, Sirimā quay lưng định đi múc vá bơ thứ hai...

Tuy nhiên, những gia nhân giúp việc đã kịp thời ra tay. Người thì la hét, người thì nguyền rủa:

- Cút đi! Đồ đĩ ngựa!

- Mày là cái gì trong nhà này mà tưới bơ lên đầu bà chủ của tao!

- Hãy *"tẩn"* nó!

Rồi họ đồng ùa tới Sirimā, kẻ đánh bằng tay, kẻ đạp bằng chân, kẻ đập bằng chảo, bằng vung, người giật tóc, người xé xiêm áo... cho đến khi cô ta thân tàn ma dại luôn.

Nàng Uttarā can ngăn không kịp, chạy tới đẩy mọi người ra, rồi nằm sấp xuống che chở cho Sirimā, nói lớn rằng:

- Cô Sirimā đã hành động thô bạo là do sân si không kềm chế được mình; mà các người cũng bằng hành động thô bạo để đối lại thì xấu ác cũng tương đương! Làm cho người khác đau đớn như thế là không đẹp rồi, không tốt rồi!

Mọi người thấy tấm lòng quảng đại của cô chủ Uttarā, họ cúi đầu như hối lỗi. Nàng Uttarā đưa tay dịu dàng đỡ Sirimā dậy rồi nhờ mọi người mang cô ta vào phòng. Sau đó, nàng tận tay tắm rửa cho cô ta bằng nước ấm, lấy khăn thơm lau khô rồi lấy dầu quý xoa bóp những chỗ bị sưng tấy! Nàng cũng đích thân vào tủ lấy xiêm áo tốt, đẹp, sang trọng để cho Sirimā thay đổi bộ đồ cũ đã bị dơ, rách.

Cảm động quá, Sirimā bưng mặt, thút thít khóc! Bây giờ, cô ta mới sực nhớ, mình chỉ là người hầu, lại được bà chủ rộng lòng tha thứ, chăm sóc chu đáo với bàn tay dịu dàng của người mẹ, cô suy nghĩ: *"Thật là thô bỉ, hung ác và cả vô lý nữa, khi mình đổ bơ nóng lên đầu cô chủ chỉ vì ghen tức chồng nàng cười với nàng!? Và nàng, thay vì sai gia nhân trói ké ta lại, hạch sách ta, mạt sát ta, đánh đập ta... thì nàng lại la mắng gia nhân, bảo vệ ta, lại còn tắm rửa cho ta, xoa bóp dầu thơm cho ta, hết lòng xoa dịu vết thương đau cho ta nữa! Ôi! Nếu ta không ôm gót chân nàng*

mà xin lỗi thì cái đầu của ta sẽ bị bể làm bảy mảnh!"

Nghĩ thế xong, Sirimā lồm cồm bò dậy, quỳ dưới chân Uttarā, sụt sùi nói rằng:

- Xin phu nhân tha lỗi cho tôi! Tôi đã ăn năn, ray rứt nhiều lắm rồi!

"Trí tuệ" lúc ấy chợt đến với Uttarā nên nàng nói:

- Tôi là con của cha tôi. Nếu cha tôi tha lỗi cho cô thì tôi mới tha lỗi cho cô!

- Lành thay, thưa phu nhân! *Cô Sirimā nói* - Tôi sẽ thành tâm xin lỗi với người, đại phú gia Puṇṇaka!

- Không! *Uttarā đáp* - Puṇṇaka là cha thế gian của tôi! Tôi muốn nói đến đức cha xuất thế gian của tôi kìa!

Sirimā không hiểu.

Uttarā phải giải thích:

- Chính là đức Phật! Chính là bậc Tôn Sư Vô Thượng Giác! Cả gia đình chúng tôi đều được sinh ra trong lòng giáo pháp. Cô phải thành tâm xin lỗi tôi, có sự chứng minh của đức Đạo Sư!

- Tôi đã hiểu rồi! Thế tôi phải xin lỗi với ngài bằng cách nào mới xứng hợp?

- Mai là ngày cuối cùng trong mười lăm ngày làm phước sự của chúng tôi. Vậy cô phải chuẩn bị ngay từ bây giờ, cơm bánh vật thực để đặt bát cúng dường đến đức Phật cùng năm trăm vị tỳ-khưu! Chỉ có việc làm ấy mới nói lên lời xin

lỗi chơn chánh nhất.

Nghe lời, cô kỹ nữ tức tốc về nhà, sai bảo gia nhân chuẩn bị đâu đấy mọi thứ, sáng ngày, cùng với chục chiếc xe ngựa kéo cùng với tỳ nữ mang thức ăn, vật uống, thượng vị loại cứng, loại mềm đến trang viện của gia đình Uttarā.

Khi đức Phật và hội chúng tỳ-khưu đến, cô kỹ nữ Sirimā cúi gầm mặt, không dám ngửng đầu lên, cũng không dám tận tay dâng vật thực đến cho ai cả. Biết được sự tự ti mặc cảm của cô bạn, nàng Uttarā sai bảo gia nhân, cùng với mình làm những công việc như lệ thường.

Trong lúc đức Phật và hội chúng thọ trai, Sirimā cùng một đoàn tỳ nữ của cô vẫn lặng lẽ quỳ ở phía trước. Độ thực xong, khi tay vừa rời khỏi bình bát, đức Phật mỉm cười nói:

- Vật thực đặt bát cúng dường hôm nay, dường như không phải là của "Con Gái Nhỏ"[1] của Như Lai?

Uttarā đang hầu bên, cung kính đáp:

- Đúng vậy! Bạch đức Thế Tôn! Phần phước sự hôm nay là do bạn con, cô Sirimā thành tâm xin sám hối với đức Thế Tôn vì một việc làm không được đúng, không được tốt!

Đức Phật với từ tâm mát mẻ, ngài nói:

- Này Sirimā! Hãy nghe, Như Lai muốn nói chuyện với con.

Và khi cô kỹ nữ lí nhí *"thưa vâng, thưa vâng"* rồi ngửng

---

[1] *Hàm chỉ nữ thánh đệ tử vừa vào dòng, Nhập lưu.*

đầu lên, đức Phật hỏi:

- Con đã làm việc gì mà nghĩ là có tội vậy?

- Dạ, Con đã tạt vá bơ sôi lên mặt của nữ chủ, bạch đức Thế Tôn!

- Ừ, ấy là việc xấu, ác! Rồi sao nữa?

Cô Sirimā bèn kể lại toàn bộ sự việc rồi nói thêm:

- Do vậy, con muốn xin lỗi thì cô chủ bảo, hãy "*xin lỗi với cha xuất thế gian của tôi"* nên hôm nay mới có phước sự này! Cô còn bảo, nếu cha tôi tha lỗi thì tôi sẽ tha lỗi!

- Có đúng vậy không, Uttarā?

Rồi đến lượt, Uttarā kể lại.

Nghe xong toàn bộ sự việc, đức Phật khen ngợi:

- Này Uttarā! Hành động được vậy là quý lắm, là tốt lắm! Con đã thấy được sự thật muôn đời, và cũng sống được với sự thật muôn đời ấy! Chỉ có dòng nước mát ngọt của tâm từ mới tưới tắt tất thảy cơn lửa nóng của tâm sân, tâm hận. Từ bi mới có thể xóa sạch oán thù! Dùng không mắng chưởi để thắng mắng chưởi. Dùng bố thí để thắng xan tham. Dùng thật ngữ để thắng vọng ngữ. Chân lý ấy không bao giờ thay đổi đó con!

Rồi đức Phật đọc lên một bài kệ:

"- Không sân chế ngự hận sân,

Với người xấu, ác; phải cần lành, vui!

Xan tham, bố thí diệt rồi,

Lấy lòng chân thật thắng lời dối gian!"[1]

Sirimā nghe xong bài kệ, cô đắc quả Nhập lưu, sung sướng quá, cô quỳ lạy đức Phật và cô đã khóc như chưa từng bao giờ được khóc.

Chỉ có đức Thế Tôn và một số trưởng lão là đọc được *"ngôn ngữ"* của tiếng khóc ròng rã ấy.

Đức Phật dịu dàng cất tiếng hỏi:

- Con đã học được bài học gì đấy, có phải thế không, Sirimā?

- Thưa vâng! Bạch đức Tôn Sư! Như đám mây phủ ngàn năm đã được xua đi mãi mãi! Như đêm tối trời, chân cao chân thấp trên bờ vực thì giáo pháp của đức Đạo Sư đã cho con một ngọn đèn. Xin cho con được trở về nương tựa nơi Tam Bảo, để từ rày về sau sống cuộc đời lành, tốt hơn!

- Ừ! Vậy là con đã sám hối rồi đấy! Như Lai chứng nhận hành động sám hối thiết thực ấy của con.

Chợt một tiếng nói bên sau vọng lại:

- Đệ tử cũng nhìn nhận sự sám hối ấy hôm nay của Sirimā là chân thật, là đại chân thật, bạch đức Tôn Sư!

Mọi người quay mặt nhìn lại, hóa ra là vị thần y Jīvaka,

---

[1] *Pháp cú 223: "Akkodhena jine kodhaṃ, asādhuṃ sādhūna jine. Jine kadariyaṃ dānena, saccena alikavādinaṃ".*

ông ta chính là anh ruột của cô kỹ nữ.[1]

Thần y Jīvaka đột nhiên ở đâu đó, bước vào quỳ bên cạnh Sirimā, đảnh lễ đức Phật rồi nói tiếp:

- Bao nhiêu năm qua, bạch đức Tôn Sư! Đệ tử đã không nhìn mặt nó, đã đoạn tuyệt với nó; từ rày về sau, đệ tử sẽ nhìn nhận nó là em, một đứa em chân chính, lang thang lưu lạc nay đã trở về. Ôi! Trong mịt mù cát bụi lầm lỡ, may nhờ uy đức của Tam Bảo, anh em con mới nhìn thấy rõ mặt nhau! Tri ân đức Vô Thượng Giác.

Thần y Jīvaka cũng quay sang, chấp tay xá sâu, cảm ơn ánh sáng trí tuệ và năng lượng từ bi của nữ gia chủ Uttarā đã cảm hóa, đưa em ông trở về với chánh đạo! Những người có mặt ở trang viện, ai ai cũng xúc động.

Uttarā cảm thấy mừng vui đến nghẹn ngào, nàng cũng chấp tay xá chào lại:

- Tôi cũng cảm ơn người bạn của tôi, cô Sirimā, đã giúp tôi tu tập được chút ít tâm từ mà đức Ānanda đã chỉ dạy.

Cô kỹ nữ Sirimā sau khi đắc quả Nhập lưu, không những cô đã hoàn lương mà còn thu xếp đời mình để sống theo giáo pháp một cách rất thuần thục nữa.

Mùa an cư mãn hạ đã lâu, sợ đức Phật và chư tăng không biết sẽ tản mác ra đi du hóa lúc nào, nên nàng đến Trúc lâm thưa bạch với đại đức Mahāpaṅthaka xin mỗi ngày được đặt bát cúng dường tám vị tỳ-khưu tại tư gia.

---

[1] *Sirimā was Jīvaka's youngest sister (xem Dictionary... Q1, trang 958).*

Thế là, nàng trích mười sáu đồng tiền vàng mỗi ngày, sắm sanh vật thực với những món cứng mềm thượng vị rất chu đáo. Sau khi chư tỳ-khưu thọ thực tại chỗ xong, nàng còn tận tay, khi thì sữa chua, khi thì sữa tươi sớt đầy bát cho các vị nữa, nhiều đến nỗi ba bốn người dùng phi thời có lẽ cũng không hết.

Hôm nọ, có một vị đại đức, sau khi độ thực xong ở nhà nàng, ông du hành đi đến một nơi xa, cách thành phố chừng ba bốn do-tuần rồi ngụ tại một tịnh xá trong làng.

Trong lúc rảnh rỗi, chư tỳ-khưu tại trú xứ thăm hỏi sức khỏe của đức Thế Tôn, sau đó hỏi han đời sống tứ sự ở Trúc lâm giờ ra sao; và riêng đại đức thì đi trì bình ở đâu, có đủ cứng mềm, ngon bổ không.

Vị đại đức thành thật đáp:

- Khỏi nói! Tại Trúc lâm, khi nào có đức Đạo Sư thì tứ sự sung mãn, không hề thiếu thốn thứ gì.

- Đúng là vậy rồi! Còn nếu đi trì bình trong kinh thành thì như thế nào?

- Nơi nào cũng tạm đủ. Ngày nào cũng đủ no lòng. Tuy nhiên, có những lúc gặp những thí chủ đặc biệt.

- Đặc biệt ra làm sao?

- Ví như lúc nào họ cũng cúng dường thượng vị. Ví như lúc nào, họ cũng cúng dường thêm thức ăn phi thời như mật, đường, sữa tươi, sữa chua cả một bát đầy!

- Lúc nào cũng thế sao?

- Ừ! Có một nữ thí chủ đặc biệt hình như lúc nào cũng thế! Tròn vành vạnh. Lại còn biết cách cúng dường như lễ độ, khéo léo. Lại còn ngôn ngữ dịu dàng, khả ái. Lại còn nụ cười duyên dáng làm cho ai cũng thấy mê, thấy mệt!

Có một vị tỳ-khưu trẻ nghe kể vậy, lần tới bên, xen lời:

- Vì thấy mê, thấy mệt nên đại đức bỏ trốn từ đó về đây có phải chăng?

- Không dám thế đâu! Nhưng quả thật là tôi đã thấy nguy hiểm thật đấy!

Một vị hỏi:

- Nữ gia chủ ấy đẹp lắm sao?

- Dĩ nhiên rồi! Đệ nhất kinh thành đấy!

Thêm sau câu chuyện kể, vị đại đức vô tâm còn cho biết là không phải ai cũng tùy tiện đến tư gia cô ấy để khất thực được đâu. Tịnh xá Trúc lâm được điều hành quy củ đâu ra đó. Tư gia cô gái kia mỗi ngày chỉ thỉnh tám vị, không dễ gì đến phiên mình đâu. Nhưng nếu ai biết cách, đi thật sớm, khi mặt trời vừa lên là có mặt ở phòng phát thẻ rồi. Tám vị tỳ-khưu đầu tiên sẽ được vị đại đức tri sự trao cho tám thẻ tre ưu tiên đến nhà cô ấy.

Họ thắc mắc:

- Thế chư vị trưởng lão, họ đến sau, không có thẻ ưu tiên sao? Nếu nhiều vị muốn đi, không mất trật tự sao?

Vị đại đức cười:

- Chúng ta là phàm tăng nên mới đưa ra những câu hỏi như vậy. Từ khi mấy ông sư cứng đầu, lộn xộn bị chư trưởng lão tẩn xuất đi rồi thì Trúc lâm rất bình yên, không có chuyện tranh trước, tranh sau đâu. Còn chư vị trưởng lão thì không bao giờ đến phòng phát thẻ, ngoại trừ có yêu cầu; và quý ngài cũng không cần ưu tiên nào cả. Quý ngài thọ dụng đâu cũng được, ngon dở, bổ béo gì, các ngài có để tâm đâu!

Chư tỳ-khưu nghe xong, một vị nói:

- Đúng vậy! Chư trưởng lão là tấm gương cho chúng ta. Trường hợp là tôi, nếu cô ta dịu dàng, khả ái như thế, tôi cũng sẽ trốn chạy như đại đức vậy.

Riêng vị tỳ-khưu trẻ mới nghe qua chuyện cô nữ chủ, tuy chưa biết mặt mũi ra sao, trong tâm mình đã cảm nghe xao xuyến, trái tim mình đã đập rộn trong lồng ngực. Không nói với ai, ông lặng lẽ thu dọn chỗ ở, ôm y bát bộ hành ngay về Trúc lâm tịnh xá trong đêm ấy. Sớm hôm sau, trời vừa rựng sáng thì vị tỳ-khưu kia đã có mặt trong phòng phát thẻ. Thế là ông được đi bát tại tư gia kỹ nữ Sirimā.

Rủi ro cho vị tỳ-khưu trẻ muốn diện kiến dung nhan của cô Sirimā, vì nữ chủ đã bị bệnh từ chiều hôm trước. Tuy nhiên, cô cũng dặn bảo gia nhân chăm lo chu đáo vật thực y như mọi ngày. Khi được báo chư tăng tám vị đã đến, nằm tại giường trong, nàng bảo:

- Này các em! Hãy thỉnh các ngài vào nhà an tọa, dâng nước uống, khăn thơm lau mặt. Sau đó, kiểm soát lần cuối

cùng vật thực chuẩn bị sẵn, thỉnh bát, sớt đầy bát rồi dâng cúng đến quý ngài. Nhớ nói rằng, chủ của con, đệ tử Sirimā, hôm nay bị bệnh, không tận tay sớt bát cúng dường được, xin quý ngài cho nữ chủ con được sám hối!

- Thưa chủ, vâng!

Lát sau, gia nhân vào thưa:

- Công việc đã xong, thưa chủ!

- Tốt lắm! Giỏi lắm! *Nàng thều thào, trông có vẻ đã quá mệt* - Hãy dìu ta ra bên ngoài để đảnh lễ quý ngài, nằm như thế này là không được, là thất lễ!

Cô Sirimā gắng gượng đi từng bước, đến phòng khách, nàng lảo đảo quỳ xuống đảnh lễ chư tăng. Vị tỳ-khưu cao hạ nhất, ái ngại nói với cô:

- Được rồi! Chúng tôi ghi nhận tấm lòng rồi! Cô hãy vào nghỉ ngơi đi.

Vị tỳ-khưu trẻ *"phải lòng"* cô, âm thầm quan sát mỹ nữ một hồi rồi nhủ thầm trong tâm rằng: *"Trời đất ơi! Cô ta bị bệnh mà còn đẹp như thế kia, huống hồ khi vô bệnh? Huống hồ có thêm xiêm áo, son phấn, điểm trang? Chắc chắn cô ta đã cắt đứt hằng trăm, hằng ngàn trái tim của vương tôn, công tử kinh thành Rājagaha này rồi!"* Vị tỳ-khưu càng nhìn thì lòng ông như càng bị lửa nóng nung đốt. Trong khi các vị kia ngồi độ thực tại chỗ, còn ông thì lật đật ôm bát đứng dậy, rồi như người vô hồn, đi thẳng về Trúc lâm. Vội vàng kiếm một phòng của khách tăng, vị tỳ-khưu đặt nguyên bát vật thực còn nguyên trên kệ; rồi đến giường nằm

vùi, cứ tơ, cứ tưởng hình bóng của nàng Sirimā trong tâm tưởng. Vậy là vị tỳ-khưu trẻ ôm cả mối tình si khó phân, khó giải suốt mấy hôm như thế, không ăn, không uống...

Hôm kia, cả Trúc lâm tịnh xá đều hay tin, cô Sirimā, cận sự nữ thánh đệ tử đã đột ngột qua đời do bệnh tim. Thần y Jīvaka đến ngay tức khắc nhưng không còn cứu kịp, tưởng là chỉ cảm sốt thông thường thôi. Ai ngờ! Ngay chính đức vua Bimbisāra cũng bàng hoàng, vì Sirimā là em gái của thần y Jīvaka, là kỹ nữ nổi tiếng của kinh thành nên lễ hỏa táng của cô, nhà vua cũng muốn tham dự.

Một số đông chư tăng đã từng biết cô kỹ nữ, họ bàn tán xôn xao, cái gọi là *"hồng nhan bạc mệnh"*. Có một số vị cảm thương cô vừa trở về đời sống của một cận sự nữ thuần thành đã vội lìa đời quá sớm. Đa phần họ thương tiếc.

Có vị chứng kiến sự si tình của tỳ-khưu trẻ, ông đẩy cửa phòng đến báo cho bạn hay:

- Cô Sirimā đã mất rồi!

Đang nằm mê man bỏ ăn cả ba ngày, nhưng mới nghe nhắc đến tên Sirimā, ông đã vội nhỏm dậy. Sau khi nghe bạn kể cô kỹ nữ đã từ trần, vị tỳ-khưu trẻ ngồi thừ rất lâu.

Đức Phật biết chuyện vị tỳ-khưu si tình nên cho tôn giả Moggallāna đến báo cho Jīvaka hay, là đừng vội hỏa táng thi hài Sirimā, ngài sẽ đến nghĩa địa cùng với chư tăng.

Khi đức Phật và chư tăng đến nơi thì thần y Jivāka ra đón rồi dẫn ngài đến bên hỏa đài. Lát sau, đức vua Seniya Bimbisāra với nghi vệ thiên tử và tùy tùng cũng vừa xuống ngựa. Rồi còn

rất nhiều quan khách, đa phần là những vương tôn, công tử có kỷ niệm với cô kỹ nữ nên họ đến đây như thầm lặng từ giã giai nhân mà họ đã từng thầm yêu, trộm nhớ một thời.

Cô nằm nhắm mắt an lành trên giàn hỏa phủ đầy hoa, nhưng vẫn toát ra sự gợi cảm nhục dục một cách mãnh liệt, không khác gì lúc còn sống, làm cho không biết bao trái tim xung quanh phải xốn xang. Trong đó có vị tỳ-khưu trẻ, ông đã núp trốn sau lưng vị tỳ-khưu khác, nhưng đôi mắt thì đắm đuối, mê man bị cuốn hút vào thân xác vô tri. Và dường như ai ai cũng đang lặng im chiêm ngưỡng cái đẹp của tạo hóa sắp bị thần lửa mang đi.

Chợt đức Phật bước đến sát bên giàn hỏa, tụng một bài kệ ngắn rồi nói lớn tiếng rằng:

- Như Lai đã tiễn biệt *"Con Gái Út"* của Như Lai rồi đó! *Ngài lại nói với thần y Jīvaka:* Ông hãy cho che một mái rạp và hãy cho người giữ gìn để nguyên thi hài cô mỹ nữ như vậy trong vòng bảy ngày. Như Lai sẽ có đề tài cần thiết để giáo hóa chúng sanh.

Rồi đức Phật lại quay sang đức vua Seniya Bimbisāra; và cuộc đối thoại giữa họ, người thứ ba không nghe được:

- Bắt đầu ngày mai, phiền đại vương cho người rao khắp kinh thành: *"Ai muốn mua đệ nhất mỹ nhân Sirīmā, nhà vua sẽ bán với giá một ngàn đồng tiền vàng!"*

Đức vua chưa hiểu ý, cũng hỏi nhỏ:

- Ai họ sẽ mua, bạch đức Đạo Sư?

- Nếu ngày thứ nhất không ai mua thì cho rao hạ giá xuống là năm trăm đồng tiền vàng!

- Thưa, nếu cũng không ai mua?

- Thì hạ giá xuống còn một trăm, hai mươi đồng, một đồng, một cắc, một xu... cuối cùng là biếu tặng không! Đại vương hiểu ý Như Lai chứ?

Đức vua mỉm cười, gật đầu:

- Đệ tử hiểu tôn ý rồi!

Xong, đức Phật và đại chúng tỳ-khưu trở lại Trúc lâm tịnh xá. Mọi người lần lượt giải tán.

Hôm sau, quân lính đi khắp các ngả đường trong kinh thành, rao bán mỹ nữ Sirimā với giá một ngàn đồng tiền vàng, vọng từ nơi này sang nơi khác. Và có lẽ không ai mua nên ngày thứ hai, những toán lính rao truyền hạ giá xuống nữa. Và tuần tự hạ giá xuống một đồng, một cắc, một xu; đến ngày thứ bảy, tặng không, biếu không cô mỹ nữ nhưng chẳng có ai lên tiếng ừ hử!

Đến ngày thứ tám, đức Phật và hội chúng tỳ-khưu đến nghĩa địa thì đức vua, tùy tùng, hoàng gia và quan khách rất đông cũng đã có mặt. Và cũng chính ngay lúc ấy, chỉ có đức Phật và chư thánh lậu tận có thắng trí mới thấy rõ *cô kỹ nữ Sirimā đã hóa sanh làm bà hoàng hậu của vua trời Suyāma ở cõi Yama; và cô đã cùng với năm trăm thiên nữ ngự trên năm trăm cỗ thiên xa đồng ngự xuống đảnh lễ đức Phật và đại chúng tỳ-khưu.*

Đức Phật chỉ tay vào thi hài, nói rằng:

- Quý vị hãy nhìn kìa! Lúc còn sống, kỹ nữ Sirimā được xem là đệ nhất mỹ nhân của kinh thành Rājagaha! Biết bao nhiêu thanh niên vương giả, quý tộc, đại phú gia, tiểu phú gia tranh giành nhau được cận kề mỹ nữ một đêm, phải trả đúng một ngàn đồng tiền vàng. Nhiều hơn, cô ta không cần, thiếu chút ít, kẻ tình si sẽ bị gia nhân tống ra khỏi cửa cho dù là một ông vua con! Cô ta làm vậy không phải vì tham vàng, ham bạc mà chỉ để biểu tỏ đẳng cấp và quyền lực của cái đẹp mà thôi!

Này chư vị! Thuở sanh tiền, thức ăn vật uống tẩm bổ xác thân của nàng phải nói là ăn tinh, uống tủy. Việc giữ gìn nhan sắc, các vòng eo, vòng thắt phải nói là đã học hết *"bí quyết"* chân truyền của cổ xưa! Châu báu, kim ngân trang điểm của nàng có giá trị có thể mua đứt một chức quan tổng trấn! Xiêm áo, lụa là, phấn son... phải nói là có sẵn ở những cửa hiệu trứ danh của kinh đô Bārāṇasī hoa lệ.

Như vậy đó! Giá trị thân xác mỹ miều gợi cảm và sắc đẹp *"hoa ghen, liễu hờn"*[1] của nàng đã được thế gian tôn vinh, quý trọng quả thật là đã hết ngôn ngữ diễn đạt. Nhưng bây giờ thì sao? Trong bảy ngày qua, quân lính của đức vua hiền thiện đã khổ công rao bán nhưng chẳng ai thèm mua! Một xu, một cắc cũng không ai mua. Cho đến đổi cho không, biếu không, tặng không cũng chẳng ai đoái hoài! Tại sao vậy? Tại vì cái thể xác mê hồn kia, cái sắc đẹp quyến rũ

---

[1] *Mượn thơ Nguyễn Du: "Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh".*

ong bướm kia, bây giờ chỉ còn là một đống thịt thối cho giòi bọ tranh nhau, chỉ còn là một bọc máu mủ tanh tưởi cho ruồi lằn họp chợ! Rồi ngày qua tháng lại, nó chỉ còn như một trái bầu khô người ta quăng bỏ bên đường, chỉ còn là một đống xương trắng, chẳng có ai thích thú đứng ngắm nhìn cả.

Này chư vị! Hãy thấy rõ sự thật của cái thân là như vậy! Phải bị suy già, bệnh tật, ốm đau, dơ uế! Nó lại còn mong manh như gốm sứ dễ vỡ. Nó lại còn nguy hiểm như một cục ung bướu không biết hờm sẵn chỗ nào ở lục phủ, ngũ tạng? Nói cách khác, tất cả chúng đều bị thời gian làm cho thay đổi, biến hoại từ trạng thái này sang trạng thái khác. Nói cô đọng hơn, tất thảy pháp hữu vi đều bị định luật vô thường và vô ngã chi phối. Nó không chắc thật, không trường cửu, không ổn định, thường phát sanh sầu ưu, khổ não.

"- Nhìn kia, thể xác mê hồn,

Đống phân, hầm bệnh lại còn đớn đau;

Bận tâm lo trước, tính sau,

Có chi bền vững mà cầu trường sanh?"[1]

Rồi tiếp theo đó, đức Phật thuyết liên tục mười bốn kệ ngôn rồi giảng giải rất chi li, khúc chiết về sự cấu tạo của thân gồm ba trăm khớp xương được ràng buộc bởi chín trăm sợi gân, được nối bởi bảy ngàn sợi dây thần kinh, được tô trét bởi chín trăm thớ thịt, bao bên ngoài bởi một làn da mỏng... Cái

---

[1] *Pháp cú 147: "Passa cittakalaṃ arukāyaṃ samussitaṃ. Āturaṃ bahusaṅkappaṃ yassa natthi dhuvaṃ ṭhiti".*

bao, cái túi da ấy đựng bên trong nào tim, nào phổi, nào thận, nào lá lách, nào gan, bao tử, ruột non, ruột già... Trong bao tử, ruột non, ruột già thì chứa thức ăn cũ, mới và phân, sán lãi, vi trùng... Trong tim thì có máu đen, máu đỏ; tuy nhiên, màu sắc của nó còn tùy thuộc trạng thái tâm mà biến dạng, đổi màu. Người có tâm ái dục mạnh thì máu màu đỏ; tâm sân hận thì máu có màu đỏ sậm hay đỏ đen; tâm si mê thì máu có màu đỏ nhợt nhạt; tâm có đức tin nhiều thì máu đỏ thắm ửng vàng; tâm có trí tuệ thì màu máu đỏ trong...

Đức Phật nhấn mạnh sự bất tịnh của thân, nó chứa đầy ô trược và dơ dáy; thường bài tiết, rỉ chảy ra chín cửa như đại tiện, tiểu tiện, ghèn mắt, nước mũi, cứt mũi, đàm, nước bọt, nước miếng, ráy tai... Và ngay cả cái đầu của con người mà ai cũng quý trọng, nó cũng nhờm gớm chẳng khác gì. Kẻ si mê không thấy rõ sự thật như vậy nên bị ngã ái, ngã kiến chi phối, sống bít bùng trong ái dục, ngã mạn và dối lừa.

"- Thành trì dựng cốt, bó xương,

Đắp thêm máu thịt, tô hường, quét son;

Mang thêm tật bệnh, tử vong,

Chứa đầy ngã mạn lại gom dối lừa!"[1]

Được biết rằng, sau buổi thuyết pháp ấy, rất đông chư tăng và quan khách uống được hương vị Pháp Bảo. Hoàng hậu của đức vua Suyāma (cô kỹ nữ) đắc quả Bất lai. Riêng

---

[1] *Pháp cú câu 150: "Atthīnaṃ nagaraṃ kataṃ, maṁsalohitalepanaṃ; yattha jāra ca maccu ca mano makkho ca ohito".*

vị tỳ-khưu si tình thì đã có cuộc chuyển hóa vĩ đại, ông đã đắc Pháp nhãn, bước vào dòng giải thoát.

Jīvaka Trị Bệnh Mụt Nhọt Cho Đức Vua Ajātasattu

Do hối hận, do ăn năn, do ray rứt về việc giết cha; sau một đêm trằn trọc không yên, không ngủ được, sáng ngày đức vua Ajātasattu nổi ghẻ lở, mụn nhọt cả hạ phần, lưng, bụng và cổ, vừa ngứa ngáy, vừa đau nhức rất khó chịu.

Thần y Jīvaka được triệu đến.

Sau khi xem bệnh, ông nói:

- Đây chỉ là cái bệnh ngoài da, sẽ có thuốc để chữa trị. Hạ thần sẽ đặc chế một loại thuốc bột, bôi xoa lên vài lần thì nó sẽ lành, xin đại vương an tâm.

Quả đúng như vậy, mấy hôm sau là da dẻ đức vua trở lại bình thường, ông vui mừng nói:

- Cảm ơn ông nhiều lắm! Quả là thần y! Quả là danh bất hư truyền!

Jīvaka không tỏ vẻ vui mừng, cất giọng có vẻ lo ngại:

- Tuy đã lành bệnh, lành cái bệnh ngoài da nhưng cái gốc bệnh bên trong vẫn còn, đại vương chớ vội lạc quan, xem chừng nó sẽ còn tái phát đấy!

- Ta chưa hiểu!

Thần y Jīvaka gật đầu:

- Phải! Đại vương chưa hiểu mà đa phần mọi người cũng không ai hiểu. Trên thế gian này, chỉ có đức Toàn Giác mới biết rõ, thấy rõ cả gốc lẫn ngọn!

Thừ người, đăm chiêu giây lát, đức vua nói:

- Ông là thầy thuốc giỏi đệ nhất thiên hạ, ông chữa được ngoài da thì chắc ông có cách chữa trị tận gốc chứ?

- Hạ thần chỉ biết chút ít!

- Vậy ông hãy nói rõ cái gốc ấy cho ta nghe!

- Đấy là *"cái tâm",* tâu đại vương!

- Ta vẫn chưa hiểu!

- Tâu đại vương! Cái thân nó chỉ là một cỗ máy, còn vận hành cái cỗ máy ấy là do ý chí, do tư tưởng, tức là do cái tâm quyết định. Tâm an thì thân an. Tâm mát mẻ, vô bệnh thì thân sẽ mát mẻ, vô bệnh. Tâm là chủ. Tâm tạo tác nên tất cả. Nếu đại vương giữ được cái tâm vắng lặng, an bình, hơi thở điều hòa, nhịp tim điều hòa thì khí huyết sẽ điều hòa. Khi mà khí huyết điều hòa thì các sinh thể vi bào sẽ không bị nhiễm độc. Và khi máu huyết trong lành, các sinh thể vi bào trong lành thì thân hoàn toàn vô bệnh!

Đức vua Ajātasattu nhíu mày:

- Ta hiểu còn rất mơ hồ! Ông cũng chưa nói ra cái gốc? Cái gốc sanh ghẻ lở, mụn nhọt?

- Tâu đại vương! Khi khí huyết và các sinh thể vi bào

bị nhiễm độc thì nó sẽ phát sanh ghẻ lở, mụn nhọt lên thân!

Đức vua lại cau mày:

- Vậy cái gì làm cho khí huyết và các sinh thể vi bào bị nhiễm độc?

- Xin đại vương tha tội! Hạ thần chỉ hiểu ngang đó thôi, chỉ nên nói ngang đó thôi!

Đức vua Ajātasattu chợt như với niềm vui vỡ òa trong lòng, đứng bật dậy, cất tiếng cười ha hả, hào sảng rất ít nghe, rất ít thấy trong đời ông:

- Ông giỏi lắm! Ông khôn lắm! Ông kín đáo và tế nhị lắm! Ông bắt ta suy nghĩ để tìm ra cái gốc, còn ông thì không chịu nói. Ông sợ ta nổi giận. Không sao đâu. Ta hiểu rồi! Sở dĩ máu huyết, vi thể tế bào bị nhiễm độc là do tâm sân. Sân là lửa, là độc chất. Những trạng thái ray rứt, ăn năn, hối hận, sầu buồn, ưu lự, chán nản - gốc của tâm sân - lâu ngày làm máu huyết bị nhiễm độc nên sinh ra ghẻ lở, mụn nhọt. Ta hiểu rồi.

Thần y Jīvaka quỳ sụp xuống:

- Cảm ơn đại vương! Đại vương là bậc trí tuệ! Đại vương đã tự chữa trị cái gốc bệnh cho mình được rồi!

Jīvaka Tạo Duyên
Đưa Ajātasattu Vào Chánh Pháp

Hôm ấy, do chữ hiếu đã tạm thời khuây khỏa, do mụn

ghẻ ngứa ngáy không còn nữa nên đức vua Ajātasattu thấy thân tâm thư thái vô cùng. Tại ngự viên, ông ngồi yên, lặng lẽ thọ hưởng một niềm an lạc nhẹ nhàng ít có trong đời. Đêm nay là đêm trăng thanh, gió mát, đúng tháng hoa Súng (Komudi) nên trời đất êm dịu lạ thường. Ông chợt nghĩ đến đức Phật và giáo pháp của ngài. Không biết Pháp và luật ấy có sự nhiệm mầu nào mà *"hóa sanh"* được hai vị đế vương Pāsenadi và Seniya Bimbisāra quy đầu, phục thiện, cung kính hết mực mà chăm lo cho Tam Bảo cũng hết mực. Cả hai vị đại hoàng hậu Mallikā và Videhi, mẹ ta, cũng thế! Cả cái ông thần y cũng được hóa sanh từ *"cái lò"* ấy nữa!

Vậy thì chỉ có đức Thế Tôn và giáo pháp của ngài là đáng nói; còn trên thế gian này, các giáo phái chủ, giáo phái sư, ai kiến thức cũng hủ lậu, nông cạn, phù phiếm... đến đáng tức cười, đáng giận!

Lát sau, một số đại thần thân tín cũng đến vườn ngự để uống rượu bổ và thưởng trăng cùng đức vua, ông ướm hỏi:

- Xem nào, tại kinh đô Rājagaha này, vị giáo chủ nào đáng để cho ta đi đến để chiêm bái, cúng dường và nghe pháp, các vị có biết không?

- Tâu đại vương*! Một vị nói* - Có Pūraṇa Kassapa là vị hội chủ, là vị giáo trưởng, là vị sư trưởng Giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng; là khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dồi dào kinh nghiệm, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thượng. Mong đại vương đến chiêm bái Pūraṇa Kassapa này. Chiêm bái vị ấy có thể khiến tâm đại vương

được tịnh tín.[1]

Do đức vua đã biết về cái vị giáo chủ ấy nên ông không nói gì, vị quan khác lại giới thiệu Makkhali Gosāla, rồi đến Ajita Kesakambalī... Khi đức vua cũng im lặng thì lần lượt các vị giáo chủ khác như Pakudha Kaccāyana, Nigaṇṭtha Nātaputta, Sañjaya Belaṭṭhiputta lại được nêu danh nhưng ông cũng không trả lời.

Thấy thần y Jīvaka ngồi ở đằng xa, có vẻ cô độc, đức vua cất tiếng hỏi:

- Còn ông, Jīvaka, sao lại yên lặng như vậy?

- Tâu đại vương! Hiện tại, ở vườn xoài của hạ thần, có đức Thế Tôn và một ngàn hai trăm vị tỳ-khưu đang tịnh cư. Đấy mới chính thực là vị Đại Sư Vương trên đời này. Đấy mới chính thực là bậc Toàn Thiện trên đời này. Đấy mới chính thực là bậc Đại Giác trên đời này. Đấy mới chính thực là bậc Thầy của chư thiên và nhân loại. Đấy mới chính thực là người đáng để cho đại vương đến đảnh lễ, chiêm bái, cúng dường và nghe pháp! Sau khi nghe pháp rồi, chắc hẳn đại vương sẽ sanh tâm tịnh tín!

Thấy Jīvaka nói đúng ý mình, đức vua hồ hởi bảo quan hầu sai lính cho thắng con vương tượng, cùng một số quan lại, tùy tùng cầm đuốc sáng trưng, lên voi và ngựa khởi hành.

Đến vườn xoài của thần y Jīvaka thì trăng lên đã cao, sáng vằng vặc. Đêm như đang ngủ yên mà cả con đường,

---

[1] *Kinh sa-môn quả - Trung Bộ.*

rừng cây trầm mặc cũng như đang ngủ yên. Đến chỗ voi và ngựa không còn đi được, vua và phái đoàn đồng xuống đi bộ. Gần đến cổng vườn xoài thì đức vua chợt rởn tóc gáy, sợ hãi, lông tóc dựng ngược, bước thối lui rồi nói rằng:

- Này Jīvaka! Ông phản ta chăng? Ông lường gạt ta chăng? Ông muốn nạp ta cho kẻ thù chăng? Tại sao trong một đại chúng lớn, theo lời ông nói là một nghìn hai trăm năm mươi vị, mà không có một tiếng đằng hắng, không có một tiếng ho, không một tiếng ồn?

Jīvaka đáp:

- Tâu đại vương! Đức Thế Tôn và đại chúng tỳ-khưu khi nghỉ ngơi, tịnh dưỡng thì hằng yên lặng như một rừng đại định. Đại vương hãy bước tới, hãy đi thẳng tới. Tại chỗ có căn nhà tròn, có những ngọn đèn sáng, đức Thế Tôn đang ở đấy, và có lẽ cũng đang cố ý chờ đợi đại vương.

Đến nơi, nhìn vào bên trong, quả là đức Phật đang ngồi quay mặt về hướng nam, đoanh vây xung quanh là một số các vị trưởng lão. Thấy đâu đâu cũng yên lặng như tờ, yên lặng như mặt nước hồ thu không gợn sóng, tức cảnh, so sánh với tâm tánh hiếu động không yên của đứa con cưng, đức vua Ajātasattu nói nho nhỏ trong tâm mình rằng:

"- Mong rằng, tiểu thái tử Udāyibhadda, con ta, cũng được sự trầm lặng như sự trầm lặng của đại chúng tỳ-khưu này vậy!"

Đức Phật chợt mỉm cười, hỏi mà như đã trả lời:

- Hình như tâm trí của đại vương hiện đang vướng nặng về tình thương thì phải?

Chột dạ vì thấy đức Phật biết được cả ý nghĩ của mình, đức vua đành phải thú nhận:

- Quả vậy, bạch Thế Tôn! Con thương tiểu thái tử Udāyibhadda rất nhiều! Con ao ước nó có được một phần nào sự trầm lặng như sự trầm lặng của đại chúng tỳ-khưu tại khu vườn xoài này!

Nói xong, đức vua lễ phép xá chào, lựa tìm một chỗ ngồi phải lẽ.

Đức Phật mở lời:

- Đường sá xa xôi, đêm hôm khuya khoắt, chắc hẳn trong tâm tư của đại vương có điều gì khúc mắc mới chịu khó tìm đến vườn rừng hẻo lánh này?

- Phải vậy, bạch Thế Tôn! Có một câu hỏi mà con đã đi hỏi nhiều nơi vẫn chưa được thỏa mãn. Hôm nay đêm thanh, trăng tỏ, không khí mát lành, con đến đây chỉ mong được trí tuệ của Thế Tôn dọi sáng cho!

- Lành thay! Đại vương cứ hỏi.

- Thưa vâng! Con đi thẳng vào vấn đề đây. Cũng như các công nghệ, các nghề nghiệp, những công việc đa dạng trong thế gian này: Ví như điều tượng sư, điều mã sư, xa thuật sư, quân thuật sư, quân kỳ binh, nguyên súy, chiến sĩ, thượng sĩ quan, thám tử, dõng sĩ can đảm như voi chúa, anh hùng, trang giáp binh, giới nô lệ, hỏa đầu quân, thợ hớt tóc,

người hầu tắm, thợ làm bánh, nhà làm vòng hoa, thợ giặt, thợ dệt, nhà làm thúng rổ, thợ đồ gốm, nhà toán số, nhà ấn bản và các công nghệ chức nghiệp khác, chúng hưởng được kết quả thiết thực hiện tại từ công việc của chúng. Nhờ thâu hái được kết quả của các công việc, chúng giúp cho tự thân được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng giúp cho vợ con được sống an lạc hạnh phúc. Chúng giúp cho cha mẹ được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng giúp cho bạn bè được sống an lạc hạnh phúc. Chúng dâng các vật cúng dường cho sa-môn, bà-la-môn, sự cúng dường này có ảnh hưởng đến đời sau, liên hệ đến thiên giới, thọ hưởng phước báo an lạc, thác sanh lên cõi trời. Bạch Thế Tôn! Ngài có thể chỉ cho con biết kết quả thiết thực, hiện tại của hạnh sa-môn chăng? Nói cách khác, trên đời này, việc làm của mọi người, đâu đâu, ai ai cũng nhằm đạt đến những kết quả thiết thực trong hiện tại - còn hạnh sa-môn của Thế Tôn cùng đại chúng tỳ-khưu - thì sự thâu hái thiết thực, cụ thể ấy là như thế nào?

Từ câu hỏi của đức vua Ajātasattu về *"Lợi ích thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn"* – đức Phật đã giảng nói trọn vẹn từ lợi ích nhỏ đến lợi ích lớn, từ lợi ích hữu vi đến lợi ích vô vi – trong bài kinh sa-môn quả cho vua lãnh hội trọn vẹn vấn đề.

Nghe xong, Ajātasattu thấy rõ sự thật:

- Thật là vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Và nay con xin quy

y Thế Tôn, quy y pháp và quy y tỳ-khưu tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

Còn nữa, bạch Thế Tôn! Con đã phạm một trọng tội. Vì ngu si, vì vô minh, vì bất thiện, con đã hại mạng phụ vương con, một vị vua chơn chánh, hiền thiện để đạt vương quyền. Mong Thế Tôn nhận cho con tội ấy là một tội để con có cơ hội cải hối, ngăn chặn về tương lai.

- Đại vương! Đấy quả thật là một trọng tội. Vì ngu si, vì vô minh, vì bất thiện, đại vương đã hại mạng phụ vương, một vị vua chơn chánh, hiền thiện để đoạt vương quyền. Vì đại vương đã thấy tội ấy là một tội, đã thú tội đúng với chánh pháp, Như Lai nhận tội ấy cho đại vương. Đó là một sự tiến bộ, này đại vương! Trong Pháp và Luật của bậc thánh, những ai thấy tội là tội, thú tội đúng với chánh pháp, có cơ hội cải sửa và ngăn chận ở tương lai.

Được nghe nói vậy, đức vua Ajātasattu xúc động:

- Tri ân đức Thế Tôn! Nay chúng con phải cáo từ, chúng con có nhiều bổn phận, nhiều việc phải làm.

- Đại vương hãy làm những gì là phải thời.

Lúc bấy giờ, đức vua Ajātasattu hoan hỷ tán thán lời dạy của đức Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ rất phải phép, thân phía hữu hướng về ngài rồi từ biệt.

Khi Ajātasattu rời chân đi rồi, đức Phật liền bảo các vị trưởng lão ở xung quanh:

- Ông ta rất ăn năn, rất hối lỗi. Nếu ông ta không hại mạng phụ vương mình - một vị vua chân chánh, hiền thiện - thì ngay tại chỗ ngồi này, ông ta đã chứng được Pháp nhãn, mở được cánh cửa đi vào dòng giải thoát.

- Đáng xót thương thay cho ông ta, bạch đức Tôn Sư!

Đấy là lời bi thán như làn gió thoảng của tôn giả Ānanda!

Trưởng lão Moggallāna cất giọng lạnh lùng:

- Kiếp trước, vừa mới đây, đức vua Seniya Bimbisāra vay nợ mạng sống của Ajātasattu nên quả báo phải trả, đấy là định luật tất nhiên thôi, hiền giả!

Như vậy, chính Jīvaka đã tìm cách tạo duyên cho ông vua bất hiếu mở mắt sáng đi vào chánh đạo.

"Cái Thấy Sự Thực" Hóa Giải Hận Thù

Khi thấy đức vua Pāsenadi một đấng quân vương, chúa thiên hạ, oai trùm thiên hạ, mà bỗng chốc, lại nằm chết trên nền đất bụi, cô quạnh, lạnh lùng - cô thị nữ khóc thương, vật vã, đấm ngực, vò đầu, than trời, trách đất... rất là thê lương. Một vài người đi ngang nghe thấy, rồi thị vệ trên cổng thành biết được cái chết thê thảm của đức vua Pāsenadi, không mấy chốc đến tai đức vua Ajātasattu.

Tức tốc cùng một vài thị vệ lên ngựa đến nơi, thấy thảm trạng của người quá cố, đức vua Ajātasattu chạy tới, ôm cái xác lạnh mà khóc ròng. Chưa nói đến sự liên hệ bên mẹ,

chưa nói đến sự liên hệ bên vợ mà thái độ đối xử đại lượng trong lần đức vua thất trận, khiến ông vô cùng quý kính, thương cảm và nuối tiếc.

Về triều, đức vua Ajātasattu cho tổ chức đại tang trọng thể như là *"đại tang của một quốc vương",* rồi mới hỏi cặn kẽ người thị nữ chuyện xảy ra tại thị trấn Medataḷumpa. Cô ta kể lại mọi chi tiết. Biết được thủ phạm chính là đại nguyên soái Dīgha-Kārāyaṇa và kẻ tòng phạm vui mừng nhận ấn kiếm, mặc nhiên tiếm đế vị là thái tử Viḍūḍabha - đức vua họp triều thần, tuyên bố cử đại hùng binh trừng phạt kẻ phản nghịch!

Nghĩ đến ân đức của đức vua Kosala đối với Māgadha trong lần bại trận năm trước, các quan đại thần ai ai cũng bừng bừng tức giận, đồng ý cử binh với khí thế như trời nghiêng, đất sập để hỏi tội kẻ đã gây ra cái chết bi thương...

Trong đám đại thần có một người im lặng, thần sắc an bình như mặt nước, không bị xao động bởi cái lao xao ở xung quanh, đấy là thần y Jīvaka.

Cũng như mọi lần, đức vua trông thấy, bèn hỏi:

- Này Jīvaka! Ý kiến ông thế nào, hãy cho ta biết!

- Thần *không có ý kiến,* tâu đại vương!

- Vậy thì thái độ, hành động? Ta nên có thái độ, hành động ra ra sao?

- Thần *cũng không có thái độ, hành động* - mà chỉ *"thấy sự việc như thật"*. Còn thái độ, hành động là ở nơi đại

vương, tùy thuộc nơi đại vương.

Biết vị thần y này tâm bình, hạnh trực, thấy biết giáo pháp rất sâu xa nên đức vua thở một vài hơi thở cho khí huyết an bình rồi ôn tồn cất tiếng hỏi:

- Cái *"thấy sự việc như thực"* là như thế nào, này Jīvaka?

Câu chuyện *"lạ lùng"* của hai vị lôi cuốn mọi người lắng nghe, làm cho không gian triều đường đột ngột lắng xuống, rất yên lặng.

- Cái *sự thật thứ nhất,* tâu đại vương! Là sự thật về nhân, về quả. Nếu đức vua Kosala không giết oan đại nguyên soái Bandhula cùng ba mươi hai viên tướng con cháu của ông ta thì sẽ không xảy ra cái quả báo oán thù hôm nay!

Đức vua chau mày, nhưng lại gật đầu:

- Đúng vậy! Đó là một sự thực.

- Cái *sự thật thứ hai,* tâu đại vương! Là sự thật về can qua, về chém giết chắc hẳn sẽ có hằng trăm, hằng ngàn kẻ vô tội phải bị đầu rơi, máu chảy, đứt lìa mạng sống. Rồi gia đình, rồi cha mẹ, rồi vợ, rồi con những người bị chết trận ấy sẽ ra sao? Tất thảy những giọt nước mắt đau thương ấy có thể đổ đầy một lu nước, hai lu nước, một hồ nước, tâu đại vương!

Đức vua thở dài:

- Đúng vậy! Cái đau thương và nước mắt ấy cũng là sự thực liên hệ.

Giọng Jīvaka vẫn đều đều:

- Cái *sự thật thứ ba,* tâu đại vương! Là sự thật cạn kiệt các kho lẫm lương thực, thực phẩm của vương triều. Tuy nhiên, vẫn phải nuôi binh, phải mua lại số thóc lúa của dân, rồi thuế má các loại lại lên cao để bù vào ngân sách thiếu hụt, rồi dân lại thêm một lần nghèo đói, rồi đại vương lại phải thao thức, trăn trở kế sách làm sao cho dân được ăn no, mặc ấm, tâu đại vương!

- Phải! Phải! Không sai được!

- Cái *sự thực thứ tư,* tâu đại vương! Là sự thực, dẫu xuất thân mẹ là một nô lệ, nhưng Viḍūḍabha là cháu ngoại của đức vua Mahānāma, cùng dòng dõi Sākya với đức Thế Tôn!

Cái *sự thực thứ năm,* tâu đại vương! Là đại vương quyết định sự việc bởi cảm tính sân nộ nhất thời chứ không phải là bởi tâm bình, khí hòa! Bậc trí với tâm bình, khí hòa sẽ có chiến lược, kế sách dài lâu hơn. Ấy là đem lại an bình và thịnh vượng không chỉ cho một nước, mà cả cho châu Diêm-phù-đề như chư vị Chuyển luân vương xưa thường thực hiện...

Đến ngang đây, đức vua chợt xua xua tay:

- Thôi, ông đừng nói nữa! Chỉ một sự thực trong năm sự thực mà ông vừa nêu, ta đã biết là ta phải làm gì rồi.

Jīvaka hoan hỷ nói:

- Vì đại vương là bậc trí! Cảm ơn đại vương!

Đức vua Ajātasattu sắc mặt đã khoan hòa:

- Chỉ có hiểu biết và trái tim từ ái, cảm thông mới hóa giải được oán thù! Này Jīvaka! Thay vì cử quân chinh phạt, nay ta cử một phái đoàn sứ giả sang Kosala với lễ phẩm chúc mừng tân vương, bang giao hòa hiếu giữa hai quốc độ, ông thấy có được không? Đấy có phải là *"sự thực"* tốt đẹp chăng?

Cả triều phòng vang rền như sấm dậy:

- Đấy là sự thực tuyệt vời!

- Tuyệt vời! Đại đại tuyệt vời!

- Minh quân vạn tuế! Minh quân vạn vạn tuế!

Riêng đức vua Ajātasattu thì thì thầm trong lòng: *"Đệ tử tri ân đức Thế Tôn đã ban cho sự sáng suốt qua vị thần y cư sĩ thầm lặng, minh triết này!"*

Riêng thần y thì suy nghĩ: *"Ta an tâm rồi. Thứ nhất là y đã biết nghe lời phải. Thứ hai là y đã cải hối tùng thiện thật sự rồi. Việc hộ trì Tam Bảo trong mai hậu, xem ra y sẽ biết noi gương tiên đế đấy!"*

Thần y Jīvaka suốt một đời chữa bệnh cho đời với tài năng trác việt; và sau khi gặp đức Phật, đắc Pháp nhãn thì ông phục vụ, phụng sự không mệt mỏi cho đức vua Seniya Bimbisāra và triều đình; phục vụ, phụng sự đức Phật, giáo hội và tăng đoàn... nhưng không có sử liệu nào cho biết thời gian và hoàn cảnh vị thần y này ra đi, tuổi thọ, viên tịch ra sao, lúc nào... nên chúng ta cũng rất ngậm ngùi, tiếc thương một nhân cách kỳ vĩ.

Vị Thứ Mười Bảy

Đức Vua Pāsenadi

(Có Công, Có Tội)

Duyên Từ Hoàng Hậu Mallikā

Trở lại Kỳ viên, sau vài ba thời pháp sách tấn, khuyến hóa chư tỳ-khưu; đức Phật ân cần nhắc nhở các vị trưởng lão là nên phân bố chư tăng rộng đường đi du hóa các nơi do thời tiết đã tạnh ráo. Đức Phật cũng bảo, là Kỳ viên nên giữ lại chừng một ngàn vị, nhất là số tỳ-khưu sơ tu còn quá nhiều tập khí; họ còn cần phải ở gần các vị trưởng lão, giáo thọ nhiều năm để bồi dưỡng pháp học, pháp hành.

Thế là sau đó, từng chúng, từng đoàn đảnh lễ đức Phật rồi y, bát lên đường. Quả thật, sau mùa an cư, họ là những cánh chim trời tự do, ra đi vì lợi ích cho nhiều người. Riêng đức Phật và một số trưởng lão phải ở lại, ra giêng, nắng ấm mới du hành vì đây đúng là thời có duyên gặp gỡ đức vua Pāsenadi, hoàng hậu, triều đình cùng các thành phần giai cấp khác trong quốc độ.

Mấy hổm rày, đức Phật dường như thường xuyên đón tiếp bà Mallikā, là chánh hậu của đức vua Pāsenadi (Ba-tư-nặc). Bà Mallikā là một phụ nữ đẹp đẽ, đoan chính, thông minh, hiền thục và chưa theo một tôn giáo nào. Từ khi hoàng tử Jeta (Kỳ-đà), dâng cúng rừng cây, cùng với đại triệu phú

Cấp-cô-độc kiến lập Kỳ viên đại tịnh xá để dâng cúng đức Phật và thập phương tăng thì bà đâm ra tò mò! Cái đạo ấy thế nào mà hấp dẫn ông hoàng tử trẻ keo kiệt ấy nhỉ? Trong một vài lần dùng cơm tại vương cung, hoàng tử Jeta không ngớt tán thán đức Phật cùng giáo pháp của ngài. Ông hoàng này lại còn không hết lời ca ngợi vị Đại đệ tử, nào là thần thông vi diệu, nào là trí tuệ, nhẫn nhục... đều tuyệt vời, vô song! Rồi ông hoàng kể cho bà Mallikā nghe nhiều *"huyền thoại"* về đức Phật và tôn giả Sāriputta. Rồi chuyện mới đây, tại cổng thành Sāvatthi, bà nghe thị nữ kể lại chuyện thần thông cảm hóa ngoại đạo của đức Phật nữa. Chính đức vua Pāsenadi đã ra tận nơi, tuy hơi khách sáo nhưng cũng tỏ vẻ cung kính. Bà quyết định đến gặp vị Phật ấy.

Đức Phật biết bà hoàng hậu này được đức vua Pāsenadi rất thương yêu và kính trọng; nhưng ngài lại lựa chọn cách đón tiếp rất giản dị là ở giữa vườn cây.

Thấy đức Phật tuổi tác chừng ngang bằng đức vua Pāsenadi nhưng tướng hảo quang minh hơn nhiều. Đức Phật cao lớn, phương phi, nước da ngời sáng, mạnh khỏe còn đức vua của bà thì mập phệ, béo tròn, đi đứng đã bắt đầu phục phịch, nặng nề rồi!

Sau khi chào hỏi xã giao, bà ngồi trên chiếc ghế thấp đã được soạn sẵn, hỏi đức Phật quan niệm như thế nào về hạnh phúc đời người; và quả thật có hạnh phúc thật sự trên cuộc đời này không?

- Nó có đấy, thưa lệnh bà! *Đức Phật nói* - Nhưng theo Như Lai biết và thấy thì nó bấp bênh, chông chênh, giả tạm,

thoáng có, thoáng mất, thay đổi, biến hoại... đúng như là sự thật, là tính chất của Pháp!

- Pháp - tính chất của Pháp, từ này tôi chưa nắm bắt được ngữ nghĩa của nó, thưa đức Thế Tôn!

"Pháp" - thế là đức Phật bắt đầu giảng nói về bản chất của tất cả pháp hữu vi, bất cứ cái gì được cấu tạo, kết hợp đều chịu chung định luật vô thường, không có tự tính, không có ngã tính như thế nào! Ngay cả các quan niệm, ý nghĩ, cả các trạng thái tâm lý như buồn vui, thương ghét, khổ lạc cũng chịu chung định luật ấy nên nó đưa đến khổ ! Rồi đức Phật thuyết rõ cho bà nghe về Khổ, Khổ đế, nó chi phối tất thảy chúng sanh trong ba giới, bốn loài... như thế nào!

Buổi gặp gỡ đầu tiên là như vậy. Vài ba hôm sau, bà chánh hậu Mallikā lại đến Kỳ viên, và lúc nào cũng chỉ vài thị nữ theo hầu. Thỉnh thoảng có thêm hoàng thân Jeta, vì lệnh bà lại thuyết phục hoàng thân nên đi nghe pháp, vì pháp hay lắm! Lần này, đức Phật chưa thuyết về nguyên nhân khổ (Tập đế), mà ngài nói đến các cảnh trời, thuận thứ những cái gọi là *"hạnh phúc"* từ thấp lên cao, nhân và quả, tâm và cảnh như thế nào. Buổi khác, đức Phật lại thiện xảo mở ra cảnh giới cao hơn, về những chúng sanh xem các dục vật chất là hạ liệt, thấp kém; họ đã tu tập và thành tựu những hạnh phúc tinh thần, cao hơn hạnh phúc vật chất cõi người không biết bao nhiêu mà kể...

Thấy căn trí và duyên với bà chánh hậu có thể bước cao hơn, đức Phật nói đến những hạnh phúc của các cõi trời vô sắc, là những hạnh phúc rất thanh lương, rất vi tế mà mọi

người trên cõi đời này không thể quan niệm, khái niệm về nó được. Tuy nhiên, cả ba cõi ấy vẫn còn trầm luân, sanh tử. Cứu cánh giáo pháp của Như Lai là giải thoát tất thảy mọi ràng buộc trong ba cõi. Và muốn tu tập thì phải có chánh kiến như thế nào, lộ trình như thế nào. Đến đây, đức Phật mới giảng rộng về Tập đế và con đường tu tập (Đạo đế), để chấm dứt tất thảy mọi đau khổ, phiền não trên cuộc đời.

Vào cuối buổi giảng lần thứ sáu, bà chánh hậu đắc Pháp nhãn, có niềm tịnh tín bất động, bất thối với con đường. Bà đã bước được bước chân đầu tiên vào giáo pháp bất tử.

Đức Vua Pāsenadi Quy Phật

Trở về cung mà tâm bà còn hoan hỷ, nhẹ lâng lâng. Bà thuyết phục đức vua Pāsenadi:

- Bệ hạ nên đến đức Thế Tôn để nghe pháp một lần đi!

Đức vua mỉm cười:

- Vị ấy có nhiều thần thông lực, phải vậy chăng?

- Đồng ý là vậy, nhưng ý tiện thiếp muốn nói là giáo pháp kìa! Giáo pháp giác ngộ đấy!

Đức vua có vẻ nhíu mày:

- Ý nàng nói là vị ấy đúng là một vị Phật? Một vị đại A-la-hán thật sự trên đời này?

- Chắc hẳn vậy rồi.

Ngẫm ngợi một lát, vua hỏi:

- Hậu có biết xuất thân của vị ấy không?

- Thưa biết! Nhưng đâu cần phải lý lịch hoặc xuất thân?

- Cần thiết chứ! Rất cần thiết tổ tông, dòng máu di truyền là khác! Ông ta là thái tử con vua Suddhodana, bộ lạc Sākya, một vương quốc hiền hòa, nhỏ bé, chư hầu nhiều đời của Kosala chúng ta! Từ xưa đến nay, dòng dõi sát-đế-lỵ như Kosala, như Sākya chỉ xuất sinh những tướng quân, những minh quân vĩ đại chứ không có trường hợp xuất sinh những sa-môn, những bà-la-môn, những giáo chủ vĩ đại!

Ngừng một lát, vua tiếp:

- Như thế, một vị Phật phải được xuất sinh từ dòng dõi bà-la-môn chính thống, trẫm mới tin được. Lại nữa, một vị Phật, ít ra thì tuổi tác cũng cỡ như các giáo chủ Makkhali Gosāla, Pakudha Kaccāyana, Nigaṇṭtha Nāṭaputta, Ajita Kesambala, Sañjaya Velaṭṭhaputta kia chứ? Ông Gotama còn trẻ quá! Chỉ bằng tuổi trẫm là cùng!

Nói thì nói vậy, nhưng thấy hoàng hậu vốn là người có trí, lại không dễ dàng đặt đức tin không đúng chỗ; và hoàng tử Jeta cũng vô cùng kính phục, đã nói mãi, thuyết phục mãi, nên đức vua quyết định đến thăm.

Đức Phật tiếp ông vua uy danh hiển hách này ở ngoài vườn cây, trong lúc đang đàm đạo với các trưởng lão. Đức Phật ngồi trên tảng đá lót tấm nệm cỏ, các vị trưởng lão như Sāriputta, Mahā Moggallāna, Vappa, Assaji, Mahā Kassapa, Uruvelākassapa, Bhaddiya, Ānanda... ngồi xung quanh lác đác trên những tấm nệm cỏ ở vị trí thấp hơn...

Thoáng nhìn, đức vua đã suy giảm một phần nào ngạo khí. Vì, tuy đức Phật trẻ tuổi nhưng trong nhóm đệ tử, ai cũng toát ra vẻ đẹp tuyệt vời của nhân tướng học; lại nữa, còn có mấy vị trưởng lão tuổi tác không thua gì các giáo chủ ngoại đạo (Vappa, Assaji, Uruvelākassapa...), trông vừa tiên phong đạo cốt vừa toát ra vẻ thông thái của các bậc hiền triết!

Sau khi chào hỏi xã giao, đức Phật bảo đặt một chiếc ghế để cho vua ngồi. Sự tế nhị đầu tiên ấy làm cho đức vua cảm kích vì ông mập quá, không thể ngồi trên tấm nệm cỏ dễ dàng được.

Đức Phật mở lời trước:

- Thật hân hạnh cho tịnh xá Kỳ viên, được một đức vua trẻ tuổi, vĩ đại đến thăm!

- Không dám đâu, thưa sa-môn Gotama! Ngài cũng trẻ tuổi và vĩ đại như vậy, chỉ nhìn thoáng qua hàng cao đệ xung quanh đây là đủ biết! Chưa nói đến việc sa-môn Gotama đã hiển lộ thần thông lực cho thế gian mở rộng tầm mắt!

Đức Phật mỉm cười:

- Như Lai nhớ không lầm thì đại vương lên kế vị ngôi vua vào năm hai mươi sáu tuổi, và chỉ hai năm sau là đại vương đã trở thành một vị vua vĩ đại mà vẫn rất trẻ, tuổi còn rất nhỏ!

Đức vua rất bằng lòng với câu nói này. Nhưng sau đó thì giật thót mình, dường như đức Phật biết là nhà vua chê đức Phật còn trẻ tuổi, qua câu chuyện với hoàng hậu Mallikā!

Tuy nhiên, không giấu được sự thắc mắc trong lòng, đức vua hỏi:

- Thưa sa-môn Gotama! Có gì không phải xin sa-môn bỏ quá cho! Rằng là, có phải sa-môn Gotama đã từng tuyên bố trước hội chúng, nơi này và nơi kia, là sa-môn đã chứng đắc Vô Thượng Giác, đức Chánh Đẳng Giác trên đời này?

- Đúng vậy! Như Lai đã từng tuyên bố như vậy!

-Trẫm biết rằng, các sa-môn, các bà-la-môn thượng thủ, các giáo phái chủ, giáo phái sư, khi được trẫm hỏi như vậy thì họ không khẳng định, không phủ định, chỉ trả lời ỡm ờ, vòng quanh. Nay, làm thế nào mà sa-môn Gotama lại dám tuyên bố một cách tự tin như thế khi tuổi còn quá trẻ và xuất gia cũng chưa được bao lâu?

- Đại vương biết không - *Đức Phật điềm đạm nói* - Có bốn cái nhỏ, rất nhỏ nhưng không được coi khinh, xem thường, đó là: Một ấu hoàng, một con rắn nhỏ, một đốm lửa nhỏ, một sa-di nhỏ!

Đức vua thừa thông minh để biết đức Phật đang ám dụ mình đây, cảm thấy vui trong lòng, nhưng ngoài miệng thì nói:

- Xin cho được nghe!

- Một ấu hoàng - *Đức Phật chậm rãi nói* - lớn lên, làm vua, nếu là xấu ác thì có thể quấy đảo cả thiên hạ, làm cho muôn dân phải đau khổ; nếu là hiền thiện thì có thể trở thành một đấng minh quân, đem lợi lạc và an vui cho nhiều quốc độ. Một con rắn nhỏ cũng không được coi khinh, vì

biết đâu đấy là rắn chúa mà chỉ một tí nọc độc của nó có thể làm chết cả một con voi to. Một đốm lửa nhỏ cũng cần phải cẩn thận - vì nó có thể lây lan thiêu đốt nhà cửa, vườn rừng. Một sa-di nhỏ cũng có thể đắc quả A-la-hán, thành tựu tâm giải thoát, tuệ giải thoát cùng các thắng trí! Vậy Như Lai khuyên đại vương là đừng nên xem thường, coi khinh những cái nhỏ, rất nhỏ vậy!

Đức vua Pāsenadi, bây giờ, xác định rõ là đức Phật đã tế nhị răn dạy mình. Nhìn lướt qua các vị trưởng lão, vị nào cũng bình tịnh, an nhiên; và ai cũng phảng phất nụ cười, dường như họ đều đã biết nguyên nhân câu chuyện.

"Ôi! Đây đúng là những con người minh triết trong một giáo hội minh triết! Ôi! Còn chần chờ gì nữa mà không tìm chỗ nương tựa cho đời mình!" Nghĩ thế xong, đức vua Pāsenadi, thay đổi tư thế, quỳ mọp xuống:

- Thế Tôn đã mở sáng con mắt cho trẫm. Vậy cho trẫm được quy giáo đức Đạo Sư cùng với giáo hội minh triết này!

Đức Phật lại mỉm cười:

- Đại vương có vội vã quá không? Đã suy nghĩ chín chắn, chu đáo chưa? Dường như đại vương còn thắc mắc về dòng dõi sát-đế-lỵ của Như Lai nữa đấy!

Đức vua quỳ lạy một lượt nữa, sau khi sợ hãi nói: *"Đệ tử không dám ạ!"*

Việc đức vua Pāsenadi quy giáo đức Phật giản dị như vậy đấy, chỉ qua một lần đối thoại như vậy đấy! Nhưng là một biến cố trọng đại đối với nước Kosala.

"Lý Lịch" Đức Vua Pāsenadi

Vốn là con trai trưởng của đức vua Mahākosala hiển hách và lừng danh, Pāsenadi được vua cha gởi đi du học ở viện đại học tại Takkasilā, thủ đô của nước Gandhāra[1]. Đây là cơ sở giáo dục lớn nhất, quan trọng nhất, uy tín nhất với chương trình đào tạo nghiêm túc, phong phú, có chất lượng đầy sức thuyết phục, hấp dẫn tuổi trẻ tri thức trong mọi quốc độ. Các giới cấp cao sang trong xã hội như bà-la-môn, sát-đế-lỵ mới đủ điều kiện cần thiết vì học phí rất cao; tuy nhiên, các sinh viên nghèo, có chí vẫn có thể theo học được bằng cách phục vụ lao công cho trường, cho lớp, cho thầy dạy học. Ngoài các môn triết lý, thần học, sinh viên còn phải đi chuyên sâu về các môn thế học như luật pháp và chính trị; các học nghệ cần thiết, thực tiễn cho xã hội như y khoa, luyện voi, đấu kiếm, bắn cung...[2] Sau bảy năm trở về, đức vua Mahākosala bổ nhiệm chức vụ thống đốc thành phố Kāsi[3] cho con trai để xem xét tài lãnh đạo của Pāsenadi như thế nào. Khi vua cha mất, ông về kế vị ngôi vương, mà trong huynh đệ, không ai có thể suy bì được[4]. Lúc ấy ông

---

[1] Nước kế cạnh Kashmire.

[2] Xem thêm Đức Phật Lịch Sử của H.W. Schumann, Trần Phương Lan dịch, tr.257, NXB T/P HCM, năm 2000.

[3] Kāsi cũng là một nước, thủ đô là Bārāṇasī. Trong quá khứ nước này có nhiều sự liên hệ với nước Kosala. Vào thời Phật, Kāsi lệ thuộc Kosala. Khi gả con gái mình cho đức vua Bimbisāra, đức vua Mahākosala đã cắt xứ này cho Māgadha như là của hồi môn.

[4] Đức vua Mahākosala có khá nhiều vương phi, thứ hậu - 30 vương tử Kosala được đức Phật hóa độ tại rừng Kappāsīya là con của các bà này.

mới hai mươi sáu tuổi mà phải cai trị một vương quốc khá rộng lớn với những tranh chấp phức tạp giữa các tiểu vương chư hầu. Được biết rằng, thủ đô Sāvatthi chỉ ước chừng ba trăm năm mười ngàn dân, nằm trong một vuông đất mỗi bề chỉ một phần tư do-tuần. Và ngay chính lãnh thổ Kosala cũng không rộng lớn lắm, chỉ ước chừng bốn, năm mươi do-tuần theo hình bầu dục, khoảng ba triệu người. Nhưng địa giới thuộc quyền ông làm chúa tể, được vua cha giao lại thì kéo dài từ tây sang đông, từ bắc xuống nam. Điểm cực tây là sa mạc, cả cao nguyên Tarai, tây bắc giáp giới Gandhāra. Phía đông chạy dài bao gồm luôn các bộ tộc Sākya, Koliya, Moriya, Mallā và cả Kālāma nữa. Phía nam xuống tận sông Gaṇgā, chạy song song với thượng lưu con sông này, giáp với đông bắc Bārāṇasī, tiếp tục theo hướng tây bắc, ôm luôn con sông Sadānīra rồi vòng trở lại khởi điểm. Cơ cấu hành chánh cũng đã có sẵn từ trước, ông chỉ kế thừa. Hệ thống quản lý điều hành thì có các quan chức đại thần lão niên quen việc, biết việc từ thời vua cha. Đức vua Pāsenadi trẻ tuổi rất khó chịu bởi các vị công thần này. Tín nhiệm quan đại thần Ugga thì quan đại thần Ārohanta ganh tỵ. Phải tìm cách liên kết họ lại thì mọi vấn đề chính trị, hành chánh đều suôn sẻ. Nhưng chính hai vị này thì nói xa nói gần, bóng gió rằng coi chừng viên thống tướng Bandhula nắm binh quyền sẽ tiếm ngôi! Chưa hết! Cứ mỗi nước chư hầu, vua phải bổ nhiệm một vị tướng giỏi, vừa mang chức năng đại sứ toàn quyền vừa giám sát các thuộc quốc. Cả một mạng lưới điệp viên, tình báo bủa khắp mọi nơi làm tai mắt cho triều đình trung ương! Nếu không bản lĩnh, trí tài thì làm sao cai trị

được một đế quốc rộng lớn như thế!

Khi còn làm thống đốc thành phố Kāsi, ông yêu thương một cô gái con người làm tràng hoa, lúc đăng cơ xong, ông phong làm chánh hậu - là bà Mallikā - mặc cho triều thần phản đối cô ấy thuộc giai cấp thấp kém. Về sau, đức vua còn có ba vương phi khác, đó là Ubbīrī và hai chị em Somā và Sakulā[1], nhưng đức vua đặc biệt sủng ái chánh hậu Mallikā. Bà là một cô gái diễm lệ, hiền thục, khéo léo luôn cận kề săn sóc an ủi ông, mỗi khi triều chính mệt mỏi. Vua rất quý trọng bà về tư cách xử sự, trí thông minh nên hay hỏi ý kiến bà về việc dùng người, thái độ khoan nhượng hoặc cứng rắn đối với chư hầu cũng như những điều lệ cương, nhu trong chính sách cai trị. Ông thấy rõ cái tệ nạn giai cấp làm ngăn cản bước tiến của xã hội, ngăn chặn sự tiến thân của rất nhiều thanh niên trí thức của các giai cấp dưới. Tại đại học Takkasilā, ông quen thân một số thanh niên phệ-xá, thủ-đà-la chăm ngoan, hiếu học. Và ông đã không ngần ngại bổ nhiệm họ vào các chức vụ trọng yếu như phụ tá chánh án hoàng gia, quản lý kinh tế thành phố này hay thành phố khác. Bảy năm học tập, hai năm làm thống đốc, trí óc ông sắc bén do quen suy tư, thẩm xét từ nền tảng kiến thức triết học cũng như kiến thức thần học có sẵn. Dầu là giai cấp nào, tôn giáo, hệ phái nào cũng đều là thần dân của ông,

---

[1] 10 năm sau, vua Pāsenadi muốn được thân tình với dòng dõi Sākya của Phật - mới xin cưới thêm vương phi Vāsabhakkhattiyā, cô công chúa con vua Mahānāma với nàng nữ tỳ - sinh ra thái tử Viḍūḍabha, là người nổi loạn chống vua cha và tiêu diệt dòng Sākya sau này.

phải biết tôn trọng và có chính sách trung dung phải lẽ, không được ngã bên này hay bên khác. Mười mấy năm cai trị, triều đại của ông vững mạnh, đời sống xã hội phồn vinh, các nước chư hầu đều thần phục. Chỉ có nước Māgadha là ở quá xa, cũng là một đế quốc hùng mạnh tương đương, xét ra là một hiểm họa tranh đoạt thiên hạ với ông. Tuy nhiên, việc ấy, vua cha đã nhìn xa trông rộng rồi, đã gả cô công chúa Kosala-Videhi, em của Pāsenadi cho đức vua Sineya Bimbisāra, với một vùng đất trù phú và xinh đẹp tại xứ Kāsi làm của hồi môn để tạo mối thân tình. Đức vua Sineya Bimbisāra cũng không thua gì ông về mọi lãnh vực, lại đạo đức, hiền thiện rất đáng tin cậy. Mười mấy năm nay không có chiến tranh lớn, chỉ có vài bộ lạc nhỏ nổi loạn đòi tự trị, đòi độc lập; và chỉ cần một viên tướng nhỏ cầm quân là có thể dẹp yên. Nhức đầu nhất là bọn cướp thường xuất hiện như ma, biến mất như quỷ, luôn quấy rối địa phương này và địa phương khác. Tăng cường binh bị, quốc phòng chưa cần thiết lúc này, nhưng phải bổ sung binh lính tuần tra đem lại an bình cho muôn dân khắp hang cùng, ngõ hẻm.

Như vậy đó! Một đức vua vĩ đại như thế mà quy giáo sa-môn Gotama là tiếng sét đánh thứ hai, sau tiếng sét thứ nhất là đức vua Sineya Bimbisāra! Các giáo phái khác bàng hoàng, khó chịu và ganh tỵ.

Đức Vua Nhận Hối Lộ!

Thấy giáo hội của đức Phật ngày càng phát triển, và khi nào đức Phật trú nhiều tháng ở Kỳ viên thì dường như đời

sống tứ sự của chư tỳ-khưu ngày càng thịnh mãn nên chúng ngoại đạo đem tâm ganh ghét, đố kỵ. Có một nhóm tu sĩ ngoại đạo[1] ngang nhiên chiếm một khoảng rừng lớn phía trước chùa Kỳ viên để xây dựng viện quán với ý đồ là đón đầu các nguồn tài lợi mà cư sĩ cũng như thập phương mang đến cúng dường cho đức Phật và tăng chúng.

Chư vị trưởng lão thấy việc làm quá đáng ấy nên đích thân đến hỏi chuyện thì chúng bảo đã được đức vua Pāsenadi cho phép. Bán tín, bán nghi, các ngài tìm cách thăm hỏi để biết hư thực câu chuyện thì được hoàng tử Kỳ-đà cho biết chuyện ấy là có thực. Có một nhóm trưởng lão tu sĩ ngoại đạo mang một số phẩm vật quý giá đến triệu kiến đức vua, trong số lễ vật ấy, có một hộp vàng đựng một trăm ngàn đồng tiền vàng. Chúng muốn *"hối lộ"* đức vua hầu *"xin một khoảng đất nhỏ bỏ hoang"* để lập chùa viện.

Tôn giả Ānanda lập tức đi vào cung để hỏi cho ra lẽ nhưng đức vua không tiếp. Rồi tôn giả Moggallāna, tôn giả Sāriputta lần lượt đi vào hoàng thành cũng mong hỏi chuyện cho rõ ràng nhưng đức vua viện lý do bận việc triều chính!

Chuyện đến tai, đức Phật mỉm cười:

- Vậy ngay ngày mai, hãy thông báo là Như Lai cùng với năm trăm tỳ-khưu sẽ vào hoàng cung để trì bình khất thực.

Tin được loan ra, có một vị tỳ-khưu-ni gốc hoàng gia

---

[1] Gọi ngoại đạo không phải với ý nghĩa xấu, chỉ để chỉ những tu sĩ, đạo sĩ ở "ngoài" Phật giáo; nhóm này thường hay chống đối, chống phá đức Phật và tăng chúng.

đang ở ni viện của trưởng lão ni Gotamī cấp tốc cho người nhắn tin về triều cho hoàng thân quốc thích hay để họ chuẩn bị đón tiếp. Hoàng hậu Mallikā cũng huy động đám cung nga thể nữ chuẩn bị vật thực thượng vị cứng mềm cho chu đáo.

Sáng ngày, khi nắng sớm vừa lên, sân hoàng cung chợt vàng rực những đám mây vàng. Từ lầu cao nhìn xuống, đức vua Pāsenadi trông thấy hoàng hậu, hoàng phi, gia đình các nội quan, cung nga thể nữ như những cánh bướm đủ loại sắc màu từ các hướng cung, viện đổ ra và ai cũng có sẵn mâm vật thực trên tay để đặt bát cúng dường!

Thấy đức Phật tự tại, uy nghi từng bước đi với dung sắc quang hảo như một vị đại phạm thiên, đức vua rúng động và sợ hãi mơ hồ, tự nghĩ:

"- Họ đã chuẩn bị đâu đó sẵn sàng rồi mà không cho ta hay! Vậy là chuyện gì đã xảy ra? Tại sao một việc trọng đại như thế này mà các hậu, các phi, các quan chẳng ai báo cho ta một tiếng? Ta đã có làm việc gì 'phi pháp' để họ như đồng một lòng mất niềm tin nơi ta như thế?"

Lát sau, đức vua gật đầu:

"- Ta biết rồi! Ba vị tôn giả bậc thượng của giáo hội có đến đây mà ta không tiếp nên hôm nay đức Phật mới đích thân đến đây! Ôi! Hóa ra chuyện ta nhận hối lộ một trăm ngàn đồng tiền vàng đã lan đi khắp mọi nơi! Toàn bộ hậu cung, họ đồng tâm đặt bát cho đức Phật và hội chúng tỳ-khưu như thế này là âm thầm phản đối việc làm khuất tất, bất chánh của ta đây! Bây giờ, thấy cái bóng thánh thiện

của đức Phật là tâm ta lại bất an, tại sao?"

Khi đức vua với vương bào, mũ miện chói ngời từ lầu cao bước xuống thì đức Phật đã có chỗ an tọa nơi sân rồng rộng mênh mông, đoanh vây hàng hàng lớp lớp tăng chúng trang nghiêm, thanh tịnh, yên lặng như một rừng đại định. Biết đức vua đang run sợ, đức Phật mỉm nụ cười từ bi, cất giọng lớn:

- Hãy lại đây, đại vương! Hôm nay, Như Lai và chúng đệ tử đến xin ăn ở cửa hoàng gia đó! Chuyện không báo trước mà đức vua đã cho người đặt bát thật trang trọng, thật hậu hĩ! Như Lai chúc lành cho đại vương vì phước sự lớn lao này!

- Dạ, không dám ạ! *Đức vua khom người kính lễ* - Phần phước ấy thuộc về hoàng hậu, hoàng phi, các nội quan cùng ba cung sáu viện; còn riêng trẫm, trẫm xét rằng, trẫm là người có tội!

- Đại vương có tội gì?

Rồi đức vua thành thật tự khai, *"thành thật"* là đức tính của một bậc minh quân:

- Trẫm có nhận của hối lộ một trăm ngàn đồng tiền vàng của các vị *"thánh chủ"!*

Biết trong lòng đức vua vẫn tôn kính các đạo sĩ khổ hạnh và đã từng cung đón họ như các bậc A-la-hán nên đức Phật chậm rãi nói:

- Nếu là *"thánh chủ"* thì họ đã không làm việc ấy! *"Đút*

lót" là một việc khuất tất, bậc *"thánh chủ"* thật sự thì họ không làm! Còn riêng đức vua, một bậc minh quân thì cũng không nên thọ nhận của bất chính ấy!

- Trẫm biết rồi!

- Đức vua mà nhận của hối lộ dầu là chút ít, lâu ngày sẽ trở thành một thói quen xấu. Chư vị đại thần, trăm quan, theo đó, chắc hẳn có người sẽ bắt chước làm theo. Rồi người đứng đầu các trấn thành, phủ huyện, thôn bản nhiễm theo thói ấy thì còn đâu là công minh, liêm chính, là nội dung nền tảng pháp luật kỹ cương của quốc độ nữa? Hãy tức khắc dừng lại việc ấy để bảo vệ sự an toàn cho quốc độ cùng hạnh phúc, thanh bình của muôn dân, bá tánh, tâu đại vương!

Từng lời, từng chữ về nhân, về quả của đức Phật đã giảng nói như thấm vào tâm trí của đức vua làm ông chết sững, toát mồ hôi hột.

Đức Phật và chư tỳ-khưu ra về rồi mà đức vua còn như đứng chôn chân một chỗ; sau đó như sực tỉnh, ông quát hỏi tả hữu sự việc xảy ra như thế nào tại đám đất nhỏ bỏ hoang ấy? Khi được biết là ngoại đạo ngang nhiên chiếm một khoảng rừng lớn ngay trước mặt tịnh xá Kỳ viên để xây dựng viện quán thì đức vua không còn bình tĩnh được nữa:

- Quá đáng! Thật là quá đáng!

Đức vua hét toáng lên, bảo vị quan cận thần lấy một trăm ngàn đồng tiền vàng tìm cách trả lại cho *"khổ chủ"* và tức tốc sai quân lính tới tận nơi phá bỏ lều trại và những gì đang xây dựng rồi đuổi hết lũ *"thánh chủ"* cùng đệ tử của

họ cuốn gói đi nơi khác.

Đức vua lẩm bẩm:

"- Ta chưa nhốt tù là may! Chúng đã lòi cái đuôi tà vạy, gian xảo ra rồi! Ôi! Từ lâu mình tưởng những khổ hạnh sư ấy là các bậc A-la-hán!"

Và sau đó, như hối lỗi việc làm bất chính của mình, đức vua cho xây dựng tại đám đất ấy một ngôi chùa có tên là Rājakārāma rồi dâng cúng cho ni giới. Trưởng lão ni Gotamī biết tâm ý của đức vua nên đã tế nhị *"cắt cử"* tỳ-khưu-ni Sumanā - là chị của đức vua - đến quản nhiệm, chăm sóc ngôi chùa hoàng gia ấy. Đức vua còn khởi tâm làm trong khuôn viên rừng Kỳ-đà một ngôi chùa khác nữa, có tên là Salaḷāgāra để dâng cho tỳ-khưu tăng.

Hoàng hậu Mallikā thấy đức vua thành tâm cải hối bằng những thiện sự tốt đẹp, bà rất hoan hỷ và sau đó cũng khởi tâm cho xây dựng một ngôi chùa gần Kỳ viên tịnh xá, được gọi là Mallikārāma dâng cúng cho chư tăng. Và ở tại khu rừng Andhavana, cách Sāvatthi ba mươi do-tuần về hướng nam, bà còn cho thiết lập khá nhiều cốc liêu cho ni chúng có chỗ dừng chân khi họ du hành từ thành phố Āḷavī hay từ Bārāṇasī về Kỳ viên tịnh xá đảnh lễ đức Phật và nghe pháp.

Vậy là do việc làm khuất tất của ngoại đạo, khi xin một đám đất nhỏ bỏ hoang mà chúng lại gian dối chiếm một khoảng rừng lớn, lại ở ngay chính trước mặt chùa Kỳ viên với ý đồ tà mạng nên uy tín của chúng càng bị giảm sút thêm. Trái lại, nhờ giáo huấn của đức Phật mà đức vua biết lỗi của

mình, thành tâm phục thiện nên lần lượt trước sau, vua và hoàng hậu kiến tạo thêm bốn ngôi già-lam nữa, đáp ứng cho tiện nghi cư trú và nhu cầu sinh hoạt của tăng, ni tại kinh thành Sāvatthi nói chung và tại Kỳ viên tịnh xá, nói riêng.

Mộng Dữ Của Đức Vua

Hôm kia, đức vua Pāsenadi nằm thấy mộng dữ, cảm thấy lo sợ[1]. Một vị lão thần bà-la-môn đoán mộng, bảo là sắp có chuyện chẳng lành xảy đến cho đức vua, phải nên giết cừu, dê, trâu, bò mỗi loại bảy trăm con tế lễ thần linh để tránh họa. Nghe lời, vua truyền sắm lễ vật, tế vật theo nghi thức truyền thống của đạo bà-la-môn là phải hy sinh hằng ngàn sinh linh trong cuộc đại tế này. Hay tin, hoàng hậu Mallikā lật đật đến can gián, khôn ngoan và sáng suốt khuyên vua đừng vội giết vật, nên đến thỉnh thị ý kiến của đức Phật. Nghe lời, đức vua đến Kỳ viên, kể lại giấc mộng dữ của mình, mong được đức Phật tìm cách hóa giải tai họa.

Đức Phật nói:

- Hãy bình tĩnh, đại vương! Rồi Như Lai sẽ giải trừ tai họa cho! Bây giờ đại vương cho Như Lai được hỏi, khi mình giết một vật, cho đầu rơi, máu chảy thì lúc ấy, tâm mình là lành, tốt hay là xấu, ác?

- Tâm giết vật, sát vật thì làm sao mà lành, tốt được!

- Cảm ơn đại vương đã hiểu. Bây giờ cho Như Lai được

[1] *Mahā Supina Jātaka.*

hỏi tiếp - Giết một sanh mạng là xấu ác, giết một ngàn sanh mạng thì xấu ác tăng lên một ngàn lần. Chẳng lẽ nào lấy một ngàn lần xấu ác ấy để cầu nguyện, để van vái thần linh giải trừ tai hoạ cho đại vương? Chẳng lẽ nào chúng ta có thể gieo một nhân đắng - một ngàn nhân đắng - lại có thể thu hoạch được một trái ngọt, một trái lành được sao? Đại vương là bậc có trí, hãy trả lời cho Như Lai nghe với nào?

Đức vua Pāsenadi thất sắc, nín lặng.

- Lại nữa, *đức Phật tiếp* - Nếu có thần linh, thì thần linh là một loại chúng sanh tiến hóa bậc cao, có phước báu thù thắng hơn cõi người. Chẳng lẽ nào, các vị thần linh ấy lại thích hưởng thụ đầu súc vật, máu súc vật do đại vương dâng cúng? Nếu quả có loại thần ấy - thì nó còn tệ mạt, hạ liệt, thấp thỏi hơn con người - là quỷ dữ, là ác thần, là ác dạ-xoa đấy! Bọn quỷ xấu ác, thiếu phước ấy lại có thể hộ trì, giải trừ tai họa cho đại vương được sao?

Nghe đến ngang đây, đức vua cảm thấy trí sáng, thông suốt được vấn đề:

- Xin đức Tôn Sư cho đệ tử được nghe tiếp!

- Vậy thì phải làm ngược lại, tâu đại vương! Nghĩa là phải tác ý, phải khởi tâm làm một việc lành, tốt, một ngàn việc lành, tốt. Và chính nhờ năng lực một ngàn việc lành tốt kia thì tức khắc tai họa, nếu có, sẽ tự động được giải trừ!

- Đệ tử hoàn toàn lãnh hội, đã hoàn toàn thấy rõ sự sai lầm của sự tế vật. Nhưng vừa rồi, đức Tôn Sư có sử dụng từ điều kiện cách, *"nếu có",* đệ tử chưa hiểu rõ lắm!

- Đúng vậy! *Đức Phật gật đầu* - Như Lai thấy rõ rằng, chưa chắc đã có tai họa gì! Vì chiêm bao là lúc trạng thái tâm, trạng thái trí chập chờn, mơ màng; ở đấy là do các *"tưởng"*[1] đúc kết, vẽ vời không trung thực các hình ảnh hiện tại, quá khứ, vị lai mà thành! Có thể là lành tốt, có thể là xấu ác; nhưng các nhà chiêm tinh gia đoán mộng, từ xưa đến nay họ cốt ý để mưu sinh, để kiếm tiền nhiều hơn là có lòng tốt với khổ chủ!

- Nếu nó xấu ác thật sự thì sao, thưa đức Tôn Sư!

- Thì nên làm một ngàn điều lành tốt để giải trừ hay nên làm một ngàn việc xấu ác để tăng thêm tội thì tùy ý đại vương vậy!

Với cách đặt vấn đề thiện xảo như vậy, trí tuệ như vậy, đức Phật đã làm cho đức vua biết cách bố thí, trì giới, làm các công đức, thiện sự, phước sự... sau này! Ngay ngày hôm sau, đức vua cung thỉnh đức Phật và hội chúng 1000 vị tỳ-khưu làm một cuộc cúng dường lớn tại cung điện. Đức Phật và chư tăng đã đọc kệ phúc chúc, mong rằng với phước sự ấy, đức vua được tai qua nạn khỏi. Và quả thật, mấy ngày sau đó, đức vua cảm giác được an lành; và một làn gió mới, trong trẻo len vào đời sống tâm linh của nội cung, nội viện và cả triều thần. Hoàng hậu Mallikā là người sung sướng nhất vì bà đúng là người bạn đời hiền thiện, cao quý, đã sáng suốt, đã dịu dàng đưa cánh tay hoa sen của mình dẫn dắt ông vua chồng quyền uy hiển hách đi vào chánh đạo!

---

[1] *Tri giác - Saññā.*

Đức Phật biết là đã đặt được nền móng giáo pháp vững chắc tại kinh đô này, quốc độ này; ngài lại chuẩn bị đi du hóa phương khác.

Cuộc Luận Chiến Về Chiêm Tinh

Đức Phật và hội chúng đang chuẩn bị khởi hành thì đức vua Pāsenadi lại tìm đến Kỳ viên lúc trời còn mù sương. Nhìn thấy đôi mắt thâm quầng của vị minh quân, đức Phật hướng tâm, biết chuyện gì đã xảy ra.

Sau khi mời an vị xong, đức Phật nói:

- Đại vương lại mất ngủ suốt đêm qua rồi!

- Thưa, đúng vậy!

- 16 giấc mộng kia lại tìm đến?

- Thưa, đúng vậy!

- Nó đến không nhanh, không chậm mà ngay sau khi được sự bàn ra, tán vào của các lão quan tinh thông chiêm tinh, thuật số ở bên cạnh đại vương!

Đức vua Pāsenadi ngạc nhiên, mở lớn đôi mắt:

- Hóa ra đức Tôn Sư đã biết rồi! *Và ông bắt đầu tâm sự* - Đệ tử sau khi nghe pháp, bố thí lớn, cúng dường lớn đến đức Tôn Sư và đại chúng, đệ tử cảm giác được an lành, yên ổn. Tuy nhiên, chỉ được mấy hôm, một số lão trượng bà-la-môn đại thần có thẩm quyền về chiêm tinh nhất, đến gặp đệ tử, nói rằng: Việc đại vương bố thí, cúng dường, ấy là việc

tốt, nên làm; nhưng việc đoán mộng, giải mộng, đại vương cũng không nên bỏ qua, chớ nên thất lễ với thần linh; vì đấy là trí khôn, kinh nghiệm được tích lũy cả hàng ngàn năm nay, chẳng lẽ nào... Thế xong, họ bỏ lửng câu nói. Nhưng mà đệ tử biết, họ muốn ám chỉ đức Tôn Sư...

Đức Phật mỉm cười:

- Ý họ nói, Như Lai không thể thông thái hơn trí khôn cả hàng ngàn năm cộng lại?

Đức vua im lặng, như thú nhận điều ấy là đúng.

- Lại còn có ý nói rằng, Như Lai chưa từng có thẩm quyền gì về chiêm tinh, về việc đoán mộng, giải mộng cả?

- Quả thật, họ đã có hàm chỉ như thế nhưng không dám nói - vì họ biết, đụng đến đức tin của đệ tử, của một ông vua, họ sẽ bị tội chém đầu!

Chậm rãi, tự tại, đức Phật nói:

- Đại vương cứ yên tâm. Về lãnh vực chiêm tinh, thuật số - Như Lai chưa từng biết, chưa từng thấy trên thế gian này có ai nghiên cứu tới nơi tới chốn bằng Như Lai. Như Lai còn đọc được cả những ký hiệu ngôn ngữ cổ xưa còn lưu lại nơi những tấm thẻ đồng, thẻ vàng trong điện thờ tại Kapilavatthu. Vậy, đối thoại về lãnh vực chiêm tinh, không cần đến Như Lai, mà chỉ cần hai vị Đại đệ tử của Như Lai thôi, cũng đã là bậc thầy của tất thảy chiêm tinh gia trên toàn cõi châu Diêm-phù-đề này rồi!

Nghe nói vậy, đức vua Pāsenadi vô cùng sung sướng, nở

mặt, nở mày; ông dè dặt hỏi:

- Vậy thì sẽ có cuộc đối thoại, luận chiến về chiêm tinh để cho các vị bà-la-môn chiêm tinh kia sáng mắt ra, bạch đức Tôn Sư?

- Đúng vậy!

- Và đức Thế Tôn sẽ dạy cho họ một bài học?

- Không cần thiết! Một Sāriputtta hoặc một Moggallāna của Như Lai là đủ rồi!

- Vậy thì đệ tử sẽ bảo họ đến đây, tại Trúc lâm đại tịnh xá để họ luận chiến về chiêm tinh, về 16 giấc mộng của đệ tử với hai bậc thượng thủ của Giáo hội!

Đức Phật xuyên sâu vào tâm lý, hiểu rõ cả tóc tơ của vấn đề, nói rằng:

- Hãy tạo sự ưu tiên và thuận lợi cho các nhà chiêm tinh, này đại vương! Như Lai sẽ bảo hai vị Đại đệ tử đến ngay trên đất của họ, chỗ quen thuộc của họ! Nếu mà họ đến Trúc lâm thì mọi thuận lợi, chúng ta đã chiếm hết tiên cơ mất rồi!

Xiết bao cảm phục, đức vua nói:

- Vậy thì ngay chiều nay, tại hoàng cung, đệ tử sẽ cho tổ chức một cuộc hội thảo về chiêm tinh. Một bên là các lão quan chiêm tinh, một bên là hai vị thượng thủ của giáo hội. Từng giấc mộng một, đệ tử sẽ kể lại, sau đó là nghị luận, luận giải của hai bên... Có hoàng gia và triều thần làm quan khách...

- Ừ! Quan khách sẽ có thêm một số đông tỳ-khưu trưởng

lão nữa; và chính Như Lai chỉ ngồi lắng nghe!

Thế rồi, chiều hôm đó, tại hoàng cung, không khác gì một buổi thiết triều nhưng có thêm sự tham dự của đức Phật và 100 vị A-la-hán đứng đầu giáo hội. Đức vua muốn bố cáo chuyện này một cách rộng rãi nên ngoài triều thần, vua đã cho mời thêm một số nhân vật tai mắt trong kinh thành; đấy là các giáo phái chủ, giáo phái sư, các bà-la-môn đạo sĩ hữu danh, các đại triệu phú, các đại doanh gia, đại diện các nghiệp đoàn; nghĩa là đại diện đầy đủ các giai cấp trong xã hội...

Vị quan phụ trách nghi lễ, khánh tiết đã được tôn giả Sāriputta hướng dẫn cho cách sắp xếp các chỗ ngồi cho đức Phật và tăng chúng, để làm sao tránh được hai cực đoan: Không nên quá kiểu cách, xa hoa như ở cung đình mà cũng không nên quá giản dị, xuề xòa như tại tịnh xá Kỳ viên.

Hiểu ý đức Phật, đức vua Pāsenadi bỏ qua tất thảy mọi nghi thức. Vị đại lão thần bộ lễ (tương tự thượng thư bộ lễ), tuyên bố lý do, đại ý nói rằng, vì những điềm triệu xảy ra trong giấc mộng của đức vua, liên hệ đến sức khỏe, tai nạn, bệnh tật, tuổi thọ của ngài - đồng thời còn liên hệ đến sự an nguy, khổ vui cho bá tánh và cả quốc độ - nên triều đình đã đứng ra tổ chức buổi hội thảo rộng rãi hôm nay. Một bên là hai vị Đại đệ tử của đức Phật, một bên là các lão quan chiêm tinh. Đức vua tối cao của chúng ta lần lượt thuật lại các giấc mộng. Hy vọng rằng, với trí tài, với thông tuệ, học sâu, hiểu rộng của các bậc đại trí thức, các ngài sẽ đoán mộng, giải mộng cho đức vua trên tinh thần học thuật một cách nghiêm minh, chân xác, khách quan, trung thực để đem lại lợi ích

chung cho toàn xã hội, cho đất nước Kosala.

Nội dung buổi hội thảo, sau đó, diễn ra như sau.

Đức vua kể:

- Trẫm thấy bốn con bò đực có sừng, sắc đen tuyền từ bốn hướng, chạy vào sân chầu với vẻ muốn đánh nhau. Thế rồi, dân chúng từ bên ngoài đổ xô đến xem. Nhưng bốn con bò chỉ ra bộ giận dữ, vần qua đảo lại, đạp đất, rùng mình, nghinh sừng... ra oai một hồi rồi bỏ đi - chứ không đánh nhau. Đấy là giấc mộng thứ nhất của trẫm. Các lão quan chiêm tinh trước đây bảo là điềm xấu; bây giờ trước tất thảy mọi người, hãy cho trẫm biết, xấu là xấu như thế nào?

Một vị đứng dậy, tâu:

- Theo thần được học thì giấc mộng này báo triệu hai điều có thể xảy ra, đều là điều xấu! Nhưng nay nhờ có thần linh đã mách bảo cho đại vương để đại vương tìm cách giải nạn vẫn còn kịp thời. Thứ nhất, bốn con bò đen tuyền, có sừng, từ bốn hướng chạy vào sân chầu, ra oai muốn đánh nhau; ở đây muốn ám chỉ bốn lực lượng mạnh mẽ (có sừng) từ bốn phương của quốc độ, sẽ kéo quân về triều đình, có lẽ do quyền lợi, quyền lực, danh vọng gì đó nên đã đấu khẩu, tranh cãi lẫn nhau. Còn dân chúng thì bàng quan đứng xem, không can thiệp, vì đây là việc nội bộ của triều đình. Thứ hai, bốn con bò đực có sừng, từ bốn hướng vào sân chầu cũng tượng trưng cho đất, nước, lửa, gió, bốn sức mạnh của ngoại khí sẽ đe dọa bệnh tật, ốm đau cho bệ hạ. Thưa, đấy là thần đã giải đoán cái mộng thứ nhất là như vậy.

Vị quan bộ lễ cất tiếng hỏi:

- Các ngài trong bộ chiêm tinh, có bổ túc gì nữa không?

- Thưa không, đủ rồi!

Hướng qua hai vị Đại đệ tử, vị ấy thưa:

- Bây giờ đến phiên giải mộng của giáo hội đức Tôn Sư.

Tôn giả Sāriputta đoan nghiêm đứng dậy, mỉm cười, phong thái ung dung, tĩnh tại:

- Thưa, tôi cũng có học chiêm tinh; nhưng có lẽ kinh qua quá nhiều khẩu truyền, quá nhiều nhà luận giải nên ngay chuyện bốn con bò đực, đen tuyền, có sừng, tôi lại có hai cách luận giải khác, nhưng đều là điềm tốt! Nay xin được trình bày cái kiến giải thô thiển này để mọi người cùng suy ngẫm, nhất là có đức Tôn Sư của chúng tôi ở đây.

Khai từ vừa khiêm tốn vừa chứng tỏ bản lãnh kiến thức, sở học về bộ môn này của tôn giả, tức khắc, lôi cuốn thính giả tham dự phải chăm chú lắng nghe. Tôn giả bèn hướng đến đức vua, tiếp tục:

- Đại vương khỏi lo. Đây là điềm triệu mai sau. Đại vương có khí cốt lớn, là chân mệnh đế vương, tương lai về sau, ngài còn có phước báu làm một đức Chuyển luân vương nữa! Điềm triệu này, nhắc nhở đại vương phải biết sống theo Chánh pháp để đem lại an vui, hạnh phúc cho quốc độ. Nếu người đứng đầu một nước mà tham lam, bất chính, không có đạo đức thì triều đình cũng tham lam, bất chính, không có đạo đức, và muôn dân sẽ đau khổ, lầm

than, kéo theo sát sanh, trộm cắp, tà vạy, bất chánh, dối láo. Nghĩa là khi cái ác, bất thiện pháp tăng trưởng thì thiện thiên thần, thiện dạ-xoa sẽ bỏ đi, các thế lực che chở cho quốc độ không còn nữa. Lúc ấy chuyện gì xảy ra? Bốn con bò đen có sừng từ bốn hướng, nghĩa là mây đen bốn hướng, vần vũ tràn vào kinh thành, ầm ĩ, sấm chớp đùng đùng, hướng đông, hướng tây, hướng nam, hướng bắc... hầm hè như tranh giành nhau, nhưng rốt lại, vẫn không có mưa! Quốc độ rơi vào nạn hạn hán trầm trọng, mất mùa, đói kém, nhân dân trông chờ, kéo nhau đi xem, nhưng trời vẫn không cho họ một giọt nước. Vậy thì muốn mưa thuận, gió hòa, nhân dân an cư lạc nghiệp thì đức vua phải chơn chánh, lấy mười vương pháp trị dân, theo đó, đại thần cũng chơn chánh, có đạo đức; muôn dân sống theo chánh pháp thì các thiện dạ-xoa, thiện thiên thần sẽ hoan hỷ theo để hộ trì quốc độ. Cách giải đoán thứ hai cũng tương tợ vậy. Bốn bò đen, có sừng, từ bốn phương tràn vào kinh thành, hầm hè muốn đánh nhau nhưng không làm gì cả rồi bỏ đi. Cũng vậy, đấy là binh lực đen tối từ bốn phương, có thể là các nước chư hầu, cũng có thể là các binh trấn, muốn nổi loạn, ai cũng muốn tranh quyền, cướp ngôi; ai cũng múa võ giương oai; ai cũng muốn áp đảo đối phương... Nhưng khi đến kinh thành, thấy uy lực của một đức vua sống theo chánh pháp, muôn dân thanh bình, đâu đó bình chân như vại nên họ phải tự động giải tán, mây tan, gió lặng...

Nói đến ngang đây, tôn giả Sāriputta đưa mắt nhìn các nhà chiêm tinh, cất giọng êm dịu, hòa hoãn:

- Thú thật rằng, lời giải đoán của chư vị đều là cái "có thể"; mà lời giải đoán của tôi cũng là cái *"có thể"* làm sao biết nói ai đúng, ai sai...

Hội trường im lặng, rất nhiều người gật đầu lặng lẽ.

Vị quan bộ lễ cất giọng lớn:

- Từ một giấc mộng mà nhóm chiêm tinh gia giải đoán, có khả năng phát sanh hai điềm xấu; còn ngài sa-môn đại đức cũng giải đoán, lại có khả năng ngược lại, là hai điềm tốt! Đúng vậy, chưa biết lẽ phải, sự thật thuộc phần ai. Bây giờ, xin đức vua chí tôn cho nghe giấc mộng thứ hai.

Đức vua kể giấc mộng thứ hai:

- Trẫm thấy có một bụi cây con từ dưới đất trồi lên; khi nó mới cao chừng vài gang tay, thân đang còn xanh nõn đã đơm hoa sum suê rồi tức khắc kết trái, trĩu cành. Thật là lạ lùng. Xin các vị đoán cho.

Một vị chiêm tinh gia tóc bạc trắng, đứng dậy:

- Đây là điềm xấu, điềm dữ! Cây non mà sinh hoa kết trái thì thật là kinh khủng. Đấy là một báo triệu, thần linh sẽ giận dữ nếu không biết cúng tế đúng lễ nghi, phép tắc. Khi mà thần linh nổi trận lôi đình thì các vì tinh tú sẽ lệch vị trí, phương hướng; định luật của đất trời sẽ bị đảo lộn. Đất nước lửa gió bên trong, bên ngoài; thời tiết, mùa vụ, con người, sinh vật, thảo mộc sẽ bị tác động mà sinh ra quái thai, dị chủng, nghịch thường. Vậy thì không thể không cúng tế thần linh.

Lần này thì tôn giả Mahā Moggallāna đã trổ tài ngôn luận hùng biện:

- Đúng thay, hay thay! Vị lão trượng chiêm tinh gia đã giải đoán giấc mộng thứ hai này rất chính xác. Tôi cũng đồng ý đấy là điềm dữ, điềm xấu. Tôi cũng đồng ý đất trời đảo lộn, khí huyết tương xung mà sinh ra quái thai, dị chủng, nghịch thường... Tuy nhiên, việc ấy không phải xảy ra bây giờ mà đấy chỉ là dự báo trong tương lai. Xin các nhà tôn giáo học, tâm linh học, đạo đức học, giáo dục học, xã hội học, nhân văn học... hãy để tâm chuyên sâu nghiên cứu về lãnh vực này, nắm nguyên lý của nó mà đưa ra chiến lược, kế sách thích hợp để cứu cho xã hội, con người khỏi rơi vào thảm họa. Chính con người phải tự cứu con người chứ không có thần linh nào cả. Giấc mộng ấy sẽ trở thành hiện thực khi thế gian, thế giới này suy đồi. Con người nếu cứ tăng trưởng mãi mọi dục vọng, ác độc, xan tham, nghĩa là không có đạo đức và giới hạnh thì một mai nào đó sẽ phát sinh ngay trước mắt là những cô con gái rất non trẻ chưa đến tuổi vị thành niên sẽ tìm cách sống chung với bọn đàn ông, không kể trẻ, không kể già, cốt là để thỏa mãn dục vọng, hai là bòn rút, kiếm chác bạc tiền. Và rồi, chúng sẽ thụ thai và sinh con. Cái cây non mởn mà sinh hoa kết trái là báo hiệu thảm họa này đấy; kéo theo sự đảo lộn thương luân bại lý cho toàn xã hội, gây nhiễm độc cho nhân sinh... Vậy thì xin thưa, chính chánh pháp mới cứu được cuộc đời, con người chứ không có thần linh nào ở đấy cả! Như thế, xin đại vương đừng lo gì cả vì đại vương đang sống trong chánh pháp!

Tôn giả Mahā Moggallāna đã phát biểu xong. Quả thật kiến giải ấy rất hợp với luận lý, phơi bày một sự thật có thể kiểm chứng được, hiểu được khi con người đã quá suy đồi phẩm chất, đạo đức.

Mọi người yên lặng, suy ngẫm cả hai cách lý giải. Không ai phát biểu ý kiến.

Vị quan Bộ Lễ tiếp tục:

- Xin bệ hạ kể cho nghe giấc mộng thứ ba.

Đức vua kể:

- Trẫm thấy một bầy bò cái cùng nhau bú sữa nơi bầy bò con, mà đáng thương thay, bầy bò con ấy mới chỉ sinh ra trong một ngày mà thôi!

Vị chiêm tinh giải đoán:

- Đấy là điềm xấu, điềm dữ liên hệ thần linh nổi giận! Đây là dấu hiệu những giá trị cổ xưa, những tín ngưỡng thiêng liêng từ ngàn năm không còn được tôn trọng, nể vì. Chúng ta đã sống tốt đẹp, được nuôi dưỡng trong những bầu sữa mẹ thiêng liêng của suối nguồn kinh điển Veda với những lễ nghi, tập tục, tế lễ, phúng tụng, chú thuật... đem thanh bình yên ổn cho xứ sở, được thần linh che chở. Nay nguồn sữa ấy không còn nữa, đã khô cạn. Rồi ai cũng tuân theo những chỉ dụ mới, đạo đức mới, lẽ phải mới cho đến nỗi thần linh cũng đói meo. Giá trị tốt đẹp, linh thiêng ngàn xưa, những người đại diện cho các giá trị cũ, phải sống gởi, sống nhờ vào những chủ thuyết mới là những chú bê non mới sinh được một ngày, có thảm thương không chứ! Than ôi!

Tôn giả Sāriputta thấy đã đến phiên mình, đứng dậy, phản bác lời kiến giải ấy. Tôn giả nói:

- Biện giải ấy hơi áp đặt, chủ quan; nếu không muốn nói là tự bảo vệ cho mình, lại còn quy cho việc thần linh nổi giận hầu gợi ý cho đức vua chí tôn chúng ta phải tổ chức đại tế, trung tế, tiểu tế rất tốn kém hằng ngàn sinh mệnh của súc vật, của chúng hữu tình cùng với những thúng vàng, thúng bạc từ máu mủ thuế khóa của nhân dân! Giấc mộng ấy rất đơn giản, bậc có trí nghe qua, tức hiểu.

Hướng qua đức vua, tôn giả nói:

- Giấc mộng ấy ứng về tương lai, liên hệ nhân sinh chứ không phải thần linh. Khi đạo đức, luân thường của xã hội không còn được duy trì thì thế hệ người già, bô lão không còn được tôn trọng nữa! Vào thời ấy, con cái không còn biết kính trọng cha mẹ hay nhạc phụ, nhạc mẫu của mình. Chính chúng làm ra tiền, ra bạc nên sẽ cai quản tài sản gia đình. Và nếu vui, chúng sẽ cho cha mẹ thức ăn, áo mặc; còn nếu không thích, do buồn bực, chúng sẽ hất hủi cha mẹ và chỉ cho ăn, cho uống một cách lấy lệ, cầm chừng. Và lúc ấy, lớp người già yếu cô độc, sống rất thiếu thốn, hoàn toàn lệ thuộc vào con cháu, lây lất qua ngày tùy theo ân huệ ban bố của cháu con mình giống như bò cái bú sữa bò con một cách tội nghiệp! Đây là hiện tượng báo triệu nhân luân suy đồi, con cháu bất hiếu chứ không liên hệ gì đến thần linh cả. Xin đại vương sáng suốt, anh minh để nhận ra sự thật ấy và tất thảy cử tọa thính chúng đồng suy ngẫm!

Đức Phật mỉm cười, nhẹ gật đầu. Đức vua cũng gật đầu,

áng chừng là đã thấu hiểu. Và rất đông cử tọa như đồng thuận lời giải đoán của tôn giả Sāriputta hơn.

Lần này thì đức vua kể giấc mộng thứ tư của mình:

- Trẫm thấy người ta buộc những con bò lực lưỡng vào một nơi, rồi đem cả đàn bò con buộc vào những cỗ xe lớn, bắt kéo xe. Thế là đàn bò con, do sức yếu nên xe không chuyển dịch được, cứ đứng yên như thế. Thật lạ đời. Các thầy chiêm tinh cũng bảo là điềm xấu, điềm dữ, phải lo cúng tế nhưng không cho trẫm biết lý do tại sao! Trẫm lo lắm!

Đây là lời giải của phe chiêm tinh gia:

- Cũng là điềm dữ, điềm xấu mà thần linh đã báo triệu cho đức vua. Thần linh nhắc nhở rằng, đức vua phải biết quý trọng, tôn trọng các lão thần đã có công với xã tắc từ thời tiên đế. Đấy đa phần là các bà-la-môn trọng thần hoặc hoàng gia quý tộc lão niên đảm nhận, duy trì các chức vụ trọng yếu thì giang sơn mới ổn định được, tâu đại vương! Còn nếu dùng các lớp trẻ, trẻ người non dạ, chưa trưởng thành, thiếu kinh nghiệm thì làm sao gánh nổi trọng trách quốc gia? Xin đại vương phải biết lễ tạ thần linh về sự báo triệu ấy! Đàn bò con mà bắt kéo xe, đàn bò mạnh mẽ lực lưỡng thì đem buộc vào một nơi, cho ngồi chơi xơi nước thì uổng phí nhân tài quốc gia không biết bao nhiêu mà kể!

Tôn giả Mahā Moggallāna gật đầu:

- Đúng! Tôi cũng giải đoán như thế. Nhưng đây là dự báo về những ông vua bất minh, vô học, không có giới hạnh trong tương lai. Do dục vọng, xan tham, ngu dốt không biết

tôn trọng, tin dùng những bậc hiền triết, những nhà thông thái, trí thức, học giả; những người am hiểu lịch sử, văn học, luật pháp cổ kim, những vị cố vấn đa mưu túc kế... để cùng lãnh đạo, cầm cán cân điều hành, có tâm, có tầm để làm cho dân giàu, nước mạnh. Các vị có đạo đức và trí tài này bị đức vua quản thúc, cột lại một đống, một chùm quăng vất một bên, không dùng nữa; vì họ hay nói ngay, nói thẳng, liêm khiết và chính trực; họ chỉ biết nghe lời phải, không biết nịnh bợ, cúi luồn, không chịu bán rẻ lương tâm vì quyền lợi vật chất! Đức vua chỉ sử dụng người nào giỏi ăn, khéo nói, biết quỳ gối, biết khom lưng; kẻ nào biết đem đến nguồn lợi, tạo tiện nghi cho ông ta hưởng thụ ngũ dục đến đỗi bóc lột dân đen cũng không sao. Thời này không còn nói đến công bằng và lẽ phải nữa. Trên pháp đình, những vị quan tòa béo nục, béo tròn, mặt đỏ gay, ai hối lộ cho y nhiều tiền thì thắng cuộc, trắng án; ai không biết luật của đồng tiền vàng thì ở tù rục xương, bị tử hình, bị đóng gông, khắc dấu lưu đày! Các vị quan mới, đa phần là trẻ, thiếu mọi kiến thức chuyên môn nhưng nhờ là con cháu trọc phú hoặc bọn chúng cùng ở một vây cánh, được cất nhắc đưa lên quan to! Vậy là đám người này, đủ mọi thành phần ngu dốt, thiếu đạo đức, vô học lại đảm nhận trách nhiệm lớn lao? Giềng mối quốc gia không nghiêng ngả, điên đảo, không rơi vào vực thẳm mới là chuyện lạ!

Tâu đại vương! Chuyện này chưa xảy ra ở đây. Hiện tại, đức vua không tin dùng một số lão thần và có tin dùng một số người trẻ tuổi thì chưa phải là điềm dở, điềm xấu mà ngược lại, là điềm tốt, điềm hay! Tại sao vậy, tại vì các vị

lão thần ấy đã suy kiệt năng lực, trí não đã lão suy, đạo đức đã giảm sút mà cứ mãi ăn trên ngồi trước, tự tại, tự thị trên đầu thiên hạ mà phán quyết, mà kể công! Hạng đại quan ấy cho nghỉ về vườn là đúng! Còn lớp trẻ, tuy trẻ thiệt, nhưng đã qua trường lớp đào tạo chính quy, thâu hái những kiến thức chuyên môn tại đại học Takkasilā nổi danh xưa nay thì tùy trí tài mà đặt đúng nơi đúng chỗ! Dùng họ là anh minh, sáng suốt. Đây chính mới là đàn bò thanh niên, sung sức, lực lưỡng nên để họ kéo xe! Phải biết thu dụng, khuyến khích và nâng đỡ hiền tài. Xin đại vương hãy yên tâm! Điềm báo triệu kia chỉ để dành cho những quốc gia suy đồi, băng hoại bất kể nơi đâu, khi đạo đức, lẽ phải, tình thương xuống cấp, và dục vọng, ngu si, dốt nát lên ngôi!

Tôn giả Mahā Moggallāna ngưng nói đã lâu mà mọi người không ai có ý kiến gì. Họ có vẻ suy nghĩ. Dầu sao, bên nào cũng đúng cả, chỉ có khác là phải cúng tế thần linh hay không cúng tế thần linh mà thôi. Mọi người thông qua.

Đức vua kể giấc mộng thứ năm:

- Trẫm mơ thấy một con ngựa hai bên có hai cái mồm. Rồi nó ăn cả hai mồm cùng một lúc?

Nhóm chiêm tinh giải đoán:

- Là điềm xấu, điềm dữ. Nếu không cúng tế thần linh với đầu và máu súc vật thì sau này, người ít mà súc vật nhiều, chúng sẽ ăn hết vật thực của mọi người, như con ngựa mà ăn cả hai mồm cùng một lúc vậy!

Tôn giả Sāriputta mỉm cười:

- Các quan chiêm tinh đã đi quá xa rồi. Đây chỉ là điềm báo triệu tương lai, khi ông vua bất minh, tham lam thì triều đình cũng tham lam, bất chánh. Những vị phán quan đáng lẽ ra phải cầm cán cân công lý cho công minh, phải chính trực và liêm khiết nhưng chúng vơ vét của hối lộ vào cái túi tham không đáy. Chúng tìm cách ăn cả hai bên, cả bên nguyên và bên bị như con ngựa có hai cái mồm cùng ăn một lúc vậy. Rõ ràng là như thế. Xin hội đồng sáng suốt phân định đúng sai!

Mọi người nghiêng về kiến giải của tôn giả.

Đức vua kể giấc mộng thứ sáu:

- Trẫm thấy có người cầm cái bát vàng quý báu đáng giá một trăm ngàn đồng tiền vàng Kahāpaṇā lại đưa ra mời một con chó rừng già nua tiểu tiện vào đấy! Điềm triệu gì mà quái gở quá sức?

Nhóm chiêm tinh:

- Vẫn là điềm dữ, điềm hung! Cái bát vàng quý giá là tượng trưng cho vận mệnh quốc gia và những giá trị thiêng liêng của đất nước. Vậy, vận mệnh quốc gia và những giá trị thiêng liêng ấy phải biết giao phó cho tập cấp quý phái, cao sang, thượng đẳng của xã hội thì mới tương xứng. Xin đại vương hãy thận trọng đừng sử dụng, cất nhắc những người không xứng đáng như con chó rừng già nua lại tiểu tiện nơi cái bát vàng, nếu không thần linh sẽ nổi giận!

Đến chỗ này, chợt nhiên đức vua cười ha hả, hào sảng:

- Được lắm! Các ngươi lúc nào cũng thần linh, thần

linh! Rồi còn nói cạnh khóe trẫm đã cất nhắc một số quan trẻ thuộc hai cấp dưới là phệ-xá và thủ-đà-la! Họ có trí tài lắm đấy! Họ không phải là kẻ hạ lưu! Họ không phải là chó rừng già nua!

Tôn giả Mahā Moggallāna cũng mỉm cười:

- Họ nói cũng có phần đúng, tâu đại vương! Và con chó rừng già nua kia có lẽ là những người già lão thiểu trí, liệt tuệ, thiếu đạo đức, thiếu tất thảy mọi khả năng để có thể điều hành, quản lý chuyện trọng đại của quốc gia! Tuy nhiên, đây chỉ là tiên tri thuộc về tương lai, nhưng đại vương nên để tâm ngay từ bây giờ cũng không muộn! Điều đáng nói nữa là, hạ lưu, hạ đẳng ở đây không ám chỉ giai cấp mà muốn nói đến sự thối đọa, xuống cấp của con người; kẻ thiếu nhân cách, kẻ đã đánh mất phẩm giá của mình, tâu đại vương!

Các vị quan chiêm tinh và một số lão thần đã tự xét mình nên xấu hổ cúi mặt. Đức vua biết nhưng cứ giả vờ không biết, kể tiếp giấc mộng thứ bảy:

- Trẫm thấy một người đang đan bện một sợi dây thừng. Sợi dây ngày một dài, được thả xuống đất, lượn ra sau chỗ ghế ngồi. Một con chó rừng, ốm giơ xương, ngồi chồm hổm bên sau, có vẻ do quá đói nên cứ hễ sợi dây thừng dài ra được khúc nào thì nó gặm ngay khúc ấy mà người đan bện chẳng hề hay biết. Thế là thế nào hở các quan chiêm tinh?

Đức vua hỏi hồi lâu mới có vị đứng dậy tâu:

- Chúng thần không dám đoán nữa, vì nếu có đoán, có

luận giải gì thì cũng không ra ngoài việc cúng tế thần linh và những kiến giải bảo vệ tập cấp và truyền thống tín ngưỡng cổ truyền. Điều này, chúng hạ thần không có lỗi; vả chăng, tất thảy đều phát xuất từ kinh điển Veda mà chúng hạ thần đã được học từ tấm bé!

Đức vua cười giòn:

- Ừ, nếu nói vậy thì tốt! Nói vậy chứng tỏ các khanh đúng là bậc thức giả! Sau khi trẫm học hiểu được chút ít giáo pháp của đức Thế Tôn, một giáo pháp có trọng tâm là hoàn thiện những phẩm tính cao đẹp của con người, trẫm không còn tin vào hệ thống, trật tự, quy định phẩm chất con người tùy thuộc các giai cấp nữa. Đâu phải cứ hai giai cấp trên là tốt, là hay, còn hai giai cấp dưới là xấu, là dở! Bằng chứng là chánh hậu của trẫm, tuy thuộc giai cấp thủ-đà-la, nhưng kẻ khó tính nhất, bảo hoàng hay xét nét nhất cũng phải công nhận tư cách, phẩm hạnh của nàng đúng là bậc mẫu nghi thiên hạ! Trẫm chán lắm rồi những quy định, những phạm trù, những ước lệ được xem như là thước đo, những chân lý có sẵn ấy!

Có những tiếng lời lao xao:

- Đúng là bậc minh quân!

- Những thấy biết, kiến giải ấy rất mới mẻ, đã đi ngoài truyền thống nhưng rất thuyết phục, tiến bộ!

Đức Phật bây giờ mới lên tiếng:

- Hay lắm! Đại vương và triều thần đều đã trực nhận được một phần tinh tủy giáo pháp của Như Lai! Một giáo

pháp không có thần linh, nói cách khác, không nô lệ thần quyền, mà trọng tâm là vì con người và cho con người; những thấy biết khổ đau, phiền não cùng sự tu tập làm sao để giải trừ, làm cho vắng mặt, tịch diệt những khổ đau và phiền não ấy! Mỗi người phải tự nắm vận mệnh, định mệnh mình mà lên đường; khổ hay lạc, sinh tử hay Niết-bàn đều nằm nơi tấm thân một trượng này cùng với cảm giác và tri giác này!

Đức vua khẽ cúi đầu:

- Tri ân đức Tôn Sư! *Rồi đức vua đưa mắt nhìn khắp triều cung, cất giọng dõng dạc* - Trẫm không cần các chiêm tinh gia đại thần đoán mộng nữa. Các vị nói như thế nào, đoán như thế nào thì chỉ có một quyển sách, và trẫm cũng đã tiên đoán được trong ấy nói gì, phán như thế nào! Trẫm chỉ cần nghe những lời khuyên, những chuyện sẽ xảy ra trong tương lai như thế nào để tự răn giữ mình. Bây giờ, xin nhị vị thượng thủ của giáo hội tiếp tục giải minh giấc mộng thứ bảy của đệ tử.

Hai vị tôn giả đồng thanh nói:

- Xin tuân mệnh đại vương!

Rồi tôn giả Sāriputta nói:

- Giấc mộng này sẽ trở thành hiện thực, một vị lai nào đó khi đức vua, bá quan bất chánh, xã tắc suy đồi, đổ nát; mọi giá trị tinh thần bị xem nhẹ, coi khinh thì con người sẽ sa đọa, xuống cấp, bản năng và thú tính lên ngôi, ai cũng tìm cách hưởng thọ ngũ dục. Cha mẹ chăm chỉ làm ra của

cải, tài sản thì con cái phá tán để ăn chơi phè phỡn, đàn đúm, cờ bạc, rượu chè! Chồng làm ra bạc tiền, lúa gạo thì bà vợ lăng loàn bớt xén để hú hí, ngoại tình với trai. Vợ đảm đang, đầu tắt mặt tối ruộng đồng, nương vườn, ao cá, trồng dâu nuôi tằm thì chồng phung phí với bạn bè, gái điếm, thanh lâu... Những công phu đan bện những sợi dây thừng bị con chó rừng núp bên sau ăn hết là ám chỉ người trong một gia đình ăn chặn, gặm khới chứ không phải người xa lạ, tâu đại vương!

- À, à! *Đức vua chợt nói* - Trẫm nhớ lầm, dường như là con chó cái thì phải!

- Nếu vậy thì ứng vào nữ nhân! *Tôn giả tiếp tục giải đoán* - Nữ nhân không còn biết việc tề gia nội trợ nữa, chỉ biết ăn chơi phóng đãng, đánh cắp tiền bạc của cải của cha mẹ hoặc của chồng con để chạy theo bọn đàn ông vô lại. Bọn nữ nhân này chỉ biết trang điểm vòng hoa, sáp thơm, xiêm y diêm dúa bòn rút sản nghiệp của những người chồng khốn khổ, tội nghiệp để du hí với tình nhân!

- Trẫm hiểu rồi! Còn bây giờ là giấc mộng thứ tám. Trẫm thấy chính giữa hoàng môn có một cái bình lớn, trang trí châu báu, cực quý, nước đầy tràn; còn xung quanh là những chiếc bình đất xấu xí, sứt mẻ, bên trong khô nước. Rồi từ khắp bốn hướng có bốn dòng người có đủ bốn thành phần giai cấp sát-đế-lỵ[1], bà-la-môn, phệ-xá, thủ-đà-la, liên tục đội những ghè nước đổ vào bình lớn, nước đã đầy tràn

[1] *Thời này sát-đế-lỵ đã đứng đầu 4 tập cấp.*

rồi nhưng họ cứ đổ hoài, đổ mãi! Chẳng ai thèm để ý những chiếc bình đất khô nước ở xung quanh! Ồ, thật là lạ lùng!

Tôn giả Mahā Moggallāna đáp:

- Chẳng lạ lùng gì cả, tâu đại vương! Chuyện đó sẽ xảy ra trong tương lai. Đây là thời đại của những vua chúa bất chánh, đa đâm dục, hư đốn, độc tài, độc quyền, độc trị, bắt cả bốn giai cấp trong xã hội cung phụng cho mình, cho hoàng gia, cho bầu đoàn thê thiếp, cung phi, mỹ nữ của mình. Dân chúng nai lưng ra làm việc. Họ quần quật cày bừa, đồng sâu đồng cạn, gieo lúa, trỉa hạt... đến khi thu hoạch phải nộp cho triều đình, đã đầy tràn thì đầy tràn thêm nữa, còn kho lẫm của họ thì trống trơn! Việc trồng mía làm đường, nấu mật, các loại hương hoa, cây trái khác cũng tương tợ vậy... phải nộp hết cho bọn thống trị, dân chúng không còn gì, đâu dám liếc mắt trông xem gia đình mình no đói ra sao!

Đức vua nhăn mày:

- Quả thật có loại vua chúa như vậy sao, thưa đại đức?

- Khi nhân tâm, đạo đức suy đồi thì con người còn độc ác và tồi tệ hơn cả sài lang, rắn rít, tâu đại vương!

Một hồi, đức vua kể lại giấc mộng thứ chín:

- Trẫm thấy một hồ nước sâu có bờ cao bao quanh, mọc đầy năm loại hoa sen. Lạ lùng là bốn phía bờ hồ, nước cạn, lại trong trẻo, các loài vật hai chân, bốn chân kéo xuống tha hồ uống nước, vọc nước, tắm rửa. Chính giữa hồ, nước sâu lại đục ngầu như quấy bùn; chẳng có con thú nào dại khờ ra đấy cả. Thế là sao, chư đại đức?

Tôn giả Sāriputta trả lời:

- Giấc mơ này trong tương lai sẽ trở thành hiện thực khi vua chúa vơ vét, bóc lột của dân cả bốn giai cấp tương tợ như giấc mộng trước. Không còn đạo lý, không còn công lý, chỉ có lẽ phải của tiền bạc cùng sự gian ác. Bọn này không có một chút xíu thương xót, yêu mến dân chúng; họ chà đạp bầy tôi như ép mía và đánh thuế đến độ dân chẳng còn một đồng xu dính túi. Vì không còn sống nổi nữa khi sưu thuế cứ mãi gánh nặng trên lưng; họ bỏ phố, bỏ thành, bỏ làng mạc, dắt díu nhau đến sống tại những miền biên địa rồi khai hoang lập ấp ở đấy. Thời gian sau, ở những nơi này trở thành những xóm làng sầm uất, dân cư đông đúc và đời sống ấm no. Chuyện này ứng hợp hiện tượng nước bốn bờ hồ trong vắt là nơi dân chúng vui vẻ sinh sống, còn giữa hồ đục ngầu là do kinh thành điêu tàn, đổ nát không còn dân cư ở đấy nữa!

Đức vua gật gật đầu, kể tiếp giấc mơ thứ mười:

- Trẫm thấy cơm sôi trong nồi nhưng mà sao trông nó lại lộn chộn, lạo chạo chứ không được khuấy đều. Khi bưng xuống bếp thì nồi cơm chia làm ba phần rõ rệt: Phần nhão nhoẹt, phần thì sống sượng, chỉ có một phần chín trông thật ngon lành! Điềm triệu gì mà lạ vậy, thưa đại đức!

Tôn giả Mahā Moggallāna đáp:

- Cũng tương tợ vậy, chúng sẽ trở thành hiện thực trong tương lai. Vua chúa bất công, các quan đại thần bất chính kéo theo các bà-la-môn gia chủ, trưởng giả, thị dân, nông

dân cũng thế, trở thành bất chánh cả. Kế đó là các vị thần linh mà chúng tôn thờ, tế lễ như thọ thần, sơn thần, hải thần, giang thần, địa thần cũng trở thành bất chánh luôn! Rồi thì những cơn gió thổi qua lãnh thổ của vị hôn quân bất chánh ấy sẽ trở thành những trận cuồng phong, điên đảo, hỗn loạn, làm rung chuyển các đền đài, cung điện trên thiên giới khiến Tứ đại thiên vương bực mình, chư thiên phẫn nộ làm cho thời tiết, khí hậu, mùa tiết chuyển đổi thất thường, mưa nắng bất trắc. Chỉ trong một vùng, một miền mà chỗ này thì nắng hạn, khô cháy đất đai, ruộng đồng, vườn tược, cây trái, hoa màu bị thiêu cháy, vàng úa; chỗ kia thì lũ lụt, úng thủy làm cho ngũ cốc bị ngâm trong làn nước bạc. Tuy nhiên vẫn có được một vài xóm làng hiền lương, đạo đức thì mưa thuận, gió hòa, dân chúng có cái ăn, cái mặc. Hiện tình đất nước có khác gì nồi cơm chia làm ba phần khác nhau như giấc mộng của bệ hạ đâu?

Đức vua đáp:

- Đúng là vậy! Nhưng mà trẫm thắc mắc, rằng là chư thiên mà cũng nổi giận hay sao?

- Không những chư thiên mà Đế Thích thiên chủ đôi khi cũng tham lam, nóng nảy, ganh tỵ kia mà! Họ chỉ là chúng sanh thôi, tâu đại vương! May nhờ có chút ít phước báu mà sinh thiên giới, nhưng họ cũng đầy rẫy tham sân si như con người vậy! Họ cũng thiên vị vì thương, thiên vị vì ghét mà sinh ra nhiều chuyện điên đảo, thị phi lắm chớ!

Đức vua kể giấc mộng thứ mười một:

- Trẫm thấy một người, hình dáng chẳng giống tăng, chẳng giống tục đã đem lấy gỗ chiên đàn trị giá cả trăm ngàn đồng tiền vàng để đổi lấy một muỗng bơ tươi để ăn, không dính răng. Sao có kẻ tham ăn ngu ngốc đến thế?

Tôn giả Sāriputta đáp:

- Điềm triệu này vừa ứng hợp với tình trạng đất nước suy đồi trong tương lai mà cũng ứng hợp lúc giáo pháp suy tàn. Bọn vua chúa đục khoét, hút máu mủ của dân chưa đủ; chúng còn cắt từng phần đất đai, lãnh thổ đem bán, đổi chác hoặc sang nhượng cho ngoại bang, cho bọn trọc phú cơ hội vừa ngoi lên để vinh thân phì gia, ăn chơi du hí, thỏa mãn ngũ dục thấp hèn! Đấy, đấy, có khác gì lấy gỗ trầm hương quý báu, đáng giá trăm ngàn đồng tiền vàng để đổi lấy một muỗng bơ tươi? Ôi! Cái đó, xem vậy mà chưa nguy hại khi đem so vào thời buổi chánh pháp suy tàn. Thời ấy, nhiều ông tỳ-khưu tham lam, không biết hổ thẹn tội lỗi, không biết ghê sợ tội lỗi sẽ xuất hiện nhiều như lá vàng mùa thu, chúng thuyết giảng giáo pháp chỉ với mục đích miếng cơm manh áo chứ không phải mục đích cao thượng! Chúng sẵn sàng từ bỏ chánh pháp, giáo hội để chạy theo bọn tà giáo, hàng ngũ của quỷ ma miễn là được no thân, ấm cật, rủng rỉnh bạc tiền, danh vọng, địa vị, lợi dưỡng! Chúng dùng đủ mọi lời lẽ hoa mỹ, dịu dàng, ngọt như đường mật, có vẻ trí thức, cao siêu để dụ dỗ quần chúng nhẹ dạ, cả tin. Chúng cúi đầu, khòm lưng để luồn lọt chỗ này, chỗ khác. Chúng ngồi ở đại lộ, góc đường, giảng đường, đền miếu to nhỏ. Chúng ton hót, nịnh bợ để được ghế ngồi cao, được nổi

tiếng. Giáo pháp cao quý, thiêng liêng, trong sạch, thánh hạnh, nhưng khi mà chúng thuyết giảng thì mục đích lại bốc mùi hạ liệt, hơi đồng, hơi bạc, hơi vàng, thực phẩm thượng vị, y phục đắt tiền thì có khác gì đem đổi chiên đàn hương để lấy một muỗng bơ tươi? Thế đấy, cái con người ấy trông chẳng giống tăng, chẳng giống tục là vì vậy, có lẽ giống Ngạ quỷ, có phải vậy không đại vương?

Đức vua nói:

- Trẫm hiểu rồi! Hiểu rất thấm thía nữa là đằng khác. Bây giờ trẫm lại kể thêm giấc mộng thứ mười hai. Nó như thế này: Trẫm thấy dây bầu, dây bí rỗng ruột mà sao chúng lại chìm xuống nước, chìm sâu trong nước?

Tôn giả Mahā Moggallāna trả lời:

- Đây cũng là báo triệu thuộc thời vị lai. Sẽ có thời mà thế giới điên đảo, trí ngu điên đảo; bọn vua chúa do tham ác và ngu si nên không tin dùng giới trí thức nữa mà chỉ ưu đãi bọn hạ đẳng, bọn vô học có cái tài bẻm mép môi lưỡi và biết cúi luồn, nịnh bợ. Tại triều đình, cung môn, pháp tòa, các trấn thành, những chức vụ trọng yếu, quyền cao, bổng lớn đều là của bọn hạ đẳng, là nơi thao túng của bọn bụng to nhưng rỗng óc này. Đấy, chúng là những dây bí dây bầu rỗng ruột mà có sức nặng ghê gớm có thể khuynh loát cả tổ quốc, giang san! Trong hội chúng tỳ-khưu cũng thế! Nơi các cuộc đàm luận, hội thảo lớn nhỏ, trong việc cúng dường thực phẩm, y phục, sàng tọa, dược liệu; kể cả việc xây cất chùa tháp... ở đâu cũng là ý kiến quyết định của bọn tỳ-khưu ác dục, vô trí, vô giới, còn ý kiến của các vị có giới

hạnh, thiểu dục, tri túc thì không còn được ai xem trọng nữa. Đấy cũng là hiện tượng suy đồi chung, tâu đại vương!

Đức vua kể giấc mộng thứ mười ba:

- Trẫm thấy những tảng đá to lớn bằng cả ngôi nhà nhưng lại nổi bồng bềnh trên nước, từ đoạn sông này sang sông khúc kia như thuyền bè không khác?

Tôn giả Sāriputta đáp:

- Cũng tương tợ như trên, tâu đại vương! Những tảng đá lớn, nặng ấy tượng trưng cho giới có học, là tri thức của xã hội; họ bị coi khinh, xem nhẹ nên chúng nổi lềnh bềnh nơi này và nơi khác như bèo dạt hoa trôi thấy mà xót thương! Trong hội chúng tỳ-khưu cũng thế! Lời của các bậc tôn trưởng, các bậc tối thắng về giới, định và tuệ đối với bọn ác tăng đâu có nghĩa lý gì, chỉ như những tảng đá nổi lềnh phềnh, trôi dạt nơi này đến nơi khác. Quần chúng chỉ biết nghe theo bọn tà hạnh, bất chánh, ác dục ấy nên đời sống tinh thần của xã hội đã đen tối lại càng đen tối hơn! Nhưng biết làm sao được, có lúc, trên thế gian này, khi chánh pháp suy đồi, các giá trị thượng đẳng, thanh cao, thù diệu được thay thế bởi các giá trị hạ đẳng, thấp hèn, tối tăm thì những cái gì thiêng liêng, cao khiết nhất cũng trở nên nhẹ phều, không trọng lượng, phải lang thang, bập bềnh, trôi dạt tại các sông cái, sông con nơi trần thế; không còn ai tin dùng và sống theo những giá trị ấy nữa! Chúng xưa rồi, cũ rồi, lạc hậu rồi! Đến lúc này thì không những bậc trí thở dài, các nhà đạo đức cay mắt mà cát đá vô tình cũng phải thở dài, cũng cay mắt, tâu đại vương!

- Hay lắm! Đại đức ví von hay lắm! Trẫm thấm thía tận ruột gan! Cảm ân đại đức lắm lắm! Còn bây giờ là giấc mộng thứ mười bốn. Trẫm thấy những con nhái bén cỡ bằng mấy cánh hoa nhỏ tí tẹo lại nhanh nhẹn săn bắt những con rắn khổng lồ, cắn đứt chúng ra từng khúc như các ngó sen rồi nhai nuốt ngấu nghiến, chốc lát là sạch trơn. Việc gì sẽ xảy ra từ cái điềm triệu kỳ quặc ấy, thưa đại đức?

Tôn giả Mahā Moggallāna mỉm cười:

- Những con nhái bén nhỏ tí tẹo ấy chính là những cô gái trẻ, đẹp, non tơ, xinh xắn; chúng đã bắt hồn, đã hớp hồn những ông lớn trong xã hội từ vua chúa, các quan đại thần, các vị tổng trấn, các đại triệu phú, các đại danh gia, doanh gia, các đại gia chủ bà-la-môn, các giáo chủ và các đại giáo chủ, các vị trụ trì, các vị phó trụ trì, chức sắc lãnh đạo giáo hội lớn, giáo hội nhỏ... đấy, tâu đại vương! Khi mà dục vọng hưởng thụ lên ngôi chúa tể thì tửu sắc chính là chiếc mồ chôn biết bao trang nam nhi hảo hán trên đời. Những hầu non, thiếp non, bê non, gái non ấy, với thân xác nõn nà, nụ cười lả lơi, khóe mắt đong đưa, mùi hương quyến rũ, ăn mặc gợi tình... đã làm cho thế gian điên đảo, thành trì nghiêng ngả, tôn miếu, xã tắc điêu linh, họ đã cắt khúc danh dự, địa vị, quyền lực, bạc tiền, sự nghiệp của nam nhân, thanh niên, trung niên, lão niên mà nhai nuốt ngấu nghiến thì có lạ gì đâu? Đây là thời suy đồi, ngũ dục được tôn vinh, và cái của nợ của đàn ông, đàn bà được tôn thờ trên các đền miếu, thánh miếu! Thế gian lúc ấy chỉ còn biết nô lệ vào đám con gái trẻ măng; quỳ gối, hầu hạ và tôn xưng chúng là nữ vương khoái lạc! Đến lúc này lại bắt đầu xuất hiện thêm

những tôn giáo, tín ngưỡng lấy chuyện bí quyết phòng the, dâm dục nam nữ để mà tu tập, mà hành trì cho đến nơi giác ngộ, giải thoát đấy, tâu đại vương!

- Thật là kinh khiếp! *Đức vua nói* - Nữ nhân phước mỏng, nghiệp dày nhưng tham vọng, dục vọng có người còn mãnh liệt hơn cả đàn ông! Phải có biện pháp chế tài mới được!

- Luật Manu đã chế tài, đã giới hạn trí thức, quyền lợi cũng như các chức năng của họ trong xã hội, tâu đại vương!

- Nhưng cái luật ấy, đem áp dụng lâu ngày thì lại biến nữ nhân thành một loại nô lệ mới, trở thành bất bình đẳng một cách oan nghiệt!

Tôn giả cất giọng điềm đạm:

- Phải gỡ thoát cho họ, chút ít, từ từ như đức Tôn Sư đã từng chế tài ni giới trong bát kỉnh pháp, nhưng phải tôn trọng họ để họ phát triển mọi khả năng có thể. Tuy nhiên, chỉ một thời gian tồn tại nào đó thôi, đến lúc ni chúng họ xé bỏ bát kỉnh pháp, họ đòi bình đẳng, ngang hàng với tỳ-khưu tăng, đôi khi họ còn lãnh đạo và sai bảo tỳ-khưu tăng; còn cả gan truyền thụ giới pháp cụ túc cho tỳ-khưu tăng nữa[1]. Lúc ấy thì chánh pháp đã suy tàn, chiếc y cà-sa chỉ còn là một mảnh vải vàng vắt qua lỗ tai mà thôi!

Đức vua thở dài.

Tôn giả nói tiếp:

---

[1] *Chuyện này đã có xảy ra tại Tây phương mấy năm về trước.*

- Chánh pháp mà cũng còn thành, trụ, hoại, vong - huống hồ gì phi pháp, huống hồ gì là những chế định của thế gian pháp, tâu đại vương! Hãy kể lại giấc mộng thứ mười lăm đi thôi, đại vương!

- Vâng, vâng! *Đức vua kể tiếp* - Trẫm thấy một con quạ đồng quê đầy đủ mười ác hạnh, lại được một đoàn tùy tùng gồm toàn chim quý hộ tống, đó là loài chim có lông màu vàng ánh được gọi là kim nga vương giả theo hầu hai bên! Điềm gì lạ vậy, đại đức?

Đến phiên tôn giả Sāriputta[1]:

- Cũng dễ hiểu thôi, đại vương! Sẽ có thời đảo lộn quyền lực, tập cấp, địa vị trên thế gian này. Những người thuộc giai cấp dưới đáy xã hội như thủ-đà-la, chiên-đà-la bị bóc lột, áp bức lâu ngày tức nước vỡ bờ, họ vùng dậy với đao gươm, giáo mác, cung tên, búa rìu... để lật đổ những tên bạo chúa... rồi lên ngôi, cai trị đất nước. Bọn này đa phần thất học, ngu si, nghiệp dày nên tham ác, bất chánh... tương tợ như con quạ đồng quê với mười ác hạnh không khác. Giới cấp mới này cùng tập cấp với vua chúa mới... như cày ruộng, thợ săn, hớt tóc, thợ gốm, thợ làm cung tên, thợ xây, thợ hồ... nắm mọi chức vụ, quyền hành nên tha hồ tham nhũng, vơ vét của công để thành những chủ nhân ông mới, trưởng giả mới, trọc phú mới. Thế rồi, thành phần trí thức, có học trong xã hội, ban đầu thì bất cộng tác, muốn giữ gìn sự trong sạch

---

(1) Trích Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt quyển 2, trang 404 cùng soạn giả.

cho mình nên không chịu thò chân vào vũng nước đục. Sau, do miếng cơm, manh áo, do gia đình đói khổ, túng quẫn quá họ đành phải theo hầu, làm thuộc hạ giai cấp mới. Và đây chính là hình ảnh loài kim nga vương giả phải theo làm tùy tùng con quạ đồng quê có mười ác hạnh đấy, tâu đại vương!

- Thật là tội nghiệp! *Đức vua thở dài, tâm sự* - Trẫm du học đại học Takkasilā bảy năm, thuộc thành phần sinh viên ưu tú, thâu hái được chút ít kiến thức, hiểu biết để cai trị đất nước. Thế nhưng, đôi khi còn tự thẹn, tự giận sở học không tới nơi tới chốn! Thế mà, ở đây, bọn không biết chữ, thất học lại lên nắm quyền lãnh đạo... đúng là đại họa cho nhân gian rồi!

Tôn giả Sāriputta lại mỉm cười:

- Đấy cũng là định luật của thế gian pháp, đại vương! Bọn vua chúa thất học kia, một thời gian sau thấy rõ cái bất tài của mình nên họ sẽ tìm cách chiêu mộ người tài, kẻ có học vào các chức vụ như phụ tá, tham mưu, cố vấn... Chưa thôi, họ còn cho con cháu đi học tại Takkasilā hoặc thuê mướn các bà-la-môn thông thái, uyên bác để dạy dỗ cháu con mình. Rồi, thế hệ tiếp nối cai trị đều là dòng dõi, huyết thống của họ; lại trở thành hoàng gia mới, quý tộc mới... rồi họ lại bóc lột, áp bức giai cấp thủ-đà-la mới, chiên-đà-la mới! Thế gian vốn vậy, vốn loanh quanh luẩn quẩn vậy, tâu đại vương!

Đức vua kể tiếp giấc mộng thứ mười sáu:

- Xưa nay, hổ báo săn bắt sơn dương; nhưng ở đây trẫm thấy sơn dương lại săn bắt hổ báo rồi xé xác ăn rau ráu! Còn nữa, bầy chó sói vừa thoáng thấy bóng đàn dê từ xa liền

hoảng hốt bỏ chạy, trốn mình trong các lùm bụi. Đây cũng là điềm triệu thế gian điên đảo, phải vậy không, đại đức?

- Đúng vậy! *Tôn giả Mahā Moggallāna gật đầu* - Đấy là thời mà bọn hạ đẳng được nắm quyền cao chức trọng, được nhiều quyền lợi, ân sủng của vua chúa trong lúc đám quý tộc, trí thức lại rơi vào cảnh bần cùng, tối tăm. Vì có nhiều thế lực trong chốn công quyền và tại pháp đình nên bọn hạ đẳng này tìm cách tước đoạt quyền tư hữu đất đai, nhà cửa, tài sản do tổ tiên để lại của tầng lớp quý tộc, trí thức kia. Khi họ cố bênh vực quyền lợi tư hữu chính đáng của mình trước tòa án với lời lẽ cứng rắn, đanh thép mà sự hợp lý của nó, tượng đá cũng phải gật đầu. Tuy nhiên, ở đây không còn là lẽ phải của công lý mà là lẽ phải của quyền lực và cơ bắp! Đám bộ hạ, tùy tùng của các quan dẫn họ vào phòng kín, lấy gậy gộc đánh đập, nắm cổ quăng vào góc tường, chửi rủa thô bỉ, quát mồm hăm dọa: *"Liệu thần hồn đấy, bọn quý tộc, trí thức ngu si kia! Sao? Các ngươi muốn tranh giành với chúng tao ư? Đừng có hỗn láo mà trổ tài lý sự! Nếu không ngoan ngoãn hiến cúng đất đai, tài sản, nhà cửa thì chúng ông sẽ tuần tự hãm hiếp vợ, hãm hiếp con rồi chặt chân tay, thân hình các ngươi ra từng khúc, từng khúc rồi quăng cho chó ăn! Cứ vác đơn lên ông trời mà kiện vì tại thế gian, luật pháp đã nằm trong tay chúng ông rồi!"* Kinh khủng bởi đòn tra tấn và sự hăm dọa dã man ấy, bọn người quý tộc, trí thức kia bèn tự nguyện dâng cúng hết tất thảy mọi tư hữu cho các quan hầu kiếm kế an thân! Tuy nhiên, như chim thoáng thấy bóng cây cung đã sợ hãi; cũng vậy, vừa thoáng thấy bóng bọn thống trị mới, đám quý tộc, trí thức đã chạy núp trốn

nơi này và nơi khác. Đây chính là hình ảnh ngược đời: Sơn dương săn bắt hổ báo, nhai ăn rau ráu và chó sói thoáng thấy dê từ đằng xa đã chạy ẩn vào các lùm bụi!

- Kinh khủng!

- Đúng vậy, quả là kinh khủng! Hiện tình chánh pháp mai sau cũng tương tợ vậy, đại vương! Bọn ác tỳ-khưu đầy rẫy ở cung đình, giảng đường, chùa viện, ở phố, ở thành, thị trấn và làng mạc; và chúng tha hồ khủng bố, hăm dọa, nói lời thô bỉ đối với các bậc tỳ-khưu hiền thiện, chơn chánh... Cho đến khi, các ngài cảm nhận được rằng, tà giáo đã lên ngôi, chánh pháp đã suy tàn, ác tỳ-khưu mọc lên như nấm sau cơn mưa, muốn bảo vệ mình, bảo vệ chánh pháp, buộc họ phải trốn vào động vắng, hang sâu, rừng rậm...

Mười sáu giấc mộng đã giải đoán xong. Cả hội trường, cử tọa thính chúng bàn tán nho nhỏ với nhau, có lao xao chút ít rồi trở lại yên lặng.

Đức vua cất giọng đầy cảm khái:

- Cảm ân nhị vị tôn giả đại đức đã khai tâm, đã mở mắt cho trẫm nhìn thấy rõ hầu như toàn bộ viễn cảnh tương lai khi đạo đức và lẽ phải suy đồi, kéo theo sự suy đồi của con người và xã hội! Vậy thì, trách nhiệm của một vị vua lớn lắm, cao cả lắm mà cũng nặng nề lắm! Vận mệnh của đất nước, sự vui khổ của muôn dân tùy thuộc đạo đức, giới hạnh bản thân của vị vua ấy cùng cán cân nghiêm minh của công lý. Thiếu một trong hai, không được; nghiêng lệch bên này, bên kia, không được! Toàn thể triều đình, các quan hãy

ghi nhớ lời tâm huyết của trẫm hôm nay!

Đức vua quay qua đức Phật, chấp tay xá thay cho cung cách đảnh lễ của một đệ tử đối với vị chân sư, mở lời đầy thành khẩn và trân trọng:

- Đây quả là bài học vô giá, xin được thay mặt toàn thể quốc độ Kosala, đệ tử xin tri ân đức Tôn Sư và hai vị tôn giả Đại đệ tử khả kính!

Sau mấy ngày đức vua Pāsenadi (Ba-tư-nặc) quy giáo đức Phật; và sau câu chuyện mười sáu giấc mộng của đức vua đã được hai vị Đại đệ tử thay nhau giải đoán thì các quan đại thần, quý tộc, danh gia và khá đông thành phần trí thức trong xã hội tìm đến Jetavana để tìm hiểu giáo pháp lạ lùng vừa xuất hiện trên thế gian!

Bài Học: Thương Nhiều Khổ Nhiều

Tỳ-khưu Rāhula, con trai của đức Phật Niết-bàn lúc hai mươi mốt tuổi và những chuyện xảy ra tại đại giảng đường tịnh xá Kỳ viên hôm đó không mấy chốc trở thành câu chuyện bàn tán của nhiều người với những ý nghĩ khác nhau, nhận định khác nhau mà cảm xúc cũng khác nhau. Rồi chúng đọng lại nơi mấy câu hỏi sau đây: Rāhula chết trẻ quá là vì sao? Tại sao đức Phật lại có vẻ tự tại, an nhiên như thế được? Với tình cảm của mẹ và con, vậy trưởng lão ni Yasodharā không biết có sầu buồn chăng? Trạng thái tâm lý của trưởng lão ni Gotamī ra sao?

Hôm kia, đứa con trai một của một gia chủ mệnh chung, người cha đau khổ quá, không ăn, không uống, bỏ công bỏ việc, ngày ngày đi đến nghĩa địa thiêu xác khóc lóc, thở than: *"Con ở đâu, con ơi! Con ở đâu, đứa con một thương yêu của tôi?"*

Có một người bạn tốt bụng, mách bảo rằng:

- Nghe sa-môn Gotama có một đứa con trai năm nay hai mươi mốt tuổi vừa mới mất. Vậy ông thử đi yết kiến đức Thế Tôn xem thử ngài có đau khổ, tiếc thương, sầu muộn như ông không?

Nghe lời, đến tịnh xá Kỳ viên, người gia chủ được gặp đức Phật; chào hỏi lấy lệ, ngồi xuống một bên, ông nói:

- Sa-môn Gotama có một người con trai vừa mới mất, sao tôi thấy ngài bình thản và tự tại quá vậy?

Đức Phật mỉm cười:

- Vì thấy rõ các pháp hữu vi là vô thường nên Như Lai an nhiên, tự tại trước cảnh người đi, kẻ ở, sự sống, sự chết tự nhiên của tất cả chúng sanh; còn ông thì thân thể tiều tụy, sắc mặt xanh xao, có vẻ như ông đang sầu não quá lắm, có phải thế không, này gia chủ?

- Thưa sa-môn Gotama! Tôi không sầu não sao được khi đứa con trai thương yêu nhất của tôi đã mất. Nó chết đi là nó lấy luôn trái tim của tôi, niềm ước mơ của tôi và cả sự sống của tôi nữa!

Đức Thế Tôn gật đầu:

- Phải rồi! Tình cảm đời thường là như vậy đó! Thương yêu[1] sinh đau khổ, thương yêu sinh sầu não!

Người gia chủ lắc đầu:

- Không! Với ai thì tôi không biết! Nhưng đối với tôi, với đứa con trai của tôi thì có thương yêu tôi mới có được niềm vui và hạnh phúc trên cuộc đời này!

Đức Phật lặp lại:

- Đây là sự thật: Thương yêu là nguồn gốc của sầu bi, ưu não, thống khổ trên cuộc đời, này gia chủ!

Không vừa lòng, không hoan hỷ câu trả lời của đức Phật, người gia chủ run rẩy bước chân, chống gậy bỏ đi; ông lang thang nơi các hè phố rồi ngồi ké xuống bên một đám đánh bạc đang đổ xúc xắc.

Người gia chủ nắm tay một người:

- Xin lỗi ông bạn, cho tôi hỏi một câu: Có phải có thương yêu mới có niềm vui và hạnh phúc không?

- Đúng vậy, ông bạn!

Người gia chủ kể lại chuyện của mình rồi kết luận:

- Thế mà sa-môn Gotama lại bảo là *"thương yêu sinh đau khổ, thương yêu sinh sầu não!"*

Đám đánh bạc nhất loạt cười vỡ ra, phụ họa:

- Ông sa-môn Gotama nói thế là sai rồi!

---

[1] Từ kinh Ái Sanh - Piyajātika sutta (Kinh 87 - Trường Bộ kinh).

- Có yêu thương mới có cuộc đời này!

- Đúng thế! Đúng thế! Bởi vậy nên chúng tôi mới thương yêu hai bà vợ, ba bà vợ và con cái thì cả bầy, cả đàn đông vui như họp chợ!

Người gia chủ hài lòng, đứng dậy, tự nghĩ: "*Ít ra là giữa đám đánh bạc này và ta cũng có chung một tri kiến, một quan điểm! Ông sa-môn Gotama đã sai lầm, do sai lầm nên con trai của ông ta mất mà sắc mặt, thái độ, cử chỉ của ông ta vẫn điềm nhiên như thị!*" Thế là vừa khóc lóc, vừa thở than, vừa đi chỗ này chỗ khác, người gia chủ vừa chê sa-môn Gotama có tri kiến sai lầm về yêu thương!

Không mấy chốc, câu chuyện ấy được đồn thổi khắp mọi nơi, truyền vào cung điện.

Đức vua Pāsenadi nói chuyện với hoàng hậu Mallikā:

- Này hậu! Ta nghe mọi người trong triều bàn tán là sa-môn Gotama có nói rằng: Thương yêu là cội nguồn của đau khổ và sầu não! Hậu nghĩ thế nào về câu nói lạ lùng ấy!

- Nếu đức Thế Tôn đã nói như vậy thì sự thật chắc phải đúng như vậy, tâu đại vương!

- Coi kìa! *Đức vua chế nhạo* - Thầy hát thì trò khen hay! Bạn diễn thì bầu vỗ tay! Đạo sư nói sao thì đệ tử hoan hỷ tán đồng một cách vô thức như thế! Nàng phải biết suy nghĩ, phải có chính kiến riêng của mình chứ?

Hoàng hậu Mallikā là một nữ thánh đệ tử, bà vốn có khả năng biết nhẫn nhịn, biết im lặng đúng lúc đúng thời

khi chưa rõ đầu đuôi, thực hư câu chuyện. Hôm sau, hoàng hậu nhờ một viên quan nội thị bà-la-môn trẻ tuổi, học thức, thân tín, nhân danh bà đến Kỳ viên đảnh lễ đức Phật và hỏi lại câu chuyện về ái luyến, về thương yêu phát sanh đau khổ, sầu não như thế nào! Và căn dặn ông ta phải ghi nhớ cho thật kỹ, không được bỏ sót tất cả những lập ngôn, đoản ngôn, ví dụ hoặc những giải thích, giải nghĩa về điều ấy của đức Đạo Sư, rồi thuật lại cho bà nghe.

Và đức Thế Tôn đã giảng thuyết về điều đó như sau:

"- Này bà-la-môn trẻ tuổi! Như Lai quả có nói tóm tắt như vậy: Thương yêu sinh đau khổ, thương yêu sinh sầu não! Và đấy đúng là chân lý, là sự thật trên đời này! Chuyện xảy ra không chỉ với con trai người gia chủ vừa mới mất mà xảy ra cho tất thảy mọi người. Một cô con gái mất mẹ. Một cậu con trai mất cha. Một người vợ mất chồng. Một người chồng mất vợ. Một người em mất anh. Một bé gái mất chị.... Nếu là càng thương yêu chừng nào thì lại càng sầu bi, ưu não chừng đó. Ai cũng khóc lóc, kêu gào than trời trách đất, đập tay, đập đầu như điên như cuồng...

Còn nữa, này bà-la-môn! Nếu là thương yêu, nhưng thương yêu gái và trai, nam và nữ trong tuổi thanh xuân thì có thể cường độ khổ đau và sầu não càng kinh khiếp hơn nữa. Tại kinh thành Sāvatthi này, không biết xảy ra bao nhiêu vụ, nam nữ thương yêu nhau, không lấy được nhau nên họ đã rủ nhau uống thuốc độc, đâm cổ nhau, nhảy sông tự vẫn! Họ nghĩ rằng, chỉ có vậy, chỉ có cái chết thì kiếp sau họ mới gặp được nhau nên vợ nên chồng!

Này bà-la-môn! Vậy đây là một pháp môn, một sự thật, một chân lý cần phải thấy rõ như thật: Dục ái, hỷ ái, tham ái, luyến ái... tất cả đều là ái; ái ấy đưa đến khổ đau, sầu muộn, thất vọng và tuyệt vọng... ngàn năm trước, ngàn năm sau cũng y như vậy!"

Sau khi nắm bắt trọn vẹn ngữ nghĩa đức Thế Tôn đã giáo giới do vị quan bà-la-môn trẻ tuổi thuật lại, hoàng hậu Mallikā lựa dịp thuận tiện nói chuyện với đức vua Pāsenadi:

- Ngày nào đại vương cũng ẵm bồng bé Vajirī[1], chắc đại vương thương yêu tiểu công chúa lắm nhỉ?

- Nhất định vậy rồi! Là cục cưng của ta đó!

- Thiếp cũng vậy! Mỗi ngày không nhìn được tiểu công chúa, thiếp ăn không được, ngủ không được!

- Ừ, ta cũng như vậy đó!

- Đại tướng quân Bandhula[2], tri âm, tri kỷ của đại vương, đại vương cũng đã dành cho ông ta sự thương yêu rất đặc biệt?

- Đúng vậy, không sai!

- Thế còn thiếp? Thiếp có nằm trong danh sách tình cảm thương yêu của đại vương như thế chăng?

---

[1] Còn có tên là Vajirī, Vajirā, Vajirakummārī - sau này, đức vua gã cho cháu mình là vua A Xà Thế.

[2] Chuyện của vị tướng quân này kể sau, ông ta có bà vợ trùng tên với hoàng hậu Mallikā.

- Có chứ! Hơn tất thảy những sự thương yêu kia là khác! Nàng là trái tim, là hơi thở của ta đó!

- Còn dân chúng Kosala và Kāsi[1] thì sao? Đại vương có thương yêu họ không?

- Có chứ! Ta cũng thương yêu họ lắm!

Hoàng hậu tủm tỉm cười:

- Đúng là sự thương yêu của một đức vua vĩ đại có trái tim vĩ đại! Nhưng nói dại, lỡ có chuyện gì bất trắc, nguy hại xảy ra cho tiểu công chúa; bất trắc, nguy hại xảy ra cho đại tướng quân Bandhula; bất trắc nguy hại xảy ra cho thiếp; bất trắc, nguy hại xảy ra cho hai nước Kosala và Kāsi... thì chắc đại vương sầu bi, ưu não lắm!

- Ừ, chắc ta không sống nổi!

Đến đây, hoàng hậu Mallikā bây giờ mới kết luận, tuy ngôn ngữ dịu dàng mà như lưỡi gươm báu chạm khắc vào đá cứng sự thực về chân lý ấy :

- Chính vì vậy, chính liên hệ những sự tình như vậy, sự thật như vậy mà đức Thế Tôn, bậc trí giả, bậc kiến giả, bậc lợi tuệ, bậc đại tuệ, bậc đại A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã tuyên bố sự thật ngàn đời: *Thương yêu sinh đau khổ, thương yêu sinh sầu não đó, tâu đại vương!*

Đức vua Pāsenadi nghe người lạnh ngắt, bàng hoàng,

---

[1] Nước này có kinh thành Bārāṇasī - là thuộc quốc, là chư hầu của nước Kosala.

thảng thốt khi thấy rõ sự thật, ông lắp bắp:

- Cảm ơn hậu! Xin vô cùng cảm ơn hậu! Đấy là sự thật muôn đời không thể chối cãi, thế mà ta dám mạo phạm chế nhạo nàng, tất là ta đã nói xấu đức Tôn Sư, bậc thầy vô thượng của chúng ta...

Nói thế xong, đức vua Pāsenadi lật đật sai nội thị lấy vương bào, mũ miện, thiết lập một bàn thờ trầm hương, đèn sáng, đặt theo hướng chùa Kỳ viên. Đâu đấy đã xong, đức vua đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, chắp tay vái đức Phật rồi thốt lên ba lần cảm hứng tôn kính sau đây: *"Đệ tử xin đảnh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác! Đảnh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác! Đảnh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác!"*[1]

Bài Học: Thương Yêu Bản Thân Ta Nhất

Hôm sau đó, đức vua Pāsenadi tự nghĩ: *"Cái đẹp của hoàng hậu Mallikā tuy không phải sắc nước hương trời gì, cũng chẳng phải lộng lẫy, kiêu sa như các hoàng phi; nhưng đức tính mềm mỏng, hiền hòa, đôn hậu ở nơi nàng thì không ai sánh bằng. Ta thương yêu nàng là ở chỗ đó; và ta đã ban cho nàng châu báu, quyền lực, kể cả xen bàn việc nước. Bây giờ, từ khi gặp được giáo pháp của đức Tôn Sư, cái đẹp nữ tính kia dường như lại càng đằm thắm, dịu dàng, kín đáo hơn thế nữa! Ôi! Ta thương yêu nàng xiết bao! Dẫu*

[1] *Câu này chính là nghĩa của câu: "Namo tassa Bhagavato, Arahato, Sammāsambuddhassa".*

biết càng thương yêu thì càng đau khổ, sầu não nhưng ta không thể xa nàng được, dầu một ngày!" Không giấu được cảm xúc, hôm kia, đức vua thổ lộ điều ấy với hoàng hậu, đắm đuối nhìn bà rồi ân cần nói:

- Ta thương yêu nàng như vậy nhưng không biết nàng thương yêu ta có như thế không?

- Dĩ nhiên là vậy rồi, tâu đại vương!

- Suy đi gẫm lại, trong những kẻ ta thương yêu thì nàng là người ta thương yêu nhất! Còn nàng thì sao? Ta có được nàng thương yêu nhất như thế chăng?

"Câu này đụng đến giáo pháp", hoàng hậu Mallikā suy nghĩ cực nhanh rồi khôn khéo đáp:

- Thiếp thương yêu đại vương là điều chắc thật; và trên đời này, không có bất kỳ sự thương yêu nào, đối với người thứ hai, kể cả con cái, khả dĩ so sánh được. Tuy nhiên, nếu nói là thương yêu nhất thì điều đó nên xét lại cho chu đáo, cặn kẽ hơn... tâu đại vương!

Đức vua nhíu mày:

- Tại sao?

- Vì đức Thế Tôn có dạy trong một thời pháp rằng: *"Trên thế gian, ai ai cũng thương yêu bản thân mình hơn tất thảy người khác, chúng sanh khác!"*

Đức vua nhíu mày một lượt nữa:

- Thế là hậu thương yêu nhất là bản thân mình chứ không

phải ta là người mà hậu thương yêu nhất?

Hoàng hậu Mallikā mỉm cười:

- Trước khi trả lời câu hỏi này, đại vương cho phép thiếp hỏi vài câu được chăng?

- Nàng cứ hỏi!

- Tại vì sao mà đại vương lại thương yêu đại tướng quân Bandhula?

- À, việc ấy thì ta sẽ kể lại chuyện xưa. Thuở ấy, cùng học tại trường đại học ở Takkasilā, ta có hai người bạn thân. Một, đó là Bandhula, thái tử dòng tộc Malla, thành phố Kusinārā; hai, Mahāli, thái tử thuộc dòng tộc Licchavi, kinh thành Vesāli! Cả ba chúng ta đều học hành thông đạt, thay nhau đứng đầu lớp. Về nước, ta lên ngôi vua; thái tử Mahāli do biểu diễn võ nghệ bị mù mắt nên chỉ nhận một chức quan khiêm tốn. Thái tử Bandhula do bất mãn dòng tộc nên mang cả gia đình đến đây ở với ta, ta phong cho y chức đại nguyên soái thống lãnh ba quân[1]. Y rất giỏi, giỏi nhiều lãnh vực, riêng văn võ thì song toàn, chỉ có y ta mới tâm sự được chuyện này chuyện kia trong triều, ngoài nội. Có y làm đại tướng quân thì chẳng có ông vua nào dám cả gan vuốt râu hùm, manh tâm dòm ngó biên cương, lãnh thổ; nhờ vậy ta rất yên tâm, gối cao nằm ngủ... Một con người như thế ta không thương yêu làm sao được!

Hoàng hậu mỉm cười:

---

[1] *Mã binh, tượng binh, bộ binh.*

- Rất chí lý! Đại vương thương yêu vị tướng quân ấy là vì y đang cầm gươm thiêng bảo vệ sơn hà xã tắc cho đại vương?

- Đúng vậy!

- Còn muôn dân Kosala và Kāsi, đại vương thương yêu họ là vì sao?

- Vì nhờ muôn dân Kosala cung cấp lúa gạo, các ngành nghề thủ công, vũ khí, sức mạnh quân đội vô địch mà nước ta trở thành hùng cường và giàu mạnh... Nhờ muôn dân ở nước chư hầu Kāsi mà ta có được gỗ chiên-đàn, tơ lụa, gấm vóc, hương liệu, vòng hoa, tràng hoa, phấn sáp cùng những nghệ nhân, nghệ sỹ tuyệt vời... Ôi! Ta thương yêu họ lắm! Không có họ thì ta không có gì cả, không là cái gì cả...

- Thế thì nhờ họ mà đại vương trở thành một vị vua oai danh bốn biển, làm chúa chư hầu?

- Quả vậy!

- Thế còn bé Vajirī ? Tại sao đại vương lại thương yêu tiểu công chúa?

- Tiếng khóc, nụ cười, sự vòi vĩnh, sự ngây thơ, hồn nhiên của nó làm ấm áp trái tim ta biết bao nhiêu! Ôi! Nó như là niềm vui, là sự sống thứ hai của ta vậy!

- Thế còn thiếp? Tại sao đại vương lại thương yêu thiếp?

- Nàng là người chia ngọt, sẻ bùi, nâng khăn sửa túi, đầu gối tay ấp của ta! Ôi! biết bao nhiêu là mặn nồng hương lửa, phải nói là ta thương yêu nàng là đệ nhất!

Đến đây, hoàng hậu Mallikā bắt đầu tấn công:

- Đại vương thương yêu tướng quân Bandhula vì y đã giữ gìn quốc độ cho đại vương! Đại vương thương yêu muôn dân Kosala và Kāsi vì nhờ họ mà đại vương oai danh bốn biển! Đại vương thương yêu bé Vajirī vì nó làm cho trái tim đại vương ấm áp! Đại vương thương yêu thiếp là vì thiếp nâng khăn sửa túi, đầu gối tay ấp cho đại vương! Tất cả sự tình ấy, tất cả sự thật ấy nói lên điều gì? Nó nói rằng, mọi sự thương yêu kia là vì đại vương, bởi đại vương, đổ dồn về cho đại vương; nói cách khác, điều ấy chứng tỏ đại vương thương yêu bản thân mình nhất! Vậy thì thuyết ngôn của đức Đạo Sư: *"Trên thế gian, ai ai cũng thương yêu bản thân mình hơn tất thảy người khác, chúng sanh khác!"* là chân lý, là sự thật ngàn đời có phải thế chăng? Do vậy, nên thiếp không dám nói đại vương là người mà thiếp thương yêu nhất! Ai cũng thương yêu bản thân mình nhất, tâu đại vương!

Đức vua Pāsenadi nín lặng. Sự thật mà hoàng hậu Mallikā minh giải với nhiều ví dụ cụ thể làm cho đức vua không thể biện hộ lấy một lời.

Bà còn cất giọng chậm rãi:

- Nếu chưa tin lời thiếp nói thì đại vương hãy đi yết kiến đức Đạo Sư; ngài có thể giảng nói rộng rãi về điều ấy!

- Ta tin rồi! Đức Thế Tôn cùng tuổi với ta, dẫu ta là vua nhưng ta cảm giác ngài ngại khi gặp vị ấy. Có cái gì nơi vị ấy thanh tịnh quá, uy nghiêm quá, cao cả quá nên ta sợ! Vậy nàng có nghe đức Đạo Sư đã từng giảng giải rộng rãi

về điều ấy như thế nào, hãy nói lại cho ta nghe cũng được!

Đọc được sự thành khẩn của đức vua nên hoàng hậu xem đây là cơ hội bằng vàng ròng để đưa đức vua vào giáo pháp nên bà tuyên thuyết:

- Tâu đại vương! Đức Thế Tôn bảo, những người ác giới, tà hạnh, thực hiện những việc xấu xa, độc ác thì vô tình đã tự ghét bỏ bản thân; vì khi làm vậy, họ đã tự tạo cảnh giới đau khổ, thống khổ cho mình trong bốn đường ác. Nhưng những người có giới hạnh, có bố thí, có đức tin, làm những việc lành tốt là biết thương yêu bản thân; vì khi thực hiện như vậy, họ đã tự tạo cảnh giới an vui, hạnh phúc cho mình trong các cõi người và cõi trời!

Vậy người biết thương yêu bản thân mình một cách chơn chánh thì còn phải biết thương yêu và kính trọng Tam Bảo, là đức Phật, đức Pháp, đức Tăng nữa. Tại sao vậy? Vì trọn vẹn ý nghĩa Tam Bảo, chứa đựng trong Tam Bảo gồm có những năng lực giác tánh, tinh minh, là sự thật, là chân lý muôn đời, là nguồn sáng, là trí tuệ; là ngọn đèn minh triết cao cả và xán lạn soi đường, chỉ lối cho ta từ chỗ tối tăm và mê mờ đến nơi sáng sủa và quang minh, tâu đại vương!

- Ta biết rồi! Ta thấy rồi!

- Còn nữa, tâu đại vương! Khi ta có sự thương yêu bản thân mình một cách chơn chánh như thế rồi, từ cái tâm ấy sẽ phát sanh nhiều điều kỳ diệu nữa. Đức Thế Tôn còn dạy rằng: Khi bản thân mình biết khổ, biết vui thì bản thân chúng sanh khác cũng biết khổ, biết vui như thế. Vậy đừng

vì lợi mình mà hại người, đừng vì bản thân mình mà tạo đau khổ cho người khác. Nghĩ thế, vị ấy bắt đầu bỏ đao, bỏ gậy, bỏ trượng, bỏ kiếm; bỏ sát sanh hại vật; bỏ trộm cắp, bỏ lấy cướp của người; bỏ tà dâm, tà hạnh; bỏ nói dối, nói láo, bỏ nói đâm thọc, ác ngữ; bỏ rượu men, rượu nấu... để bản thân mình được an vui mà người khác, chúng sanh khác cũng được an vui như thế. Cuối cùng, hóa ra thương yêu bản thân mình đồng nghĩa với thương yêu chúng sanh muôn loại, cùng dẫn dắt nhau trên con đường tu tập, tâu đại vương!

Đức vua Pāsenadi mỉm cười, vừa như nói thật vừa như đùa bỡn:

- Không cãi được! Không có một kẽ hở nào để cho cái tâm, cái trí *"tà đạo"* của ta xen vào đấy được! Thật tuyệt vời thay là miệng lưỡi đệ tử tôn giả Gotama! Bái phục! Bái phục!

Hoàng hậu Mallikā cau mày:

- Là một đấng minh quân, bệ hạ có nên ăn nói thiếu nghiêm túc như thế chăng?

- Thôi! Ta biết lỗi rồi!

- Đại vương phải biết thương yêu bản thân mình một cách chơn chính chứ?

- Nhất định như vậy rồi!

- Cảm ơn đại vương!

Hoàng hậu Mallikā dịu dàng mỉm cười, cảm giác nhẹ nhàng, thanh thản khi đã cảm hóa được ông vua chưa có

được *chánh tâm, chánh trí* này!

Đức Vua Pāsenadi
Đảnh Lễ Aṅgulimāla

Hôm ấy, đức vua Pāsenadi nước Kosala thân chinh dẫn một đoàn quân gồm năm trăm binh mã ra khỏi thành, tìm diệt Aṅgulimāla. Khi đi đến gần Jetavanārāma, đức vua nghĩ là nên vào hầu thăm đức Phật cho phải phép, trước khi sang ranh giới bên kia để vào rừng, bèn hạ lệnh dừng quân.

Thấy đức vua Pāsenadi cùng với đoàn quân trang bị vũ khí sáng ngời, với ngựa thiện chiến nai nịt oai phong, đức Thế Tôn bước ra khỏi hương phòng, ân cần hỏi.

- Đại vương gian lao vất vả cầm quân xuất chinh ắt là có vị vua láng giếng nào khiêu chiến đấy chăng?

Đức vua xứ Kosala bỏ ngựa từ xa, đến bên đức Thế Tôn, khấu đầu đảnh lễ rồi nói:

- Chẳng phải vậy, thưa đức Thế Tôn! Không phải đức vua Seniya Bimbisāra trị vì xứ Māgadha làm con bực tức. Cũng chẳng phải đức vua Licchavi trị vì xứ Vesāli chọc giận con! Vua các nước lớn, các nước nhỏ khác cũng không ai làm cho con phải khó chịu cả. Mà chỉ vì... mà chỉ vì...

Đức Thế Tôn mỉm cười tiếp lời:

- Mà chỉ vì... trong nước có nội loạn chăng?

Đức vua Pāsenadi lắc đầu:

- Cũng không phải thế, bạch đức Thế Tôn! Nói nội loạn cũng không đúng hẳn, vì chỉ có một người thôi, đó là tên cướp Aṅgulimāla. Nó là tên sát nhân rất hung ác, rất khủng khiếp. Đã có hằng trăm, hằng ngàn người bị chết về tay hắn. Kinh hãi nhất là nó giết người không phải để ăn thịt, để uống máu! Nó giết người chỉ để mà *"chơi"* thôi! Nó giết người, nó cắt ngón tay, nó lấy những ngón tay ấy, phơi khô, xâu thành vòng hoa mà đeo ở cổ cho đẹp! Đức Thế Tôn thấy có kinh hãi không? Xung quanh khu rừng ấy, dân chúng cả chục ngôi làng đã sợ hãi trốn đi nơi khác hết. Đồng không, nhà trống, vườn hoang! Thế nên, hôm nay con mới đích thân dẫn hùng binh đi diệt tên giết người dã man, việc làm ấy có đúng chăng?

Đức Phật gật đầu:

- Đúng lắm! Tàn bạo, dã man như thế là phải giết!

Đức vua Pāsenadi ngạc nhiên:

- Hóa ra đức Thế Tôn cũng khuyến khích sự giết hại, đồng ý sự giết hại ư?

- Đồng ý chứ! Khuyến khích chứ! Như Lai cũng đồng quan điểm với đại vương rằng: *Tất cả những gì là tàn hại, xấu xa, ác độc, hung dữ trên thế gian này thì cần phải đốn bỏ, tận diệt, phải làm cho nó không được sinh khởi trong tương lai!*

- Đúng là như thế! Đức vua gật gù.

- Trái lại, *những gì là tốt đẹp, là hiền lương, là vô hại...*

thì cần phải nâng đỡ, phải làm cho nó tăng trưởng, lớn mạnh, phải thế không đại vương?

- Nhất định như vậy rồi!

Yên lặng một lát như để cho đức vua thẩm thấu ý nghĩa ấy, đức Thế Tôn đi vào gần đề hơn:

- Này đại vương! Kẻ tàn hại, xấu xa, ác độc, hung dữ thì đại vương giết, điều ấy là theo pháp luật của nhà nước, Như Lai không xen dự vào đấy được. Nhưng nếu bây giờ kẻ ấy đã trở nên hiền thiện, tốt đẹp, vô hại... thì đại vương nhất định nâng đỡ, trưởng dưỡng, có phải thế chăng?

Đức vua Pāsenadi mơ hồ cảm thấy bị bậc thượng trí đưa vào một cái bẫy vô hình nào đó, trong một lúc không đoán được, nhưng cũng mạnh mẽ gật đầu:

- Đúng vậy!

- Này đại vương! Bây giờ Như Lai đi vào chính đề đây! Nếu đại vương nhìn thấy Aṅgulimāla cạo bỏ râu tóc, mặc y cà-sa, xuất gia làm thầy tỳ-khưu, từ bỏ ác độc, hung dữ, sống đời phạm hạnh thiêng liêng, giới đức trong sạch thì đại vương đối xử với vị tỳ-khưu ấy như thế nào?

Đức vua Pāsenadi đáp:

- Bạch đức Thế Tôn! Đối với tỳ-khưu ấy, con sẽ cung kính đón tiếp, đảnh lễ, thỉnh mời vào chỗ ngồi cao quý và xin hộ độ bốn món vật dụng thường xuyên cho vị ấy bất cứ lúc nào! Nhưng bạch đức Thế Tôn! Chuyện ấy không thể nào xảy ra cho trường hợp của Aṅgulimāla. Vì sao vậy? Vì

Aṅgulimāla là kẻ cướp sát nhân, không còn nhân tính; ác tâm, ác tánh đã thành nề; hung dữ, tàn bạo đã thành thói quen thì làm sao có thể trở thành vị tỳ-khưu sống theo phạm hạnh, giới đức trong sạch cho được!

Lúc ấy, tỳ-khưu Aṅgulimāla đang ngồi không xa chỗ đức Phật và đức vua; đức Thế Tôn bèn đưa tay chỉ, rồi nói:

- Sự thật quả đúng là như vậy, thưa đại vương! Tỳ-khưu Aṅgulimāla đang ngồi kia, đang sống đời hướng thiện và hướng thượng vô cùng cao đẹp!

Đức vua Pāsenadi nghe đến tên Aṅgulimāla, chợt đứng phắt dậy, tóc trên đầu dựng ngược, vẻ mặt vô cùng hoảng sợ! Đức Phật lên giọng trấn an:

- Đại vương hãy bình tĩnh! Sẽ không có, sẽ không còn một tai họa nào từ Aṅgulimāla xảy đến cho đại vương đâu!

Đức vua Pāsenadi liếc mắt nhìn về chỗ đức Phật chỉ, thấy một tỳ-khưu tướng mạo trang nghiêm, choàng chiếc y vàng sáng như có hào quang, đang ngồi tĩnh tại trên một tảng đá, tự nghĩ: Đâu có nét nào là ác độc, hung dữ nơi vị tỳ-khưu này?

Đã hết sợ hãi, đức vua Pāsenadi bước gần lại. Lúc ấy, tỳ-khưu Aṅgulimāla cũng vừa xả thiền.

- Thưa đại đức! *Đức vua nói* - Ngài chính là Aṅgulimāla phải chăng?

- Phải, tâu đại vương!

Vua vẫn chưa hết ngờ vực, hỏi tiếp:

- Thế thân phụ, thân mẫu ngài tên gì?

- Tâu! Thân phụ của bần đạo tên là Gagga, hiện làm quốc sư của đại vương, mẫu thân của bần đạo là Mantanī!

Đến đây, đức vua Pāsenadi thở ra một hơi dài như trút hết gánh nặng; một niềm hoan hỷ dâng lên ngập tràn cả tâm tư; bèn cung kính đảnh lễ tỳ-khưu Aṅgulimāla, rồi nói:

- Mừng cho người con thân yêu của quân sư Gagga và bà Mantanī được an vui!

Đức vua đảnh lễ một lượt nữa, chấp tay bạch:

- Xin đại đức cho phép con được hộ độ bốn món tứ vật dụng: Y áo, vật thực, chỗ ở, thuốc men cho đến trọn đời!

Tỳ-khưu Aṅgulimāla sau khi xuất gia với đức Phật đã nguyện thực hành theo pháp đầu-đà, tri túc trong vật dụng; nên cất giọng điềm đạm nói:

- Tâu đại vương! Xin đại vương đừng bận tâm! Người sa-môn khất sĩ sống hạnh đầu-đà bao giờ tứ sự cũng vừa đủ dùng, không thừa mà cũng không thiếu vậy!

Đức vua Pāsenadi thấy đức Phật hóa độ một tên sát nhân nguy hiểm, trở thành một vị tỳ-khưu hiền hòa, thanh tịnh như thế thì xiết bao cảm phục. Rõ ràng là đức Thế Tôn không cần đến bất cứ một thứ vũ khí nào, bất cứ loại quyền lực gì, ngoài trí tuệ vô thượng và lòng đại bi vô biên của ngài! Một niềm kính ngưỡng bao la khởi lên, đức vua

Pāsenadi quỳ năm vóc sát đất, rồi tán dương:

- Thật là một điều phi thường chưa từng có, bạch đức Thế Tôn! Chính ngài, chỉ có ngài mới có thể tế độ được người mà thế gian này không ai có thể tế độ được! Chỉ có đức Thế Tôn, chính đức Thế Tôn mới có thể làm vắng lặng phiền não ở nơi người mà không ai có thể làm cho vắng lặng phiền não được! Với tâm đại bi, đức Thế Tôn đã đưa những người từ nơi tối tăm tìm về với ánh sáng một cách kỳ diệu chưa từng có trên thế gian. Việc làm phi thường của đức Thế Tôn khiến cho tự con phải suy nghĩ: Với quyền lực, với vũ khí, có thể nào ta bắt buộc người khác cải tà quy chánh được chăng? Câu hỏi ấy trước đây đã kết dính trong đầu con, treo lơ lửng trong giấc ngủ, nay thì đã được đức Thế Tôn tháo gỡ; và cũng tự con đã tìm được câu trả lời. Xin tri ân vô thượng đức Thế Tôn!

Đức vua Pāsenadi quỳ lạy bái biệt đức Thế Tôn và Aṅgulimāla rồi dẫn quân trở lại kinh thành! Ông cũng không quên cho người truyền báo tin lành ấy cho quốc sư Gagga và bà Mantanī - người mẹ tội nghiệp!

Đổi Chiếc Xe Mới

Hôm kia, đột ngột đức vua Pāsenadi một mình một ngựa đến Kỳ viên tịnh xá tìm gặp đức Phật với dáng vẻ mệt mề, thiểu não. Đức Phật đã sớm biết chuyện gì, nên đón đức vua ngay tại hương phòng, nắm tay ông, dìu vào bên trong, chỉ

cho ông ngồi trên một chiếc ghế[1].

- Trẫm mập quá, quỳ xuống đảnh lễ không được, xin đức Thế Tôn xá tội.

- Không có sao! *Đức Phật ân cần* - Bệ hạ cứ tự nhiên!

- Tâu vâng!

- Bệ hạ đã gần bảy mươi tuổi rồi, nên ăn ít lại, và cũng nên vận động tay chân một chút...

- Tâu vâng! Trẫm có tập đi kinh hành do hoàng hậu Mallikā hướng dẫn. Nhưng nay thì bà ấy đã đi rồi, bà mới đi hồi đêm, lúc vừa rạng sáng, đức Thế Tôn ơi! Trẫm buồn quá, không thiết ăn thiết uống gì cả!

- Ừ, Như Lai biết! Người mình thương yêu nhất mà lại phải lìa xa thì đau khổ lắm!

- Đúng là đau khổ quá! Nhớ như mới hôm nào, chỉ vừa mới đây thôi, thế mà đã cách biệt nghìn trùng...

Đức vua cúi gục đầu xuống ra chiều thương tâm không làm chủ được cảm xúc. Đức Phật biết nên trao cho đức vua một chiếc gối rồi nói:

- Bệ hạ cứ nằm nghỉ một lát, khóc được thì cứ khóc. Như Lai sẽ đi kinh hành bên ngoài. Rồi chúng ta sẽ nói chuyện sau.

Trong hương phòng, đức vua sụt sùi, nước mắt ngắn dài

---

[1] *Chiếc ghế trân quý này do hoàng hậu Mallikā dâng cúng mà đức Phật thường không sử dụng.*

nhớ thương hoàng hậu rồi ông đắm chìm trong hồi tưởng, suy tưởng của mình...

Còn đức Phật thì ngài biết rõ về tâm tánh của hoàng hậu, biết cả những *"bí mật"* của bà mà đức vua cũng không biết.

Và câu chuyện như sau[1]: Số là lần ấy hoàng hậu vào phòng tắm, cởi xiêm y để tắm, không để ý con chó cưng của bà cũng vào theo. Khi khom mình cúi xuống, không ngờ, con chó thấy vậy đã làm cái chuyện *"bất tịnh, bất hảo"* với bà. Và bà lại để yên! Từ tầng trên cung điện, qua lớp cửa kính, tình cờ đức vua nhìn thấy hết. Ông đi xuống và lần đầu tiên, đã mắng nhiếc bà một cách thậm tệ. Bà vốn lanh trí nên tìm cách chối quanh, chống chế: *"Đại vương đừng nghĩ oan cho thiếp. Cái phòng ấy kỳ lạ lắm. Ai ở trong đó, người khác nhìn vào đều thấy những hình ảnh quái gở!"* Đức vua vốn tin tưởng bà, nên hỏi lại: *"Quả có thế sao?"* Bà nói: *"Thì đại vương cứ vào đấy thử xem?"* Đức vua đi vào trong, vừa khép cửa lại thì ngoài này, bà đã la lên: *"Đại vương làm cái gì xấu hổ với con dê cái như vậy?"* Đức vua lại cãi: *"Ta có làm gì đâu!"* Bà bèn nói dối: *"Chính mắt thiếp trông thấy rõ ràng mà!"*

Tin chuyện ấy, đức vua bỏ qua không cật vấn lại nữa.

Tuy nhiên, hoàng hậu Mallikā luôn cảm thấy bất an. Dầu đã dối gạt được nhà vua, nhưng bà đã phạm một tội

---

[1] Chú giải kinh Pháp Cú, và trong Dictionnary... cũng có ghi chuyện này:... story about her misbehaviour with a dog in the bath-house. Q2, trang 456.

trọng. Chuyện ấy đức Phật biết, chư vị trưởng lão tăng, ni có thắng trí đều biết, do vậy bà luôn hổ thẹn ở trong lòng. Từ độ ấy, bà thầm nguyện trong lòng, phải tu tập cho tốt hơn, làm việc lành cho nhiều hơn. Trọng lượng tội lỗi dù chỉ bằng một hạt cát, nó sẽ chìm, rơi xuống bốn đường ác. Nhưng trọng lượng tội lỗi của một viên đá to, nằm trong lòng chiếc ghe thiện pháp lớn, nó không bị chìm, sẽ được nổi. Bà còn nhớ mãi nội dung một thời pháp về thiện, về ác mà đức Phật đã đưa ra hình ảnh ấn tượng ấy. Do vậy, bà đã đặt bát và cúng dường tứ sự rất nhiều đến đức Phật và tăng chúng, ngân khoản lên đến một trăm bốn mươi triệu đồng tiền vàng. Riêng đức Phật thì bà đã cúng dường đến ngài bốn món bảo vật vô giá, đó là: Một chiếc lọng trắng, một chiếc giường, một ghế ngồi và một vật đỡ chân. Tất cả chúng đều bằng châu báu, và chỉ để chưng bày chứ đức Thế Tôn không bao giờ sử dụng.

Đức Phật biết rõ, hoàng hậu Mallikā lúc hấp hối, bao nhiêu việc làm tốt đẹp trong đời lại quên hết, nhưng hình ảnh xấu xa kia lại hiện ra, chi phối trọn vẹn tâm thức cuối cùng, lập trình cận tử nghiệp, đưa bà đọa sanh Địa ngục A-tỳ[1].

Đức vua Pāsenadi rất yêu thương hoàng hậu Mallikā nên đau thương, buồn khổ vô cùng. Bà vừa mới mất, chưa làm lễ hỏa táng mà đức vua đã tìm đến đức Phật, là nóng lòng muốn hỏi ngài xem sanh thú của hoàng hậu đi về đâu!

---

[1] Chuyện này có một mối nghi: Người đắc quả Nhập lưu thì không còn rơi vào bốn ác đạo – hay là trường hợp duy nhất, đặc biệt?

Biết đức vua rất sủng ái hoàng hậu, nếu cho biết cảnh giới hiện tại của bà thì ông ta càng đau khổ hơn. Lại nữa, nếu biết bà, một người có đức tin kiên cố, bố thí cúng dường rất nhiều và rất chí thành mà rơi vào địa ngục, thì số phận của nhà vua sau này sẽ ra sao? Và như thế, mọi đức tin trong ông ta sẽ tiêu tùng hết.

Vì nghĩ vậy nên sau khi đức vua tỉnh dậy, vào hương phòng, đức Phật đã khôn khéo dùng thần lực siêu nhiên làm cho đức vua quên hẳn lý do đi đến tịnh xá. Đức Phật lại còn thân tình nắm tay đức vua đi dạo vài vòng ngoài khu vườn, rồi nói chuyện như bình thường:

- Đại vương dự định hôm nào sẽ làm lễ hỏa táng cho lệnh bà?

- Có lẽ bảy ngày, và có lẽ phải cử quốc tang cho trân trọng, bạch Thế Tôn!

- Có cần như thế chăng, đại vương? Sao đại vương không dùng mọi phí khoản ấy để đặt bát cúng dường chư tăng, ni, một trăm vị, hai trăm vị - rồi nhờ đức thanh tịnh của tăng, ni để chú nguyện phước báu cho lệnh bà?

- Trẫm xin vâng lời Thế Tôn giống như hoàng hậu sinh thời thường vâng lời Thế Tôn vậy. Cho trẫm mời thỉnh đức Thế Tôn và tăng, ni hai nghìn vị, ngay ngày mai!

- Cảm ơn đại vương! Và cũng không cần phải làm lễ quốc táng nữa. Nếu muốn tăng thêm ý nghĩa, sao đại vương không tha bớt tội tù, miễn bớt thuế má cho dân thì phước đức vô biên, vô lượng đó!

- Tâu vâng! *Đức vua cúi đầu* - Trẫm sẽ làm đúng như Thế Tôn dạy bảo để hồi hướng phước báu cho hoàng hậu.

Sau đó, đức vua cúi lạy rồi ra về. Và ngày thứ nhất, hoàng cung của đức vua như sáng rạng và vinh quang hẳn lên do hai ngàn tăng, ni có đức Phật dẫn đầu ôm bát đến thọ thực. Bên kim quan bằng gỗ trầm hương được phủ đầy hoa thơm của lệnh bà, đức Phật lặng lẽ chú nguyện. Sau đó đức Phật thuyết một thời pháp có ý nghĩa về vấn đề tử sinh của đời người. Ngày thứ hai đến ngày thứ bảy là phiên hai vị Đại đệ tử và chư đại trưởng lão dẫn đầu, cũng ôm bát đến hoàng cung thọ thực, rồi cũng chú nguyện lặng lẽ và thuyết những thời pháp khác nhau.

Đức vua nhớ lời dạy bảo của đức Phật, lệnh cho quan toà và quan ngục xét lại án để tha bớt tội tù; đồng thời, xá miễn tất cả các loại thuế trong suốt bảy ngày cử hành tang lễ. Muôn dân cả nước hoan hỷ vui mừng ca tụng đức nhân ái của đức vua; và họ cũng thầm hiểu rằng, họ đã được hưởng dư phước của hoàng hậu Mallikā nữa.

Cuối ngày thứ bảy, lễ hỏa táng nhục thể của hoàng hậu, ngay tại sân hoàng cung diễn ra vô cùng trang trọng. Sực nghĩ lại, đức vua chỉ có việc bực mình, tự trách mình, tại sao trí nhớ càng lúc càng tệ mạt, kém cỏi như thế! Sao lại không nhớ để hỏi đức Phật hoặc chư đại thánh tăng cảnh giới lai sinh của hoàng hậu?

Còn hoàng hậu Mallikā, sau bảy ngày thống khổ trong Địa ngục để trả quả, do năng lực phước thiện quá lớn nâng đỡ, đưa bà hóa sanh vào cung trời Tusita.

Vào ngày thứ tám, đức Phật một mình ôm bát khất thực, thong dong đi đến hoàng cung. Đức vua nghe tin, thỉnh ngài vào thượng điện, nhưng đức Phật chỉ muốn ngồi nơi nhà để xe.

Sau khi cúng dường đầy bát các thức ăn thượng vị loại cứng, loại mềm cho đức Phật, nhà vua chấp tay xá ngài rồi hỏi lại câu hỏi đã quên suốt bảy ngày qua, tức là chỗ tái sanh của hoàng hậu.

Đức Thế Tôn mỉm cười:

- Hiện tại, bà đang thọ hưởng thiên lạc tại cung trời Tusita, tâu bệ hạ!

Nghe vậy, đức vua cảm thấy được an ủi phần nào, nhưng nỗi nhớ thương hoàng hậu vẫn không nguôi:

- Bạch Thế Tôn! Từ khi nàng đi về cõi khác, trẫm cảm giác như mất hẳn sự sống.

Đức Phật an ủi:

- Bệ hạ chớ nên đau lòng. Đó là quy luật bất biến cho mọi chúng sanh, không ai có thể tránh được. Nhưng trường hợp hoàng hậu thì bệ hạ nên mừng vui cho lệnh bà mới phải!

- Tại sao?

- Vì do công hạnh, phước báu của lệnh bà, lệnh bà mất đi giống như đổi mới chiếc xe khác trân quý hơn vậy thôi!

- Trẫm chưa được hiểu.

Đức Phật đưa tay chỉ vào một chiếc xe:

- Bệ hạ! Xe này của ai?

- Bạch Thế Tôn! Của nội phụ trẫm.

- Còn xe này?

- Của phụ vương trẫm, bạch Thế Tôn.

- Còn xe kia?

- Là của trẫm!

Đức Phật mỉm cười:

- Hóa ra chiếc xe của cha lại mới hơn chiếc xe của ông nội, chiếc xe của con lại mới hơn chiếc xe của cha. Hoàng hậu vừa tậu được một chiếc xe mới nhất, đẹp nhất ở cung trời Tusita đấy, tâu bệ hạ!

Thấy đức vua đã hiểu sự thật ấy rồi, đức Phật lại giảng sâu hơn về pháp:

- Nhưng những chiếc xe được trang hoàng lộng lẫy, đẹp đẽ, trân quý thế kia rồi cũng đến lúc cũ hư, tàn tạ, hoại mục mà thôi. Cái thân Như Lai cũng thế mà cái thân của đức vua cũng vậy, đã gần bảy mươi tuổi rồi, nó đang già yếu và đang lão suy đấy! Định luật hữu vi là vậy. Chỉ có giáo pháp trong tâm của bậc thiện trí[1] nó mới không bị chi phối bởi hư mục, già lão. Thấy biết được vậy, những bậc thiện trí trên đời này phải biết làm cho sáng tỏ giáo pháp ấy đến những người lành, người tốt, tâu đại vương!

Những lời giảng của đức Phật cô đọng trong bài kệ:

---

[1] *Ý nói bậc thánh A-la-hán.*

"- Xe vua đẹp đẽ dường bao,

Trang hoàng lộng lẫy, hư hao đến kỳ;

Thân này đến lúc lão suy,

Pháp bậc thiện trí vô vi chẳng già;

Pháp của đức Gotama,

Sáng tỏ chân lý, chan hòa thiện nhân!"[1]

Đức vua tín thọ lời dạy của đức Phật, đã đỡ buồn khổ và xem ngài như chỗ nương tựa tinh thần một cách vững chắc. Kết quả ấy, một phần công lao là nhờ vào bà hoàng hậu yêu quý của ông vậy.

Nhưng đức vua đâu có biết rằng, sự thương yêu sâu đậm ấy cũng do duyên luyến ái từ nhiều đời kiếp: Vì nàng Sujātā trong Sujāta-Jātaka, nàng Kinnarī trong Bhllāṭiya-Jātaka, và nàng Sambula trong Sambula-Jātaka; cả ba kiếp sống ấy, ông đều là người chồng thân yêu của bà.[2]

Cách Xử Lý Mỹ Toàn Của Ông Vua Thắng Trận

Mùa mưa chấm dứt, đức Phật và chư đại trưởng lão lại ra đi theo tinh thần củng cố Pháp và Luật dành cho chư

---

[1] Pháp cú 151: "Jiiranti ve rāraṭhā sucittā atho sārīraṃ pi janaṃ upeti; sataṃ ca dhammo na jaraṃ upeti santo have sabbhi pavedayanti".

[2] Cũng theo Dictionary... Q2, trang 457.

tăng, ni nhiều phương, nhất là các xứ phía tây và phía bắc nước Kosala. Chỉ hơn tháng sau là ai cũng nghe tin một cuộc chiến tranh kinh hoàng đang xảy ra giữa hai vương quốc Kosala và Māgadha.

Số là đức vua Pāsenadi, trước đây có cử một phái đoàn sứ giả đến kinh đô Rājagaha, nghiêm khắc yêu cầu tân vương Ajātasattu giải thích hành vi của mình trong việc đức vua Seniya Bimbisāra chết đói trong ngục, nhưng họ đi mà không thấy về. Đợi tin suốt ba tháng trường ròng rã, sau mới biết là Ajātasattu không những không trả lời theo lời yêu cầu mà còn bắt giam cả phái đoàn sứ giả của đức vua nữa.

"- Thật là quá đáng. Nó không coi ông cậu của nó ra gì!"

Bừng bừng lửa giận, quên cả lời dặn của đức Phật, đức vua Pāsenadi cử ngay một đội quân hùng mạnh ngày đêm xuôi nam, bờ bắc sông Gaṅgā, đến ngay thủ phủ xứ Kāsi, đánh đuổi tướng lãnh, quan quân của Ajātasattu đang đồn trú ở đây về lại Māgadha! Đây là hành động quyết liệt để dằn mặt đứa cháu bất trị! Nguyên uỷ xứ Kāsi, thành phố Bārāṇasī cách đây hơn năm mươi năm về trước vốn là vùng đất thuộc lãnh thổ Kosala; nhưng khi gả con gái của mình Kosaladevī (Videhi) cho quốc vương Seniya Bimbisāra, đức vua Mahā Kosala tặng luôn thực ấp này làm của hồi môn. Bây giờ do giận đứa cháu Ajātasattu vô đạo, đức vua Pāsenadi cho quân đánh chiếm, được xem là tối hậu thư đòi lại thực ấp.

Về phía Rājagaha, tân vương Ajātasattu khi thấy quan

quân của mình tơi tả chạy về, dù không ai bỏ mạng nhưng trông cũng vô cùng thê thảm. Có kẻ thất lạc vợ con, có kẻ phải bỏ lại toàn bộ cơ ngơi, gia sản nơi xứ người. Lại nữa, mất Kāsi là mỗi năm đức vua Ajātasattu mất một trăm ngàn đồng tiền vàng lợi tức thuế khoá, chưa kể còn không biết bao nhiêu bổng lộc phát sanh từ đó nữa.

Thế là nổi giận đùng đùng, Ajātasattu huy động binh hùng tướng mạnh đầy đủ xe ngựa voi pháo rầm rộ vượt sông Gaṅgā, qua bờ bắc, tiến mãi theo con đường thương buôn lên thượng nguồn quyết đòi lại thực ấp Kāsi cho bằng được.

Nghe thám tử hồi báo khẩn cấp, đức vua sai vị thống soái quân đội, tức là thống tướng Bandhula lập ngay phương án phòng vệ thủ đô; và ông tin ông bạn của mình sẽ giữ vững hoàng thành, cung điện cũng như muôn dân bá tánh được yên ổn. Đức vua nói:

- Trao kinh đô cho bạn đó! Còn trẫm phải đích thân xuất quân để trừng trị thằng cháu ngỗ nghịch.

Thống tướng Bandhula, người đã dạn dày trận mạc, nói có vẻ lo lắng:

- Hay là ngược lại, bệ hạ! Bệ hạ sẽ giữ thành, còn để hạ thần xuất chinh cho? Hạ thần đã quen ngồi ngựa, lại quen mùi binh lửa?

- Không! Có bạn oai trấn ở đây thì trẫm sẽ không còn lo lắng ở hậu phương. Còn trẫm sao cũng được, thắng thua là chuyện thường mà!

Thái tử Viḍūḍabha[1] nai nịt giáp bào, kiếm cung đầy mình cũng xin vua cha được xuất trận. Đức vua từ chối:

- Con phải ở nhà mà giữ thành cùng với đại tướng quân!

Tất cả ba mươi hai thanh niên và trung niên, là con và cháu của thống soái Bandhula, tuổi từ hai mươi đến bốn mươi lăm, đều là tướng giỏi, cũng đồng quỳ bên chân đức vua Kosala, xin được ra trận.

Thấy khí thế oai phong lẫm lẫm của chư tướng trẻ, đức vua cười ha hả:

- Con và cháu của ông không giống lông thì cũng giống cánh, mai này đều là đại tướng vô địch cả đây! Nhưng các ngươi cũng phải ở lại giữ thành với thân phụ của mình cho chắc ăn, nghe!

Thế là bỏ ngoài tai mọi lời thuyết phục, đức vua Pāsenadi đích thân mang theo một đội quân lớn, cũng đầy đủ ngựa xe voi pháo rầm rầm rộ rộ nhắm hướng Kāsi xuất phát...

Một tháng sau, tin đức vua Pāsenadi bại trận lan về kinh đô làm cho nhà nhà đóng cửa, chợ không đông; ai ai cũng sợ quân binh của Ajātasattu tràn vào giết người cướp của. Tuy nhiên, hệ thống phòng thủ kinh đô của thống tướng

---

[1] Đức vua Mahānāma nước Sākya yêu một cô gái nô lệ, sau sinh một cô gái có tên là Vāsabha-Khattiya được phong làm công chúa. Khi vua Pāsenadi muốn cưới một công chúa nước Sakyā để kết thân, đức vua Mahānāma bèn gả cô này. Chính đức vua Pāsenadi cũng không biết thái tử Viḍūḍabha có mang dòng máu nô lệ của mẹ trong huyết quản.

Bandhula thật không dễ gì mà quân đội của Ajātasattu có thể phá vỡ được. Thái tử Viḍūḍabha với đội quân tuyển chọn thiện chiến của mình đứng ở tuyến đầu, bẻ gãy từng đợt tấn công. Ba mươi hai viên hổ tướng, con và cháu của thống tướng Bandhula, xuất hiện đông, tây, nam, bắc như những toán binh ma, chặt đứt bất cứ một mũi nhọn xung kích nào. Kinh thành bình chân như vại. Qua ngày thứ ba, thứ tư thì đội quân oai hùng của các vị tổng trấn gần xa, theo lệnh phi mã cấp báo của thống tướng Bandhula, đi ngày đi đêm đã về kịp kinh đô, bao vây quân đội của Ajātasattu ở giữa, không có chỗ nào có thể thoát thân được. Thế là họ đành buông vũ khí đầu hàng. Tân vương Ajātasattu bị bắt trói cùng với vài chục tướng lãnh và hơn một vạn tù binh cùng chung số phận. Số chết, số bị thương, số bỏ chạy tán loạn cũng đông không kể xiết. Bao nhiêu voi, ngựa, xe, pháo, vũ khí, giáp bào ngổn ngang trên chiến trường đều bị tịch thu. Một lần bại trận như thế, xem ra, đức vua Ajātasattu không còn gì nữa cả, sạch nghiệp, trắng tay khốn cùng!

Chiến tranh giữa hai nước thế là kéo dài hơn nửa năm. Đức vua tổ chức ăn mừng để khao thưởng tướng sĩ và ba quân. Thống tướng Bandhula đã lập được đại công. Thái tử Viḍūḍabha được đức vua đặc biệt khen ngợi về vũ dũng và tài cầm quân. Riêng ba mươi hai vị tướng, con trai và cháu của thống tướng Bandhula được đức vua tuyên dương trước ba quân vì họ có bản lãnh võ học, điều động binh mã nhanh, gọn, thần tốc, đồng thời biết phối hợp tác chiến nhịp nhàng và đồng bộ với nhau và với cả các đội quân khác nữa. Chợt dưng, đức vua rùng mình, tự nghĩ: *"Nếu lực lượng hùng*

hậu và tinh nhuệ của cả đại gia đình này mà mưu phản thì ta sẽ không có đất để quăng thây!"

Đức vua bại trận Ajātasattu và hai mươi tướng lãnh bị cột trói, bắt quỳ giữa pháp trường, đứng sau lưng là mấy chục dũng sĩ lặng lẽ đứng ôm đao tuốt trần toát ra cái khí uy trấn chết người.

Ngồi trên bảo tọa cao, sau lưng là bá quan văn võ, đức vua Pāsenadi cất giọng nghiêm lạnh:

- Này Ajātasattu! Tại sao ngươi lại đang tâm bỏ chết đói phụ vương trong ngục tối?

Ajātasattu cúi đầu, im lặng, không trả lời.

- Hãy nói đi, Ajātasattu! Ta hỏi ngươi với tư cách là một ông cậu, chứ không phải với tư cách của một ông vua chiến thắng, hãy nói thật đi?

- Thưa cậu, cháu bị tên ác tăng Devadatta xúi giục.

- Rồi ngươi mê muội theo lời xúi gục vô đạo ấy ư?

- Dạ thưa, khi ấy, vì tham vọng quyền lực, cháu không còn lý trí nữa.

Đức vua im lặng một lát:

- Thế tại sao ngươi bắt giam luôn đoàn sứ giả của ta?

- Cháu phóng lao thì phải theo lao luôn, thưa cậu.

- Và việc đánh chiếm Kāsi là chủ trương của ai?

- Của cháu và của cả chư tướng, vì Kāsi là nguồn lợi lớn

cho Māgadha, thưa cậu.

Đức vua Pāsenadi chợt thở dài rồi nhìn tả hữu:

- Hãy cởi trói cho cháu của ta. Còn hai mươi vị tướng quân kia tạm giam vào ngục rồi sẽ xử lý sau.

Khi Ajātasattu đã được cởi trói và có chỗ ngồi, có nước uống, đức vua Pāsenadi mới mở lời dạy dỗ đứa cháu vô đạo của mình. Đại lược đức vua dạy rằng, phàm một đấng minh quân thì phải sáng suốt, biết lựa chọn các tôi thần lương đống, những người trí tài và hiền đức; phải biết xa lánh, loại bỏ những ông quan tham lam, độc ác, dua nịnh. Việc tên ác tăng Devadatta, ở đây, trẫm không bàn tới, vì ông ta có liên hệ đến giáo hội của đức Tôn Sư, phải do đức Tôn Sư xử lý. Trẫm chỉ muốn nói đến các mưu thần đang đoanh vây xung quanh quyền lực của ông. Coi chừng đó! Phượng thì đi theo phượng, gà thì thường đi theo gà!

Việc thứ hai nữa, đức vua nói tiếp, những thần tử trung kiên và những người bạn tốt, bao giờ cũng giúp ta thành tựu những việc làm hữu ích, cao cả trên cuộc đời này. Ngược lại sẽ rơi vào hố thẳm đại nạn. Còn nữa, kiêu ngạo và ngông cuồng là hai viên bạo tướng sớm đưa ta vào nơi hủy diệt. Hãy nhớ lấy!

Đức vua Ajātasattu có vẻ biết lỗi, ràn rụa nước mắt quỳ lạy đức vua Pāsenadi và xin được tha tội.

Đức vua Kosala cất giọng dịu dàng:

- Thôi được rồi! Biết là tội thì phải biết cải sửa, tu chỉnh

ngay từ bây giờ. Cái tội bất hiếu lớn lắm đó. Phải làm việc thiện, việc tốt hữu ích cho muôn dân. Phải có hiếu với mẹ, chăm sóc mẹ, phụng dưỡng mẹ để chuộc lại lỗi lầm ngày trước, nghe không?

Đức vua Ajātasattu gật đầu vâng dạ rất nhu thuận.

Sau đó, đức vua Pāsenadi còn làm một nghĩa cử cao đẹp là trả lại vương bào, sắc phục, mũ miện cho Ajātasattu; làm một buổi tiệc tiễn đưa như một quốc vương đối xử với một quốc vương. Bao nhiêu tướng lãnh, tù binh, xe, ngựa, voi, pháo, binh khí, giáp bào đều được trả lại. Đức vua còn cẩn thận, chu đáo chu cấp lương thực đi đường; rộng tay giúp một ngân khoản lớn cho ông vua bại trận trở về ổn định vương quốc của mình do bị tổn phí, hao hụt kho lẫm sau chiến tranh. Thực ấp Kāsi, vua cũng trao trả lại. Cô công chúa Vajirī cưng chiều của mình, đức vua cũng gả cho Ajātasattu làm sự kết nối thân tộc lâu dài, mà cũng là phương pháp bảo vệ hòa bình cho hai đại cường! Ajātasattu trước đây là cháu, bây giờ lại trở thành con rể của đức vua nữa.

Là đệ tử của đức Phật, ông vua hiền thiện này đã biết áp dụng giáo pháp *"dùng từ bi xóa bỏ hận thù"* nên đã cảm hoá được đứa cháu ngông cuồng; đồng thời, danh thơm của ông không mấy chốc mà lan tràn khắp các tiểu quốc.

Sau khi xử lý tốt đẹp mọi việc hậu chiến tranh, đức vua Pāsenadi cảm thấy hoan hỷ, mát mẻ trong lòng, ông một mình một ngựa đến Kỳ viên tịnh xá thăm viếng đức Phật vì nghe ngài từ miền tây bắc vừa mới trở về. Và ông đã kể lại mọi sự với đức Đạo Sư vẻ hài lòng, hỷ mãn.

Đức Phật gật đầu, mỉm cười, dịu dàng nói:

- Có chiến tranh là có chém giết, máu đổ, thịt rơi. Có chiến tranh là có thắng có bại. Người chiến thắng thì huênh hoang, tự đắc, hể hả, sung sướng; còn kẻ chiến bại thì sầu khổ, luôn luôn tìm cách để phục thù rửa hận. Đứng trên vị thế, tư cách của người chiến thắng mà đại vương xử sự như thế là đã xóa tan mọi hận thù; đã vượt lên, vượt qua chuyện thắng bại thường phàm ở trên đời. Chỉ có bậc trí mới làm được như thế, này đại vương!

Lời và ý ấy được cô đọng bằng bài kệ sau:

"- Chiến thắng, nuôi dưỡng hận thù,

Còn kẻ thua, bại - khổ sầu chẳng nguôi;

Phủi tay thắng bại trên đời,

An nhiên, mát mẻ ai ngoài trí nhân!"[1]

Tội Ác Cuối Đời

Từ khi hoàng hậu Mallikā mất, đức vua Pāsenadi cảm thấy cô đơn, hiu quạnh. Bà hậu Ubbīrī, tuy hiếm muộn cũng cho vua cô con gái Vajirī (Vajirakumarī) rồi xuất gia theo Ni đoàn đã lâu. Hai bà hậu Somā, Sakulā, vốn là hai chị em, đều là chị của đức vua Seniya Bimbisāra, cũng tu theo Phật cả, và đã sống một đời giới hạnh rất nghiêm túc. Chỉ còn

---

[1] *Pháp cú 201: "Jayaṃ veraṃ pasavati, dukkhaṃ seti parājito, upasanto sukhaṃ seti, hitvā jayaparājayaṃ".*

bà Vāsabhakkhattiyā, công chúa dòng dõi Sākya còn ấm áp chăn gối nhưng không phải là mẫu người để đức vua tâm sự hoặc chia vui, sẻ buồn. Điều đó cũng dễ hiểu vì hoàng hậu Mallikā là người luôn làm cho tâm hồn ông bình an và mát mẻ. Trong quá khứ, bà còn là ngọn đèn sáng những khi ông tối tăm, si ám. Thiếu vắng bà, tâm tánh của đức vua chợt trở nên hỷ nộ thất thường, đôi khi đánh mất luôn sự định tĩnh và sáng suốt thường ngày. Và cái sai lầm, ác độc nhất trong cuộc đời của ông mà không ai có thể thông cảm, tha thứ được - đấy là mật lệnh giết chết đại nguyên soái Bandhula cùng với ba mươi hai vị tướng trẻ là con và cháu của ông ta!

Tướng quân đại nguyên soái Bandhula là ai kia chứ? Là người bạn thân của đức vua từ hồi còn học ở đại học quốc độ Takkasilā. Là người đã từ bỏ quê hương bản quán của mình, từ bỏ cả ngôi vua ở quốc độ Mallā, kinh thành Kusinārā, cùng vợ và con đến ở với ông, làm thuộc hạ của ông. Từ khi có tay thanh gươm hộ quốc của vị tướng quân này, đức vua gối cao nằm ngủ. Lãnh thổ của đế quốc Kosala từ kinh thành đến ngàn dặm biên cương xa xôi luôn được vị tướng quân Bandhula chu đáo bảo vệ an ninh, an toàn...

Thế mà... thế mà... Đức vua nhớ lại. Trong trận chiến với đứa cháu Ajātasattu ngỗ nghịch bất trị của mình, ông đã thất bại thê thảm! Nhưng sau nhờ kinh đô Kosala với chiến lược phòng thủ như tường đồng, vách sắt cùng với những đội quân thiện chiến của tướng quân Bandhula mà ông vua cháu phải cởi giáo quy hàng. Quả thật, ba mươi hai con và cháu của vị tướng quân này đều là những viên hổ tướng, xuất hiện thần

tốc và đúng lúc, vô hiệu hóa tất thảy mũi nhọn xung kích nào của quân đội Ajātasattu. Cuộc chiến thắng này rõ ràng là nhờ vào đại gia đình của tướng quân Bandhula!

Thế nếu họ *"làm phản"* thì sao? Câu hỏi ấy, hằng đêm đi sâu vào giấc ngủ của đức vua và biến thành những cơn mộng dữ. Ông thấy mình bị chặt đầu, bị róc thây, bị bốn con ngựa kéo, xác đứt thành bốn mảnh, bị lột áo mão trần truồng, bị quăng vào đống lửa, bị thảy vào chảo dầu sôi... Sự ám ảnh này làm cho đức vua bất an, lo lắng. Thêm một nguyên nhân nữa như giọt nước cuối cùng làm tràn ly. Một số quan võ tướng bất tài, có dòng máu hoàng gia, thấy mọi quyền thế, quyền lực binh bị trong và ngoài triều đều nằm ở trong tay gia đình tướng quân Bandhula; vì mất quyền lợi và địa vị nên họ sanh tâm ganh ghét, đố kỵ, cho người phao tin đây đó là *"tướng quân Bandhula làm phản"*. Chuyện rồi cũng đến tai đức vua. Còn nữa, đêm này và đêm khác, ỷ mình cùng huyết thống hoàng tộc nên người này, người kia thay nhau vào cung thì thào to nhỏ với đức vua *"bí mật động trời"* ấy.

"Không có lửa thì làm sao có khói?" Đức vua vô cùng sợ hãi. Phải ra tay trước thôi! Vậy là ông bèn cho năm trăm quân cấm vệ ngày đêm đi đến những vùng đất giáp ranh biên cương phía bắc, giả vờ làm loạn, đánh chiếm một vài thị trấn rồi cho phi mã, từng toán, từng toán cấp báo về triều đình.

Thế là trong buổi lâm triều hôm ấy, đức vua nói về tình hình nội loạn nguy kịch ở biên cương, sau đó cử đại nguyên soái Bandhula mang đại binh đi dẹp loạn.

Tướng quân Bandhula mỉm cười:

- Xin bệ hạ an tâm! Không cần thiết phải mang theo đại quân đâu. Chỉ mình hạ thần, ba mươi hai tướng trẻ cùng vài trăm quân là đủ dẹp yên lũ giặc cỏ ấy rồi.

Đến biên cương, thấy một vài căn nhà bị đốt cháy, đâu đó bị cướp phá sơ sài; và do nghe tin quân triều đình của vị tướng quân bách chiến, bách thắng đến - nên *"bọn giặc"* đã chạy trốn như chuột, không còn tăm bóng. Một dấu hỏi lớn khởi lên trong tâm trí của vị lão tướng: *"Chỉ là giặc cỏ thôi mà, đâu cần phải đích thân ông dẫn đại binh? Chỉ cần một đứa con trai út của ông và một trăm quân là có thể đánh thắng một ngàn quân chính quy kia mà?"* Tuy thế, ông chỉ thở dài, lệnh cho đội quân ở lại năm bảy hôm, sửa sang, ủy lạo nơi này nơi kia rồi dẫn quân trở về. Qua một hẻm núi hiểm trở, đội quân mấy trăm người bị phục kích bởi một ngàn tay cung nỏ có tẩm thuốc độc, đồng thời một trận mưa lửa bởi hằng ngàn, hằng ngàn mũi tên lửa có tẩm dầu, thiêu cháy người, ngựa và cả rừng cây. Trong một hốc đá, tướng quân Bandhula biết rõ đức vua giết mình, không còn là nghi vấn nữa. Trong khi thuốc độc chưa ngấm sâu, ông thảo vội vài hàng chữ, với đại ý khuyên vợ và những con dâu trở lại quê nhà. Còn ông, mười sáu con trai lớn và mười sáu đứa cháu thanh niên đã đền nợ nước rồi. Lá thư viết bằng máu trên mảnh chiến bào, sau đó được một mã binh chưa bị tên độc, quyết tử vượt vòng vây, bất kể ngày đêm, lao về kinh thành. Ba mươi hai con và cháu của lão tướng quân, ai cũng bị dính độc và lửa đốt - nguyền cùng chết với cha cùng ông nội.

Phu Nhân Tướng Quân
Tâm Bất Động Trước Lá Thư Máu

Tên mã binh quyết tử về đến kinh thành Sāvatthi, vào biệt phủ của tướng quân Bandhula - thì nơi đây, bà Mallikā (trùng tên với hoàng hậu Mallikā) phu nhân của lão tướng quân đang chuẩn bị vật thực để cúng dường năm trăm vị tỳ-khưu có trưởng lão Sāriputta là người dẫn đầu.

Nhận được thư khi đang xào nấu một món ăn bên bếp lửa, đọc xong hung tin trăng trối của chồng, bà Mallikā đứng sững giây lát, sau đó, cất thư vào túi rồi tiếp tục công việc của mình như không có gì xảy ra. Sau đó, khi bà bưng một bát sanh tô đi sớt vào bát cho trưởng lão Sāriputta, vì vấp một chướng ngại dưới chân nên bát sanh tô vốn bằng gốm sứ rơi xuống nền bị vỡ nát. Một vị tỳ-khưu thấy vậy nên thuận miệng giáo giới:

- Vật vốn vô thường, có sinh có diệt, mong thí chủ đừng buồn, đừng tiếc nữa.

Đứng dậy, xá chào trưởng lão Sāriputta rồi bà đưa *"lá thư máu"* cho ngài xem xong rồi nói:

- Trưởng lão thấy đó, phu quân cùng ba mươi hai đứa con trai và cháu của tôi đều đã bị chết thảm. Tuy nhiên, nghe xong hung tin, tôi vẫn bình tĩnh xào nấu món ăn như thường. Cái bình gốm sứ quý báu kia, dù quý báu thế nào cũng không thể quý bằng sinh mạng phu quân và con và cháu của tôi được. Nó chỉ là hạt bụi so với núi Tu-di. Núi Tu-di mất đi, tôi chưa buồn, chưa tiếc huống hồ là cái bình

gồm sứ là vật ngoại thân, vô tri vô giác kia!

Trưởng lão Sāriputta cất tiếng hỏi nhỏ nhẹ:

- Có lý do gì, có sự thấy biết nào mà phu nhân không buồn, không tiếc trước một thảm nạn kinh hoàng của người thân như vậy?

- Thưa trưởng lão! Nhờ học được giáo pháp của đức Tôn Sư và chư vị trưởng lão, nhờ chiêm nghiệm khổ và nguyên nhân khổ, nhờ thấy biết chút ít về sự rỗng không của ngã và ngã sở hữu, nhờ quán sự chết không chừa một chúng hữu tình nào - nên tôi mới có được sự định tĩnh, an nhiên như vậy.

Trưởng lão nhè nhẹ gật đầu:

- Sādhu, lành thay!

Rồi sau khi độ thực, buổi pháp thoại đặc biệt, trưởng lão Sāriputta nói về sự bất định của sự chết; tuổi thọ của đời người ở trong đám sương mù hỗn mang, gió nghiệp thổi qua là tắt, không biết lúc nào. Xúc động chánh pháp, tôn giả đã tóm tắt điều ấy bằng một câu kệ ngôn:

"- Tử sinh không có hạn kỳ,

Tuổi thọ ai biết ra đi lúc nào;

Cuộc trần bất trắc xiết bao,

Đau thương, hoạn nạn, khổ lao nghìn trùng".[1]

---

[1] *Phỏng dịch từ câu kệ Pāḷi: "Animittamanaññātaṃ. Maccānaṃ idha jīvitaṃ. Kasirañca parittañca. Tañca dukkhena saṃyuttanti."*

Sau lễ đặt bát cúng dường, bà Mallikā cho họp mặt toàn thể đại gia đình, đưa lá thư máu ra cho mọi người cùng xem, rồi đưa mắt nhìn mười sáu bà con dâu, mười sáu cô cháu dâu đang còn xuân sắc, giáo giới rằng:

- Phu quân của các con, các cháu đã tử trận vì nước. Các con các cháu không nên đặt câu hỏi là chết do ai và vì ai? Tại sao vậy? Vì cái chết của tất cả chúng sanh không do lỗi của ai cả mà chúng là thừa tự của nghiệp, con sanh của nghiệp! Trong vòng nhân quả trả vay, định luật ấy rất lạnh lùng, nó không thiên vị một ai cả. Phu quân của các con các cháu bị trả quả tiền khiên do một ác nghiệp nào đó trong quá khứ, vậy là công bằng, vậy là phù hợp với chân lý, với nhân quả. Do vậy, các con, các cháu không nên sầu buồn khóc lóc mà làm gì, cũng không nên trách trời trách đất, oán hận người này người kia. Sự việc đã xảy ra rồi, hãy xả buông nó đi, đừng tự làm tổn thương mình nữa!

Nạn nhân bị hại thì xả buông, rỗng không do trí tuệ học hỏi giáo pháp như thực của đức Đạo Sư, nhưng kẻ hại người - đức vua Pāsenadi - do si mê hôn ám, do sợ hãi bị phản nghịch, do đám vô tài bất tướng xung quanh nịnh hót nên ngày thì ruột nóng như lửa đốt, đi tới đi lui bất an, đêm thì trăn trở, thao thức, nằm thấy mộng dữ.

Câu chuyện bà Mallikā nhận được hung tin từ lá thư máu của lão tướng quân khi đang xào nấu thức ăn, sau đó vẫn an nhiên định tĩnh đặt bát cúng dường một cách chu đáo đến tôn giả Sāriputta cùng năm trăm vị tỳ-khưu,

không mấy chốc, được lan truyền khắp mọi nơi, mọi chỗ. Cả kinh thành rúng động. Cả triều đình nhỏ to bàn tán xì xào. Rồi chuyện bà xử lý việc gia đình, nội dung bà nói chuyện với con dâu, cháu dâu... làm cho ai ai cũng cung kính, ngưỡng mộ...

Đức vua Pāsenadi được tả hữu tâu trình mọi chuyện, ông lặng người rồi chìm đắm trong nỗi đau, trái tim tê buốt. *"Ôi! Đấy là cả một đại gia đình hiền thiện được tẩm mát, nuôi dưỡng bởi giáo pháp hiền thiện của đức Tôn Sư. Không biết giờ này đức Đạo Sư đang vân du hành hóa ở đâu mà bỏ lại ta trong kinh đô vắng lạnh này![1] Nếu có (giá như) ngài có mặt ở Kỳ viên thì có lẽ ta không đến nỗi si ám, ác độc và ngu ngốc tạo nên ác nghiệp tày trời! Cả đại gia đình bị ta ám hại, họ đã không oán hận ta, lại cùng âm thầm tha thứ cho ta do có một bà mẹ đại hiền được sinh ra trong giáo pháp. Còn ta, ta có thể nào tha thứ cho mình được không? Thật không thể vậy!"*

Nghĩ đến đức Phật, đức vua yên ổn được chút ít, như có một năng lượng mát mẻ thoảng qua tâm hồn, ông suy nghĩ tiếp: *"Bậc trí nhân ở trên đời, mình làm mình chịu, không đổ lỗi cho ai. Ta phải đích thân đến đại gia đình ấy, nhận tội về mình rồi sau đó hãy để cho nhân duyên nó làm việc. Hãy can đảm lên nhé!"*.

Cả đại gia đình đang phát lễ tang thì đức vua ngự giá

---

[1] Chuyện xảy ra khoảng chừng hạ 40, 41 của đức Phật; lúc này có lẽ ngài đang vân du hành hóa ở Vesāli và Rājagaha.

đến. Bên trong đại sảnh đường đã thiết lập ba mươi hai bài vị, có trầm, có hoa, có cờ rũ, có khăn tang... nhưng lại rất yên bình, lặng lẽ, không hề nghe thấy *"mùi"* tang tóc!

Cả nhà cung đón đức vua rất phải phép. Ông kinh cảm trong lòng, bước đến trước ba mươi hai bài vị, cung kính cúi đầu, mặc niệm. Thật ra là ông đang thú tội trước những vong linh mà ông đã sát hại một cách rất tàn độc.

"Sám hối" xong, đức vua nói với cả nhà:

- Suốt bao đêm bao ngày, ta hối hận, ăn năn, ray rứt không yên. Lòng ta như bị lửa địa ngục thiêu đốt sau khi ám hại vị lão thần lương đống cùng những dũng tướng oai hùng. Ta là tên thủ phạm hèn hạ và bỉ ổi nhất! Ta không thể tha thứ cho ta được - nhưng than ôi! Cả đại gia đình hiền thiện này lại tha thứ cho ta! Đúng là tâm địa của những bậc thánh!

Đức vua rưng rưng nước mắt.

Phu nhân Mallikā lấy khăn lau lệ rồi nói:

- Xin bệ hạ hãy bình tâm. Bệ hạ không có lỗi mà chỉ có nghiệp là có lỗi thôi!

- Cảm ơn phu nhân với tâm đại lượng, *đức vua nói* - ta được xin tạ tội một cách chân tình nhất, là hãy cho ta đáp trả một đặc ân. Phu nhân có ước nguyện gì thì ta sẽ hoàn thành ước nguyện ấy cho phu nhân, ngay từ hôm nay!

Suốt bảy ngày sau đó, phu nhân Mallikā, ba mươi hai góa phụ cùng gia nhân tổ chức đặt bát cúng dường cho chư tăng năm trăm vị mỗi ngày ở tư gia có tôn giả Sāriputta

và một số vị trưởng lão khác dẫn đầu. Tôn giả Sāriputta biết rõ nhân quả câu chuyện thương tâm và biết rõ nỗi đau lặng lẽ bên trong của lão phu nhân cũng như tất cả góa phụ nên ngài đã thuyết những thời pháp thích hợp. Ngài nói về nỗi đau bi thống của kiếp người. Ngài nói về nỗi đau kinh khiếp hơn nữa là ở trong các cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la. Ngài nói trong ba cõi sáu đường, nước mắt của chúng sanh khóc chồng, khóc cha, khóc vợ, khóc con, khóc khi tử biệt sinh ly, khóc khi xa rời người mình thương, khóc khi bị hành hạ, trấn bức xác thân, khóc khi bị nghịch cảnh, tội tù, khóc khi bị vu oan, giá họa... có thể đổ đầy bốn đại dương... Vậy thì hãy thấy rõ *"sự thật khổ"* của đời người, kiếp người... Nó là sự thật, là chân lý hiển nhiên. Hãy mở con mắt pháp mà thấy, đừng nên sống bởi ám thị, ảo tưởng, vọng tưởng mơ hồ nữa. Có thấy khổ mới tìm ra nguyên nhân khổ, căn nguyên khổ. Đức Tôn Sư là bậc Toàn Giác, ngài cũng chỉ là người thấy rõ sự khổ nên thoát khổ đó thôi!

Những bài pháp của tôn giả quả là liều thần dược làm cho tất thảy các cô con dâu như chạm tay được vào ly nước cam lồ bất tử. Những nỗi đau lặng lẽ bên trong của họ, quả thật là đã được xoa dịu một phần nào!

Hôm kia, cả đại gia đình vào triều yết kiến đức vua và xin nhận đặc ân của hoàng triều. Bà Mallikā nói:

- Tâu đại vương! Danh vọng, địa vị, tài sản... cho chí chồng con... tất thảy chúng đều tạm bợ, duyên sanh duyên diệt. Chẳng có gì chắc thật, vững bền trên thế gian này! Đại

vương đã mở rộng tấm lòng cho những góa phụ chúng tôi thỏa nguyện một đặc ân - thì đặc ân ấy là cùng được trở về quê hương xứ sở để sống những ngày còn lại!

Đức vua nhíu mày:

- Đấy đâu phải là đặc ân!

- Đấy đúng là đặc ân, tâu đại vương! Vì đấy cũng chính là ước nguyện cuối cùng của tệ phu quân trong lá thư viết bằng máu trên mảnh chiến bào!

Thẫn thờ giây lâu, đức vua thở dài:

- Châu báu, của cải, tài sản... phu nhân muốn bao nhiêu ta cũng đáp ứng được kia mà! Hay là tự ta làm vậy...

Nói thế xong, đức vua quát gọi quan thủ khố... nhưng phu nhân Mallikā đã từ chối:

- Cảm ơn tấm lòng của đại vương! Nhưng chúng tôi chỉ xin được về quê thôi!

Chẳng biết sao hơn, đức vua đành gật đầu ưng thuận.

Về lại biệt phủ, bà Mallikā cho mở kho vàng bạc, châu báu, tư trang làm ba mươi hai phần rồi chia đều cho con dâu và cháu dâu rồi khuyên họ trở về gia đình cha mẹ mà sinh sống và được tự do lấy chồng, lập gia thất mới. Riêng bà thì trở về quốc độ Mallā, kinh thành Kusinārā để di dưỡng tuổi già, tinh cần tu tập để tìm chỗ nương tựa thực sự cho cuộc đời của mình.

Câu chuyện của gia đình bất hạnh này, khắp cả kinh

thành Kosala cùng miền phụ cận không ai là không biết, và mọi người ai cũng tán dương, tôn trọng và quý mến cái tuệ sáng và cái tâm đại lượng của bà Mallikā.

"Pháp Truyền Thống" Của Đức Vua Pāsenadi

Mặc dầu đã *"sám hối",* mặc dầu cả đại gia đình người ta đã tha thứ nhưng tâm của đức vua Pāsenadi cũng không được yên ổn do tội ác mà ông đã làm. Giá như có mặt đức Phật ở Kỳ viên? Giá như hoàng hậu Mallikā còn ở bên ông? Ôi! Dẫu có bao nhiêu *"giá như"* ấy thì sự việc cũng đã rồi, những sát-na tâm bất thiện ấy đã chảy trong dòng nghiệp - thì ăn năn, hối hận cũng không ích gì! Chỉ mang đến sầu muộn làm vẩn đục tâm thức mà thôi!

Mấy ngày hôm sau, cho các quan đi tra xét dòng họ bà con thân quyến của lão tướng quân Bandhula, biết vị nguyên soái này còn có một đứa cháu kêu ông ta bằng cậu đang làm quan ở một thị trấn cách kinh thành không bao xa, có tên là Dīgha-Kārāyaṇa. Tức tốc, đức vua cho gọi Dīgha-Kārāyaṇa đến rồi tấn phong cho ông ta chức Đô thống đại nguyên soái thống lãnh tất cả binh quyền.

Được cất đặt vào vị trí quá cao, ngoài cả mong ước, ngoài mặt, Dīgha-Kārāyaṇa tỏ vẻ vui mừng, lạy tạ đức vua nhưng trong lòng ông ta thì ngược lại. Từ khi cậu mình bị ám hại một cách tàn độc, Dīgha-Kārāyaṇa vô cùng căm hận đức vua, ý nghĩ trả thù luôn lởn vởn trong đầu óc của ông.

Bây giờ có binh quyền trong tay, Dīgha-Kārāyaṇa nghĩ, là trước sau mình cũng có cơ hội để báo oán, rửa thù.

Hôm kia, đức vua Pāsenadi nghe tin đức Phật và hội chúng tỳ-khưu sau nhiều tháng hoằng hóa ở Rājagaha, Vesāli... đã theo lộ trình thương mãi ghé Koliya và bây giờ đang ngụ đâu đó ở vương quốc Sākya, ông tự nghĩ: *"Chuyện xảy ra ở đây, có lẽ đức Thế Tôn cũng đã biết rồi. Vả lại, tâm hồn ta bây giờ cũng đã yên lắng lại, Dīgha-Kārāyaṇa, tân Đô thống, có lẽ cũng hiểu nỗi lòng của ta nên ông ta luôn tận tụy trong mọi nhiệm vụ, giao việc gì là hoàn thành việc ấy. Là một con người có nhân cách tốt, rất đáng tin tưởng. Đây là lúc ta nên từ bỏ kinh thành một thời gian, xa rời cung đình, là nơi quá nhiều kỷ niệm với hoàng hậu, dẫn một đội quân lớn đi kinh lý nơi này nơi kia để lắng nghe dân tình cũng là phải lẽ vậy"*.

Xong, đức vua cho gọi thái tử Viḍūḍabha và tân đại nguyên soái Dīgha-Kārāyaṇa rồi ra lệnh:

- Ông Viḍūḍabha hãy dẫn một đội quân cấm vệ, ông Dīgha-Kārāyaṇa hãy dẫn một đội quân hùng hậu đi sau hộ giá, sớm mai ta sẽ lên đường.

Thế rồi đức vua rời khỏi kinh thành, đi thăm chơi những miền thắng cảnh, khi đến vườn rừng Naṅgaraka[1], thấy cảnh trí xinh đẹp lạ thường, đức vua cho dừng ngựa lại. Trong khi tản bộ, dạo chơi đây đó, đức vua trông thấy những gốc cây khả ái, đẹp mắt, là nơi lặng tiếng, ít ồn, vắng người,

---

[1] *Xem Dictionary of Pāḷi Proper Names - quyển 2, trang 6.*

thoáng gió, xa lánh mọi tụ hội đông đảo, thích hợp cho việc trầm tư mặc tưởng.[1]

Thấy vậy, đức vua cảm khái trong lòng: *"Chà! Khung cảnh thanh bình, tĩnh lặng, thiên nhiên trong lành, tươi đẹp này đâu phải là nơi cho phàm phu tục tử thưởng ngoạn một cách vô ích và rỗng không! Đây phải là nơi thích hợp để học đạo, luận đạo hoặc để trầm tư, quán tưởng".*

Rồi vua chợt nhớ đến đức Đạo Sư, bèn quay lại hỏi thuộc hạ:

- Đức Thế Tôn sau bao tháng vân du phương xa, nghe đâu đã về đến Sākya! Các ngươi có ai biết, ngài hiện đang an ngự ở đâu không?

- Tâu đại vương! *Nguyên soái Dīgha-Kārāyaṇa mau mắn đáp* - Có một thị trấn tên là Medataḷumpa, thuộc vương quốc Sākya, ngài và hội chúng tỳ-khưu đang dừng chân ở đấy.

- Thị trấn Medataḷumpa ấy, cách Naṅgaraka chúng ta đang đứng đây, khoảng chừng bao xa?

- Tâu! Không xa! Chỉ chừng ba do-tuần, có thể đi thong thả đến đấy vào lúc chiều tối.

- Vậy này Dīgha-Kārāyaṇa! Chúng ta hãy lên đường, ta đang rất nôn nóng yết kiến đức Đạo Sư.

Đến Medataḷumpa lúc mặt trời vừa gác núi, khói và sương như những dải lụa vắt ngang những sườn cây xanh biếc. Đâu cũng thanh u và tịch lặng. Chỉ có tiếng lá rơi, gió

---

[1] *Xem kinh Dhammacetiya (Trung Bộ).*

thoảng, suối chảy, vượn kêu, chim hót... là ngôn ngữ của đất trời! Đến chỗ xe không còn đi được, đức vua rảo bộ, cho người hỏi thăm thì biết đức Phật và hội chúng tỳ-khưu đang ẩn cư trong những cốc lá trong rừng đại thụ, sát bên một con suối xanh trong.

Lúc bấy giờ một số đông tỳ-khưu đang đi kinh hành ngoài trời. Bước đến gần, đức vua lễ phép cung tay hỏi:

- Thưa chư tôn giả! Đức Thế Tôn hiện đang ở đâu?

Biết người hỏi là đức vua Kosala, một vị tỳ-khưu đáp:

- Tâu đại vương! Đi thẳng theo lối hàng cây đại thụ nầy, gặp một tảng đá lớn, một ngôi nhà sàn lợp bằng lá kè hiện ra, đức Tôn Sư đang thiền duyệt ở đấy. Đại vương nhè nhẹ bước lên hành lang, bên cánh cửa khép hờ, cất tiếng đằng hắng rồi lấy ngón tay gõ nhẹ ba lần, đức Đạo Sư sẽ tiếp đại vương!

Để tỏ lòng tôn kính hết mực, đức vua cởi đế bào, mũ miện, hốt, ấn, kiếm, hia... giao tất cả chúng cho nguyên soái Dīgha-Kārāyaṇa rồi nói:

- Các ngươi hãy đi ra ngoài bìa rừng! Ta cần yên tĩnh một mình để "*đàm đạo*" với đức Chánh Đẳng Giác!

Theo cách chỉ dẫn tận tình và chính xác của vị tỳ-khưu, đức vua đi bằng đôi chân trần theo hàng đại thụ... Và sau đó được đức Phật mở cửa đón tiếp. Vừa bước vào, đức vua Pāsenadi oai hùng, hiển hách của quốc độ Kosala đã vội quỳ sụp xuống, cúi đầu ôm đôi chân bụi của đức Đạo Sư, rờ rẫm và xoa xoa vào cổ chân, gót chân của ngài rồi thốt lên:

- Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử là Pāsenadi, nước Kosala! Đệ tử là Pāsenadi, nước Kosala! Đệ tử là Pāsenadi, nước Kosala!

Đức Phật khởi từ bi tâm, nắm tay đức vua dẫn đến một một chỗ ngồi rồi nói:

- Không biết vì duyên sự gì, nguyên do gì mà đấng chí tôn của Kosala lại hạ mình tột bực và biểu lộ sự quý kính tột bực đối với Như Lai như vậy?

- Từ khi hoàng hậu mất đi, đệ tử không có chỗ nương tựa; vì không có chỗ nương tựa nên đệ tử đã có những hành động lầm lỗi không thể tha thứ được. Đệ tử hằng đêm, hằng đêm đã suy nghĩ rất nhiều. Đức Thế Tôn là hiện thân cho những giá trị cao quý trên đời này, là hiện thân cho những phẩm giá tốt đẹp của con người. Thật hạnh phúc cho những ai được thân cận với Người, được học hỏi giáo pháp của Người, được ôm hôn bàn chân bụi của Người. Sau khi tư duy chín chắn như vậy, đối với đức Thế Tôn, đệ tử đã có những *"pháp truyền thống"* cho riêng mình y chỉ, bạch đức Đạo Sư!

Đức Phật mỉm cười:

- Pháp truyền thống cho riêng mình y chỉ? Hay lắm! Vậy thì đại vương hãy kể ra một vài nội dung của truyền thống ấy cho Như Lai nghe với nào?

- Xin vâng, bạch đức Thế Tôn!

Rồi đức vua nói:

- Đệ tử có pháp truyền thống (Dhammanvaya) này đối

với Thế Tôn: *"Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo giảng, chư tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập hành trì".* Sở dĩ nói như vậy là vì đệ tử thấy nhiều vị sa-môn, bà-la-môn hành trì phạm hạnh có giới hạn trong mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm, bốn mươi năm. Những vị này, sau một thời gian, khéo tắm rửa, khéo phấn sáp, với râu tóc khéo chải chuốt, sống thụ hưởng một cách đầy đủ, sung mãn năm dục trưởng dưỡng! Nhưng ở đây, trong giáo pháp của ngài, đệ tử thấy các tỳ-khưu sống hành trì phạm hạnh viên mãn, thanh tịnh cho đến trọn đời, cho đến hơi thở cuối cùng. Đệ tử xác tín rằng, ngoài giáo hội này ra, không có và không thể ở đâu, tôn giáo nào có được một phạm hạnh viên mãn và thanh tịnh đến như vậy. Đấy chính là nội dung, là pháp truyền thống thứ nhất của đệ tử đối với đức Đạo Sư.

- Hay lắm! *Đức Phật tán thán* - Đấy là sự thực mà đại vương đã diễn đạt rất chính xác! Thế còn nội dung thứ hai?

- Bạch Thế Tôn! Đệ tử thấy rằng, từ ngàn xưa đến nay, vua chúa cãi lộn với vua chúa, sát-đế-lỵ cãi lộn với sát-đế-lỵ, bà-la-môn cãi lộn với bà-la-môn, gia chủ cãi lộn với gia chủ, mẹ cãi lộn với con, con cãi lộn với mẹ, cha cãi lộn với con, con cãi lộn với cha, anh em cãi lộn với anh em, anh em cãi lộn với chị em, chị em cãi lộn với anh em, bạn bè cãi lộn với bạn bè. Còn ở đây, đệ tử thấy các tỳ-khưu sống với nhau thuận hòa, thân hữu, không cãi lộn nhau, hòa hợp như nước với sữa, nhìn nhau với cặp mắt ái kính[1]. Đệ tử không thấy, ngoài giáo hội của đức Tôn Sư, giáo đoàn thanh tịnh

[1] *Trung Bộ, kinh Dhammacetiya.*

của đức Tôn Sư ra, lại có thể có một phạm hạnh nào khác viên mãn, thanh tịnh được như vậy! Đấy là pháp truyền thống thứ hai, luôn lưu một dấu ấn tốt đẹp vào tâm khảm của đệ tử!

- Đúng vậy! *Đức Phật gật đầu* - Đại vương đã nhận xét rất đúng! Sáu pháp hòa kỉnh là nền tảng của thiện bạn hữu, thiện thân tình trong đời sống của tăng-già.

- Còn nữa, bạch Thế Tôn! *Đức vua nói tiếp* - Đệ tử đi du hành, kinh lý từ nơi này đến nơi kia, từ xứ sở này sang xứ sở khác. Ở đấy, đệ tử thấy một số sa-môn, bà-la-môn gầy còm, ăn mặc lôi thôi, lếch thếch, nước da xanh xao, bạc nhợt, tay chân gân nổi; hình như không có một nét hảo tướng tương đối nào để người ta có thể nhìn với đôi mắt thiện cảm! Đệ tử suy nghĩ như sau: Thật sự các bậc tôn giả này sống phạm hạnh không được hoan hỷ hay có những ác nghiệp được giấu kín, bị sân tham thiêu đốt nên mới sinh ra như vậy? Đệ tử mang hoài nghi ấy đi đến hỏi các vị ấy thì được trả lời: Tâu đại vương! Chúng tôi dường như là bị bệnh lây truyền từ các giáo phái chủ, giáo phái sư... trong và ngoài truyền thống bà-la-môn vậy. Còn ở đây, bạch Thế Tôn! Đệ tử thấy các tỳ-khưu hân hoan, phấn khởi, hỷ lạc, các căn thoải mái, không dao động, bình tĩnh, sống dựa vào sự tự nguyện hỷ cúng của nhiều người, với tâm tư tự do như muông thú ở rừng sâu. Bạch Thế Tôn, đệ tử suy nghĩ như sau: Thật sự các bậc tôn giả này ý thức được một sự tối thắng thù diệu nào trong giáo lý Thế Tôn, một sự thành đạt tuần tự từ cạn vào sâu, từ thớ vỏ ngoài đến xương tủy ở phía bên trong

nên các bậc tôn giả này mới có được tăng tướng như vậy, có được các trạng thái tâm thanh lương, thù thắng tỏ lộ ra bên ngoài dung sắc như vậy. Bạch Thế Tôn! Đấy là pháp truyền thống thứ ba của đệ tử đối với Thế Tôn.

Còn nữa, đệ tử là một vị vua sát-đế-ly, đã làm lễ quán đảnh, có thể hành quyết những ai đáng bị hành quyết, gia phạt những ai đáng bị gia phạt, trục xuất những ai đáng bị trục xuất. Nhưng bạch Thế Tôn! Khi đệ tử ngồi xử kiện, có người đôi khi nói ngắt lời của đệ tử. Và đệ tử hễ có dịp là nói với họ rằng: Này quý vị, chớ có ngắt lời nói của ta, khi ta đang ngồi xử kiện. Quý vị hãy chờ cho đến khi ta nói xong. Thế nhưng, có người vẫn ngắt lời nói của đệ tử như thường. Còn ở đây, bạch Thế Tôn! Đệ tử thấy các tỳ-khưu, trong khi Thế Tôn thuyết pháp cho đồ chúng hàng trăm người, không hề có một tiếng nhảy mũi hay tiếng ho nào khởi lên. Nếu có một tiếng động thô tháo nào đó xảy ra từ người bên cạnh thì một bạn đạo đồng phạm hạnh sẽ vỗ nhẹ vào đầu gối người ấy rồi nói vào tai y như cơn gió thoảng: Tôn giả hãy giữ yên lặng, tôn giả chớ có làm ồn! Thế Tôn, bậc Đạo Sư của chúng ta đang thuyết pháp! Bạch Thế Tôn, đệ tử khởi lên ý nghĩ như sau: Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay! Thính chúng này thật khéo được huấn luyện mà không có gậy, không có kiếm, không có bất kỳ một hình phạt hay cưỡng bức nào! Ngoài hội chúng của Tôn Sư, đệ tử không thấy có một hội chúng nào khác lại được khéo huấn luyện như vậy. Bạch Thế Tôn! Và đấy là pháp truyền thống thứ tư của đệ tử đối với đức Đạo Sư.

Còn nữa, bạch Thế Tôn! Đệ tử thấy ở đây một số sát-đế-lỵ bác học, tế nhị, nghị luận biện tài, biện bác như chia chẻ sợi tóc làm tư, làm bảy. Những vị này đi chỗ này, chỗ kia, như muốn đả phá các tà kiến với trí tuệ của họ. Những vị này nghe: Sa-môn Gotama sẽ đến thăm ngôi làng này hay thị trấn kia! Thế là họ sắp đặt trước những câu hỏi: Chúng ta sau khi đến sẽ hỏi sa-môn Gotama câu hỏi này. Khi bị chúng ta hỏi như vậy, nếu sa-môn Gotama trả lời như thế này, thì chúng ta sẽ chất vấn như thế này. Khi bị ta hỏi như vậy, nếu sa-môn Gotama trả lời như thế kia, thì chúng ta sẽ chất vấn như thế kia! Vậy là khi nghe tin Thế Tôn du hóa đến một nơi, những vị này đến chỗ Thế Tôn đang trú cư. Rồi sau đó, Thế Tôn với pháp thoại khai thị cho các vị này, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Được đức Thế Tôn với pháp thoại khai thị, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, họ không hỏi Thế Tôn câu hỏi đã định trước, huống nữa là chất vấn! Trái lại, họ trở thành đệ tử của Thế Tôn. Bạch Thế Tôn! Như vậy, đấy là pháp truyền thống thứ năm của đệ tử đối với ngài.

Còn nữa, bạch Thế Tôn! Đệ tử thấy ở đây một số bà-la-môn bác học, gia chủ bác học, sa-môn bác học, tế nhị, nghị luận biện tài, biện bác như chia chẻ sợi tóc, những vị này đi chỗ này chỗ kia như muốn đả phá các tà kiến... Họ không hỏi Thế Tôn câu hỏi đã định trước, huống nữa là chất vấn. Trái lại, họ xin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Thế Tôn cho họ được xuất gia. Được xuất gia như vậy, một số các vị ấy sống một mình, không phóng dật, nỗ lực, tinh cần và không bao lâu sau, tự chứng với thắng trí, chứng ngộ

chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại mục đích tối thượng của phạm hạnh mà những thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Họ nói như sau: Thật sự chúng ta gần hoại vong! Thật sự chúng ta gần hoại diệt! Xưa kia chúng ta không phải sa-môn lại tự xem là sa-môn, không phải bà-la-môn lại tự xem là bà-la-môn, không phải bậc A-la-hán lại tự xem là bậc A-la-hán. Nay chúng ta mới thật sự là sa-môn. Nay chúng ta mới thật sự là bà-la-môn. Nay chúng ta mới thật sự là A-la-hán! Bạch Thế Tôn! Đây là pháp truyền thống thứ sáu của đệ tử đối với Thế Tôn.

Còn nữa, bạch Thế Tôn! Isidatta và Purāṇa là hai quan giữ ngựa, ăn cơm của đệ tử, đi xe của đệ tử, sinh sống do đệ tử cho, và chính đệ tử đem danh vọng lại cho họ. Nhưng họ không hạ mình, cung kỉnh đối với đệ tử như họ đã hạ mình, cung kỉnh đối với Thế Tôn. Thuở nọ, bạch Thế Tôn! Trong khi hành quân chống với đội quân đối nghịch, và muốn thử thách Isidatta và Purāṇa, hai quan giữ ngựa, đệ tử đến ở tại một căn nhà chật hẹp. Rồi bạch Thế Tôn! Hai quan giữ ngựa, Isidatta và Purāṇa, sau khi cùng nhau đàm luận về chánh pháp hơn nửa đêm rồi nằm xuống ngủ, với đầu của họ thì hướng về phía mà họ được nghe là chỗ Thế Tôn ở, còn chân của họ lại hướng về chỗ đệ tử nằm. Bạch Thế Tôn! Đệ tử suy nghĩ như sau: Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay! Hai quan giữ ngựa Isidatta và Purāṇa này ăn cơm của đệ tử, đi xe của đệ tử, sự sinh sống do đệ tử cho, và chính đệ tử đem danh vọng đến cho họ. Nhưng họ không hạ mình, cung kỉnh đối với đệ tử như họ đã hạ mình, cung kỉnh

đối với Thế Tôn. Thật sự những vị này ý thức được sự tối thắng thù diệu nào trong giáo lý của Thế Tôn, một sự thành đạt tuần tự... Bạch Thế Tôn! Đấy là pháp truyền thống thứ bảy của đệ tử đối với Thế Tôn.

Còn nữa, bạch Thế Tôn! Thế Tôn thuộc dòng sát-đế-lỵ, đệ tử cũng thuộc dòng sát-đế-lỵ. Thế Tôn là người nước Kosala, đệ tử cũng thuộc người nước Kosala. Thế Tôn được tám mươi tuổi[1], đệ tử cũng được tám mươi tuổi. Cho dù Thế Tôn và đệ tử có ba điểm giống nhau như vậy, nhưng Thế Tôn lại là bậc Chánh Đẳng Giác, còn đệ tử chỉ là một con người phàm còn rất nhiều lầm lỗi, còn rất nhiều bụi cát trong mắt nên đệ tử sẵn sàng hạ mình tột bực và biểu lộ sự quý kính tột bực đối với Thế Tôn - cũng phù hợp Pháp và Luật vậy!

Bạch Thế Tôn! Nay đệ tử phải đi, đệ tử có nhiều công

---

[1] Đây là theo kinh Dhammacetiya - Trung Bộ. Nhưng theo tôi, thời điểm này, với số tuổi tám mươi e không đúng. Vì rằng, sau đó, đức vua bị tiếm quyền rồi mất ngoài cổng thành kinh đô Rājagaha. Quan nguyên soái Dīgha-Kārāyaṇa tôn Vidūḍabha lên làm vua. Sau khi làm vua Kosala, Vidūḍabha ba lần dẫn binh muốn tiêu diệt dòng Sākya nhưng đều bị đức Phật ngăn cản. Cho đến lần thứ tư, đức Phật mới để tự nhiên cho nhân quả làm việc. Diệt xong dòng Sākya, trên đường dẫn quân về, Vidūḍabha, chư tướng, binh lính bị dòng nước lũ cuốn chết. Thời gian trải qua những biến cố này, tối thiểu cũng trải qua hơn một năm đến một năm rưỡi. Còn nữa, còn thời gian hai vị thượng thủ giáo hội Niết-bàn, thời gian diễn tiến cả bộ kinh Đại bát Niết-bàn nữa... Do vậy, theo người biên soạn, số tuổi lúc này của đức Phật và đức vua Kosala chỉ mới 77, 78 - chừng hạ thứ 42 - 43 là hợp lý hơn chăng?

việc, có nhiều bổn phận phải làm!

Đưa đôi mắt bi mẫn nhìn đức vua, đức Phật nói:

- Đại vương hãy làm những gì nghĩ là hợp thời.

Rồi vua Pāsenadi nước Kosala từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Đạo Sư, thân phía hữu hướng về ngài rồi ra đi.

Nhìn vị cao sang vương giả đầu trần, chân đất, đến một thị trấn xa xôi, hạ mình tột bực, cung kính tột bực hết lời tán thán những *"pháp truyền thống",* sau đó nhẹ nhàng từ giã, không hề thỉnh cầu điều gì cho riêng mình cả - đức Phật do biết rất nhiều việc nên ngài nghĩ thầm: *"Nếu vị đại vương này mang theo tri kiến chơn chánh với những pháp được gọi là truyền thống này mà ra đi thì nghiệp ác sát hại kẻ trung thần kia sẽ không chạy theo kịp mà trổ quả đâu!"*

Hai vị tôn giả Mahā-Moggallāna và Upāli ở bên cạnh, do có nhiều thắng trí nên họ cũng có đồng ý nghĩ như đức Thế Tôn. Chuyện xảy ra sẽ phải xảy ra.

Đức Vua Pāsenadi Chết Thê Thảm

Nhìn chiếc bóng đầu trần, chân đất của đức vua Pāsenadi vừa khuất sau những hàng cây, rồi nhìn vào đế bào, mũ miện, hốt, hia... cùng ấn kiếm quốc bảo đế quyền trên tay mình, quan tân đại nguyên soái Dīgha-Kārāyaṇa chợt động tâm: *"Đây quả là trời, đất, thánh, thần muốn bàn giao đế quyền lại cho ta đây? Hay là do uy linh hiển hách của hương hồn bá phụ Bandhula xui khiến mà nên? Ta đâu cần phải*

âm mưu chiếm đoạt? Cờ đến tay là ta phất thôi!" Niềm vui vừa thoáng qua, một ý nghĩ khác lại nẩy sanh: *"Không được! Không được! Dầu sao, nếu ta làm vua thì danh bất chánh, ngôn bất thuận, ta gặp phải cả một thế lực hoàng gia chống đối. Ta đang thân đơn, thế cô. Phải nên khôn ngoan, sáng suốt hơn một tí mới được! Hãy để cho thằng ranh con Viḍūḍabha làm vua và ta sẽ nắm toàn bộ binh quyền, binh lực, ta sẽ sai khiến tên này như một con rối!"*

Nói là làm, đại nguyên soái Dīgha-Kārāyaṇa cho thỉnh mời Viḍūḍabha ra xa ngoài rừng cây, trao toàn bộ ấn kiếm để quyền cho thái tử, rồi đột ngột, ông quỳ xuống, hô lớn:

- Đại vương vạn tuế! Đại vương vạn tuế...

Thế là quân lính hộ giá tháp tùng đành phải hô theo!

Đối với Viḍūḍabha lại bất ngờ hơn nữa, tự dưng lại được đại nguyên soái Dīgha-Kārāyaṇa tấn phong làm vua, ngoài cả mơ ước, ông ta cũng chẳng cần khách sáo làm gì nữa.

Lễ đăng quang vương vị được thực hiện ngay tại chỗ, chỉ đơn giản là bá cáo trời đất cùng với lời nguyện mang đến vinh quang, giàu mạnh và hùng cường cho đất nước Kosala!

Chỉ để lại hai con ngựa già yếu và một thị nữ trung niên cho đức vua Pāsenadi, tân vương Viḍūḍabha và đại nguyên soái Dīgha-Kārāyaṇa dẫn toàn bộ quân lính tùy tùng tức tốc trở lại kinh đô Sāvatthi. Họ bàn với nhau là sẽ tổ chức một lễ đăng quang cho hoành tráng, phải mời tất cả vị vua chư hầu, bố cáo cho tất cả thiên hạ cùng được biết. Trong thâm tâm, đại nguyên soái Dīgha-Kārāyaṇa nghĩ rằng: *"Phải làm*

vậy để trả thù, nhưng dẫu sao, đây là cuộc trả thù không đổ máu! Ta đã trả được mối đại thù rồi!"

Trong lúc đó, khi đức vua bước ra rừng thì xung quanh đều quạnh vắng. Dưới gốc cây chỉ còn một thị nữ và hai con ngựa.

Không hỏi lý do, đức vua cũng đã biết chuyện gì xảy ra, ông cất giọng trầm tĩnh:

- Là việc làm của ai?

- Đại nguyên soái Dīgha-Kārāyaṇa, tâu đại vương!

- Rồi sau đó?

- Ông ta trao ấn kiếm cho thái tử Viḍūḍabha rồi tôn phong lên ngôi vương ngay tại chỗ!

Ngẫm nghĩ một lát, đức vua suy nghĩ: *"Dīgha-Kārāyaṇa trả mối đại thù đây mà! Bây giờ ta không còn gì nữa cả. Chỉ có cách duy nhất là đến Rājagaha, mượn quân binh của Ajātasattu, về Sāvatthi để lấy lại quốc độ mà thôi!"*

Thế rồi, họ lên đường, không hành lý, không lương thực, không cả nước uống. Từ thị trấn Medataḷumpa của vương quốc Sākya, đức vua quay ngựa trở lại Koliya, sang Malla, qua lãnh thổ các nước liên bang cộng hòa Videha, Moriya... rồi xuống Vesāli, vượt sông Gaṇgā... Là một đấng quân vương uy danh hiển hách, thọ hưởng ngũ dục tối thượng, thế mà trong thoáng chốc trở thành kẻ lữ hành mình trần thân trụi, ngủ đường, ngủ rừng, không màn che trên đầu, không một tấm lót dưới thân. May nhờ người thị nữ có chút tư trang nên cô đã bán dần để mua thức ăn trên dặm đường

thiên lý. Đức vua bây giờ đã bảy mươi bảy tuổi, thân thể suy kiệt già lão, đã mòn khô sinh lực, không chịu đựng được nắng mưa, sương gió nên khi đến cổng thành ngoài Rājagaha, người ông lên cơn sốt, chợt nóng như lò lửa, chợt lạnh như giá băng. Nhìn dãy tường đá cao, dày, kiên cố bao quanh triền núi, ông thở dài:

- Ta sức cùng lực kiệt rồi!

Người thị nữ trấn an:

- Còn có thị nữ đây, tâu đại vương!

Nói thế xong, cô xuống ngựa, dẫn ngựa của mình cùng ngựa của đức vua từng bước một tiến vào cổng thành trong. Nhưng đến đây trời đã quá khuya, nhìn các vọng gác, đuốc thì sáng nhưng không thấy quân canh, cửa thành đóng chặt, ông biết, giờ này là *"nội bất xuất, ngoại bất nhập"*.

Đêm ấy, đức vua và thị nữ nằm nghỉ tạm trên nền đất của một lưu xá dành cho khách bộ hành, đợi sáng ngày vào cung. Nhưng mặt trời lên đã lâu, thấy vua không động tịnh, rời chỗ nằm đến xem thì hóa ra ông đã qua đời! Nghĩ đến thân thế của một đấng quân vương, chúa thiên hạ, oai trùm thiên hạ, mà bỗng chốc, lại nằm chết trên nền đất bụi, cô quạnh, lạnh lùng - cô thị nữ khóc thương, vật vã, đấm ngực, vò đầu, than trời, trách đất... rất là thê lương.

Một vài người đi ngang nghe thấy, rồi thị vệ trên cổng thành biết được cái chết thê thảm của đức vua Pāsenadi, không mấy chốc đến tai đức vua Ajātasattu.

Tức tốc cùng một vài thị vệ lên ngựa đến nơi, thấy thảm

trạng của người quá cố, đức vua Ajātasattu chạy tới, ôm cái xác lạnh mà khóc ròng. Chưa nói đến sự liên hệ bên mẹ, chưa nói đến sự liên hệ bên vợ mà thái độ đối xử đại lượng trong lần đức vua thất trận, khiến ông vô cùng quý kính, thương cảm và nuối tiếc.

Về triều, đức vua Ajātasattu cho tổ chức đại tang trọng thể như là *"đại tang của một quốc vương",* rồi mới hỏi cặn kẽ người thị nữ chuyện xảy ra tại thị trấn Medataḷumpa. Cô ta kể lại mọi chi tiết. Biết được thủ phạm chính là đại nguyên soái Dīgha-Kārāyaṇa và kẻ tòng phạm vui mừng nhận ấn kiếm, mặc nhiên tiếm đế vị là thái tử Viḍūḍabha - đức vua họp triều thần, tuyên bố cử đại hùng binh trừng phạt kẻ phản nghịch!

Nghĩ đến ân đức của đức vua Kosala đối với Māgadha trong lần bại trận năm trước, các quan đại thần ai ai cũng bừng bừng tức giận, đồng ý cử binh với khí thế như trời nghiêng, đất sập để hỏi tội kẻ đã gây ra cái chết bi thương...

Sau nhờ thần y Jīvaka là bậc có trí nên đã ngăn được cuộc báo thù đẫm máu này!

Vậy là một ông vua oai vệ, hiển hách; mặc dầu đã quy Phật, cố gắng làm việc tốt đẹp cho mình và cho muôn dân nhưng chỉ một lúc thiếu suy nghĩ, tâm nghi kỵ, sân hận nổi dậy đã có một hành động tàn ác nên bị trả quả báo hiện tiền. Công đức của bậc nhân chủ Kosala rất lớn đối với đất nước, thái độ hành xử mọi bề đều sáng suốt anh minh – nhưng khi năng lực của nghiệp trổ quả thì ai cũng phải đành chịu bó

tay, giao phó sanh mạnh cho tử thần.

Đức vua Pāsenadi cùng tuổi với đức Phật, nhưng lại băng hà trước Thế Tôn vài ba năm, tuổi thọ chừng 77, 78 tuổi.

Vị Thứ Mười Tám

Thánh Cư Sĩ
Tướng Quân Sīha

(Sư Tử Tắt Tiếng Rống)

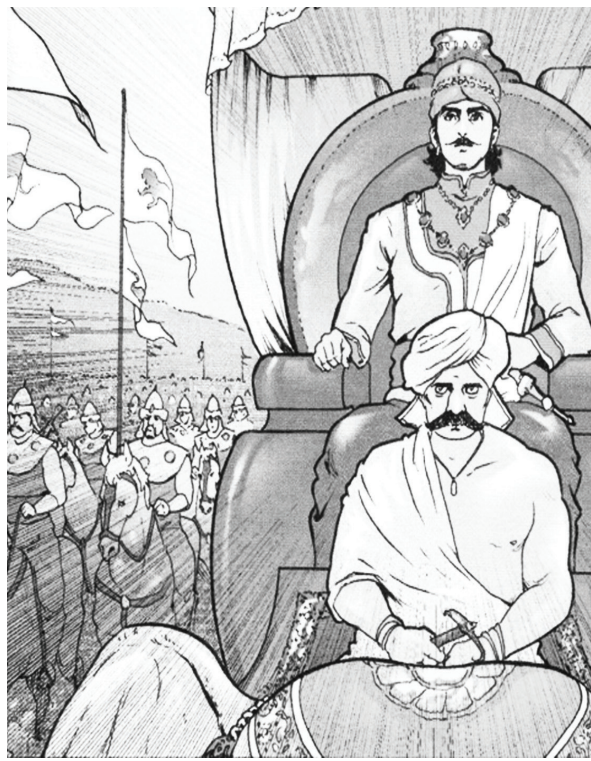

Câu chuyện tại đất nước Vesāli, về bà kỹ nữ Ambapālī[1] quy hướng đức Thế Tôn, đụng độ với hội chúng vương tử, công tử Vesāli; rồi chuyện hớt phần phước đầu, bị hạ đo ván, chuyện một trăm ngàn đồng tiền vàng Kahāpaṇa, chuyện cúng dường vườn xoài xinh đẹp... không mấy chốc đã lan đi khắp nơi. Thật lạ lùng là tâm địa tốt lành của các vị vương tử, công tử này. Họ đã không để tâm giận ghét, lại còn ca ngợi bà kỹ nữ Ambapālī dám coi đống vàng như đất cục, không chịu nhượng buổi cúng dường. Họ cũng không hết lời tán thán oai đức của Phật, oai đức của giáo pháp đã gieo được hạt giống đức tin thánh thiện vào tâm hồn của bà kỹ nữ nhiều tai tiếng ấy. Rồi họ tán tụng đức Phật với những mỹ từ như Đại Giáo Chủ, Đại Thánh Nhân, Đại Siêu Nhân... Chưa thôi, họ còn lấy câu kệ tán thán đức Phật, mừng cho vua Bimbisāra nước Māgadha *khoác khôi giáp bảo châu* đem tụng đọc khắp nơi.

Sīha là bậc tướng quân thủ lãnh của hội đồng tướng lãnh, có biết, có gặp đức Phật, nhưng vốn là đệ tử nòng cốt, thân cận của Nigaṇṭtha Nāṭaputta - nghe những lời tán thán ấy, nghĩ rằng: *"Những lời ca ngợi kia có quá đáng lắm không? Sao chướng cái lỗ tai lắm vậy? Ta hãy đến thầy ta, thưa hỏi để biết rõ hư thực như thế nào?"*

---

[1] Xem đầy đủ trong Con Gái Đức Phật – cùng soạn giả.

Sau khi được hội diện với vị giáo chủ, tướng quân Sīha kể lại điều đã được nghe rồi nói:

- Vậy đệ tử có nên diện kiến sa-môn Gotama để chất vấn ông ta về giáo pháp?

Giáo chủ Niganṭa Nāṭaputta tỏ vẻ thận trọng:

- Ông có biết gì về giáo pháp của sa-môn Gotama hay không mà đòi chất vấn?

- Dạ thưa không! Xin thầy cho đệ tử được nghe!

Vị giáo chủ có vẻ đăm chiêu, nghĩ ngợi, sau đó nói rằng:

- Thật tình thì ta cũng chưa nắm rõ ngữ nghĩa cũng như tinh yếu giáo pháp của sa-môn Gotama. Nhưng có những tư tưởng ta từng được nghe, và quả thật có cái ta hồ nghi, có cái ta thắc mắc, có cái nghe rất xốn tai, có cái lại rất khó hiểu...

Rồi giáo chủ nói liền một hơi, và dường như những điều này ông cũng đã suy nghĩ khá lâu rồi:

- Này nhé! Sa-môn Gotama thuyết về hành động rồi dạy chư đệ tử về hành động. Sa-môn Gotama thuyết về không hành động rồi dạy chư đệ tử việc không hành động. Sa-môn Gotama thuyết về đoạn diệt rồi dạy chư đệ tử cách đoạn diệt. Sa-môn Gotama thuyết về pháp ghê tởm rồi dạy chư đệ tử về sự ghê tởm. Sa-môn Gotama là người thiêu đốt lại giảng về sự thiêu đốt cho chư đệ tử. Sa-môn Gotama là người thoát khỏi thai bào lại dạy cho đệ tử cách thoát khỏi thai bào. Sa-môn Gotama là người tự tin, lại dạy cho chư đệ tử sự tự tin. Sa-môn Gotama là người từ bỏ lại dạy cho chư

đệ tử sự từ bỏ... Đấy, đấy, nếu ông có khả năng hãy đi chất vấn sa-môn Gotama đi!

Nghe như vậy, lòng của tướng quân Sīha chợt lặng đi, lạnh đi; sự bồn chồn, nóng nảy cũng không còn nữa. Vả chăng, thầy của ta cũng chưa nắm bắt được huống hồ gì ta? Nhưng sau đó, tướng quân Sīha đi đâu cũng nghe người ta ca ngợi, tán thán về đức Phật, về giáo pháp một cách rất nhiệt tình, rất hăng say và rất thành kính; không cầm lòng được, ông lên đường với một hội chúng lớn với xe ngựa, với quân lính tiền hô hậu ủng đi diện kiến đức Thế Tôn tại Mahāvana.

Đức Phật tiếp tướng quân Sīha giữa rừng cây. Nếu tướng quân Sīha được đoanh vây bởi hằng trăm binh lính thuộc hạ oai phong lẫm lẫm thì đức Thế Tôn cũng đoanh vây bởi hằng trăm sa-môn áo vàng trang nghiêm và bình lặng.

Sau khi tỏ bày sự kính lễ, tướng quân Sīha nói rõ lý do viếng thăm là thắc mắc về giáo pháp. Ông đã cặn kẽ, chi li trình bày tóm tắt nhưng đầy đủ những điều mà thầy ông đã thuật lại. Để thắt kết, ông nói:

- Bạch đức Thế Tôn! Vậy thì những điều người ta nói như thế là đúng với sự thật hay không đúng với sự thật? Thảng hoặc, những lời nói ấy có chỗ nào là sai trái, có chỗ nào là gièm pha, có chỗ nào là chê bai? Hay tất cả những điều ấy, đằng sau còn có ý nghĩa thâm diệu nào khác, y cứ vào đấy để tu tập, để hành trì mà chúng tôi do trí óc non kém không lãnh hội được chăng?

Thấy cử chỉ và thái độ điềm đạm, từ tốn; ánh mắt trong

sáng, khiêm hòa; cách nói, cách sử dụng câu cú, văn từ... của vị tướng quân toát ra trình độ một người có học, có kiến thức nên đức Phật mỉm cười, muốn tạo một ấn tượng đầu tiên nên ngài nói:

- Giáo chủ Nigaṇṭtha Nāṭaputta thuật lại giáo pháp của Như Lai, như vậy là còn thiếu đấy, này tướng quân Sīha!

Vị tướng quân bất giác rùng mình: *"Vị này còn có khả năng siêu phàm, biết việc xảy ra và cả câu chuyện giữa mình với giáo chủ của mình nữa."* Lấy lại bình tĩnh, ông thưa:

- Xin đức Thế Tôn cho được nghe?

- Vâng, này tướng quân! Như Lai còn thuyết về lửa cháy và dạy về lửa cháy. Như Lai còn thuyết về giết cha, giết mẹ, giết quân binh tùy tùng và dạy về cách giết cha, giết mẹ, giết cả quân binh tùy tùng. Như Lai còn thuyết về vô lượng, vô lượng giải thoát và dạy cho chư đệ tử về điều ấy. Như Lai còn thuyết về giới, về tăng thượng giới, về định, về tăng thượng tâm, về tuệ, về tăng thượng tuệ, về giải thoát, giải thoát tri kiến, về vô tướng, vô tác, vô ái, về vô thủ trước Bát-niết-bàn...

Tướng quân Sīha nghe lùng bùng cả lỗ tai, ông quỳ mọp xuống, bạch rằng:

- Tôi không kham nổi đâu, bạch đức Thế Tôn! Tôi không thể đi sâu vào khu rừng ngữ nghĩa ấy mà không có ngọn đèn của con mắt sáng; không thể bơi qua cái biển kinh pháp ấy mà không có con thuyền của một trí óc thông tuệ. Xin đức Thế Tôn cứ xem tôi như một chiên-đà-la thiếu phước, vô

học hoặc như một thủ-đà-la cả đời chùi ống cống vô tri để giảng nói rành rẽ, bình dân, giản dị, dễ hiểu, dễ nắm bắt nhất... từng điểm một, từng câu một... bạch đức Tôn Sư!

Đức Phật biết, khi ông tướng quân ngoại giáo này, gọi ngài là Thế Tôn thì đúng là ngôn ngữ xã giao; nhưng khi ông sử dụng từ Tôn Sư là đã một phần nào tâm phục, khẩu phục. Thế là ngài với từ bi tâm, cặn kẽ giải thích cho ông ta hiểu hàm ý bên sau của từng câu chữ. Ngài nói rằng:

- Này tướng quân Sīha! Giản dị và dễ hiểu làm sao là những câu nói tóm tắt giáo pháp mà Như Lai đã từng giáo huấn cho môn đệ. Cái được gọi là hành động chính là thân hành, khẩu hành và ý hành; thiện hạnh về thân, thiện hạnh về lời, thiện hạnh về ý chính là điều nên hành động! Cái được gọi là không hành động thì ngược lại, là không ác hạnh về thân, không ác hạnh về lời, không ác hạnh về ý chính là điều không nên hành động...

- Xin đức Thế Tôn giảng rõ cho chút nữa?

- Nghĩa là cái thân này nên làm những việc lành, tốt chứ không nên làm những việc xấu ác. Lời nói cũng vậy mà ý nghĩ cũng vậy.

- Cụ thể là như thế nào, bạch đức Thế Tôn! Vì việc lành, tốt đối với giáo phái này, triết hệ này đôi khi không phải là lành, tốt đối với giáo phái khác, triết hệ khác?

- Đối với Như Lai thì việc lành, tốt là lợi mình, lợi người và lợi cả hai. Việc xấu, ác là hại mình, hại người và hại cả hai. Khi thân không giết người, giết vật, không trộm cắp,

tước đoạt tài vật của người, không tà dâm, tà hạnh, bất chánh - đấy là thân lành, tốt. Khi lời không dối láo, không sai sự thật, không hai lưỡi, không ác độc, không thêu dệt, không nói vô ích, không hoa ngôn xảo ngữ, không nói phù phiếm, trống không, vô ích - đấy là khẩu lành, tốt. Khi ý không tham lam, không sân hận, không tà kiến, si mê - đấy là ý lành, tốt. Ngược lại như thế là xấu ác, này tướng quân Sīha!

Cái được gọi là đoạn diệt phải được hiểu là nên đoạn diệt tham lam, đoạn diệt sân hận và đoạn diệt tà kiến, si mê; tức là làm cho ngưng tắt những việc xấu, ác được khởi sanh từ tâm niệm, ý nghĩ.

Cái được gọi là ghê tởm phải được hiểu là ghê tởm việc làm ác của thân, ghê tởm lời nói ác, ghê tởm suy nghĩ ác; tức là ghê tởm tất cả những gì là xấu ác ở thân, ở lời và ở ý.

Cái được gọi là thiêu đốt có nghĩa là các ác, bất thiện pháp như trên cần phải được thiêu đốt, thiêu cho cháy đi; và ngay cả tro than âm ỉ cũng phải được dụi tắt, nếu không nó sẽ bốc cháy trở lại.

Cái được gọi là thoát khỏi thai bào chính là hạt giống, hạt mầm, những điều kiện luyến ái, đeo dính từ sinh bào này sang sinh bào khác không còn nữa - như cắt lìa các rễ chính, rễ phụ của một thân cây hoặc như cây thốt nốt đã bị đoạn lìa, bứng gốc không còn dư tàn!

Cái được gọi là tự tin, nghĩa là tin vào chính mình, vào bàn tay nắm của mình; địa ngục, khổ xứ, đọa xứ, hạnh phúc người, trời, phạm thiên, Niết-bàn đều do ta tạo ra cả. Tin

vào mình cũng có nghĩa là tin vào nhân quả, nghiệp báo, tin vào con đường thắng phúc, an vui, giải thoát mà mình đã chọn lựa chứ không tin vào thượng đế, đấng thần linh siêu nhiên nào...

- Chỗ này tôi chưa được hiểu. Vậy thì đấng phạm thể (brāhman), đại ngã (mahātman), các thượng đẳng thần: Sáng tạo (brāhmā), bảo tồn (viṣṇu), hủy diệt (siva) cùng hằng trăm ngàn vị thần khác trong truyền thống bà-la-môn phải được hiểu như thế nào, bạch đức Thế Tôn?

- Hãy để phạm trù tôn giáo, tín ngưỡng ấy qua một bên, này tướng quân Sīha! Sẽ còn nhiều cơ hội để Như Lai sẽ giải thích về điều ấy. Vì sao vậy? Vì Như Lai đang nói về căn nguyên của khổ và lạc; và mọi chuyện lành, tốt hoặc xấu, ác ở trên là do thân ta tự làm, do khẩu ta tự làm, do ý ta tự làm - có phải vậy không, tướng quân Sīha?

- Thưa, đúng thế!

- Nhân của xấu, ác thì có quả là khổ; nhân của lành tốt thì có quả là lạc, đấy là vận hành nhân quả nghiệp báo tự nhiên hay do bàn tay thượng đế, thần linh xen dự vào, hở tướng quân Sīha?

- Thưa, tự nhiên!

- Nghĩa là khổ lạc đều do ta tự tạo?

- Đúng vậy!

Đức Phật mỉm cười:

- Vậy là tiếng rống của sư tử (sīha là sư tử) của tướng quân đã xác nhận sự thật, và cũng chính tướng quân đã bác bỏ quyền năng ban phúc, giáng họa của thượng đế và thần linh rồi đấy!

Tướng quân Sīha chợt lặng người. Cả hội chúng đi theo ông ta cũng lặng người. Hóa ra quyền uy của thượng đế, thần linh đã hằng ngàn năm nay - mà chỉ qua vài câu đối thoại của đức Phật chúng đã bị rã tan tức khắc.

- Tuyệt vời thay là đức Thế Tôn! Cao minh thay là nghị luận sắc bén của đức Tôn Sư!

Tướng quân Sīha và quân lính đồng thốt lên ca ngợi, hoan hỷ, mừng vui.

Đức Phật điềm đạm tiếp:

- Bây giờ thì những câu đi sau cũng đều phải được hiểu như vậy. Cái được gọi là từ bỏ - nghĩa là từ bỏ tham, từ bỏ sân, từ bỏ si, từ bỏ tà kiến, mê đắm, dính mắc, chấp thủ vào các ác, bất thiện pháp ấy. Cái được gọi lửa cháy phải được hiểu là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý luôn luôn bị bốc cháy bởi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; chúng mà bốc cháy thì thế gian này sẽ bị bốc cháy! Vậy hãy dè chừng khi chúng gặp nhau, tương quan phát sanh lửa! Cái được gọi là giết cha, giết mẹ, giết cả quân binh tùy tùng - phải được hiểu vô minh là cha, ái dục là mẹ; còn quân binh tùy tùng chính là những tùy miên, những kiết sử: Những tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, tật đố, phản trắc, bạc ác, phản phúc, xan lận, quỷ quyệt, vô ơn, bỏn xẻn, keo kiệt... phải giết chúng đi, chôn

chúng đi. Cái được gọi là vô lượng chính là từ vô lượng, bi vô lượng, hỷ vô lượng, xả vô lượng... Vô lượng giải thoát, nghĩa là khi có được tâm giải thoát, tuệ giải thoát thì bốn vô lượng kia mới được gọi là vô lượng giải thoát; bằng không, chúng còn bị giới hạn trong cõi Sắc giới của Phạm thiên!

Đức Phật vừa nghỉ hơi thì tướng quân Sīha đã quỳ mọp bên chân:

- Thôi vừa rồi, thôi đủ rồi, bạch đức Tôn Sư! Chỉ chừng ấy thôi, là đã quá tuyệt diệu, đã quá choáng ngợp đối với đệ tử rồi! Từ lâu, đệ tử đã sống trong bóng tối, nay đã được đức Tôn Sư dìu ra ánh sáng để thấy được mặt trời. Từ lâu, đệ tử đã bị lạc lối trong mọi ngõ ngách hoang vu của ngu si và tà kiến, nay đã được đức Tôn Sư bi mẫn trao cho ngọn đèn sáng để thắp tâm, thắp trí. Rất tri ân Tôn Sư, tri ân giáo pháp và tri ân hội chúng tỳ-khưu tăng. Xin đức Tôn Sư chấp nhận cho đệ tử là nam cư sĩ, quy y Tam Bảo từ nay cho đến trọn đời.

Đức Phật mỉm cười:

- Giải thích cho tướng quân hiểu là bổn phận của Như Lai; còn việc ông muốn quy y làm môn hạ đệ tử lại là chuyện khác. Ông là người nổi tiếng, phải suy xét cẩn thận, chu đáo trước lúc muốn quy y sẽ tốt đẹp hơn cho ông, nhất là cho bản thân ông, cho giáo phái của ông và trước dư luận xã hội nữa!

Thấy nụ cười thanh thoát của đức Phật và ý nghĩa câu nói hiển lộ phong thái cao cả của bậc Đại Tuệ, đức tin của tướng quân Sīha giống như từng đợt sóng đang dào dạt ở trong lòng:

- Thế thì đệ tử lại càng muốn nương bên chiếc bóng của đức Tôn Sư. Bởi vì lúc đệ tử quy giáo với giáo chủ Nigaṇṭtha Nāṭaputta thì đồ chúng của họ đã vác cờ, đánh trống, thổi kèn đi khắp kinh thành Vesāli rêu rao rằng: *"Bậc thủ lãnh đại tướng quân Sīha đã tự nguyện trở thành đệ tử của chúng tôi rồi! Bậc thủ lãnh đại tướng quân Sīha đã quy giáo giáo chủ Nigaṇṭtha Nāṭaputta vô song của chúng tôi rồi!" Vậy mà ở đây, khi đệ tử xin quy y thì đức Tôn Sư bảo: "Hãy suy xét chu đáo và cẩn thận - điều ấy sẽ có lợi, sẽ tốt đẹp cho bản thân ông, giáo phái của ông và trước dư luận xã hội"*. Ôi! Thật cao cả thay là tâm địa và ngôn hành của bậc Đại minh triết. Khấu đầu đảnh lễ lần thứ hai, xin đức Tôn Sư cho đệ tử được nương tựa cho đến trọn đời!

Đức Phật vẫn chưa thừa nhận, ngài nói tiếp:

- Tướng quân Sīha! Ông hãy suy nghĩ lại đi, đấy là tình thật Như Lai muốn khuyên ông. Tại sao lại cần phải suy nghĩ thấu đáo? Ông không biết sao, từ lâu, ông và gia đình ông là căn nhà mẹ ở ngã tư đường cho giáo chủ và đồ chúng Nigaṇṭtha Nāṭaputta; là nguồn nước ngọt tuôn tràn không bao giờ khô cạn cho giáo chủ và đồ chúng Nigaṇṭtha Nāṭaputta. Hiện tại, người ta đang cần ông và gia đình ông biết bao nhiêu về vật thực, y bát, sàng tọa, thuốc men... Hãy suy nghĩ lại đi!

Tướng quân Sīha lại khấu đầu đảnh lễ nữa:

- Thế thì đệ tử lại càng có thêm đức tin để xin quy y, làm người thiện nam hầu cận đức Tôn Sư nhiều hơn nữa. Tại sao vậy? Vì ở đâu, đi bất cứ đâu, gặp bất kỳ giáo phái chủ,

giáo phái sư nào, họ cũng nói rằng: *"Này thí chủ! Hãy nên bố thí, cúng dường đến ta và đồ chúng của ta. Tại sao vậy? Vì bố thí, cúng dường đến ta và đồ chúng của ta thì sẽ được lợi ích lớn, phước báu lớn - còn bố thí, cúng dường đến tôn giáo khác, hệ phái khác sẽ không có lợi ích, sẽ không có phước báu!"* Còn ở đây, tại đây, ở trong giáo pháp thiêng liêng, trong sạch này, đức Tôn Sư lại dạy: *"Hãy suy nghĩ cẩn thận! Hãy suy nghĩ lại đi! Vì ông và gia đình ông là căn nhà mẹ ở ngã tư đường, là nguồn nước ngọt không bao giờ khô cạn cho giáo chủ và đồ chúng Nigaṇṭtha Nāṭaputta!"* Ôi! Cao thượng thay là lời nói này! Đây là lần thứ ba, đệ tử xin được quy y với đức Tôn Sư cao thượng, giáo pháp cao thượng và hội chúng tỳ-khưu tăng cao thượng!

Biết được đức tin vững chắc ở nơi ông tướng quân, đức Phật thuyết một thời pháp, nói cho rõ ràng, cụ thể hơn về bố thí, trì giới; sự hạ liệt, nhiễm ô của các dục; tâm và cảnh các cõi trời; sự lợi ích cao thượng từng bước một của sự từ bỏ, xuất ly... Theo dõi tâm và trí của vị tướng quân, đức Phật biết ông ta đã sẵn sàng; nghĩa là nhu nhuyến, mềm mỏng dễ uốn nắn; có sự tĩnh lặng, hướng thượng; các chướng ngại còn rất nhẹ nên ngài đã giảng pháp cao hơn, thù thắng hơn. Đức Phật tuần tự phơi bày về những sự thật về khổ, nguyên nhân sanh khởi các khổ, sự diệt khổ và con đường, đạo lộ đến nơi giải thoát và bất tử.

Cũng giống như tấm vải sạch chưa bị vết nhơ có thể nhuộm màu dễ dàng; tương tợ vậy, ngay giây khắc ấy, tại chỗ ngồi ấy, Pháp nhãn thanh tịnh không nhiễm trần cấu đã sanh khởi đến tướng quân Sīha. Mọi hoài nghi tiêu tan, ông

đã thấu hiểu pháp, thấy pháp, thấm nhuần bởi pháp, ông đã đi vào dòng, đã đắc quả Tu-đà-hoàn!

Tướng quân Sīha chảy nước mắt, ông hoan hỷ quá, quỳ mọp ôm chân bụi của đức Đạo Sư không nói nên lời. Đức Phật, sau đó, cho ông thọ trì quy giới và im lặng nhận lời buổi thọ trai tại nhà ông vào ngày mai. Ngài cũng không quên dặn bảo tướng quân Sīha điều quan trọng:

- Bây giờ ông đã là đệ tử của Như Lai, sống trong giáo pháp thanh tịnh và cao thượng thì ông phải biểu lộ cho kỳ được đức hạnh thanh tịnh và cao thượng ấy: Vẫn cứ làm căn nhà mẹ và nguồn nước ngọt cho giáo chủ và đồ chúng Nigaṇṭtha Nāṭaputta đấy nhé!

Trở về nhà rồi mà lòng còn bổi hổi, bồi hồi vì suốt cuộc đời, chưa có khi nào mà ông tướng quân có được niềm vui nhẹ nhàng, siêu thoát như hôm nay! Cái hỷ lạc thanh tịnh này nó cứ bập bùng, cứ âm ỉ, cứ reo ca mãi... như chim vui đầu cành, như giọt nắng trong lành buổi tinh sương, như đám mây trắng nhẹ nhàng lướt qua, lướt qua...

Nghĩ đến buổi cúng dường ngày mai, ông cho gọi người quản gia đến để chỉ việc. Ông nói đại lược rằng, ta sẽ có cuộc cúng dường lớn đến đức Tôn Sư của ta cùng hội chúng tỳ-khưu năm trăm vị. Hãy triệu tập gia nhân và người làm công để làm các căn lều vải, bàn ghế cao thấp, các chỗ ngồi có tọa cụ, có lót thảm để tới lui và thảm chùi chân. Đây đó phải có những ghè nước, những khăn chùi chân, khăn rửa tay có tẩm hương. Điểm xuyết chỗ này chỗ kia là tất thảy mọi loại hoa nhiều hương sắc kiếm tìm được. Nấu ăn

trai soạn phải đầy đủ thượng vị loại cứng, loại mềm, bánh trái gì đó ngon thơm, bổ béo và ngọt ngào nhất. Phải nhớ, ngày mai chính là ngày kỷ niệm mà ta được sinh ra trong giáo pháp của đức Tôn Sư đấy! Vậy phải làm sao cho trọng thể, tốn kém tiền bạc đừng có để mắt tới! Ông còn nhớ bữa cúng dường thọ trai của kỹ nữ Ambapālī không, hở? Cứ nhớ chuyện ấy mà làm!

Người quản gia tài giỏi và mau mắn nhận lãnh trách nhiệm nhưng lại hỏi:

- Chúng ta có sẵn hằng trăm chú gà vịt đang tơ, cũng có mấy chú nai, dê, cừu đang tơ, nhưng có cần mua thêm những con thú đặc biệt như bê sữa, như gà rừng, như bồ câu non để giết thịt cho thêm chất, thêm hương vị không, hở chủ?

Tướng quân Sīha chợt mỉm cười, nhẹ nhàng vỗ vai vị quản gia trung tín:

- Này, ông bạn già! Bây giờ ta không còn là con người cũ nữa. Rồi tất cả vật nuôi kia ta sẽ thả hết, ta sẽ cho đi hết... Ông nên nhớ rằng, từ rày về sau, thức ăn trong nhà, trong trang trại phải là những con vật đã chết rồi. Ngày mai là thế, sau này cũng thế! Tấm lòng của ta, ngôi nhà của ta phải biết che chở, bao dung và biết quý trọng sự sống của muôn loài!

Người quản gia trố mắt. Đúng là phép lạ! Cái ông Thế Tôn kia quả là trổ tài ảo thuật thật rồi, trong thời gian ngắn ngủi, chỉ chừng bóng mấy con ngựa chạy mà có thể biến chuyển tâm tánh của một ông thủ lãnh tướng quân như thế,

không là kỳ diệu sao?

Cuộc bố thí, cúng dường lớn mới qua đi nửa buổi mà dư luận kinh thành Vesāli đã bàn tán sôi nổi. Người quản gia về kể cho tướng quân nghe rằng: *"Rất nhiều đồ chúng của Nigaṇṭtha Nāṭaputta đi từ đường phố này sang đường phố khác, từ ngõ lớn này sang ngõ nhỏ khác; chúng quơ tay kêu réo, la hét đến khản giọng như sau: Hôm qua, tướng quân Sīha đã giết những con thú lớn, thú nhỏ làm bữa trai phạn để đãi đằng sa-môn Gotama cùng đệ tử của ông ta. Sa-môn Gotama tuy biết được điều ấy nhưng vẫn thọ dụng như thường. Thế là đã rõ, giáo pháp ấy là tà mạng, bất chánh. Người cố ý giết thịt và kẻ cố ý ăn thịt đều chịu chung một sát nghiệp như nhau!"*

Tướng quân Sīha trầm tĩnh hỏi người quản gia:

- Ví như ta trả lời thì phải nói làm sao với sự đặt điều rỗng không ấy?

- Thưa chủ! Con đã được ngắm nhìn đức Thế Tôn và hội chúng tỳ-khưu. Con đã thấy phong thái, cử chỉ và tư cách của họ lúc đi đứng, lúc nhận vật thực cũng như khi thọ dụng, vo tròn từng vắt cơm nhỏ, rất cẩn trọng và rất tri túc. Thật khác xa một trời một vực với giáo chủ và giáo chúng Nigaṇṭtha Nāṭaputta trước đây. Con lại được nghe pháp nữa. Thật là mát mẻ và hoan hỷ cái lỗ tai. Bữa trai phạn lại tự tay con làm theo lệnh của chủ. Vậy thì những lời mà giáo chúng kia cố ý vu cáo, phỉ báng đức Phật, cố ý vu cáo, phỉ báng đức Pháp, cố ý vu cáo, phỉ báng đức Tăng thì

rõ là chúng không tự lượng sức mình, đã phí công một cách vô ích chẳng thể nào làm tổn hại uy tín của giáo hội chơn chánh được.

- Đúng lắm, này ông quản gia! Từ rày cho đến trọn đời, một con sâu, một cái kiến ta cũng không giết hại. Mà cho dù có bị uy hiếp đến tính mạng, ta cũng không tước đoạt sự sống của loài hữu tình đâu, ngươi nên nhớ như vậy!

Đấy đúng là sự thật trong tâm của vị thánh đệ tử.

Vị Thứ Mười Chín

Thánh Cư Sĩ Upāḷi

(Quay Đầu Là Vào Dòng)

Hôm ấy, đức Phật và đại chúng tỳ-khưu lại lên đường, bắt đầu một cuộc du hành về hướng làng Nālakagāma[1], sinh quán của tôn giả Sāriputta, ngụ tại khu rừng Pavarikāmba. Nơi đây cũng gần làng Mahātiṭṭha của tôn giả Mahā Kassapa, gần làng Kolilagāma của tôn giả Mahā Moggallāna. Đức Phật lặng lẽ không nói gì, nhưng chính là ngài đang tạo cơ duyên cho ba vị thượng thủ A-la-hán tiếp độ thân quyến của họ. Còn đức Phật thì có việc riêng của ngài.

Đạo sĩ Dīghatapassa (Trường Khổ Hạnh giả) thuộc phái Nigaṇṭtha, sau khi khất thực ở Nālanda, độ ngọ xong, trên đường trở về, nghe đức Phật và đại chúng tỳ-khưu đang ngụ tại rừng Pavarikāmba nên ông tìm đến thăm. Sau vài lời chào hỏi xã giao, ông đứng một bên.

Đức Phật hiền từ, lịch thiệp nói:

- Có tấm đá đấy, ông hãy ngồi xuống đi!

Khi đạo sĩ Dīghatapassa đã an vị xong, đức Phật bắt đầu vào đề:

- Này Tapassa! Cho Như Lai được hỏi, thầy của ông, giáo chủ Nigaṇṭtha Nāṭaputta chủ trương có bao nhiêu loại nghiệp để tạo thành ác nghiệp, để có thể diễn tiến ác nghiệp?

---

[1] Đôi nơi còn gọi là Nālanda - và sau này là trường đại học Nālanda.

- Thưa sa-môn Gotama! Giáo chủ của chúng tôi không có thông lệ chủ trương nghiệp, nghiệp, không nói về nghiệp; mà chỉ nói đến *"phạt, phạt"*. Phạt, phạt là chủ trương của giáo chủ chúng tôi.

- *"Phạt, phạt",* nghe rõ rồi; nhưng Như Lai muốn hiểu từ *"phạt"* ấy, nó mang ý nghĩa như thế nào mới đúng với quan điểm của quý giáo?

- Phạt có nghĩa là *"bắt chịu, gánh chịu, nhận chịu..."* ví như một sự thiệt thòi, một khổ cực, một cái gì bất hạnh... Nghĩa phạt ấy, chính xác là như vậy, thưa sa-môn Gotama!

- Như Lai hiểu rồi! Vậy thì quý giáo chủ chủ trương có bao nhiêu loại phạt để tạo thành ác nghiệp, để có thể diễn tiến ác nghiệp?

- Thưa, giáo chủ chúng tôi chủ trương có ba loại phạt để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp, đó là thân phạt, khẩu phạt và ý phạt.

- Thế có nghĩa là thân phạt khác, khẩu phạt khác và ý phạt khác?

- Đúng vậy, thưa sa-môn Gotama!

- Vậy thì trong ba loại phạt ấy, loại phạt nào là tối trọng, là quan trọng nhất để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp, này Tapasa?

- Thân phạt là tối trọng, là quan trọng nhất, thưa sa-môn Gotama!

Đến đây, đức Phật bèn gặng hỏi:

- Ông nói *"thân phạt"* là tối trọng, là quan trọng nhất so với khẩu phạt và ý phạt?

- Đúng vậy!

- Thân phạt là tối trọng thật chăng?

- Đúng vậy!

- Thân phạt, Như Lai không lầm lẫn đấy chứ?

- Đúng vậy!

Nghe đạo sĩ Dīghatapassa xác định ba lần thân phạt là quan trọng, là tối trọng, đức Phật chỉ mỉm cười và không nói gì thêm nữa.

Đợi một hồi không nghe đức Phật đưa ra kết luận quan điểm ấy là đúng hay là sai, nóng ruột, Tapassa hỏi:

- Thế sa-môn Gotama có quan điểm như thế nào về điều ấy? Sa-môn Gotama chủ trương có bao nhiêu loại phạt để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp?

Đức Phật mỉm nụ cười nhẹ:

- Như Lai không có quan điểm, không có chủ trương, này Tapassa!

Du sĩ Niganṭtha Dīghatapassa ngơ ngác.

Đức Phật tiếp:

- Có quan điểm, có chủ trương là còn ở trên bình diện giả thiết, giả định, giả đoán, suy luận... Như Lai do thấy và biết nên Như Lai chỉ nói lên cái thấy cái biết như thực ấy

thôi, này Tapassa!

- Vậy sa-môn Gotama thấy biết có bao nhiêu loại phạt?

- Cũng do sự thấy biết ấy, Như Lai không bao giờ nói phạt, phạt, này Tapassa! Như Lai thấy rõ nghiệp nên Như Lai chỉ nói sự thực về nghiệp cùng những tương quan phát sanh của nó.

- Cái nghiệp ấy như thế nào hở sa-môn Gotama?

- Như Lai thấy rõ là có ba nghiệp, ấy là thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp, này Tapassa!

- Trong ba nghiệp ấy, nghiệp nào là tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp?

- Như Lai thấy rõ ý nghiệp là tối trọng!

- Sa-môn Gotama bảo ý nghiệp là tối trọng?

- Đúng vậy!

- Thật không, ý nghiệp là tối trọng?

- Đúng vậy!

- Ý nghiệp là tối trọng, tôi nghe không lầm đấy chứ?

- Ông không lầm đâu!

Khi nghe đức Phật xác định ba lần ý nghiệp là tối trọng, du sĩ Nigaṇṭtha Dīghatapassa không hỏi gì nữa, không nói gì nữa, cũng không tranh luận; ông tôn kính khẽ chào ngài, lặng lẽ đứng dậy từ chỗ ngồi rồi ra khỏi khu rừng. Vừa đi, đạo sĩ vừa nghĩ: *"Kinh khiếp thay là vị sa-môn này; ông*

cuốn hút người ta, ông hấp dẫn người ta như là có huyễn thuật vậy. Bình thường, lúc đàm thoại, kể cả tranh luận, ta đâu có thua ai? Nhưng sao đối với vị sa-môn này, ta cảm giác như bị lép vế, bị lấn cấn, bị run sợ... rồi cuối cùng là bị nghiêng theo, bị ngả theo lúc nào cũng không biết! Thật là ớn lạnh. Còn cái - Như Lai không có chủ trương, không có quan điểm - mới lạ lùng làm sao? Ta chưa hề nghe thấy bao giờ! Dường như mọi chân lý ông đều đã thấy cả rồi, đã kiểm nghiệm chắc thật rồi - bây giờ ông chỉ việc nói ra mà thôi? Điều cuối cùng, không biết tại sao, ở đâu, vì cái gì không biết: Vị sa-môn này, đối thoại với ai rồi, thì dường như có một mãnh lực, một uy lực - nó bắt mọi người phải tôn trọng, phải kính trọng ông ta! Và quả thật, mình cũng không ngoại lệ". Dīghatapassa thấy rầu rầu trong lòng, định phải kể lại toàn bộ cuộc đối thoại này cho giáo chủ của ông ta nghe.

Và sau đó, Dīghatapassa đã tìm đến ngôi làng Balāka kế cận, tại trang viên của trưởng giả Upāli, rất đông gia chủ và giáo chúng Nigaṇṭtha đang tề tựu ở đây để nghe giáo chủ Nāṭaputta thuyết pháp. Người có uy tín, lãnh đạo hội chúng gia chủ tại ngôi làng này chính là trưởng giả Upāli.

Khi thấy Dīghatapassa từ xa đến với khuôn mặt rầu rầu, giáo chủ Nāṭaputta cất tiếng hỏi:

- Này Tapassa! Ông từ đâu đến mà trông cái bản mặt, cái vẻ mặt như đưa đám thế?

- Đệ tử từ sa-môn Gotama mà đến đây, thưa tôn sư!

- Thế ông có đàm luận gì với sa-môn Gotama không?

- Thưa có, câu chuyện vừa chấm dứt xong là đệ tử đến đây ngay.

- Cuộc đàm thoại ấy có nội dung thế nào, này Tapassa!

Đạo sĩ Dīghatapassa bèn trung thực kể lại.

Ông giáo chủ khen ngợi:

- Thật là tốt lành thay! Thật là tốt đẹp thay! Ông là một đệ tử đa văn, hiểu biết, đã hiểu đúng đắn lời dạy bảo của ta, đã nói chính xác quan điểm của ta cho sa-môn Gotama nghe. Làm sao mà cái ý phạt hèn kém, thấp thỏi lại có thể sáng chói, có đủ uy lực so với thân phạt cường đại này kia chứ? Đúng là thân phạt mới là cái tối trọng!

Trưởng giả Upāli cũng tán dương Tapassa:

- Xứng đáng lắm! Xứng đáng lắm! Tôn giả Tapassa đã làm nở mày, nở mặt chúng ta! Trước một đối thủ đáng gờm như sa-môn Gotama mà tôn giả vẫn giữ vững được lập trường của đức Tôn Sư! Thật là tuyệt vời!

Đạo sĩ Dīghatapassa đứng một bên, nghe ca tụng mình cảm thấy khó chịu quá, như có cái gì đâm trong óc; nhưng ông ta không thể nói xen được một câu nào vì mọi người đang phấn khích và đang sôi nổi nói chuyện quá ồn ào!

Trưởng giả Upāli thì đang trên đà hưng phấn, thưa với giáo chủ Nāṭaputta:

- Bạch Tôn Sư! Hãy cho đệ tử được đi luận chiến với

sa-môn Gotama! Đệ tử sẽ chơi trò chơi như nắm chặt con cừu lông dài mà vặt trụi nó như vặt trụi kiến thức của sa-môn Gotama vậy. Đệ tử sẽ chơi trò chơi quần tới, dặc lui, vần quanh làm cho lý luận của sa-môn Gotama tắt hơi, ngất xỉu luôn! Đệ tử sẽ chơi trò chơi lắc qua, lắc lại làm cho chữ nghĩa của sa-môn Gotama xây xẩm, mệt đừ! Đệ tử sẽ chơi trò chơi của con voi phun nước làm cho mọi chủ trương, lập trường của sa-môn Gotama không còn có chỗ nào mà đón đỡ! Hãy cho đệ tử được đi luận chiến với sa-môn Gotama một trận!

Nāṭaputta cười ha hả, gật đầu lia lịa, đắc ý nói:

- Phải! Trong hội chúng này chỉ có ta, ông và Tapassa mới có đủ khả năng luận chiến với sa-môn Gotama mà thôi!

Nghe giáo chủ đồng ý theo yêu cầu của trưởng giả Upāli, đạo sĩ Dīghatapassa chợt can ngăn:

- Đệ tử thật không an tâm chút nào khi Tôn Sư đồng thuận cho trưởng giả Upāli luận chiến với sa-môn Gotama!

Nāṭaputta nhăn mày hỏi:

- Tại sao? Tại sao hử? Tại sao thế, Tapassa? Ta nghĩ rằng, sẽ không có trường hợp Upāli của ta thua cuộc rồi làm đệ tử sa-môn Gotama đâu! Phải hiểu ngược lại mới đúng. Sa-môn Gotama sẽ bị hạ đo ván rồi ông ta sẽ cam tâm làm đệ tử của Upāli cho mà xem! Hãy chống mắt cho to ra!

Dīghatapassa vẫn giữ ý mình:

- Nói gì thì nói, đệ tử cũng không an tâm! Đệ tử không

bao giờ đồng thuận việc này.

Khi giáo chủ gặng hỏi mãi lý do, Dīghatapassa bèn phải nói ra cảm nhận của mình. Với giọng chậm rãi, điềm đạm, ông lim dim mắt như hồi ức rồi nói:

- Đệ tử cảm giác sâu sắc rằng, sa-môn Gotama là một con người không phải tầm thường. Không nói đến tướng mạo đoan trang, nghiêm chính một cách lạ kỳ. Không nói hào quang trí tuệ dường như tỏa sáng xung quanh, tỏa sáng nơi vừng trán, đôi mắt và cả nơi từng ngón tay. Không nói đến ngôn ngữ, âm thanh mà có lẽ lần thứ nhất trong đời, đệ tử cảm giác nghe được tiếng nói vi diệu không phải của nhân gian trần tục. Đệ tử chỉ nói đến cái cách mà sa-môn Gotama rất thiện xảo trong cách sử dụng ngôn ngữ và cách đặt vấn đề. Chỉ sơ sẩy, lơ là một chút là lập trường tư biện của ta sẽ bị mất tích vào nội dung luận chứng của ông ta ngay lập tức mà không hề hay biết...

Cả hội chúng rúng động. Im lặng.

Dīghatapassa thủng thỉnh nói tiếp:

- Cái ấy tuy ghê vậy nhưng chưa quan trọng...

Mọi người dồn dập hỏi:

- Vậy cái gì quan trọng hơn?

- Thưa, chính là sự hấp dẫn, cuốn hút! Khi đối thoại, đệ tử vừa cảm nhận một từ trường rất an lành, mát mẻ tỏa khắp châu thân, đồng thời như bị say mê cuốn hút vào trong mà không có cách chi cưỡng lại được...

Nói đến ngang đây, Dīghatapassa nhìn mọi người, cất giọng có vẻ thành khẩn, kết luận:

- Sa-môn Gotama còn là một huyễn sư, đã sử dụng huyễn thuật vô hình lôi cuốn cả hằng ngàn, hằng ngàn đồ chúng ở khắp mọi nơi, trên khắp các quốc độ! Hai vị đại vương đại đế của châu Diêm-phù-đề và cả triều đình đều là đệ tử của ông ta. Biết bao nhiêu là trí thức, đại trí thức của thiên hạ đổ xô tìm về quy giáo. Hằng chục, hằng trăm hoàng thân, vương tôn, công tử, danh gia, đại danh gia, thủ lĩnh tướng quân, đại thần, quan tổng trấn, triệu phú, đại triệu phú, công chúa, công nương, vương phi, quận chúa, tiểu thư... đều trở thành thuộc hạ tứ chúng trong giáo hội độc thân vô tiền khoáng hậu ấy! Chúng ta phải lưu ý như vậy! Xem thường đối thủ sẽ thất bại đấy! Mà đối thủ này là ai kia chứ? Người ta bảo là vị Phật đấy, không lầm đâu! Một đức Chánh Đẳng Giác chính thị con nai vàng đấy, không phải thứ giả đâu! Xin mọi người hãy tự biết mình! Xin mọi người hãy cẩn trọng!

Giáo chủ Nāṭaputta bàng hoàng cả người, nhưng ông ta là người trấn tĩnh sớm nhất, cất giọng lớn:

- Thế là ông bị hớp hồn, cuốn hút vào ngôn ngữ, âm thanh của sa-môn Gotama rồi cảm nhận bậy bạ, đưa ra những nhận xét cảm tính chủ quan! Sa-môn Gotama chỉ dụ dỗ được những người yếu bóng vía, ba cái thứ tôm tép lắt nhắt lăng nhăng mà thôi!

Rồi nhìn Upāli, ông nói to:

- Ông có sợ không, Upāli?

- Không sợ! *Trưởng giả Upāli cứng rắn đáp* - Không vào hang hùm làm sao bắt được cọp con?

- Phải vậy!

Rồi mọi người cùng cười ha hả với nhau rất tâm đắc. Riêng Dīghatapassa thì trông cứ vẫn đăm chiêu, rồi cảm thấy buồn đau ở trong lòng, tự nghĩ: *"Cả một đám hổ lốn, ngu si, ngốc nghếch, chợ búa, ồn ào, tự mãn như vậy mà đòi đi đối thoại với bậc thiện trí thức trên đời này! Than ôi!"*

Trưởng giả Upāli, sau đó, tức khắc đi đến rừng xoài Pavarika, vào gặp đức Phật và sau đó đã xảy ra cuộc đàm thoại như sau.

- Thưa sa-môn Gotama! Có phải vừa rồi, trong cuộc nói chuyện với đạo sĩ Tapasa, đức Thế Tôn có xác định, trong ba nghiệp, ý nghiệp là quan trọng nhất, hơn cả thân và khẩu?

- Đúng vậy, này trưởng giả Upāli!

- Làm sao, cái ý nghiệp nhỏ nhiệm, mơ hồ, vô hình lại có thể có năng lực, có tác động mạnh hơn hai nghiệp kia, nhất là thân nghiệp cụ thể và cường đại này?

- Này trưởng giả Upāli! Ông có thể y cứ nơi sự thật để cùng đàm luận với Như Lai được chăng?

- Có thể được, thưa sa-môn Gotama!

- Này Upāli! Giáo chủ của ông có khi nào nhắc đến một

cảnh giới có tên là Manosatta không?

- Dạ thưa có!

- Cảnh giới ấy tại sao lại có tên là Manosatta[1], ông có biết hay không?

- Thưa biết, cảnh giới ấy do chấp trước ý, do ý sanh nên gọi tên là chúng sanh do ý sanh!

- Ông bảo là do ý sanh, nói cách khác chính là do ý nghiệp (manokamma) sanh?

- Thưa vâng, ý nghiệp sanh!

Đức Phật mỉm cười, nhìn ông trưởng giả, điềm đạm nói:

- Do chấp trước ý, do ý sanh, do ý nghiệp! Hay lắm! Gia chủ, khi trả lời như thế ông đã suy nghĩ kỹ càng, thận trọng chưa? Ông không sợ lời nói sau của mình đã phủ nhận lời nói trước của mình hay sao?

Trưởng lão Upāli lặng người, tái mặt. Lát sau, định tĩnh lại, ông vẫn nói:

- Dầu thế nào, tôi vẫn với quan điểm thân nghiệp mới là tối trọng; mong rằng vẫn có thể tiếp diễn cuộc đối thoại này chứ, thưa sa-môn Gotama?

- Có thể được, này Upāli, nếu ông vẫn y cứ trên sự thật!

- Thưa vâng!

---

[1] Mano, biến thể của mana là ý, là tâm, tinh thần; satta là chúng sanh, là hữu tình.

- Như Lai biết rằng, *đức Phật tiếp tục* - một đạo sĩ Nigaṇṭtha phòng hộ bốn loại cấm giới rất cẩn trọng. Có người vừa đi vừa quét con đường trước mặt, sợ đạp nhằm giun dế, kiến, các loài côn trùng. Có người chỉ uống nước khi đã nấu chín. Có người uống nước ao hồ sau khi đã lọc ba lần. Như thế nào hở ông gia chủ? Các vị ấy có đảm bảo rằng, trong gió, trong hư không, khi hít thở vào lại không có chúng sanh? Có đảm bảo rằng dưới bước chân đi, trong chỗ ngồi, nằm, trong những gáo nước đã uống ấy lại không sát hại những sinh vật li ti nhỏ bé mà mắt thường không thấy được?

- Có thể lắm! Nhưng, không cố ý là không có tội!

- Nếu cố ý thì sao?

- Là có tội, thưa sa-môn Gotama!

- Vậy chỗ quan trọng hóa ra là ý, cũng là ý nghiệp?

- Đúng là ý nghiệp!

Đức Phật lại mỉm cười nữa:

- Không cố ý, không có tội! Cố ý, có tội, ý nghiệp! Hay lắm! Câu trả lời này ông có thấy là ông đã tự phủ nhận lập luận của mình, quan điểm của mình chăng?

Trưởng giả Upāli không tái mặt nữa. Qua hai đoạn đối thoại, qua hai ví dụ cụ thể y cứ trên sự thực của đức Thế Tôn, ông đã nhìn ra vấn đề, đã thấy rõ vấn đề. Tuy nhiên, vì muốn học hỏi, ông vẫn giữ quan điểm đối lập.

- Tuy hay lắm, đúng lắm; nhưng vẫn chưa thuyết phục được tôi, thưa sa-môn Gotama!

- Thôi được! *Đức Phật gật đầu* - Như Lai cũng kiên nhẫn đưa thêm vài ví dụ cụ thể nữa, được chăng?

- Thưa vâng!

- Ở vùng này, dân cư có vẻ đông đúc lắm, phải không trưởng giả Upāli quý mến?

- Dạ, đông lắm!

- Nếu có một người điên, hung khí nổi lên, sát khí nổi lên - cầm vũ khí sáng ngời trên tay, y nói với mọi người rằng: *"Chỉ trong một thoáng khắc, một sát-na, với thanh kiếm này, tôi sẽ làm cho tất cả mọi người trong vùng này thành một đống thịt, thành một khối thịt?"* Lời của người điên ấy, sẽ thành hiện thực không, khi chỉ với một cây kiếm, trong thời gian một thoáng khắc, một sát-na?

- Thưa, không thể! Dẫu là một kiếm sĩ, kiếm vương, với một thanh kiếm trong thời gian một thoáng khắc, một sát-na thì giết vài người đã không được, mười người lại càng không thể, huống hồ dân cư đông đúc cả một vùng!

- Thế nhưng, này gia chủ! Nếu có một đạo sĩ có uy lực, có đại uy lực do thành tựu đại chú thuật, với tâm sân hận, y nói rằng: *"Ta sẽ giết hết tất cả mọi người trong mấy ngôi làng này, chỉ trong một thoáng khắc, một sát-na mà thôi!"* Lời của đạo sĩ ấy không biết có thể trở thành hiện thực được không? Trong một thoáng khắc, một sát-na, với tâm sân hận, y có làm được thế chăng, Upāli?

- Có thể được, thưa sa-môn Gotama! Với tâm sân hận,

với đại uy lực do đại chú thuật, trong một sát-na, y không những giết hết mọi người trong mấy ngôi làng, mà còn nhiều hơn thế nữa cũng được đấy!

Đức Phật lại gật đầu, mỉm cười:

- Ông trưởng giả vừa xác nhận là một người, với một thanh kiếm, trong một sát-na, sức hủy diệt của nó không đáng kể gì so với một đạo sĩ có đại chú thuật, có đại uy lực?

- Thưa vâng!

- Thế ra, cái sức mạnh của thân, thân lực không thể nào so sánh được với sức mạnh của ý, ý lực?

- Nhất định vậy rồi!

Nói thế xong, trưởng giả Upāli biết mình không thể nào đứng vào thế đối lập được nữa, ông phụ họa theo:

- Các khu rừng lớn, các khu rừng có tên có tuổi như rừng Daṇḍaka, Kaliṇgā, Mejjha, Mātaṅgā... bị thiêu hủy, mà hiện giờ ai ai cũng không quên được là do tâm sân hận của các đạo sĩ độc ác đấy, thưa sa-môn Gotama!

- Ừ, đúng vậy! *Đức Phật nói* - Hóa ra ông đã hoàn toàn đồng ý với Như Lai là ý nghiệp có sức mạnh tối thắng hơn là thân nghiệp?

Trưởng giả Upāli chợt quỳ xuống, năm vóc sát đất, vô cùng cung kính đảnh lễ đức Phật rồi thưa rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Chỉ với ví dụ đầu tiên *"rất ngắn gọn, rất minh nhiên, y cứ trên sự thật"* của ngài về *"Ý trước*

thiên" đệ tử đã hiểu ra toàn bộ, đã vô cùng thỏa mãn, hoan hỷ. Nhưng vì đệ tử còn muốn học hỏi, còn muốn hiểu rõ sâu cạn, xa rộng của vấn đề nên đã tự trấn tĩnh mình, đứng vào thế đối lập có vẻ ngu si và cố chấp, xin đức Thế Tôn đại bi xá tội ấy cho đệ tử.

Vị gia chủ đảnh lễ một lần nữa rồi chấp tay, nói tiếp:

- Ôi! Thật là vi diệu thay! Thật là rõ ràng, minh bạch thay! Đức Tôn Sư đã bi mẫn và nhẫn nại dùng nhiều phương pháp trình bày, ví dụ, giải thích như trao cho đệ tử một ngọn đèn, một đôi mắt sáng để thấy rõ cái cốt lõi của giáo pháp. Vậy nay đệ tử xin quy y Thế Tôn, quy y giáo pháp, quy y chúng tỳ-khưu tăng. Mong đức Thế Tôn nhận đệ tử làm người cư sĩ từ nay cho đến mạng chung, trọn đời quy ngưỡng.

Biết được Upāli là người trí thức, đã có sự sáng suốt và tự do trong việc lựa chọn của mình nên đức Phật thuận theo cơ duyên, thuyết cho ông nghe một thời pháp. Đầu tiên, ngài nói về thí, về giới, các cảnh trời; sau đó mới nói đến sự thấp thỏi, hạ liệt, nhiễm ô và sự nguy hiểm của các dục; sự an vui và hạnh phúc của sự lìa thoát, bước ra khỏi chúng. Khi biết Upāli trí rất nhạy bén, tâm đã sẵn sàng, đức Phật bèn tiếp tục giảng nói cái cốt lõi nhất của tứ diệu đế. Không ngờ do phúc dày, duyên đủ, nghe xong, Upāli lìa bỏ được tri kiến cũ, nắm bắt ngay được tri kiến mới, chứng được Pháp nhãn thanh tịnh, thảnh thơi với những bước chân đầu tiên dẫm lên mảnh đất bất tử của giáo pháp.

Với những giọt nước mắt ràn rụa, không nói nên lời, trưởng giả Upāli dập trán mình *"lộp độp"* xuống đất đến rướm máu

với sự tri ân vô hạn. Đức Phật làm lễ quy y cho ông trước sự chứng kiến và sự hoan hỷ của các hàng trưởng lão.

Tại trang viện, sớm hôm sau, trưởng giả Upāli tập họp vợ con, hầu thiếp, mọi người trong nhà, cả hằng trăm gia nhân rồi trịnh trọng tuyên bố như sau:

- Từ rày trở đi, các người ghi nhớ lời này: *"Hãy đóng cửa đối với các nam Nigaṇṭtha, các nữ Nigaṇṭtha; và hãy mở rộng cửa, tất cả các cửa chính để trân trọng nghinh đón, mời nước, dọn chỗ ngồi đối với các tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, sa-di, sa-di-ni, nam nữ cư sĩ trong giáo hội của đức Thế Tôn Sākya Gotama!"*

Các bà vợ ngạc nhiên, cất tiếng hỏi:

- Sao có việc lạ lùng đến vậy, phũ phàng đến vậy đối với giáo chủ và đồ chúng Nigaṇṭtha mà trước đây ông đã bắt chúng tôi cung phụng họ không mệt mỏi? Vậy nếu nhỡ họ đến thì phải ăn nói làm sao?

Trưởng giả Upāli cất giọng to:

- Đừng ngại gì cả! Đừng sợ gì cả! Cứ nói như thế này: *"Thưa các tôn giả, các tôn giả đừng có bước vào! Gia chủ Upāli bây giờ không còn là đệ tử của các Nigaṇṭtha nữa; ông ta đã là đệ tử của đại sa-môn Gotama rồi!"*

- Thế không cúng dường vật thực cho họ nữa hay sao?

- Có! Có! Đức Tôn Sư của ta có dạy bảo là nên cúng dường cho họ. Nhưng trong trường hợp ấy, hãy yêu cầu họ đứng bên ngoài, và các người hãy mang vật thực ra tận nơi

mà đặt bát! Hãy nhớ như vậy!

Đạo sĩ Dīghatapassa vốn là bậc trí thức, khi nghe đồn trưởng giả Upāli đã quy giáo đức Phật, ông tự nhủ rằng: *"Đúng là vậy rồi, không thể sai trật!"* rồi vội vã báo tin ấy cho giáo chủ của mình hay.

Niganṭtha Nāṭaputta không tin:

- Ngược lại mới đúng, này Tapassa! Có lẽ sa-môn Gotama quy giáo thiện nam tử Upāli của ta mà thiên hạ nghe nhầm đấy!

Dīghatapassa nói đến ba lần và cả ba lần ông giáo chủ cũng lặp lại nguyên ý cũ, lại còn bảo:

- Nếu không tin, ông hãy đến trang viên thiện nam tử Upāli của ta mà xem!

Dīghatapassa nói:

- Đi thì đi, nhưng đệ tử biết chắc như đinh đóng cột rằng là, Upāli đã vĩnh viễn từ bỏ Niganṭtha của chúng ta rồi!

- Tại sao? *Ông giáo chủ quắc mắt* - Tại sao ông lại nói lên điềm gở ấy?

- Tại sao ư? Vì đệ tử biết rõ Upāli người có trí mà sa-môn Gotama lại là bậc đại trí! Thế thôi!

Thấy Nāṭaputta gườm gườm có vẻ tức giận, Tapassa bước nhanh ra ngoài, tìm đến trang viện của Upāli. Ông bị người ta chặn ở cửa:

- Xin tôn giả chớ có bước vào!

- Tại sao?

- Gia chủ Upāli giờ đã là đệ tử của sa-môn Gotama rồi. Nếu muốn, tôn giả cứ đứng đây, chúng tôi sẽ đặt đầy vật thực.

- Ta không cần đồ ăn!

Tapassa bước lui và đi liền một mạch về kể lại sự thực cho giáo chủ Nāṭaputta.

Muốn hỏi cho ra lẽ, Nāṭaputta triệu tập rất đông đồ chúng, kéo đến trang viện của Upāli. Họ cũng bị viên gia nhân chặn ở cửa, không ngoại lệ.

Tức giận quá, Nāṭaputta quát to:

- Hãy báo cho Upāli biết, là giáo chủ Nāṭaputta đang đứng ở ngoài cửa, muốn gặp ông ta.

Khi gia nhân vâng lời đi vào trong thưa báo, giáo chủ Nāṭaputta tự nghĩ: *"Tapassa và thiên hạ nói đúng sự thật rồi. Trước đây, khi ta đến, vị gia chủ này đi đón ta xa ngoài ngưỡng cửa, đầu cúi thấp, một tay chấp lại, một tay rải hoa rải hương thơm ngào ngạt. Vào trong, nơi chỗ ngồi tối thượng, tối tôn, tối cao, tối thắng như vua chúa, ông ta còn lấy thượng y quý phái của mình mà lau chỗ ngồi cho ta nữa. Còn nay thì sao? Còn nay thì một tên gia nhân, lại dám đóng sập cửa trước mũi của ta!"*

Khá lâu sau, thấy cửa chính được mở ra; và ông quản gia tóc bạc dẫn họ vào một căn phòng lớn, sang trọng. Các chỗ ngồi đâu đó đã được soạn sẵn. Tại chỗ trân trọng nhất, có một lò trầm và một bình hoa tươi thắm đặt trên chiếc bàn

phủ nhung đỏ, ở đấy là nơi mà ông giáo chủ thường ngồi, thì nay là Upāli trong phục sức của một trưởng giả phú quý trong địa vị là một gia chủ đang đợi khách!

Upāli cất giọng cười to, đưa bàn tay ra:

- Quý hóa quá! Hân hạnh có tôn giả ghé thăm! Các chỗ ngồi đã được soạn sẵn, nếu muốn, tôn giả cứ lựa tìm chỗ ngồi ở nơi phải lẽ!

Ông giáo chủ nổi giận đùng đùng:

- Ông thật là điên cuồng, này gia chủ! Ông thật là ngu si, này gia chủ! Ông xin ta được đi luận chiến với sa-môn Gotama; nói hay, nói ho, nói đẹp, nói khéo; nói có hình tượng... nào là sẽ vặt, sẽ vần, sẽ dặc, sẽ chơi trò chơi phun nước; sẽ buộc chặt ông ta, trói ké ông ta trong màn lưới luận nghị vô phương vùng vẫy. Bây giờ thì sao nào? Ông đi với hai hòn cao hoàn[1], khi về, cả hai hòn cao hoàn đều bị sa-môn Gotama thiến trụi! Ông đi với hai con mắt, khi về, cả hai con mắt đều bị sa-môn Gotama khoét tiệt! Thật sự, ông đã bị huyễn thuật của sa-môn Gotam dụ dỗ, lôi cuốn rồi! Tự mãn cái gì? Tự đắc cái gì mà huênh hoang vênh váo thế kia?

Trưởng giả Upāli cười sảng khoái:

- Hay lắm! Tuyệt lắm! Và lại càng vi diệu hơn nữa là trò huyễn thuật của sa-môn Gotama! Nếu bà con huyết thống thân yêu của tôi mà được huyễn thuật này lôi cuốn thì an lạc và hạnh phúc cho họ xiết bao! Nếu các người sát-đế-lỵ

---

[1] Xin lỗi, ông giáo chủ đã ví dụ tục tĩu - cao hoàn là hòn dái!

mà được huyễn thuật này hấp dẫn thì an lạc và hạnh phúc cho họ vô cùng! Cũng vậy là các bà-la-môn, phệ-xá, thủ-đà-la! Cũng vậy là chư thiên, ma vương, phạm thiên, nhân loại, các sa-môn, đạo sĩ... mà được huyễn thuật của sa-môn Gotama thì thật là đại hạnh cho ba cõi! Là môn đệ của đức Tôn Sư ấy, Upāli tôi xin được cảm ơn tôn giả đã dùng từ huyễn thuật rất chính xác vậy!

Ông giáo chủ cứ *"hừm, hừm",* giận quá nên không nói được lời nào cả.

Trưởng giả Upāli thản nhiên tiếp tục:

- Cũng xin cảm ơn tôn giả đã đưa ra hai ví dụ về hai hòn cao hoàn bị thiến và hai con mắt bị khoét! Thật là hình tượng lắm, mà miệng lưỡi cũng cay chua, độc địa lắm!

Tôi cũng có hai ví dụ xin được kể hầu tôn giả đây. Có một ông phú hộ nọ mắt lé, chân thọt, cưới mụ vợ cũng mắt lé, chân thọt; khi sinh ra một cô tiểu thư cũng mắt lé, chân thọt. Thế nhưng, ông ta hãnh diện lắm, nghĩ trên trần gian này, người nào mắt lé, chân thọt đều đẹp cả; ai có được ngũ quan toàn hảo thì ông cho là xấu. Từ đó, ông nhìn cuộc đời bằng cái khuôn *"mắt lé, chân thọt"*. Và *"quan điểm mắt lé, chân thọt"* ấy là giáo pháp của tôn giả, thưa tôn giả kính mến. Cái giáo lý ấy thật là kỳ hình dị dạng nhưng tôn giả cho là toàn mỹ, tuyệt bích; ai không tu theo tôn giả thì tôn giả cho là xấu, là sai! Bao nhiêu năm qua, tôn giả đã biến tôi từ một con người bình thường, một tâm và một trí bình thường thành một con người có mắt lé và chân thọt. Tôi đã nhìn thế gian bằng đôi mắt lé, xiên xẹo, nghiêng lệch nên

không còn thấy đâu là cái chính đính, trung chính, đúng đắn, như chân như thực nữa. Còn lộ trình tu tập thì tôi bước đi bằng đôi chân thọt, lập đập, nghiêng bên này, ngả bên kia theo cái lộ trình sai lầm, ngu si, điên đảo của tôn giả. Đến với sa-môn Gotama, một giáo pháp như chân như thực, đã trả lại cho tôi một con người như chân như thực; tôi như được sống lại, tôi như được vén mở hằng triệu đêm tăm tối để thấy được ánh sáng mặt trời, thưa tôn giả kính mến! Đấy là ví dụ thứ nhất.

Tuy biết ông giáo chủ đã giận lắm rồi, nhưng hôm nay trưởng giả Upāli quyết ăn miếng trả miếng, đòi lại cái món nợ *"thiến cao hoàn và khoét mắt"* nên thủng thỉnh nói tiếp:

- Có một người thợ nhuộm thiện xảo về nghề nghiệp của mình. Ông ta là vua màu sắc và vua thợ nhuộm: Cái gì ông nhuộm cũng được cả. Trong cái xưởng của ông, không những vải vóc, áo quần mà bàn ghế, giường tủ, vật dụng gì gì ông cũng nhuộm cả, sắc màu tự ông nghĩ ra. Hôm ấy, vợ ông mua về một con khỉ để cho đứa con nhỏ của ông chơi. Ngắm nghía con khỉ, tự dưng, thích thú quá, ông mỉm cười. Sau đó, ông pha chế sắc màu và nhuộm con khỉ theo ý nghĩ của mình. Thế rồi, tay chân, mặt mũi, lưng bụng gì của con khỉ cũng bị nhuộm cả với rất nhiều sắc màu khác nhau. Thế là con khỉ nhảy múa, leo trèo gì trông cũng vui vẻ như một vũ điệu về màu sắc. Đứa trẻ con ông thích thú quá, cười sặc sụa. Nhìn đứa trẻ, thấy chẳng giống con khỉ chút nào, ông bèn nghĩ cách nhuộm đứa bé cho giống con khỉ để chúng chơi với nhau. Bà vợ bước vào, không còn nhìn ra đứa bé

con của mình nữa, bà chết giấc!

Thưa tôn giả, giáo pháp của tôn giả là ông thợ nhuộm thiện xảo ấy. Tôn giả muốn nhuộm cả thiên hạ cho giống con khỉ kia! *"Con khỉ chẳng ra con khỉ là quan điểm, là triết học, là nhân sinh quan"* của tôn giả! Tôi đến với tôn giả, tôn giả đã nhuộm tôi như nhuộm đứa bé sao cho giống con khỉ, chẳng nhìn ra con người là ở đâu nữa. May thay mà cũng phúc lành thay, tôi đến với sa-môn Gotama, và tôi đã hoàn thân lại con người với mặt mũi tay chân, tâm trí gì cũng là con người cả! Được trở lại làm người! Đấy là ví dụ thứ hai!

Nghỉ hơi một lát, trưởng giả Upāli nói:

- Để kết luận, và đây cũng là lời cuối cùng, trang viện này, từ nay, đóng cửa đối với các nam, các nữ Niganṭṭha, và tôn giả cũng không loại trừ, thưa tôn giả giáo chủ kính mến!

Nói thế là đã *"cạn tàu, ráo máng",* thế nhưng, vị giáo chủ của chúng ta còn cố vớt vát, hỏi câu cuối cùng:

- Thế gia chủ làm đệ tử sa-môn Gotama thật sao?

Trưởng giả Upāli chợt cười ha hả, đứng bật dậy, trật y vai phải, quỳ xuống, hướng đến khu rừng Pavarikāmba, nơi đức Phật đang ngự, đảnh lễ năm vóc sát đất rồi cũng ra oai bắt chước tiếng rống của *"tiểu sư vương":*

"- Khi mặt trời đã lên rồi, thì các ngọn đèn, những con đom đóm biết thắp sáng cho ai nữa? Mặt trời ấy là đại sa-môn Gotama, là bậc chân sư, là đạo sư của tôi! Thảm

thương thay là những cái lắt lay, leo lét của các ngọn đèn, của những con đom đóm mà dám so với ánh sáng mặt trời! Khi hải triều âm đã vọng lên rồi, thì còn đâu nữa tiếng vỗ của suối, của sông, tiếng reo của lá gió, của muôn phương gầm rú, của khỉ vượn cọp beo? Hải triều âm kia là chánh pháp của đại sa-môn Gotama, là chân sư, là đạo sư của tôi! Khi đỉnh Himalaya đã cất cao đầu, thiết lập vị trí thống lãnh, đầy uy lực làm vua vạn sơn thì núi lớn, núi nhỏ, những gò, những đống kia, sao không biết tự thẹn mà còn dám danh xưng thế này thế nọ? Đỉnh Himalaya kia là sự chứng ngộ của đại sa-môn Gotama, là chân sư, là đạo sư của tôi! Ôi! Vị ấy có trí sáng, có tâm vô biên, có giới đức, có tuệ đức, có định đức, bậc điều ngự, vô thượng sĩ, đại ngưu vương, đại long vương, đại sư vương, thầy ba cõi, bậc thiện thệ, đấng đại giác, đại giải thoát... Và đức Thế Tôn ấy là chân sư, là đạo sư của tôi, tôi là đệ tử Người!"

Nghe trưởng giả Upāli tán thán đức Phật hết ngôn ngữ, hết hình ảnh như thế, Nigaṇṭtha không còn chịu đựng nổi nữa, ông thổ huyết tại chỗ, các đệ tử đi theo phải dìu ông trở về.

Đạo sĩ Dīghatapassa đứng lại một lát, ông mỉm cười nhẹ rồi nói với gia chủ Upāli:

- Trưởng giả đã sáng suốt lựa chọn con đường cho mình, điều ấy là rất tốt và là việc cần làm! Nhưng trả đũa đến độ làm cho giáo chủ chúng tôi bị thổ huyết, ấy là việc hơi quá đáng, không nên làm!

- Tôi đã biết lỗi lầm của mình rồi!

Nhìn vẻ mặt có vẻ ăn năn của gia chủ Upāli, Dīghatapassa trấn an ông:

- Nhưng vì giáo chủ chúng tôi đưa ví dụ cái *"cao hoàn"* ra mà nói chuyện lại càng quá đáng hơn! Lỗi về phần ông ấy! *Ngưng một lát, thở dài, nhìn Upāli, rồi ông nói như tâm sự* - Trước sau gì tôi cũng đi theo bước chân của trưởng giả, tôi sẽ xin xuất gia trong giáo pháp của sa-môn Gotama! Sống với kẻ trí, dù có ngu dốt tới đâu, ta cũng học được một vài lợi ích! Con đường tu học, nếu lựa chọn sai lầm, sẽ khổ đau trong nhiều đời kiếp, có hối cũng không kịp nữa!

- Xin cảm ơn đạo sĩ!

- Đừng cảm ơn tôi! Tôi phải cảm ơn gia chủ đã làm cho giáo chủ chúng tôi thức tỉnh một phần nào!

Họ từ giã nhau rất thân thiện.

Ghi chú:

Hai tích truyện 18 và 19 có cùng một vị giáo chủ Niganṭtha Nāṭaputta; và nhân vật chính là tướng quân Sīha và gia chủ Upāli. Soạn giả không biết chuyện nào xảy ra trước, chuyện nào xảy ra sau!

Tuy nhiên, có lẽ truyện 18 xảy ra trước là hợp lý hơn - vì truyện 19 đã *"cạn tàu ráo máng"* với Niganṭtha rồi.

Vị Thứ Hai Mươi

Thánh Cư Sĩ Citta

(Bậc Thuyết Pháp Đệ Nhất)

Vào một dịp nọ, vì lợi ích cho tứ chúng, đức Phật nêu tên hai mươi mốt vị cư sĩ (upāsaka) ưu tú đã đạt được các đạo quả giải thoát. Người thứ tư trong danh sách này là gia chủ Citta ở Macchikāsaṇda gần thành Sāvatthi (Aṅguttaranikāya 6: 120).

Lại một dịp khác, đức Tôn Sư lại nói với chư tăng:

"- Nếu một người mẹ có tâm tín thành muốn khuyến khích đứa con trai yêu dấu duy nhất của mình sống đúng theo giáo pháp sẽ bảo với con rằng: Hãy cố gắng sống như gia chủ Citta hoặc như gia chủ Hatthaka ở Ālavi. Hai vị này, Citta và Hatthaka là mẫu mực xứng đáng cho các đệ tử cư sĩ của Như Lai". Rồi người mẹ nói tiếp: *"Nếu con quyết tâm xuất gia sống đời tu sĩ chơn chánh thì hãy cố gắng noi gương của nhị vị tôn giả Sāriputta và Mahā Moggallāna. Hai vị này là tấm gương sáng cho chư tỳ-khưu noi theo! (Suttanipāta 17: 23)".*

Đức Thế Tôn ví von như vậy, so sánh như vậy, chứng tỏ rằng hai vị cư sĩ này là ưu việt; và những đệ tử thuần thành chắc hẳn phải luôn luôn ôm ấp quyết tâm được trở thành như Citta hay Hatthaka. Còn chư vị tỳ-khưu lại ước nguyện đi theo dấu chân hai tôn giả Sāriputta và Mahā Moggallāna. Đấy là hai mẫu gương soi khác nhau giữa cư sĩ và tu sĩ.

Còn nữa, khi nêu tên và khen ngợi các đệ tử xuất sắc

nhất về thuyết pháp, đức Phật kể tên ba vị: Tỳ-khưu Puṇṇa-Mantāṇiputta, tỳ-khưu-ni Dhammadinnā và gia chủ Citta (Aṅguttaranikāya 1: 14). Không có bất kỳ vị cư sĩ nào khác ngoài Citta với biệt tài, xuất sắc về lãnh vực này được kinh điển ghi lại. Gia chủ Citta là vị thầy xuất chúng về giảng dạy giáo pháp trong hàng đệ tử tại gia mặc dù ông là một phú thương làm chủ cả một thôn làng Migapathaka, cạnh khu rừng lớn Ambātakavana ở Macchikāsaṇda. Tại đây, ông đã cho xây dựng và cúng dường một tu viện khang trang để cho nhiều vị tỳ-khưu đến trú ngụ. Tâm tín thành của Citta đối với đức Thế Tôn được kinh điển giải thích là trong một tiền kiếp, Citta đã từng là người hầu trung tín của Bồ-tát và cũng đã từng đi theo ngài để sống đời không cửa không nhà (Jātaka 488). Có trên mười một câu chuyện về tiền kiếp của vị cận sự thuần thành này, qua đó ta có thể thấy được những cá tính nổi bật của Citta.

Chuyện Liên Hệ Cư Sĩ Citta:
"Bánh Mè, Bánh Mè" Của Tỳ-khưu Sudhamma

Thuở ấy, lúc ấy, đức Phật tế độ hội chúng 1001 tỳ-khưu của tôn giả Mahā Kappina vừa xong là ngài sang thăm ni viện để giáo giới thêm hội chúng 1001 tỳ-khưu-ni của Anojā nữa.

Sau thời pháp sách tấn, khuyến tu rất cặn kẽ, đức Phật nhắc nhở ni trưởng Gotamī, chư vị tỳ-khưu-ni Khemā, Uppalavaṇṇā... phải để tâm chăm sóc học chúng nhiều hơn nữa. Những chuyện xảy ra như ở Kosambī, hai nhóm tỳ-

khưu Paṇḍuka và Lohitaka ở Jetavana, hai nhóm tỳ-khưu Assaji và Punabbasuka ở Kiṭāgiri cũng được đức Phật kể lại để mọi người thấy rõ mọi nhân, mọi duyên dễ đưa đến phân ly, tan rã như thế nào.

Đức Phật trở lại Kỳ viên, thì mấy hôm sau, hai vị Đại đệ tử cùng hội chúng từ Kiṭāgiri, nước Kāsi trở về. Cuộc họp mặt đông đủ vào buổi chiều, hai vị Đại đệ tử trình báo với đức Thế Tôn là đã xử phạt tương đối ổn thỏa hai nhóm tỳ-khưu Paṇḍuka và Lohitaka ở Jetavana cùng hai nhóm tỳ-khưu Assaji và Punabbasuka ở Kiṭāgiri Họ đã dựa vào học giới, cái gì là Pháp và Luật, cái gì là phi pháp, phi luật để giải quyết nội vụ sau khi điều tra, phỏng vấn cả chư sư và nam nữ cư sĩ trong vùng. Kết quả là mười lăm vị tỳ-khưu bị trục xuất khỏi tăng đoàn, mười vị tỳ-khưu bị phạt cấm phòng; số còn lại đa phần được châm chước, cho họ sám hối trước tăng, nguyện thay đổi, chừa bỏ.

Tôn giả Upāli thưa thêm:

- Những tội thuộc về sám hối có nặng có nhẹ nhưng cách nhau rất xa. Sau này còn có những trọng tội, ngưỡng nguyện đức Thế Tôn sẽ chế định án mức để chúng đệ tử y theo đó mà thi hành.

- Được rồi, từ từ đã.

Tôn giả Sāriputta trình báo việc khác:

- Bạch đức Thế Tôn! Có mười vị trưởng lão có giới và có trí, nguyện ở lại Kiṭāgiri, phân bố rải rác các am thất, cốc liêu trong thị trấn để ổn định sinh hoạt cho tăng cũng như

hai hàng cận sự từ lâu đã mất hẳn đức tin do nhóm tỳ-khưu ác giới, tà hạnh kia gây ra.

- Tốt lắm!

- Khi chúng đệ tử ghé thị trấn Macchikāsaṇḍa[1] có đến tu viện Ambāṭakārāma của cư sĩ Citta thành lập, ông ta rất kỉnh mộ chư tăng, tiếp đãi rất trọng hậu. Ở đấy là cả một vườn xoài tươi đẹp và mát mẻ, là nơi có thể phát triển được.

- Ừ, *đức Phật nói* - cư sĩ Citta là một vị Tu-đà-hoàn khi ông Mahānāma (nhóm ngài Aññā Koṇḍañña) giáo giới ở đấy.

- Nhưng ở đấy đã xảy ra một việc! *Rồi tôn giả kể hầu đức Phật chuyện như sau* - Từ khi trưởng lão Mahānāma đi du hóa phương khác, có tỳ-khưu Sudhammā đến ngụ cư, nhân tiện, cư sĩ Citta thỉnh mời ở lại để nhờ coi sóc công trình mới tại tu viện. Vị thánh cư sĩ đã hộ độ cho vị tỳ-khưu kia thật chu đáo. Thời gian sau, tỳ-khưu Sudhammā muốn nắm quyền tu viện, bảo với cư sĩ Citta với ý rằng: Mỗi khi gia chủ muốn thỉnh mời ai đến đây dù là một vị, hai vị, một nhóm, một hội chúng tỳ-khưu chẳng hạn thì phải hỏi qua ý kiến của ông ta.

Khi chúng đệ tử đến, nghe nói có đệ tử, có chư vị trưởng lão Mahā Moggallāna, Nandiyā, Kimbila, Anuruddha... đang ngụ nơi rừng cây, cư sĩ Citta hoan hỷ tìm tới đảnh lễ, hỏi thăm rất ân cần. Đệ tử đã thuyết một thời pháp, và may mắn thay, cư sĩ Citta đạt quả Bất lai, nên ông hỷ lạc đến

---

[1] Cũng thuộc nước Kāsi, cách Sāvatthi ba mươi dặm (144km).

ràn rụa nước mắt. Sau đó, vị cư sĩ cung kính thỉnh mời hội chúng đặt bát cúng dường vào ngày hôm sau tại tư gia. Nhân tiện, ông ta còn đến tu viện mời thỉnh tỳ-khưu Sudhammā, nhưng tác bạch cả ba lần đều bị ông ta từ chối.

Tôn giả Mahā Moggallāna kể tiếp:

- Biết tâm tánh của vị phàm tăng, cư sĩ Citta đảnh lễ tỳ-khưu Sudhammā, trở về tư gia lo bổn phận của mình. Sáng hôm sau, khi mọi thức ăn, vật uống, loại cứng, loại mềm thượng vị đã được chuẩn bị xong, chợt tỳ-khưu Sudhammā tìm đến. Vị cư sĩ vui mừng chào đón, tưởng vị tỳ-khưu đã hỷ xả bỏ qua; nhưng khuôn mặt ông ta lạnh như tiền, nói rằng: *"Không! Đừng hiểu lầm! Tôi không đến để thọ bát đâu! Tôi chỉ đến để xem thử ông bày biện vật phẩm có đầy đủ để cúng dường chư tôn túc trưởng lão không mà thôi!"* Nói thế rồi, tỳ-khưu Sudhammā đi săm soi, dòm ngó từng món, từng món. Xong, ông nói: *"Tốt lắm! Thượng vị cả, nhưng thiếu một món!"* Cư sĩ Citta ngạc nhiên, hỏi là thiếu món gì? Ông ta đáp: *"Bánh mè! Bánh mè là món ông không có!"* Vị cư sĩ mỉm cười: *"Ồ! Có quan trọng gì đâu cái món bánh mè ấy! Có cũng được, không có cũng được; các bậc Lậu tận có để ý gì chuyện ăn, chuyện uống, thiếu đủ thế nào đâu!"* Tuy nhiên, tỳ-khưu Sudhammā cứ khăng khăng là còn thiếu bánh mè! "*Ta nói là còn thiếu bánh mè, bánh mè!"*

Tôn giả Sāriputta kể tiếp:

- Vì là vị thánh Bất lai nên người cư sĩ không hận, không sân, chỉ mỉm cười nhỏ nhẹ rồi kể chuyện với ý tứ xa xôi: Thưa ngài! Trong một thời quá khứ, có đoàn thương buôn

người phương nam đi về phương đông chuyên chở hàng hóa, họ mang theo một con gà mái. Trên lộ trình, con gà mái ấy họ cho ở chung với một con quạ đực, sau nó sinh ra một con gà con. Thưa ngài! Khi con gà con ấy muốn kêu tiếng kêu của cha nó là quạ thì nó kêu *"quạ quạ, tục tục"!* Khi nào nó muốn bắt chước tiếng kêu của mẹ nó là gà thì nó kêu *"tục tục, quạ quạ"*. Cũng tương tợ như thế ấy, thưa ngài! Giáo pháp của đức Tôn Sư là vi diệu, tối thắng, bất tử, thế gian là vô khả tỷ, quý báu vô ngần. Quý hóa thay và cũng khôn ngoan, sáng suốt thay, nếu ta học hỏi, cố gắng thực hành một đôi điều thì an lạc, hạnh phúc biết bao nhiêu! Thưa ngài, ngài đến đây, được gặp mặt các bậc thánh Vô lậu, lý ra là nên tầm cầu, học hỏi, thế nhưng chuyện ấy ngài lại không làm, ngài đến đây chỉ để kêu lên *"Bánh mè! Bánh mè!"* như thế hay sao?

Ai cũng dường như mỉm nụ cười bậc thánh ở trong tâm khi nghe đến ngang đó.

Tôn giả Moggallāna tiếp lời vị sư huynh:

- Tỳ-khưu Sudhammā không phải là gốc cây, chẳng phải là cục đá, nghe vậy, nổi giận đùng đùng: *"Này gia chủ! Ngươi mắng nhiếc ta! Ngươi nói xấu ta! Ngươi cười nhạo ta, biếm nhẽ ta giống như con gà, con quạ! 'Tục tục tục, quạ quạ quạ'! Quá lắm! Thôi! Đây là trú xứ của ngươi, công đức của ngươi, ta sẽ ra đi!"* Vị nam cư sĩ vội quỳ xuống đảnh lễ, nói rằng: *"Tôi kể chuyện ấy là với ý tốt muốn thức tỉnh đại đức thôi, là đừng để tâm, hạch hỏi đến những chuyện rỗng không, phù phiếm, vô ích như thế! Hãy*

tu tập đi thôi! Hãy chú tâm vào định, vào tuệ mới là bổn phận của một thầy tỳ-khưu! Thỉnh đại đức hãy ở lại. Tôi sẽ hộ độ đầy đủ bốn món vật dụng, chỉnh sửa lại liêu cốc; và tôi còn nhờ cậy đại đức chăm lo cho tu viện cùng rừng xoài tươi đẹp này nữa". Sau ba lần quỳ xin như thế, tỳ-khưu Sudhammā vẫn một mực từ chối rồi ông ta vội thu xếp các vật dụng cần thiết để lên đường. Cư sĩ Citta thưa: *"Đại đức đi đâu?"* Tỳ-khưu Sudhammā ôm y bát đứng lên: *"Ta sẽ về Kỳ viên, đảnh lễ đức Thế Tôn, ta sẽ kể lại chuyện này. Ta sẽ kể một câu chuyện hay về một vị cư sĩ hằng tâm, hằng sản, có đức tin, có giới hạnh nhưng lại chửi mắng tỳ-khưu, hỗn láo với tỳ-khưu, gọi tỳ-khưu là 'tục tục tục, quạ quạ quạ'!"* Cư sĩ Citta nói: *"Tôi vẫn mong là đại đức hãy kể rõ toàn bộ sự thật đã xảy ra, đừng thêm, đừng bớt. Rồi đức Tôn Sư giáo giới như thế nào, cứ y như vậy mà thọ trì!"*

Tôn giả Sāriputta kết luận:

- Vậy đó, bạch Thế Tôn! Hiện tại, tỳ-khưu Sudhammā tiện đường về thăm nhà, có lẽ vài hôm nữa thì y sẽ đến đây. Khi tỳ-khưu Sudhammā đến, đức Phật *"rầy la một trận",* sau đó chư vị trưởng lão họp hội đồng để xử lý chuyện tỳ-khưu Sudhammā, theo lời giáo giới vắn tắt của đức Thế Tôn.

Xử Phạt Tỳ-khưu Sudhammā

Khi nghe hai vị Đại đệ tử trình bày xong, đức Phật nói:

- Ông tỳ-khưu này cần được quở trách, sau khi quở trách cần được nhắc nhở, sau khi nhắc nhở cần được xác định tội

án, sau khi xác định tội án, phải lập một hội đồng gồm các vị trưởng lão uy tín, giàu kinh nghiệm, đủ năng lực để làm việc đúng Pháp và Luật.

Vâng lệnh đức Phật, hội đồng trưởng lão đã được thành lập để xử phạt; và kết quả như sau:

- Có mấy điều đã được quở trách rồi nhắc nhở:

Thứ nhất, khi nghe tin chư vị trưởng lão và hội chúng đến mà không cung nghinh, đón tiếp; theo luật, phải đến đảnh lễ quý ngài và làm những phận sự của người đệ tử.

Thứ hai, chuyện mời ai, thỉnh ai là phần việc của người cư sĩ tại gia, là vị tỳ-khưu trong giáo pháp của đức Tôn Sư thì không được xen vào, lại không nên tỏ quyền hạn kiểm soát. Thái độ và cách hành xử ấy không chính đáng phẩm mạo của bậc xuất gia.

Thứ ba, là định tội án, xử phạt, bắt buộc tỳ-khưu Sudhammā phải trở lại thị trấn Macchikāsaṇḍa để xin lỗi cư sĩ Citta. Điểm thứ nhất, điểm thứ hai cho được sám hối. Riêng điểm thứ ba thì đã được tôn giả Upāli tuyên đọc trước hội đồng ba lần. Chư vị hội đồng đều im lặng, được xem như đồng thuận, án lệnh có hiệu lực ngay từ lúc đó.

Đức Phật đã khen ngợi chư vị trưởng lão đã làm việc tốt, nghiêm túc, có hiệu quả, khá nền nếp, khá bài bản, không cứng, không mềm. Luật là phải vậy.

Sau đó, tỳ-khưu Sudhammā tuân lệnh quay trở lại thị trấn Macchikāsaṇḍa để xin lỗi cư sĩ Citta. Có bốn vị trưởng

lão đi theo giám hộ sự xin lỗi này và họ cũng tình nguyện đến ở tu viện Ambāṭakārāma để tạo đức tin cho hai hàng cận sự nam nữ tại trú xứ này.

Sau câu chuyện này, mấy chữ *"bánh mè, bánh mè"* trở thành thuật ngữ đầu môi để ám chỉ vị tỳ-khưu nào hay căn vặn, hạch hỏi những chuyện vô ích, phù phiếm như tỳ-khưu Sudhammā vậy.

Cư Sĩ Citta Vấn Đạo
Gặp Vị Sư Là Bạn Cũ

Trong mười bài pháp ở Tương Ưng (Citta Saṁyutta), có ba bài Citta nêu câu hỏi lên chư tăng, ba bài chư tăng hỏi Citta và bốn bài liên quan đến các sự kiện cá nhân.

Có lần Citta thỉnh mời một nhóm chư tăng đang ngụ tại tu viện Ambāṭakārāma do ông thành lập đến nhà để cúng dường thọ trai. Sau khi xong, Citta mời trưởng lão cao hạ nhất giảng giải lời Phật dạy về *"giới sai biệt"* và sự khác nhau giữa các yếu tố. Vị trưởng lão này không trả lời được. Sau ba lần Citta thỉnh cầu, có vị tỳ-khưu mới tu, nhỏ hạ nhất, tên là Isidatta xin được phép trả lời thay.

Được vị niên trưởng chấp thuận, Isidatta – đệ tử của tôn giả Mahā Kaccayāna - đã làm sáng tỏ vấn đề dựa trên căn bản của mười tám yếu tố, mười tám giới gồm sáu căn, sáu trần và sáu thức – là nhãn giới, sắc giới và nhãn thức giới...

Trên đường về lại tu viện, vị tỳ-khưu niên trưởng khen

ngợi lời giảng giải xuất sắc của vị tỳ-khưu trẻ Isidatta; và nói thêm, lần sau trong trường hợp tương tự, Isidatta đừng ngần ngại, cứ lên tiếng trình bày giáo pháp. Trong tâm vị tỳ-khưu niên trưởng không có chút mảy may ganh tỵ, trái lại, còn vô cùng hoan hỷ trước sự hiểu biết giáo pháp thâm sâu của vị sư trẻ mới tu. Về phần Isidatta cũng không hề khởi tâm kiêu mạn. Như vậy, cả hai đều xứng đáng khen ngợi vì họ đã tuân thủ đi đúng con đường của sa-môn hạnh.

Một dịp khác, cư sĩ Citta nêu lên câu hỏi: Tà kiến về thế giới và về ngã khởi lên từ đâu? Và nhờ chư tăng giảng giải lời Phật dạy về vấn đề ấy. Vị trưởng lão lần này cũng nhờ Isidatta trả lời thay.

Tỳ-khưu trẻ Iisidatta đáp ngay:

- Thưa gia chủ, tà kiến luôn luôn có mặt từ thân kiến, do thân kiến mà phát sanh (sakkāyadiṭṭhi).

Citta hỏi tiếp:

- Vậy, nguồn gốc của thân kiến do đâu, thưa đại đức?

Chẳng chút ngần ngừ, Isidatta trả lời như nước chảy mây trôi vấn đề tưởng như khó khăn lại chợt trở nên dễ hiểu:

- Khi một phàm nhân không học hỏi, không tu tập giáo pháp một cách nghiêm túc và đúng đắn, y cho rằng ngũ uẩn là tự ngã, là tôi hay của tôi. Cứ như thế, vị ấy tiếp tục sai lầm, tiếp tục xây dựng ảo giác về tự ngã, từ những hiện tượng vô thường, phù du, trống rỗng của sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Và tại đây là thân kiến có mặt, thưa gia chủ!

Chư tăng có mặt rất hoan hỷ mà cư sĩ Citta cũng rất vui mừng trước sự giảng giải thỏa đáng và súc tích của vị tỳ-khưu trẻ uyên thâm giáo pháp.

Khi ra về, cư sĩ Citta đến bên Isidatta hỏi nhỏ:

- Đại đức quê quán ở đâu?

- Tôi từ Avantī đến, này gia chủ!

Vì không biết tên của vị tỳ-khưu trí tuệ, Citta hỏi tiếp:

- Bạch đại đức! Tại Avantī có một thiện nam tên là Isidatta, một người bạn rất thân thiết với tôi. Có phải vị ấy đã xuất gia tu học rồi chăng?

- Thưa phải, này gia chủ!

- Bạch đại đức! Hiện nay vị sư ấy đang ở đâu?

Nghe vậy, Isidatta im lặng.

Citta hỏi vị trưởng lão:

- Bạch ngài, có phải vị đại đức này là Isidatta?

- Thưa phải, này gia chủ!

Gia chủ Citta quá đỗi vui mừng, người bạn tên là Isidatta ở Avantī mà ông thường liên lạc thư từ, giải thích, luận bàn giáo pháp cùng nhau; và ông cũng thường khuyến khích vị ấy nên xuất gia. Cả hai quen thân nhau mà chưa hề biết mặt nhau. Giờ đây, Isidatta đã xuất gia, đang ở đây, ngồi trước mặt ông bằng xương bằng thịt; lại còn là một vị sư có trí tuệ xuất chúng, dễ dàng trả lời câu hỏi *"mắc mỏ"* của ông.

Sau đó, Citta tha thiết muốn hộ trì suốt đời bốn món vật dụng cho tỳ-khưu bạn mình. Nhưng, Isidatta, dù rất trân trọng thỉnh nguyện chân thành ấy, vẫn từ chối và lặng lẽ bỏ đi.

Các kinh văn chú giải không giải thích vì sao Isidatta lại bỏ đi bất ngờ như thế. Có lẽ vị tỳ-khưu này có hạnh sống mai danh ẩn tích; và giờ đây, qua cuộc hội ngộ với Citta và đàm luận giáo pháp, thân thế đã tỏ rõ, Isidatta thấy mình không nên ở đây, tại trú xứ này nữa. Isidatta tuy chưa đắc A-la-hán quả, nhưng ngài biết, sự cung kính, trọng vọng, kể cả hậu hĩ cúng dường đều là sự dính mắc, bậc trí nên viễn ly, xa lánh.

Sau khi Isidatta đạt cứu cánh tối hậu, chẳng ở đâu biết rõ hành trạng của ngài. Cái còn lại, chỉ là một kệ ngôn ngắn nói về ngũ uẩn trong trưởng lão tăng kệ:

"- Năm uẩn được rõ biết,

Mọi cội rễ chặt đứt;

Khổ diệt đã thấy rồi,

Đoạn tận mọi lậu hoặc."

Citta Vấn Đạo

Tỳ-khưu Kāmabhū

Cư sĩ Citta đã đặt ra không dưới mười câu hỏi trừu tượng liên quan đến ba hành là *thân hành, khẩu hành và ý hành và sự diệt tận của chúng?*

Những câu hỏi này cũng giống các câu hỏi mà gia chủ Visākha (một vị thánh Bất lai) hỏi người vợ cũ của mình là tỳ-khưu-ni Dhammadinnā (đã đắc quả A-la-hán mà gia chủ Visākha không biết), sau, tỳ-khưu-ni A-la-hán đã làm sáng tỏ.

Chuyện của hai vợ chồng hy hữu này rất thú vị, tôi sẽ ghi ra đây toàn bộ câu chuyện:

Tỳ-khưu-ni Dhammadinnā[1]

Liên Hệ Câu Hỏi Trên

Trong một lần đức Phật thuyết pháp ở Kỳ viên, có một cư sĩ tên là Visākha đắc quả Bất lai. Nhưng khi vị này xin xuất gia thì đức Phật Bảo:

- Chưa phải lúc, này Visākha! *Đức Phật nói* - Đúng thời, Như Lai sẽ để cho ông tròn sở nguyện. Hiện tại, ông có pháp học vững chắc, tròn đủ *tín, giới, văn, thí, tuệ* nên trong hình tướng cư sĩ, ông còn đem đến lợi ích rất nhiều cho gia đình, bà con quyến thuộc cũng như bè bạn gần xa.

Về nhà, gia chủ Visākha lặng lẽ bước lên lầu, tìm chỗ yên tĩnh tọa thiền. Đến giờ cơm chiều, phu nhân xinh đẹp là bà Dhammadinnā dịu dàng đến bên, đặt tay lên vai, âu

---

[1] Câu chuyện của vị tỳ-khưu-ni nầy được đề cập trong chú giải Trưởng Lão Ni kệ; trong chú giải Apadāna, trong chú giải Tăng Chi Bộ kinh; trong chú giải kinh Trung Bộ; chú giải kinh Pháp Cú. Và có trong Dhammadinnā Therī - Trang 1142-1143 trong quyển I - Dictionary of Palī Proper Names.

yếm nói:

- Đến giờ cơm rồi, thưa phu quân! Đợi giấc tối, giấc khuya hãy tiếp tục công phu.

Xả thiền, gia chủ Visākha nhẹ nhàng nắm tay bà đặt ra ngoài rồi ân cần nói:

- Bắt đầu từ hôm nay, ta hoàn toàn không muốn nắm bàn tay xinh đẹp của nàng nữa; xin nàng hãy thông cảm cho ta.

- Chàng ghê sợ bàn tay của thiếp sao?

- Không phải vậy! Rồi ta sẽ nói chuyện với nàng sau.

Yên lặng một lát, bà Dhammadinnā nói:

- Thôi, bây giờ đi rửa mặt, rửa tay rồi xuống dùng cơm; cả nhà đang đợi.

- Cũng không cần thiết phải ăn nữa! Ăn một bữa là đủ nuôi sống cái thân rồi.

Lại yên lặng.

- Hay thiếp đã có làm việc gì sai trái, có lỗi với chàng?

- Không, không có! *Gia chủ Visākha lắc đầu* - Nàng là người đàn bà tài sắc vẹn toàn; và còn hơn thế nữa, còn cả giới hạnh và đức độ mà người ở gái xấu tính nhất cũng kính yêu và cảm mến.

- Đừng nói lời rào đón hoa hương ngọt mật như vậy nữa - *bà Dhammadinnā giận dỗi* - hay là chàng chán thiếp rồi, chán cái thân xác núc ních đã chảy tràn những thịt và mỡ và nơi nào cũng đầy dẫy những xú uế và bất tịnh này?

Gia chủ Visākha quay nhìn bà vợ yêu quý, thổ lộ, tâm sự:

- Nàng đừng nói hơi quá như vậy, nó làm rơi mất nghĩa tình tốt đẹp bấy nay. Ta không có lỗi mà nàng cũng không có lỗi. Ta nói thật cho nàng nghe. Số là sáng nay nghe được pháp từ đức Đạo Sư, tâm trí ta đã chìm vào rất sâu với giáo pháp. Nói rõ hơn là, hiện ta đang sống, hiện ta đang thở với giáo pháp ấy. Trạng thái tinh thần của ta hiện nay chỉ khế hợp với cái gì thanh lương, cao sáng, tĩnh lặng. Ở đấy, nó không còn có chỗ cho những tình cảm vợ chồng, nhu cầu bản năng thân xác cũng như những cái gì thuộc dục lạc ngũ trần...

Bà Dhammadinnā yên tĩnh, chăm chú lắng nghe.

Gia chủ Visākha tiếp tục:

- Vậy, cái duyên tơ tóc mặn nồng của chúng ta từ nay nên gác lại. Tài sản mấy trăm triệu đồng tiền vàng, ta để lại cho nàng hầu hết, cứ tùy nghi sử dụng. Ta chỉ cần một phần năm tài sản ấy để nuôi thân và bố thí, cúng dường cho đến khi đủ duyên xuất gia mà thôi. Nàng có thể cai quản gia sản, tùy ý. Nàng có thể lấy hết mang về nhà cha mẹ, cũng tùy ý. Nàng có thể lấy một tấm chồng khác, cũng tùy ý luôn! Thú thật với nàng là nàng còn trẻ, còn đẹp; hơn thế nữa, cái nữ tính đằm thắm, dịu dàng của nàng còn lôi cuốn, hấp dẫn biết bao nhiêu bậc vương tôn, công tử trên đời này! Đừng vì tự ái vẩn vơ mà nói những lời làm trái tim của ta đau xót...

Bà Dhammadinnā chợt cất giọng ráo hoảnh:

- Chàng nói đã xong chưa?

- Xong rồi!

- Vậy cho thiếp được phát biểu chính kiến, được chăng?

- Sẵn sàng!

- Vậy thì sau khi liễu ngộ giáo pháp, sống từng hơi thở với giáo pháp, chàng cảm thấy người vợ đầu gối tay ấp của mình, gia sản mấy trăm triệu đồng tiền vàng của mình đều là vật ngoại thân, là thứ không nên dính mắc, quyến niệm; nói rõ hơn là đáng viễn ly, quăng bỏ, có phải thế chăng?

Gia chủ Visākha nhìn sâu vào mắt bà:

- Về gia sản thì đúng vậy!

Bà Dhammadinnā cất giọng cứng cỏi:

- Đáng quăng bỏ có nghĩa là cái mà chàng đã bỏ đi, đã mửa ra, thì xin nói thẳng, thiếp cũng cương quyết không nhận những vật mà chàng đã bỏ đi, không nuốt những vật mà chàng đã mửa ra!

Gia chủ Visākha sững sờ:

- Ý nàng như thế nào?

- Chàng hãy cho thiếp được xuất gia!

Trưởng giả Visākha tưởng tai mình nghe lầm:

- Nàng nói sao?

- Chàng quăng bỏ được thì thiếp cũng quăng bỏ được! Hãy cho thiếp xuất gia.

Gia chủ Visākha lặng người vì hoan hỷ! Cái hoan hỷ nó chảy rần rần như mọc ốc cả người, nghẹn ngào chưa nói

được lời nào thì bà Dhammadinnā có vẻ trầm tư, xa vắng, cất giọng chậm rãi, nhẹ nhàng như hơi gió thoảng:

- Đã lâu lắm rồi, thưa phu quân! Kể từ khi gá nghĩa, se duyên cùng chàng, thiếp sống rất hạnh phúc. Hạnh phúc vì có được người chồng tốt: tốt tướng, tốt nết, tốt bởi tâm đại lượng, tốt trong thái độ khu xử và tốt cả những ngôn lời nhã nhặn, lịch thiệp, dịu dàng. Chẳng có người đàn bà nào gặp được phúc duyên trọn hảo, tuyệt mỹ như thế. Tuy nhiên, có một cái *cảm giác,* ồ không, là một *cảm thức,* lúc nào nó cũng chờn vờn, mơ hồ như sương như khói; rằng là, đây là kiếp sống ăn gởi, ở nhờ, tạm bợ và phù du. Có cái gì đó không chắc thật, không vững bền. Dường như là phải có một thế giới khác, một cảnh giới khác, nó rất thân thuộc, lại nằm sâu đâu đó trong ký ức xa xăm! Có một tiếng gọi. Có một tiếng gọi đò từ bên kia sông vẳng lại. Có một cánh tay đưa vẫy đâu đó ở cuối con đường, bên kia dốc núi! Đã có nhiều đêm, nhiều đêm thiếp đã thao thức, thao thức một cõi về vĩnh cửu nào đó, một cõi chân thực nào đó mà thiếp không dám thổ lộ với ai, kể cả chàng, thưa phu quân!

- Đúng, rất đúng! Chính ta trước đây, đôi lúc cũng có cảm giác như vậy, cảm thức mơ hồ như vậy!

- Hay là nhiều kiếp trước đây, đâu từ xa xăm, chúng ta đã từng sống đời xuất gia phạm hạnh? Và những cảm thức kia là những nhắc nhở trở về, đừng có lang thang, phiêu dạt nữa?

- Cảm ân phu nhân! *Và chợt như mới phát hiện, gia chủ Visākha nhận xét* - Thật là kỳ lạ! Sống đã lâu với nàng, mà

cho đến hôm nay, ta mới phát giác là nàng nói hay quá. Hay ở ngôn ngữ, ý nghĩa, hay ở cung bậc, nhịp độ và hay ở cả âm thanh truyền cảm nữa! Đúng là nàng phải xuất gia mới tỏ lộ hết đạo hạnh, trí tuệ và tài năng!

Bà Dhammadinnā vui mừng nói:

- Cảm ân phu quân!

Ngay ngày hôm sau thôi, gia chủ Visākha hoan hỷ đưa vị phu nhân xinh đẹp của mình, bà Dhammadinnā đến ni viện trên cái kiệu vàng[1]. Đức vua Bimbisāra hay tin chuyện hy hữu nên đã cùng bà chánh hậu Videhi và hoàng tử Ajātasattu cùng đến dự lễ.

Đức Thế Tôn đã biết chuyện này nên đã cùng các vị trưởng lão đi sang chứng minh và cho bà thọ cụ túc giới trước khá đông đủ tăng, ni hai viện.

Gia chủ Visākha làm thí chủ buổi lễ; và sau đó, đặt bát cúng dường tăng, ni lưỡng viện suốt một tuần lễ. Cũng suốt một tuần lễ ấy, đức Phật và các vị trưởng lão thay nhau thuyết pháp, đôi ngày lấn sang cả đêm vì nhu cầu nghe pháp quá đông. Rải rác trong thời gian ấy, khá đông các công nương, các cô tiểu thư, các cô gái đủ mọi thành phần trong xã hội xin xuất gia tỳ-khưu-ni. Trong số họ, sau này, có nhiều bậc trượng ni làm nơi y chỉ vững chắc cho ni chúng!

Chuyện bà phu nhân xinh đẹp đột ngột quăng bỏ tài sản, không nuốt vật đã mửa ra, là mấy trăm triệu đồng tiền vàng

---

[1] *Chú giải Trung Bộ nói kiệu vàng này được vua hoan hỷ cúng dường.*

để xin xuất gia, trong lúc ông chồng, gia chủ Visākha, được đức Phật ngầm xác chứng đắc quả Bất lai, lại chưa được ngài cho phép đi theo giáo hội, được tăng, ni bàn tán thảo luận nơi này và nơi khác.

Hôm kia, có mặt đầy đủ tăng, ni hai viện, hai hàng cư sĩ áo trắng, cả đức vua Seniya Bimbisāra, đức Phật vén mở bức màn quá khứ có liên hệ đến vị tân tỳ-khưu-ni – rồi ngài hỏi:

- Này, tỳ-khưu Dhammadinnā! Cô có nhớ ước nguyện cũ khi quỳ bên chân đức Phật Padumuttara không?

Vị tân tỳ-khưu-ni cúi đầu, đáp lí nhí:

- Dạ, đệ tử do quá khứ che ám nên không nhớ gì, không biết gì cả, bạch đức Tôn Sư!

- Là hạnh *đệ nhất về thuyết pháp* đấy! Vậy hãy cố gắng mà nghe pháp, suy tư pháp, chiêm nghiệm pháp, kết hợp với công phu nghiêm túc hành trì, tu tập rồi đến lúc cô sẽ thỏa được ước nguyện.

- Tâu vâng, bạch đức Thế Tôn!

Sau khi từ giã đức Phật, vị tân tỳ-khưu-ni đến quỳ xin trưởng lão ni Gotamī đến một ngôi làng vắng, cạnh khu rừng Kalandaka Nivāpa để hành trì tu tập. Và chỉ non nửa tháng sau, cô ta đã chứng quả A-la-hán cùng với tứ vô ngại giải một cách khá dễ dàng do đầy đủ duyên căn từ nhiều kiếp trước.

Gia chủ Visākha hay tin Dhammadinnā đã bỏ khu rừng để trở lại ni viện, tưởng là bà vợ cũ của mình đã thối thất

con đường, về với thế tục nên ông tức khắc đến thăm viếng để hỏi cho rõ nguồn cơn.

Với cử chỉ rất là trí thức, gia chủ Visākha quỳ năm vóc đảnh lễ cô rồi ngồi một nơi phải lẽ, ông cất giọng dịu dàng:

- Thời gian vừa qua, ở một ngôi làng xa vắng, việc khất thực nuôi mạng của sư cô có dễ dàng không? Đời sống phạm hạnh có được dễ chịu và an lạc không?

Tỳ-khưu-ni Dhammadinnā biết ý tứ và sự tế nhị của câu hỏi nên mỉm cười rồi dịu dàng đáp lại:

- Này bậc thiện trí! Người tưởng rằng tôi đã thối thất, đã trở lui lại với cuộc đời thế tục hay sao?

- Thưa, không dám!

- Không những tôi không trôi theo dòng mà *tôi còn bơi ngược dòng; và thật sự đã làm được những việc cần làm trên đời này...*

Nghe câu nói ấy, trưởng giả Visākha giật mình. Với người đã chứng đắc quả vị tối hậu, họ không được phép tiết lộ sự thật ấy với ai. Nay vị tỳ-khưu-ni Dhammadinnā, vợ cũ của ông, xuất gia mới được nửa tháng, khi nói *bơi ngược dòng, đã làm được những việc cần làm,* là câu nói với ngữ nghĩa tế nhị, không phạm Pháp và Luật, lại còn nói lên ý chí an định với con đường, chứ không chứng tỏ mình đã đắc quả! Tuyệt vời lắm! *"Hiền muội"* của ta đã có được chỗ an trú vững chắc rồi.

Nghĩ thế, ông trưởng giả nói:

- Quý hóa thay, thưa sư cô! Vậy có thể nào, sư cô cho phép tôi được hỏi một vài điều về giáo pháp được không?

Tỳ-khưu-ni Dhammadinnā nghĩ thầm: Đức Thế Tôn đã tế nhị tuyên bố *"hiền huynh"* của ta đã đắc quả Bất lai. Nay ông ta muốn hỏi giáo pháp là để kiểm tra trình độ thực chứng của mình đây! Không sao! Ông ta còn những sợi dây ràng buộc, không biết ta có đủ khả năng cắt đứt giúp ông ta hay không!? Cái đó trí tuệ của mình chưa xác định được. Bèn trả lời có tính cách tùy nghi:

- Thưa được! Tùy khả năng của mình, tôi sẵn sàng xin được chia sẻ với người thiện nam!

Thế rồi, vị thánh Bất lai dồn dập, liên tục đặt những câu hỏi thâm sâu, vi tế; những câu hỏi không phải được trả lời bằng những hiểu biết suông của kiến thức, của trí năng; nó thuộc phạm trù hiện chứng, thực chứng của tâm linh trực giác. Đấy là những câu hỏi *về tự thân, về tập khởi tự thân, về thân kiến, về bát chánh đạo, về định, về hành, về diệt định, về thọ, về tùy miên, về đối duyên...*

Tỳ-khưu-ni Dhammadinnā đã trả lời rất lưu loát, trôi chảy, không ngập ngừng, chứng tỏ đấy là cái biết thực, chứ không do suy nghĩ mà có. Vị thánh Bất lai ghi nhận rõ ràng rằng, các câu hỏi về *tự thân, về tập khởi tự thân, về thân kiến,* về Bát chánh đạo đã được sư cô trả lời trong mối tương duyên, tương quan rất khít khao, rất sáng tạo ngữ nghĩa như: Tự thân là chấp thân, từ chấp thân, chấp sắc thân *(sắc)* đưa đến chấp các cảm thọ *(thọ),* chấp các tưởng tri *(tưởng),*

chấp các tâm hành *(hành),* chấp các nhận thức *(thức)*. Như thế, từ chấp tự thân đưa đến thân kiến, chấp sắc là ta, là của ta; thọ là ta, là của ta... biến thành tự thân tập khởi. Tự thân tập khởi là cách gọi khác của chấp thủ ngũ uẩn. Tự thân tập khởi đưa đến khát ái, tầm cầu hỷ lạc, hỷ tham trong cõi dục, sắc và vô sắc. Tự thân diệt đồng nghĩa là các uẩn diệt, các khổ diệt, đồng nghĩa với đoạn diệt, không tham đắm, không chấp trước, không còn dư tàn khát ái, xả ly, giải thoát... Muốn uẩn diệt, tự thân diệt phải tu tập tự thân diệt đạo, tự thân diệt đạo chính là bát chánh đạo, rồi bát chánh đạo bị thâu nhiếp ở trong giới uẩn *(ngữ, nghiệp, mạng),* định uẩn *(tấn, niệm, định)* và tuệ uẩn *(kiến, tư duy)* thật là chính xác, chưa thực hành rốt ráo thì không thể liễu tri được. Ôi! Cái mối liên hoàn ấy mà thấy biết được thì sư cô đã đi vào dòng thánh rồi, quả thật đã vững chắc đạo lộ rồi. Đến những câu hỏi về định, về hành, về diệt định... thì sư cô đã thấy biết rõ thêm một chặng nữa, bước thêm một bước nữa khi nói về các loại định, biết rõ hơi thở là thân hành, biết rõ tầm tứ là khẩu hành, biết rõ thọ tưởng là tâm hành. Và khi sư cô nói về diệt định lúc vào, lúc ra, cái gì xuất trước, cái gì xuất sau, cái gì diệt trước, cái gì diệt sau thì rõ ràng sư cô đã đi vào ra định này; vậy là sư cô đã đắc quả A-na-hàm rồi! Và nói đến các cảm thọ, tùy miên và đối duyên thì sư cô đã bước thêm một bước nữa khi ta hỏi về minh, về giải thoát, về Niết-bàn. Đến chỗ không còn ngôn ngữ nữa, đã ở ngoài mọi khái niệm thì sư cô đã trả lời:

"- Này hiền giả Visākha! Đến chỗ này là đã đi quá xa, đã vượt khỏi giới hạn! Phạm hạnh là để thể nhập Niết-bàn,

để đạt cứu cánh Niết-bàn; nếu muốn, hiền giả hãy đến chỗ Thế Tôn ở, và hỏi ý nghĩa này. Và Thế Tôn trả lời như thế nào, hiền giả hãy như vậy thọ trì!"

Và khi Visākha vô cùng hoan hỷ, tín thọ lời tỳ-khưu-ni Dhammadinnā giảng, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ vị ấy, thân bên phải hướng về phía vị ấy rồi từ biệt, đi đến chỗ Thế Tôn ở. Sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên, vị thánh đệ tử Visākha thuật lại cho ngài nghe tất cả câu chuyện đàm đạo với tỳ-khưu-ni Dhammadinnā.

Nghe xong, đức Phật tán thán:

- Này Visākha! Tỳ-khưu-ni Dhammadinnā là bậc hiền trí, là bậc đại tuệ. Với những câu hỏi như thế thì Như Lai cũng chỉ trả lời như vậy mà thôi!

Citta Trả Lời Về Kiết Sử

Vậy là đã qua ba câu Citta hỏi, bây giờ là Citta đáp.

Bài thứ nhất nằm trong kinh Tương Ưng Citta, trong đó chư tăng mời Citta chia sẻ khi họ đang bàn luận giáo pháp:

- Có sự khác biệt hay không khác biệt giữa kiết sử (sai khiến, trói buộc) và các pháp bị kiết sử?

Citta đáp:

- Dạ thưa chư trưởng lão! Theo sự hiểu biết của đệ tử thì hai pháp ấy hoàn toàn khác nhau...

Một vị hỏi:

- Có thể có ví dụ cụ thể được không, này gia chủ?

- Dạ thưa được. Ví dụ có một con bò đen và một con bò trắng được cột dính lại với nhau bởi một sợi dây hay một cái ách. Hai con bò đen, trắng kia không phải là kiết sử của nhau mà chính sợi dây hay cái ách mới chính là kiết sử, là trói buộc!

Khi chư tăng *Sādhu-lành thay* – thì gia chủ Citta tiếp tục:

- Cũng như vậy: Mắt không phải là trói buộc của các sắc, các sắc không phải là trói buộc của mắt. Nhưng chính do duyên khởi lên tham ái gì – thì tham ái ấy mới chính là kiết sử, là trói buộc. Cứ như thế là tai với thanh, mũi với hương, lưỡi với vị, thân với xúc chạm, ý với pháp... thưa chư tôn giả!

Chư vị tỳ-khưu hoan hỷ tán thán lời giải thích của Citta, và nói rằng: Gia chủ là vị tinh thông giáo pháp, có tuệ nhãn nên đã thấu suốt lời dạy thâm sâu của đức Phật.

Citta Giải Câu Kệ Phức Tạp

Bài thứ hai Citta đáp là do tỳ-khưu Kāmabhū hỏi khi vị này không hiểu ý nghĩa một bài cảm hứng kệ của đức Thế Tôn tán thán đại đức Lakumthakabhaddiya, một vị tỳ-khưu có thân tướng xấu xí, lưng khòm khó coi.

Lúc bấy giờ, đức Phật thấy Lakumthakabhaddiya đi theo sau lưng chư huynh đệ và bị nhiều vị tỏ vẻ khinh miệt nên ngài thốt lên bài kệ này:

"- Tán trắng không khiếm khuyết,

Che ở trên cỗ xe;

Với một trục quay vòng,

Hãy nhìn xem vị ấy;

Đang đến từ sau lưng,

Không phiền não, trói buộc,

Đã chặt đứt được dòng!"

Pāḷi ngữ:

"- Neḷango setapacchādo, ekāro vattatī ratho

Anīghaṁ passa āyantaṁ chinnasotaṁ abandhanaṁ."

Citta tự nghĩ: Bài kệ rất khó hiểu, nếu ai thuyết thì không nói làm gì, nhưng nếu Bổn Sư thuyết thì nó sẽ có ý nghĩa nằm ở bên sau câu chữ. Bèn hỏi:

- Thưa, kệ ngôn này có phải chính Tôn Sư thuyết không?

Khi tỳ-khưu Kāmabhū xác nhận là đúng thì Citta trả lời:

- Hãy cho đệ tử suy nghĩ một lát để tìm hiểu về ý nghĩa!

Sau đó, Citta cắt ra từng cụm từ để giải thích:

- *"Không khiếm khuyết"* (neḷango) có nghĩa là không có điều lỗi, là tròn đủ, là tròn đầy, chỉ cho giới hạnh trong sạch. *"Tán trắng*" (setapacchādo) hay lọng trắng biểu thị cho sự giải thoát! *"Cỗ xe"* (ratho) là chỉ cái thân do tứ đại tạo thành, vô thường, bị biến hoại, bị hủy diệt. Cái thân ấy

bị quay vòng (vattatī) theo trục xe (ekāro). Dù quay, dù bị quay nhưng trục xe luôn đứng yên. Cái gì làm cho nó đứng yên? Làm cho nó đứng yên chính là chánh niệm.

Vậy hãy nhìn vị ấy đang đi đến (āyantaṁ) từ sau lưng (passa); vị ấy đã thoát khỏi mọi cấu uế, phiền não (anīghaṁ). Vị ấy đã chặt đứt (chinna), đã chặn đứng được dòng nước (sotaṁ) – dòng nước biểu thị cho dòng sinh tử, dòng trầm luân, dòng khát ái cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc. Như thế, chính vị ấy – vị xấu xí, lưng khòm kia – chính là bậc giải thoát, bậc A-la-hán trong sạch đã đoạn tận tất cả các lậu hoặc và kiết sử, đã chặt đứt gốc rễ tham sân si, không còn trở lại trong biển trầm luân sinh tử này nữa! (Suttanipāta 41: 5).

Citta Giải Về Bốn Giải Thoát

Một bài pháp khác khi đại đức Godatta hỏi Citta về sự giống nhau, khác nhau giữa bốn giải thoát: Vô lượng tâm giải thoát, vô sở hữu tâm giải thoát, không tâm giải thoát và vô tướng tâm giải thoát.

Citta trả lời rằng:

- Khi chưa giải thoát thì chúng khác nhau. Vì, *"vô lượng tâm"* là nói đến bốn vô lượng tâm từ, bi, hỷ và xả. *"Vô sở hữu tâm"* là không có ngã và không có ngã sở. *"Không tâm"* là tâm không, là trống rỗng, là rỗng không. *"Vô tướng tâm"* là không tác ý, không tư tác tất cả tướng.

Nhưng khi giải thoát rồi thì bốn tâm trên là đồng nghĩa,

chỉ khác ngôn từ. Cả bốn tâm đều biểu hiện tâm giải thoát, không tham, không sân, không si, bất thối, không lay chuyển của chư vị A-la-hán.

Qua những giải đáp của Citta, chứng tỏ ông là một cư sĩ xuất chúng về biện tài, thâm sâu ngữ nghĩa về pháp học, pháp hành khiến chư tỳ-khưu tăng phải kính trọng, khâm phục...

Citta Thích Thú Nài Nỉ
Vị Sư Trẻ Trổ Thần Thông

Một ngày nọ, khi Citta tiễn chân các vị sư về lại tu viện sau khi thọ trai ở nhà mình. Do trời quá nóng bức nên chư sư tuôn chảy mồ hôi dầm dề. Có một vị tỳ-khưu nhỏ hạ nhất tên là Mahaka, chợt dừng chân, nói với vị niên trưởng:

- Bạch ngài, trời nóng quá, chắc ai cũng mong một luồng gió mát hay một cơn mưa nhẹ...

Lời nói có vẻ bâng quơ, vô thưởng vô phạt của tỳ-khưu Mahaka nhưng ngầm ẩn bên sau là vị ấy có thể dùng thần thông lực để tạo luồng gió mát hay cơn mưa nhẹ; và cách nói như thế có nghĩa là đang xin phép vị niên trưởng cho ông ta làm việc ấy!

Vị niên trưởng im lặng vì chưa hiểu chuyện gì, nghĩ chỉ là một câu nói vu vơ thôi. Nhưng theo lệ thường *"im lặng nghĩa là đồng ý"* nên Mahaka đã tạo được một cơn mưa nhẹ đủ để làm mát dịu đất trời và chư sư đồng hành được dễ chịu...

Tất cả chư sư trẻ và Citta đều rất thích thú, thán phục khả năng của vị tỳ-khưu trẻ, vì y còn rất trẻ.

Về đến tu viện, vị tỳ-khưu niên trưởng bèn giáo giới Mahaka rất ngắn gọn:

- Làm như vậy là đủ rồi, Mahaka! Cúng dường một cơn mưa nhỏ như vậy là đủ rồi, Mahaka!

Nói thế xong, có vẻ rất nhẹ nhàng mà bên sau là cả một sự nghiêm trách rồi vị trưởng lão đi về tịnh cốc.

Gia chủ Citta lần đầu tiên chứng kiến một khả năng siêu phàm như phép lạ nên thích thú quá, cứ đi theo kè kè tỳ-khưu Mahaka năn nỉ vị tỳ-khưu trổ thêm một món thần thông nữa.

Mahaka còn trẻ, cũng ham vui nên bảo Citta đặt một chiếc áo khoác và một bó cỏ khô ở ngoài hiên. Sau đó, Mahaka đi vào trong cốc, đóng cửa lại. Rồi Mahaka dùng năng lực thần thông tạo ra một luồng hơi cực nóng phun ra từ ổ khóa thiêu cháy đỏ rực đám cỏ khô nhưng không làm hư hoại chiếc áo khoác...

Vô cùng hâm mộ, thán phục... Citta bèn thỉnh cầu Mahaka tiếp tục trú ngụ ở tu viện Ambāṭakārāma để ông được dịp hộ độ bốn món vật dụng cho đến trọn đời. Tuy nhiên, cũng giống như Isidatta trước đây, Mahaka cũng bỏ đi và không bao giờ trở lại.

Có lẽ Mahaka cũng hiểu rằng, đức Phật đã ban hành pháp lệnh là chư tỳ-khưu không được phép thi triển thần

thông chỉ để cho người đời thán phục. Tuy nhiên, do ông còn trẻ nên những *"trò này",* quả thật, Mahaka cũng thấy hứng khởi, không thể cưỡng lại lời yêu cầu của Citta. Nhưng sau đó, nhớ lại điều luật nên ông đã bỏ đi, đấy là cách lựa chọn thích đáng của vị tỳ-khưu có học, có hành giáo pháp của đức Tôn Sư. Một hành động thật đẹp như Isidatta vậy.

Với Ngoại Đạo

Thành phố nơi Citta ở thường có các đạo sĩ thuộc các giáo phái khác đến viếng thăm. Một trong các vị này là giáo chủ đạo Jain, tên là Nātaputta. Gia chủ Citta cũng đón tiếp đàng hoàng và không hề coi rẻ các du sĩ ngoại đạo.

Hôm nọ, biết gia chủ Citta là một tín đồ thuần thành của đức Phật, nên giáo chủ Nātaputta hỏi Citta rằng:

- Này gia chủ! Ông *"có tin"* vào một câu tuyên bố của đức Phật, rằng là có một trạng thái thiền định (samādhi) xả bỏ hai thiền chi tầm và tứ (vitakka-vicāra) hay không?

Citta đáp:

- Tôi *"không tin"* có pháp này, thưa giáo chủ!

Giáo chủ Nātaputta rất vui mừng vì có thêm một nhân vật nổi tiếng như gia chủ Citta đứng về phe mình để chống lại quan điểm của đức Phật. Rồi ông tiếp tục giải thích:

- Tôi có niềm tin chắc thật rằng, chúng ta không thể cắt

đứt hoặc ngưng bặt dòng suy nghĩ (tầm, tứ) được. Làm việc ấy chẳng khác gì lấy đôi tay bé nhỏ của mình để ngăn chặn dòng chảy của con sông Gaṇgā!

Thật ra, Nātaputta không nắm bắt được ẩn ý của Citta khi ông trả lời: Tôi *"không tin"* có pháp này khi giáo chủ nói *"có tin"*. Cách trả lời của Citta là lưỡi móc câu vô hình vô tướng, Nātaputta không thấy nên bị dính câu.

Nên sau đó, Citta hỏi tiếp:

- Thưa giáo chủ! Theo ngài, *"niềm tin qua ngôn ngữ"* và *"thực chứng trực tiếp "* cái nào thù thắng hơn?

- Dĩ nhiên là thực chứng trực tiếp rồi!

Bây giờ, Citta mới phản công:

- Tôi không có *niềm tin qua ngôn ngữ* về tầm về tứ như ngài đã nói; nhưng tôi lại có *thực chứng trực tiếp* về tầm, về tứ ấy. Không giấu gì ngài, tôi đã thực chứng các tầng thiền định, tôi thấy rõ rằng, tầng một, tầng hai có tầm, có tứ những ba tầng sau không có tầm, không có tứ mà chỉ có hỷ, lạc và xả. Như vậy, lời tuyên bố của đức Phật là sự thật, là hoàn toàn chính xác, thưa giáo chủ.

Đến lúc này Nātaputta mới thấy rõ rằng, mặc dù Citta chỉ là cư sĩ tại gia nhưng đã đạt được sự thực chứng thâm sâu, có mức độ thấy biết trực tiếp từ thấp lên cao về các tầng thiền – còn ông ta là một đạo sư nổi tiếng nhưng công phu hành thiền chưa thành tựu được gì cả. Chưa có một kinh nghiệm trực tiếp, một thực chứng tự thân và mọi kiến

thức, hiểu biết ở nơi ông chỉ đang nằm ở mức độ lý thuyết và ngôn từ thôi! Nātaputta cảm thấy hổ thẹn, sau đó không bao giờ dám bước chân đến thành phố Macchikāsaṇda, nơi gia chủ Citta đang ở.

Với Người Bạn Đạo Sĩ Lõa Thể

Có một cuộc gặp gỡ khác với Kassapa – một đạo sĩ lõa thể - là bạn cũ lâu năm của gia đình cư sĩ Citta; vị này sau nhiều năm tu hành trở lại viếng thăm, Citta cũng đón tiếp thân tình rồi hỏi:

- Như vậy, bạn đã sống đời đạo sĩ bao nhiêu năm rồi nhỉ?

- Ba mươi năm – *Kassapa trả lời.*

- Thế trải qua chừng ấy thời gian, bạn đã chứng đạt được trạng thái an lạc siêu phàm, tuệ giác thù thắng nào hay chưa?

Kassapa trả lời:

- Không! Chẳng có chi cả. Ta chỉ hành hạnh lõa thể, cạo đầu và quét bụi chỗ ngồi thôi!

Nghe vậy, Citta rất ngạc nhiên.

Kassapa lại hỏi:

- Còn bạn, nghe bạn là đệ tử cư sĩ thuần thành của sa-môn Gotama, thế được bao lâu rồi?

- Thưa, cũng ba mươi năm!

- Vậy bạn đã chứng đạt được các trạng thái an lạc siêu

phàm hay tuệ giác thù thắng nào hay chưa?

Citta chậm rãi, từ tốn trả lời:

- Chắc chắn là có, thưa bạn! Nói thật, tôi đã thân chứng tứ thiền và còn nữa. Nếu tôi ra đi trước đức Phật, ngài sẽ xác nhận và tuyên bố trước hội chúng rằng: Citta không còn một lậu hoặc nào có thể trói buộc ông ta vào cõi dục giới này nữa.

Nghe bạn nói, Kassapa và cả chúng ta hiểu rằng Citta đã đạt đạo quả Bất lai, nói cách khác, đã cắt lìa thượng phần kiết sử thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, tham và sân – chỉ còn năm hạ phần kiết sử, là đã đắc A-na-hàm không còn trở lại cõi dục giới này nữa, sẽ hóa sanh vào Ngũ tịnh cư thiên rồi Niết-bàn luôn ở đấy.

Đáng thương cho Kassapa đã mỏi mòn, kiệt sức suốt ba mươi năm ép xác khổ hạnh mà rồi chẳng được gì cả. Ông tỏ ra vô cùng kinh ngạc khi biết một cư sĩ tại gia tu tập theo giáo pháp của đức Gotama mà cũng có thể chứng đắc ở mức độ cao thâm như thế. Kassapa bèn suy nghiệm, vậy thì một vị tỳ-khưu trong giáo hội ấy chắc hẳn mức thành tựu sẽ cao cả, cao thượng hơn nhiều.

Sau đó, Kassapa đã nhờ Citta giúp đỡ, dẫn dắt mình gia nhập đoàn thể tăng-già. Nên Citta giới thiệu bạn cũ của mình là lõa thể Kassapa đến xin xuất gia dưới sự chứng minh và hướng dẫn của các tỳ-khưu vùng Macchikāsandika. Và trải qua một thời gian, nhờ quyết tâm, cần cầu học hỏi và tu tập, tỳ-khưu Kassapa đã đắc quả A-la-hán.

Thánh cư sĩ Citta có ba người bạn là Sudhamma, Godatta và Isadatta – cả ba vị sau này đều đạt quả vị cao tột, thắng vượt hơn cả Citta.

An Nhiên Thị Tịch
Không Thèm Chuyển Luân Vương

Bây giờ là câu chuyện cuối liên hệ đến cái chết, là giây phút cuối trước sự ra đi của chính Citta, rất là ấn tượng trước cái tâm cái trí của bậc Bất lai.

Lúc bấy giờ, Citta lâm trọng bệnh, chư thiên hiện xuống thúc giục Citta hãy phát nguyện thành một đức Chuyển luân vương trong kiếp tới.

- Không! *Citta trả lời* – Cái ấy dù cao quý đối với thế gian nhưng chỉ là sinh diệt, vô thường, trầm luân sinh tử thôi! Cần phải xả bỏ, cần phải vượt qua!

Nói lên điều ấy, chứng tỏ Citta đang và đã hướng đến mục tiêu cao cả thánh thiện và an tịnh tuyệt đối hơn; đấy là Niết-bàn vô điều kiện, không ở trong quy định nhân và quả.

Tiếc là chư thiên không thấy không biết tâm và tuệ của Citta nên đã nhắc nhở vô công, vô ích và rỗi hơi như vậy.

Khi Citta nói chuyện với chư thiên, thân nhân không biết, không thấy nên tưởng ông đang bị mê sảng, nói lảm nhảm. Citta liền trấn an họ, nói là mình đang nói chuyện với mấy ông chư thiên vô hình ngốc nghếch, trình độ thấp

kém... Khi thân nhân biết sự thực, họ tha thiết muốn được ông giáo giới, truyền lại lời khuyên tốt, nhắc nhở, nhắn nhủ và có lời dạy bảo, sách tấn cuối cùng trước khi ra đi. Thế là Citta căn dặn gia quyến phải luôn luôn đặt niềm tin vào đức Phật và giáo pháp của ngài và phải kiên trì, trước sau như một hộ trì đoàn thể tăng-già phạm hạnh thật đầy đủ và rộng rãi.

Như vậy, vị cư sĩ đệ tử cao quý của đức Phật đã trao truyền lại cho thân quyến mẫu mực tu tập mà trọn cả cuộc đời ông đã thực hành viên mãn và đạt được thánh đạo quả Bất lai, giải thoát được mọi khổ đau trần thế.

Vị Thứ Hai Mươi Mốt

Thánh Cư Sĩ Hatthaka

(Bậc Nhiếp Chúng Đệ Nhất)

Chuyện Liên Hệ Đến Thái Tử Hatthaka: Đức Phật Hóa Độ Dạ-xoa Āḷavaka

Một ngày, khi cơn nắng nóng gay gắt buổi chiều đã giảm bớt, tôn giả Mahā Moggallāna đến hương phòng của đức Phật, đảnh lễ ngài rồi thưa trình một chuyện quan trọng:

- Tiểu quốc Āḷavī hiện giờ rất rối loạn, khắp nơi như sắp xảy ra một trận tang tóc, một cơn đại nạn. Tất cả đấy là do Dạ-xoa (yakkha) Āḷavaka[1] *"ăn thịt người"* gây nên; nó có nhiều thần lực, bản chất hung dữ, độc ác và lại rất kiêu căng, bạch đức Thế Tôn!

- Ừ, ông cứ nói!

- Trước đây, nó dám bảo là *"tao coi thường Tứ đại thiên vương, tao coi thường cả ông Đế Thích",* bạch Thế Tôn!

Như Lai mỉm cười:

---

[1] Dạ-xoa (Yakkha) có nhiều loại. Dạ-xoa này có phước báu như chư thiên, lại có nhiều thần lực; tuy nhiên, chúa dạ-xoa này chỉ là quân tướng của chư thiên vương mà thôi!

- Nó nói mạnh miệng như vậy thôi, chứ nó là quân tướng, thuộc hạ của thiên vương Kuvera trấn ngự bắc phương đấy.

- Đệ tử biết! Nó nói thế chứ lá gan của nó thường nằm ở bên ngoài, nghe thiên vương Kuvera ở đâu là nó trốn chạy, nó lẻn đi đằng khác!

- Ừ! Nó chạy còn nhanh hơn gió!

- Có lần, nó thò chân đạp vào đỉnh núi Himalaya đến rung rinh, chao đảo rồi cười vang vang cả gầm trời rồi ngạo mạn bảo: *"Bọn địa tiên, sơn thần, thọ thần ở đây, oai lực không bằng cái ngón chân của ta!",* bạch đức Thế Tôn!

- Ừ, Như Lai biết!

- Tính nó nóng nảy như quỷ thiên lôi; nó chẳng biết gì ân đức của cha của mẹ, chẳng biết trọng vọng, tôn kính một sa-môn, bà-la-môn nào! Đối với nó thì đạo đức, thiện pháp, tình thương gì gì, nó bảo là nó sẽ nhai tuốt luốt!

- Ừ, đúng là vậy!

- Do hôm nọ trong lúc mải cuộc săn bắn, đức vua Āḷavaka xứ Āḷavī[1] đi lạc vào lãnh địa của dạ-xoa Āḷavaka (Āḷavakayakkha), ngồi nghỉ mệt dưới cội cây đa, bên dưới tòa lâu đài, thuộc phạm vi quyền lực của nó nên nó định bắt

---

[1] Tư liệu nào cũng ghi vị này là vua (The King of Āḷavī); nếu đúng vậy thì đấy chỉ là một nước nhỏ, một tiểu chư hầu của đế quốc Kosala; nó nằm giữa nước lớn Kosala (kinh đô Sāvatthi) và nước nhỏ Kāsi (thành phố Bārāṇasi).

ăn thịt[1]. Đức vua Āḷavaka năn nỉ xin nó tha cho tội chết và ông hứa mỗi ngày sẽ đem nộp một mạng người. Các quan chức triều đình sợ hãi quá, bèn hiến kế đem dâng cho Āḷavakayakkha những kẻ tội đồ mang án tử hình, những tù binh phạm tội chung thân ngục tối. Sau khi số tù binh đã hết, các vị thị trưởng (Nagaraguttika) cho người bắt trẻ con để giúp vua dâng nộp. Cứ tình thế này là đã họa lây đến dân chúng. Nhiều bà mẹ đã ôm con trốn sang phương khác. Đệ tử muốn đến đấy trị tội nó, cảm hóa nó thì thật là lợi lạc cho bao nhiêu người, đem lại an bình cho tiểu quốc ấy!

Xin đức Tôn Sư cho phép.

- Như Lai cũng có dự định như vậy! Tuy nó ngạo mạn, ngang bướng, cứng đầu nhưng cũng thuộc loại phi nhơn hữu tình có trí thức! Tuy tội ác nó quá lớn nhưng lại có căn cơ đắc Pháp nhãn. Nó có duyên với Như Lai nhưng không có duyên với ông. Vậy, vài hôm sau, ông và Sāriputta sẽ dẫn một hội chúng chừng năm bảy trăm vị tỳ-khưu đến Āḷavī, vì mùa mưa này, chúng ta sẽ an cư ở đấy; và sẽ có rất nhiều việc để làm.

Sáng hôm sau, đức Phật lặng lẽ ôm bát xuôi nam. Do trời nắng nóng, chặng đi, chặng nghỉ, lộ trình bụi bặm, lại xa chừng ba mươi do-tuần nên hơn hai mươi hôm sau, ngài mới đặt chân đến Āḷavī, ngụ trong điện thờ Aggāḷava, cách bờ bắc sông Gaṇgā chừng mười hai do-tuần.

---

[1] Ai đi vào, bước vào xung quanh lâu đài, lãnh địa của nó, nó mới ăn thịt; ngoài phạm vi ấy thì nó không có quyền.

Đêm đầu tiên, nửa khuya, các vị trời, thọ thần xung quanh vùng đến đảnh lễ đức Phật và họ đã tường trình tất thảy mọi điều mắt thấy, tai nghe ở đây cho ngài hay, tương tự như Moggallāna đã báo vậy. Để xác chứng sự thực, nửa giấc canh ba về sáng, đức Phật sử dụng khả năng thần nhãn thuần tịnh siêu nhân, quét võng lưới khắp nơi, thấy xa thấy gần, thấy nhân thấy quả của tất thảy mọi việc còn rõ ràng, chính xác hơn cả sự tường trình của chư thiên, thọ thần nữa. Hóa ra không những tại triều đình, cả cư dân trong thành phố đều đang lo lắng, sợ hãi vì đức vua mỗi ngày phải nộp một mạng người cho dạ-xoa Āḷavaka ăn thịt theo như lời hứa. Đã đến phiên nộp trẻ con rồi. Chuyện này cần phải có biện pháp hóa giải, trấn an. Ngoài ra, sinh hoạt tăng lữ tại đấy cũng bê bối, thoái hóa cần phải được chấn chỉnh đưa vào nền nếp.

Vì muốn ẩn giấu hành tung, chưa nên cho chư tỳ-khưu ở đây biết vội, nên đức Phật lặng lẽ ôm bát đi trì bình khất thực, sau đó đi thẳng đến trú xứ của Āḷavakayakkha. Đó là một cụm cây đa tàn cao, bóng cả che phủ cả một vùng đất rộng lớn; ở tại đấy, mắt người thường không thể thấy được, nhưng nó là cả một tòa lâu đài lộng lẫy, nguy nga, tráng lệ của dạ-xoa Āḷavaka. Tại một tảng đá ven đường, độ thực xong, đức Phật ngồi thọ hưởng lạc về thiền, lạc về quả, sau đó, ngài còn biết rằng: *"Ngày mai, khi mặt trời lên, một mạng người phải được mang đến nộp cho Āḷavakayakkha ăn thịt. Đức vua xứ Āḷavī không nỡ lấy mạng sống của dân, mạng sống con cái của các vị quan chức nên đã tình nguyện*

mang chính con trai ruột[1] mới ba tuổi của mình đến, là hoàng tử Āḷavakakumāra. Cả vua, hoàng tử này đều có duyên với giáo pháp. Cả Āḷavakayakkha cũng thế! Ta phải đặt họ vào chánh pháp!" Nghĩ thế xong, đợi gần chiều tối, đức Phật mới chậm rãi bước đến cội cây đa hùng vĩ. Tại đây, nơi hiên tòa lâu đài có dạ-xoa tên là Gadrabha, nó có biết đức Phật và rất tôn kính đức Phật, nên khi thấy bóng dáng ngài, nó bước xuống đất, ân cần chào hỏi rồi lễ độ nói:

- Mặt trời sắp đi vào hang đen rồi, mà sao đức Thế Tôn còn đi đâu một thân, một mình như thế?

Đức Phật đáp:

- Ừ, Như Lai đi có việc! Do trời chiều tối rồi nên Như Lai muốn nghỉ nhờ trên tòa lâu đài một đêm có tiện chăng?

- Thưa, không tiện đâu! Āḷavakayakkha, chủ của con, đang đi dự đại hội dạ-xoa (yakkha) tại núi Himavā[2] chưa về, ổng khóa chặt cửa rồi! Con chỉ là một tên gác cửa ở ngoài hiên thôi!

- Khóa cửa hay không khóa cửa không phải là vấn đề đối với Như Lai. Chỉ cần ngươi đồng ý là được rồi!

- Thưa, con là ai mà dám đồng ý hay không đồng ý?

---

[1] Không biết tại sao mà "ông vua" xứ này cũng là tên Āḷavaka, đứa con trai được đem đi nộp mạng cho dạ-xoa cũng được ghi là hoàng tử Āḷavaka (Āḷavaka kumāra)? Mọi đứa trẻ sinh ra ở Āḷavī đều được gọi là Āḷavakā. Cho đến chư tăng ở thành phố này cũng được gọi là tên là Āḷavakā-bhikkhū; chư ni thì gọi là Āḷavikā-bhikkhunī!?

[2] Có chỗ ghi là Himavanta?

Con không được quyền làm những gì mà chủ của con chưa cho phép! Con mà tự ý làm trái ý ổng, ổng sẽ vặn cổ con, sẽ quăng con sang bên kia bờ sông Gaṇgā!

Đức Phật mỉm cười:

- Thôi được rồi! Thế này vậy! Ngươi cứ đi trình báo với Āḷavakayakkha, nói là sa-môn Gotama đang ngự ở tòa lâu đài của y, được không? Chuyện còn lại xảy ra như thế nào để Như Lai tự mình giải quyết.

- Thưa vâng! Vậy thì được! Nhưng đức Thế Tôn cũng phải cẩn thận đấy. Ổng hung dữ, độc ác lắm! Ổng kiêu căng, ngạo mạn lắm! Ổng chẳng coi trời, coi đất ra cái gì cả đâu! Chẳng nể nang ai đâu! Chuyện phải, chuyện trái, chuyện đúng, chuyện sai, chuyện tốt, chuyện xấu mà đem ra nói chuyện với ổng thì ổng sẽ *"hừm! hừm!"* với hai con mắt lồi ra như hai cục lửa đỏ rực! Ổng có thần lực kinh khiếp lắm, bạch Thế Tôn! Ổng nổi giận mà nhìn vào ai thì thân thể người ấy chợt mềm lại như bơ lỏng. Thế Tôn hãy khá cẩn trọng.

- Ừ, Như Lai luôn cẩn trọng!

- Con đi đây!

- Ừ, rồi ông sẽ vô sự, bình yên! Và tất cả mọi người, mọi việc rồi cũng sẽ được vô sự và bình yên như thế!

- Con vẫn mong vậy! Tri ân đức Thế Tôn!

Nói xong, Gadrabhayakkha bay vèo lên hướng tây bắc rồi mất dạng giữa hư không.

Đức Phật dùng khả năng siêu phàm đi vào thế giới phi nhân, tòa lâu đài lộng lẫy của dạ-xoa Āḷavaka hiện ra. Khi bàn chân đức Phật vừa bước lên, hai cánh cửa pha lê trân bửu chạm khắc tinh vi từ từ kéo nhẹ sang hai bên: Một cung điện nguy nga sang trọng của cõi trời lung linh trong tầm mắt!

Đức Phật đến ngồi trên ngôi bảo tọa làm bằng ngọc báu (ratanapallanka)[1] ánh sáng chói ngời rực rỡ như chùm dạ quang pha lê túa hắt ra xung quanh. Một lát sau, không biết từ phương xứ nào, một đoàn nữ dạ-xoa (yakkhinī)[2] lả lướt đồng xuất hiện, quỳ dưới chân đức Phật và họ muốn nghe pháp.

Chư nữ dạ-xoa này vốn là tỳ thiếp cùng bà con quyến thuộc của dạ-xoa Āḷavaka, có đức tin nơi Tam Bảo nên đức Phật chỉ giáo giới nhắc nhở một vài điểm cần yếu nhất trong việc tu tập, cuối cùng, ngài kết luận:

"- Kiếp trước, chư dạ-xoa nữ (yakkhinī) do nhờ có bố thí, trì giới, biết lễ bái cúng dường nên kiếp này thọ hưởng được phước báu tuy không bằng chư thiên thượng giới nhưng thắng xa cõi người. Trong thế giới dạ-xoa của chư vị, đa phần bị kẹt dính các trạng thái tâm khá nặng nề nên không thể tiến xa, tiến cao hơn. Đấy là nhiều nóng nảy dễ sanh hung dữ, độc ác; nhiều ganh tỵ, tật đố nên thường chia phe, chia nhóm tranh cường hiếu thắng; nhiều bỏn xẻn, keo

---

[1] Có chỗ nói là ngai vàng của Āḷavaka (Āḷavaka's throne).

[2] Từ điển "Pāḷi Proper Names" nói đây là những người đàn bà của Āḷavaka?

kiệt nên dễ sinh ích kỷ, ít có được sự chia sẻ, cảm thông! Vậy thì bắt đầu từ hôm nay, phải biết hổ thẹn tội lỗi và ghê sợ tội lỗi; hãy nhìn ngắm những tâm xấu ác ấy, hãy xa lìa chúng, giảm trừ chúng, chấm dứt chúng; đồng thời, sống hài hòa, mở rộng tấm lòng, hoan hỷ với thiện pháp thì sẽ mang lại an lạc và hạnh phúc nhiều đời cho chư vị!"

Đức Phật thuyết pháp vừa xong thì có hai dạ-xoa tên là Sātāgira và Hemavata tìm đến. Hai vị này là thánh đệ tử của đức Phật. Số là cả hai vị cũng đến dự hội nghị tại núi Himavā, nhưng khi đang bay ngang qua *"không phận"* của dạ-xoa Āḷavaka, tự dưng thần lực của họ bị đứt và bị rơi xuống đất. Hiện tượng này chỉ xảy ra khi *"bên dưới ấy"* hiện có mặt *"một vị", "một bậc", "một đấng"* nào đó mà cả đức hạnh và uy lực đều vượt trội hơn họ! Cả hai dạ-xoa đều biết rõ điều ấy, dùng thiên nhãn quan sát, họ thấy đức Phật nên bước vào nằm sấp người đảnh lễ và vấn an sức khỏe của ngài, sau đó mới tiếp tục cuộc vân hành.

Trong lúc ấy thì dạ-xoa Gadrabha đã đến núi Himavā, gặp chủ của nó là dạ-xoa Āḷavaka, trình bày lại câu chuyện đức Phật muốn nghỉ nhờ một đêm tại tòa lâu đài của y. Nghe xong, Āḷavakayakkha gầm lên một tiếng, tóc râu dựng ngược, hét và nói vang vang như sóng bủa:

- Quá đáng! Quá đáng! Sa-môn Gotama hiếp người vừa phải thôi chớ! Cung điện cửa đóng then cài, chốt khóa bao nhiêu lớp lại còn đòi vào ngủ nhờ! Coi thường ta quá! Khinh thường ta quá lắm!

Rồi quay sang thuộc hạ, y la hét một trận nữa.

Lúc ấy thì hai dạ-xoa Sātāgira và Hemavata vốn là bạn của dạ-xoa Āḷavaka cũng vừa tới nơi. Giữa hàng ngàn dạ-xoa, họ thấy Āḷavaka đang giận dữ, phùng mang trợn mắt khi mạn đức Phật và la rầy dạ-xoa Gadrabha như thế, một vị bèn cười cười đáp:

- Chốt khóa! Chốt khóa! Trăm ngàn cái chốt khóa của bạn lại có thể chốt khóa được đức Chánh Đẳng Giác hay sao? Có loạn ngôn không đó?

Āḷavakayakkha hậm hực như lửa đốt trong lòng, cứ *"hừm, hừm!"* không nói không rằng. Vị khác tiếp:

- Chốt khóa sinh tử, chốt khóa dòng trầm luân sinh tử luân hồi, đức Đạo Sư cũng đã tháo rời ra từng khoen mà quăng vất đi rồi, bạn không biết chăng?

Dạ-xoa Sātāgira *"vô tư"* thuật lại:

- Chúng tôi đi dự hội nghị, khi bay ngang qua không gian cung điện của bạn, thấy thần lực bị đứt và rơi xuống, biết là có đức Đại Giác ở đấy nên đã cùng nhau vào đảnh lễ, yết kiến ngài.

Dạ-xoa Hemavata *"vô tâm"* tiếp lời:

- Đức Đạo Sư ngự trên ngai vàng trân báu (Ratanapallanka) của bạn trông mới quang minh, xán lạn và tôn nghiêm xiết bao! Không biết tu tập bao nhiêu đời kiếp, cung điện của bạn, ngai vàng của bạn mới có được phước báu nghinh đón đức vô thượng Điều Ngự Trượng

Phu?! Còn nữa, bà con, quyến thuộc cùng cả một đoàn tỳ thiếp xinh như hoa trời của bạn cũng đã quy y đức Thế Tôn rồi đấy nhé! *"Cải ác tùng thiện"* đi!

Dạ-xoa Āḷavaka càng nghe chừng nào thì khuôn mặt càng đỏ rực, sau đó dần dần biến ra tía xanh rồi trở thành xám xanh; tức giận đã như không còn tự chủ được, hắn hét lớn:

"- Ta là Āḷavaka đây! Ta là Āḷavaka đây!"

Tiếng hét của nó thật là kinh hoàng, cả sông núi, cây đá ở một không gian rộng lớn xung quanh chợt như bị rung rinh, chao đảo; lại còn như sấm động, lan đi rất xa. Chú giải nói rằng, đấy là một trong bốn tiếng hét oai trấn thiên hạ trong truyền thống thời bấy giờ[1].

Xong, dạ-xoa Āḷavaka hóa hiện thành một thân hình to lớn, sừng sững giữa hư không, một chân đạp trên núi Manosilāvatala, một chân đặt trên núi Kelāsakūta rồi bay vèo về phương nam, chẳng cần họp hành gì nữa, trở lại tòa lâu đài của mình, với quyết tâm *"trừng trị"* sa-môn Gotama cho bằng được! Hai vị dạ-xoa bạn cũng từ bỏ hội nghị, bay theo, thoáng lát là mất dạng.

Kinh sách và chú giải kể rằng, về đến nơi, hai dạ-xoa bạn còn tìm cách cản ngăn. Cản ngăn hoài không được, dạ-xoa Sātāgira đã lớn tiếng mạt sát:

- Này Āḷavaka! Dầu ngươi giả vờ ngu không biết, giả vờ

---

[1] *Āḷavaka, trang 291-293 trong quyển I - Dictionary of Pāḷi Proper Names.*

đui không thấy, đức Thế Tôn vẫn là bậc tối thượng trong tam giới, là bậc thầy của chư thiên, phạm thiên và nhân loại. Còn ngươi chỉ là một dạ-xoa kiêu căng, ngã mạn, cứng đầu khó dạy! Thần lực *"ghê gớm, kinh khiếp"* của ngươi đã là thá gì mà muốn so đối, ra oai với đức Thế Tôn!? Hãy mở mắt mà xem một chú bê con mà dám húc bò chúa kìa!? Hãy căng mắt mà nhìn một cậu bé voi lại đòi đọ sức với voi chúa kìa! Hãy tởm lợm con chó rừng dơ dáy lại dám tranh tài với sư tử chúa oai hùng kìa!? Hãy vỗ tay mà chiêm ngưỡng một chú quạ gãy cánh lại muốn đối đầu với điểu vương Garuda kìa!?

Dạ-xoa Āḷavaka mặt vẫn lạnh như tiền.

Dạ-xoa Hemavata lại năn nỉ bạn:

- Thôi mà! Hãy nuốt giận vào lòng đi! Chưa có loại vũ khí và uy lực nào trong tam giới có khả năng đụng đến chéo y của đức Tôn Sư đâu! Đến khi hối hận cũng đã muộn rồi!

Dạ-xoa Āḷavaka cứ *"hầm hừ, hầm hừ"* không nói không rằng, ngay tức khắc, quay lưng với hai bạn, sử dụng toàn bộ thần lực, phép thuật quyết *"đập chết"* sa-môn Gotama tan thành bụi cát, dẫu cho có hy sinh luôn cả tòa lâu đài chăng nữa. Và nếu không đốn ngã được thì cũng đẩy ông ta ra khỏi bảo tọa, ra khỏi tòa lâu đài! Thế rồi, từ vũ khí này chuyển sang vũ khí khác, quả là không đụng đến chéo y của ông ta thật! Đến gần nửa đêm, sau khi đã sử dụng hết chín loại vũ khí *"ma kinh quỷ khiếp"* y hoàn toàn thất vọng. Đức Phật từ đầu chí cuối vẫn ngồi yên lặng mỉm nụ *"tiếu sanh tâm",* hào quang sáu màu lung linh diễm ảo; toàn bộ thân và tâm của ngài như tự tại bất động trước những loại vũ khí mưa

cuồng, sấm giật của dạ-xoa Āḷavaka! Năng lực siêu nhiên của ngài cứ như từng đợt, từng đợt dịu dàng, mát mẻ tỏa ra, không những bảo vệ được bản thân ngài mà còn bảo vệ cho cả cung điện của y nữa.

Dẫu thất vọng nhưng chưa tuyệt vọng, dạ-xoa Āḷavaka quyết định sử dụng vũ khí cuối cùng, dẫu cho thiên vương Kuvera có đày y xuống địa ngục cũng kệ! Chú giải bảo đây là một trong bốn loại vũ khí cực kỳ nguy hiểm và tai hại nhất trên thế gian, có tên là Dussāvudha; nó là bảo bối tùy thân và cũng là bùa hộ mạng của dạ-xoa Āḷavaka. Vũ khí này có thể so sánh với vũ khí Vajirāvudha của Đế Thích thiên chủ, vũ khí Gadāvudha của Vessavaṇa thiên vương và vũ khí Mayanāvudha của Yama thiên vương![1] Vũ khí nầy nếu tung lên bầu trời thì suốt mười hai năm chẳng có giọt mưa nào rơi xuống! Nếu quẳng xuống đất thì suốt mười hai năm chẳng có cây cối thân thảo thân mộc gì nảy mầm được. Nếu lia xuống biển thì nước sẽ sôi sùng sục cho đến khô cạn. Nếu ném vào đỉnh Tu-di thì thân núi chúa sẽ tan thành từng mảnh![2]

Lúc dạ-xoa rút vũ khí cuối cùng ra, thế giới chư thiên, phạm thiên thảy đều kinh động, nhiều vị sợ hãi tai họa sẽ rơi xuống quả đất, loài người và triệu triệu sinh loại! Có vị nghĩ: *"Trách nhiệm trực tiếp là thiên vương Kuvera phải xử lý thuộc hạ, trách nhiệm gián tiếp là Đế Thích thiên chủ*

---

[1] Cùng một sách ở trên.

[2] Đoạn văn uy lực kinh khiếp của vũ khí có tên Dussāvudha này được dịch từ Từ điển "Pāḷi Proper Names" q.1, trang 1100.

phải trừng trị kẻ điên cuồng chứ không phải chúng ta!" Có vị cười thầm: *"Hắn mà làm được gì?"* Tuy nhiên, tri kiến và đức tin chơn chánh thì mách với họ rằng: *"Chúng ta hãy cùng xem đức Thế Tôn dạy dỗ dạ-xoa Āḷavaka tép riu kia! Và rồi, chắc chắn chúng ta sẽ được nghe đức Đạo Sư thuyết pháp. Một trò hay đấy! Một duyên lành đấy!"*

Rồi chỉ thoáng chốc, chư thiên, phạm thiên đoanh vây đầy đặc cả hư không để xem dạ-xoa Āḷavaka *"biểu diễn!"* Và quả đúng như phần đông họ nghĩ, lúc vũ khí *"búa chư thiên"* với khí thế giết người lao như điên như cuồng đến đức Phật; một vùng sáng lóa như mặt trời bốc cháy tóe lên, tiếng động như sấm sét vang dội, lửa bốc cháy và khói tỏa ngùn ngụt, mù mịt chẳng còn thấy đất và trời! Một sát-na sau, một làn hào quang xán lạn vén lên; ai cũng nhìn thấy vũ khí kinh khiếp kia nó mềm dần, mảnh dần như tấm thảm, rồi nó lượn nhẹ nhàng, ngoan ngoãn đến nằm yên dưới bàn chân của đức Phật như miếng giẻ chùi chân!

Dạ-xoa Āḷavaka bây giờ trông chẳng khác nào chú bò Usabha bị bẻ gãy sừng, như rắn hổ mang bị bẻ gãy răng, chẳng còn chất độc, chẳng thể cắn mổ họa hại ai được nữa. Nó đã bị đức Thế Tôn vô hiệu hóa tất cả các loại vũ khí. Tuy nhiên, với bản tính cứng đầu, cao ngạo đã thành nề, chưa chịu thua, nó muốn dùng miệng lưỡi để tranh luận phải trái:

- Được rồi! Tôi thua ông! Tôi thua đến cháy túi! Nhưng chúng ta cũng có thể nói chuyện với nhau như những bậc thức giả được chăng, sa-môn Gotama?

Đức Phật mỉm cười:

- Được chứ! Và Như Lai biết ông cũng là một bậc thức giả!

- Cảm ơn! Không dám đâu! *Dạ-xoa Āḷavaka tuy nghe mát ruột nhưng lại cất giọng khách sáo* - Bây giờ tôi xin được hỏi: Lâu đài này là sở hữu của tôi, và tôi là chủ; sa-môn Gotama tùy tiện mở cửa vào đây khi chưa được phép của tôi, chưa được sự đồng ý của tôi; vậy, việc làm ấy của sa-môn Gotama là đúng Pháp và Luật hay không đúng Pháp và Luật?

Đức Phật gật đầu:

- Ừ, vậy là không đúng!

- Còn nữa! *Dạ-xoa Āḷavaka bắt lỗi tiếp* - Những Yakkhanī kia là bà con quyến thuộc của tôi, là những người tỳ thiếp cưng yêu của tôi, mà sa-môn Gotama đã tùy tiện tụ họp họ lại để giảng dạy về cái gọi là giáo pháp gì đó trong lúc tôi đi vắng! Việc này là sao nữa, hở bậc thức giả?

- Ừ! Những Yakkhanī này tự nguyện đến yêu cầu được nghe pháp, Như Lai không chủ động tập họp họ đâu! Tuy nhiên, việc này thì Như Lai nhìn nhận là đã thiếu sót một nửa!

Dạ-xoa Āḷavaka thấy đức Phật với thái độ quang minh đã thừa nhận lỗi một cách mau mắn, dễ dàng, trong bụng thở dài nhẹ nhõm, mười phần ác cảm đã dịu đi vài phần.

Chợt đức Phật hỏi:

- Ngươi bắt bẻ rồi! Như Lai nhận lỗi rồi! Bây giờ còn chuyện gì nữa không, Āḷavaka?

- Bây giờ thì ông hãy xéo đi! Hãy cút đi! Hãy bước ra khỏi lâu đài của tôi!

- Ừ, ngươi bảo ra thì Như Lai đi ra!

Nói xong, đức Phật bước ra khỏi cửa!

Dạ-xoa Āḷavaka tự nghĩ: *"Cái ông sa-môn Gotama này thật kỳ lạ! Ta đã gần suốt đêm thi thố hết mọi khả năng chỉ cốt đuổi ông ta ra khỏi lâu đài nhưng thảy đều vô ích! Bây giờ chỉ mới nói vài câu nhẹ nhàng phải trái, ông ta đã ngoan ngoãn nghe lời ngay! Không biết ông ta là người dễ bảo thật sự hay cốt ý giả vờ để gạt ta?"*

Nghĩ thế xong, Dạ-xoa Āḷavaka lại gọi giật:

- Này sa-môn Gotama! Hãy vào đây!

- Tốt lắm! Này Āḷavaka! Giờ ngươi bảo vào thì Như Lai sẽ đi vào đây!

Rồi đức Phật lại bước vào. Dạ-xoa Āḷavaka thấy đức Phật *"tuân lệnh"* như thế, y muốn thử thêm một lượt nữa:

- Này sa-môn Gotama! Hãy bước ra!

- Vâng! Như Lai nghe lời, bước ra đây!

Đức Phật lại bước ra. Dạ-xoa Āḷavaka lại gọi vào! Cứ thế ba lần. Dạ-xoa Āḷavaka thấy mình bảo sao thì đức Phật làm vậy, ông ta đã *"mềm như sợi bún"* thì trong bụng, mọi bực tức, hung hăng không còn nữa. Bản ngã, tự ái cứng cỏi và căng thẳng của y đã được tâm từ và tâm nhẫn của đức Phật hóa giải, làm cho nó dịu lại như tấm da đã thuộc

nhuyễn. Đức Phật biết đây là đúng thời để giáo dục nó nên khi dạ-xoa, lần thứ tư, bảo ngài bước ra, ngài đã không thuận theo, cất giọng đanh uy, nói rằng:

- Đã ba lần, ngươi bảo Như Lai đi ra, đã ba lần, ngươi bảo Như Lai đi vào! Như Lai đã nhu thuận làm theo ý ngươi và cũng để chứng tỏ là Như Lai đã nhận lỗi một cách quang minh chính đại! Bây giờ, Như Lai báo cho ngươi biết, nếu Như Lai *"không đi"* thì trên thế gian này, không ai có thể khiến cho Như Lai đi được, dẫu đấy là sức mạnh, là uy lực thượng thừa của chư thiên vương, phạm thiên vương hay ma vương, này Āḷavaka!

Ngắm nhìn đức Phật cùng phong cách, ngôn ngữ, cử chỉ của ngài, Āḷavaka cảm thấy có cái gì đó bất khuất, uy dũng, ngùn ngụt tỏa ra một sức mạnh mà gió không thể lay, bão không thể chuyển; nó biết rõ, với sức của nó thì nó cũng chẳng thể làm được cái gì! Bèn tự nghĩ: *"Ta sẽ thay đổi chiến thuật một cách rất là đúng Pháp và Luật. Số là như thế này. Có một bài kinh, nghe nói là cha mẹ ta học được từ thời đức Phật Kassapa. Thuở thanh niên, cha mẹ ta có dạy cho ta, giải thích cho ta nhưng lâu quá ta quên mất rồi! Nhưng những câu hỏi khó khăn, phức tạp ấy thì ta còn nhớ. Trước đây, ta đã từng hỏi không biết bao nhiêu là bậc, là đấng được gọi là đạo sư, là chân sư, là giáo chủ trên thế gian này, nhưng họ đều "co vòi" hoặc "bí rị" cả! Nếu không "co vòi" hoặc "bí rị" thì họ sẽ trả lời vòng quanh, trườn uốn như con lươn! Không trườn uốn như con lươn, thì nếu ta hỏi gà là họ đáp vịt, nếu ta hỏi mít thì họ đáp*

xoài! Nếu không như vậy, nếu có trả lời được vài phần, thì những đáp vấn kia cũng chưa làm cho lỗ tai ta được hoan hỷ, chưa làm cho trí óc ta bớt rối rắm! Nay ta sẽ đặt lại những câu hỏi ấy cho ông sa-môn Gotama này, và rồi ta sẽ có kế độc!"

Nghĩ thế xong, dạ-xoa Āḷavaka chợt đổi giọng điềm đạm, lịch sự rất hợp lễ:

- Thưa sa-môn Gotama! Ngài là một bậc giáo chủ, một đấng đạo sư, nghe nói là ngài rất uyên bác, rất thông tuệ; khắp nơi đồn đãi rằng, ngài đã giác ngộ, đã giải thoát tất thảy khổ đau, đã đạt quả vị đại A-la-hán rồi; vậy ngài có thể cho tôi đặt một số câu hỏi *"li ti và vụn vãnh"* liên hệ đến giáo pháp của ngài, cũng là ưu tư trăn trở ngàn đời của nhân sinh, được chăng?

- Được lắm! Tốt lắm! *Đức Phật mỉm cười, và do thấy rõ tâm địa của dạ-xoa, nên ngài tiếp* - Như Lai sẵn sàng trả lời những câu hỏi *"li ti và vụn vãnh"* ấy của nhà ngươi!

- Nó khó nuốt lắm đấy! Nhức óc lắm đấy! Tôi báo trước cho ngài hay!

- Được rồi! Không sao đâu!

- Nó có thể làm cho tâm của ngài tán loạn hoặc trái tim của ngài bị vỡ tung từng mảnh đấy!

- Được rồi! Ngươi cứ *"dọa"* tiếp đi!

- Không *"dọa"* đâu! Nó là sự thực đấy! *Dạ-xoa Āḷavaka lại "cười ruồi"* - Còn nữa, nếu ngài đáp không được hay

đáp nửa vời, tôi sẽ quăng tuốt ngài sang bên kia bờ nam sông Gaṇgā kia đấy! Ngài có dám hứa thế chăng?

- Chẳng ai có khả năng như thế với Như Lai, nhưng Như Lai cũng hứa thuận điều ấy với ngươi, được chưa?

Dạ-xoa Āḷavaka yên bụng, nó khởi sự tấn công, đặt câu hỏi thứ nhất:

- Thưa sa-môn Gotama! Câu hỏi thứ nhất này nó nằm trong một bài kệ; nội dung của bài kệ ấy có bốn câu hỏi. Nó như sau:

"Vật sở hữu quý nhất, cao thượng nhất của đời người là cái gì?

Cái gì, điều gì, pháp gì nếu thực hành sẽ đem lại an vui và hạnh phúc?

Trong tất cả cái gọi là hương, là vị - thì hương thì vị nào đem đến thỏa thích nhất?

Thực hành thế nào, sống thế nào trên cuộc đời này mới được gọi cao thượng và thù thắng nhất?"[1]

Nghe nội dung câu hỏi, đức Phật khen ngợi:

- Này Āḷavaka! Khá lắm! Câu hỏi của ngươi, trên thế gian này không ai đáp được. Đây là loại câu hỏi chỉ có đức Chánh Đẳng Giác mới trả lời được! Có phải đây là một

---

[1] *Diễn dịch từ câu kệ Pāḷi: "Kiṃsudha vittaṃ purisatta seṭṭhaṃ? Kiṃsu suciṇṇaṃ sukkhamāvahati? Kiṃsu have sādutaraṃ? Kathaṃ jīvini jīvitamāhu seṭṭhaṃ?"*

trong ba bài kệ, bài đầu bốn câu hỏi, bài hai bốn câu hỏi và bài ba năm câu hỏi mà ngươi đã cho khắc lên bảng vàng để cất giữ như một bảo vật trong cung điện này; cốt ý để khoe khoang trí tuệ, đồng thời, cũng để làm khó dễ đạo sư, chân sư thiên hạ?

Dạ-xoa Āḷavaka lạnh gáy, vì quả đúng sự thực là như vậy; quả đúng là y đã cho khắc những câu hỏi ấy lên bảng vàng, chữ đỏ và gìn giữ nó như một bảo vật truyền đời; nhưng y giả vờ nói át:

- Không cắc cớ hỏi lôi thôi! Tôi chỉ cần biết sa-môn Gotama trả lời được hay không mà thôi!

- Này Āḷavaka! *Đức Phật nói!* Câu hỏi này và câu trả lời của nó đã bị mù sương bóng khói của thời gian che khuất kể từ thời đức Phật Kassapa, nay Như Lai sẽ vén mở nó và trả lời câu kệ thứ nhất cho ngươi rõ đây:

"Vật sở hữu quý nhất, cao thượng nhất của đời người chính là đức tin chơn chánh, này Āḷavaka!

Những thiện pháp như bố thí, trì giới, tham thiền; ai tinh cần thực hành sẽ đem đến an vui và hạnh phúc cõi người, cõi trời và cả Niết-bàn, này Āḷavaka!

Trong tất cả mọi hương, mọi vị trên trần đời, không có hương, vị nào đem sự thỏa thích tối thượng bằng hương vị của pháp, hương vị của giải thoát, này Āḷavaka!

Sống hợp với trí tuệ và thực hành bát chánh đạo là cao thượng, là tối thượng và thù thắng nhất trên cuộc đời, này

Āḷavaka!"[1]

Nghe đức Phật trả lời rành rẽ đâu ra đó, như từ cái kho trí tuệ nào đó tuôn trào ra, có vẻ như không cần tìm kiếm, suy nghĩ gì, đầu óc Āḷavaka như được mở ra; trong bụng thì rất kính phục nhưng bên ngoài thì tỏ vẻ thản nhiên, gật gù nói:

- Được lắm! Cũng không tệ! Đúng sai như thế nào đó, tôi sẽ kiểm chứng sau; bây giờ là bài kệ thứ hai, cũng có bốn câu hỏi, mong bậc trí giả giải đáp cho:

"- Làm cách nào thoát khỏi dòng nước lũ?

Làm cách nào để vượt đại dương?

Làm thế nào để chế ngự khổ sầu?

Làm thế nào tự thanh lọc được trong sạch?"[2]

Đức Phật mỉm cười nói:

- Bài kệ thứ hai này cũng thuộc trình độ Chánh Đẳng Giác mới đáp được, vậy ngươi hãy nghe đây:

"- Nhờ đức tin thoát khỏi dòng nước lũ!

Nhờ không giải đãi sẽ vượt được đại dương!

---

[1] Diễn dịch từ câu kệ Pāḷi: "Saddhīdha vittaṃ purisada seṭṭha! Dhammo suciṇṇo sukhamāvahati! Saccaṃ have sādutaraṃ rasānaṃ! Paññājīvini jīvitaṃ seṭṭha!" (Đức tin là vật sở hữu cao quý nhất. Pháp được thực hành đem đến an lạc nhất. Hương vị của chân lý (pháp vị) thoả thích nhất. Sống hợp với trí tuệ là cách sống cao thượng nhất).

[2] "Kathaṃsu tarati oghaṃ? Kathaṃsu tarati aṇṇavaṃ? Kathaṃsu dukkha macceti? Kathaṃsu parisujjhati?"

Nhờ tinh tấn chế ngự được khổ sầu!

Nhờ trí tuệ sẽ thanh lọc được trong sạch!" [1]

Dạ-xoa Āḷavaka nghe xong, cảm giác như trời quang, mây tạnh, tâm trí như được khai thông; tuy nhiên, y vẫn còn muốn che giấu, chưa thổ lộ vội, chỉ kính lễ phải phép, tán thán chừng mực rồi nói rằng:

- Hay quá là hay! Sa-môn Gotama xứng đáng là bậc trí tuệ trên đời này! Bài kệ thứ hai, vậy là tôi đã thông tỏ, cho phép tôi được hỏi tiếp năm câu hỏi trong bài kệ thứ ba:

"Làm cách nào để thành tựu trí tuệ?

Làm thế nào để hoạch đắc của cải, tài sản?

Làm thế nào để được tiếng tăm lừng lẫy?

Làm thế nào để giao kết được nhiều bạn?

Làm thế nào để không sầu buồn sau khi chết từ kiếp này sang kiếp kia?"[2]

Nghe xong bài kệ này, đức Phật nói:

- Này Āḷavaka! Năm câu hỏi trong bài kệ này, Như Lai sẽ tuần tự trả lời từng câu hỏi một, giải đáp từng câu một, hãy khéo chú tâm để lắng nghe cho kỹ đây!

---

[1] *"Saddhāya tarati oghaṃ! Appamādena aṇṇavaṃ! Viriyena dukkhamacceti! Paññāya parisujjhati!"*

[2] *"Kathaṃsu labhate paññaṃ? Kathaṃsu vindate dhanaṃ? Kathaṃsu kittiṃ pappoti? Kathaṃsu mittāni ganthati? Asmā lokā paraṃ lokaṃ, kathaṃ pecca na socati?"*.

- Thưa vâng!

- Đây là câu một: *"Muốn thành tựu trí tuệ thì phải có sự tin cậy, tin tưởng vào bậc thiện trí thức, biết lắng tai nghe pháp một cách cung kính, tôn trọng; và cuối cùng là phải kiên trì, khéo léo thực hành pháp đi đến Niết-bàn."*[1]

Tiếp theo, đây là câu hai, ba và bốn:

"Biết làm công việc một cách cần mẫn, biết thích nghi trong mọi hoàn cảnh thì sẽ hoạch đắc của cải và tài sản.

Nhờ hạnh chân thật mà được danh thơm, tiếng tốt.

Không keo kiệt, bỏn xẻn, có lòng quảng đại, bao dung sẽ giao kết được nhiều bạn lành."[2]

Cuối cùng là câu năm:

"Người có đức tin, đầy đủ bốn pháp: Chân thật, giới hạnh, tinh tấn, bố thí sẽ không sầu buồn sau khi qua đời."[3]

Đức Phật thuyết xong, Āḷavaka đắc Pháp nhãn, một niềm hỷ lạc vô biên tràn ngập tâm hồn, y cúi gập đầu xuống như thân cây đổ, chưa biết nói năng gì để tri ân đức Thế Tôn thì còn nghe lời ngài văng vẳng bên tai:

---

[1] *"Saddahāno arahataṃ, dhammaṃ pattiyā, sussūtaṃ labhate, appamatto vicakkhano".*

[2] *"Patirūpakārī dhuravā, uṭṭhātā vindate dhanaṃ, saccena kithiṃ, dadaṃ mittāni ganthati".*

[3] *"Yassete caturo dhammā, saddhassa gheramesino, saccaṃ dhammo dhiti cāgo, save pecca na socati".*

- Này Āḷavaka! Ngươi hãy thử đi hỏi lại các bậc đạo sư, chân sư trên đời, với mười ba câu hỏi kia, có ai có kiến giải ở ngoài kiến giải của Như Lai không?

- Thưa, không thể có! *Āḷavaka cung kính đáp* - Với những câu trả lời rành mạch, khúc chiết, sáng tỏ như mặt trời, mặt trăng của đức Thế Tôn thì tôi còn đi tìm kiếm đèn đuốc giữa thế gian mà làm gì cho mất công! Lại nữa, mọi bí quyết để mưu cầu an lạc và hạnh phúc đời này và đời kia cho mình, tôi đã thấy ở nơi đây rồi, chẳng cần ở đâu nữa!

Nói ngang đó, Dạ-xoa Āḷavaka quỳ năm vóc sát đất, đảnh lễ đức Phật ba lần rất cung kính rồi thay đổi cách xưng hô, điềm đạm, chậm rãi nói tiếp:

- Hóa ra, đức Tôn Sư ghé *"ngôi nhà tối tăm"* của đệ tử là vì lợi lạc nhiều đời cho đệ tử! Mọi ngã mạn, kiêu căng, cứng đầu và ngu si, dốt nát của đệ tử cho đệ tử được thành tâm sám hối! Và từ rày, ngay khoảnh khắc này, cho đệ tử xin được trở về nương tựa nơi đức Phật, đức Pháp, đức Tăng; nguyện làm một cận sự nam để tu tập cho đến trọn đời!

- Lành thay! *Đức Phật nói* - Như Lai chứng thực điều ấy cho ngươi! Và ngươi thế là đã đặt được bàn chân trên giáo pháp của Như Lai rồi đó!

- Tri ân đức Đạo Sư! Tri ân vô lượng đức Đạo Sư! Kể từ nay, từ làng này sang thôn khác, từ thị trấn này sang thành phố kia, đệ tử sẽ thênh thang, tự do đi đây đi đó để tán dương ân đức của bậc Chánh Đẳng Giác và tính cách toàn diện và toàn thiện của giáo pháp vô thượng đã có mặt

ở trên đời!

Những câu hỏi của Āḷavaka cùng ý nghĩa những câu trả lời của đức Phật không chỉ làm cho dạ-xoa hung dữ đắc thánh quả mà còn rất nhiều thọ thần, sơn thần, chư thiên, phạm thiên cũng gặt hái được pháp vị bất tử!

Hoàng Tử Āḷavaka
Tức Là Thái Tử, Thánh Cư Sĩ Hatthaka

Lúc ấy, trời vừa rạng sáng, những tia nắng mặt trời đầu tiên đã tỏa ấm áp khắp khu rừng. Khi dạ-xoa đi sau lưng đức Phật vừa bước xuống đất thì một toán quân binh, triều thần và đức vua xứ Āḷavī dẫn hoàng tử Āḷavakakumāra đến *"nạp mạng"* cho dạ-xoa ăn thịt cũng vừa tới nơi. Thấy đức Phật, một sa-môn tướng hảo quang minh, đang cùng đứng dưới cội cây với dạ-xoa, mọi người ai cũng ngạc nhiên, không hiểu chuyện gì đã xảy ra.

Đích thân đức vua Āḷavaka bồng hoàng tử Āḷavaka đến trao cho dạ-xoa với nước mắt ràn rụa:

- Thưa ngài! Giữ đúng lời hứa, nhưng tôi không đành lòng nạp mạng con cháu của lương dân vô tội, hôm nay, tôi đành hy sinh con trai của tôi, như là bứt lìa trái tim của tôi. Mong ngài thọ nhận và để cho nhân dân được yên ổn!

Dạ-xoa len lén đưa mắt nhìn đức Phật, như có ý hổ thẹn trong lòng, chậm rãi bế đứa bé lên hai tay rồi y quỳ xuống bên chân Tôn Sư, nói rằng:

- Bạch Thế Tôn! Người ta đã đem cống nạp hoàng tử Āḷavakakumāra này cho đệ tử, đệ tử thọ nhận rồi; bây giờ đệ tử xin dâng lại cho đức Thế Tôn! Mong đức Thế Tôn tiếp nhận Āḷavakakumāra vì hạnh phúc, vì an vui, vì tấn hóa lâu dài cho vị hoàng tử xinh đẹp này!

Đức Phật mỉm cười, bế hoàng tử lên hai tay, ngài xoa đầu đứa bé, đọc một câu kệ phúc chúc rồi nói rằng:

- Như Lai *"không những chúc phúc cho đứa trẻ hữu phước này được an vui, trường thọ, được lợi lạc dài lâu mà cũng phúc chúc cho dạ-xoa ngươi cũng được y như thế!"*[1]

Dạ-xoa Āḷavaka quỳ lạy rồi thưa tiếp:

- Mong đức Thế Tôn cho Āḷavakakumāra nương tựa nơi đức Phật, đức Pháp, đức Tăng[2].

- Ừ, thế là Như Lai đã cho nó nương tựa rồi!

Xong, đức Phật nhẹ nhàng trao đứa bé cho đức vua Āḷavaka rồi nói rằng:

- Đại vương hãy nuôi dạy hoàng tử cho tốt, sau này nó là nơi nương nhờ của dân chúng đó!

Đức vua xứ Āḷavī mừng vui đến nhỏ lệ, không nói được một lời nào, đưa hai tay bồng hoàng tử ấu nhi mà cảm giác như mình đã chết đi, bây giờ được sống lại. Trăm sự đều

---

[1] *Phỏng dịch từ bài kệ: "Dighāyuko hotu ayaṃ kumāro, tuvañca yakkha sukhito bhavāhi, abyādhitā lokahitāya tiṭṭhatha!".*

[2] *"Ayaṃ kumāro saraṇanupeti buddhaṃ, dhammaṃ, sanghaṃ".*

nhờ vào ân đức của Phật đã cảm hóa được dạ-xoa Āḷavaka.

Đức Phật quay sang nói với mọi người:

- Dạ-xoa Āḷavaka hung dữ, ăn thịt người, bây giờ sẽ không còn hung dữ, ăn thịt người nữa, vì ông ta đã là đệ tử của Như Lai rồi, sẽ sống đời trong sạch và hiền thiện. Cả thành phố này không có lý do gì mà lo lắng, sợ hãi nữa. Nhưng có một điều mà mọi người nên giúp đỡ Āḷavaka...

Mọi người lắng nghe rất đỗi thành kính nhưng không ai hiểu là chuyện gì, thì đức Phật quay sang Āḷavaka, nói tiếp:

- Với thói quen ăn thịt thú, thịt người từ nhỏ; nay nếu Āḷavaka giữ ngũ giới, sẽ không biết ăn cái gì để sống, để tồn tại! Điều khó ấy, Āḷavaka hổ thẹn nên không dám nói. Vậy từ rày về sau, nếu có thịt *"không thấy, không nghe, không nghi",* có vật thực cơm bánh, hương hoa, quả trái gì đó, mọi người hãy cung cấp cho Āḷavaka mỗi ngày một phần ăn. Āḷavaka từ nay phải tập thay đổi thói quen, cần kiên trì và cần thời gian, mọi người hãy hết lòng giúp đỡ Āḷavaka về điều ấy. Đổi lại, với thần lực, với uy lực siêu quần bạt tụy của mình, Āḷavaka sẽ như là một bậc đại hộ pháp, bảo vệ sự an toàn cho tiểu quốc và muôn dân một cách rất đắc lực đấy!

Āḷavaka thấy đức Toàn Giác nói đúng tim đen của mình nên ông ta cúi gằm mặt xuống. Mọi người mừng vui hò hét, cười nói, âm vang *"sādhu, sādhu, lành thay,"* như chấn động cả góc trời.

Còn đứa bé duyên phúc lạ lùng ấy, được *"giao từ tay này*

qua tay khác"[1] nên tên của cậu bé được gọi là Hatthaka.

Như vậy, vị thánh cư sĩ Hatthaka đệ nhất Nhiếp Chúng mà ta nói ở trên chính là đứa trẻ này đây. Lớn lên Hatthaka là thái tử, con vua xứ Āḷavaka được đức Phật giáo giới nhiều lần, trở thành một cư sĩ thuần thiện.

Tại Gomagga trong rừng Siṃsapā gần Āḷavī, ông đã được đức Phật thuyết giảng cặn kẽ về Con Đường và sự thực hiện Con Đường, Hatthaka đắc quả Nhập lưu. Từ đấy, ngoài việc nước ông còn dành thì giờ giảng dạy cho chư đệ tử, càng ngày càng đông, đến năm trăm cư sĩ tại gia. Hatthaka được nổi tiếng nhờ khả năng nhiếp phục chúng đồ.

Một lần nọ, Hatthaka cùng hội chúng đệ tử của ông là năm trăm cư sĩ đến đảnh lễ đức Phật và nghe pháp.

Đức Phật hỏi:

- Này Hatthaka! Ông làm sao thu nhiếp được một hội chúng đông đúc như vậy?

Hatthaka thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Đệ tử thu nhiếp họ bằng bốn Nhiếp pháp mà ngài đã giảng dạy trước đây!

- Cụ thể là thế nào, này Hatthaka?

- Bạch! Khi đệ tử biết rằng: *"Người này cần phải thâu nhiếp bằng pháp bố thí"* - thời con thâu nhiếp người ấy bằng bố thí. Khi con biết rằng: *"Người này cần phải thâu*

---

[1] *Pāḷi: hatthato hatthaṃ gatattā.*

nhiếp nhờ ái ngữ", thời con thâu nhiếp người ấy với ái ngữ. Khi con biết rằng: *"Người này cần phải thâu nhiếp nhờ lợi hành",* thời con thâu nhiếp người ấy với lợi hành. Khi con biết rằng: *"Người này cần phải thâu nhiếp nhờ đồng sự",* thời con thâu nhiếp người ấy với đồng sự.

Sau khi Hatthaka ra về, Phật tán thán ông với chư tỳ-khưu rằng ông ta thành tựu được tám đức tính vi diệu: *Có lòng tin, giữ giới, có lòng xấu hổ điều xấu, có lòng sợ hãi điều ác, nghe nhiều, có bố thí, có trí tuệ, thiểu dục...* Hatthaka còn được đức Phật thuyết pháp cho nghe nhiều lần và lần cuối ông đắc quả A-na-hàm.

Nhìn chung, Hatthaka là một thánh cư sĩ rất thành công về đời sống thăng tiến đạo đức cá nhân, về gia đình cũng như xã hội. Hatthaka có đầy đủ phẩm hạnh của một bậc thánh trí, biết làm lợi mình và lợi ích cho nhiều người nhờ khéo nắm bắt và vận dụng giáo lý của bậc Đạo sư vào thực tế cuộc sống. Hatthaka hiểu rõ giáo pháp bất tử, thấy rõ lợi ích trước mắt và lâu dài của nếp sống người cư sĩ, nên khéo sắp xếp cuộc sống của mình theo đúng chánh đạo. Hatthaka cũng không muốn kéo dài chuỗi luân hồi, dù cho được tái sinh làm Chuyển luân vương chăng nữa, như cư sĩ Citta vậy.

Như gia chủ Citta, thái tử Hatthaka thường được xem như một tấm gương cho hai hàng cư sĩ nhiều đời noi theo.

Sau khi mạng chung, Hatthaka sanh lên cõi Avihā trong Ngũ tịnh cư thiên và từ đó không còn tái sinh nữa. Hatthaka có lần xuống viếng thăm đức Phật và bạch rằng ông luôn luôn bị bao vây bởi chư thiên muốn học pháp. Và rằng, ông

mạng chung trong lúc còn ba điều tiếc: *"Không bao giờ vừa đủ để được thấy Thế Tôn; không bao giờ vừa đủ để được nghe diệu pháp; không bao giờ vừa đủ để được phục vụ chúng tăng."*

Trong Phật Sử (Buddhavaṃsa), gia chủ Citta và thái tử Hatthakāḷavaka được gọi là đại cư sĩ hộ trì (Aggupaṭṭhākā) chư tăng, giáo hội của đức Phật Sākya Gotama.[1]

(CHUNG)

[1] *Xem Dictionary... Q2, trang 1315.*

TOÀN TẬP TÁC PHẨM

Minh Đức Triều Tâm Ảnh

(Tỳ-khưu Giới Đức – Mahāthero-Sīlaguṇo)

(30 đầu sách)

I- Về Thơ, Đối, Điếu:

1- Chèo Vỡ Sông Trăng (Thơ in lần 2 - Nxb Văn Học năm 2022).

2- Kinh Lời Vàng (Chuyển dịch lục bát kinh Pháp Cú in lần 2 - Nxb Hồng Đức năm 2023).

3- Đá Trắng Chiêm Bao (Thơ - Nxb Hội Nhà Văn in năm 1995).

4- Ân Đức Sinh Thành (Thơ Mùa Báo Hiếu - Nxb Văn Học năm 2023).

5- Lửa Lạnh Non Thiêng (Thơ - Nxb Thuận Hóa in năm 1997).

6- Chữ Cháy Bờ Lau (Thơ - Nxb Thuận Hóa năm 2004).

7- Giun Dế, Hư Vô & Hạt Lửa Xanh (Thơ - Nxb Văn Học năm 2008).

8- Bụi, Trăng & Lửa (Thơ nhiều thể loại, 4 tập, 1100 trang - Nxb Văn Học năm 2011).

9- Đá, Rác Và Cỏ Thơm (5 tập, 1000 bài lục bát tứ tuyệt, Nxb Văn Học năm 2013).

10- Sương Khói Đường Thi (Tập thơ luật Đường, 500 trang, Nxb Văn Học năm 2021).

II- Về Giáo pháp, Sử, Truyện, Văn học:

11- Một Cuộc Đời, Một Vầng Nhật Nguyệt (Bộ truyện Đại sử Đức Phật Sākya Gotama - 6 tập, 3000 trang - Nxb Văn Học, in lần 3 năm 2019).

12- Ngàn Xưa Hương Bối (Truyện cổ Phật giáo, Nxb Thuận Hoá, năm 1996).

13- Một Cuộc Đời, Một Ngôi Sao (Cuộc đời và hành trạng của tôn giả Sāriputta - Nxb Văn Học, 400 trang - in lần 9 năm 2022).

14- Mi-Tiên Vấn Đáp (Cố HT Giới Nghiêm soạn dịch, tỳ-khưu Giới Đức nhuận sắc và hiệu chính, Nxb Văn Học, năm 2011, in 4 lần).

15- 38 Pháp Hạnh Phúc (Cư sĩ Thông Kham biên soạn, tỳ-khưu Giới Đức nhuận sắc và hiệu chính - Nxb Tôn Giáo năm 2021).

16- Thắp Lửa Tâm Linh (Cuộc đời Cố Đại trưởng lão Hộ Tông, Sơ Tổ PGNT Việt Nam - Nxb Hồng Đức, 1000

trang, in lần 4 năm 2023).

17- Đức Phật Sākya Muni (Tóm tắt bộ Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt, Nxb Văn Học năm 2017).

18- Nhặt Lá Rừng Xưa (Gồm một số bài giảng, nghiên cứu, hỏi, đáp - Nxb Hội Nhà Văn năm 2019, 700 trang).

19- Con Gái Đức Phật (Truyện Thánh Ni Và Nữ Thánh Đệ Tử - 400 trang, Nxb Văn Học - in lần 5 năm 2023).

20- Vị Thánh Tăng Cận Đại (Cuộc đời ngài Ajhan Mun, Nxb Văn Học, 400 trang, in lần 5 năm 2022).

21- Sa Di Trưởng Lão (Hành trạng của chư vị Thánh Tăng 7 tuổi thời đức Phật, Nxb Văn Học năm 2016).

22- Chuyện Cửa Thiền (Tập truyện, nhiều nhà xuất bản, in lần 12 tại Nxb Văn Học năm 2017).

23- Phật Học Căn Bản (600 trang, in lần 3 tại Nxb Hồng Đức năm 2022).

24- Phật Giáo Nguyên Thủy Việt Nam Sử Lược (2 tập, 1600 trang, NXB Hồng Đức, in 2000 bốn năm 2021).

25- Sử Phật Giáo Ấn Độ (170 trang, Nxb Hồng Đức năm 2016).

26- Người Trồng Hoa Và Chàng Tu Sĩ (Tập truyện ngắn - Nxb Hội Nhà Văn, in lần 5 năm 2017).

27- Bức Tranh Thay Đổi Thế Giới (Tập truyện ngắn - Nxb Phương Đông, năm 2008).

28- Tiếng Hú Trên Đỉnh Cô Phong (Tiểu luận, tạp luận văn học - Nxb Văn Học năm 2012).

29- Tìm Hiểu Phật Giáo (Cư sĩ Thông Kham biên soạn, tỳ-khưu Giới Đức nhuận sắc và hiệu chính - Nxb Tôn Giáo năm 2012).

30- Dấu Chân Trên Cát (Sưu tập một số bài giảng ở Mỹ và ở Úc, 350 trang, Nxb Văn Học năm 2017).

THƯ MỤC THAM KHẢO

1- Đại Đệ Tử Phật – Bước Thầy Con Theo – Tác giả Nyanaponika Thera & Hellmuth Hecker. Hiệu đính: Bikkhu Bodhi. Hướng dẫn: Hòa Thượng Kim Triệu Khippapañño.

Soạn dịch: Ban Biên Tập Thích Ca Thiền Viện.

2- Dictionary of Pāḷi Proper Names quyển 1, 2 – from the Pāḷi Text Society.

3- Pāḷi-English Dictionnary – Edited by T.W. Rhys Davids and William Stede.

4- Các Nikāya, Việt dịch của Cố HT Minh Châu.

5- Tự điển Pāḷi Việt giản lược của Tỳ-khưu Bửu Chơn - Nāga Mahāthera.

6- Trưởng Lão Tăng kệ, Trưởng Lão Ni kệ bổn Việt dịch của Cố HT Minh Châu.

7- Thánh Nhân Ký Sự, bổn Việt dịch của tỳ-khưu Indacanda – Nguyệt Thiên.

8- Luật tạng, bổn Việt dịch của tỳ-khưu Indacanda – Nguyệt Thiên.

9- Văn Minh Ấn Độ của Will Durant, Nguyễn Hiến Lê dịch.

10- The Atthasālinī (chú giải bộ Pháp tụ). Tác giả luận sư Buddhaghosa – bản Việt ngữ: Tỳ-khưu Thiện Minh

11- Jātaka: Bổn Việt dịch của HT Minh Châu và Nguyên Tâm Trần Phương Lan.

12- Tạng Luật, tiểu phẩm (Cūlavagga) soạn dịch của tỳ-khưu Indacanda – Nguyệt Thiên (Chánh Thân).

13- Dhammapada – Kinh Lời Vàng – cùng soạn giả.

14- Đường Xưa Mây Trắng của Thiền Sư Nhất Hạnh.

15- "Đức Phật Và 45 Năm..." của tỳ-khưu Chánh Minh.

16 - Tương Ưng Kassapa (Kassapa Saṁyutta).

17- Đảo Sử (Dīpavaṃsa) của tỳ-khưu Minh Huệ.

18- Trường A-hàm - Tuệ Sỹ dịch.

19- Nguyên tác Anh ngữ: "Venerable Ānanda and outcaste maiden" của V. Weragoda Sarada Mahāthera - Chief Monk Chief Administrator - Singapore Buddhist Meditation Center.

20 - Abhidhamma – bộ Pháp Tụ Atthasālinī.

21- Tứ Thanh Tịnh Giới - Pātimokkha.

22- Kinh Hiền Ngu - Trung Bộ kinh, tập 3 của Hòa thượng Minh Châu.

23- Thanh Tịnh Đạo (Visuddhimagga), bản Việt dịch của ni sư Thích nữ Trí Hải.

24- BuddhaSasana (Bình An Sơn) website.

25- Trích dẫn một số soạn phẩm của soạn giả:

- Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt.
- Một Cuộc Đời Một Ngôi Sao.
- Sa-di Trưởng Lão.
- Con Gái Đức Phật.
- Phật Học Tinh Yếu.

...